HARUKI MURAKAMI

xứ sở diệu kỳ tàn bạo và chốn tận cùng thế giới





NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

xứ sở diệu kỳ tàn bạo và chốn tận cùng thế giới

Dịch từ bản tiếng Đức:
Hard-boiled Wonderland und das Ende der Welt
của Annelie Ortmanns.

Tham khảo bản tiếng Anh:
Hard-boiled Wonderland and the End of the World
của Alfred Birnbaum.

HARD-BOILED WONDERLAND AND THE END OF THE WORLD by
Haruki Murakami

Originally published in Japan by Shinchosha Co., Tokyo
Vietnamese translation rights arranged with Haruki Murakami through
THE SAKAI AGENCY.

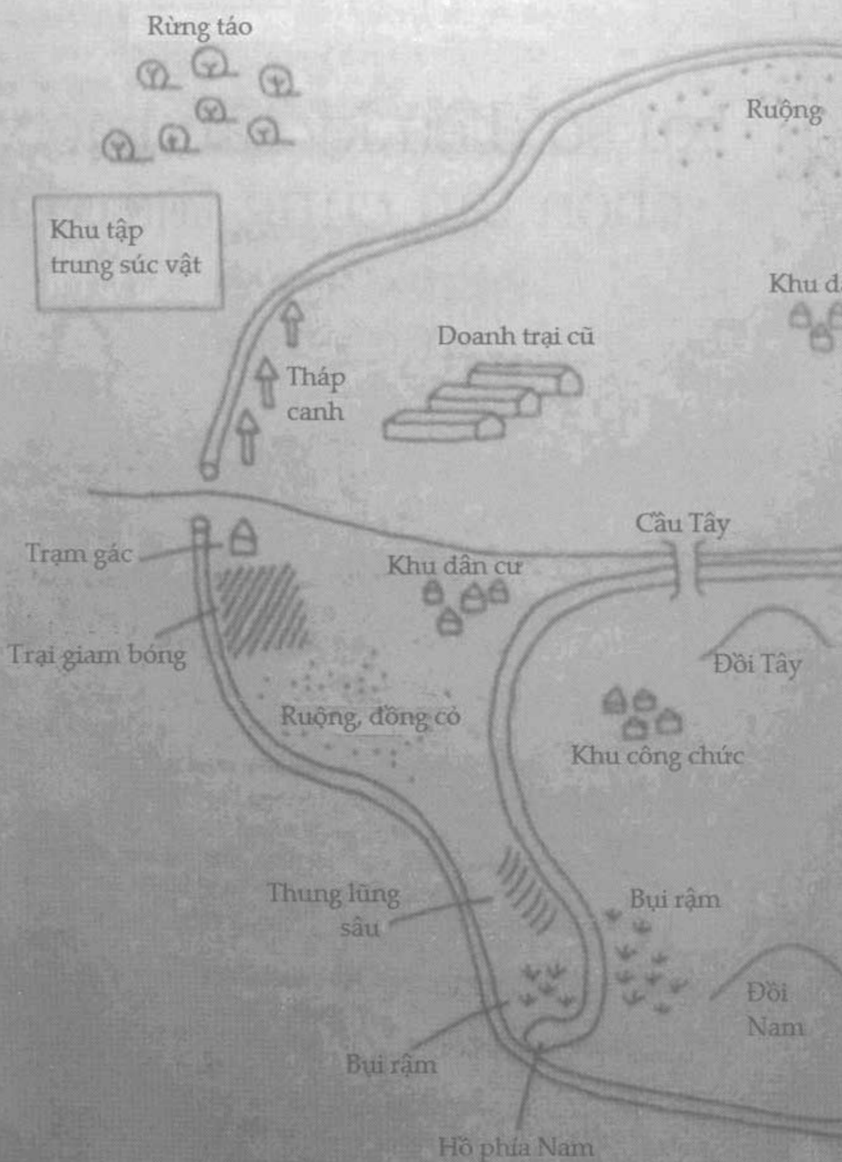
HARUKI MURAKAMI

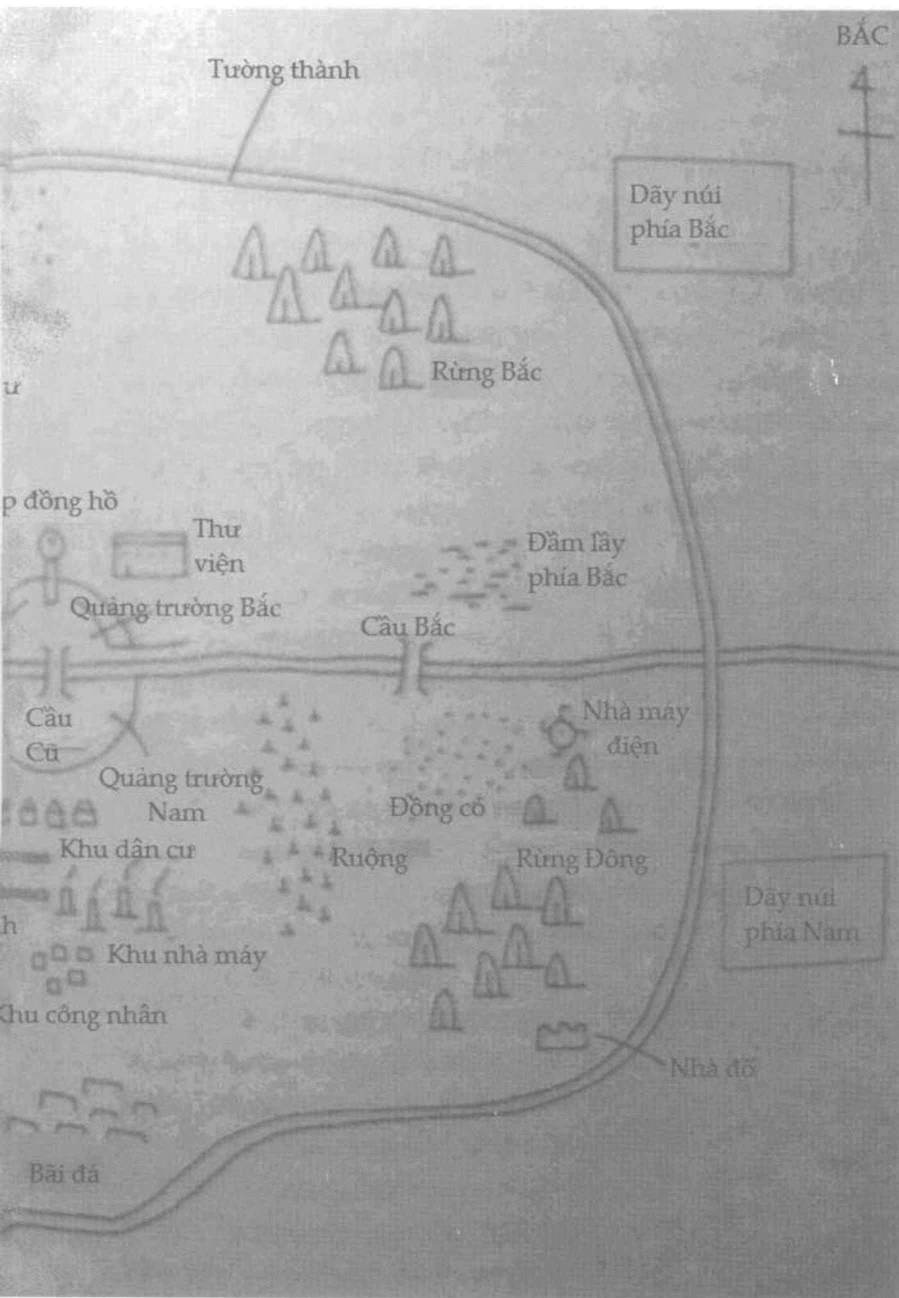
xứ sở diệu kỳ tàn bạo và chốn tận cùng thế giới

LÊ QUANG *dịch*




NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN


Chốn Tận Cùng cùng thế giới
Rừng táo
Ruộng
Khu tập trung súc vật
Doanh trại cũ
Tháp canh
Cầu Tây
Trạm gác
Khu dân cư
Trại giam bóng
Đồi Tây
Ruộng, đồng cỏ
Khu công chức
Thung lũng sâu
Bụi rậm
Đồi Nam
Bụi rậm
Hồ phía Nam


BẮC
Tường thành
Dãy núi phía Bắc
Rừng Bắc
đồng hồ
Thư viện
Quảng trường Bắc
Đầm lầy phía Bắc
Cầu Bắc
Cầu Cũ
Quảng trường Nam
Nhà máy điện
Đồng cỏ
Khu dân cư
Ruộng
Rừng Đông
Dãy núi phía Nam
Khu nhà máy
hu công nhân
Nhà đỡ
Bãi đá

1

Thang máy, Im Lìm, Mũm Mĩm

Thang máy đi lên với tốc độ chậm kinh khủng. Tôi đoán là nó đang chuyển động lên phía trên. Nhưng mà đi đâu tôi cũng không biết chắc. Nó đi chậm đến mức tôi mất cả cảm giác về phương hướng. Có thể nó đi xuống cũng nên, hoặc có khi nó chẳng nhúc nhích chút nào. Suy từ tình trạng trước đó, tôi quyết định cho là nó đi lên đi. Chỉ là tôi đoán vậy thôi. Chẳng có cơ sở nào cả. Biết đâu nó đã lên mười hai tầng rồi tụt xuống ba tầng hay kịp làm một vòng quanh thế giới. Tôi không rõ nữa.

Cái thang máy này khác xa so với thang máy trong tòa nhà tôi đang ở, một cái máy nâng rẻ tiền với bộ dây ròng rọc cải tiến đơn sơ. Sự khác biệt lớn đến nỗi khó có ai dám tin rằng chúng là hai cỗ máy được chế ra cho cùng mục đích, có cùng một cơ chế vận hành và mang cùng một tên gọi. Hai cái thang máy khác nhau tới mức tối đa mà người ta có thể tưởng tượng được.

Trước tiên là về kích thước. Cái thang máy mà tôi đang đứng trong đó lớn bằng một văn phòng xinh xinh. Nếu đặt vào đây một cái bàn giấy, két sắt và tủ tài liệu rồi kê thêm một ngăn bếp nữa thì vẫn còn khối chỗ. Tất nhiên có thêm ba con lạc đà và một cây cọ cỡ trung nữa cũng vừa. Thứ hai là sạch. Thang máy sạch như một chiếc quan tài mới đóng. Vách và trần làm bằng thép không gỉ, nhẵn lì và sáng loáng, sàn trải thảm màu xanh rêu dày dặn. Thứ ba: im ắng đến rợn người. Sau khi tôi vào trong, hai cánh cửa trượt khép lại không một tiếng động - theo đúng nghĩa đen của từ: không hề gây một âm thanh nào, và sau đó không thể nghe thấy chút gì khác nữa, khiến tôi không thể nói là thang máy giờ đây đang đứng im hay chuyển động. Sông sâu thì nước không réo.

Thêm vào đó là thiếu hẳn một phần lớn bảng điều khiển, cái thứ mà người ta vẫn cho rằng nhất định phải là trang bị cơ bản của thang máy. Trước tiên không thấy cái bảng với những nút bấm và công tắc. Không có nút bấm đề số tầng và nút đóng cửa, cả nút báo động cũng thiếu nốt. Đúng ra là thiếu tất. Tôi bối rối vô cùng. Và không chỉ thiếu các công tắc: các ô đèn báo số tầng, bảng hướng dẫn sử dụng và ghi số người cho phép, cả tấm biển hiệu của nhà sản xuất cũng chẳng thấy. Cũng lạ là không biết ô cửa thoát hiểm ở đâu. Một chiếc quan tài chính cống, không nghi ngờ gì nữa. Không bao giờ thanh tra xây dựng lại cấp phép cho một cái thang máy như thế này. Thang máy thì phải có những đặc tính của thang máy chứ.

Trong khi săm soi bốn bức vách inox không một chỗ bám, tôi chợt nhớ đến những tiết mục đặc sắc của Houdini[1] mà hồi nhỏ hay thấy trên ti vi. Ông sai người trói mình nhiều vòng xích và chão rồi cho vào một va li to, lại còn chằng mấy vòng xích nặng xung quanh rồi đẩy xuống thác Niagara hay chôn xuống băng tuyết Bắc Cực. Sau khi hít một hơi thật sâu, tôi lạnh lùng so sánh tình cảnh của mình với Houdini. Lợi thế của tôi là không bị trói, nhưng dở một nỗi là tôi không biết mẹo trốn thoát.

Không, nói cho đúng thì tôi không chỉ không biết tự thoát thân: thậm chí tôi còn không biết thang máy đang chuyển động hay dừng. Tôi hắng giọng. Tiếng đằng hắng nghe có vẻ rất lạ - không giống như tiếng thông thường. Mà chỉ là một tiếng bộp đùng đục đáng ngờ, như tiếng động tạo ra khi ném một nắm bùn nhão vào tường bê tông vậy. Tiếng tôi đằng hắng đó sao? Tôi hắng giọng lần nữa cho chắc, nhưng kết quả vẫn thế. Tôi chán nản bỏ cuộc.

Tôi cứ thế đứng im một hồi khá lâu. Mãi vẫn chẳng thấy cửa mở. Thang máy và tôi lặng tờ như bức tĩnh vật mang tên "Người đàn ông trong thang máy". Dần dần tôi bắt đầu thấy lo.

Có thể phần cơ bị hỏng, có thể người điều khiển thang máy - dĩ nhiên, nếu ở đâu đó có ai đó làm nhiệm vụ này thật - đơn giản quên béng đi mất là tôi đang ở trong cái hòm này.

1. Harry Houdini (1874 - 1926): ảo thuật gia nổi tiếng người Mỹ gốc Hungary. Ông nổi tiếng với những tiết mục tự thoát hiểm căng thẳng đến nghẹt thở.

Đôi khi cũng từng xảy ra chuyện ai đó quên mất có tôi trên cõi đời. Nhưng gì thì gì, rốt cuộc tôi vẫn đang bị nhốt trong cái xà lim inox này. Tôi cố lắng nghe, nhưng tai tôi không thể nhận ra động tĩnh nào. Tôi ép chặt tai vào vách kim loại nhưng cũng chẳng hơn gì. Chỉ đọng lại vết tai áp vào trăng trắng. Có cảm giác như thang máy này là một hòm kim loại đặc chủng được chế tạo để cách âm. Tôi thử huýt một điệu nhạc của Danny Boy, nhưng âm thanh thoát ra nghe như tiếng thở dài của một con chó mắc chứng viêm phổi.

Tôi bỏ cuộc, dựa lưng vào tường và giết thời gian bằng cách đếm tiền xu trong túi quần. Thực ra, đối với những người làm nghề như tôi thì đây là một bài tập khá quan trọng, giống như võ sĩ quyền Anh chuyên nghiệp bóp bóng cao su vậy. Nghĩa là không phải giết thời gian theo đúng nghĩa. Lặp đi lặp lại mãi một việc có tác dụng cân bằng xu hướng bấp bênh.

Lúc nào tôi cũng để ý cất một lượng tiền xu kha khá trong túi quần. Tôi đút những đồng 100 và 500 yên vào túi phải, 50 và 10 yên vào túi trái, còn những đồng 1 và 5 yên thì cất ở túi sau nhưng tuyệt đối không sử dụng khi đếm. Tôi thọc tay vào túi quần, tính số tiền gồm những đồng 100 và 500 yên bằng tay phải, đồng thời tay trái đếm chỗ 50 và 10 yên.

Ai chưa từng tính tiền kiểu này thì thật khó có thể tưởng tượng được, nhưng ban đầu quả thật đây là một việc khá phức tạp. Bán cầu não phải và trái phải làm hai con tính hoàn toàn khác nhau, không khác gì chắp những mảnh vụn

của một quả dưa hấu vỡ lại. Không tập thì khó mà làm được.

Liệu nửa phải và nửa trái của não bộ có thực sự hoạt động riêng rẽ, tôi cũng không rõ nữa. Các nhà thần kinh học có lẽ sẽ dùng thuật ngữ khác hẳn. Nhưng tôi không phải nhà thần kinh học, và ấn tượng thường nhật của tôi là bán cầu não bên phải và bên trái của mình thực sự độc lập với nhau khi làm tính. Cảm giác mệt mỏi sau khi đếm kiểu này cũng dường như có bản chất khác hẳn với sự mệt mỏi sau khi tính toán theo kiểu bình thường.

Tôi tự cho mình là một người có cách tiếp thu các hiện tượng, sự kiện và đồ vật trên thế giới này khá thực dụng. Không phải vì tôi là dạng người thực dụng - mặc dù, thú thực là tất nhiên tính cách đó cũng đóng vai trò nhất định - mà bởi vì trong nhiều trường hợp người ta phát hiện ra bản chất sự việc qua cách tiếp cận thực dụng tốt hơn là dựa vào cách giải trình chính thống.

Thử nghĩ xem, trong cuộc sống thường nhật sẽ có hại gì không nếu ví dụ ta không coi trái đất là một quả cầu, mà là một mặt bàn cà phê khổng lồ? Dĩ nhiên đây là một ví dụ tương đối cực đoan, và không phải mọi thứ trên đời này đều có thể nghĩ ngược kiểu đơn giản như vậy. Cho dù sự thật là, nếu trái đất là một cái bàn cà phê khổng lồ theo kiểu thực dụng thì có thể thản nhiên quên luôn một mớ vấn đề lãng xẹt do cách hiểu quả đất hình cầu đem lại - lực trọng trường chẳng hạn, hay đường đổi ngày quốc tế, xích đạo và mấy thứ không có ích gì lắm. Một người bình thường liệu có mấy lần trong đời dính dáng đến xích đạo cơ chứ?

Do vậy tôi cố gắng hiểu mọi chuyện một cách thực dụng như có thể. Quan điểm của tôi là thế giới được cấu thành bởi hàng nghìn, nếu không muốn nói là vô số khả năng. Và đến một chừng mực nào đó thì chuyện lựa chọn là tùy vào những cá thể cấu tạo nên thế giới này. Thế giới là do các khả năng ngưng tụ lại thành một cái bàn cà phê.

Đồng thời - ta hãy quay lại điểm xuất phát - dùng tay trái và tay phải làm hai con tính hoàn toàn khác nhau là một việc thực sự không đơn giản. Tôi cũng đã mất khá nhiều thời gian để đạt tới mức thành thạo. Một khi đã làm được rồi, hay nói cách khác, một khi đã mò ra được mẹo thì khả năng này sẽ không dễ gì mất đi. Đại loại như khi đã biết đi xe đạp hay biết bơi. Song không có nghĩa là không cần tập luyện. Chỉ có miệt mài tập luyện mới đạt được tiến bộ và phong độ xuất chúng. Vì vậy tôi luôn chú ý giữ tiền xu trong túi quần, cứ rỗi rãi là tôi làm tính.

Trong túi quần tôi có ba đồng 500 và mười tám đồng 100 yên, ngoài ra còn năm đồng 50 và mười sáu đồng 10 yên. Tổng cộng là 3.810 yên. Con tính dễ như chơi. Dễ hơn cả đếm các ngón trên bàn tay. Tôi hài lòng dựa lưng lên bức vách inox và nhìn chằm chằm vào cánh cửa. Nó vẫn chưa mở.

Tại sao cửa thang máy đóng lâu như vậy, đây quả là một câu đố cho tôi. Song nghĩ một lát thì tôi kết luận rằng, cả giả thuyết phần cơ bị hỏng lẫn giả thuyết nhân viên điều khiển lơ là quên đi sự hiện diện của tôi đều có thể an tâm loại bỏ được. Vì chúng không thực tế. Tôi hoàn toàn không

có ý nói rằng trên đời này không có máy hỏng hay nhân viên lơ là. Mà ngược lại tôi tin là những trục trặc kiểu ấy xảy ra khá thường xuyên trong thực tế. Cái tôi không muốn nói ra là, trong một thực tế đặc thù - và đương nhiên tôi ám chỉ cái thang máy khốn nạn này - thì phải loại bỏ những điểm phản đặc thù và coi chúng là điểm đặc thù nghịch lý. Làm gì có chuyện những người lơ là công tác duy tu phần cơ khí, những người đẩy khách vào thang máy rồi quên họ đi, lại có thể chế tạo nổi một chiếc thang máy lập dị điệu nghệ đến mức này?

Câu trả lời hiển nhiên là: Không.

Không thể có chuyện như thế được.

Cho đến giờ bọn họ vẫn cẩn trọng, chu đáo và chính xác kinh khủng. Họ chú ý đến từng chi tiết cỏn con, cứ như thể vừa đi vừa lấy thước đo từng bước vậy.

Ở khu vực cửa vào, hai nhân viên bảo vệ ngăn tôi lại và hỏi đến gặp ai, soi tên trong danh sách những người đang đợi khách, kiểm tra giấy phép lái xe và dữ kiện cá nhân của tôi trong máy tính trung tâm, soi tôi bằng máy dò kim loại và cuối cùng đẩy tôi vào cái thang máy này. Ngay đến ngân hàng quốc gia cũng không kiểm tra khách hàng của mình nghiêm ngặt đến như vậy. Sau chừng ấy thủ tục, tôi có ác ý mấy cũng không thể tưởng tượng ra họ bỗng dưng đánh mất hết cảnh giác.

Vậy, chỉ còn khả năng cuối cùng là họ cố ý để tôi trong hoàn cảnh này. Hình như họ không muốn tôi nắm bắt được chuyển động của thang máy, vì thế họ cho nó chạy với vận

tốc thấp để tôi khó đoán ra chiều di chuyển. Biết đâu còn có camera lắp trong này. Trong phòng bảo vệ gần cửa ra vào họ có một dãy màn hình, và cũng chẳng có gì ngạc nhiên nếu một trong những màn hình ấy đang chiếu các hình ảnh trong thang máy.

Tôi thầm nghĩ cách tìm ống kính camera để giết thì giờ, song nói cho cùng thì có ích lợi gì đâu, ngay cả khi tôi phát hiện ra nó. Người ta sẽ chỉ sinh nghi và biết đâu còn cho thang máy chạy chậm hơn nữa. Đó là điều tôi không muốn. Chỉ tổ làm tôi thêm trễ giờ một cách không cần thiết.

Rốt cuộc thì tôi mặc cho đến đâu thì đến, không làm gì nữa. Thực tình thì tôi đến đây chỉ để hoàn thành một nghĩa vụ công tác hoàn toàn hợp pháp được người ta giao cho. Tôi chẳng việc gì mà lo ngại. Không có lý do gì để phải bồn chồn cả.

Tôi dựa vào vách, thọc tay vào túi quần và bắt đầu tính chỗ tiền lẻ lần nữa. 3.750 yên. Dễ ợt. Nháy mắt là xong.

3.750 yên?

Sai rồi.

Tôi đã phạm lỗi ở một đoạn nào đó.

Tôi thấy lòng bàn tay rịn mồ hôi. Trong ba năm tôi chưa hề tính sai tiền trong túi lần nào. Không một lần nào. Rõ ràng đây là điềm gở. Trước khi nó hiện nguyên hình là một tai họa thì tôi phải chiếm lại được cứ điểm đã mất.

Tôi nhắm mắt và cọ sạch hai bán cầu não, tựa như lau kính mắt vậy. Sau đó tôi rút tay khỏi túi quần và xòe ra cho ráo mồ hôi. Công việc chuẩn bị này tôi làm nhanh và thành

thạo như Henry Fonda trước khi bước vào cảnh đấu súng trong phim *Warlock*. Không liên quan gì đến lúc này, nhưng tôi khoái phim ấy.

Sau khi chắc chắn là hai tay đã khô hẳn, tôi lại cho tay vào túi quần và bắt đầu tính lần thứ ba. Nếu kết quả lần này trùng với một trong hai kết quả ban nãy thì vấn đề đã xong. Ai cũng có khi mắc lỗi. Tôi bị bối rối trong một tình cảnh đặc biệt và thú thực là cũng vì hơi tự cao tự đại một chút. Đó là lý do cho sai phạm tài tử này. Giờ thì phải xác định con số chính xác - nó sẽ là cứu tinh của tôi. Song cứu tinh chưa xuất hiện thì cửa thang máy đã mở. Không một dấu hiệu báo trước, cánh cửa im lìm trượt qua hai bên.

Vì đang mải tập trung tinh thần vào chỗ tiền xu trong túi quần, thoạt tiên tôi không nhận thấy cửa đã mở. Nghĩa là, để diễn tả cho đúng hơn: thị giác của tôi nhận thấy cửa mở ra, nhưng một lát sau vẫn không hiểu được ý nghĩa cụ thể của chuyển động ấy. Tất nhiên điều này có nghĩa là sự tái lập tính liên tục của hai không gian bị chia cắt bởi tấm cửa cho đến thời điểm đó. Đồng thời cũng có nghĩa là chiếc thang máy chở tôi đã đến đích.

Tôi chấm dứt trò chơi với ngón tay trong túi và ngó ra ngoài. Bên ngoài là một hành lang, và ở đầu hành lang có một cô gái. Cô ta béo, trẻ, vận bộ đồ màu hồng và đi giày cao gót hồng. Bộ đồ cắt rất khéo bằng vải láng, và khuôn mặt cô cũng nhẵn nhụi như vậy. Cô nhìn tôi một lát như để chắc tin, rồi gật đầu với tôi. Rõ ràng đó là dấu hiệu: "Xin mời". Tôi bỏ trò đếm tiền xu, rút tay khỏi túi quần và bước

ra. Tôi vừa ra ngoài thì tựa như chỉ đợi dịp ấy, cửa thang máy cũng đóng lại sau lưng.

Ra đến hành lang, tôi nhìn quanh quất thật kỹ nhưng không phát hiện ra điều gì khả dĩ làm sáng tỏ hơn tình cảnh của mình. Đây là hành lang trong một tòa nhà, rõ rồi, nhưng điều ấy thì đến thằng bé lớp Một cũng nhận ra.

Tựu trung đây là một tòa nhà với nội thất tẻ nhạt đến mức khó hiểu. Như trong chiếc thang máy chở tôi lên đây, các vật liệu được sử dụng toàn là loại thượng hạng, nhưng không có điểm nào để dừng mắt. Nền nhà bằng cẩm thạch đánh bóng sáng choang, tường sơn vàng như màu bánh mì mà tôi vẫn hay ăn sáng. Dọc hai bên hành lang là hàng loạt cửa gỗ nặng trịch, trên mỗi cửa một tấm biển kim loại ghi số phòng; tuy nhiên số phòng được đánh thất thường đến mức ngớ ngẩn. Sau số 936 là đến 1213, tiếp theo là 26. Chẳng đâu có cách đánh dấu phòng vớ vẩn như vậy. Ở đây có gì đó không ổn.

Cô gái hầu như không hé miệng. Tuy cô có nói với tôi "Mời ông đi đường này!" nhưng đó chỉ là cặp môi cô động đậy, không có tiếng nói. Trước khi làm công việc hiện tại, tôi đã theo một lớp học đọc cử động môi, nhờ vậy tôi hiểu sơ sơ ý cô. Thoạt tiên tôi tưởng tai mình có vấn đề. Lúc nãy là thang máy lặng ngắt, rồi tiếng đằng hắng và huýt sáo không ra hơi, khiến đầu óc tôi rối tung lên vì chuyện âm thanh.

Tôi thử hắng giọng. Nghe vẫn còn đùng đục nhưng đã khá hơn hẳn so với tiếng trong thang máy. Tôi nhẹ người và lấy lại được tự tin về thính giác của mình. Tai tôi thế là ổn.

Có nghĩa vấn đề là ở miệng cô gái.

Tôi đi theo sau cô. Trong hành lang trống trải, tiếng gót giày nhọn của cô vang lách cách như trong một mỏ đá ngay sau giờ nghỉ trưa. Nền cẩm thạch phản chiếu bắp chân đi tất của cô.

Cô gái béo. Trẻ và xinh, nhưng dù vậy vẫn béo. Phụ nữ béo có gì đó đáng chú ý, nhất là lại còn trẻ và xinh. Trong lúc theo sau lưng cô, tôi ngắm gáy, tay và chân cô. Thân hình cô mũm mĩm, tựa như đêm qua có một trận mưa tuyết đã dịu dàng phủ lên vậy.

Khi ở cạnh các cô gái trẻ, xinh và béo, lúc nào tôi cũng cực kỳ lúng túng. Chính tôi cũng không rõ tại sao. Rất có thể vì tôi bất giác buộc phải mường tượng ra thói quen ăn uống của những cô gái ấy. Nhìn thấy một cô gái béo là tự khắc đầu tôi tán loạn những hình ảnh, như cảnh cô ta say sưa chén chỗ cải xoong trang trí nằm sót lại trên đĩa hay âu yếm dùng mẩu bánh mì quẹt nốt giọt nước xốt bơ cuối cùng. Tôi không làm khác được. Như a xít gặm thủng kim loại, đầu tôi chật cứng những hình ảnh ở bàn ăn đến nỗi không nghĩ được gì khác.

Nếu họ chỉ béo thôi thì không sao. Phụ nữ béo cũng giống như mây trên trời, chúng bập bềnh trên đó và chẳng đụng chạm gì tới ta. Song nếu họ béo và trẻ và đẹp thì lại khác. Những người như thế buộc tôi phải tỏ một thái độ nhất định khi đứng trước mặt họ. Nghĩa là biết đâu ta sẽ ngủ với họ. Lên giường với một cô gái trong khi đầu óc mông lung là chuyện không đơn giản.

Điều đó hoàn toàn không có nghĩa là tôi ghét phụ nữ béo. Lúng túng và ghét không phải hai từ đồng nghĩa. Tôi đã ngủ với một loạt cô béo, trẻ và đẹp, và nhìn chung thì những trải nghiệm ấy thực sự không dở. Lái được sự lúng túng sang một hướng thích hợp thì có thể có kết quả tốt đẹp, một kết quả mà đằng thằng ra thì ta không được dây phần. Tất nhiên không phải lúc nào cũng trôi chảy. Tình dục là một công việc rất tinh tế, khác hẳn chuyện ta vào siêu thị ngày Chủ nhật để mua cái phích đựng nước. Phụ nữ có thể vừa béo vừa trẻ đẹp, nhưng dưới cái vỏ mũm mĩm ấy họ vẫn khác nhau. Tôi có thể lái một dạng mũm mĩm nào đó vào hướng thích hợp, ngược lại thì một dạng khác lại đẩy tôi vào thế lúng túng ghê gớm.

Xét về mặt ấy thì lên giường với phụ nữ béo là một thử thách đối với tôi. Béo cũng có nhiều kiểu và các kiểu ấy khác nhau như các kiểu chết vậy.

Đại để đó là những ý nghĩ của tôi trong khi đi dọc hành lang sau lưng một cô gái trẻ đẹp và béo. Cô quấn một khăn trắng quanh chiếc cổ áo của bộ đồ màu hồng rất thời trang. Bông tai vàng hình vuông lủng lẳng dưới dái tai dày dặn dễ coi của cô chớp lên cùng mỗi bước đi như đèn xi nhan ô tô. Nhìn chung, trong vẻ mũm mĩm ấy cô vẫn là người nhẹ nhàng và thanh thoát. Tất nhiên có thể cô dùng áo nịt hay gì đó tương tự để bó người, nhưng động tác lắc hông của cô - nếu ta lôi thêm vào để bình phẩm - mang vẻ rắn rỏi dễ chịu. Tôi thấy ưa cô. Kiểu béo của cô là đúng kiểu tôi thích.

Chẳng phải tôi định thanh minh, nhưng không phải bạ cô gái nào tôi cũng thấy thích. Thậm chí ngược lại mới đúng. Vậy nên một khi thấy thích là tôi muốn kiểm tra cảm giác đó ngay, tôi muốn thử theo cách riêng của mình, liệu cảm giác ấy có thật không và nếu thật thì tiếp theo sẽ ra sao.

Vậy là tôi tiến lên ngang hàng cô ta và xin lỗi vì đã đến chậm mất tám, chín phút so với lịch hẹn.

"Tôi không ngờ thủ tục ở cửa mất thời gian đến vậy", tôi nói. "Mà thang máy lại chậm thế. Đúng mười phút trước giờ hẹn tôi đã có mặt trước cửa rồi."

"Tôi biết", cô ra hiệu, thoáng gật đầu. Gáy cô tỏa hương *Eau de Cologne*. Một mùi hương khiến ta tưởng như đang được đứng trên cách đồng dưa bở vào một sớm mùa hạ. Không rõ vì sao mùi hương làm tôi chững lại, một cảm giác hi hữu, nghịch cảnh nhưng cũng buồn bã, tựa như hai hoài niệm khác kiểu nhau được chập lại tại một nơi tôi không quen. Tôi hay sa vào những tâm trạng như thế. Và chúng hầu như luôn được gợi ra bởi một mùi hương đặc biệt. Vì sao ư, chính tôi cũng không lý giải nổi.

"Hành lang này dài thế nhỉ", tôi nói để tìm cách bắt chuyện. Cô vừa đi vừa nhìn tôi. Tôi đoán tuổi cô cỡ hai mươi, hai mốt. Nét mặt cô sắc sảo, trán cao, nước da đẹp.

Cô vẫn nhìn tôi và nói "Proust". Nghĩa là cô không nói chính xác ra chữ "Proust", mà tôi chỉ có cảm tưởng môi cô mấp máy theo hình ấy. Trước sau vẫn không thấy tiếng. Thậm chí không nghe cả tiếng cô thở. Hệt như cô nói với tôi khi đứng bên kia một tấm kính dày vậy.

Proust?

"Marcel Proust?", tôi hỏi.

Cô ngạc nhiên nhìn tôi. 'Proust', cô lặp lại. Tôi đành bỏ cuộc, lùi về vị trí cũ của mình và vắt óc tìm những từ tương ứng với cử động môi của 'Proust'. Tôi lẩm bẩm một loạt từ vô nghĩa cùng vần, nhưng không từ nào khớp hẳn với cử động môi của cô. Rõ ràng cô vừa nói 'Proust'. Tuy nhiên tôi không rõ có mối liên quan nào giữa Proust và đoạn hành lang dài này.

Có thể cô dùng Marcel Proust như một ẩn dụ cho hành lang dài. Nhưng nếu đúng thế chăng nữa thì ý nghĩ ấy cũng quá đột ngột và xét về cách thể hiện thì ít nhất phải gọi là bất lịch sự. Nếu cô dùng hành lang dài làm ẩn dụ cho các tác phẩm của Proust, được thôi, tôi còn chấp nhận được. Nhưng ngược lại? Đúng là đánh đố thật.

Hành lang dài như Marcel Proust?

Vậy là tôi đi suốt dọc hành lang dài sau lưng cô. Quả là dài thật. Chúng tôi rẽ hàng nghìn góc, leo lên những cầu thang ngắn năm, sáu bậc rồi lại leo xuống. Quãng hành lang này phải dài gấp năm, sáu lần tòa nhà thông thường. Có lẽ chúng tôi đang đi đi lại lại trong một bức tranh phối cảnh ảo của Escher. Gì thì gì, chúng tôi đi mất bao lâu thì xung quanh cũng chẳng thay đổi chút nào. Nền cẩm thạch, tường vàng trứng, số phòng loạn xạ và cửa gỗ có tay nắm inox. Không có lấy một cửa sổ. Hành lang vang tiếng gót giày gõ nhịp chính xác và đều đặn như máy của cô gái, và tôi bám đuôi cô bằng đôi giày thể thao gây ra tiếng động như cao su

dai đang rữa ra. Giày tôi kêu lép nhép to quá mức, khiến tôi ái ngại cho lớp đế cao su quả thực đang tan ra. Lần đầu tiên trong đời tôi đi giày thể thao trên nền cẩm thạch, vì vậy không thể đoán tiếng động như vậy là bình thường hay bất thường. Tôi bụng bảo dạ, có lẽ nửa bình thường nửa bất thường. Vì ấn tượng của tôi là tất cả mọi thứ ở đây đều được xếp đặt theo tỷ lệ ấy.

Cô gái dừng đột ngột, và vì suốt cả thời gian tập trung vào tiếng lép nhép dưới đế giày nên tôi không nhìn thấy và xô ngực vào lưng cô. Cảm giác mềm mại dễ chịu như một đám mây mưa dày đặc, và từ gáy cô hương dưa bở lại tỏa ra. Suýt nữa cô ngã chúi về phía trước vì bị xô phải, tôi vội đưa hai tay nắm vào vai cô và kéo lại.

"Xin lỗi", tôi nói. "Tôi đang mải nghĩ."

Cô nàng béo nhìn tôi, mặt hơi ửng đỏ. Tôi không dám chắc, nhưng có vẻ cô không bực mình. "Taszer", cô nói và thoáng mỉm cười. Rồi cô nhún vai nói "Sela". Tất nhiên cô không thực sự nói ra tiếng, mà - tôi nhắc lại - chỉ mấp máy cặp môi theo hình đó.

"Taszer?", tôi phát âm như để học thuộc. "Sela?"

"Sela", cô xác nhận.

Nghe loáng thoáng như tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, vấn đề chỉ là tôi chưa bao giờ nghe tiếng Thổ cả. Vậy thì không phải tiếng Thổ. Dần dần tôi rối tung đầu óc, do đó tôi quyết định không chuyện trò tiếp với cô nữa. Nghệ thuật nhìn môi đoán chữ của tôi còn cần phải nâng cấp. Đọc theo môi là một quá trình cực kỳ mệt nhọc, không phải thứ nắm bắt

được trong một khóa học buổi tối kéo dài hai tháng.

Cô rút một chìa khóa điện tử nho nhỏ hình ô van trong túi áo khoác ra và áp nó vào ổ khóa trên cửa phòng có biển số 728. Then cửa kêu lạch cạch. Hiện đại thật.

Cô mở cửa. Rồi nói với tôi đang đứng chặn trên ngưỡng cửa: "Somto, sela."

Tất nhiên tôi gật đầu và bước vào.

2

Bầy Thú Vàng

Đến mùa thu là toàn thân chúng phủ một lớp lông vàng ròng dày mượt. Vàng theo đúng nghĩa. Không một sắc màu nào khác có thể lẫn vào được. Lông của chúng là vàng, xuất hiện trên thế gian này dưới dạng vàng và tồn tại trên thế gian này dưới dạng vàng. Với màu vàng óng không hề dính một màu pha trộn nào, chúng đứng đó giữa trời cao đất rộng.

Tôi tới thành phố vào một ngày xuân, hồi đó những con thú ấy mang lớp lông ngắn với những màu khác nhau. Đen, nâu xám, hung hung và nâu đỏ. Có những con pha nhiều màu. Bầy thú với bộ lông đủ màu sặc sỡ nhẹ nhàng cuốn đi trên nền đất phủ màu xanh non như bị gió đẩy. Hầu như có thể coi chúng là những con thú hiền lành vì chúng rất trầm lặng. Ngay hơi thở của chúng cũng nhẹ như sương mai. Chúng lặng lẽ gặm cỏ, và no rồi thì rụt cẳng lại nằm lên thảm cỏ mà gà gật ngủ.

Xuân rồi hạ qua đi, và khi ánh sáng trong trẻo đã

nhuốm màu bàng bạc và ngọn gió thu đầu tiên xô những con sóng trên mặt sông lững lờ thì những thay đổi bên ngoài của bầy thú bắt đầu hiện rõ. Thoạt tiên chỉ xuất hiện những đốm vàng lẻ tẻ, như những khóm cây ngẫu nhiên mọc trái mùa, nhưng chẳng bao lâu chúng tỏa ra vô số nhánh len lỏi khắp lớp lông ngắn, để rồi rốt cuộc phủ một lớp vàng lấp lánh sáng lên toàn thân. Toàn bộ diễn biến không đầy một tuần. Sự chuyển hóa bắt đầu gần như cùng lúc ở tất cả các con và chấm dứt hầu như cùng lúc. Sau một tuần tất cả trùm một tấm chăn vàng ròng, không một ngoại lệ. Sớm hôm sau, khi ánh dương bừng lên và nhuộm thế gian trong ánh vàng tươi trẻ thì đó là lúc mùa thu về.

Riêng cái sừng dài mọc chính giữa trán chúng là trước sau vẫn mang một màu trắng quý phái. Trông nó không giống một cái sừng, đúng ra thì nên gọi là một đoạn xương gãy chọc xuyên qua da và mọc liền lại ở vị trí đó. Duy nhất và chỉ riêng màu trắng của sừng và màu lam của mắt chúng là không chuyển sang ánh vàng tuyệt mỹ. Các con thú hất đầu lên vài nhát và thúc sừng vào bầu trời thu, tựa như chúng muốn thử bộ cánh mới. Rồi chúng lội xuống làn nước sông đã chớm lạnh và nghển cổ với tới những chùm dâu đỏ mùa thu.

Khi hoàng hôn bắt đầu nhuộm tím bóng nhà cửa hiện trên nền trời, tôi trèo lên trạm canh ở bờ tường phía Tây để xem ông gác cổng thổi tù và dồn súc vật về. Tiếng tù và cất lên một nhịp dài và ba nhịp ngắn. Đó là quy định. Mỗi lần tiếng tù và vang lên là tôi lại nhắm mắt để âm thanh mềm

mại ấy nhấn chìm mình. Tiếng tù và khác hẳn mọi âm thanh khác. Như một con cá trong suốt lấp lánh xanh lam, nó trườn qua đường phố đang chìm vào bóng đêm, phủ lên đá rải đường, tường nhà và lũy đất cạnh con đường chạy ven sông. Tựa như ngoằn ngoèo bò qua lớp thời gian vô hình bị khí quyển bao bọc, tiếng tù và khẽ lan tỏa đến tận hang cùng ngõ hẻm của thành phố.

Khi tiếng tù và vang lên, bầy kỳ lân cất cao đầu theo một hoài niệm ngàn xưa. Cùng lúc, hơn một nghìn con vật đứng cùng một tư thế và ngoảnh đầu về phía tiếng tù và vẳng đến. Vài con ngừng nhai nhành kim tước, một con khác ngừng nện móng lên nền đá rải đường, một con khác nữa thức giấc ngủ chiều trong tia nắng cuối cùng - và tất cả cùng cất cao đầu.

Tất cả đứng im trong khoảnh khắc này. Chỉ có bộ lông vàng ròng của chúng khẽ lay động trong gió chiều. Không rõ chúng đang nghĩ gì và đang nhìn gì. Chúng quay đầu theo cùng một góc về một hướng, và trong khi đăm đăm nhìn lên không trung thì chúng đứng im phăng phắc như tượng. Rồi tất cả dỏng tai lắng nghe tiếng tù và. Rồi cuối cùng, khi dư âm cuối cùng tan dần trong ánh hoàng hôn nhạt nhòa thì tất cả đứng dậy và chạy về cùng một hướng, dường như vừa sực nhớ điều gì. Vòng kiềm tỏa đã vỡ, và cả thành phố vang dội tiếng móng đổ dồn. Lúc đó tôi luôn mường tượng ra vô vàn bong bóng tí xíu sủi lên từ nền đất. Lớp bọt ấy phủ lên đường sá, dâng lên dọc theo bờ tường nhà và sau rốt nhấn chìm cả tháp đồng hồ.

Song đó chỉ là một ảo giác lúc đêm về. Hễ tôi mở mắt ra là lớp bọt tan biến tức thì. Chỉ còn tiếng móng gõ như trống, và thành phố nom chẳng khác mọi khi. Bầy thú kéo đi như một dòng sông tràn lên mặt đường, chảy qua các ngõ phố quanh co. Không được chỉ lối. Không có con đầu đàn. Chúng cúi đầu và loạng choạng đi dọc lòng sông im lặng. Trông chúng như bị trói chặt bởi những sợi thừng hoài niệm, những sợi thừng rõ ràng tồn tại ngay cả khi không thấy trên mình từng con vật riêng lẻ.

Chúng đi từ phía bắc về, qua Cầu Cũ sang bờ nam, gặp chúng bạn từ phía đông lại, đi dọc kênh qua khu nhà máy, xuống tiếp phía tây, chui qua đường hầm bên dưới xưởng đúc, rồi tập trung ở Đồi Tây.

Khi những con đầu tiên về đến nơi, ông gác cổng liền ra mở. Cánh cổng được gia cố bằng những thanh sắt to đóng ngang dọc, trông rất nặng nề và chắc chắn. Cao khoảng bốn, năm thước, và phía trên có đóng đinh nhọn sắc lẻm để không ai trèo qua. Ông gác cổng ung dung kéo cánh cổng nặng nề ra và dồn những con vật vừa tụ tập ra ngoài. Cổng có hai cánh, nhưng bao giờ ông ta cũng chỉ mở một cánh.

Thường là cánh bên trái khóa chặt. Khi các con vật đã qua hết, ông gác liền đóng cổng lại và cài then.

Theo tôi được biết, Cổng Tây là nơi ra vào duy nhất của thành phố. Bao quanh thành phố là một bức tường thành hùng vĩ cao bảy, tám thước, chỉ chim chóc mới vượt qua nổi.

Khi trời hửng sáng, ông gác lại mở cổng, thổi một hồi tù và lùa súc vật vào. Khi chúng vào hết trong thành ông lại đóng cổng, như mọi khi, và cài then.

"Thực ra không cần cài then", ông gác cổng cho tôi hay. "Đằng nào thì ngoài tôi ra cũng chẳng ai kéo được cánh cổng nặng nề này. Mấy người cùng kéo cũng chẳng xong. Nhưng biết làm sao được, quy định là quy định." Ông kéo cái mũ len sụp xuống sát lông mày và im lặng.

Ông gác cổng là người đàn ông lực lưỡng nhất mà tôi từng thấy. Người ông nung núc chắc nịch, hễ cơ bắp ông động cựa một chút xíu thôi là sơ mi và áo khoác của ông chỉ chực bục ra. Thỉnh thoảng ông nhắm mắt và chìm vào sự im lặng oai vệ. Tôi không biết đó có phải là một dạng sầu muộn của ông, hay các công năng bên trong cơ thể ông bị cắt rời khỏi thế giới xung quanh bằng một động thái nào đó. Dù sao đi nữa, khi sự im lặng đã chế ngự ông thì tôi không còn cách nào khác ngoài đợi cho đến khi ông tỉnh. Đó là lúc ông gác cổng lừ đừ mở mắt ra, vừa nhìn tôi thật lâu với ánh mắt uể oải vừa xoa hai tay vào nhau, tựa như phải gắng sức hiểu ra lý do sự hiện diện của tôi ở đây vậy.

"Tại sao buổi tối ông dồn súc vật lại và cho ra ngoài thành, chỉ để sáng hôm sau lại cho chúng vào?", tôi hỏi ngay khi thấy ông đã hồi tỉnh.

Ông gác cổng vô cảm nhìn tôi chằm chằm một hồi lâu. "Vì đó là quy định", ông đáp. "Thế đấy. Giống như mặt trời mọc ở đằng Đông và lặn ở đằng Tây."

Ngoài việc mở và đóng cổng, hình như phần thời gian còn lại của ông chỉ dành cho việc bảo dưỡng các công cụ. Trong trạm canh có vô thiên lủng các loại công cụ: rìu, đục, dao, và cứ rảnh rỗi là ông mài bén chúng trên phiến đá mài. Sau khi mài xong, các lưỡi cắt lấp lánh sáng trắng và trông rất nguy hiểm. Có vẻ như chúng không phản chiếu ánh sáng mà theo tôi chính chúng chứa một nguồn sáng bí hiểm nào đó.

Thấy tôi ngắm nghía các công cụ, khóe miệng của ông gác cổng nở một nụ cười thỏa mãn.

"Chú ý, chạm một tí tẹo là đứt tay ngay đấy!" Ông chỉ ngón tay sần sùi của mình vào đống dụng cụ. "Khác hẳn mấy thứ hàng sản xuất đại trà của bọn nghiệp dư bày bán khắp nơi! Tự tay tôi rèn từng lưỡi dao một đấy. Thế mới gọi là thủ công nghiêm túc, ngày xưa tôi là thợ rèn mà. Bảo dưỡng tử tế, nằm thuận trong tay. Chọn cái cán vừa vặn với trọng lượng lưỡi dao không đơn giản đâu nhé. Cậu cầm một con dao lên tay đi, con nào cũng được, nhưng cẩn thận đừng chạm vào lưỡi!"

Trong đống công cụ trên bàn tôi lựa ra con dao nhỏ nhất và cầm lên tay. Quả thật, nó phản ứng nhạy như một con chó săn được huấn luyện và rít một đường khô lạnh trong không khí. Ông gác cổng thực sự có quyền tự hào về bản thân.

"Cán dao tôi cũng làm lấy. Tôi đẽo nó từ gỗ tần bì mười tuổi. Người ta có thể tranh cãi xem vật liệu nào làm cán tốt nhất, tôi thì nhất quyết dùng gỗ tần bì mười tuổi. Không non hơn, cũng không già hơn, được mười tuổi là gỗ

có đủ độ cứng, độ ẩm và độ căng mong muốn. Tần bì loại tốt ở Rừng Đông."

"Ông cần chừng này dao làm gì?"

"Nhiều việc", ông gác cổng nói. "Mùa đông là phải dùng chúng suốt. Đến mùa đông rồi cậu sẽ thấy. Mùa đông ở đây dài lắm."

Bên ngoài cổng đàn súc vật có chỗ ngủ qua đêm của chúng. Có cả một con suối để chúng uống nước. Phía sau là một rừng cơ man là táo.

Dọc tường thành phía tây có ba tháp canh, chúng được che chắn tiềm tiệm để chống mưa. Từ đây có thể quan sát đàn súc vật qua các cửa sổ rào lưới sắt.

"Ngoài cậu ra chẳng ai ngắm mấy con vật ấy cả", ông gác cổng nói. "Nhưng rồi cũng chán dần thôi. Cậu hiếm khi đến đây mà. Sống một thời gian ở đây rồi thì cậu sẽ hết hứng. Như mọi người khác. Trừ tuần đầu tiên của mùa xuân."

Ông kể cho tôi biết, trong tuần đầu tiên của mùa xuân dân thành phố trèo lên các tháp canh để xem những con vật đánh nhau. Chỉ trong một tuần ấy, hình ảnh yên bình biến đổi đến không ngờ, chỉ lúc ấy thôi - khi các con vật vừa thay lông mùa đông và ngay trước lúc các con mẹ sắp đẻ con - các con đực xông vào nhau một cách tàn bạo không tưởng tượng nổi. Biển máu tràn lan dưới đất làm nảy sinh một trật tự mới và cuộc sống mới.

Bây giờ là mùa thu, từng con vật khoanh chân nằm

riêng một chỗ, những bộ lông vàng tỏa sáng trong nắng chiều. Chúng nghếch đầu lên chờ đợi, im phăng phắc như những bức tượng chôn chân xuống đất, cho đến khi những tia sáng cuối cùng trong ngày biến mất sau tán lá rừng táo. Khi vầng dương cuối cùng cũng lặn hẳn và bóng đêm rủ xuống, chúng gục đầu ngả chiếc sừng trắng lên mặt đất và nhắm mắt.

Thế là hết một ngày trong thành.

3

Áo Mưa, Ma Đen, Rửa Số

Cô gái đưa tôi vào một căn phòng rộng rãi và trống trơn. Tường và trần đều trắng, nền thảm màu cà phê, mọi màu sắc đều tinh tế và quý phái. Người ta vẫn nói chung là màu "trắng", nhưng có trắng quý phái và trắng dung tục. Màu cũng có dòng dõi của nó. Kính mờ trên cửa sổ cản ánh nhìn dò xét ra ngoài, nhưng ánh sáng lờ mờ chiếu từ bên ngoài vào thì rõ ràng là ánh nắng. Có nghĩa là tôi không ở trong một tầng hầm, thang máy nhất định đã đi lên phía trên. Tôi yên tâm được một chút vì không bị cảm giác đánh lừa. Cô gái ra hiệu mời tôi ngồi xuống. Tôi ra chiếc sofa bọc da ở giữa phòng và ngồi vắt chân chữ ngũ. Tôi vừa ngồi thì cô gái ra khỏi phòng, qua một cửa khác với cửa chúng tôi đi vào.

Trong phòng hầu như chẳng có gì đáng gọi là đồ nội thất. Trên bàn nước có bật lửa, gạt tàn và một hộp thuốc lá, tất cả đều bằng gốm. Tôi mở nắp hộp thuốc lá ra, nhưng trong hộp không có gì. Trên tường không treo tranh vẽ hay ảnh, không một tờ lịch. Không có gì thừa.

Một bàn giấy lớn kê cạnh cửa sổ. Tôi đứng dậy đi tới cửa sổ, trên đường đi tôi ngó lên bàn giấy. Mặt bàn là một tấm nặng, nhiều ngăn kéo lớn ở hai bên. Trên bàn có một chiếc đèn bàn, ba cây bút bi hiệu Bic và một quyển lịch để bàn, cạnh đó là một nắm kẹp ghim giấy vương vãi. Tôi kiểm tra lịch: ngày tháng chính xác. Lịch chỉ ngày hôm nay.

Ba tủ két loại thường dễ thấy ở khắp nơi đứng trong một góc phòng. Chúng không hợp với căn phòng. Trông có vẻ nặng về công việc, quá thô. Phải tay tôi thì tôi sẽ kê vài cái tủ gỗ lịch sự vào phòng, nhưng đây không phải phòng tôi. Tôi đến đây vì công việc. Ở đây có kê mấy cái tủ sắt màu lông chuột hay đặt máy nghe nhạc màu trái đào thì cũng chẳng dính gì đến tôi cả.

Bức tường bên trái gắn một tủ âm với những cánh cửa gấp cao và hẹp. Đó là toàn bộ đồ nội thất trong căn phòng này. Không đồng hồ, không điện thoại, không máy gọt bút chì, không ấm nước. Không tủ sách, không kệ tài liệu. Tôi không đoán nổi công năng và mục đích căn phòng này. Tôi quay lại sofa, ngồi vắt chân chữ ngũ và ngáp.

Chừng mười phút sau cô gái quay lại. Không nhìn tôi, cô mở một tủ két, lấy ra một vật màu đen bóng ôm trên ngực rồi đem ra bàn. Đó là chiếc áo mưa gấp ngay ngắn và một đôi ủng. Trên cùng là một cặp kính bảo hộ giông giống như loại phi công trong Thế chiến I vẫn đeo. Tôi không hề đoán được việc gì đang diễn ra.

Cô gái nói với tôi gì đó, nhưng môi cô mấp máy quá nhanh, tôi không đọc nổi.

"Phiền chị nói chậm hơn một chút được không? Tôi không giỏi đọc theo môi lắm."

'Ông mặc đồ này vào đi.' Giờ thì cô nói chậm và mở miệng to hơn. Thực tình, tôi chẳng thích thú khi mặc đồ đi mưa này vào, nhưng tranh cãi với cô có lẽ còn khó nhọc hơn, vì vậy tôi lặng lẽ làm theo lệnh cô. Tôi cởi giày thể thao và xỏ chân vào ủng, khoác áo mưa ra ngoài áo thể thao. Nó nặng như chì, và giày to hơn chân tôi chừng một, hai số. Song tôi không nói gì.

Cô gái bước ra trước mặt tôi, giúp tôi cài khuy áo mưa xuống đến tận mắt cá và kéo mũ đội lên đầu. Trong lúc làm việc đó, chóp mũi tôi chạm vào vầng trán nhẵn nhụi của cô. "Thơm quá!", tôi nói. Một câu khen cho nước hoa *Eau de Cologne* của cô.

'Cảm ơn', cô nói và kéo móc cài mũ kín đến mũi tôi. Rồi cô chỉnh kính bảo hộ vòng ra ngoài áo mưa cho đúng chỗ. Trông tôi như một xác ướp được bọc lại để tránh nước mưa.

Sau đó cô mở tủ tường, một tay lôi tôi vào đó, bật đèn và lấy tay kia đóng tủ. Chúng tôi đang ở trong một tủ đựng quần áo. Nhưng không có quần áo treo bên trong, chỉ có vài mắc áo và băng phiến. Tôi tưởng tượng ra, đây chắc phải là một lối thông bí mật được ngụy trang thành tủ hay gì đó tương tự. Chả có lý gì để cuốn tôi vào cái áo mưa rồi đẩy vào một tủ quần áo bình thường.

Cô gái lần mò tới một cần kéo kim loại trong góc, lập tức, đúng như mong đợi, vách tủ mở ra - có một cái hang to

bằng cốp xe ô tô loại nhỏ. Hang đen thui, có thể nhận thấy hơi lạnh ẩm ướt phả ra. Một làn gió không dễ chịu mấy. Ngoài ra có gì đó liên tục réo như tiếng nước sông chảy.

"Trong đó là một con suối", cô gái nói. Tôi có cảm giác tiếng nước réo đưa lại cho ngôn ngữ không tiếng động của cô thêm chút thực tế. Dường như cô có phát âm thực sự nhưng đã bị tiếng suối reo át đi. Ấn tượng của tôi là bây giờ tôi hiểu cô dễ hơn. Thật kỳ lạ, nhưng đúng thế.

"Ông cứ việc đi ngược con suối, sẽ đến một thác nước lớn, ông phải đi xuyên qua đó. Đằng sau là phòng thí nghiệm của ông tôi. Ông sẽ nhìn thấy ngay."

"Ông cô đợi tôi ở đó à?"

"Vâng", cô nói và trao cho tôi một cây đèn pin chống nước có dây đeo. Thực ra tôi không hứng thú chui vào cái hang đen thui này, nhưng bây giờ thì bàn cãi nữa cũng chẳng đem lại gì. Tôi trấn tĩnh và cho một chân vào bóng tối đang ngoác mõm ra. Rồi khom người xuống, luồn đầu và vai vào, kéo chân kia theo. Áo mưa cứng quèo khiến mọi việc khá khó khăn, song tôi cũng chui được từ tủ quần áo ra sau bức tường. Tôi ngắm cô gái mũm mĩm trong tủ quần áo. Nhìn qua kính bảo hộ và từ trong hang tối, trông cô cực kỳ đáng yêu.

"Ông hãy cẩn thận! Không được rời xa con suối, và tuyệt đối không rẽ. Cứ thế đi thẳng!", cô nói. Cô khom lưng vươn tới phía trước và nhìn thẳng vào mặt tôi.

"Đi thẳng, thác nước", tôi kêu to.

"Đi thẳng, thác nước", cô nhắc lại.

Tôi thử uốn môi làm điệu bộ chữ 'Sela'. Cô mỉm cười và chào lại: 'Sela'. Rồi cửa đóng sập lại.

Sau khi cửa đóng, tôi đứng trong bóng tối mịt mù. Tối mịt mù theo đúng nghĩa đen của từ này, không một chút ánh sáng bằng đầu kim lọt vào đây. Tôi không nhìn thấy gì, tuyệt đối không thấy gì. Thậm chí không thấy cả bàn tay đưa lên trước mắt. Bàng hoàng như vừa bị quật ngã, tôi đứng im một lúc. Tràn ngập cảm giác bất lực lạnh giá, tôi thấy mình như con cá được gói cẩn thận trong nylon rồi quẳng vào tủ lạnh. Cửa sập đánh rầm! Đột ngột tôi bị ném vào bóng tối mù mịt, trong một thoáng toàn bộ sức lực rời khỏi cơ thể. Ít nhất thì trước khi đóng cửa lại cô gái cũng nên cảnh báo tôi một câu chứ?

Khi tôi mò mẫm bật được đèn pin, ánh sáng vàng thân thuộc chọc thủng màn đêm. Thoạt tiên tôi chiếu xuống chân, rồi mới dần dần soi nền đất xung quanh. Tôi đang đứng trên một bệ bê tông vuông mỗi chiều dài ba thước. Từ mép bệ, vách đá đổ dốc thăm thẳm, không nhìn thấy đáy. Và không có cả tay vịn lẫn rào chắn. Tôi khá bực mình: cô ta cũng phải nhắc tôi đề phòng cả chuyện này mới đúng.

Bên mép bệ có một chiếc thang nhôm để trèo xuống. Tôi quàng đèn pin chéo ngang ngực và thận trọng leo xuống từng bậc trơn nhẫy. Càng xuống sâu tiếng nước réo càng to và rõ hơn. Đằng sau tủ tường trong phòng của một cao ốc có vực sâu, dưới đáy có dòng suối chảy: có nên tin là thật không! Lại còn ở giữa Tokyo nữa chứ! Càng nghĩ về

chuyện này tôi càng điên đầu hơn. Trước tiên là cái thang máy kỳ quái, sau đó đến con bé béo quay nói không ra tiếng, còn bây giờ lại còn cảnh tượng này. Có lẽ tôi nên đơn giản từ chối công việc này và quay về nhà. Tất cả quá nguy hiểm và điên rồ từ đầu đến đuôi. Mặc dù vậy tôi vẫn trèo tiếp xuống dọc vách đá tối om. Một phần vì danh dự nghề nghiệp, phần khác vì cô gái mũm mĩm vận đồ hồng. Chẳng hiểu sao tôi thấy lo lắng cho cô ta, tôi không thể đơn giản chối việc và rút lui được.

Được hai chục bậc tôi nghỉ lấy hơi, thêm mười tám bậc nữa thì chạm đáy. Tôi cẩn thận chiếu đèn từ chân thang ra xung quanh. Tôi đang đứng trên một phiến đá cứng và phẳng, cách một đoạn nữa là một dòng suối rộng chừng hai thước. Trong ánh đèn pin mặt nước cuồn cuộn như cờ trong gió. Có vẻ như nước suối chảy khá xiết, nhưng sâu chừng nào và nước màu gì thì tôi không nhận ra. Tôi chỉ thấy nó chảy từ trái qua phải. Thế thôi.

Tôi chiếu đèn xuống đất và đi tiếp ngược dòng. Thỉnh thoảng tôi lại cảm thấy có gì đó lấp ló quanh mình, và hất ngược ánh đèn lên, nhưng chẳng thấy gì. Chỉ thấy dòng suối và vách đá dựng đứng ở hai bên. Có lẽ hệ thần kinh đã chơi khăm tôi trong bóng tối.

Đi được năm, sáu phút, qua tiếng vọng của nước tôi nhận ra là trần ngày càng hạ thấp. Tôi chiếu đèn lên trên nhưng không nhìn thấy gì vì ánh sáng không chọc qua nổi bóng tối. Sau đó, như lời cô gái, có vài lối rẽ ở hai bên vách đá, hay gọi là khe đá thì đúng hơn. Phía dưới có nước ri rỉ

chảy ra và tạo thành những dòng nhỏ ngoằn ngoèo nhập vào suối. Tôi tiến lại gần một trong những khe đá ấy và thử chiếu đèn vào, nhưng không phát hiện được gì. Chỉ nhận ra nó nở rộng đáng kể về phía sau. Tôi không có chút hứng thú nào để bước vào đó.

Tay trái nắm chắc đèn pin, tôi tiếp tục lần mò ngược dòng trong bóng tối; tôi thấy mình giống một con cá trên đường hóa rồng. Nước suối khiến đá trong lòng suối trơn tuột, tôi phải căng thẳng chú ý từng bước một. Nếu tôi trượt chân trong cái hũ nút tối om này và ngã xuống nước hay đánh vỡ đèn pin thì chỉ còn nước cầu trời mà thôi.

Tôi tuyệt đối tập trung tinh thần vào mỗi bước chân nên thoạt tiên không nhận thấy một ánh sáng yếu ớt đang vung vẩy đằng trước. Khi tôi ngẩng lên nhìn thì nó đã đến sát khoảng bảy, tám thước. Tôi bất giác tắt đèn pin, thọc tay qua vạt áo mưa và rút con dao trong túi quần sau ra. Tôi mò mẫm sờ đến lưỡi dao và bật nó ra. Xung quanh tôi chỉ còn đêm đen và tiếng suối reo.

Khi đèn pin của tôi vừa tắt thì ánh sáng yếu ớt đầu kia lập tức cũng dừng chuyển động. Nó vẽ trong không khí hai vòng tròn lớn. Nhất định có ý là 'Không có vấn đề gì, mọi việc ổn cả'. Nhưng tôi vẫn đứng im, căng thẳng chú ý và đợi xem người đằng trước sẽ làm gì. Cuối cùng thì ánh sáng lại vung vẩy, xoay tròn tiến về phía tôi như một con đom đóm khổng lồ có trí khôn. Như bị thôi miên, tôi nhìn chằm chằm vào đốm sáng, tay phải cầm dao, tay trái nắm chiếc đèn pin đã tắt.

Cách tôi khoảng ba thước thì ánh sáng dừng lại, dịch lên trên và khựng lại. Nó quá yếu, khiến tôi thoạt tiên không rõ nó chiếu vào đâu, nhưng cố giương mắt lên thì tôi nhận ra một cái đầu trùm mũ chụp. Trên sống mũi là cặp kính bảo hộ giống của tôi. Người đàn ông này cầm trong tay một chiếc đèn hộp loại vẫn bày bán trong cửa hiệu đồ cắm trại. Ông ta soi nó lên mặt mình. Ông ta hét lên với tôi qua tiếng nước réo, nhưng tôi không nghe thấy gì, và trời quá tối để có thể nhìn môi đoán tiếng.

"... lý do vì ... đoán ra thế. Hoặc anh ... tiếc rằng, để mà ...", dường như ông ta muốn nói thế, nhưng nó chẳng có ý nghĩa gì với tôi. Song ít nhất thì cũng không có vẻ nguy hiểm gì, vì vậy tôi bật đèn pin lên, rọi từ bên cạnh lên mặt mình, và bằng cách gõ gõ vào tai, tôi ra hiệu để ông biết tôi gần như chẳng nghe được gì cả.

Ông ta gật đầu mấy lần liền cho thấy đã hiểu, hạ đèn xuống, thọc tay vào túi áo đi mưa của mình và lần mò dưới áo; ngay sau đó tiếng ào ào xung quanh chúng tôi khẽ dần, tựa như nước triều đột ngột hạ xuống. Tôi nghĩ là mình sắp bất tỉnh và cho rằng tiếng động biến khỏi đầu vì mình đang kém tỉnh táo. Tôi gồng hết mình để đợi ngã lăn ra - dù chẳng rõ làm sao lại có thể ngất đi được.

Mấy giây trôi qua, tôi không ngã lăn ra, mà cũng chẳng thấy xỉu xuống. Duy chỉ tiếng ồn xung quanh là giảm đi rõ rệt.

"Tôi ra đón anh", người đàn ông nói. Lần này thì tôi nghe rất rõ.

Tôi lắc lắc đầu, kẹp đèn pin dưới nách, gập lưỡi dao và cất vào túi quần. Hôm nay quả là một ngày lắm chuyện!

"Chuyện gì xảy ra với tiếng ồn vậy?", tôi hỏi.

"À, tiếng ồn. Ầm quá phải không? Tôi chỉnh khẽ đi đấy. Xin lỗi ông. Giờ thì mọi chuyện ổn rồi", ông nói, đầu gật liên tục. Tiếng suối réo ào ào bây giờ chỉ còn như ai nói thầm.

"Nào, ta đi thôi."

Người đàn ông quay lưng lại phía tôi và vững bước lội ngược suối. Tôi đi theo sau, rọi đèn pin xuống đất.

"Chỉnh khẽ đi - có nghĩa đây là tiếng động nhân tạo?", tôi nói về hướng mà tôi đoán là lưng ông.

"Không", người đàn ông nói. "Đó là tiếng động thiên nhiên."

"Và ông có thể chỉnh cho âm thanh của thiên nhiên khẽ đi?"

"Nói cho đúng thì tôi không chỉnh cho chúng khẽ đi", ông trả lời. "Tôi rút âm thanh đi."

Tôi hơi băn khoăn, nhưng thôi không hỏi thêm nữa thì hơn. Tôi không có quyền tra hỏi người ta lắm thế. Tôi tới đây để hoàn tất nhiệm vụ của mình, và người giao nhiệm vụ cho tôi muốn chỉnh âm thanh khẽ xuống hay tắt nó đi hay trộn với vodka chanh thì cũng chẳng liên quan gì đến nhiệm vụ đó cả. Vậy nên tôi ngậm miệng lại và im lặng đi theo ông.

Sau khi người đàn ông tắt tiếng nước réo đi, xung quanh trở nên im ắng. Thậm chí nghe rõ được cả tiếng

nhóc nhách của ủng cao su. Mấy lần có tiếng ken két trên đầu, tựa như có người miết hai viên sỏi vào nhau, rồi im lặng trở lại.

"Có dấu hiệu của ma đen lẩn quất đâu đây, vì vậy tôi đi đón anh cho chắc. Thường thì chúng không dám mò đến tận đây, nhưng cũng đã có khi xảy ra rồi, lũ khốn kiếp", người đàn ông nói.

"Ma đen...", tôi nói.

"Chắc anh không muốn bị chúng quấy nhiễu chứ?", người đàn ông nói và cười phá lên.

"Không bị thì hơn", tôi đáp. Ma đen hay của nợ nào cũng thế - trong cái chốn đen như mực này tôi không muốn gặp ai hoặc cái gì bất thường cả.

"Vì thế mà tôi ra đón anh", người đàn ông nhắc lại. "Bọn ma đen không phải chuyện đùa đâu."

"Cảm ơn ông", tôi nói. Một lát sau có tiếng ào ào ở phía trước, giống như có người quên khóa máy nước. Thác nước. Tôi chỉ rọi đèn lướt qua nên không thấy rõ lắm, song có vẻ là một thác nước khá lớn. Giả sử không tắt tiếng ồn đi thì có lẽ ở đây ầm ĩ kinh khủng. Bọt nước bắn lên tận kính bảo hộ.

"Ta phải đi qua đó, đúng không?", tôi hỏi.

"Vâng", người đàn ông nói. Rồi ông đi về phía thác nước mà không giải thích một lời - và biến mất. Tôi hấp tấp chạy theo - còn biết làm gì khác?

May mà chúng tôi đi xuyên qua đoạn thác "khô" nhất, mặc dù vậy sức nước vẫn ấn tôi muốn khuỵu xuống. Để đi

vào và ra khỏi một phòng thí nghiệm mà lần nào cũng bị thác nước hành hạ - kể cả khi có áo mưa hay không - thì quả là ngu xuẩn. Ngay cả khi phải cân nhắc vấn đề bảo mật chăng nữa thì nhất định phải có giải pháp thông minh hơn. Đúng giữa thác nước thì tôi trượt chân và ngã dập đầu gối lên đá. Mất âm thanh, sự cân bằng giữa tiếng động và thực trạng do tiếng động gây ra bị nhiễu loạn đáng kể, khiến tôi rối cả lên. Thác nước phải ầm ào thích hợp với lượng nước của nó chứ.

Đằng sau thác nước hiện ra một miệng hang đủ rộng cho một người lọt qua, dẫn đến một cửa sắt. Người đàn ông rút trong túi áo mưa ra một vật gì đó trông như máy tính bỏ túi, đút nó vào một rãnh cạnh cửa và bấm bấm một hồi, đến khi cánh cửa im lìm trượt vào bên trong.

"Ta đến rồi. Mời anh vào", người đàn ông nói và nhường tôi đi trước để cài chốt cửa từ bên trong. "Vất vả quá phải không?"

"Không, ờ … không đến nỗi …", tôi nhũn nhặn đáp.

Người đàn ông cười, kính vẫn thượng trên mũi, mũ chụp đầu và dây đèn hộp đeo vòng trên cổ. Một kiểu cười hô hố khá kỳ quái.

Chúng tôi ở trong một căn phòng lớn nhưng lạnh và kém thân thiện, trông như phòng thay đồ của nhà tắm công cộng. Trên và cạnh các giá xếp là nửa tá áo mưa đen, ủng cao su và kính bảo hộ sắp thành hàng lối. Tôi lột kính, treo áo choàng lên mắc áo và đặt ủng vào giá. Đèn pin thì tôi treo lên cái móc trên tường.

"Rất xin lỗi vì đã bắt anh phải vất vả đến thế", người đàn ông nói, "song ta phải cẩn trọng. Không được phép sao nhãng vì bên ngoài có khối kẻ rình rập."

"Bọn ma đen?", tôi bắt nọn.

"Đúng vậy. Và không chỉ riêng bọn ma đen, nói thêm để anh khỏi ngạc nhiên," người đàn ông nói và gật đầu tư lự. Rồi ông dẫn tôi vào phòng tiếp khách nằm sau phòng thay đồ. Lúc này khi bỏ cái áo mưa đen ra, người đưa đường của tôi hóa ra là một ông già trông thâm thấp và trang nhã. Không béo bệu, nhưng to ngang. Da dẻ hồng hào tráng kiện, sau khi ông rút trong túi ra một cặp kính không gọng đeo lên trông ông như các chính khách tiền chiến cao cấp thời kỳ trước chiến tranh vậy.

Ông bảo tôi ngồi xuống sofa bằng da còn mình ra bàn giấy ngồi. Căn phòng giống hệt phòng mà tôi được dẫn vào ban đầu. Màu thảm, ánh sáng, giấy dán tường, sofa, mọi thứ giống hệt. Trên bàn nước vẫn có những vật dụng cho người hút thuốc. Một cuốn lịch bàn trên bàn giấy và một nhúm ghim giấy, cũng nằm lộn xộn tương tự. Tôi có cảm tưởng rằng mình vừa lượn ra ngoài một vòng rồi quay lại chính căn phòng cũ. Chả gì thì tôi vẫn còn nhớ như in vị trí của từng cái ghim giấy một.

Ông già quan sát tôi một hồi. Rồi ông cầm lên một cái ghim giấy lên, bẻ duỗi ra và nghí ngoáy đẩy ngược lớp da viền trên móng ngón trỏ bàn tay trái một lúc lâu. Xong rồi, ông ném cái ghim giấy đã duỗi thẳng ra vào gạt tàn. Tôi ngẫm nghĩ, giả sử kiếp sau có được đầu thai thành một vật

gì thì tôi nhất quyết sẽ không làm ghim giấy. Đẩy lớp da viền móng tay của một ông già lẩm cẩm rồi sau đó bị vứt vào gạt tàn, quả là viễn cảnh kém hấp dẫn.

"Theo thông tin của tôi, hiện nay bọn ma đen và ký hiệu sư đang cộng tác với nhau", ông già nói. "Tất nhiên không nên hiểu rằng bọn chúng là đồng minh thật sự. Vì bọn ma đen quá thận trọng, còn ký hiệu sư thì dã tâm quá lớn. Nghĩa là quan hệ này chỉ hạn chế ở mấy nhóm rất nhỏ. Song đó là một dấu hiệu không lành. Hiện nay đã có vài tên ma đen lẩn quất đâu đây, dù không phải là lãnh địa của chúng. Nếu cứ tiếp tục như thế thì chẳng mấy chốc sẽ nhung nhúc toàn ma đen ở đây, và tôi sẽ gặp phải vấn đề nghiêm trọng."

"Đúng thế", tôi nói, "đúng thế đấy". Tôi chẳng rõ ma đen là ai hay cái gì. Song nếu thật sự bọn ký hiệu sư liên minh với một thế lực nào đó thì hậu quả đối với tôi cũng cực kỳ khó chịu. Chưa có chuyện đó thì giữa chúng tôi và bọn ký hiệu sư đã có một tương quan cạnh tranh không mấy cân bằng, khẽ lay động một chút là đủ làm tất cả sụp đổ tan tành. Có thể nhận ra cán cân bấp bênh đó chỉ riêng qua việc chúng tôi không biết gì về các ma đen, còn phe kia thì biết rõ. Cũng có thể chỉ mình tôi, một toán sư quèn công tác độc lập tại hiện trường, là không biết gì về các ma đen, còn ban chỉ huy đã nắm tình hình từ lâu.

"Thôi được, chuyện đã thế rồi", ông già nói. "Nếu anh đồng ý thì tôi muốn bắt tay vào việc ngay."

"Bất cứ lúc nào", tôi nói.

"Tôi đã nhờ người đại diện giới thiệu toán sư giỏi nhất, và người ta đã chọn anh. Ai cũng khen ngợi anh là người xuất sắc về kỹ thuật, có bản lĩnh và làm việc tận tình. Ngoài chuyện anh thiếu tinh thần đồng đội thì không có gì đáng chê cả."

"Tôi nghĩ là người ta hơi quá lời", tôi khiêm tốn nói.

Ông già lại bật cười hô hố. "Nhưng tinh thần đồng đội là chuyện vặt. Bản lĩnh mới quan trọng. Thiếu bản lĩnh thì không thành toán sư hạng nhất được. Bù lại thì anh cũng được trả lương hậu hĩnh."

Biết trả lời gì đây. Tôi im lặng. Ông già lại cười hô hố và đưa tôi qua phòng làm việc bên cạnh.

"Tôi nghiên cứu sinh học", ông nói. "Nhưng lĩnh vực công tác của tôi rộng hơn nhiều, chỉ riêng chữ sinh học thì không bao hàm hết được. Lĩnh vực của tôi dàn trải từ chức năng sinh lý của não, âm thanh học và ngôn ngữ học cho đến nghiên cứu tôn giáo. Tôi xin được phép gọi công việc của mình là độc đáo và có ý nghĩa cực kỳ trọng đại. Hiện tại tôi chủ yếu nghiên cứu khẩu cái của động vật có vú."

"Khẩu cái?"

"Cái miệng ấy, anh bạn trẻ ạ. Cấu trúc của miệng. Nó cử động ra sao, phát âm ra sao, vân vân. Tôi nghiên cứu các vấn đề đó. Anh hãy nhìn xem." Ông bật một công tắc trên tường, phòng làm việc sáng bừng lên. Cả bức tường đầu hồi là một cái giá nhiều ngăn, xếp chật ních đầu lâu của đủ loại động vật có vú. Từ hươu cao cổ đến ngựa, gấu trúc và chuột, các loài thú có vú mà tôi biết đều có mặt. Phải đến

ba, bốn trăm cái. Tất nhiên có cả sọ người. Sọ người da trắng và da đen, người châu Á và châu Mỹ, từng cặp giới tính một.

"Xương sọ của cá voi và voi tôi để dưới tầng hầm. Chúng chiếm tương đối nhiều chỗ, chắc anh cũng hiểu", ông già nói.

"Vâng, dĩ nhiên", tôi nói. Hai hộp sọ cá voi là chật phòng rồi.

Như hẹn nhau, tất cả các đầu lâu đều há hốc miệng ra, và đều chăm chăm nhìn từ hai hố mắt trống rỗng sang bức tường đối diện. Đó là những tiêu bản để nghiên cứu, đương nhiên, nhưng đứng giữa một núi đầu lâu như thế này cũng không được dễ chịu cho lắm. Trên một giá khác là một hàng dài toàn lưỡi, tai, môi và thanh quản ngâm phoóc môn, nhưng không nhiều như số xương sọ.

"Một bộ sưu tập khá đấy chứ?", ông già hài lòng nói. "Có người sưu tập tem, có người sưu tập đĩa hát, một số khác có hầm rượu vang, có ông triệu phú thì đặt xe tăng ngoài vườn. Tôi sưu tập đầu lâu. Thế giới muôn màu. Chính vì thế mà nó thú vị, đúng không anh bạn?"

"Vâng, đúng thế", tôi nói.

"Từ hồi còn khá trẻ tôi đã quan tâm nhiều tới xương sọ động vật có vú và rất để tâm sưu tập. Bao lâu nhỉ, ờ, gần bốn chục năm rồi. Để hiểu rõ một cái đầu lâu, cần có nhiều thời gian hơn người ta vẫn tưởng. So với việc ấy thì hiểu một con người bằng xương bằng thịt chỉ là trò trẻ con. Tôi nói hoàn toàn nghiêm túc đấy. Nhưng người còn trẻ như

anh thì người ta quan tâm đến xác thịt hơn, đúng không?", ông già nói và lại cười hô hố. "Tôi đã mất trọn ba chục năm cho đến khi nghe được những âm thanh phát ra từ xương sọ. Ba chục năm, bạn trẻ ạ, không phải là chuyện đùa đâu!"

"Âm thanh?", tôi nói. "Đầu lâu phát ra âm thanh?"

"Phải", ông già nói. "Mỗi cái đầu lâu có âm thanh riêng. Có thể gọi chúng là một dạng tín hiệu mật. Đầu lâu biết nói, tôi nói thế là theo nghĩa đen chứ không phải dùng ẩn dụ. Hiện tại tôi đang phân tích các tín hiệu này. Khi việc hoàn thành thì ta sẽ có khả năng chế ngự và sử dụng chúng."

"Một công trình hoành tráng", tôi nói. Tôi không hiểu từng chi tiết, nhưng nếu sự việc diễn ra như ông già nói thì rõ ràng đây là một công việc cực kỳ có ý nghĩa. "Quả là công trình có ý nghĩa trọng đại", tôi nói.

"Thực vậy", ông già gật đầu nói. "Chẳng trách bọn chúng cứ hau háu tìm hiểu. Chúng nó vểnh hết tai lên, chỉ chực lợi dụng kết quả nghiên cứu của tôi cho mục đích xấu. Nếu lọc được những ký ức khỏi xương sọ thì chẳng việc gì phải tra tấn nữa. Người ta chỉ việc giết chết nạn nhân, lóc thịt ra và làm sạch đầu lâu là xong."

"Khủng khiếp quá", tôi nói.

"Không rõ là may hay không may mà tôi chưa tiến xa đến thế. Hiện giờ người ta mới lấy được những ký ức chính xác khi lọc trực tiếp từ não được khuấy tan ra thôi."

"Nhân đạo nhỉ", tôi nói. Chặt đầu hay bổ não ra thì có gì khác nhau lắm đâu?

"Vì vậy tôi mới nhờ đến anh: không được để bọn ký

hiệu sự ăn cắp các thông tin từ phòng thí nghiệm", ông già nghiêm mặt nói. "Cuộc khủng hoảng văn minh mà chúng ta đang trải qua vốn sinh ra từ tình trạng lợi dụng và ứng dụng khoa học, xét về mặt tích cực lẫn tiêu cực. Tôi tin tưởng sắt đá rằng khoa học chỉ tồn tại vì khoa học mà thôi."

"Tôi kính trọng niềm tin của ông", tôi nói. "Nhưng có một chuyện tôi muốn biết rõ. Chuyện công việc. Nhiệm vụ lần này không đến từ Hệ thống hay từ một đại diện chính thức, mà do ông giao trực tiếp. Một việc ngoài luồng. Nói trắng ra là có thể vi phạm quy định nghề nghiệp. Nếu đúng thế thì có thể người ta sẽ kỷ luật tôi và tước giấy phép hành nghề. Ông biết điều đó chứ?"

"Tôi biết rất rõ", ông già nói. "Tôi hiểu là anh đang lo ngại. Nhưng công việc này được giao qua Hệ thống, hoàn toàn đúng quy định. Tôi bỏ qua thủ tục văn phòng và liên lạc thẳng với anh cũng chỉ vì lý do bảo mật. Anh sẽ không bao giờ bị kỷ luật."

"Ông có bảo đảm được không?"

Ông già lôi một cặp tài liệu trong ngăn kéo ra và đưa cho tôi. Tôi lật xem. Quả thật, có một văn bản giao việc chính thức của Hệ thống. Mẫu công văn chính xác. Các chữ ký chính xác.

"Rất tốt", tôi nói và trả lại cặp tài liệu. "Theo thứ hạng của mình, tôi làm việc theo *hệ số hai*. Được chứ ạ? *Hệ số hai* nghĩa là..."

"Nghĩa là anh tính gấp hai mức thù lao cơ bản. Tôi đồng ý. Thậm chí tôi còn thưởng thêm nữa: *hệ số ba!*"

"Ông hào phóng quá."

"Tính toán là chuyện quan trọng. Vả lại anh còn phải đi xuyên thác nước nữa!" Ông lại cười phá lên.

"Tôi xin được xem các số liệu đã", tôi nói. "Sau đó tôi sẽ quyết định sử dụng phương pháp nào. Ai là người tính toán trên máy tính?"

"Tôi làm trên computer của tôi. Trước đó và sau đó, nếu anh đồng ý, là việc của anh."

"Càng tốt. Sẽ đỡ cho tôi rất nhiều."

Ông già đứng dậy và mó máy một hồi lâu trên tường. Một khoảng tường đột ngột mở ra. Người ta hẳn đã tốn khá nhiều công sức cho phòng thí nghiệm này. Ông già rút ra một cặp tài liệu thứ hai và đóng lại. Bức tường biến trở lại thành một mặt phẳng trắng tinh như ban nãy. Tôi đón lấy cặp tài liệu và đọc: bảy trang giấy, in toàn những số nhỏ li ti.

"Rửa mấy số này không quá mười phút", tôi nói. "Ít có sự lặp lại dãy số tương tự như thế này thì hầu như không lo bị tạm thời bắc cầu tắt qua. Dĩ nhiên về lý thuyết thì vẫn luôn xảy ra khả năng ấy, song sẽ không chứng minh được cầu nào đúng, mà không chứng minh được thì không loại trừ được một chuỗi lỗi tiếp theo. Giống như băng qua sa mạc mà không có la bàn vậy. Tuy nhiên, nhà tiên tri Moses đã từng làm được."

"Moses thậm chí còn vượt biển."

"Đó là truyện cổ tích rồi. Ít nhất tôi cũng chưa nghe nói đến trường hợp ký hiệu sư nào phá được mật mã ở cấp độ này."

"Vậy anh cho rằng chỉ cần một lần mã hóa? Một lần chuyển dạng là đủ?"

"Chuyển dạng hai lần thì quá nhiều rủi ro. Nó sẽ triệt tiêu hoàn toàn khả năng xâm nhập bằng phương pháp bắc cầu tạm thời, nhưng phương pháp này hiện tại vẫn là một phép màu khó thực thi. Quá trình chuyển dạng chưa hoàn hảo. Phương pháp chuyển dạng hai lần vẫn còn trong giai đoạn thiết kế."

"Tôi không nói tới chuyển dạng hai lần", ông già nói và lại lấy ghim giấy gẩy gẩy da móng tay: lần này ở ngón giữa của bàn tay trái.

"Mà là..?"

"Chuỗi ngẫu nhiên, anh bạn trẻ ạ, tôi nói đến chuỗi ngẫu nhiên. Tôi muốn anh rửa số và sắp xếp theo dạng tình cờ. Vì vậy tôi mới gọi anh. Chỉ rửa số thôi thì gọi người khác cũng được."

"Ông đánh đố tôi", tôi nói và vắt chân chữ ngũ. "Ông lấy thông tin này từ đâu ra? Chuỗi số ngẫu nhiên là chuyện tối mật, người ngoài không ai biết cả."

"Nhưng tôi biết. Tôi có quan hệ với các nhân vật cấp cao trong hệ thống."

"Thế thì ông hãy dùng đường dây ấy để hỏi lại xem: phương pháp chuỗi số ngẫu nhiên đã bị đình chỉ. Tôi không biết tại sao. Chỉ biết là cấm không được sử dụng nữa. Nếu lộ ra người nào sử dụng thì rút giấy phép là nhẹ nhất."

Ông già lại chìa cặp tài liệu đựng giấy ủy thác ra. "Anh đọc trang cuối đi. Trong đó nhất định có cả giấy phép sử

dụng phương pháp chuỗi số ngẫu nhiên đấy."

Theo lời ông, tôi lật trang cuối ra đọc kỹ. Được phép sử dụng hệ thống chuỗi số ngẫu nhiên, không nghi ngờ gì cả. Tôi đọc đi đọc lại. Chính xác. Năm chữ ký. Có trời mà biết mấy vị trên kia có những trò ngấm ngầm gì. Bảo người ta đào hố rồi lại lấp đi. Lấp xong rồi lại đào lại. Chỉ khổ mấy quân tốt đen.

"Ông cho tôi tất cả các giấy tờ trao nhiệm vụ một bản màu. Nếu xảy ra chuyện gì mà không giải trình được thì tôi sẽ bị rắc rối to."

"Không thành vấn đề", ông già nói. Anh sẽ được nhận bản sao. Anh không phải lo lắng gì cả. Giấy tờ nghiêm chỉnh và chặt chẽ đến từng dấu phẩy. Thù lao của anh hôm nay tôi trả một nửa, nửa kia trả khi nộp dữ liệu. Được chứ?"

"Rất tốt. Rửa số thì tôi làm ngay ở đây. Số đã rửa rồi tôi sẽ đem về để sắp xếp theo dạng ngẫu nhiên ở nhà. Việc này cần mấy bước chuẩn bị. Sau khi hoàn thành các dữ liệu thì tôi lại đem qua đây."

"Nhưng chậm nhất là ba ngày nữa, vào giữa trưa tôi cần chúng..."

"Đủ thời gian", tôi nói.

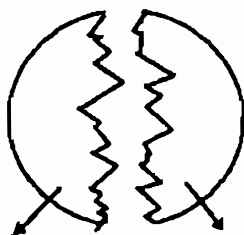
"Nhưng anh không được phép trễ vì bất cứ lý do gì", ông già nhấn mạnh. "Nếu anh đến chậm thì hậu quả sẽ rất kinh khủng."

"Gì cơ? Thế giới sẽ sụp đổ hay sao?", tôi hỏi đùa.

"*Xét về mặt nào đó thì đúng đấy*", ông già nói đầy ẩn ý.

"Ông đừng sợ. Tôi chưa trễ hẹn một lần nào hết", tôi nói. "Nếu được thì cho xin một phích cà phê đen nóng, và nước đá. Và một bữa ăn tối nhẹ để vừa làm vừa ăn. Tôi có cảm giác là sẽ lâu đây."

Quả thật công việc kéo dài khá lâu. Sắp xếp con số theo thứ tự là một việc tương đối đơn giản, nhưng có nhiều giá trị bậc gắn liền với trường hợp cụ thể, khiến việc tính toán trở nên mệt nhọc hơn tôi nghĩ khi mới ngó qua. Trong khi tính toán tôi đưa các số vào bán cầu não phải, sau khi chuyển chúng thành ký hiệu khác hẳn thì lại đưa sang bán cầu não trái là nơi tôi biến các ký hiệu nhận được của bán cầu não phải một lần nữa thành các số khác hẳn, trước khi tôi đánh máy viết chúng ra giấy. Việc này gọi là rửa số - cách miêu tả ở trên đã được đơn giản hóa nhiều. Mỗi toán sư có một mật mã riêng. Nó khác dãy số tự nhiên hỗn loạn ở tính chất biểu đồ. Bí quyết nằm trong đường biên hình răng cưa giữa nửa phải và nửa trái của não (tất nhiên đây chỉ là cách phân chia cho dễ giải thích, chứ thực tế không có phân chia phải trái). Vẽ ra biểu đồ trông như sau:



Nói cách khác, nếu hai mảnh răng cưa không khớp nhau hoàn toàn thì không thể biến những con số đã biến chuyển trở lại thành dữ kiện nguyên thủy được. Tuy nhiên giới ký hiệu sư vẫn cố nhận dạng các dữ liệu đánh cắp được bằng cách bắc cầu tạm: chúng tái tạo các giá trị số đã được phân tích thành dạng biểu đồ răng cưa ba chiều. Lúc được, lúc không. Chúng tôi cải tiến kỹ thuật của mình tinh vi hơn thì chúng cũng chế vũ khí chống lại tinh vi hơn. Chúng tôi bảo vệ dữ liệu, bọn chúng đánh cắp dữ liệu. Trò cảnh sát và kẻ cướp kinh điển.

Bọn ký hiệu sư chủ yếu tung các dữ liệu đánh cắp được ra chợ đen và đạt lợi nhuận khổng lồ. Trường hợp tệ nhất là chúng giữ lại các dữ liệu quan trọng nhất, đem sử dụng trong tổ chức riêng của mình để sinh lợi.

Tổ chức chúng tôi được gọi là Hệ thống, tổ chức của ký hiệu sư là Nhà máy. Ban đầu Hệ thống là tổ hợp của vô số hãng tư nhân, dần dần họ phát triển về tầm cỡ và mang bản chất nửa nhà nước. Về cơ cấu không khác mấy so với công ty điện thoại Bell Company của Mỹ. Các toán sư hoạt động độc lập trên cơ sở tự quản, giống như cố vấn tài chính hay luật sư. Nhưng họ phải có giấy phép hành nghề do nhà nước cấp và chỉ được nhận đặt hàng của Hệ thống hay các đại lý có chứng chỉ. Đó là một biện pháp bảo vệ để chống bị Nhà máy lạm dụng, ai vi phạm sẽ bị kỷ luật hay rút giấy phép hành nghề. Tôi e là không phải trong trường hợp nào biện pháp này cũng thích hợp. Các toán sư mất giấy phép thường được Nhà máy chiêu mộ, nghĩa là họ biến thành ký hiệu sư hoạt động bí mật.

Tôi không rõ cơ cấu của Nhà máy. Nó khởi nguồn từ một doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và bành trướng nhanh đến chóng mặt. Có người gọi Nhà máy là “mafia dữ liệu”, và quả thực cũng có sự tương đồng với mafia ở hình thức mạng lưới đông đảo các tổ chức hoạt động bí mật. Sự khác biệt với mafia là Nhà máy chỉ duy nhất buôn bán dữ liệu. Nhà máy giám sát có chủ ý các máy tính để đột nhập vào.

Tôi rửa số; trong khi làm tôi uống hết ấm cà phê. Làm việc một tiếng, nghỉ nửa tiếng - đúng quy định. Làm khác đi thì nửa phải và nửa trái của óc không rập khớp nhau, và giá trị số sẽ bị nhiễu loạn.

Trong các lần nghỉ nửa tiếng tôi nói chuyện với ông già về đủ mọi chuyện trời đất. Nói chuyện, bất kể về đề tài gì, là phương pháp tốt nhất để bộ não mệt mỏi tái tạo sức lao động.

“Những số này là gì vậy?”, tôi hỏi.

“Số đo trong thí nghiệm”, ông già nói. “Kết quả của một năm nghiên cứu. Hình ba chiều thể hiện thể tích xương sọ và khẩu cái được số hóa liên kết với phân tích ba nhân tố của các âm thanh phát ra. Tôi đã kể ban nãy là tôi mất ba chục năm để nghe được các âm thanh do xương sọ phát ra: nếu tính toán xong xuôi thì chúng ta sẽ đạt trình độ không chỉ thu được âm thanh một cách thụ động, mà còn biết được cơ sở lý thuyết của chúng nữa.”

“Và điều khiển được chúng?”

“Đúng thế”, ông già nói.

“Điều khiển được chúng sẽ có ích lợi gì?”

Ông già liếm môi trên và im lặng hồi lâu. "Sẽ có đủ kiểu lợi ích trên đời. Tôi không thể cho anh biết được, nhưng đó là những khả năng mà anh nằm mơ cũng không thấy nổi."

"Tắt âm thanh đi chẳng hạn?", tôi hỏi.

"Trúng đích, chính xác, hô hô hô." Ông già cười khoái trá. "Có thể kết hợp vào tín hiệu vốn có của xương sọ người và tắt âm thanh đi hay chỉnh to lên. Hình dáng hộp sọ mọi người rất khác nhau nên không thể tắt hẳn âm thanh được, nhưng có thể chỉnh cho khẽ hẳn đi. Nói đơn giản là làm cho các sóng âm thanh và sóng phản âm thanh cộng hưởng với nhau. Việc tắt âm thanh là một trong những kết quả nghiên cứu vô hại nhất của tôi."

Nếu đó là chuyện vô hại thì tôi có thể mường tượng ra các kết quả còn lại sẽ kinh khủng đến chừng nào. Nghĩ đến việc ai cũng có thể tắt hoặc tăng âm thanh là tôi sởn hết cả gai ốc.

"Âm thanh có thể tắt theo hai chiều, chiều nói và chiều nghe", ông già nói. "Chiều nghe là ví dụ như tiếng nước réo ban nãy, đồng thời ta cũng có thể tắt cả chiều nói. Nói thuộc về hành vi của cá nhân, có thể tắt đến một trăm phần trăm được."

"Ông có muốn công khai các kết quả ấy không?"

"Có mà dở hơi mới làm thế. Không", ông già phẩy tay. "Một chuyện thú vị như vậy không khi nào tôi lại đưa cho người lạ. Tôi chỉ làm để tự giải trí thôi." Ông lại cười hô hố. Tôi cũng cười.

Tôi chỉ định đăng thành quả nghiên cứu của mình lên tạp chí chuyên ngành, mà chẳng có ai hứng thú với âm thanh học cả, ông nói. "Còn lũ học giả bình thường thì quá

ngu để có thể hiểu luận thuyết của tôi. Thêm nữa là giới hàn lâm có thèm đếm xỉa đến tôi đâu."

"Giới ký hiệu sư cũng không ngu đâu. Về mặt giải mã thì bọn họ là những thiên tài. Họ đọc các kết quả của ông như đọc một cuốn sách mở ấy chứ."

"Tôi đã phòng xa rồi. Tôi đăng bài hoàn toàn ở dạng giả thuyết, không kèm dữ liệu, không miêu tả tiến trình. Bọn nó sẽ không bao giờ hiểu nổi đâu. Giới khoa học không để ý đến tôi, nhưng có hề gì! Một trăm năm nữa luận thuyết của tôi sẽ được chứng tỏ là đúng, với tôi thế là đủ."

"Hừm", tôi thốt lên.

"Vì vậy anh hãy rửa và đảo số đi."

"Vâng", tôi nói, "thưa ông."

Trong giờ tiếp theo tôi tập trung tinh thần tính toán. Rồi đến giờ nghỉ.

"Xin hỏi một câu nữa", tôi nói.

"Anh hỏi đi", ông già đáp.

"Về cô gái ở cửa. Đậm người, vận đồ màu hồng…"

"Đó là cháu tôi", ông già nói. "Con bé rất có năng khiếu, tuy còn trẻ nhưng đã giúp tôi nhiều việc nghiên cứu."

"Câu hỏi của tôi là: cô ấy bị câm, hay chỉ nói theo cách mà ông đã tắt tiếng đi?"

"Thôi chết", ông già đập tay lên đầu gối. "Tôi quên béng đi mất! Xong thí nghiệm rồi mà không chỉnh lại bình thường… Chết chết, tôi phải ra làm ngay."

"Vâng", tôi nói.

4

Thư Viện

Trung tâm thành phố là một quảng trường hình bán nguyệt phía bắc Cầu Cũ. Nửa kia hình bán nguyệt, nghĩa là phần còn lại của hình tròn, nằm về phía nam, bên kia sông. Hai hình bán nguyệt nọ có tên là Quảng trường Bắc và Quảng trường Nam, là hai phần của một tổng thể, song người ngoài nhìn vào lại có ấn tượng là chúng khác nhau đến mức đối nghịch. Đứng trên Quảng trường Bắc ta cảm nhận được sức nặng của một bầu không khí huyền bí, tựa như đây là nơi tụ họp sự tĩnh lặng của muôn nẻo thành phố đổ về từ bốn phương trời. Ngược lại thì ở Quảng trường Nam chẳng có gì để cảm nhận. Có chăng chỉ là một cảm giác mơ màng về sự khiếm khuyết tuyệt đối lơ lửng trên quảng trường.

Một tháp đồng hồ mọc giữa Quảng trường Bắc, trông như khoan thẳng vào nền trời. Nói cho đúng thì không thể gọi nó là tháp đồng hồ, mà chỉ là một *vật thể* có dạng tháp đồng hồ. Vì kim đồng hồ đứng im, và riêng như thế đã

không hoàn tất được công năng nguyên thủy của mình rồi.

Ngọn tháp xây bằng đá, đáy vuông và nhỏ dần lên cao. Bốn cạnh tháp quay về bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc. Trên đỉnh tháp là bốn mặt đồng hồ, các cây kim chỉ khoảng mười giờ ba lăm và không chuyển động lấy một li. Nhìn những ô cửa sổ nho nhỏ ngay phía dưới mặt đồng hồ thì đoán ra là ngọn tháp rỗng ruột, và người ta mong đợi nhìn thấy một cái thang hay thứ gì tương tự để leo lên, song không sao tìm thấy một lối vào. Ngọn tháp cao sừng sững, người ta phải đi qua Cầu Cũ về phía nam nếu muốn đọc được số trên mặt đồng hồ.

Những ngôi nhà xây bằng đá hay gạch tạo thành nhiều vòng cung bán nguyệt bao quanh Quảng trường Bắc theo hình rẻ quạt. Không ngôi nhà nào có một đặc điểm gọi là đáng nhớ - không một nét trang trí, thậm chí chẳng treo một tấm biển, các cánh cửa chớp đóng im ỉm, và không một bóng người đi ra đi vào. Tựa tựa như nhà bưu điện thiếu thư từ hay mỏ than thiếu thợ mỏ hay nhà quàn thiếu xác chết. Cứ mỗi lần đi ngang qua là tôi lại có cảm giác sau những bức tường vây quanh tôi có những người không hề quen biết đang nín thở làm tiếp những công việc mà tôi còn biết ít hơn nữa.

Thư viện nằm trong một góc phố như thế. Một ngôi nhà rất đỗi bình thường xây bằng đá, không khác các ngôi nhà khác về bất cứ phương diện nào. Tuyệt đối không có một dấu hiệu nào, một chi tiết bên ngoài nào chứng tỏ đây là thư viện. Trông bức tường đá rêu phong cũ kỹ, rèo ô văng

hẹp, cửa sổ rào song sắt và những cánh cửa gỗ nặng nề có thể cho nó là một kho ngũ cốc. Nếu ông gác cổng không phác họa khá chi tiết đường đi thì có lẽ tôi chẳng đời nào tin đó là thư viện.

"Chừng nào ổn định chỗ ăn ở rồi thì cậu nên đến thư viện", ông gác cổng dặn từ hôm đầu tôi mới đến đây. "Cậu nói với cô quản lý là cậu được thành phố trao nhiệm vụ đọc những giấc mơ xưa. Cô ấy sẽ chỉ cho cậu phần còn lại."

"Giấc mơ xưa?", tôi bất giác nhắc lại. "Ông nói giấc mơ xưa nghĩa là gì?"

Ông gác cổng ngừng tay gọt thanh gỗ tròn tròn bằng con dao nhỏ - một cái chêm, cọc gỗ hay thứ gì tương tự, rồi thu gọn mớ mùn gỗ vương trên bàn ném vào thùng rác.

"Giấc mơ xưa là giấc mơ xa xưa chứ sao nữa. Thư viện đầy mấy thứ đó. Cậu cứ xem kỹ những gì cậu thích là đủ."

Ông gác cổng kiểm tra kỹ thanh gỗ tròn đã làm xong, tỏ vẻ hài lòng và đặt nó vào giá sau lưng, cùng với chừng hai chục đồ vật tương tự.

"Cậu có quyền hỏi, nếu muốn, nhưng tôi có trả lời không là quyền *tôi*", ông gác cổng nói, hai tay chắp sau gáy. "Và cũng còn một số chuyện mà tôi *không thể* trả lời cậu được. Tóm lại là từ giờ trở đi cậu sẽ hằng ngày đi thư viện và đọc những giấc mơ xưa. Vì đó là công việc của cậu. Sáu giờ tối cậu đến đó, đọc đến mười, mười một giờ. Cô quản lý lo đồ ăn tối cho cậu. Trong thời gian còn lại cậu muốn làm gì thì tùy. Không có ràng buộc nào cả. Hiểu rồi chứ?"

"Hiểu ạ", tôi đáp. "Tôi sẽ làm công việc này bao lâu?"

"Bao lâu ư? Tôi không biết. Tôi nghĩ là đến một thời điểm thích hợp", ông gác cổng nói. Rồi ông rút trong đống gỗ ra một khúc vừa ý và bắt đầu vót.

"Thành phố này nghèo lắm, không có chỗ cho người ăn không ngồi rồi. Mỗi người có vị trí của mình, ai làm việc nấy. Việc của cậu là đọc các giấc mơ xưa ở thư viện. Chắc cậu không nghĩ là đến đây để rong chơi chứ?"

"Tôi đâu ngại công việc. Dù sao cũng hơn là chẳng có việc gì làm", tôi đáp.

"Thấy chưa", ông gác cổng nói, mắt vẫn nhìn mũi dao. "Kể từ giờ cậu là 'Người đọc mơ'. Cậu sẽ không có tên nữa. 'Người đọc mơ', đó là tên cậu. Như tên tôi là 'Người gác cổng' ấy mà. Hiểu chưa?"

"Hiểu", tôi đáp.

"Cũng như thành phố này chỉ có một người gác cổng, sẽ chỉ có một người đọc các giấc mơ. Người đọc mơ phải có chức vị. Tôi sẽ ban cho cậu chức vị đó." Nói đoạn ông lấy một cái đĩa trắng nhỏ và nông từ chạn bát đĩa, đặt lên bàn và đổ dầu vào. Sau đó ông bật diêm châm lửa. Rồi ông lấy trong chạn ra một con dao hình thù cổ quái, rộng bản như dao quệt bơ, hơ mũi dao mười phút trên ngọn lửa. Sau đó ông thổi tắt lửa và đợi lưỡi dao nguội đi.

"Chỉ để đánh dấu cho cậu thôi", ông gác cổng nói. "Không đau chút nào đâu, cậu không việc gì phải sợ. Thoắt một cái là xong ngay thôi."

Ông lấy ngón tay vạch mí mắt trên của tôi lên và chọc

mũi dao vào đồng tử của tôi. Nhưng, đúng như ông nói, không đau chút nào hết, và cũng lạ lùng là tôi chẳng thấy sợ gì cả. Mũi dao nhẹ nhàng và im lìm lách vào đồng tử của tôi như đâm vào miếng thạch. Ông lặp lại động tác đó bên mắt trái.

"Khi nào cậu xong việc đọc mơ của mình thì các vết sẹo cũng tự biến mất", ông gác cổng vừa nói vừa dọn đĩa và dao cất đi. "Có nghĩa là, có thể coi chúng là dấu nhận dạng của người đọc mơ. Nhưng chừng nào còn mang dấu hiệu này thì cậu hãy tránh xa ánh sáng ban ngày! Mắt cậu bây giờ không được nhìn vào mặt trời, hiểu chưa? Nếu cậu cứ làm thì hình phạt sẽ hiện ra nhãn tiền. Từ giờ cậu chỉ được ra ngoài vào buổi tối hay lúc nào trời nhiều mây. Những hôm có nắng thì cậu phải ở nhà và che phòng cho tối vào."

Nói xong ông đưa tôi một cặp kính đen và bảo tôi lúc nào cũng phải đeo, trừ khi ngủ.

Tôi mất ánh sáng mặt trời như vậy đấy.

Một buổi tối sau đó mấy hôm, rồi tôi cũng đến đứng trước cổng thư viện. Cánh cổng nghiến kèn kẹt khi tôi đẩy ra. Sau cửa là một hành lang dài thẳng tắp. Mọi thứ đầy bụi bặm, không khí tù hãm chắc đã hàng năm trời rồi. Gỗ lát nền lún mòn vẹt ở những chỗ nhiều người đi lại, lớp vữa trát tường có màu vàng xỉn bởi ánh sáng từ bóng đèn điện hắt vào.

Hai bên hành lang là dãy cửa chằng xích có khóa, trên nắm đấm cửa tích tụ một lớp bụi trắng. Chỉ có tấm cửa

mỏng mảnh bằng kính mờ ở cuối hành lang là không khóa. Phía sau cửa có ánh đèn. Tôi gõ mấy lần nhưng không có ai đáp. Tôi bèn xoay nắm cửa kiểu cổ bằng đồng thau; cửa mở nhẹ nhàng vào trong. Không thấy một bóng người. Căn phòng trống tuềnh toàng gợi nhớ đến một phòng đợi tàu quá lớn ở ga - không cửa sổ, không có gì đáng gọi là đồ trang trí. Một cái bàn thô sơ, ba ghế đẩu, bếp lò bằng gang đúc - chấm hết. Ngoài ra còn có một chiếc đồng hồ đứng và quầy sách. Một cái ấm đen sì có lớp tráng men sứt sẹo đặt trên bếp lò phì hơi trắng. Sau quầy sách là một tấm cửa kính mờ như cửa ra vào, và phía sau nó cũng thấy ánh sáng. Tôi lưỡng lự, không rõ có nên gõ cửa ấy không. Rốt cuộc tôi quyết định đợi đến khi có người đi ra.

Trên mặt quầy vương vãi vài cái ghim giấy màu bạc. Tôi cầm một cái lên nghịch chơi, lát sau tôi ra bàn ngồi.

Mười hay mười lăm phút trôi qua. Một cô gái bước ra từ cửa sau quầy, trong tay cầm kéo cắt giấy hay vật gì đó tương tự. Có vẻ như cô ta hơi giật mình khi thấy tôi, vì gò má cô chợt đỏ ửng. "Xin lỗi anh", cô nói với tôi, "em không biết là có người đến. Lẽ ra anh cứ gõ cửa đi chứ. Suốt buổi em dọn dẹp ở phòng trong. Lắm thứ lộn xộn quá."

Tôi im lặng nhìn cô một lúc lâu. Tôi linh cảm khuôn mặt cô đánh thức trong tôi một ký ức nào đó. Có gì đó ở người đàn bà này khuấy tung lớp *cặn* đọng dưới đáy tiềm thức của tôi. Tôi không rõ điều đó có nghĩa gì. Mọi thứ nằm vùi dưới bóng tối xa xăm. "Anh biết đấy, chẳng có ai

đến đây nữa. Ở đây chỉ còn những 'giấc mơ xưa' thôi, không còn gì khác."

Tôi khẽ gật đầu, mắt vẫn không rời khuôn mặt cô. Tôi cố đọc ra điều gì - trong mắt cô, trên môi, trên vầng trán cao và trong mái tóc búi ngược ra sau gáy, song tôi càng chìm sâu vào chi tiết thì cảm tưởng bao quát càng vuột khỏi tay tôi và càng nhạt nhòa đi. Tôi đành chịu, nhắm mắt lại.

"Xin lỗi, anh có vào nhầm nhà không? Ở khu này nhà nào trông cũng giống nhà nào", cô nói và đặt kéo xuống mặt quầy cạnh các ghim giấy. "Chỉ có người đọc mơ mới được sử dụng thư viện và đọc các giấc mơ xưa. Ngoài người ấy ra không ai được vào nhà này."

"Tôi đến đây để đọc mơ", tôi nói. "Đó là nhiệm vụ thành phố trao cho tôi."

"Xin lỗi, nhưng anh có thể bỏ kính xuống được không?"

Tôi bỏ cặp kính đen xuống và quay mặt qua phía cô. Cô nhìn sâu vào mắt tôi, vào đồng tử nhuốm màu xám bạc - dấu hiệu của người đọc mơ. Có cảm giác như ánh mắt của cô xuyên vào tận tâm can tôi.

"Được rồi. Anh đeo kính lại đi", cô nói. "Anh uống cà phê nhé?"

"Vâng, cảm ơn", tôi nói.

Cô đi lấy hai cái tách từ phòng trong, rót cà phê từ ấm ra và ngồi đối diện tôi.

"Em không chuẩn bị gì cho hôm nay cả. Anh cho phép chúng ta ngày mai bắt đầu đọc mơ", cô nói. "Phòng

này có hợp ý anh không? Em có thể mở khóa cho anh dùng một trong những phòng đọc."

"Anh không muốn phiền em", tôi đáp. "Em sẽ hỗ trợ anh chứ?"

"Vâng. Nhiệm vụ của em là bảo quản những giấc mơ xưa và giúp người đọc mơ."

"Anh và em đã gặp nhau ở đâu lần nào chưa?"

Cô ngẩng đầu nhìn tôi. Có vẻ như đang lục lọi trong trí nhớ, tìm một gợi ý, nhưng rồi cô bỏ cuộc và lắc đầu. "Anh biết đấy, ký ức ở thành phố này vốn mỏng mảnh và không ổn định. Người ta nhớ được vài chuyện, các chuyện khác thì quên. Anh tha lỗi, nhưng có lẽ em không nhớ ra anh."

"Không sao", tôi nói. "Không quan trọng."

"Nhưng biết đâu em đã gặp anh một lần ở đâu đó rồi cũng nên. Vì em chỉ toàn sống ở đây, và thành phố này cũng nhỏ."

"Anh mới đến đây được vài hôm."

"Mới được vài hôm?" Cô ngạc nhiên. "À, thế thì nhất định anh nhầm em với ai đó. Từ khi sinh ra em chưa rời thành phố này lần nào. Có lẽ anh thấy ai đó giống em chăng?"

"Ừ, hình như thế", tôi nói và chiêu cà phê. "Cũng là chuyện thường xảy ra với anh. Đôi khi anh nghĩ rằng mỗi người trong chúng ta ngày xưa đã từng sống ở một nơi khác, từng có một cuộc đời khác. Vì một lý do nào đó, chúng ta đã lú hết và hôm nay sống tiếp mà không hề biết gì về ngày xưa nữa. Đã bao giờ em có ấn tượng như thế chưa?"

"Không", cô nói. "Anh chỉ tưởng tượng ra thế thôi, vì anh là người đọc mơ mà. Người đọc mơ sống trong một thế giới tư duy và cảm xúc khác hẳn người thường."

"Có lẽ thế", tôi nói.

"Thế anh có biết ngày xưa anh ở đâu và làm gì không?"

"Anh không nhớ nổi", tôi đáp. Rồi tôi ra quầy lấy một cái ghim giấy, ngắm nó một lát. "Nhưng anh cảm giác rõ ràng có một cái gì đó từng tồn tại. Và cả chuyện anh từng gặp em ở đó nữa."

Trần phòng thư viện rất cao. Ở đây im lìm như dưới đáy biển. Tôi đưa mắt nhìn vơ vẩn khắp phòng, đầu óc trống rỗng và tay cầm ghim giấy. Cô gái lặng lẽ ngồi uống cà phê ở bàn.

"Anh cũng không rõ tại sao mình lại ở đây", tôi nói.

Tôi nhìn đăm đắm lên trần. Những giọt sáng vàng từ bóng đèn tỏa xuống bắt đầu phình lên và rúm lại. Chắc chắn vì con ngươi tôi bị thương tổn. Ông gác cổng đã biến đổi công năng của mắt tôi để chúng nhìn được những điều đặc biệt.

"Nhất định phải có lý do thì anh mới tới đây, nhưng bây giờ anh không nhớ ra nữa", tôi nói.

"Thành phố này rất yên tĩnh", cô nói. "Nếu thứ anh định tìm là sự tĩnh lặng thì chắc chắn anh sẽ thấy hài lòng ở đây."

"Ừ, có lẽ vậy", tôi trả lời. "Hôm nay anh làm việc gì ở đây?"

Cô lắc đầu, chậm rãi nhỏm dậy và dọn hai cái tách không đi. "Hôm nay không có gì cho anh làm ở đây cả. Mai ta sẽ bắt đầu công việc. Anh cứ về nhà nghỉ cho khỏe."

Tôi nhìn lần nữa lên trần, rồi nhìn mặt cô. Không nhầm được, tôi linh cảm khuôn mặt cô gắn chặt với gì đó trong tâm hồn tôi. Và chính cái *gì đó* đang khẽ lay động tâm hồn tôi. Tôi nhắm mắt và cố sục sạo trong tâm hồn tối tăm mù mịt của mình. Cũng là lúc sự tĩnh lặng trùm xuống người tôi như một lớp bụi mỏng tang.

"Sáu giờ ngày mai anh quay lại", tôi nói.

"Tạm biệt", cô đáp.

Rời khỏi thư viện, tôi đứng tựa vào thành Cầu Cũ, lắng nghe tiếng sông chảy rì rào và ngắm nhìn thành phố. Bầy thú đã biến mất. Tất cả chìm trong bóng tối xanh nhợt của chiều tà - tháp đồng hồ, tường thành bao quanh thành phố, dãy nhà ven sông, dãy núi phía bắc nhấp nhô hình lưỡi cưa. Ngoài tiếng nước reo, không một tiếng động nào khác lọt tới tai tôi. Cả những con chim cũng được lệnh bay tới đâu đó rồi thì phải.

Cô ta nói, có lẽ tôi tới đây tìm sự yên tĩnh. Nhưng tôi không thể nào chứng thực được điểm này.

Quanh tôi đã tối mịt, và khi đèn đường ven sông bật lên thì tôi lên đường về phía Đồi Tây, qua những con phố vắng ngắt bóng người.

5

Lập Bảng Tính Toán, Tiến Hóa, Hứng Tình

Trong khi ông già trở lên để trả lại tiếng nói cho cô cháu gái mà ông đã bỏ lại trong tình trạng câm lặng, tôi vừa uống cà phê vừa lập bảng tính toán.

Tôi thực sự không rõ ông vắng mặt bao lâu. Tôi đặt chế độ báo thức trên đồng hồ đeo tay theo chu kỳ 1 tiếng - 30 phút - 1 tiếng - 30 phút, và theo nhịp đó tôi làm tính - giải lao - làm tính - giải lao. Tôi tắt chế độ hiển thị giờ. Cứ nghĩ đến thì giờ thì sẽ ảnh hưởng đến việc tính toán. Đối với công việc của tôi thì hiện tại đang là mấy giờ chẳng có ý nghĩa gì cả. Khi tôi bắt đầu tính thì công việc bắt đầu, và khi tôi tính xong thì công việc chấm dứt. Chỉ riêng chu kỳ 1 tiếng - 30 phút - 1 tiếng - 30 phút là quan trọng.

Trong lúc ông già đi khỏi, tôi cho là mình đã giải lao hai hay ba lần. Tôi nằm ra sofa và không nghĩ đến chuyện gì nhất định: Rồi đi vệ sinh, tập chống đẩy. Nằm trên cái

sofa này rất thoải mái. Không cứng quá, cũng không mềm quá. Vì công việc của mình tôi đi khắp nơi, và đến giờ giải lao là tôi nằm ra, song hiếm khi tìm được một chiếc sofa thoải mái. Thường là những đồ vật thô thiển mà người ta mua về hú họa chẳng suy tính. Ngay cả những sofa đẹp, thoạt trông biết ngay là loại đắt tiền, cũng thường làm ta thất vọng khi duỗi cẳng ra nằm trên đó. Thật khó lý giải tại sao người ta lại vô tâm vô tính đến thế khi chọn mua sofa.

Tôi tin chắc - một trong những định kiến của tôi - rằng sự tinh tế của con người thể hiện trong chính cách chọn sofa. Sofa là một trong những thành trì vững chãi bất khả công phá. Chỉ ai lớn lên cùng những bộ sofa dễ chịu mới biết điều đó. Hệt như khi người ta trưởng thành trong môi trường sách hay hoặc nhạc hay. Một bộ sofa tốt sẽ sinh ra một bộ sofa tốt, một bộ tồi đẻ tiếp ra một bộ tồi. Đời là vậy.

Tôi quen khối người đi ô tô cực kỳ xịn, nhưng ở nhà thì ngồi bộ sofa giỏi lắm là hạng hai hay hạng ba. Họ không đáng để tôi tin. Ô tô đắt thì có giá trị của nó, không phải bàn, nhưng nó vẫn chỉ là một chiếc ô tô đắt tiền mà thôi. Ai có tiền là mua được. Nhưng để mua nổi một bộ sofa tử tế thì người ta cần có nhân cách, kinh nghiệm, triết lý. Tiền thì cũng cần, nhưng không chỉ tiền là đủ. Không hiểu thấu đáo thế nào là sofa thì người ta không bao giờ mua được sofa thượng hạng.

Không nghi ngờ gì, bộ sofa của ông già mà tôi đang duỗi dài nằm nghỉ là một bộ hạng nhất. Nó khiến tôi cảm

tình với ông. Tôi duỗi chân, nhắm mắt, ngẫm nghĩ về ông già có cách nói cười kỳ khôi. Tôi mường tượng ra việc ông tắt âm thanh: không nghi ngờ gì, với kỳ tích này ông thuộc vào hàng ngũ các nhà khoa học đầu bảng. Lấy đâu ra một nhà khoa học bình thường biết bật tắt âm thanh? Một nhà khoa học bình thường thậm chí còn không nghĩ ra điều đó. Với lại, thêm vào đó ông già này còn phải là người tương đối khác đời nữa. Trong giới khoa học vốn không hiếm loại người lập dị và thù nghịch, nhưng ai tiến xa được đến mức xây một phòng thí nghiệm bí mật sâu tít trong lòng đất, lẩn tránh mắt nhìn của thế gian sau một thác nước?

Nếu ông tung kỹ thuật tắt bật âm thanh này ra bán thì chắc chắn sẽ kiếm được bộn tiền. Trước tiên là các trang bị âm thanh sẽ biến khỏi mọi phòng hòa nhạc. Người ta sẽ không cần các máy tăng âm khổng lồ nữa. Ngoài ra có thể triệt tiêu mọi tạp âm. Máy bay lắp máy triệt âm sẽ được dân chúng ở cạnh sân bay tưng bừng chào đón. Mặt khác, công nghệ này sẽ được ứng dụng cho vô số mục đích quân sự và hình sự. Người ta sẽ khẩn trương thiết kế các kiểu phi cơ ném bom không tiếng động và súng ống vô thanh. Nhưng cũng sẽ xuất hiện loại bom mà sóng nổ của nó xé nát óc, và kỹ thuật giết người bằng hệ thống âm thanh sẽ ngày càng tinh xảo hơn. Chắc chắn ông già ý thức được điều đó, giữ kín kết quả nghiên cứu của mình, vì vậy ông không phổ biến chúng. Mối lúc, ông càng chiếm nhiều cảm tình của tôi hơn.

Tôi đang trong chu kỳ làm việc thứ năm hay thứ sáu

thì ông già quay về. Ông xách một giỏ lớn.

"Tôi có cà phê mới pha và mấy cái bánh mì kẹp", ông nói. "Nhân dưa chuột, giăm bông và phô mai. Hy vọng đúng ý anh."

"Rất cảm ơn ông. Đúng món tôi thích", tôi nói.

"Anh có muốn ăn ngay không?"

"Tôi làm hết đợt này đã."

Khi đồng hồ phát tiếng báo hiệu thì tôi đã rửa được năm trong số bảy danh sách số liệu. Việc đã gần xong. Tôi đứng dậy, vươn vai hết cỡ và vớ lấy chỗ bánh mì kẹp, có lẽ phải nhiều bằng năm, sáu suất ăn ở nhà hàng hay quán ăn nhanh. Tôi lặng lẽ ngồi ăn một mình hết hai phần ba chỗ bánh. Mỗi lần rửa số lâu lâu là tôi rất đói. Tôi đút bánh vào mồm đúng thứ tự: dưa chuột, giăm bông, phô mai, rồi chiêu thêm cà phê nóng cho trôi.

Trong lúc tôi ăn hết ba cái bánh thì ông già ăn một cái. Chắc là ông thích dưa chuột: ông tẽ đôi các miếng bánh mì kẹp, thận trọng rắc một lượng muối như nhau rồi ăn hết; nghe có tiếng nhai rào rạo rất khẽ. Trông ông già ăn bánh kẹp tôi liên tưởng đến một chú dế có nết ăn uống lịch thiệp.

"Anh ăn đi, cứ thoải mái mà ăn", ông nói. "Già rồi thì kém ngon miệng đi. Ăn có chừng mực, làm có chừng mực. Còn người trẻ thì phải chén thoải mái. Chén thoải mái và lên cân thoải mái. Nói chung người ta không thích lên cân và béo, nhưng tôi nói để anh hay, lý do là vì người ta béo không đúng cách. Béo không đúng cách thì sinh bệnh và xấu xí. Nhưng béo đúng cách thì khác hẳn. Người ta hưng

phấn, tăng hứng thú tình dục, đầu óc sáng suốt. Bây giờ tôi gầy như cái que, nhưng hồi trẻ tôi cũng béo!" Ông già cười rổn rảng. "Anh thấy bánh kẹp cũng khá đấy chứ?"

"Cực ngon là đằng khác", tôi khen. Bánh ngon thực sự. Trong chuyện bánh mì kẹp tôi cũng kỹ tính như khi chọn sofa, song đúng là mấy cái bánh này hoàn toàn đạt yêu cầu chất lượng nghiêm ngặt của tôi.

"Cháu gái tôi làm để thết anh đấy!", ông già nói. "Bánh kẹp là sở trường của nó."

"Bánh rất tuyệt. Chẳng bếp trưởng nào làm hơn được."

"Thế thì tôi rất vui. Và nếu con bé nghe thấy anh khen cũng sẽ rất vui. Hiếm khi chúng tôi có khách, nó chẳng khi nào có dịp làm các món và nghe ý kiến của người khác. Nó vẫn vào bếp, nhưng khi ăn thì chỉ có hai chúng tôi thôi."

"Hai ông cháu sống một mình?"

"Phải, đã mấy năm nay. Tôi rút lui khỏi thế giới này lâu rồi, và chuyện đó lây sang con bé khiến tôi rất khổ tâm. Nó không bao giờ ra ngoài. Nó thông minh và khỏe mạnh, nhưng không chịu tiếp xúc với mọi người. Khi trẻ thì người ta phải tiếp xúc với xung quanh. Động lực tình dục phải được xử lý đúng hướng. Xét về tính dục thì trông nó hấp dẫn đấy chứ, anh thấy sao?"

"Đúng thế thật, không có gì phải bàn", tôi nói.

"Hứng thú tình dục là một năng lượng tích cực, chắc chắn là thế. Nếu nó không có van điều chỉnh, nếu nó bị đè nén thì não không làm việc sáng suốt được, và người ta sẽ mất cân bằng cơ thể. Cả ở đàn ông lẫn đàn bà. Đàn bà sẽ bị

kinh nguyệt thất thường, và kinh nguyệt thất thường đi đôi với tâm tính bất ổn."

"Ra thế", tôi nói.

"Con bé phải chóng có một người đàn ông hợp với nó. Tôi tin chắc như vậy, với tư cách là người giám hộ và nhà sinh học."

"Ông đã chỉnh được âm thanh của cô ấy cho đúng như cũ chưa?", tôi hỏi để đổi đề tài. Trong lúc làm việc tôi không thích nghe kể về động lực tình dục của người khác cho lắm.

"À, tôi quên không kể cho anh nghe", ông già nói. "Tất nhiên rồi, âm thanh được phục hồi lại rồi. Tôi cũng phải cảm ơn anh đã nhắc nhở. Không thì chẳng biết con bé sẽ không phát âm được bao lâu nữa. Mỗi lần chui xuống đây là còn lâu tôi mới lên trên kia. Mà sống thiếu âm thanh cũng khó chịu lắm."

"Đúng thế đấy", tôi đồng tình.

"Như tôi đã kể, con bé hầu như không có quan hệ xã hội, vì vậy thiếu âm thanh cũng không thiệt thòi gì, nhưng ví dụ khi dùng điện thoại thì sẽ có vấn đề. Đã vài lần tôi gọi điện lên và ngạc nhiên không thấy ai nhấc máy. Tôi đãng trí quá đi mất!"

"Nếu không phát âm thì cô ấy có vấn đề khi đi chợ không?"

"Không, không sao", ông già nói. "Thế giới ngoài kia có những siêu thị mà không cần nói một lời nào cũng mua hàng được. Rất thoải mái. Nó thích siêu thị, và rất hay đến

đó mua hàng. Có thể nói là cuộc sống của nó diễn ra giữa siêu thị và văn phòng."

"Cô ấy không về nhà sao?"

"Nó thích văn phòng. Ở đấy có bếp và nhà tắm, có thể sống tử tế. Nó về nhà nhiều nhất là mỗi tuần một lần."

Tôi gật đầu không rõ lý do và uống một ngụm cà phê.

"Nhưng anh đã giao tiếp tốt với nó", ông già nói. "Anh làm thế nào? Thần giao cách cảm à?"

"Bằng cách đọc môi. Trước đây tôi có theo một khóa học buổi tối về đọc môi. Hồi ấy tôi rỗi rãi không biết làm gì, và tôi nghĩ có thể một lúc nào đó sẽ có lợi."

"Đọc môi, à, tất nhiên", ông già nói và gật đầu liên tục. "Đúng là một kỹ thuật lợi hại. Tôi cũng biết một chút. Thế nào, ta thử nói chuyện câm một chút xem sao nhé?"

"Không nhất thiết. Tôi thích nói ra tiếng hơn", tôi vội nói. Hai lần liền trong một ngày thì hơi quá.

"Tất nhiên đọc môi là một kỹ thuật cực kỳ thô sơ, có nhiều khiếm khuyết. Trời tối là không hiểu gì, và luôn luôn phải nhìn vào miệng người kia. Nhưng có thể dùng làm kỹ thuật quá độ cũng được. Anh học môn này, chứng tỏ có tầm nhìn xa trông rộng."

"Kỹ thuật quá độ?"

"Chính xác", ông già nói và gật đầu lần nữa. "Nói riêng cho anh biết: thế giới này sẽ hoàn toàn không có tiếng động trong tương lai."

"Không có tiếng động?", tôi bất giác hỏi lại.

"Chính xác. Im phăng phắc. Trong quá trình tiến hóa

của con người, tiếng nói không chỉ không cần thiết, mà còn gây cản trở nữa. Chẳng chóng thì chày, tiếng nói và âm thanh sẽ mất đi."

"Ông định nói là", tôi hỏi, "tiếng chim hót, suối reo, ca nhạc và các tiếng khác sẽ biến mất?"

"Chính là ý tôi muốn nói."

"Thế thì sẽ buồn tẻ và đơn côi lắm."

"Đó là bản chất của tiến hóa. Tiến hóa bao giờ cũng cay đắng. Và buồn nữa. Không thể có tiến hóa vui vẻ đâu", ông già nói và đứng dậy đi ra bàn giấy lấy một cái cắt móng tay trong ngăn kéo. Ông quay lại sofa và cắt móng tay, bắt đầu từ ngón cái tay phải và chấm dứt với ngón út tay trái. "Tôi đang trong giai đoạn nghiên cứu và không thể nói cho anh biết một cách chi tiết, nhưng về đại thể thì mọi việc sẽ diễn ra như vậy. Tuy nhiên anh đừng hé một lời nào ra với bên ngoài. Để cho bọn ký hiệu sư nghe phong thanh được chuyện này là sẽ bắt đầu lắm chuyện đấy."

"Ông đừng lo. Không ai giữ bí mật tốt hơn các toán sư chúng tôi."

"Biết được thế là tốt", ông già nói và lấy một tấm bưu thiếp vun các vụn móng tay đổ vào thùng rác. Rồi ông lấy một bánh mì kẹp dưa chuột, rắc muối và ăn. "Ngon thật, không thể nói khác được."

"Cháu ông nấu giỏi lắm nhỉ?", tôi hỏi.

"Không, thật ra thì không, giỏi nhất là bánh mì kẹp thôi. Nói thế không có nghĩa là nó nấu ăn kém, nhưng nghệ thuật bếp núc của nó không so với bánh kẹp được."

"Làm bánh kẹp phải có một năng khiếu riêng", tôi nói.

"Đúng thế", ông già nói. "Đúng thế đấy. Tôi có cảm giác là anh hiểu nó rất rõ. Tôi có thể trao nó cho anh không chút băn khoăn."

"Trao cho tôi?", tôi hơi giật mình. "Chỉ vì tôi khen món bánh kẹp của cô ấy?"

"Anh không thấy ngon sao?"

"Thậm chí rất ngon", tôi nói. Và tôi tưởng tượng ra cô gái mũm mĩm, nhưng sơ sơ thôi, không để ảnh hưởng đến công việc tính toán của mình. Rồi tôi uống một ngụm cà phê.

"Nếu anh hỏi thì tôi nói: anh có một thứ. Hay ngược lại: anh thiếu một thứ. Kết quả là một."

"Đôi khi tôi cũng nghĩ thế về mình", tôi cởi mở thú thực.

"Chúng tôi, những người làm khoa học, gọi đó là quá trình tiến hóa. Một quá trình bất khả kháng, sớm muộn rồi anh sẽ hiểu ra. Điểm bất khả kháng của tiến hóa là, hừm, anh có biết là gì không?"

"Tôi không biết. Ông hãy khai hóa tôi đi."

"Là ta không được phép chọn. Tiến hóa nằm cùng danh mục với lũ lụt, tuyết lở, động đất. Trước khi nó xảy ra thì người ta không thể biết, và khi nó xảy ra rồi thì đã muộn."

"Ra thế", tôi nói. "Khi nói đến tiến hóa, ông ám chỉ sự mất âm thanh? Tôi sẽ không nói được nữa?"

"Nếu tôi phải nói chính xác thì - không. Vấn đề thực sự không phải là người ta nói được hay không nói được. Đó chỉ là một bước, không hơn không kém.

"Tôi không hiểu", tôi nói. Nói chung tôi là một người chân thật. Nếu tôi hiểu thì nói là tôi hiểu, và nếu không hiểu thì cũng nói là không hiểu chứ không nói nước đôi. Tôi cho rằng hầu hết các vấn đề sinh ra từ cách thể hiện không mạch lạc. Nhiều người nói ra không mạch lạc vì họ bất giác, nghĩa là vô ý thức gặp phải vấn đề, tôi tin là vậy và không có lời giải thích nào khác.

"Thôi ta không nói tiếp chuyện này nữa", ông già đáp và lại cười theo kiểu rất đặc biệt của mình, làm tôi váng cả tai. "Chúng ta nên giữ chừng mực, mấy thứ quá phức tạp chỉ tổ làm anh rối trí trong khi tính toán."

Tôi cũng đồng ý và quay về rửa số, vả lại đồng hồ cũng vừa kêu. Ông già lấy một thứ gì đó trong ngăn kéo bàn giấy ra, trông như cái kẹp gắp than bằng inox, cầm nó vào tay phải và đi đi lại lại trước giá đựng các hộp sọ, gõ vào chỗ này chỗ nọ và lắng nghe. Trông ông như một nghệ sĩ vĩ cầm bậc thầy đứng trước bộ sưu tập các cây đàn Stradivarius, thỉnh thoảng chọn một cây và lấy ngón tay gảy vào dây để thử. Chỉ qua các âm thanh đã có thể thấy, ông già có một tình yêu khác thường đối với các hộp sọ. Mỗi đầu lâu trong bộ sưu tập này đơn giản gọi là "đầu lâu", nhưng quả thật chúng sinh ra những âm thanh cực kỳ khác nhau. Có cái kêu như cốc whiskey, cái khác nghe như một chậu cây cảnh loại lớn. Và tất cả các đầu lâu ấy đã từng có

da thịt phủ lên, chúng đã từng bao bọc những bộ óc có kích thước khác nhau, từng nghĩ đến ăn uống và làm tình. Bây giờ thì tất cả đã tan biến, chỉ còn các âm thanh khác nhau đọng lại. Âm thanh như thủy tinh, chậu cây, ấm trà, như thùng gỗ, ống chì.

Tôi tưởng tượng ra đầu lâu của mình bị lột da róc thịt và hút hết não ra, nằm trên cái giá kia và bị ông già lấy kẹp gắp than gõ vào. Tôi sởn gai ốc. Liệu ông già sẽ nghe thấy gì từ đầu lâu của tôi? Ông sẽ nghe ra những ý nghĩ xa xưa của tôi, hay nghe những gì chẳng liên quan đến ý nghĩ của tôi?

Bản thân cái chết không làm tôi sợ lắm. Như lời Shakespeare: ai chết năm nay thì sang năm khỏi phải chết. Kể ra cũng đơn giản. Nhưng sau khi chết phải làm cái đầu lâu nằm trên giá và bị kẹp gắp than gõ lên thì tôi không khoái lắm. Chỉ nghĩ đến chuyện sau khi chết bị người ta lấy gì trong người ra là tôi đã thấy ngán ngẩm. Cuộc sống không đơn giản, hoàn toàn không đơn giản, nhưng tôi vượt qua ghềnh thác của nó theo kiểu tôi cho là đúng. Và thế là ổn. Như Henry Fonda trong *Warlock.* Nhưng chết rồi thì tôi muốn ngủ yên. Tôi tin là đã hiểu được các vua Ai Cập, họ nhất định sau khi băng hà phải được chôn trong Kim Tự Tháp.

Mấy tiếng sau thì tôi rửa hết số. Tôi không rõ mình đã cần bao nhiêu thời gian vì tôi không nhìn đồng hồ, nhưng dựa vào tình trạng kiệt quệ của mình mà đoán thì chắc là tám, chín tiếng đã trôi qua. Một công việc đáng kể. Tôi

nhỏm dậy khỏi sofa, ngáp trẹo quai hàm và làm mấy động tác thư giãn. Cẩm nang toán sư miêu tả ở dạng biểu đồ một số động tác thư giãn cho hai mươi sáu nhóm cơ. Nếu tập thật chuẩn xác theo hướng dẫn thì bộ não sẽ chóng hồi phục, và hồi phục càng nhanh thì người ta càng làm việc tính toán này được lâu hơn. Hệ thống toán sư mới tồn tại chưa đầy mười năm, do đó không ai biết rõ sẽ làm nghề này được bao lâu. Người này nói mười năm, người khác nói hai chục năm. Lại có người quả quyết làm được cả đời. Song cũng có lý thuyết cho rằng sớm muộn thì toán sư sẽ thành cái xác không hồn. Tất cả đều chỉ là phỏng đoán. Cái mà tôi làm được là tận tụy thực hành thư giãn hai mươi sáu nhóm cơ. Chuyện phỏng đoán thì xin nhường cho các nhà phỏng đoán.

Xong bài thư giãn, tôi ngồi xuống sofa, nhắm mắt và từ từ ghép não phải và não trái thành một thể thống nhất. Đó là bước cuối cùng của công việc. Theo đúng cẩm nang.

Ông già đặt lên bàn một cái đầu lâu, trông như của một con chó to. Ông đo thật chính xác bằng thước rút rồi ghi các số đo bằng bút chì lên bản sao chụp đầu lâu.

"Anh xong chưa?", ông già hỏi.

"Xong", tôi nói.

"Một núi việc. Cảm ơn anh!", ông nói.

"Bây giờ tôi về nhà đi ngủ. Mai hoặc ngày kia tôi sẽ đảo dãy số ở nhà và đem kết quả đến cho ông, chậm nhất vào trưa ngày kia. Như thế là ổn chứ?"

"Tuyệt vời, tuyệt vời", ông già gật đầu. "Nhưng phải

tuyệt đối đúng giờ đấy! Anh không được phép trễ hẹn! Hậu quả sẽ rất khủng khiếp."

"Ông cứ tin tôi", tôi nói.

"Và anh chú ý đừng để danh sách bị mất cắp. Nếu chúng bị mất thì tôi sẽ bay đầu. Cả anh nữa."

"Ông đừng lo. Về mặt này thì chúng tôi được đào tạo cực tốt, không ai ăn cắp được số liệu đã rửa đâu." Tôi lấy trong túi bí mật may lẩn trong túi quần ra một vật trông như ví tiền bằng kim loại dùng để cất các tài liệu quan trọng, cho danh sách dữ liệu vào đó rồi khóa lại. "Chỉ mình tôi mở được khóa này. Nếu người khác thử phá khóa thì tài liệu sẽ bị hủy."

"Thông minh đấy", ông già nói.

Tôi cất ví vào túi bí mật trong túi quần.

"Anh có muốn ăn thêm vài chiếc bánh kẹp không? Còn mấy cái nữa đây, trong khi làm việc hầu như tôi không ăn gì, mà để thừa thì phí quá."

Tôi nhận lời mời vì vẫn thấy đói, và ăn hết chỗ bánh còn lại. Bánh kẹp dưa chuột mà ông già thích ăn đã hết, chỉ còn bánh kẹp giăm bông và phô ma. Nhưng do tôi không khoái dưa chuột lắm nên thế là ổn. Ông già rót thêm cà phê.

Tôi lại mặc áo mưa vào, đeo kính bảo hộ và cầm đèn pin đi ngược trở lại con đường ngầm. Lần này ông già không đi cùng.

"Tôi đã dùng sóng âm để đuổi bọn ma đen đi rồi,

trước mắt chúng sẽ không quay lại lần nữa đâu", ông già nói. "Bản thân bọn chúng cũng sợ mò tới đây, chẳng qua là bị lời đường mật của bọn ký hiệu sư gạ gẫm, vì vậy chỉ cần dọa một chút là đủ."

Tuy nhiên, sau khi biết bọn ma đen hay đồng đảng của chúng có mặt dưới lòng đất này, tôi thấy không thoải mái lắm khi một mình đi xuyên màn đêm. Và càng ngại hơn, khi tôi không biết bọn ma đen thực sự là cái gì, chúng có hình dạng gì, thói quen gì, và phải làm gì để tự vệ khi gặp chúng. Tôi đi trở lại con đường cũ, dọc theo con suối ngầm, tay trái cầm đèn pin, tay phải cầm dao.

Tới chân chiếc thang nhôm dài mà tôi đã trèo xuống lúc đến đây, tôi phát hiện cô nàng béo trong bộ đồ hồng đứng đó và cảm thấy như vừa được giải cứu. Cô lia đèn pin. Khi tôi đến trước mặt, cô nói gì đó nhưng tiếng suối chảy hình như đã được bật trở lại, khiến tiếng nước réo át hết tất cả. Trời tối làm tôi không đọc được cử động môi, vì thế chẳng hiểu cô ta nói gì.

Chúng tôi trèo thang lên trên, lên phía ánh sáng. Tôi trèo trước, cô gái theo sau. Thang dài kinh khủng. Khi trèo xuống, do tối mịt nên tôi cứ trèo mà không thấy sợ. Nhưng bây giờ tôi có thể tưởng tượng ra độ cao sau từng gióng thang một; mồ hôi lạnh túa ra trên mặt và dưới nách tôi. Chắc thang phải cao bằng ba, bốn tầng nhà, thêm vào đó là hơi ẩm làm các gióng thang trơn nhẫy, phải thận trọng từng bước để khỏi trượt chân.

Giữa chừng tôi chỉ muốn nghỉ lấy hơi, nhưng có cô gái

thì không dừng lại được, rốt cuộc chúng tôi trèo một lèo hết thang. Nghĩ đến chuyện ba hôm nữa phải đi đường này xuống phòng thí nghiệm là tôi gai cả người, nhưng biết làm sao bây giờ? Tất cả được tính trong số tiền thù lao cả rồi.

Chúng tôi trèo qua tủ tường vào phòng, cô gái đỡ lấy kính và cởi áo choàng cho tôi. Tôi lột ủng ra và đặt đèn pin cạnh đó.

"Công việc xong xuôi rồi chứ ạ?", cô hỏi. Giọng cô - lần đầu tiên tôi nghe được - mềm mại và trong trẻo.

Tôi nhìn cô và gật đầu. "Nếu chưa xong việc thì tôi đã chưa quay lại. Việc chúng tôi là thế."

"Cảm ơn ông đã nhắc ông tôi bật lại tiếng. May quá. Cả tuần mất tiếng rồi."

"Sao cô không viết ra giấy để báo cho tôi? Tôi sẽ rõ chuyện sớm hơn và đỡ được mấy rắc rối."

Cô gái im lặng đưa mắt nhìn lên bàn làm việc và chỉnh lại đôi bông tai lớn cho ngay ngắn. "Quy định là quy định", cô nói.

"Không cho phép bút đàm?"

"Đó cũng là một quy định."

"Ra thế", tôi nói.

"Tất cả những gì có thể gây ra thoái bộ đều bị cấm."

"Tôi hiểu", tôi công nhận. Họ đề phòng.

"Ông bao nhiêu tuổi?", cô gái hỏi.

"Ba lăm", tôi nói. "Còn cô?"

"Mười bảy", cô nói. "Tôi chưa gặp một toán sư bao giờ. Cả ký hiệu sư cũng chưa."

"Cô mới mười bảy tuổi thật à?"

"Tất nhiên. Tôi không bao giờ nói dối. Tôi mười bảy tuổi thật. Nhưng trông tôi già hơn phải không?"

"Vâng", tôi thật thà nói. "Trông cô như trên hai mươi."

"Tôi cũng không muốn trông như mười bảy."

"Cô có đi học không?"

"Tôi không muốn nói chuyện đi học. Ít nhất là không nói hôm nay. Lần sau tôi sẽ nói."

"Okay", tôi nói. Cô ta có lý do của mình.

"Toán sư là người thế nào?"

"Ngoài công việc thì bất kể là toán sư hay ký hiệu sư, chúng tôi sống rất bình thường, như những người rất bình thường."

"Có thể những người bình thường thì bình thường, nhưng cuộc sống của họ không gọi là cuộc sống được."

"Hừm, nhận định như thế cũng được", tôi nói. "Ý tôi muốn nói đến một vỏ ngoài rất bình thường. Chúng tôi đi tàu điện và không có gì đáng chú ý, ăn như mọi người, uống bia - à, rất cảm ơn cô về món bánh kẹp. Rất tuyệt."

"Thật ạ?", mặt cô sáng lên.

"Bánh kẹp thì tôi đã được ăn nhiều rồi, nhưng hiếm khi kiếm được loại ngon như vậy."

"Còn cà phê?"

"Cà phê cũng ngon."

"Ông có muốn uống một tách nữa ở đây không? Ta có thể hàn huyên một lát."

"Thôi, cảm ơn", tôi nói. "Dưới kia tôi đã uống nhiều

cà phê lắm rồi, không uống thêm được giọt nào nữa. Với lại tôi muốn về nhà thật nhanh và leo lên giường."

"Rất tiếc."

"Tôi cũng thấy thế, thật đấy."

"Thôi được, tôi đưa ông ra thang máy. Đi một mình chắc ông không tìm ra đường đâu, đúng không? Hành lang như ma trận vậy."

Cô gái cầm trên bàn một vật hình tròn, giống hộp đựng mũ, và trao cho tôi. Tôi nhấc thử trên tay. Trông to nhưng không nặng. Nếu đúng đây là hộp mũ thì chắc cái mũ bên trong khá lớn. Để nắp không bật ra, người ta đã cột vài vòng băng dính.

"Cái gì thế?"

"Quà của ông tôi tặng ông. Về đến nhà ông hãy mở."

Tôi khẽ lắc hộp. Không có tiếng động.

"Đồ dễ vỡ, ông nên cẩn thận", cô gái nói.

"Đồ kỷ niệm?"

"Tôi không biết. Về nhà mở ra ông sẽ biết."

Cô mở chiếc túi màu hồng của mình và đưa tôi một phong bao đựng tờ séc. Số tiền cao hơn tôi chờ đợi. Tôi cho vào ví.

"Giấy biên nhận?"

"Tôi không cần", cô gái nói.

Chúng tôi rời phòng, đi ngược lại hành lang dài quay về chỗ thang máy, lên bậc, xuống bậc, rẽ hàng nghìn góc. Và như trên đường tới đây, tiếng gõ giày cao gót của cô vang lách cách trong hành lang. Thân hình mũm mĩm của cô bây

giờ không làm tôi bối rối lắm nữa. Đi cạnh cô lúc này hầu như tôi quên là cô béo. Có lẽ tôi đã quen dần với diện mạo của cô.

"Ông có gia đình rồi chứ?", cô hỏi.

"Không", tôi nói. "Tôi đã từng có, nhưng bây giờ thì thôi rồi."

"Gia đình tan vỡ khi ông trở thành toán sư chứ gì? Người ta hay kể toán sư không phải người hợp cuộc sống gia đình."

"Không liên quan gì đến chuyện ấy. Toán sư cũng có thể có vợ con chứ, tôi quen khối người như thế. Nhưng thực tế đa số có quan điểm là dễ làm việc hơn khi không có gia đình. Công việc chúng tôi gây áp lực tới hệ thần kinh, đôi khi cũng nguy hiểm, vợ con sẽ là gánh nặng."

"Trong trường hợp ông thì sao?"

"Tôi trở thành toán sư khi đã ly hôn. Không liên quan gì đến nghề nghiệp cả."

"Thế à", cô nói. "Ông thứ lỗi cho những câu hỏi ngớ ngẩn của tôi, nhưng ông là toán sư đầu tiên mà tôi gặp nên tôi muốn biết đủ chuyện."

"Không sao, cô cứ hỏi đi", tôi nói.

"Tôi nghe nói toán sư xong việc là cực kỳ hứng thú làm tình, có đúng thế không?"

"Tôi không biết. Có thể có chuyện ấy. Công việc này tác động đến đủ các dây thần kinh."

"Lúc ấy ông có lên giường với cô gái đầu tiên vớ được không? Hay ông đã có người yêu rồi?"

"Tôi không có người yêu", tôi nói.

"Thế thì ông ngủ với ai? Hay ông không quan tâm đến tình dục? Hay ông là người đồng tính luyến ái? Hay ông không muốn trả lời?"

"Trật tuốt", tôi nói. Tôi không phải kiểu người sẵn sàng lôi chuyện đời tư ra kể, song cũng chẳng có gì phải giấu nên tôi sẽ trả lời nghiêm túc cho một câu hỏi nghiêm túc.

"Trong trường hợp ấy thì khi tôi ngủ với người này, khi với người kia."

"Ông cũng sẽ ngủ với tôi chứ?"

"Với cô thì nhất định không."

"Tại sao không?"

"Vì nguyên tắc. Ít khi tôi ngủ với người quen. Vì thường là sẽ sinh chuyện rắc rối. Tôi cũng không ngủ với phụ nữ liên quan tới công việc. Nhiệm vụ của tôi là bảo vệ bí mật cho người khác, vì vậy phải có một biên giới rạch ròi."

"Hay là vì tôi béo và xấu?"

"Thứ nhất là cô không béo đến thế, thứ hai là cô không hề xấu chút nào."

"Cảm ơn", cô nói. "Vậy thì ông ngủ với ai nào? Ông cứ thế bắt chuyện với một phụ nữ nào đó hay sao?"

"Thỉnh thoảng."

"Hay ông trả tiền người ta?"

"Thỉnh thoảng cũng thế thật."

"Giả sử tôi nói với ông là tôi ngủ với ông vì tiền, ông có lên giường với tôi không?"

"Không", tôi đáp, "tôi gấp đôi tuổi cô. Sẽ không ổn."

"Với tôi thì ổn."

"Có thể. Nhưng tôi không muốn gây thêm vấn đề vì tôi đã có đủ rồi. Nếu có thể, tôi muốn một cuộc sống bình lặng."

"Ông tôi nói, lần đầu tiên thì đàn ông trên ba mươi tuổi là tốt nhất. Với cả nếu hứng thú tình dục bị đè nén thì tâm lý mất ổn định."

"Ông cũng kể với tôi thế."

"Đúng thế không?"

"Tôi không biết. Tôi không phải là nhà sinh học", tôi nói. "Nhưng cảm hứng tình dục ở mỗi người một khác. Tôi nghĩ là không nên khẳng định đơn giản như vậy."

"Cảm hứng của ông mạnh không?"

"Bình thường, tôi nghĩ vậy", tôi trả lời sau một thoáng suy nghĩ.

"Tôi không biết của mình ra sao", cô gái mũm mĩm nói. "Vì vậy tôi muốn thử chuyện này chuyện nọ cho biết."

Trong lúc tôi nghĩ câu trả lời nào tốt nhất thì chúng tôi ra đến nơi. Thang máy mở ra ngoan ngoãn như một con chó được huấn luyện và đợi tôi bước vào.

"Hẹn đến lần sau", cô gái nói.

Tôi vào thang, và cửa đóng không một tiếng động. Tôi tựa vào vách inox và thở dài.

6

Bóng

Lúc cô thủ thư đặt những giấc mơ xưa lên bàn trước mặt tôi, thoạt tiên tôi không hiểu những giấc mơ đó nằm đâu. Sau khi chằm chằm ngó một hồi lâu, tôi ngẩng lên nhìn cô ta đang đứng bên cạnh. Cô không nói gì, chỉ tiếp tục nhìn xuống những "giấc mơ xưa". Nhưng trong mắt tôi thứ đồ vật trên bàn kia chẳng tương thích chút nào với cái tên "giấc mơ xưa". Tưởng tượng theo tên gọi, tôi đợi nhìn thấy những bút tích cổ xưa hay ít nhất là thứ gì có hình thù mù mờ vô định.

"Giấc mơ xưa đấy", cô nói.

Giọng cô xa xăm và bâng quơ - có vẻ như không phải định giải thích cho tôi mà tự khẳng định với chính mình. "Nói đúng ra là chúng nằm trong đó."

Tôi ngơ ngác gật đầu.

"Anh cầm lên tay đi", cô nói.

Tôi khẽ nâng nó lên và hết sức đưa mắt dõi tìm những gì có thể gọi là dấu tích của những giấc mơ xưa. Nhưng có

nhìn chăm chú đến đâu thì tôi cũng không nhận ra một căn cứ gì. Nó vẫn là đầu lâu của một con thú. Không lớn lắm. Trông như bị phơi nắng lâu ngày, vì mặt ngoài xương đã mất màu sắc ban đầu, khô khốc và bạc thếch. Hàm răng nhô hẳn ra hơi hé mở, tựa như bị hóa đá đúng lúc định mở miệng kể chuyện. Hai hố mắt nhỏ đã rỗng ruột từ lâu và hướng vào một khoảng hư vô sâu thẳm.

Chiếc đầu lâu nhẹ bỗng một cách thiếu tự nhiên; dường như nó đã mất hết sự tồn tại vật chất. Tôi không mường tượng được nó đã từng chứa một sự sống kiểu gì. Tất cả những gì thuộc về nhục thể, toàn bộ ký ức, mọi cảm giác ấm nóng đã tan biến. Chính giữa trán có một vết lõm nhỏ, sờ thấy ram ráp. Tôi lấy ngón tay kiểm tra nó một hồi lâu và đi đến kết luận, có thể đó là dấu tích của một chiếc sừng bị gãy rời.

"Đây là đầu lâu một trong những con thú một sừng của thành phố, đúng không?", tôi hỏi cô thủ thư.

Cô gật đầu. "Những giấc mơ xưa được cho vào đầu lâu và trám kín lại", cô khẽ nói.

"Và anh sẽ đọc chúng ra?"

"Đó là việc của người đọc mơ", cô nói.

"Và anh sẽ làm gì với những giấc mơ xưa ấy?"

"Chẳng làm gì cả. Anh chỉ phải đọc chúng ra thôi."

"Thế thì anh chịu", tôi nói. "Đọc các giấc mơ xưa, chuyện ấy thì anh rõ rồi. Nhưng sau đó chẳng làm gì với chúng cả thì anh không hiểu nổi. Vì điều đó chứng tỏ công việc này vô nghĩa. Làm việc thì phải có mục đích nào đó

chứ! Ví dụ, lưu lại các giấc mơ bằng cách nào đó, hay sắp xếp theo một trật tự nhất định, hoặc phân loại…"

Cô lắc đầu. "Ý nghĩa gì thì em cũng không giải thích cho anh được. Có thể trong lúc làm việc anh sẽ tự ngộ ra. Nhưng điều đó không quan trọng, vì ý nghĩa ấy không hề liên quan đến thực chất công việc của anh."

Tôi đặt chiếc đầu lâu trở lại bàn và ngắm nghía nó từ xa. Sự tĩnh lặng sâu thẳm bao quanh nó dày đặc khiến người ta bất giác nghĩ đến hư vô. Không, ngược lại - sự tĩnh lặng ấy không đến từ ngoại cảnh, có vẻ như nó tỏa từ bên trong đầu lâu ra như sương khói. Dù thế nào chăng nữa - đó là một sự tĩnh lặng bất thường. Tôi tin là vì thế mà chiếc đầu lâu gắn chặt với tâm điểm của địa cầu. Nó câm lặng đăm đắm hướng ánh mắt rỗng tuếch tới một điểm trong hư vô.

Tôi càng nhìn lâu thì càng khó tưởng tượng ra nó có chuyện gì đáng đem kể ra. Cũng có vẻ như nó nằm trong một bầu không khí buồn thảm nào đó, nhưng ngay cả tôi cũng không gọi nổi tên nỗi buồn đó ra được. Tôi không tìm ra chữ thích hợp.

"Thôi được, anh sẽ đọc", tôi vừa nói vừa cầm đầu lâu lên và thử đoán trọng lượng. "Chắc cũng chẳng có lựa chọn nào khác."

Với một nụ cười như gió thoảng, cô đỡ cái đầu lâu khỏi tay tôi, cẩn thận lau lớp bụi lưu cữu bằng hai chiếc khăn và đặt lại xuống bàn, bây giờ trông nó còn nhợt nhạt hơn cả nhợt nhạt.

"Vâng, giờ thì em muốn giải thích cho anh cách đọc các

giấc mơ", cô nói. "Tất nhiên là em chỉ nói thôi, vì em không thực sự có khả năng đọc. Chỉ mình anh đọc được thôi. Anh chú ý này. Trước tiên anh quay đầu lâu ra phía trước, thế này này, rồi đặt nhẹ hai tay vào gần chỗ thái dương."

Cô thủ thư áp tay vào hai bên đầu lâu và nhìn tôi vẻ dò xét.

"Sau đó anh nhìn thẳng vào trán. Không nhìn chăm chú, mà chỉ nhẹ nhàng hướng ánh mắt êm dịu đến đó thôi. Nhưng không bao giờ được ngoảnh mặt đi. Ngay cả khi rất chói mắt thì anh cũng không được phép ngoảnh đi."

"Chói mắt?"

"Vâng. Anh nhìn vào đầu lâu một lúc thì nó bắt đầu nóng bỏng lên và phát tia bức xạ. Anh chỉ cần nhẹ nhàng dò ngón tay theo tia sáng này là sẽ nhất định sẽ đọc được các giấc mơ."

Tôi cố gắng ghi lại trong đầu các bước làm việc theo đúng thứ tự như cô thủ thư vừa giải thích. Tất nhiên tôi không thể tưởng tượng ra những tia sáng mà cô nhắc đến như thế nào, và cảm giác động chạm vào chúng sẽ ra sao, nhưng trước tiên thì cứ ghi nhớ các bước tiến hành đã. Trong lúc ngắm những ngón tay thanh mảnh của cô đặt trên chiếc đầu lâu, bất chợt một *ảo giác tái ngộ* chế ngự tâm trí tôi. Tôi đã nhìn thấy cái đầu lâu này ở đâu rồi thì phải? Với màu mốc thếch như bị hầm kỹ, với vết lõm trên trán - hình ảnh này làm tôi rúng động hệt như lúc thấy mặt cô thủ thư lần đầu. Song tôi không rõ có phải đó là những mảnh vỡ của ký ức thật, hay chỉ là sự đánh lừa giác quan bởi những cảm thụ về địa điểm

và thời gian bị nhiễu loạn đột ngột.

"Anh làm sao thế?", cô hỏi.

Tôi lắc đầu. "Không có gì. Anh chỉ đang mải suy nghĩ một lát. Anh nghĩ là đã nắm được cách làm việc rồi. Chỉ còn phải làm thử nữa thôi."

"Chúng ta ăn tối trước đã", cô nói. "Em nghĩ, nếu anh bắt tay vào làm là không còn thì giờ ăn nữa đâu."

Cô bưng một nồi thức ăn từ góc bếp ở phòng trong ra và đặt nó lên lò sưởi cho nóng. Xúp rau với hành và khoai tây. Khi xúp bắt đầu lục bục sôi, cô múc ra hai đĩa và bưng ra bàn cùng bánh mì hạt dẻ.

Chúng tôi ngồi đối diện nhau và im lặng xúc ăn. Một bữa ăn đạm bạc, với những gia vị tôi chưa thấy bao giờ, nhưng không đến nỗi dở. Ăn xong người tôi ấm lên dễ chịu. Sau bữa ăn có trà. Một loại trà xanh pha loãng, ngăm ngăm vị đắng của thảo dược.

Đọc mơ mệt hơn những gì tôi tưởng tượng sau khi nghe những chỉ dẫn của cô thủ thư. Những tia sáng mỏng tang, và tôi tập trung tinh thần vào đầu ngón tay đến mấy cũng rất khó lần theo được ma trận rối rắm. Tuy vậy giờ đây tôi đã nhận rõ ở đầu ngón tay sự hiện diện của những giấc mơ xưa. Nó như một cơn sóng trào, như một cơn lũ hình ảnh không dứt. Tuy nhiên tay tôi chưa lọc ra được những thông tin mạch lạc. Tôi chỉ có thể cầm chắc là những giấc mơ đang tồn tại ở đây.

Rốt cuộc khi đã đọc xong hai giấc mơ thì đã quá mười

giờ. Tôi trả lại đầu lâu đã nhẹ đi mất hai giấc mơ, bỏ kính xuống và chậm chạp dụi cặp mắt cay sè.

"Mệt quá phải không?", cô thủ thư hỏi tôi.

"Ừ, hơi mệt", tôi đáp. "Mắt anh không chịu nghe lời gì cả. Nếu anh nhìn lâu lâu thì mắt anh bắt được tia sáng của giấc mơ, nhưng anh lại thấy đau phía sau đầu. Không ghê gớm lắm, nhưng tầm nhìn bị nhòa đi và anh không thể cố định ánh mắt vào một điểm nữa."

"Ban đầu thì ai cũng thế", cô nói. "Thoạt tiên mắt không chịu nghe lời, và đọc rất khó nhọc. Nhưng anh đừng lo, dần dần mắt sẽ quen đi. Ta nên bắt đầu từ từ thôi."

"Thế thì lý tưởng", tôi nói.

Cô đem các giấc mơ xưa trả lại kho lưu trữ và chuẩn bị ra về. Cô mở cửa lò, lấy một cái xẻng con xúc than hồng đổ vào một xô cát.

"Đừng để cái mệt nhọc xâm chiếm tâm hồn", cô nói. "Mẹ em hay nói câu ấy. Người ta có thể tự hành hạ thể xác, nhưng phải giữ cho tâm hồn vẹn toàn."

"Một lời khuyên tốt", tôi nói.

"Nhưng thú thật là em hoàn toàn không biết nó thực sự là gì, tâm hồn ấy mà, nó có ý nghĩa chính xác gì, người ta sử dụng nó ra sao và nhằm mục đích gì. Đối với em đó chỉ là một tên gọi."

"Người ta không sử dụng tâm hồn", tôi nói. "Nó cứ thế tồn tại thôi. Như gió trời. Em chỉ việc cảm nhận được nó."

Cô đóng cửa lò, đem cái ấm tráng men và cốc chén vào

phòng trong để rửa. Rồi cô choàng lên người chiếc áo khoác vải thô màu xanh. Màu xanh xỉn, như xé ra đã lâu từ một mảnh trời, song không còn gợi nhớ chút nào đến xuất xứ nữa. Nhưng cô vẫn đứng mãi trước lò than đã tắt, đắm chìm trong suy nghĩ.

Chợt như vừa sực nhớ ra điều gì định hỏi tôi, cô nói: "Anh từ nơi khác đến đây à?"

"Ừ", tôi đáp.

"Từ nơi nào đến?"

"Anh không nhớ được gì hết", tôi nói. "Thực sự không nhớ gì, xin lỗi. Khi người ta lấy cái bóng của anh đi, chắc là anh cũng mất nốt ký ức về thế giới cũ ấy. Chỉ biết là nơi ấy xa lắm, rất xa."

"Nhưng anh biết tâm hồn là gì phải không?" "Em nghĩ là anh biết", cô nói. "Mẹ em cũng có tâm hồn. Mẹ biến mất khi em lên bảy. Nhất định vì mẹ cũng có tâm hồn giống như anh."

"Mẹ em biến mất?"

"Vâng, mẹ biến mất. Nhưng ta chấm dứt nhé. Ở đây nói về những người biến mất là gặp điềm rủi đấy. Anh kể về thành phố ngày xưa của anh thì hơn. Nhất định anh còn nhớ vài chuyện gì đó chứ?"

"Có hai chuyện", tôi nói. "Thứ nhất là, thành phố ngày xưa anh ở không có tường thành vây quanh, và thứ hai, tất cả mọi người đều có bóng."

Đúng, tất cả chúng tôi đều có bóng. Khi tới thành phố

này tôi phải nộp nó cho ông gác cổng.

"Cậu không được đem nó vào thành phố", ông gác cổng nói. "Hoặc cậu từ bỏ nó, hoặc cậu quay trở lại, chọn một trong hai."

Tôi từ bỏ bóng của mình.

Ông gác cổng bảo tôi đứng ra một chỗ trống cạnh cổng. Mặt trời lúc ba giờ vẽ bóng tôi sắc cạnh trên nền đất.

"Đứng yên", ông gác cổng nói. Ông rút dao trong túi ra, đâm sâu mũi dao sắc lẹm vào đường biên giữa bóng đen và đất rồi rạch đi rạch lại để chinh phục bóng đen được tách ra dễ dàng khỏi nền đất.

Bóng đen run rẩy một chút như định kháng cự. Nhưng bị bóc khỏi nền đất rồi thì cuối cùng nó kiệt sức ngã xoài ra ghế băng. Hình bóng tách khỏi cơ thể trông thảm hại và yếu ớt hơn nhiều so với tưởng tượng của tôi.

Ông gác cổng đút dao vào vỏ, và hai chúng tôi ngắm bóng đen một chốc nữa.

"Xét cho cùng cũng chỉ là một vật kỳ dị, đúng không?", ông gác cổng nói. "Hoàn toàn vô dụng, cái bóng này, chỉ tổ vướng cẳng."

Tôi nói với bóng: "Xin lỗi, nhưng đúng là tôi phải bỏ cậu lại một thời gian. Tuy không muốn nhưng trong tình cảnh này thì tôi không có lựa chọn nào khác. Cậu chịu cô đơn vài bữa được chứ?"

"Vài bữa - nghĩa là sao, bao lâu nữa?", bóng đen hỏi.

Tôi thú thực là không biết.

"Liệu cậu sau này có hối hận không?", bóng đen khẽ

nói. "Tuy tôi không rõ hoàn cảnh này lắm, nhưng tách bóng khỏi người liệu có điên rồ không? Rất sai lầm. Cả chốn này là một sai lầm - đó là *ý tôi*. Con người không thể sống thiếu bóng của mình, và thiếu con người thì bóng cũng không tồn tại. Mặc dù vậy bây giờ chúng ta đã tách nhau, cậu sống, còn tôi đang ở đây. Có gì đó không ổn! Cậu có nghĩ thế không?" Bóng đen lắc đầu. "Tôi không thích không khí ở đây, nó khác hẳn những nơi khác. Nó không có ích lợi gì đến cậu và cả đến tôi. Vì sao cậu bỏ rơi tôi?"

Nhưng đã muộn, nói nữa phỏng có ích gì. Bóng đã bị tách khỏi thân thể tôi rồi.

"Chắc chỉ tạm thời ít lâu thôi, không kéo dài mãi đâu. Mình sẽ đoàn tụ trở lại thôi", tôi nói.

Bóng đen khẽ thở dài và nhìn tôi với cặp mắt đẫm lệ. Mặt trời ba giờ chiều thiêu đốt cả hai chúng tôi. Tôi không có bóng, bóng không có người.

"Nếu mà được như thế...", bóng nói. "Tôi có cảm giác không lành. Chúng mình hãy chuồn đi vào dịp sớm nhất và quay về nơi xuất phát nhé? Chỉ hai chúng mình thôi."

"Chúng mình không quay về được. Giá mà tôi biết được cách nào. Mà cậu cũng không biết, đúng không nào?"

"Hiện tại thì không. Nhưng tôi sẽ tìm được cách, có chết cũng cam. Tôi muốn hai chúng mình thỉnh thoảng gặp nhau để bàn chuyện. Cậu sẽ về thăm tôi chứ?"

Tôi gật đầu, đặt tay lên vai bóng một thoáng rồi quay về chỗ ông gác cổng. Trong lúc tôi trò chuyện với cái bóng, ông thu dọn những hòn đá vương vãi trên quảng trường và

ném trở lại những chỗ không vướng chân ai. Lúc tôi tới gần, ông chùi bụi trắng bám ở bàn tay lên tay áo và khoác cánh tay hộ pháp lên vai tôi. Tôi không chắc đó có phải là một cử chỉ thân thiện hay ông chỉ muốn cho tôi thấy sức lực phi thường của mình.

"Tôi sẽ chăm sóc bóng của cậu", ông nói. "Mỗi ngày cho ăn ba bữa và cho ra ngoài dạo chơi một lần. Cậu không có lý do gì để phải lo lắng cả."

"Tôi có thỉnh thoảng được về thăm nó không?"

"Hừm, để xem đã", ông gác cổng nói. "Nếu thời gian và hoàn cảnh thuận tiện, và tôi đồng ý thì cậu được thăm nó."

"Còn nếu tôi muốn có lại bóng mình thì phải làm gì?"

"Thì ra cậu chưa hiểu rõ các quy định ở đây", ông gác cổng nói, tay vẫn khoác trên vai tôi. "Ở thành phố này không ai được phép có bóng, và ai đã ở đây thì không bao giờ được đi khỏi nữa. Cũng có nghĩa là câu hỏi của cậu hoàn toàn vô nghĩa."

Thế là tôi mất bóng mình.

Lúc rời thư viện tôi xin phép được đưa cô thủ thư về nhà.

"Ồ, không cần thiết đâu", cô nói. "Em không sợ trời tối, với lại anh cũng sống ở khu khác."

"Nhưng anh muốn tiễn em về", tôi khăng khăng. "Anh thấy chộn rộn thế nào ấy, về nhà thì anh cũng chẳng ngủ được ngay."

Chúng tôi qua Cầu Cũ đi về phía nam. Trời vừa chớm xuân, và làn gió còn khá lạnh quét qua thảm cỏ trên bãi cát

bồi giữa sông. Ánh trăng trần trụi khiến đá trải đường sáng lấp loáng. Hơi ẩm ngầu đục đè nặng trên mặt đất. Cô thủ thư tháo dải buộc tóc, túm mớ tóc xõa ra bằng một tay, kéo ra phía trước và nhét xuống dưới ve áo măng tô.

"Tóc em đẹp lắm", tôi nói.

"Cảm ơn anh", cô nói.

"Đã có ai khen em như thế chưa?"

"Không. Chưa bao giờ. Anh là người đầu tiên đấy."

"Em cảm thấy thế nào khi được khen?"

"Em không biết", cô nói và nhìn vào mắt tôi, tay đút trong túi măng tô. "Tuy em nghe anh khen tóc em, nhưng thực ra đó không phải là ý chính, đúng không? Tóc em đã gợi lên trong anh một ý khác, và anh đang muốn nói ý ấy ra."

"Không, không. Anh chỉ nói về tóc em."

Cô nhìn lên trời như tìm gì đó bị rơi mất và mỉm cười. "Xin lỗi anh. Em chỉ không hiểu cách anh nói chuyện thôi."

"Không sao. Rồi em sẽ quen dần", tôi nói.

Cô thủ thư sống ở khu công nhân, một khu nhà tàn tạ phía tây nam khuôn viên nhà máy. Toàn bộ khuôn viên nhà máy là một khu đất cô quạnh, gần như chết rồi. Cả con kênh lớn ngày xưa ăm ắp nước trong vắt để tàu chở hàng và sà lan đi lại, bây giờ cũng đóng hết các cửa lạch. Vài đoạn cạn kiệt nhìn thấy cả đáy. Lớp bùn khô trắng hiện ra như xác chết nhăn nheo của những con vật khổng lồ thời đồ đá. Bên bờ có những bậc thang đá rộng để bốc dỡ hàng, nhưng bây giờ chúng không được sử dụng nữa, cỏ lác cao hàng

thước cắm rễ xuyên vào những kẽ nứt. Chai lọ và các bộ phận máy hoen gỉ chòi ra trên mặt bùn, cạnh đấy là một chiếc thuyền gỗ nông choèn đang mục rữa dần.

Các xưởng máy bỏ hoang kéo dài dọc kênh và những lạch ngang. Cổng khóa, kính cửa sổ tan hoang, tường đầy cây leo, tay vịn cầu thang cứu hỏa hoen gỉ, khắp nơi đầy cỏ dại.

Sau những dãy nhà xưởng là khu công nhân. Toàn những dãy nhà năm tầng tàn tạ. Ngày xưa đó là các căn hộ chung cư lịch sự cho người lắm tiền, cô thủ thư kể, nhưng thời thế đổi thay, dần dần người ta ngăn thành các căn hộ nhỏ và cực nhỏ cho công nhân nghèo kiết xác. Bây giờ họ cũng chẳng còn là công nhân nữa, vì nhà máy đã đóng cửa gần hết. Người ta không cần tay nghề của công nhân nữa, chỉ đôi khi có nhu cầu thì họ nhận được vài việc lẻ tẻ của thành phố. Cha cô cũng là một trong những công nhân ấy.

Chúng tôi đi qua một cầu đá ngắn, không tay vịn, vắt ngang con lạch cuối cùng; thẳng phía trước là tòa nhà nơi cô thủ thư ở. Các tòa nhà nối nhau bằng những khoang thang, trông như thang mây dùng trong lúc công thành thời Trung Cổ.

Đã gần nửa đêm. Hầu hết các cửa sổ tối đèn. Cô nắm tay dắt tôi đi nhanh qua các ngõ nhỏ rối rắm, tựa như kéo tôi trốn khỏi tầm mắt của một con ác điểu khổng lồ ăn thịt người. Rốt cuộc cô dừng chân trước một tòa nhà và chúc tôi ngủ ngon.

"Tạm biệt", tôi nói.

Tôi ngược lên sườn Đồi Tây đi về hướng nhà mình.

7

Đầu Lâu, Lauren Bacall, Thư Viện Thành Phố

Tôi đón taxi về nhà. Bên ngoài đã tối, đường phố đông nghịt người vào giờ tan tầm. Trời mưa phùn, tôi đợi mãi mới bắt được taxi.

Thường là tôi cân nhắc kỹ càng nếu muốn đi taxi. Vì tôi luôn để ít nhất hai taxi trống chạy qua để tránh mọi nguy hiểm. Bọn ký hiệu sư có các taxi giả hiệu, thỉnh thoảng người ta vẫn nghe chuyện chúng đón khách là toán sư vừa đi làm về và đưa họ đi mất. Có thể chỉ là lời đồn thổi. Cả tôi lẫn các đồng nghiệp chưa vấp phải chuyện ấy bao giờ. Nhưng cẩn thận không bao giờ thừa.

Vì lý do đó, bình thường tôi luôn đi tàu điện ngầm hay xe buýt, nhưng lần này tôi cực kỳ mệt và buồn ngủ, đã thế trời lại mưa, nghĩ đến tàu xe lèn chặt người đã thấy ớn; vậy là tôi cố công tìm taxi. Trên đường đi tôi suýt ngủ gật mấy lần, phải cố cưỡng lại: về đến nhà thì tha hồ ngủ bao

lâu cũng được. Ở đây không được ngủ quên! Ngủ trên xe rất nguy hiểm!

Tôi tập trung nghe tường thuật bóng chày trên radio. Do không thạo môn bóng chày chuyên nghiệp nên tôi ủng hộ đội bóng đang tấn công và ghét đội phòng thủ. Đội của tôi đang bị dẫn 3:1. Cho đến khi taxi đỗ trước nhà tôi thì tỉ số đã 4:1. Tôi trả tiền, cặp hộp đựng mũ dưới nách và ra khỏi xe trong tình trạng buồn ngủ ngất ngư. Mưa đã gần tạnh.

Hộp thư của tôi trống trơn. Máy ghi âm cũng không có tin nhắn. Có vẻ như chẳng ai cần tôi. Càng tốt. Tôi cũng chẳng cần ai. Tôi lấy đá trong tủ lạnh, pha một cốc whiskey lớn với đá và một ít soda. Rồi tôi cởi quần áo chui lên giường, ngồi dựa vào tường và nhâm nhi whiskey. Tôi biết chỉ trong chốc lát là sẽ ngủ quay ra ngay nhưng không muốn bỏ lỡ nghi thức ngọt ngào khi đi làm về. Đó là mấy phút đồng hồ yêu thích nhất của tôi sau khi lên giường, là khoảng thời gian ngắn ngủi mà cơn buồn ngủ rình quật ngã tôi. Tôi đem theo chút đồ uống, nghe nhạc, đọc sách. Tôi yêu mấy phút ấy như người khác yêu mặt trời lặn hay không khí trong lành.

Tôi uống cạn nửa cốc whiskey thì điện thoại đổ chuông. Điện thoại nằm trên chiếc bàn tròn cách giường chừng ba thước. Đã lên giường là tôi không muốn trèo xuống nữa, vì vậy tôi chỉ ngó qua phía điện thoại đang réo chuông. Mười ba, mười bốn hồi chuông, nhưng tôi không bận tâm. Trong các phim hoạt hình ngày xưa có cảnh máy

điện thoại run lên bần bật với mỗi hồi chuông, nhưng thực tế tất nhiên không thể. Máy trên bàn không rung, chỉ đổ chuông. Tôi vừa uống whiskey vừa quan sát.

Cạnh điện thoại là ví tiền, dao và hộp mũ. Tôi chợt nhớ là có lẽ nên mở hộp ngay. Có thể phải cho đồ trong đó vào tủ lạnh, hay có thứ gì còn sống hoặc rất quan trọng, nhưng tôi đã quá mệt để nhỏm dậy. Nếu đúng thế thì người ta đã nhắc nhở tôi khi đưa quà. Khi điện thoại ngừng chuông, tôi uống một hơi hết chỗ rượu còn lại, tắt đèn đầu giường và nhắm mắt. Đúng thời điểm đó giấc ngủ chụp lên tôi như một cái lưới lớn màu đen, cứ như nó đã rình sẵn. Tôi còn kịp nghĩ: kệ thây tất cả.

Lúc tôi thức dậy thì xung quanh lờ mờ tối. Đồng hồ chỉ 6 giờ 15, không rõ là sáng sớm hay tối. Tôi mặc quần đi ra trước cửa và nhìn qua căn hộ hàng xóm. Tờ báo buổi sáng nằm trước cửa, nghĩa là đang sáng sớm. Những lúc thế này mới thấy mua báo dài hạn có lợi. Có thể tôi cũng sẽ đặt mua một tờ.

Tôi đã ngủ chừng mười tiếng. Cơ thể tôi cần nghỉ thêm, và do cả ngày hôm nay không có việc gì nên lẽ ra tôi lại đi nằm cũng được, nhưng tôi quyết định không ngủ nữa. Không mấy khi có được cảm giác tuyệt vời khi thức dậy cùng ánh nắng mới mẻ và tinh khôi. Tôi tắm thật kỹ và cạo râu. Sau đó là hai mươi phút thể dục như thường lệ và ăn sáng bằng những đồ còn trong nhà. Tủ lạnh đã gần trống, lại phải chất vào cho đầy thôi. Tôi ra bàn bếp ngồi, vừa

uống nước cam vừa lấy bút chì viết ra những thứ cần mua lên một tờ giấy vuông. Một không đủ, tôi dùng hai tờ. Giờ này siêu thị chưa mở, do đó tôi quyết định sẽ ăn trưa ngoài phố rồi sau đó đi mua đồ.

Tôi ném quần áo bẩn trong giỏ nhà tắm vào máy giặt. Trong lúc cọ đôi giày tennis trong bồn rửa tay, tôi chợt nhớ đến món quà bí hiểm của ông già. Tôi để lại chiếc giày phải đang cọ dở, lau khô tay bằng khăn lau bát, đi vào phòng ngủ và nhấc hộp lên. Trước sau thì nó vẫn nhẹ so với kích thước. Một kiểu nhẹ làm ta không yên tâm. Nó nhẹ hơn mức được phép nhẹ. Trong đầu tôi lóe đèn cảnh báo. Một dạng trực giác nghề nghiệp chứ không có cơ sở cụ thể nào cả.

Tôi nhìn quanh phòng. Im lặng lạ lùng. Im lặng như đã tắt mọi âm thanh. Tôi đằng hắng - nghe đúng tiếng đằng hắng. Tôi bật dao ra và khẽ gõ sống dao vài lần lên bàn: nghe đúng tiếng gõ thực sự. Sau khi làm quen với thế giới không âm thanh, một thời gian dài người ta sẽ nghi ngại không tin vào sự yên tĩnh. Rồi tôi mở cửa ban công. Tiếng động của xe cộ và tiếng chim líu lo tràn vào. Tiến hóa kiểu gì thì tùy, thế giới này phải có những tiếng động của nó.

Tôi cẩn thật cắt băng dính để khỏi làm hỏng đồ bên trong. Trên cùng là giấy báo vò nhàu. Tôi vuốt thẳng một tờ và đọc; trong đó không có gì đáng để ý, chỉ là một tờ báo rất bình thường, số ra trước đây ba tuần - tờ *Mainichi Shimbun*. Tôi lấy trong bếp ra một túi đựng rác và ném báo vào. Hộp đựng mũ được nhồi chặt bằng mười bốn số báo,

báo của hai tuần. Toàn là tờ *Mainichi*. Dưới đó là những mẩu vật liệu chèn bằng xốp mềm, dài bằng ngón tay trẻ con. Tôi lấy cả hai tay hót chúng khỏi hộp và vứt vào túi rác. Trong hộp có gì thì tôi không biết, nhưng gói ghém quá mất công. Khi vứt ra được nửa chỗ vật liệu xốp, một vật gì đó gói trong giấy báo lộ ra. Tôi đã bắt đầu ngán ngẩm. Tôi vào bếp lấy một lon Coca-Cola trong tủ lạnh, ngồi xuống giường và từ từ uống cạn. Sau đó tôi cắt móng tay bằng dao. Ngoài thềm xuất hiện một con chim có lông yếm màu đen, tiếng hót khàn khàn. Như mọi khi, nó mổ hết chỗ ruột bánh mì mà tôi rải trên bàn. Một buổi sớm mai thanh bình.

Rốt cuộc tôi tập trung tâm trí quay lại bàn và lấy đồ vật gói giấy báo ra. Mấy vòng băng dính quấn xung quanh khiến nó trông như một tác phẩm nghệ thuật hiện đại. Nó có dạng một quả dưa hấu thuôn dài và trọng lượng hầu như không đáng kể. Tôi dọn dao và hộp khỏi bàn để lấy chỗ rộng rãi rồi cẩn trọng bóc băng dính và giấy báo. Một cái đầu lâu động vật.

Giỏi, tôi nghĩ, giỏi lắm. Chẳng lẽ ông già nghĩ rằng tôi sẽ vui sướng khi được tặng một cái đầu lâu? Muốn nghĩ xuôi nghĩ ngược thế nào thì tùy, đem cái đầu lâu động vật làm quà tặng là không bình thường.

Cái đầu lâu trông giống của ngựa, nhưng nhỏ hơn nhiều. Ít nhất thì kiến thức động vật học của tôi đủ cho thấy chắc chắn nó phải từng nằm trên vai một động vật có vú không to lắm, một loài ăn cỏ họ móng guốc với cái đầu thuôn dài. Tôi gọi tên mấy con ấy ra. Nai, dê, cừu, hoẵng,

tuần lộc, lừa... Dĩ nhiên còn nhiều nữa, nhưng tôi không nghĩ ra.

Trước tiên thì tôi cứ đặt nó lên trên ti vi. Không phải một vị trí thích hợp lắm, nhưng tôi không biết chỗ nào tử tế hơn. Ở nhà Hemingway chắc nó sẽ được đặt lên lò sưởi cạnh mấy cái đầu tuần lộc của ông ấy, nhưng trong nhà tôi tất nhiên không có lò sưởi đốt củi. Tôi cũng không có kệ tủ, thậm chí chẳng có tủ đựng giày. Do vậy ti vi là nơi duy nhất để tôi đặt đầu lâu của con vật tôi không rõ tên lên trên.

Khi đổ nốt chỗ xốp chèn ở đáy hộp vào túi rác, tôi phát hiện ra một gói dài dài bọc giấy báo. Tôi mở gói - thì ra là cái kẹp gắp than inox giống như cái kẹp mà ông già dùng để gõ đầu lâu. Tôi cầm nó lên tay để ngắm cho kỹ. Không như đầu lâu, cái kẹp cầm khá nặng tay và tạo cảm giác nghiêm trang như cây gậy chỉ huy bằng ngà voi của Furtwängler khi chỉ huy dàn nhạc giao hưởng Berlin.

Không đừng được: tôi ra ti vi và gõ nhẹ lên trán đầu lâu. Một tiếng rung trầm đục như tiếng gừ gừ qua mũi một con chó lớn. Tôi thì lại đợi một tiếng "coong" hay "cạch" sắc lạnh nên hơi bất ngờ nhưng cũng chẳng bất ngờ đến nỗi thấy gì bất ổn ở âm thanh này. Cái đầu lâu này phát tiếng động như một cái đầu lâu, có gì phải bận tâm. Phê phán gì thì cũng không thay đổi được tiếng động lạ tai ấy, và tự tiếng động lạ tai ấy cũng chẳng muốn thay đổi.

Cuối cùng thì tôi cũng ngán nhìn và gõ đầu lâu. Tôi rời ti vi ra ngồi ở giường, đặt điện thoại lên lòng và gọi đại lý chính thức của Hệ thống để biết các lịch hẹn sắp tới. Đại

diện của tôi bắt máy và nói là bốn hôm nữa sẽ có việc, liệu tôi có nhận không. Vâng, tôi nói. Thoạt tiên tôi định xin xác nhận quyền được đảo dãy số để tránh những phiền nhiễu có thể xảy ra, nhưng không muốn phải giải thích dài dòng nên lại thôi. Giấy tờ nghiêm chỉnh, thù lao cũng tử tế. Vả lại, ông già đã bỏ qua khâu đại lý vì lý do bảo mật. Không có nguyên cớ gì để làm cho mọi thứ phức tạp thêm.

Cũng nói thêm là tôi không ưa đại diện của mình lắm. Đó là một anh chàng chừng ba mươi tuổi, cao, gầy, dạng người tin rằng tự mình mới có quyền duyệt cấp phép cho mọi hành động. Và nếu có thể thì tôi tránh sa vào tình huống phải nói chuyện dài với anh ta.

Xong các vụ hành chính, tôi đặt máy xuống và ra ngồi sofa trong phòng khách. Tôi mở một lon bia và xem phim *Key Largo* của Humphrey Bogart trên video. Tôi rất thích Lauren Bacall trong *Key Largo*. Cô cũng diễn rất cừ trong *The Big Sleep*, dĩ nhiên, nhưng trong *Key Largo* cô đã thành một tượng đài.

Nhìn lên màn hình song mắt tôi bất giác cứ hất lên phía đầu lâu. Đơn giản là tôi không thể tập trung xem phim như mọi khi. Và tôi ngừng băng video ở đoạn xảy ra cơn cuồng phong, không xem phần còn lại nữa. Thay vào đó là vừa uống bia tôi vừa ngắm đầu lâu. Càng nhìn lâu tôi càng thấy nó thân thuộc. Nhưng vì sao thân thuộc thì tôi cũng không nghĩ ra được. Tôi lấy một cái T-Shirt trong ngăn kéo trùm lên đầu lâu rồi xem tiếp phim *Key Largo*. Giờ thì tôi lại tập trung xem Lauren Bacall được.

Tôi ra khỏi nhà lúc mười một giờ, ở siêu thị gần ga tôi lấy mọi thực phẩm vớ được, mua vang đỏ, nước khoáng và nước cam trong hiệu đồ uống. Tôi lấy áo vest và hai tấm ga trải giường ở tiệm giặt là, vào một hiệu văn phòng phẩm mua bút bi, phong bì và giấy viết thư, mua ở cửa hàng đồ gia dụng một viên đá mài tốt nhất có bán. Trong hiệu sách tôi lấy hai cuốn tạp chí, rồi đi mua bóng đèn và cassette ghi âm ở cửa hàng đồ điện, một cuốn phim Polaroid trong hiệu ảnh. Cuối cùng tôi còn vào cửa hàng bán đĩa hát để mua vài đĩa. Băng sau trên xe tôi chặt cứng những túi hàng. Hình như tôi có thú vui đi mua bán bẩm sinh. Mỗi lần vào thành phố là tôi cắm cúi khuân hàng núi đồ lặt vặt như một con sóc trước khi vào tiết đông.

Tôi có ô tô chỉ để đi mua hàng. Có lần tôi mua nhiều đến nỗi không xách hết túi, và thế là tôi mua xe. Tay xách các túi hàng, tôi đi tới hiệu xe cũ đã mấy lần để ý. Ở đó quả thật có đủ các loại xe. Tôi không thích ô tô lắm và cũng không thạo thông tin, vì vậy tôi nói đơn giản: "Tôi tìm một cái xe, xe nào cũng được, chỉ đừng to quá."

Ông bán xe đứng tuổi rút ra một quyển calalog và chỉ cho tôi xem xe này xe nọ, nhưng tôi không muốn xem catalog và nói cho ông rõ là tôi chỉ cần một cái ô tô đi chợ. Tôi không muốn lên đường cao tốc, không chở bạn gái đi dạo, cũng không đưa gia đình đi du lịch. Tôi không cần xe công suất lớn, máy lạnh, đài đĩa stereo, cửa sổ mái, lốp mùa đông. Loại xe tôi muốn phải là loại nhỏ gọn, ít khí thải độc hại, nổ khẽ, bền. Nếu có màu lam đậm thì càng tốt.

Ông khuyên tôi mua một chiếc xe Nhật nhỏ màu vàng. Màu này tôi không thích lắm, nhưng xe đi không tồi và bán kính vòng cua nhỏ. Trông cũng dễ thương, không trang bị gì thừa so với nhu cầu của tôi, và rẻ, vì mẫu xe này đã ngừng sản xuất.

"Một cái ô tô, không hơn không kém!", ông bán xe đứng tuổi nói. "Lắm thứ trang trí lắp thêm, tôi nói để anh biết, đúng là người ta điên cả rồi."

"Rất đúng ý tôi", tôi nói.

Và thế là tôi có ô tô đi chợ. Nó hầu như không bao giờ được dùng vào mục đích nào khác.

Mua hàng xong xuôi, tôi đậu xe vào bãi đỗ của một nhà hàng. Tôi gọi bia, gỏi tôm trộn với hành. Tôi im lặng ngồi ăn một mình. Tôm quá lạnh và hành thì héo. Tôi ngó quanh nhưng không thấy người nào gọi cô bồi bàn lại để phàn nàn hay ném bát đĩa xuống đất cả. Vậy thì tôi cũng chẳng nói gì và ăn hết. Người ta chỉ thất vọng khi trước đó đã từng hy vọng.

Nhìn qua cửa sổ có thể thấy đường cao tốc nội đô. Ô tô đủ màu đủ kiểu đi qua. Tôi nhìn chúng và lại nghĩ đến ông già đã trao việc cho tôi hôm qua và cô cháu gái mũm mĩm của ông. Dù có thiện chí đến mấy, tôi vẫn thấy họ sống trong một thế giới điên rồ, vượt qua hẳn khả năng đồng cảm của tôi. Cái thang máy ngu xuẩn, hang động khổng lồ sau tủ tường, ma đen, tắt âm thanh - tất cả đều điên rồ. Và lại còn tặng tôi một cái đầu lâu lúc chia tay nữa chứ.

Tôi tận dụng mấy phút rỗi rãi buồn tẻ đợi cà phê để nhớ lại từng chi tiết của cô gái mũm mĩm. Đôi bông tai vuông, bộ đồ hồng, giày cao gót, bắp chân và gáy nung núc thịt, khuôn mặt - tất cả. Tôi nhớ tương đối rõ các chi tiết này, nhưng bức tranh tổng thể ghép lại từ các chi tiết ấy thì lại mờ nhạt không ngờ. Có lẽ vì dạo này tôi không ngủ với cô gái nào mũm mĩm cả. Vì thế tôi không thể tưởng tượng ra một cơ thể phụ nữ béo.

Tôi chấm dứt tưởng tượng cảnh cô đang trần truồng, trả tiền và rời nhà hàng. Tôi đi bộ đến thư viện thành phố gần đó, hỏi cô gái trẻ mảnh khảnh tóc dài ngồi ở quầy thông tin: "Cô có sách về đầu lâu động vật có vú không?"

Cô ta đang cắm cúi vào một cuốn sách loại bỏ túi nhưng vẫn ngẩng lên nhìn tôi: "Anh cần gì ạ?"

"Sách-về-đầu-lâu-động-vật-có-vú", tôi nhắc lại, nhấn rõ từng chữ một.

"Đầu lâu động vật có vú", cô gái nói, giọng như hát. Nghe như cô ngâm thơ vậy. Tựa như một thi sĩ giới thiệu cho độc giả đầu đề một bài thơ mà ông sắp trình diễn. Tôi thầm hỏi, liệu cô ta có nhắc lại mọi câu hỏi của khách theo kiểu này không.

Lịch sử nhà hát múa rối chẳng hạn.

Hay *Thái Cực Quyền đại cương*.

Nếu có bài thơ nào mang đầu đề như trên thì hẳn thú vị lắm, tôi nghĩ.

Cô suy nghĩ một lát, cắn răng vào môi dưới. "Phiền anh chờ một phút, tôi sẽ tìm", cô vừa nói vừa xoay ghế ngay

tại bàn và nhấn phím máy tính viết gõ *Động vật có vú*. Trên màn hình xuất hiện khoảng hai chục đầu sách. Cô dùng bút cảm ứng xóa đi hai phần ba, cho vào bộ nhớ phần còn lại và viết thêm chữ *xương*. Cô chừa lại hai trong số bảy, tám đầu sách vừa hiện ra rồi chuyển chúng sang các đầu đề đã cất trong bộ nhớ. Thư viện thay đổi ghê gớm thật. Thời mà phiếu kiểm tra còn găm trong túi giấy dán sau sách đã xa xôi như một giấc mơ xưa. Hồi còn bé tôi thích xem dấu in ngày tháng trên phiếu kiểm tra.

Trong lúc cô thành thạo lướt ngón tay trên bàn phím máy tính, tôi ngắm tấm lưng thon và mái tóc dài của cô. Tôi không chắc chắn có thích cô hay không. Một cô gái xinh xắn, thân thiện, rõ ràng là cũng sáng dạ và nói như ngâm thơ. Dường như như chẳng có lý do gì để tôi không thích cô cả.

Cô ấn phím in và trao cho tôi tờ in màn hình. "Anh có thể chọn trong chín đầu sách sau đây", cô nói.

1. Về động vật có vú
2. Tranh và ảnh động vật có vú
3. Bộ xương động vật có vú
4. Lịch sử động vật có vú
5. Tôi, một động vật có vú
6. Giải phẫu động vật có vú
7. Não động vật có vú
8. Xương động vật
9.Những bộ xương tự kể.

Thẻ của tôi được mượn ba cuốn. Tôi lấy các số 2, 3 và 8. Hai đầu đề *Tôi, một động vật có vú* và *Những bộ xương tự kể* nghe có vẻ thú vị, nhưng rõ ràng không liên quan trực tiếp đến dự án đang làm, tôi hoãn đến lần sau sẽ mượn về.

"Rất tiếc là cuốn *Tranh và ảnh động vật có vú* chỉ được dùng tại thư viện, không thể mượn về", cô nói và gãi lên thái dương bằng bút bi.

"Việc này rất quan trọng. Tôi nhất định sẽ trả sách vào sáng mai", tôi khẩn khoản. "Tôi xin hứa."

"Loạt sách tranh ảnh rất được ưa thích, nếu có ai biết là tôi cho mượn về thì sẽ phiền lắm."

"Một ngày thôi, không ai biết được đâu."

Cô gái lưỡng lự, cắn đầu lưỡi đỏ hồng đáng yêu giữa hai hàng răng.

"Được, tôi cho mượn. Nhưng chỉ một lần này thôi đấy. Và đề nghị anh đúng chín rưỡi sáng mai đem trả!"

"Cảm ơn", tôi nói.

"Không có gì", cô nói.

"Tôi có thể làm gì để tỏ lòng biết ơn cô không?"

"Bên kia đường có hiệu kem Baskin-Robbins, anh mua cho tôi một ốc quế đúp, dưới là hạt dẻ, trên là mô ca. Anh có nhớ hết không?"

"Một ốc quế đúp, kem hạt dẻ và mô ca."

Tôi rời thư viện, đi qua hiệu kem Baskin-Robbins.

Lúc tôi quay lại thì cô gái chưa tìm được hết sách tôi cần, tôi cầm ốc quế trong tay trái và đợi ở quầy thông tin. Hai ông già ngồi đọc báo trên ghế băng lúc thì nhìn tôi, lúc

nhìn suất kem một cách tò mò. May mà kem lạnh cứng, còn lâu mới chảy. Vừa đợi vừa cầm kem trong tay mà không được ăn, tôi thấy hơi sốt ruột, như được mời đến mà không ai tiếp.

Quyển sách bỏ túi mà cô gái đọc dở nằm trên mặt bàn như một con thỏ con ngủ quên, lưng vồng lên. Đó là tiểu sử của H. G. Wells, tập hai, *Time Travellers*. Không phải sách của thư viện, chắc là của riêng. Bên cạnh đó là ba cây bút chì vót nhọn chỉn chu. Và bảy hay tám cái ghim giấy. Tại sao đến đâu tôi cũng thấy ghim giấy nằm vương vãi, lạ thật!

Có thể chúng đột nhiên sinh sôi nảy nở vì một lý do nào đó. Hoặc một sự tình cờ được tôi để ý đến quá mức thông thường. Không, đúng là có gì đó bất thường. Như có một bàn tay bí mật điều khiển, tôi cứ đến đâu là lại thấy ở đó ghim giấy nằm lung tung ở một vị trí nổi bật. Trong đầu tôi lóe đèn báo động. Dạo này đèn lóe hơi nhiều - khi thấy đầu lâu, khi thấy ghim giấy. Tôi cảm thấy có một mối liên quan, song cố gắng mấy cũng không tưởng tượng ra đầu lâu liên quan gì đến ghim giấy.

Ngay sau đó cô gái tóc dài quay lại với ba quyển sách trên tay. Cô đưa sách cho tôi và cầm kem, ngồi về ngăn của mình và ăn, đầu cúi về phía trước không để ai nhìn thấy từ bên ngoài. Tôi nhìn từ trên xuống: gáy cô lồ lộ rất đẹp.

"Cảm ơn anh", cô nói.

"Tôi cũng cảm ơn cô", tôi nói. "À này, cô cần ghim giấy làm gì vậy?"

"*Ghim giấy*", cô nhắc lại như hát. "Tôi cần ghim giấy để kẹp các tờ giấy lại với nhau. Anh biết ghim giấy là gì chứ? Ở đâu chả có, ai cũng dùng."

Cô nói đúng, dĩ nhiên. Tôi cảm ơn, cầm sách và ra về. Ở đâu chả có ghim giấy. Bỏ ra một nghìn yên là mua được ghim giấy trữ đủ dùng cả đời. Ừ, tại sao không! Tôi đỗ ở cửa hàng văn phòng phẩm và mua một nghìn yên ghim giấy. Rồi tôi về nhà.

Về đến nhà tôi xếp thực phẩm vào tủ lạnh. Thịt và cá tôi cuốn vào nylon, đồ đông lạnh cho vào ngăn đá. Tôi cho cả bánh mì và cà phê vào ngăn lạnh sâu. Đậu phụ ngâm vào bát nước. Bia thì xếp vào ngăn mát, rau củ xếp ra phía trước. Tôi treo áo vest vào tủ, đặt nước rửa chén lên giá. Sau đó tôi rải bừa mấy cái ghim giấy trên nóc ti vi cạnh chiếc đầu lâu.

Một sự sắp đặt kỳ quái.

Kỳ quái như đặt gối bông cạnh nước đá hay lọ mực bên xà lách. Tôi đi ra ban công để ngắm từ xa, nhưng ấn tượng đó không đổi. Đầu lâu và ghim giấy không có gì liên quan cả. Nhưng nhất định phải có một sự ràng buộc bí mật mà tôi không biết - hoặc tôi đã biết mà không nhớ lại được.

Tôi ngồi lên giường và nhìn đăm đăm vào những đồ vật trên ti vi một hồi lâu. Song tôi không thể nhớ lại một điều gì. Chỉ thời gian là cứ trôi đi. Một chiếc xe cấp cứu đi qua gần nhà, sau đó là một xe phát thanh cổ động của cánh hữu. Tôi thèm whiskey nhưng cố nhịn. Tôi cần cái đầu sáng suốt để suy nghĩ một lát đã. Mấy phút sau chiếc xe của cánh hữu lại đi đúng đường cũ một lần nữa. Chắc họ đi lạc. Phố

xá ở khu này khá rối rắm.

Rốt cuộc tôi phẩy tay đứng dậy, ra ngồi ở bàn bếp và lật xem mấy cuốn sách vừa mượn của thư viện. Trước tiên tôi tìm ra tất cả các động vật có vú ăn cỏ cỡ trung, sau đó tôi xem bộ xương của chúng. Thì ra động vật có vú ăn cỏ cỡ trung đông hơn tôi tưởng cực nhiều. Riêng loài hươu đã có hơn ba chục nhánh được liệt kê.

Tôi lấy đầu lâu trên nóc ti vi đặt lên mặt bàn và so sánh nó với từng hình minh họa. Sau một tiếng tôi đã so sánh với chín mươi ba hình vẽ đầu lâu khác nhau; không hình nào giống cái đầu lâu trên bàn bếp. Thế thì tôi cũng bó tay. Tôi gập ba quyển sách lại, chồng lên nhau ở mép bàn, vươn vai đứng dậy. Chịu thôi.

Tôi bỏ cuộc, nằm lăn ra giường. Trong khi đang xem phim *The Quiet Man* của John Ford thì có tiếng chuông ở cửa. Qua lỗ nhòm tôi thấy một người đàn ông đứng tuổi mặc đồng phục của công ty cung cấp khí đốt Tokyo. Tôi để nguyên xích cửa, chỉ mở hé một khe nhỏ và hỏi ông ta cần gì.

"Kiểm tra định kỳ đường ống khí đốt", ông ta nói.

"Đợi chút", tôi nói và lấy con dao trên bàn phòng ngủ đút vào túi rồi mới mở cửa. Vừa tháng trước người ta đã kiểm tra độ kín của ống dẫn khí đốt rồi cơ mà. Thêm nữa là người đàn ông này có vẻ thiếu tự nhiên.

Tôi làm vẻ bất cẩn và xem phim tiếp. Trước tiên người đàn ông kiểm tra đường khí đốt trong nhà tắm bằng một chiếc máy trông như máy đo huyết áp, sau đó ra bếp. Cái

đầu lâu vẫn nằm trên bàn bếp. Tôi để ti vi chạy tiếp và rón rén đi ra bếp; đúng như tôi nghĩ, gã đang đút cái đầu lâu vào một túi nylon đen. Tôi bật dao, nhảy một bước vào bếp, vòng tay kẹp cổ và chặn lưỡi dao đúng dưới mũi gã đàn ông. Gã cuống cuồng thả rơi túi nylon xuống bàn.

"Tôi không có ý xấu", gã run rẩy thanh minh. "Tôi nhìn thấy cái ấy và muốn lấy. Tôi chợt nổi máu tham. Tha lỗi cho tôi!"

"Quên đi!", tôi cười khẩy. Một người của công ty khí đốt nhìn thấy cái đầu lâu trên bàn, nổi máu tham, muốn lấy - đã ai nghe thấy chuyện vô lý như thế chưa? "Khai thật ra, hay tao cắt cổ mày!", tôi nói. Một câu nói dối trắng trợn, chỉ riêng gã là không ý thức được.

"Được rồi, được rồi, đừng làm gì tôi, tôi khai hết", gã rền rĩ. "Người ta đã trả tiền để tôi đến đây ăn cắp nó. Hai người bắt chuyện với tôi ngoài phố, hỏi tôi có muốn kiếm ít tiền không, và cho tôi năm chục nghìn yên. Khi nào nộp cái đầu lâu thì tôi sẽ được thêm năm chục nghìn nữa. Tôi không muốn tí nào, nhưng một trong hai đứa trông như người khổng lồ. Thật đấy. Xin ông đừng giết tôi. Tôi có hai đứa con gái học trung học."

"Cả hai học trung học?"

"Vâng. Lớp Mười và Mười hai."

"Thật hả", tôi hỏi. "Trường nào?"

"Đứa lớn học trường Shimura của thành phố, đứa nhỏ học trường Futaba ở Yotsuya", gã nói. Sự kết hợp này cọc cạch đến nỗi chỉ có thể là sự thật. Tôi thấy tin gã được.

Cẩn thận chặn tiếp dao vào cổ gã, tôi nhón ví của gã từ túi quần sau ra xem. 67.000 yên, trong đó 50.000 là tiền mười nghìn mới cứng. Thẻ nhân viên của Công ty khí đốt Tokyo, và một tấm hình màu chụp gia đình. Hai đứa con gái mặc kimono đại lễ. Cũng chẳng thuộc loại xinh đẹp gì. Do vóc người hai đứa như nhau nên khó nói đứa nào học trường Shimura và đứa nào học Futaba. Ngoài ra trong ví còn tấm vé tháng tuyến Sugamo-Shinanomachi. Gã đàn ông trông cũng không nguy hiểm nên tôi gập dao lại và thả hắn ra.

"Thôi, cút khỏi đây ngay!", tôi nói và trả hắn ví.

"Cảm ơn ông", gã nói. "Nhưng bây giờ thì sao? Tôi đã cầm tiền rồi, mà lại quay về tay trắng."

Tôi cũng không rõ, tôi nói. Bọn ký hiệu sư - tôi đoán chúng là bọn ký hiệu sư - tùy tình thế mà có thể làm mọi trò. Và chúng ra tay rất có ý thức, để không ai dễ nhận ra thói quen hoạt động của chúng. Có thể chúng sẽ chọc mù mắt gã đàn ông. Cũng có thể chúng cảm ơn gã đã cố gắng và đưa nốt năm chục nghìn yên còn lại. Không ai đoán được.

"Một đứa trông như người khổng lồ, phải không?", tôi hỏi.

"Vâng, to như voi. Còn đứa kia lùn tịt. Chưa tới mét rưỡi. Ăn mặc bảnh. Nói chung là một cặp đôi đáng sợ."

Tôi chỉ cho gã cách đi từ bãi đỗ xe ra cửa sau. Cửa sau nhà này là một lối đi hẹp, từ ngoài khó nhìn thấy. Nếu gã gặp may thì không bị hai đứa kia phát hiện.

"Tôi rất biết ơn ông", gã đàn ông thở phào. "Tôi được phép tin là ông sẽ không báo cho công ty tôi biết chứ?"

Tôi gật đầu. Rồi tống gã ra cửa, khóa lại và móc xích vào. Sau đó tôi ngồi vào bàn bếp, đặt con dao đã gập lưỡi lên bàn và lấy đầu lâu ra khỏi túi nylon. Ít nhất thì đã rõ một chuyện: bọn ký hiệu sư rình kiếm chiếc đầu lâu này, nghĩa là nó phải có ý nghĩa nào đó đối với chúng.

Hiện tại tôi và các ký hiệu sư đang ngang sức. Tôi có cái đầu lâu nhưng không biết ý nghĩa của nó. Bọn ký hiệu sư thì biết ý nghĩa - hoặc đoán được - nhưng lại không có đầu lâu. Một đều. Giờ thì tôi có thể lựa chọn giữa hai cách tiến hành. Cách thứ nhất là bắt liên lạc với Hệ thống, giải thích cho họ rõ vấn đề và yêu cầu được bảo vệ chống bọn ký hiệu sư hoặc chuyển đầu lâu vào nơi an toàn. Cách thứ hai: tôi liên hệ với cô gái mũm mĩm và bảo cô cho tôi biết ý nghĩa của cái đầu lâu. Trong hoàn cảnh hiện tại mà lôi Hệ thống vào cuộc thì tôi thấy không ổn. Hầu như chắc chắn người ta sẽ có ý định tiến hành kiểm tra tôi, rất phiền. Đơn giản là tôi không ưa các tổ chức cồng kềnh. Họ không linh hoạt, bất cứ việc gì cũng tốn thì giờ và công sức. Đơn giản là trên đời này khá đông kẻ ngu xuẩn.

Tuy nhiên cũng không thể liên hệ với cô gái béo: tôi không biết số điện thoại ở văn phòng cô. Tôi có thể tìm thẳng đến cô, nhưng bây giờ ra khỏi nhà thì quá nguy hiểm, vả lại dễ đoán là người ta không đơn giản để tôi bước vào tòa nhà văn phòng canh gác cẩn mật nọ.

Vậy là tôi quyết định không làm gì cả.

Tôi cầm kẹp gắp than inox gõ nhẹ lên đầu lâu lần nữa. Vẫn tiếng động như ban nãy. Nghe buồn bã thế nào ấy. Tựa

như con thú lạ này còn sống. Nó còn sống và thở dài.

Vì sao đầu lâu phát ra tiếng động kỳ lạ này? Tôi cầm nó lên ngắm thật kỹ. Rồi tôi lấy kẹp gõ nhẹ lên lần nữa. Vẫn tiếng động cũ, nhưng nếu nghe thật chăm chú thì tôi cảm thấy âm thanh ấy dường như chỉ phát ra từ một điểm nhất định.

Tôi gõ đến lúc khoanh vùng được điểm đó. Tiếng động đến từ một vết lõm trên trán, đường kính khoảng hai phân. Tôi dùng một ngón tay khẽ sờ lên. Vết lõm nhám hơn xương xung quanh. Tựa như có gì bị bẻ ra khỏi vị trí này. Gì đó - cái sừng chẳng hạn...

Một cái sừng?

Nếu đúng thế thì tôi đang có đầu lâu một con thú một sừng trong tay. Tôi giở lại quyển *Tranh và ảnh động vật có vú* và tìm các động vật chỉ có một sừng. Không có, kiếm mãi cũng không thấy. Cùng lắm là có con tê giác, nhưng cả kích thước lẫn hình hộp sọ đều không đúng.

Tôi lấy đá trong tủ lạnh và pha một cốc Old Crow - tôi phải uống một chút. Đã sắp hết ngày, tôi thấy một cốc whiskey là hợp lý. Sau đó tôi ăn măng tây đóng hộp. Tôi rất khoái măng tây trắng. Xong món măng tây tôi ăn hai lát bánh mì gối kẹp hào xông khói. Sau đó lại một cốc whiskey.

Quyết định thực dụng của tôi: cái đầu lâu này ngày xưa thuộc về một con kỳ lân. Ngoài ra thì tôi cũng tắc tị.

Tôi có một cái đầu lâu kỳ lân trong tay.

Được đấy, tôi nghĩ, được đấy chứ. Vì sao lại liên tục

xảy ra những chuyện kỳ quái thế này? Và tại sao xảy ra với chính tôi? Tôi là một toán sư có tính thực tế và công tác độc lập, không hơn không kém. Tôi không nhiều kỳ vọng quá mức mà cũng chẳng tham lam. Tôi không có gia đình, không có bạn bè, không có người yêu.

Tôi là một người cố dành dụm càng nhiều càng tốt và sau quãng đời toán sư sẽ sống một cảnh hưu trí bình lặng, học đàn vi ô lông xen chẳng hạn, hoặc tiếng Hy Lạp. Vì sao chính tôi lại bị dây dưa với những trò ngớ ngẩn như kỳ lân và tắt âm thanh?

Tôi uống hết cốc whiskey thứ hai, vào phòng ngủ, tìm trong danh bạ số điện thoại của thư viện thành phố, quay số và xin gặp quầy thông tin. Mười giây sau cô gái tóc dài cầm máy.

"*Tranh và ảnh động vật có vú*", tôi nói.

"Cảm ơn anh mua kem", cô nói.

"Chuyện nhỏ ấy mà", tôi nói. "À, tôi có một nguyện vọng nữa, được không?"

"Tùy xem nguyện vọng gì đã", cô nói.

"Cô có thể tìm hộ tôi xem có tài liệu gì về kỳ lân không?"

"*Thú-một sừng?*", cô lặp lại.

"Đòi hỏi quá nhiều chăng?"

Im lặng. Có lẽ cô gái đang cắn lên môi dưới.

"Anh muốn biết gì về thú một sừng?"

"Tất cả", tôi nói.

"Anh nghe đây, bây giờ là năm giờ kém mười, thư viện sắp đóng cửa và có rất nhiều việc phải làm. Bây giờ tôi

không làm được. Vì sao anh không tới đây sáng sớm mai, khi thư viện vừa mở cửa? Anh có thể tìm bao nhiêu tài liệu cũng được, về một sừng một siếc gì đó thì tùy."

"Việc này cực kỳ khẩn cấp và cực kỳ quan trọng."

"Ra thế, quan trọng đến mức nào?"

"Quá trình tiến hóa phụ thuộc vào nó."

"*Quá-trình-tiến-hóa?*", cô nhắc lại, giờ đã có vẻ giật mình. "Anh không định nói đến quá trình tiến hóa diễn ra trong cả hơn một triệu năm đấy chứ? Xin lỗi, nếu tôi hiểu nhầm, nhưng tôi không rõ tại sao lại khẩn cấp đến mức không đợi thêm được một ngày."

"Có quá trình tiến hóa cần một triệu năm, và có quá trình tiến hóa diễn ra trong ba tiếng đồng hồ. Tôi không giải thích qua điện thoại được. Cô hãy tin tôi, việc này cực kỳ quan trọng. Bước phát triển tiếp theo của nhân loại phụ thuộc vào nó."

"Như trong phim *2001: A Space Odyssey?*"

"Chính xác", tôi nói. Tôi đã xem phim này trên video không nhớ bao lần.

Cô không nói gì một hồi lâu.

"Cô đang phân vân liệu tôi có phải là một kẻ kỳ quặc hay thiểu năng, đúng không?"

"Anh đã hiểu đúng ý tôi", cô nói.

"Tôi không điên", tôi nói. "Có thể không ít thì nhiều tôi là người lập dị và ngang ngạnh. Cũng có người ghét tôi, nhưng chưa ai bảo là tôi điên."

"Được rồi, được rồi, anh nói không như một người

điên. Có vẻ anh cũng không hẳn là một người xấu, ngoài ra anh còn mua kem cho tôi nữa. Thôi được. *Sáu rưỡi*. Ta gặp nhau trong tiệm cà phê cạnh thư viện. Tôi sẽ đem sách theo. Thế được chưa?"

"Tiếc rằng sự việc lại không đơn giản thế. Tôi không thể đi vào chi tiết, nhưng bây giờ tôi không thể ra khỏi nhà. Xin lỗi cô, nhưng..."

"Ý anh là...", cô ngập ngừng. Tôi nghe cô lấy móng tay gõ lên răng cửa. "Anh đòi tôi đem sách đến nhà anh chứ gì. Bây giờ thì anh điên thật rồi."

"Một ý tưởng vĩ đại", tôi ngượng ngập nói. "Tuy vậy, tất nhiên, tôi không đòi, tôi chỉ hỏi thôi."

"Anh hỏi hơi quá quắt đấy."

"Tôi biết, tôi biết. Nhưng cô không thể tin được chuyện gì đang xảy ra đâu."

Lại im lặng một hồi lâu. Cô im lặng chứ không phải âm thanh bị tắt đi, có thể nhận ra điều đó qua tiếng nhạc văng vẳng phía sau. Giai điệu *Annie Lowly* thông báo thư viện đã đến giờ đóng cửa.

"Tôi làm việc ở thư viện này đã năm năm rồi, nhưng tôi chưa gặp một khách mượn sách nào trơ tráo như anh", cô nói. "Đòi đưa sách về tận nhà. Ngay lần đầu! Anh có thấy như thế là quá quắt không?"

"Có, tôi cũng thấy thế. Tôi rất áy náy. Tôi biết đây là một ngoại lệ lớn, nhưng tôi không có sự lựa chọn nào khác."

"Tôi không rõ tại sao mình lại nhận làm việc này nữa. Đi đường nào đến nhà anh đây?"

8

Ông Đại Tá

"Tôi sợ là cậu không lấy lại cái bóng của mình được đâu", ông đại tá vừa nói vừa nhâm nhi cà phê. Như đa số những người quen ra lệnh cho người khác bao năm trời, ông nói trong tư thế cứng nhắc, cằm vươn ra. Nhưng ông không phải là người hãnh tiến hoặc nhiễu sự. Duy chỉ thời gian phục vụ trong quân đội đã đem lại cho ông tư thế cứng nhắc, cuộc sống theo quy chế và vô vàn kỷ niệm. Ông là hàng xóm lý tưởng của tôi. Thân thiện, rất trầm lặng và chơi cờ giỏi.

"Ông gác cổng nói đúng đấy", ông đại tá già nói tiếp. "Cả về lý thuyết lẫn thực tế hiện nay không có cách nào để cậu nhận lại bóng mình đâu. Chừng nào cậu ở đây thì không được phép có bóng, và cậu chẳng bao giờ được phép rời khỏi thành phố nữa. Nói theo thuật ngữ quân sự thì đây là một ổ phục kích. Người ta có thể đặt chân vào, nhưng không bước ra được nữa. Chừng nào bức tường còn bao quanh thành phố."

"Nhưng tôi đâu có nghĩ rằng bị mất bóng vĩnh viễn. Tôi tưởng đó chỉ là một biện pháp nhất thời. Và cũng chẳng ai chỉ dẫn cho tôi biết!"

"Ở đây không ai chỉ dẫn cho ai về bất cứ việc gì", ông đại tá nói. "Thành phố này có những quy định chỉ riêng nó có, không quan tâm đến ai biết gì hay không biết gì. Đáng tiếc, nhưng không thể khác."

"Thế bây giờ bóng tôi ra sao?"

"Chả sao cả. Nó cứ tồn tại thôi. Cho đến chết. Từ hôm ấy cậu đã thấy nó chưa?"

"Không. Tôi đến đó mấy lần nhưng ông gác cổng không cho, ông nói là vì lý do an ninh."

"Chà, thế thì đành chịu thôi", ông đại tá lắc đầu. "Ông gác cổng phụ trách canh giữ bóng và một mình chịu trách nhiệm đó. Tôi không làm gì giúp cậu được. Như cậu biết đấy, ông gác cổng là một người khó tính và nghiệt ngã, không chịu nghe ai bao giờ. Cậu chỉ có thể thể kiên nhẫn đợi đến khi ông ấy đổi ý."

"Tôi đang làm thế đây", tôi nói. "Nhưng ông ấy có gì phải lo ngại cơ chứ?"

Ông đại tá uống cạn cốc cà phê, đặt cốc lên đĩa và rút khăn tay ra lau miệng. Chiếc khăn cũng sờn nát như bộ đồ ông mặc trên người, nhưng chỉn chu và sạch sẽ không chê được.

"Ông ấy ngại cậu và bóng của cậu nhập làm một. Và nếu thế thì ông ấy lại phải làm thủ tục này lại từ đầu." Nói đoạn ông quay về với bàn cờ của mình. Xét về quân cờ và

nước đi thì bàn cờ ở đây hơi khác những gì tôi vẫn quen, do đó hầu như ván nào ông đại tá cũng thắng.

"Rất tiếc là khỉ của tôi thịt thầy tế của cậu."

"Không sao", tôi nói và đẩy quân tường thành không cho quân khỉ lùi. Thế cờ đã rõ ràng, hầu như chắc chắn là ông được, nhưng ông không lấy làm đắc thắng và vung gươm hạ thủ tôi, mà vẫn thận trọng đi từng nước. Ông không kỳ vọng thắng người khác mà chỉ sát hạch khả năng của mình.

"Tách khỏi bóng của mình và để nó chết, quả cũng cay đắng", ông nói và đẩy kỵ sĩ sang cạnh, khéo léo chen giữa tường thường và Vua. Thực tế là Vua của tôi hở. Ba nước nữa là tôi bị chiếu bí. "Cay đắng cho bất kỳ ai, tôi ngày xưa cũng thế. Và nó khác với khi một đứa trẻ bị mất bóng và để nó chết, vì đứa trẻ chưa biết gì và chưa quen bóng của mình lắm, nhưng khi người ta đã có tuổi thì không đơn giản, tôi nói cho cậu biết. Bóng của tôi chết khi tôi 65. Ở tuổi ấy người ta có biết bao kỷ niệm chung."

"Sau khi bị tách ra, bóng sống được bao lâu nữa?"

"Phụ thuộc vào bóng", ông nói. "Có bóng khỏe và bóng không khỏe lắm. Nhưng bóng tách ra không thọ lâu ở thành phố này. Khí hậu ở đây không hợp. Mùa đông dài và lạnh. Có lẽ không bóng nào sống đến mùa xuân năm sau."

Tôi ngắm tình thế trên bàn cờ một lát và chịu thua.

"Cậu còn có thể đi năm nước để thoát thế bị chiếu", ông đại tá nói. "Không bõ công hay sao? Trong năm nước

ấy người ta có quyền hy vọng đối thủ mắc sai lầm. Nước cuối cùng mới quyết định thua hay được."

"Để tôi thử."

Trong lúc tôi ngẫm nghĩ, ông ra cửa sổ, lấy ngón tay vạch tấm màn nặng ra và nhòm qua khe hẹp ấy.

"Mấy tuần này sẽ là thời gian khốn khó nhất của cậu ở đây. Như việc mọc răng vậy. Răng sữa rụng rồi, răng mới thì chưa mọc. Cậu hiểu ý tôi nói gì chứ?"

"Ý ông là bóng tôi tuy đã bị tách ra nhưng chưa chết?"

"Chính xác", ông nói và gật đầu. "Tôi còn nhớ rõ. Người ta chưa tìm được sự cân bằng giữa *cái đã qua* và *cái chưa đến*. Do đó người ta không đồng thuận với chính mình. Nhưng khi răng mới đã nhú ra thì người ta chóng quên răng cũ thôi."

"Nghĩa là khi tâm hồn biến mất?"

Ông đại tá không trả lời câu này.

"Xin lỗi vì tôi hỏi nhiều như vậy", tôi nói. "Nhưng tôi hầu như chẳng biết gì về thành phố cả. Mọi thứ ở đây đều làm tôi rối trí. Thành phố được tổ chức ra sao, tại sao cần tường thành cao thế, lý do gì ngày nào cũng thả súc vật ra rồi lại dồn vào, những giấc mơ xưa là gì - muôn vàn câu đố kỳ bí. Và ông là người duy nhất để tôi hỏi!"

"Không phải cái gì tôi cũng biết cặn kẽ", ông khẽ nói. "Ngoài ra, có những chuyện mà tôi không giải thích đơn giản cho cậu hiểu được, và có những chuyện tôi không được phép cho cậu biết. Nhưng thực sự là cậu không cần phải lo lắng. Về khía cạnh nào đó thì thành phố này công bằng.

Những gì cậu nhất thiết phải có và phải biết thì người ta sẽ trao cho cậu, đúng tuần tự. Và cậu là người có trách nhiệm học hỏi kỹ lưỡng mọi thứ. Đây là một thành phố hoàn hảo, cậu hiểu chưa? Hoàn hảo nghĩa là cái gì cũng có. Nhưng chừng nào người ta không thực sự thấu thị thì cũng chẳng có gì cả. Hư vô hoàn hảo. Cậu hãy ghi lòng tạc dạ! Những gì người khác dạy cậu thì vẫn là của người khác - chỉ cái gì cậu tự học hỏi được mới đọng lại trong tâm trí cậu. Chỉ có thế cậu mới tiến được. Vậy thì mở mắt ra, dỏng tai lên, bắt đầu óc hoạt động và cố hiểu ý nghĩa những gì thành phố này trao cho cậu. Và nếu cậu có tâm hồn - hãy sử dụng nó chừng nào cậu còn có nó. Đó là tất cả những gì tôi có thể khuyên cậu."

Khi ánh huy hoàng đã tàn tạ của khu công nhân, nơi cô thủ thư sống, chìm vào bóng tối thì khu công chức ở mạn tây nam thành phố cũng chuẩn bị vĩnh viễn mất nốt màu sắc của nó trong ánh sáng khô rang - do mưa xuân tẩy bợt màu, nắng hè nung đốt và gió đông cứa như dao. Dọc triền dốc thoai thoải bát ngát được gọi là "Đồi Tây", từng dãy nhà trắng hai tầng liền kề nhau. Đó là các ngôi nhà công vụ, khởi thủy dành cho ba gia đình chung một nhà, tuy nhiên chỉ có phần cửa ra vào xây nhô ra là chung nhau. Tất cả quét màu trắng: lớp ván ốp ngoài bằng gỗ tuyết tùng, cửa đi, cửa sổ, hàng hiên - nhìn đâu cũng chỉ thấy một màu trắng. Đồi Tây hiện ra trong mọi cấp độ của màu trắng, từ màu trắng mới quét sáng lóa thiếu tự nhiên và trắng ố vàng

do bị nắng thiêu hằng ngày cho đến một thứ trắng không đáng được gọi tên ấy vì đã bị gió mưa làm cho tàn tạ - tất cả mọi sắc độ trắng ấy có mặt dọc theo những đường rải sỏi chạy quanh đồi. Nhà ở đây không có hàng rào. Chỉ thấy các luống hoa chạy dài trước hàng hiên rộng chừng một thước được chăm chút chu đáo. Hoa nghệ tây, hoa păng xê và cúc vạn thọ nở vào tiết xuân, cúc tây vào mùa thu. Tới mùa hoa nở, các ngôi nhà trông giống nhà hoang một cách kỳ lạ.

Nghe nói ngày xưa đây từng là một khu "cao cấp", xứng với cái tên ấy. Vì hôm nay nếu lang thang đi qua khu này ta vẫn cảm thấy hồn phách của một thời đã qua. Cứ như vẫn có trẻ con nô đùa ngoài phố, có tiếng dương cầm và mùi thơm của bữa tối lãng đãng trong không khí. Tôi cảm thấy có thể sờ tận tay được vào những ký ức đó, dường như bước xuyên được nhiều cánh cửa trong suốt dẫn đến quá khứ.

Như tên của khu này cho thấy, ngày xưa các công chức sống ở đây. Không phải công chức cao cấp, cũng chẳng phải loại lẹt đẹt, mà là tầm trung, những người phải có chút cố gắng mới giữ được mức sống giản dị của mình.

Nhưng giờ đây không ai trong số họ còn ở đây nữa. Tôi không rõ họ biến đã đâu.

Thế chỗ họ là đám quân nhân đã về hưu. Họ bỏ lại bóng và sống cuộc đời cô đơn của mình trên Đồi Tây - ai lo phận nấy, như những vỏ kén rỗng dính trên tường nhà. Họ chả có gì để chăm chút trong cuộc đời này nữa. Cứ mỗi nhà có sáu đến chín người già ở.

Ông gác cổng phân cho tôi một trong những căn hộ công vụ ấy làm nơi trú ngụ. Trong nhà ấy, ngoài ông đại tá còn có hai thiếu tá, hai thượng úy và một hạ sĩ. Viên hạ sĩ làm bếp và mọi việc vặt khác cho tất cả. Như vẫn trong quân đội. Mấy ông già này không gia đình; giữa những công tác chuẩn bị chiến tranh, đánh nhau và tái thiết, giữa phong trào cách mạng và phản cách mạng không còn thì giờ nào nữa mà lập gia đình.

Họ dậy sớm và ăn sáng vội vã theo thói quen để rồi sau đó lao vào các việc thường nhật, tuy chẳng ai ra lệnh. Người thì lấy bay cạo sơn cũ trên đoạn tường nhà nào đó, người thì nhổ cỏ dại ngoài vườn, người khác sửa đồ gỗ hoặc đẩy xe cút kít xuống chân đồi lĩnh khẩu phần thực phẩm cho cả nhà. Sau khi xong việc buổi sáng, các ông già tụ họp trong ánh nắng chiều và phiêu diêu với kỷ niệm.

Tôi được phân một phòng hướng đông ở tầng hai. Tầm nhìn ra ngoài không tốt vì bị một quả đồi chắn phía trước, tuy vậy tôi vẫn còn thấy được một khúc sông và tháp đồng hồ.

Hình như căn phòng bị bỏ không từ lâu, tường đầy những vết ố sẫm màu, cửa sổ bám đầy bụi. Rèm cửa dày có mùi ẩm mốc. Ván sàn đôi chỗ sứt sẹo và nghiến cọt kẹt theo mỗi bước đi.

Sáng sớm, ông đại tá vào ăn sáng chung với tôi. Buổi chiều hai người ngồi trong căn phòng kéo rèm lén lút đánh cờ. Chiều nắng rực rỡ mà ngồi đánh cờ thì rõ là chẳng có

cách nào cho tiêu hết thời gian.

"Trời đẹp mà thanh niên như cậu phải ngồi trong một phòng cớm nắng thì ngán nhỉ", ông đại tá nói.

"Tôi cũng thấy thế."

"Tôi thì lại thấy tuyệt vời, rốt cuộc tôi đã có một bạn chơi cờ. Vì những người kia không thích nữa."

"Vì sao ông bỏ bóng mình đi?"

Ông già đăm đăm ngó xuống các ngón tay mình tắm trong ánh nắng xiên qua kẽ cửa sổ mở hé, nhưng rồi cũng rời ngay cửa sổ để quay về ngồi bên bàn đối diện tôi. "Hừm", ông nói. "Có lẽ vì tôi đã bảo vệ thành phố này rất lâu. Chắc tôi nghĩ, nếu tôi rời bỏ thành phố thì đời tôi cũng mất ý nghĩa. Cho đến giờ thì tôi không bận tâm gì nữa, tuy vậy..."

"Đã có lần nào ông hối hận đã bỏ bóng mình đi không?"

"Không. Tôi không bao giờ hối hận bất cứ gì", ông già nói và lắc đầu quầy quậy. "Không một lần duy nhất nào. Tôi cũng chẳng biết hối hận bao giờ."

Tôi ăn quân khỉ của ông và có chỗ cho Vua di chuyển.

"Nước ấy khá lắm", ông già nói. "Cậu để tường thành chắn hết, và Vua lại có chỗ. Nhưng bây giờ kỵ sĩ của tôi cũng di chuyển được."

Trong lúc ông ngẫm nghĩ nước tiếp theo, tôi đi đun nước pha cà phê. Sẽ còn vô số những buổi chiều như thế này, tôi tự nhủ. Ở thành phố này, giữa những bức tường cao vòi vọi, mi sẽ không còn lựa chọn nào nữa.

9

Ngon Miệng, Thất Vọng, Leningrad

Trong khi đợi cô gái, tôi chuẩn bị một bữa tối đơn giản. Tôi nghiền mơ muối làm nước xốt chua ngọt trộn gỏi, chiên cá mòi, đậu phụ và khoai lang, luộc thịt bò thái lát với củ cần tây. Còn chút thì giờ, tôi luộc đậu với gừng để ăn với nước xốt vừng. Kết quả không đến nỗi nào. Trong khi nấu tôi uống một lon bia, rồi tôi lăn ra giường nghe đĩa và nhìn lên trần nhà.

Quá bảy giờ và bên ngoài đã tối, nhưng cô gái vẫn chưa thấy đâu. Có thể cô đã nghĩ lại. Thậm chí tôi cũng chẳng dám trách cô. Cô đến mới lạ.

Đang tìm một đĩa nhạc mới thì tôi nghe tiếng chuông. Tôi nhòm qua lỗ quan sát: cô gái ở thư viện đứng trước cửa, tay cầm sách. Tôi hé cửa, để nguyên xích chằng và hỏi cô có thấy ai còn ở ngoài hành lang không.

“Không, không có ai”, cô nói.

Tôi gỡ xích và mời cô vào nhà, đóng ngay cửa lại và xoay chìa khóa.

"Thơm quá", cô nói và hít hà. "Tôi có được phép vào bếp không?"

"Cứ tự nhiên, xin mời. Cô có thấy ai đáng chú ý ở trước nhà không, công nhân xây dựng chẳng hạn? Hoặc có người nào ngồi trong xe đang đỗ?"

"Không, không có ai", cô nói và đặt hai cuốn sách cô đem đến xuống bàn, ra bếp mở hết các vung ra. "Anh đã nấu tất cả các món này à?"

"Dĩ nhiên", tôi nói. "Nếu cô đói thì xin mời cùng ăn. Cũng chẳng có gì đặc biệt đâu."

"Sao anh nói thế? Mấy món này tôi thích lắm."

Tôi dọn thức ăn ra bàn và hài lòng ngắm cô ăn hết món nọ đến món kia. Thấy người ta ăn say sưa như thế thì cũng bõ công nấu. Tôi rán đậu phụ to lửa và rắc cải cay lên để nhắm với whiskey. Cô gái không nói một lời khi ăn. Tôi mời rượu, nhưng cô từ chối.

"Cho tôi xin ít đậu phụ được không?", cô nói. Tôi đẩy chỗ đậu phụ còn lại sang cho cô và chỉ uống chay whiskey.

"Hãy còn cơm và mơ muối đấy, xúp miso nấu cũng chóng thôi", tôi nói đề phòng cô ăn không được thoải mái.

"Thế thì tuyệt quá", cô nói.

Tôi nhanh tay đun nước xuýt, cho rong biển, hành lá vào làm một nồi súp miso, bưng ra cùng cơm và mơ muối. Trong nháy mắt cô làm hết trơn. Cuối cùng trên bàn chỉ

còn chỏng chơ mấy hạt mơ. Cô thốt lên mãn nguyện: "Cảm ơn anh, ngon quá!"

Chưa bao giờ tôi chứng kiến một cô gái thon thả và xinh xắn như cô mà lại có một sức ăn đáng nể như vậy. Quả là một thành tích lớn. Sau khi cô ăn xong, tôi chỉ ngồi đó nhìn cô một lúc lâu, nửa vì khâm phục, nửa cũng vì sửng sốt không biết nói gì.

"Lúc nào cô cũng ăn nhiều thế à?", tôi hỏi thẳng thừng.

"Tất nhiên. Đại khái như hôm nay", cô nói, không đổi nét mặt.

"Và cô không bị béo?"

"Tôi bị giãn bao tử", cô nói. "Ăn mấy cũng được, không bao giờ lên cân."

"Nhưng sẽ tốn tiền đi chợ chứ?", tôi hỏi. Chả gì thì mình cô đã đánh sạch bữa tối và cả suất trưa mai của tôi nữa.

"Chứ sao nữa!", cô nói. "Gần như toàn bộ lương tháng của tôi chỉ để mua thức ăn đấy."

Tôi mời cô rượu lần nữa. Cô xin một lon bia. Tôi lấy bia từ tủ lạnh và cẩn thận ném thêm hai nắm xúc xích vào chảo rán. Bụng bảo dạ, chắc nàng cũng đầu hàng thôi. Nhưng tôi chưa kịp ăn hai cái, chỗ còn lại cô ăn tất. Sự ngon miệng của cô quét sạch mọi thực phẩm như một khẩu đại liên phạt phăng bụi cây. Trước mắt tôi, khoản dự trữ cho một tuần bay veo.

Tôi bưng tiếp cho cô salad khoai tây làm sẵn mà tôi đã

cho thêm rong biển và cá thu. Món này cô chiêu xuống với lon bia thứ hai.

"Giờ thì tôi ổn rồi!", cô nói. Tôi chỉ mới nhấp ly whiskey thứ ba và hầu như chưa chạm đũa. Mải say mê ngắm cô ăn, tôi hầu như quên cả đói.

"Tôi còn một bánh kem sô cô la để tráng miệng nữa", tôi nói. Dĩ nhiên là cô không lắc đầu. Tôi thích nấu, nhưng ăn thì như mèo. Chỉ nhìn đồ ăn là tôi đã thấy lợm giọng.

Có lẽ đó là lý do khiến tôi không cương lên được. Từ 1964 là năm Nhật Bản đăng cai tổ chức Thế vận hội Olympic, chưa bao giờ xảy ra chuyện đến phút quyết định mà tôi không cương lên được.

"Anh đừng bận tâm, thực sự là không có gì ghê gớm đâu", cô an ủi tôi. Sau món tráng miệng chúng tôi uống whiskey và bia, nghe vài đĩa nhạc rồi chui vào giường. Tôi đã ngủ với rất nhiều phụ nữ, nhưng trong số đó không có cô nào làm thủ thư. Tôi đoán cô lên giường với tôi vì được tôi thết đãi tử tế. Tuy nhiên, như đã nói, anh bạn nhỏ của tôi không chiến đấu được. Nghĩ đến lượng thực phẩm mà cô nhồi vào bao tử và hiện đang được nghiền bóp là đoạn dưới của tôi cứ thế nguội ngắt.

Cô rúc tấm thân trần truồng vào người tôi và lấy ngón tay giữa miết lên miết xuống chừng mười phân trên mỏ ác tôi. "Ai cũng có lần bị, anh không việc gì phải bận tâm nhiều."

Nhưng cô càng xoa dịu tôi bao nhiêu thì đầu óc tôi

càng quay cuồng bấy nhiêu quanh thực tế là dương vật tôi không cương lên được. Tôi đã có lần đọc ở đâu đó là dương vật trong trạng thái bình thường trông thẩm mỹ hơn lúc cương, nhưng đó chỉ là một an ủi yếu ớt.

"Anh ngủ với phụ nữ lần cuối là khi nào?"

Tôi lọ mọ lục lọi trong trí nhớ một hồi. "Gượm đã, ờ, cách đây hai tuần", tôi nói.

"Và lần đó ổn chứ?"

"Dĩ nhiên", tôi nói. Dạo này dường như ai cũng quan tâm đến đời sống tình dục của tôi. Có lẽ đây là mốt mới chăng.

"Cô ấy là bạn gái anh?"

"Gái gọi. Gọi điện đến."

"Mỗi lần anh ngủ với một cô gái loại ấy… anh có cảm giác mình làm một điều gì xấu xa không?"

"Hừm… không."

"Từ hôm ấy đến giờ anh có thủ dâm không?"

"Không", tôi nói. Trong mười bốn ngày qua tôi bận bù đầu, đến tận hôm nay mới có thì giờ để lấy cái áo vest đắt tiền từ hiệu giặt là về. Đào đâu ra thì giờ mà thủ dâm?

Cô lắng nghe tôi kể và gật đầu đầy thuyết phục. "Có lẽ vì thế đấy?"

"Vì anh không thủ dâm?"

"Vớ vẩn, đồ ngốc ạ", cô nói. "Tất nhiên là vì công việc! Anh đã tối mắt tối mũi vì công việc, đúng không?"

"Ừ, hôm kia anh đã không ngủ hăm sáu tiếng liền."

"Anh làm việc gì?"

"Ngành máy tính", tôi nói. Tôi toàn trả lời như thế khi bị hỏi về nghề nghiệp. Thứ nhất là cũng chẳng sai, và thứ hai là hầu hết mọi người chẳng hiểu mấy về máy tính để hỏi tiếp.

"Anh bị ức chế vì làm việc trí não trong một quãng thời gian dài, vì vậy tạm thời bị trục trặc. Hoàn toàn bình thường."

"Ra thế", tôi nói. Có lẽ cô có lý. Tình trạng kiệt sức của tôi cộng với tất cả các sự kiện bất bình thường trong hai ngày vừa qua, và mới rồi là sự ngon miệng khủng khiếp đến sởn tóc gáy của cô mà tôi buộc phải mục sở thị đã khiến tôi tạm thời liệt dương. Có thể lắm.

"Anh áp tai vào bụng em mà xem", cô nói. Và lật chăn ra.

Cô có một cơ thể đẹp, nhẵn nhụi, thon thả, không đâu ra một gam mỡ thừa. Ngực cô cũng không quá to. Nghe lời cô, tôi áp tai lên phần bụng phẳng lì giữa vú và rốn cô. Như một phép lạ, bụng cô chứa nhiều thức ăn như vậy mà vẫn chẳng vồng lên tẹo nào. Da cô mỏng, mềm và ấm.

"Anh nghe thấy gì không?", cô hỏi.

Tôi nín thở lắng nghe. Nhưng ngoài tiếng mạch máu đập khe khẽ thì tôi chẳng nghe thấy gì. Chỉ có cảm tưởng như khi nằm trong một khu rừng im ắng và lắng nghe tiếng rìu chặt gỗ xa xăm.

"Chẳng nghe thấy gì cả", tôi nói.

"Anh không nghe dạ dày làm việc à?", cô nói. "Nó đang tiêu hóa đấy."

"Anh cũng không biết tường tận, nhưng anh nghĩ là

quá trình tiêu hóa không gây ra tiếng động lớn. Dịch vị có tác dụng phân hủy, thế thôi. Tất nhiên có cả còn một ít nhu động nữa, nhưng chắc chắn không ầm ĩ lên đâu."

"Có thể, nhưng cảm giác của em thì rất rõ là dạ dày đang làm việc cật lực. Anh nghe kỹ lần nữa đi."

Tôi vừa tập trung cao độ vào bên tai áp trên bụng cô vừa ngắm phần bụng dưới và đám lông mu xoăn ngược lên. Nhưng không hề thấy tiếng gì từ dạ dày. Chỉ có tiếng mạch đập sau những khoảng cách đều đặn. Trong *The Enemy Below* cũng có một cảnh như thế. Bí mật như chiếc tàu ngầm do Curd Furgens chỉ huy, dạ dày khổng lồ của cô tiến hành tiêu hóa dưới vành tai tôi đang chăm chú theo dõi.

Tôi thôi nghe, nhấc đầu khỏi bụng cô, ngả ra gối và quàng tay ôm vai cô. Tóc cô thơm ngát.

"Anh có nước tonic không?", cô hỏi.

"Trong tủ lạnh", tôi nói.

"Em muốn uống vodka pha tonic, được không?"

"Tất nhiên."

"Anh có muốn uống gì không?"

"Giống em."

Cô trèo khỏi giường và khỏa thân đi vào bếp. Trong khi cô pha hai cốc vodka với tonic, tôi ra chọn ca sĩ ưa thích nhất, Johnny Mathis, đĩa *Teach Me Tonight.* Rồi ư ử ngân theo trên đường về giường. Tôi và dương vật dặt dẹo của tôi và Johnny Mathis.

"Anh bao nhiêu tuổi?", cô hỏi khi mang đồ uống về giường.

"Ba lăm", tôi nói. "Độc thân. Ngày xưa lắm rồi đã từng có gia đình. Không con cái. Không người yêu."

"Em hăm chín. Năm tháng nữa thì tròn ba mươi."

Tôi nhìn cô lần nữa. Chắc không bao giờ tôi nghĩ là cô suýt soát ba mươi.

"Trông em trẻ hơn, nhưng em đúng hăm chín thật!" cô nói. "Này anh, có phải thật ra anh là cầu thủ bóng chày không?"

Tôi giật mình suýt làm sóng cả cốc vodka tonic vừa đặt lên môi. "Bóng chày?", tôi nói. "Anh bỏ chơi bóng chày mười lăm năm nay rồi. Sao em nghĩ thế?"

"Em cứ nghĩ là đã có lần thấy anh trong ti vi. Mà em thì chỉ xem chương trình bóng chày và thời sự thôi. Hay anh có việc gì bên thời sự?"

"Anh chưa có mặt trong bản tin thời sự bao giờ."

"Quảng cáo?"

"Không", tôi nói.

"Thế thì phải có ai đó trông giống anh... ít nhất thì trông anh cũng không như thợ máy tính", cô nói. "Tiến hóa, kỳ lân, và những chuyện tương tự, cũng không sao, nhưng trong túi quần có dao bấm!"

Cô chỉ vào quần tôi vứt dưới sàn nhà. Một đầu dao ló ra khỏi túi quần.

"Việc của anh liên quan đến xử lý dữ liệu sinh học, công nghệ sinh học. Liên quan đến lợi nhuận công nghiệp. Dạo này người ta chuyên đi ăn cắp dữ liệu của nhau, vì vậy anh phải cẩn trọng."

"Ra thế", cô nói, nhưng vẻ mặt không hoàn toàn thuyết phục. "Ta bỏ qua đi. Nói chuyện thú một sừng thì hơn. Đó là lý do chính để anh gọi em, phải không?"

Tôi gật đầu, đặt hai cốc đã uống cạn xuống đất. Cô nhặt hai quyển sách ở đầu giường. một quyển mang đầu đề *Khảo cổ động vật* của tác giả Burtland Cooper, quyển kia là *Về những sinh thể ảo* của Jorge Luis Borges.

"Trước khi đến đây em đã đọc lướt qua cả hai quyển. Tóm gọn lại, quyển này (cô cầm *Về những sinh thể ảo* lên) nói về thú một sừng như một sản phẩm của trí tưởng tượng, đại khái như con rồng hay nàng tiên cá, trong khi quyển này (cô giơ *Khảo cổ động vật* lên) đại diện cho một khía cạnh khoa học, lấy xuất phát điểm là không ai dám bảo thú một sừng chưa bao giờ tồn tại. Về chính con kỳ lân thì tiếc là cả hai quyển đều không nói được gì nhiều. Thậm chí quá ít, nếu so với các mô tả về rồng và các chú lùn. Nguyên nhân theo em có thể thú một sừng là một sinh vật rất trầm lặng... Thư viện chúng em không còn tài liệu gì hơn, thật tiếc."

"Thế là hoàn toàn đủ rồi. Quan trọng là anh đã nắm được đại ý. Rất cảm ơn em!"

Cô đưa tôi cả hai quyển.

"Em có thể tóm tắt cho anh những gì viết trong đó không?", tôi nói. "Truyền miệng dễ nắm tổng quát hơn."

Cô gật đầu, giở ngay quyển *Về những sinh thể ảo* ra. "'Nói về ý nghĩa của rồng thì ta cũng mù mờ như về ý nghĩa của vũ trụ vậy'", cô đọc. "Đó là lời tựa."

"Không tồi", tôi nói.

Cô lật một trang gần cuối đã được đánh dấu trước. "Điểm đầu tiên người ta phải ghi nhớ là có hai giống kỳ lân. Giống thứ nhất là giống châu Âu, bắt nguồn từ Hy Lạp, giống thứ hai từ Trung Hoa. Chúng khác nhau ở bề ngoài, và cũng được con người ghi nhận trên hai phương cách hoàn toàn khác nhau. Chẳng hạn người Hy Lạp miêu tả kỳ lân như sau:

'Mình ngựa, đầu hươu, chân voi, đuôi giống lợn đực. Tiếng hí của kỳ lân trầm, giữa trán mọc một cái sừng đen, dài khoảng chín chục phân. Truyền rằng không thể bắt được con thú này.'

Ngược lại, kỳ lân Trung Hoa được miêu tả như sau:

'Thân hươu, đuôi bò, móng ngựa. Sừng mọc ở trán, khá ngắn, và bằng thịt. Lông trên lưng có năm màu, còn bụng chỉ có màu nâu hoặc vàng.'

Khá khác biệt, anh có thấy thế không?"

"Đúng đấy", tôi nói.

"Không chỉ bề ngoài, mà về bản chất của thú một sừng và ý nghĩa người ta gán cho nó cũng khác nhau hoàn toàn giữa phương Đông và phương Tây. Ở phương Tây người ta cho thú một sừng là một con vật rất dữ và hiếu chiến. Chả gì thì nó cũng có sừng dài đến chín chục phân, nghĩa là suýt soát một thước. Theo Leonardo da Vinci, chỉ có một cách

để bắt được nó, đó là phải biết lợi dụng khoái cảm nồng nàn của nó. Người ta đặt một trinh nữ trước mặt nó, và sự đam mê khiến nó quên tấn công để rồi gục đầu vào lòng thiếu nữ ấy; thế thì sẽ bắt được nó. Cái sừng có ý nghĩa gì, chắc anh đã hiểu?"

"Anh có thể đoán được."

"Còn kỳ lân Trung Hoa thì lại là một con vật linh thiêng, đem lại may mắn, thuộc về bộ Tứ Linh cùng với Long, Phượng và Quy, và nó đứng hàng cao nhất trong ba trăm sáu lăm sinh vật đi bộ dưới đất. Kỳ lân là một con vật cực kỳ hiền lành, thậm ý nó còn chú ý lúc chạy để đừng giẫm lên một sinh vật bé bỏng nào, và chỉ ăn cỏ khô chứ không bao giờ đụng đến cỏ tươi. Nó sống lâu chừng một nghìn năm và sự hiện diện của nó báo hiệu một đại hiền triết chào đời. Thân mẫu của Khổng Tử chẳng hạn, bà mang thai khi nhìn thấy kỳ lân.

> *'Bảy mươi năm sau, thợ săn hạ được một con kỳ lân, thấy sừng của nó còn vương một mảnh từ dải lụa mà mẹ Khổng Tử đã thắt vào. Khổng Tử ngắm con kỳ lân và khóc, vì Ngài cảm nhận được ý nghĩa trong cái chết của con vật huyền bí vô tội này, và vì quá khứ của Người nằm trong dải lụa ấy.'*

Anh thấy có lý thú không? Vào thế kỷ mười ba, kỳ lân lại tái xuất lần nữa trong lịch sử Trung Hoa. Quân đội Thành Cát Tư Hãn ngày đó đang lập kế hoạch đánh Ấn

Độ. Một nhóm thám thính chạm trán giữa sa mạc một con kỳ lân. Nó có đầu ngựa với một sừng giữa trán, bộ lông xanh lá cây, mình hươu và nói tiếng người: Đã đến lúc Đại Hãn của các ngươi nên quay trở về đất mình.

'Một trong các đại thần người Hán của Thành Cát Tư Hãn được vời đến tham vấn, và ông nói, đây là "Giác thụy" - một chi đặc biệt của kỳ lân. "Từ bốn trăm năm nay, đại quân chiến đấu trên đất phương Tây", ông nói. "Trời ghét cảnh đầu rơi máu chảy nên đã đưa Giác thụy ra cảnh báo chúng ta. Hãy vì Trời mà gìn giữ sơn hà; chính điều đó sẽ đem lại vui sướng vô biên." Và Thành Cát Tư Hãn gạt bỏ mọi kế hoạch đánh chiếm.'

Phương Đông và phương Tây có quan điểm khác biệt đến thế về cùng một con vật. Đối với phương Đông nó là yên ổn và hòa bình, còn phương Tây nhìn thấy trong nó sự hung hãn và nhục cảm. Nhưng dù thế nào đi nữa, thú một sừng là một con vật hư cấu, và chính vì bản chất hư cấu ấy mà người ta gán cho nó những ý nghĩa trọng đại tùy theo ý thích."

"Thực sự không có loại thú một sừng nào hay sao?"

"Trong giống cá heo có một loài tên là kỳ lân biển, nhưng kỳ thực nó không mang một cái sừng, mà chỉ là một cái răng hàm trên mọc trên đầu, dài chừng hai thước rưỡi, thẳng tắp và xoắn ốc quanh trục. Tuy vậy kỳ lân biển là một loài động vật có vú đặc biệt sống dưới biển, thời Trung

Cổ có lẽ người ta không bao giờ nhìn thấy. Trong các giống loài vô cùng phong phú của động vật có vú từng xuất hiện và lại biến mất hồi Đại Trung sinh có không ít con trông giống kỳ lân. Ví dụ như trong đoạn này..." Cô cầm cuốn *Khảo cổ động vật* lên và giở tới một trang ở phần ba cuối sách. "Có hai loài nhai lại sống ở lục địa Bắc Mỹ hồi Đại Trung sinh, nghĩa là vào khoảng hai mươi triệu năm trước. Hình bên trái là con cyntetokerus, bên phải là con curanokerus, cả hai con đều có ba sừng, nhưng trong đó một sừng đứng riêng hẳn."

Tôi cầm lấy quyển sách để xem minh họa. Cyntetokerus trông như lai giống giữa một con ngựa nhỏ và hươu, nó có hai sừng như bò và một sừng dài trên mõm, đầu tẽ hình chữ Y. So với nó thì hộp sọ của curanokerus tròn hơn, nó mang cặp sừng như hươu, nhưng còn thêm một cái sừng dài, nhọn, chĩa ra phía sau, đầu uốn cong. Cả hai con thú trông khá buồn cười một cách khó tả.

"Cuối cùng thì các giống vật có số sừng lẻ hầu như tuyệt chủng gần hết", cô nói và lấy lại sách. "Động vật có một sừng hay số sừng lẻ, nếu ta xét riêng động vật có vú, một là cực hiếm, hai là ngoại lệ tiến hóa, hoặc nói ngược lại, chúng là những đứa con hoang của lịch sử phát triển. Ngoài mảng động vật có vú ra, ví dụ như trong loài khủng long, cũng có động vật ba sừng, nhưng đó là ngoại lệ tuyệt đối. Cái sừng, xét cho cùng, là một vũ khí lợi hại, nhưng ba cái thì thừa. Anh hãy tưởng tượng ra cái dĩa: càng nhiều răng thì chọc càng khó. Và khi một trong các sừng chạm phải vật

cứng thì xét riêng về cơ học có thể không sừng nào đâm vào đối thủ được cả. Khi con thú ba sừng của chúng ta phải chống lại nhiều kẻ tấn công thì rất khó xiên vào một con rồi lại rút sừng ra để quay sang con khác."

"Trở lực lớn hơn, mất thời gian hơn", tôi nói.

"Chính xác", cô nói và ấn ba ngón tay vào ngực tôi. "Đó là nhược điểm của nhiều sừng. Định lý số một: một hay hai sừng sẽ hữu hiệu hơn ba sừng hoặc nhiều hơn. Giờ thì ta xét đến nhược điểm của loài một sừng. Nhưng có lẽ trước đó em cho anh thấy tại sao hai sừng lại cần thiết. Lợi thế trước tiên là phù hợp với sự đối xứng phải-trái của cơ thể con vật. Mô hình hành vi của mọi động vật đều dựa trên sự cân bằng phải-trái, đồng nghĩa với việc chia lực sang hai nửa. Mũi và vòi có hai lỗ, và thực tế là mồm cũng hoạt động theo hai nửa đối xứng phải-trái. Rốn thì chỉ một, song đó là một cơ quan bị thoái hóa."

"Dương vật thì sao?"

"Dương vật và âm hộ *hợp thành* một đôi. Như bánh mì và xúc xích."

"Ra thế", tôi nói. Ra thế đấy.

"Quan trọng hàng đầu là mắt. Cả khi tấn công lẫn phòng thủ, đôi mắt là bộ chỉ huy, do vậy sừng càng gần mắt càng tốt. Ví dụ điển hình nhất là con tê giác. Về nguyên tắc, nó là thú một sừng, nhưng cận thị nặng. Nguyên nhân vì nó chỉ có một sừng. Một dạng quái thai. Dù có nhược điểm ấy nó vẫn sống sót đến hôm nay vì nó là loài ăn cỏ và có lớp giáp kiên cố. Hầu như nó không cần tự vệ. Về mặt này và

cũng về hình thể, tê giác giống như khủng long ba sừng. Thú một sừng thì, như ta thấy trong ảnh, rõ ràng không thuộc vào nhóm này. Nó không có giáp bọc, nó hoàn toàn… nói thế nào nhỉ…”

“Yếm thế”, tôi nói.

“Đúng thế. Như một con nai. Nếu lại còn cận thị nữa thì cầm bằng cái chết. Khứu giác và thính giác có thể phát triển đến mấy cũng vô dụng, một khi bị cắt đường tháo chạy thì thú một sừng hết đời. Tấn công một con thú một sừng cũng dễ như dùng súng bắn tỉa siêu hạng để hạ một con vịt què. Một nhược điểm nữa của thú một sừng là, nếu sừng hỏng là toi. Tựa như đi ô tô qua sa mạc mà không đem lốp dự trữ vậy. Anh hiểu ý em chứ?”

“Hiểu.”

“Thêm một điểm yếu nữa: khó lấy đà để húc. Anh hãy tưởng tượng ra răng cửa và răng hàm. Rất khó đọp mạnh bằng răng hàm, phải không? Như em đã nhắc đến, đó là vấn đề của sự cân bằng. Người ta cần trọng lượng dồn vào tứ chi, càng bơm nhiều sức vào đó thì toàn cơ thể càng ổn định. Giờ thì anh hiểu tại sao cấu trúc thú một sừng nhiều khiếm khuyết rồi chứ?”

“Hoàn toàn rõ rồi”, tôi nói. “Em biết cách giải thích rất giỏi.”

Mặt cô rạng rỡ. Cô miết ngón tay lên ngực tôi. “Nhưng đó chưa là tất cả. Về lý thuyết, thú một sừng luôn có *một* tình huống giúp nó thoát khỏi họa diệt chủng và tiếp tục sống sót. Đó là điểm quan trọng nhất. Tình huống nào,

anh có biết không?"

"Nếu không có kẻ thù tự nhiên", tôi nói.

"Tuyệt vời", cô nói và thưởng luôn một nụ hôn. "Được. Vậy anh hãy cho em biết một điều kiện để tránh được kẻ thù tự nhiên."

"Môi trường sống của thú một sừng phải được cách biệt, không để các loài vật khác xâm nhập vào", tôi nói. "Ví dụ như trên một cao nguyên, như trong *Thế giới đã mất* của Conan Doyle, hay dưới một thung sâu. Hoặc được vách đá thật cao vây quanh, như dưới đáy của miệng núi lửa."

"Khá lắm", cô nói và gõ ngón trỏ vào vùng tim tôi. "Hiện nay có những ghi chép về việc phát hiện một chiếc đầu lâu thú một sừng, và hiện trường có các điều kiện đúng như anh nói."

Bất giác tôi nghẹn cổ một cách vô thức, tôi đã tiến gần tâm điểm của sự kiện.

"Chiếc đầu lâu ấy được tìm thấy hồi 1917 ở mặt trận Nga. Vào tháng Chín. Một tháng trước khi nổ ra Cách mạng tháng Mười, trong Chiến tranh Thế giới thứ Nhất. Dưới thời nội các Kerenski. Ngay trước khi phái Bolsevich ra tay hành động. Một người lính ở mặt trận Ucraina bắt được chiếc đầu lâu trong khi đào công sự. Anh ta cho là một cái đầu bò hay tuần lộc gì đó và quẳng đi. Thiếu chút nữa thì nó lại tiếp tục bị vùi chôn trong bóng đêm lịch sử, nếu không có một viên đại úy đi qua. Viên sĩ quan này chỉ huy đơn vị của anh lính nọ và là nghiên cứu sinh ngành sinh học tại Đại học Tổng hợp Petrograd. Anh ta đem đầu lâu về

hầm mình để nghiên cứu kỹ lưỡng và phát hiện ra nó khác tất cả những đầu lâu động vật mà anh đã từng thấy. Anh báo tin đó ngay cho trưởng khoa Sinh học ở Đại học Tổng hợp Petrograd và xin cử một toán chuyên gia, nhưng họ không bao giờ xuất hiện. Cũng chẳng lạ: nước Nga ngày ấy đang đảo điên, mặt trận thiếu thực phẩm, đạn dược, thuốc men, lính tráng làm binh biến khắp nơi, quả không phải là điều kiện để một toán chuyên gia tới đó nghiên cứu. Và nếu có đến chăng nữa thì họ cũng chẳng có đầu óc và thì giờ để nghiên cứu cẩn thận. Quân Nga đang thua liểng xiểng hết trận này đến trận khác, hỏa tuyến ngày càng bị đẩy lùi về phía sau, và quân Đức tràn tới lấp chỗ trống ngay."

"Viên đại úy thì sao?"

"Tháng Mười một năm đó người ta treo cổ anh ta lên cột điện báo. Từ Ucraina đến Matxcơva người ta trồng san sát các cột ấy để duy trì liên lạc, hầu hết các sĩ quan nguồn gốc tư sản đều bị treo cổ lên đó. Viên đại úy cũng chung số phận, mặc dù chỉ là một nghiên cứu sinh và không dính dáng gì đến chính trị cả."

Tôi cố hình dung ra bình nguyên Nga bao la với dãy cột điện báo, dưới mỗi cột treo cổ một sĩ quan.

"Nhưng ngay trước khi phe Bolsevich giành được chính quyền, anh ta đã kịp trao đầu lâu cho một người lính đáng tin cậy được chuyển về tuyến sau vì trúng thương, gợi ý sẽ thưởng cho anh ta một khoản hậu hĩnh nếu đem về nộp cho một giáo sư ở Đại học Tổng hợp Petrograd. Sau khi rời bệnh xá, mãi đến tháng Hai năm sau người lính mới đến

được trường, nhưng vào thời điểm ấy trường đã bị đóng cửa. Sinh viên đang hăm hở làm cách mạng, đa số giáo sư đã trốn hay bị sa thải, chẳng ai nghĩ ngôi trường sẽ được mở lại nữa. Người lính quyết định sau này sẽ kiếm tiền với cái đầu lâu và gửi nhờ cất ở nhà anh rể là thợ may yên ngựa ở Petrograd, sau đó đi ba trăm cây số về quê. Vì những lý do mà em không biết, anh ta không bao giờ quay lại Petrograd lần thứ hai, vì vậy mọi người cũng quên luôn chiếc đầu lâu nằm trong kho của xưởng da.

Năm 1935 nó lại ra ánh sáng, khi Petrograd được đổi tên thành Leningrad. Lenin đã mất, Trotsky lưu vong, quyền hành trong tay Stalin. Trong thành phố ít ai còn đi ngựa, ông thợ bán nửa diện tích nhà xưởng đi và mở cửa hiệu bán trang bị khúc côn cầu trong phần nhà sót lại."

"Khúc côn cầu?", tôi hỏi. "Ở Liên Xô của thập niên ba mươi?"

"Em làm sao biết được? Trong sách nói thế. Nhưng Leningrad thời hậu cách mạng khá hiện đại, tại sao không có người chơi khúc côn cầu?"

"Thôi được", tôi nói.

"Dù sao đi nữa, ông thợ da phải dọn kho và mở cái hộp mà ông em rể gửi lại từ năm 1918. Trên cùng là bức thư gửi cho vị giáo sư ở Đại học Tổng hợp Petrograd, trong đó nhờ thưởng xứng đáng cho người chuyển thư. Tất nhiên ông thợ da đến Đại học Tổng hợp - bấy giờ đã mang tên Đại học Tổng hợp Leningrad, tất nhiên - và xin vào gặp giáo sư. Ông này lại là người Do Thái và đã bị đày đi Siberia sau

khi Trotsky bị hạ bệ. Giờ thì ông thợ da chẳng còn ai để xin trả công nữa, bụng bảo dạ, có giữ nó lại cho hậu thế thì cũng chẳng được xu nào, và tìm một ông giáo sư sinh học khác, kể ngọn ngành câu chuyện rồi trao lại cho trường cái đầu lâu để được vài đồng như bố thí."

"Ít nhất thì sau mười tám năm cái đầu lâu cũng đến được trường đại học", tôi nói.

"Anh để em kể xong đã", cô nói. "Ông giáo sư này xoay ngang xoay dọc và săm soi cái đầu lâu cho đến khi rút ra kết luận hệt như viên đại úy trước đó mười tám năm - không thể xếp con vật này vào một loài đã biết hoặc ít nhất được dự đoán là đã từng tồn tại. Hình dáng đầu lâu thì tương ứng nhất với hươu, xem hàm răng thì biết nó là loài móng guốc ăn cỏ, hai má có vẻ dày hơn hươu. Khác biệt rõ nhất giữa loài này với hươu, không nghi ngờ gì, là cái sừng mọc giữa trán. Nói ngắn gọn, đó là một con thú một sừng."

"Nghĩa là sừng còn dính trên hộp sọ?"

"Vâng, sừng vẫn còn. Tất nhiên không ở dạng ban đầu, chỉ còn một mẩu gốc thôi. Dài khoảng ba phân, phần còn lại đã gãy nhưng mẩu gốc cho phép phỏng đoán là sừng phải dài đến hai mươi phân và thẳng, như sừng linh dương. Đường kính đáy gốc sừng, anh đợi chút, là hai phân."

"Hai phân", tôi lặp lại. Đường kính của vết lõm trên cái đầu lâu ông già đưa tôi đo đúng hai phân.

"Petrov - tên ông giáo sư - đi ngay Ucraina với một nhóm trợ lý và nghiên cứu sinh, tổ chức khảo cứu tại địa điểm phát hiện đầu lâu. Tuy không tìm được một đầu lâu

thứ hai, nhưng ông lại phát hiện ra một số thực trạng lý thú ở khu vực này. Vùng đồi núi cao trung bình này có tên gọi chung là cao nguyên Voltafil, một trong số những trọng điểm chiến lược hiếm hoi giữa các bình nguyên đơn điệu ở miền Tây Ucraina. Vì vậy trong Chiến tranh Thế giới thứ Nhất quân Đức và Áo đã có những cuộc giao tranh dai dẳng với quân Nga để giành nhau từng tấc đất. Và trong Chiến tranh Thế giới thứ Hai bom đạn của cả hai phe tàn phá đến biến dạng các quả đồi - nhưng đó là chuyện về sau này. Điểm thu hút sự chú ý của giáo sư Petrov là xương động vật khai quật được ở đây rất khác biệt với các loài động vật địa phương. Từ đó ông lập một giả thuyết, xưa kia đây không phải là cao nguyên, mà có dạng thung lũng với núi bao quanh và là nơi một số dạng sinh thể đặc biệt sinh sống. Cái mà anh gọi ngắn gọn là *thế giới đã mất* ấy."

"Miệng núi lửa?"

"Đúng thế. Một cao nguyên nằm giữa những vách đá dốc đứng. Trải qua hàng trăm nghìn năm, đá lở xuống bồi thành những quả đồi bình thường, và chính trong quá trình ấy, xa cách mọi vận động tiến hóa và mọi kẻ thù tự nhiên, con thú một sừng đã lặng lẽ sống. Cao nguyên có nhiều nguồn nước phong phú, đất đai màu mỡ, về lý thuyết thì giả thuyết này hoàn toàn có cơ sở. Giáo sư Petrov đệ lên Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô một luận án với nhan đề 'Nghiên cứu các hình thái sinh học ở cao nguyên Voltafil', với sáu mươi ba minh chứng về trắc địa, sinh học và động vật học cũng như về kỳ lân. Hồi đó là tháng Tám 1936.

Kết quả thật đáng buồn. Không ai thèm quan tâm. Thêm vào đó là Đại học Tổng hợp Matxcova đang chành chọe với Đại học Tổng hợp Leningrad giành vị trí hàn lâm đầu tàu và cánh Leningrad đang mất đất, vì vậy những công trình nghiên cứu kiểu 'phi biện chứng' bị quẳng vào sọt rác. Nhưng không ai dám phủ nhận sự tồn tại của thú một sừng: vì nó không phải là giả thuyết, mà hiển hiện hai năm rõ mười. Vậy là một loạt chuyên viên nghiên cứu cái đầu lâu một năm liền, cho đến khi họ buộc phải đi đến kết luận rằng đây không phải đồ rởm, mà là xương sọ của một con thú một sừng, chuyện rõ như ban ngày. Cuối cùng thì một tiểu ban trong Viện Hàn lâm Khoa học tuyên bố, đây là đầu lâu của một con hươu có dị tật, chẳng có ý nghĩa gì về lịch sử tiến hóa, vô giá trị để thành đề tài nghiên cứu khoa học. Họ gửi về Đại học Tổng hợp Leningrad trả cho giáo sư Petrov. Chấm hết.

Giáo sư Petrov thì kiên tâm đợi gió xoay chiều, mong có ngày kết quả nghiên cứu khoa học của ông được công nhận, nhưng rồi hy vọng này cũng tắt ngóm với sự kiện Đức tấn công Liên Xô năm 1941. Petrov qua đời năm 1943 trong tuyệt vọng. Chiếc đầu lâu bị thất tán năm 1941 trong trận giao tranh ở Leningrad. Trường Đại học Tổng hợp bị san thành bình địa bởi đạn Đức và bom Nga, nói gì đến chuyện đi tìm một cái đầu lâu thú vật. Đó là thời điểm mà bằng chứng duy nhất về sự tồn tại của thú một sừng tan thành mây khói."

"Nghĩa là không còn bằng chứng nào cả?"

"Không, ngoài các hình ảnh."

"Hình ảnh?"

"Vâng, ảnh chụp đầu lâu. Giáo sư Petrov đã chụp gần một trăm bức. Một số đã thoát khỏi khói lửa chiến tranh và nghe nói là nằm trong kho lưu trữ của Đại học Tổng hợp Leningrad. Đây là một trong những bức ảnh ấy."

Cô trao sách cho tôi, và tôi nhìn bức hình cô chỉ cho. Tương đối mờ, nhưng đủ nhận ra hình đầu lâu. Nó nằm trên mặt bàn phủ khăn trắng, cạnh một đồng hồ đeo tay để so sách kích thước. Một khoanh tròn trắng vẽ lên giữa đầu lâu đánh dấu vị trí gốc sừng. Không nghi ngờ gì, đây là một đầu lâu cùng kiểu với đồ vật mà ông già cho tôi. Giống tuyệt đối - ngoài chuyện tiêu bản của tôi thiếu sừng. Tôi nhìn lên chiếc đầu lâu trên nóc ti vi. Nhìn từ xa, chiếc đầu lâu phủ T-Shirt trông như con mèo ngủ. Tôi suy tính có nên cho cô biết tôi đang sở hữu cái đầu lâu ấy, nhưng rốt cuộc lại thôi. Một bí mật càng bí mật hơn nếu ít người biết.

"Chiếc đầu lâu ấy có thật bị phá hủy trong chiến tranh?", tôi hỏi.

"Ai biết được", cô vừa nói vừa lấy ngón tay xoắn lọn tóc trên trán. "Trong sách nói, chiến sự rất ác liệt, từng khu phố của Leningrad lần lượt bị san bằng, và khu phố của trường đại học thuộc những vị trí bị tàn phá nặng nhất. Dĩ nhiên không thể loại trừ khả năng giáo sư Petrov đã đem nó đi giấu trước khi chiến sự nổ ra, hoặc bọn Đức lấy làm chiến lợi phẩm... Dù thế nào thì từ đó trở đi không ai nhìn thấy nó nữa."

Tôi xem bức hình lần nữa rồi gấp sách lại, đặt ra đầu giường. Tôi suy nghĩ một hồi, liệu chiếc đầu lâu trên nóc ti vi kia có chính là tiêu bản mà người ta từng cất giữ ở Leningrad, hay của một con thú một sừng khác được khai quật ở nơi nào khác. Đơn giản nhất là hỏi trực tiếp ông già, ông đã sở hữu nó từ đâu. Và vì sao ông đem tặng tôi. Đằng nào thì tôi cũng phải đến tìm ông lần nữa để nộp các kết quả đã xáo lộn thành chuỗi số ngẫu nhiên, khi ấy tôi sẽ hỏi ông. Cho đến lúc đó thì vắt óc làm gì cho mệt.

Trong lúc tôi ngẫm nghĩ và nhìn lên trần nhà, cô gái đặt đầu lên ngực tôi và rúc sát vào tôi. Tôi vòng tay ôm cô. Sau khi gấp lại chương về thú một sừng, tôi thấy trong người khỏe khoắn hơn một chút, tuy rằng tâm trạng ấy không lây sang dương vật. Dường như không để ý nó cương hay không, cô vẽ bằng ngón tay cơ man những họa tiết vẩn vơ lên bụng tôi.

10

Tường Thành

Vào một chiều nhiều mây, khi tôi đến túp lều của ông gác cổng thì bóng tôi đang mải giúp ông sửa chiếc xe cút kít. Họ đẩy nó ra bãi trống, tách những tấm ván cũ ở đáy và bên thành ra để thay mới. Ông gác cổng thành thạo bào ván trong khi bóng lấy búa đóng đinh. Có lẽ thể trạng của nó không thay đổi mấy từ khi chúng tôi tách khỏi nhau. Ít nhất là về cơ bắp thì không, nhưng các cử động của nó có vẻ hơi ngượng, và quanh mắt xuất hiện những nếp nhăn phiền não.

Khi tôi lại gần, cả hai dừng tay ngẩng lên.

"Có chuyện gì?", ông gác cổng hỏi.

"Tôi muốn nói chuyện một phút với ông", tôi nói.

"Tôi sắp xong rồi, cứ vào nhà đi, tôi vào ngay", ông gác cổng nói, mắt vẫn nhìn xuống tấm ván đang bào. Bóng nhìn thoáng về phía tôi rồi lập tức quay lại làm việc. Hình như nó giận tôi lắm.

Tôi đi vào nhà, ngồi ở bàn đợi ông gác cổng. Mặt bàn

bừa bộn như mọi khi. Ông gác cổng chỉ dọn dẹp khi sắp mài dao. Chén đĩa bẩn, tẩu thuốc, bột cà phê và vỏ bào - mọi thứ ngổn ngang bừa bãi. Chỉ có những con dao trên giá là thành hàng thành lối.

Mãi vẫn không thấy ông gác cổng vào. Tôi tì cùi tay vào lưng ghế và ngán ngẩm ngó lên trần. Ở thành phố này người ta luôn có quá nhiều thì giờ. Nhiều phát điên lên được. Và người ta tự động nghĩ ra nhiều cách đặc biệt để giết thời gian.

Bên ngoài vẫn vang tiếng bào và đóng đinh.

Rồi thì cửa cũng mở ra - nhưng người đi vào không phải là ông gác cổng, mà là bóng tôi.

"Tôi không có nhiều thì giờ", bóng nói khi đi ngang mặt tôi, "tôi chỉ vào kho lấy đinh."

Bóng biến sau cánh cửa cuối phòng, lấy hộp đinh ra.

"Nghe này", bóng nói trong khi kiểm tra độ dài của đinh trong hộp. "Thứ nhất: cậu vẽ bản đồ thành phố, nhưng không theo các dữ kiện người khác đưa cho, mà cậu phải tự đi khắp nơi và vẽ những gì mắt cậu nhìn thấy lên giấy. Tất cả. Không bỏ bất cứ chi tiết nhỏ nhất nào."

"Thế thì lâu lắm", tôi nói.

"Cho cậu thời gian đến hết mùa thu. Rồi cậu đem đến đây cho tôi", bóng hấp tấp nói. "Thứ hai: tôi cần chú thích đi kèm. Cậu phải ghi chép thật chính xác vị trí của tường thành, Rừng Đông, điểm chảy vào và chảy ra của sông. Xong. Rõ chưa?"

Nói xong bóng đã lại biến qua cửa, không nhìn tôi lấy

một lần. Khi bóng ra khỏi, tôi nhẩm lại những gì bóng nói: vị trí tường thành, Rừng Đông, điểm sông chảy vào và chảy ra. Vẽ bản đồ là một sáng kiến khá hay. Tôi sẽ làm quen cả thành phố và dùng thời gian một cách có ý nghĩa. Nhưng thích nhất là tôi vẫn được bóng tin tưởng.

Một lúc sau ông gác cổng vào. Ông lấy khăn lau mồ hôi và tay bẩn rồi ngồi phịch xuống ghế đối diện.

"Nào, có chuyện gì?"

"Tôi muốn đến thăm bóng."

Ông gác cổng gật gù vài lần, nhồi tẩu thuốc và đánh diêm châm.

"Bây giờ thì chưa được", ông nói. "Rất tiếc vì còn sớm quá. Cậu phải đợi tới khi ngày ngắn đi. Lúc ấy thì không sao." Trong khi nói, ông bẻ gập que diêm tàn và ném nó vào cái đĩa trên bàn. "Cũng tốt hơn cho cậu, cứ tin tôi. Cứ thân thiện với bóng nhiều quá chỉ tổ đẻ ra lắm vấn đề. Tôi đã chứng kiến khối chuyện rồi. Tôi nói vậy là muốn tốt cho cậu thôi, hãy kiên nhẫn một ít lâu nữa."

Tôi chỉ im lặng gật đầu. Đằng nào ông cũng chẳng chiều tôi, và tôi thì cũng đã chớp nhoáng bắt liên lạc được với bóng. Giờ thì tôi có thể yên tâm đợi ông gác cổng cho mình một cơ hội mới.

Ông nhỏm dậy đi ra bồn rửa mặt và uống liền mấy cốc sứ to đầy nước.

"Công việc vẫn ổn chứ?"

"Cũng tạm. Tôi đang làm quen dần."

"Thấy chưa", ông gác cổng nói. "Cái chính là phải làm

việc cho tử tế. Nhàn cư vi bất thiện."

Tôi nghe tiếng bóng đóng đinh bên ngoài.

"Ta đi dạo một lát nào", ông gác cổng nói. "Tôi chỉ cho cậu xem cái này."

Tôi theo ông ra ngoài. Bóng của tôi ngồi trên xe và đóng đinh mấy tấm ván cuối cùng lên thành xe. Trừ trục xe và bánh, cái xe bây giờ mới tinh.

Ông gác cổng đi chéo qua quảng trường, đưa tôi đến dưới một tháp canh cạnh tường thành. Trời chiều ngột ngạt, mây đen từ phía tây kéo đến, có thể mưa bất cứ lúc nào. Áo ông gác cổng dính bết mồ hôi trên cơ thể hộ pháp của ông và bốc mùi chua lòm.

"Thế này mới gọi là tường thành chứ", ông gác cổng đập tay mấy lần lên tường như âu yếm vỗ một con ngựa. "Cao bảy thước và bao quanh toàn thành phố. Chỉ có chim chóc mới vượt qua nổi. Không có lối nào ra vào trừ cổng thành kia. Ngày xưa còn có Cửa Đông, bây giờ xây bít lại rồi. Tường xây bằng gạch sành, nhưng không phải gạch thường, nhìn đây này! Không ai có thể phá hỏng hay chỉ cào xước được nó. Kể cả thần công, động đất hay cuồng phong!"

Ông vừa nói vừa nhặt một thanh gỗ dưới đất và rút dao ra đẽo. Dao ăn vào gỗ như cắt giấy, chẳng mấy chốc đã hiện hình một cái chêm.

"Cậu xem đây", ông gác cổng nói. "Không có mạch vữa giữa các viên gạch - loại gạch này không cần thứ đó, người ta đặt khít nhau đến mức không còn chỗ cho một

sợi tóc." Ông lấy đầu nhọn của chêm gỗ quét dọc mạch nối, nhưng không ấn vào được lấy một li. Ông vứt nó đi, cạo mũi dao lên gạch. Không để lại một vết xước nào, chỉ có tiếng kin kít chói tai. Ông ngắm mũi dao và đút trở lại vào vỏ.

"Không người nào và không thứ gì có thể để lại một vết xước trên tường thành. Cũng không ai trèo lên nổi. Vì sao? Vì đây là một tường thành hoàn hảo. Cậu hãy ghi nhớ. Không ai ra được khỏi đây. Có ý nghĩ ngu xuẩn nào trong đầu thì quẳng nó đi."

Ông đặt bàn tay hộ pháp lên vai tôi.

"Tôi cũng biết là không đơn giản cho cậu, nhưng nói cho cùng thì ai ai cũng đã phải trải qua một lần. Cậu cũng thế. Nhưng sau đó đến sự siêu thoát. Không còn trăn trở, không ngờ vực, không đau khổ - tất cả biến mất trong nháy mắt và trở nên vô nghĩa. Tôi nghĩ tốt cho cậu đấy, quên cái bóng của cậu đi. Đây là chốn tận cùng thế giới. Thế giới chấm dứt ở đây, không còn đường nào đi tiếp nữa. Cả cậu cũng không đi đâu được nữa", ông vỗ vai tôi lần nữa.

Trên đường về, khoảng đến giữa Cầu Cũ, tôi tựa lên thành cầu và ngắm dòng nước, ngẫm nghĩ lời ông gác cổng.

Tận cùng thế giới.

Nhưng tại sao tôi đã quay lưng lại với quá khứ và đến chốn tận cùng thế giới này? Tôi cố hết sức mà không nhớ lại được các tình huống, ý nghĩa và mục đích. Một cái gì đó, một thế lực nào đó đã đưa tôi tới chốn này. Một thế lực vô

nghĩa và hùng mạnh nào đó. Vì nó mà tôi mất bóng mình và trí nhớ của mình, và đang sắp mất cả tâm hồn.

Dưới chân tôi nước róc rách chảy. Cây liễu trên bãi cát bồi rủ cành chấm xuống nước và thanh thản đung đưa trong dòng chảy. Nước sạch và trong vắt. Ở một quãng lặng dưới chân vách đá có thể thấy cá. Nhờ ngắm sông trôi mà tôi lấy lại được sự tĩnh lặng nội tâm. Một sự cứu rỗi luôn kiến hiệu.

Có một cầu thang từ cầu xuống bãi bồi. Dưới bóng liễu là một chiếc ghế băng, cạnh đó thường có vài con vật uể oải nằm nghỉ. Tôi hay trèo xuống đó và đem cho chúng mấy mẩu bánh mì nhét trong túi quần. Thoạt tiên chúng nhát, nhưng rồi chúng vội vươn cổ ra và ăn bánh mì trên tay tôi. Cũng chỉ những con thật già và thật nhỏ mới ăn trên tay tôi.

Mùa thu càng dài, một nỗi buồn nào đó càng ngập đầy mắt chúng, những đôi mắt trông như hồ thẳm. Tán lá đổi màu và cây cỏ héo khô báo cho những con vật sắp bắt đầu một thời kỳ đói nghiệt ngã lê thê. Và như ông già tiên đoán, cả tôi cũng đứng trước một thời kỳ nghiệt ngã lê thê.

11

Mặc Quần Áo, Hỗn Độn

Kim đồng hồ chỉ chín rưỡi, cô gái dậy thu áo quần vương vãi trên nền nhà và chậm rãi mặc vào. Tôi nằm chống một tay trên giường và ngắm cô qua khóe mắt. Không một động tác thừa và uyển chuyển như con mèo, cô mặc từng thứ một, nhẹ nhàng, im lặng. Cô kéo khóa váy lên, từ từ cài khuy áo từ trên xuống, sau đó ngồi xuống mép giường và đi tất. Rồi cô hôn lên má tôi. Nhiều phụ nữ có cách cởi quần áo vô cùng quyến rũ, nhưng phụ nữ có cách mặc quần áo cũng quyến rũ như thế thì hiếm hơn. Khi cô mặc xong và lấy tay vuốt mái tóc dài ra phía sau, không khí trong phòng như thay đổi.

"Cám ơn anh mời ăn", cô nói.

"Anh cám ơn em mới phải", tôi nói.

"Bao giờ anh cũng nấu nhiều như thế à?", cô hỏi.

"Nếu không quá bận", tôi nói. "Khi nào bận việc thì anh không nấu. Anh ăn những gì còn trong bếp hoặc ra nhà hàng."

Cô ngồi xuống ghế, lấy thuốc lá trong túi ra, châm một điếu. "Em hầu như không bao giờ tự nấu cho mình. Em không thích làm bếp, với lại chỉ nghĩ đến lúc về nhà sau bảy giờ tối và phải nấu một đống đồ rồi ăn sạch chỗ ấy là em đã thấy ngán tận cổ. Lúc ấy có cảm giác là người ta chỉ sống để ăn thôi, anh có thấy thế không?"

Tôi nói, nghe cũng có lý.

Trong khi tôi mặc quần áo, cô lấy một cuốn sổ tay trong túi ra và viết gì đó bằng bút bi, xé trang sổ ra đưa tôi. "Số điện thoại của em", cô nói. "Nếu anh muốn gặp em hay có nhiều đồ ăn hay bất cứ chuyện gì thì gọi em. Em sẽ đến."

Khi cô đi khỏi nhà với ba quyển sách thư viện về động vật có vú, căn phòng đột nhiên im ắng lạ thường, im ắng đến khó chịu. Tôi đi ra trước ti vi, lấy T-Shirt xuống và ngắm nghía chiếc đầu lâu thú một sừng lần nữa. Và tôi có cảm tưởng rằng nó chính là chiếc đầu lâu bí ẩn mà viên đại úy bộ binh xấu số ở mặt trận Ucraina nhặt được, cho dù không hề có một minh chứng nhỏ nhoi nào. Tôi càng ngắm lâu thì càng tin chắc vào một dạng nghiệp chướng bao phủ quanh nó. Có thể do tôi vừa nghe xong câu chuyện nên tưởng tượng ra quá nhiều chăng. Không có chủ ý rõ rệt, tôi nhấc chiếc kẹp bằng thép lên và gõ nhẹ vào cái đầu lâu.

Sau đó tôi rửa cốc chén và lau bàn bếp. Đã đến lúc lập dãy số ngẫu nhiên. Để không bị quấy rầy, tôi bật máy trả lời điện thoại, cắt chuông cửa và tắt hết ánh sáng trong nhà, chỉ bật mỗi đèn cây trong bếp. Công việc này đòi hỏi tập trung cao độ ít nhất hai tiếng liền.

Mã số cho danh mục ngẫu nhiên của tôi là "Tận cùng thế giới". "Tận cùng thế giới" là tiên đề của một kịch bản mang tính cá nhân sâu sắc, trên cơ sở kịch bản này, tôi tiến hành chuyển hoán các số đã được sửa sang ngôn ngữ máy tính. Tất nhiên "kịch bản" này không giống chút nào những thứ ta vẫn thấy trên ti vi hay ở nhà hát. Mọi sự kiện xảy ra hỗn độn, không theo một mạch truyện nào. Cái tên "kịch bản" chẳng có gì khác một danh hiệu đặt tạm vì lý do tiện lợi. Nội dung vở này là gì thì tôi không rõ, người ta không báo cho tôi biết. Tôi chỉ biết đầu đề là "Tận cùng thế giới". Không biết gì hơn.

Các nhà khoa học của Hệ thống đã ấn định kịch bản này. Sau một năm học khóa dự bị và đỗ kỳ sát hạch toán sư cuối cùng, người ta đã cho tôi vào máy đông lạnh hai tuần. Trong thời gian này họ khám nghiệm các sóng não của tôi, tách ra một thứ có thể gọi là "lõi ý thức hệ" và biến nó thành vở kịch mã số để tạo ra các dữ kiện tình cờ, sau đó cấy lại vào não. Qua đó ý thức hệ của tôi hoàn toàn biến thành một cơ cấu kép. Một mặt thì tổng ý thức hệ tồn tại như một sự hỗn độn, mặt khác thì lõi ý thức hệ cấy vào đó - như hạt trong quả mơ muối - tồn tại trong dạng hỗn độn tích nén.

Nhưng người ta không cho tôi biết hạt nhân ý thức hệ mang nội dung gì.

"Anh không việc gì phải biết", họ nói. "Khi có nhu cầu, anh có thể kích hoạt lõi đó. Vì kịch bản mã hóa 'Tận cùng thế giới' là chính anh. Song anh không được phép biết

nội dung vở kịch. Tất cả diễn ra trong một đại dương đầy hỗn độn, và anh ngoi ra khỏi đó với hai bàn tay trắng. Chính sự thiếu vắng đó của ý thức hệ là cái chúng tôi cần. Anh hiểu chứ?"

"Tôi hiểu", tôi nói.

Sau đó họ dạy tôi cách xáo trộn dữ liệu. Việc này phải làm một mình, trong đêm, bụng không no và không đói. Nghe ba lần liền một âm tiết đã định trước. Bằng cách đó tôi có thể kích hoạt kịch bản "Tận cùng thế giới". Khi đã kích hoạt rồi, ý thức hệ của tôi sẽ chìm vào hỗn độn. Chìm trong sự hỗn độn ấy, tôi ngồi xáo lộn dữ kiện, làm xong thì "Tận cùng thế giới" bị giải trừ và tôi lại thoát khỏi sự hỗn độn. Việc xáo dữ kiện cũng hoàn thành, và tôi cũng không nhớ gì nữa. Khi sắp xếp dữ liệu đã xáo lộn lại cho đúng tình trạng ban đầu thì đơn giản là làm mọi thứ theo chiều đảo ngược. Âm tiết cũng được đảo ngược.

Đó là chương trình người ta đã cấy vào tôi. Tôi chỉ hoạt động như một đường hầm dẫn đến cõi vô thức. Tất cả diễn biến thông qua một mình tôi. Vì vậy khi xáo dữ liệu tôi luôn có cảm giác yếm thế và phải phơi mình cho mọi công kích. Khác với lúc rửa số. Rửa số thì mất thì giờ và mệt, nhưng trong khi làm việc tôi có thể tự hào về mình vì việc này đòi hỏi sự tập trung sử dụng toàn bộ khả năng của tôi.

Ngược lại, công tác xáo dữ liệu hoàn toàn không dính dáng gì đến khả năng hay có gì đáng tự hào cả. Tôi bị sử dụng. Ai đó sử dụng ý thức hệ của tôi - cái ý thức hệ mà tôi

không nhận biết - để xử lý một cái gì đó mà tôi cũng không nhìn thấy. Có cảm giác là khi xáo dữ liệu kỳ thực tôi không được gọi mình là toán sư nữa.

Tất nhiên tôi không có quyền ấn định phương pháp tính toán như mình muốn. Người ta cấp cho tôi hai giấy phép, một cho rửa số và một cho xáo số. Và họ ấn định cách tiến hành công việc. Nếu tôi không thích thì phải đổi nghề. Tôi đâu muốn thế. Trừ phi có vấn đề xích mích với Hệ thống và phải ra đi, hầu như không có nghề nào khác cho phép ta phát triển khả năng riêng một cách tự do và độc lập như nghề này, và thu nhập cũng xứng đáng. Sau mười lăm năm có một khoản tiết kiệm đủ để sống phần đời còn lại một cách vô ưu. Vì mục đích ấy, tôi luôn đăng ký tham gia các kỳ sát hạch mà nghe tỷ lệ trượt đã thấy choáng, và đỗ hết. Vì mục đích ấy, tôi đã cắn răng qua các khóa đào tạo nghiệt ngã.

Trong khi xáo số, chất cồn không hại gì, thậm chí người ta còn khuyên dùng một lượng vừa phải để giảm căng thẳng. Riêng tôi thì luôn chú ý không uống một giọt nào trước khi bắt đầu. Thêm nữa là từ sau khi phương pháp này bị "đông băng" tôi đã nghỉ hơn hai tháng không sử dụng rồi, nên cẩn thận thì hơn. Tôi tắm nước lạnh, tập mười lăm phút bài thể dục nặng, sau đó uống hai tách cà phê đen. Nói chung thế là đủ để tiêu hết lượng cồn dư trong cơ thể.

Tôi mở két sắt lấy ra danh sách số đánh máy và một máy ghi âm cỡ nhỏ, đặt tất cả lên bàn bếp. Sau đó tôi xếp ngay ngắn năm bút chì vót nhọn và vở ghi chép, trước khi

ngồi xuống ghế.

Trước tiên tôi bật máy ghi âm. Tôi đeo ống nghe lên, để bộ đếm chạy lên số 16, rồi ngược về số 9, lại xuôi tiếp lên số 26. Sau mười giây tự chỉnh, bộ đếm tắt đi và tín hiệu được phát ra. Hễ làm khác tiến trình đó thì âm tiết thu trên băng sẽ tự động bị xóa.

Xong chu trình quy định, tôi đặt vở ghi chép qua bên phải, các số đã rửa qua bên trái. Công tác chuẩn bị thế là hoàn tất. Chấm đèn đỏ sáng lên ở những nơi có thể thâm nhập là cửa đi và cửa sổ, báo hiệu hệ thống báo động đã bật. Mọi việc đều ổn. Không có lỗi nào. Tôi vươn tay ấn nút PLAY trên máy ghi âm, tín hiệu vang lên, sự hỗn độn xuất hiện nhẹ nhàng ấm áp và hút tôi vào.

<Tôi>

hút vào——từ từ Hỗn độn ——►

Tín hiệu, từ t...

12

Bản Đồ Chốn Tận Cùng Thế Giới

Sau hôm nói chuyện với bóng mình, tôi bắt tay vào lập bản đồ ngay.

Trước tiên trèo tôi lên đỉnh Đồi Tây trong ánh hoàng hôn và ngắm toàn cảnh. Nhưng ngọn đồi này không đủ cao để nhìn thấy cả thành phố và thị lực của tôi đã kém đi đáng kể; tôi không thể thấy hết tường thành chạy vòng vèo đến đâu, chỉ đoán chừng quy mô của thành phố.

Nó không lớn cũng không nhỏ. Có nghĩa là nó không lớn quá mức mà trí tưởng tượng và tầm hiểu biết của tôi có thể nắm được, song cũng chẳng nhỏ đến độ nhìn một lần là hết. Chuyến đi lên Đồi Tây không đem lại cho tôi nhận thức nào hơn. Bức tường cao vây quanh nó, con sông cắt nó làm hai nửa bắc và nam. Ánh chiều nhập nhoạng nhuộm xám mặt sông. Cuối cùng là tiếng tù và vang lên, và tiếng gõ móng của bầy thú phủ trùm lên tất cả.

Để xác định được vị trí tường thành thì tôi không còn cách nào khác là đi bộ dọc theo nó. Nhưng nói dễ hơn làm.

Tôi chỉ có thể ra khỏi nhà vào những ngày nhiều mây hay vào buổi tối, và phải hết sức cẩn trọng khi đi đến những khu xa Đồi Tây. Vì rất có thể trời bỗng dưng quang quẻ khi tôi đang trên đường, hoặc ngược lại, đổ mưa như trút nước. Vì thế tôi đề nghị ông đại tá kiểm tra hộ tình hình thời tiết mỗi sáng. Thường là dự báo của ông chính xác.

"Tôi cũng chẳng có gì để suy nghĩ ngoài thời tiết cả", ông đại tá nói, không giấu vẻ tự hào. "Người ta hiểu đôi chút về thời tiết, nếu ngày nào cũng theo dõi các chuyển động của mây."

Nhưng chính ông cũng không lường trước được những thay đổi thời tiết đột ngột, những chuyến đi của tôi tới một nơi xa vẫn và sẽ vẫn nguy hiểm.

Ngoài ra, bụi rậm, cây cối hay đá núi thường ngăn không cho tôi đi sát tường thành và quan sát tỉ mỉ mọi thứ. Nhà dân tập trung dọc theo bờ sông ở trung tâm, và hễ rời khỏi khu dân cư này là bắt đầu khó tìm ra đường đi. Cả những đường mòn mà tôi còn cắn răng luồn lách qua được cũng thường xuyên bị chặn đứng bởi những bụi gai rậm rạp, khiến tôi phải khó nhọc đi vòng hay quay lại lối cũ.

Tôi quyết định bắt đầu chuyến khảo cứu từ điểm chót phía tây thành phố, đó là khu vực quanh Cửa Tây và túp lều của ông gác cổng, từ đó đi theo chiều kim đồng hồ vòng quanh thành phố. Thoạt tiên mọi sự trôi chảy, đơn giản hơn nhiều so với mong đợi. Từ cửa thành trông về hướng bắc dọc theo tường thành là đồng ruộng mênh mông bằng phẳng, cỏ mọc rậm cao đến ngang hông, đường đi xuyên

qua gọn ghẽ như thêu lên vải. Nghĩa là không có trở ngại gì đáng kể. Ngoài đồng có nhiều tổ chim, trông có vẻ là chim chiền chiện. Đôi khi chúng bay vụt lên, lượn vòng kiếm thức ăn trên trời rồi lại quay về tổ. Có cả mấy con thú một sừng, nhưng không nhiều. Chỉ nhìn thấy đầu và lưng. Chúng chậm chạp di chuyển trên đồng tìm cỏ non, trông xa như trôi trên mặt nước.

Đi được một đoạn và đến chỗ tường thành quành phải, tôi thấy ở phía Nam có những doanh trại cũ hoang tàn. Những ngôi nhà hai tầng trần trụi và sơ sài, cứ ba chiếc một hàng. Xa một chút nữa còn thấy một khóm nhà, nhỏ hơn nhà ở khu công chức một ít - có lẽ nhà của các sĩ quan. Nhà nằm sau dãy tường đá thấp, giữa chúng có cây mọc, nhưng giờ đây thì cỏ đã mọc cao trùm lên tất cả, không một bóng người. Chắc ngày xưa các cựu binh về hưu ở khu công chức đã sống ở đây. Phải có gì đó xảy ra khiến họ chuyển tới nhà công vụ ở Đồi Tây và bỏ hoang khu doanh trại nọ. Những cánh đồng mênh mông hình như dạo ấy là bãi tập trận và thao trường, vì đây đó trong cỏ rậm còn thấy di tích những hầm trú ẩn và trụ đá của cột cờ.

Tôi cứ thế tiến về phía Đông, cho đến khi đồng ruộng bằng phẳng dần chuyển thành rừng. Thoạt tiên chỉ có vài lùm cây mọc đây đó giữa bãi cỏ, nhưng chẳng bao lâu chúng dồn thành bụi rậm. Đa số là những cành nhỏ bện vào nhau đâm lên đến ngang vai hay đầu mới xòe tán. Mặt đất phủ kín các loại cây cỏ khác nhau, đôi chỗ thoáng hiện một vài nhánh hoa không màu. Rồi dần dần đã thấy rừng,

và triền đất trở nên cằn cỗi. Giữa các bụi rậm là đủ loại cây khác nhau cao hàng thước. Ngoài tiếng líu lo thi thoảng vang lên của một con chim tí hon chuyền từ cành nọ sang cành kia, tôi không còn nghe thấy tiếng động nào khác.

Tôi lò dò từng bước nhỏ để vạch đường, nhưng bụi rậm ngày càng dày đặc hơn, trên đầu tôi lá cành đan chằng chịt che hết tầm nhìn, khiến tôi không thể thấy được tường thành chạy tiếp hướng nào. Tôi bỏ cuộc, lần theo một con đường mòn về hướng nam để trở lại thành phố, đi qua Cầu Cũ về nhà.

Bây giờ đã vào thu, nhưng ngoài một đường chu vi cực kỳ thô sơ tôi chưa vẽ được thêm nét nào lên giấy. Nhìn về đại thể, có thể nói thành phố này hình bầu dục, trải dài từ tây sang đông, nhô cao ở phía bắc và nam với Rừng Bắc và Đồi Nam. Sườn đông của Đồi Nam là một diện tích sỏi đá gập ghềnh chạy dài đến tận chân tường thành và chắn gọn khu đất tiếp giáp. Phía đông thành phố là một khu rừng mênh mông phủ cả hai bên bờ sông, quá u ám, rậm rịt và thù nghịch so với Rừng Bắc. Chỉ có một đường duy nhất xuyên qua, đường này chạy dọc sông ra đến Cửa Đông - ít nhất là ở đây tôi có thể quan sát dải đất dọc tường thành từ cự li gần hơn. Cửa Đông, như ông gác cổng đã nói, bị xây bịt kín, không sao qua được.

Dòng sông bắt nguồn từ dãy núi phía Bắc, với sức chảy khá mạnh, xuất hiện đột ngột dưới chân tường bên cạnh Cửa Đông, chảy tiếp thẳng về hướng tây xuyên qua trung tâm và tạo ra một số bãi cát bồi đẹp mắt gần Cầu Cũ.

Ba cây cầu bắc ngang sông: Cầu Đông, Cầu Cũ và Cầu Tây. Cầu Cũ cao tuổi nhất, lớn nhất và cũng đẹp nhất. Ngay dưới chân Cầu Tây là một khúc ngoặt gấp về hướng Nam, ở đây sông từ tốn vòng vào một vòng cung lượn sát tường thành phía nam, tựa như muốn chảy ngược lại. Ngay trước tường thành, sông bào mòn một mặt Đồi Nam và xói thành một thung sâu. Nhưng sông không bỏ lại tường thành phía nam sau lưng mình, mà dồn lại thành một cái hồ, để rồi ngấm xuống các hang động đá vôi dưới đó. Vô số các mạch nước ngầm của nó - theo lời ông đại tá kể lại - xuyên thủng lỗ chỗ nền hoang mạc bằng đá vôi trải dài vô tận bên ngoài tường thành.

Tất nhiên công việc đọc mơ của tôi vẫn được song song tiến hành. Đúng sáu giờ tôi đẩy cổng vào thư viện, ăn tối cùng cô thủ thư rồi đọc các giấc mơ xưa.

Cho đến nay tôi đã có thể đọc được năm, sáu giấc mơ mỗi tối. Hiện tại tôi đã có khả năng lần theo mớ tia rối rắm đến tận những nhánh rẽ nhỏ nhất, cũng như nắm bắt toàn bộ câu chuyện và những rung động rõ ràng hơn. Ý nghĩa của việc đọc mơ thì tôi vẫn chưa rõ, cũng như tôi chưa hiểu những “giấc mơ xưa” này đã hình thành theo nguyên lý nào. Tuy nhiên, qua điệu bộ của cô thủ thư tôi nhận ra thành tích của mình cũng không đến nỗi nào. Bây giờ tôi có thể nhìn thẳng vào ánh sáng do đầu lâu phát ra mà không bị nhức mắt nữa, và tôi cũng không bị chóng kiệt sức. Những đầu lâu tôi đã đọc xong được cô thủ thư đặt lên giá. Hôm

sau quay trở lại thư viện tôi sẽ không thấy chúng đâu nữa.

"Anh tiến bộ nhanh đấy!", cô nói. "Công việc suôn sẻ hơn em nghĩ."

"Còn bao nhiêu đầu lâu nữa?"

"Nhiều vô kể. Một nghìn, hay hai nghìn cũng nên. Em chỉ cho anh xem nhé?"

Cô đưa tôi đi vòng sau quầy vào kho. Đó là một phòng rộng và sơ sài, như một phòng học, kê san sát giá tủ và nhìn vào nơi nào cũng chỉ thấy các hộp sọ động vật trắng ởn. Hình ảnh này không hợp với một kho sách thư viện, tôi liên tưởng ngay đến nghĩa địa. Im ắng và lạnh lẽo như trong mồ.

"Tuyệt vời", tôi nói, "vậy anh cần bao nhiêu năm để đọc hết chỗ này đây?"

"Anh không cần đọc tất cả", cô nói. "Anh cứ đọc được bao nhiêu thì tùy. Còn lại bao nhiêu thì người đọc mơ kế nhiệm sẽ đọc. Cho đến lúc ấy các giấc mơ xưa cứ ngủ tiếp."

"Và em cũng hỗ trợ người đọc mơ kế nhiệm?"

"Không, em chỉ được phép giúp anh. Quy định là thế. Một thủ thư chỉ được giúp một người đọc mơ. Nghĩa là, nếu anh thôi đọc mơ thì em cũng rời khỏi thư viện."

Tôi gật. Tôi không biết vì sao, nhưng tôi thấy như thế là hoàn toàn tất yếu, không thể khác được. Chúng tôi đứng dựa vào tường và ngắm những dãy đầu lâu trắng trên giá một hồi lâu.

"Em đã đến bờ hồ ở phía nam thành phố lần nào chưa?", tôi hỏi bâng quơ.

"Đã có lần em tới đó, nhưng lâu lắm rồi. Hồi còn nhỏ

em được mẹ dắt đến. Những người bình thường thì không được phép, nhưng mẹ em khác. Sao anh hỏi?"

"Anh muốn đến đó xem."

Cô lắc đầu. "Hồ ấy rất nguy hiểm, nguy hiểm hơn anh tưởng. Mà anh cũng không được phép đến đó đâu. Cũng chẳng có lý do gì, vì hồ rất chán. Tại sao anh muốn ra đó?"

"Anh muốn tìm hiểu làm quen nơi này một chút. Từ đầu này đến đầu kia. Nếu em không muốn đưa anh đi thì anh đi một mình vậy."

Cô nhìn tôi một lát, rồi thở dài nhượng bộ: "Thôi được. Có vẻ như đằng nào anh cũng không nghe lời người khác nói với anh, còn em thì không thể nào để anh đi một mình. Nhưng anh hãy nhớ kỹ một điều: em sợ cái hồ ấy lắm, thực ra em không bao giờ muốn tới đó lần nữa. Có gì đó trái tự nhiên, chắc chắn là thế."

"Sẽ không xảy ra chuyện gì đâu", tôi nói. "Hai chúng ta cùng đi, và sẽ cẩn trọng. Em không việc gì phải sợ cả."

Cô lắc đầu. "Anh không biết đâu, vì anh chưa từng ở đó. Nguy hiểm lắm. Nước trong hồ không bình thường, nó dụ dỗ người ta xuống chỗ sâu. Không đùa đâu, em nói tuyệt đối nghiêm túc đấy!"

"Anh sẽ chú ý để ta không lại gần quá", tôi hứa và nắm tay cô. "Anh chỉ muốn nhìn một lần. Từ xa cũng được."

Vào một ngày tháng Mười một trời xầm xì, sau bữa trưa chúng tôi đi về phía Nam. Dưới thung lũng sâu mà con sông tạo ra nhờ xói vào sườn tây của Đồi Nam, đường đi bị

các bụi cây dày đặc mọc kín, vì vậy chúng tôi bắt buộc phải đi vòng qua cạnh phía đông của Đồi Nam. Mặt đất phủ kín lá rụng kêu lép nhép dưới chân chúng tôi vì sáng sớm nay có mưa. Trên đường đi chúng tôi chạm trán hai con thú một sừng đi ngược lại. Chúng lẳng lặng đi qua, không chú ý đến chúng tôi, đầu phủ lông vàng nhẹ nhàng lúc lắc qua phải qua trái.

"Thức ăn không đủ nữa", cô nói. "Mùa đông sắp đến, chúng vất vả đi tìm quả và hạt. Vì vậy chúng liều mạng mò vào tận đây."

Sườn dốc của Đồi Nam đã ở sau lưng chúng tôi; kể từ đây sẽ không thấy thú một sừng nữa, cũng chẳng có đường mà đi. Chúng tôi băng qua những cánh đồng cô quạnh khô cằn và những khu nhà bị bỏ hoang, đi tiếp về hướng Tây; dần dần có tiếng động từ hồ vọng đến tai, ngày càng to.

Âm thanh ấy khác hẳn với những gì tôi từng nghe trong đời. Không phải tiếng thác nước, không phải tiếng gió hú, cũng không phải tiếng gầm gào dưới lòng đất. Nó giống tiếng thở dài mãnh liệt từ một cổ họng hùng vĩ hơn. Đôi khi chỉ là tiếng rên rỉ nhè nhẹ, nhưng rồi lại là tiếng than van, thỉnh thoảng khựng lại hay ằng ặc như bị chẹn cổ.

"Nghe cứ như hồ nước định hét lên điều gì đó với ta", tôi nói.

Cô chỉ im lặng quay sang nhìn tôi. Rồi cô lại dùng tay đeo găng gạt bụi rậm ra lấy đường đi tiếp. "Đường xấu hơn ngày xưa nhiều", cô nói. "Lần cuối cùng không khó đi như hôm nay. Ta quay về thì hơn."

"Mình đã đến được đây rồi. Nào, ta cứ đi tiếp đi, đến khi nào không đi được nữa thì thôi."

Đường khấp khểnh dốc lên dốc xuống, giữa những bụi rậm chúng tôi định hướng theo tiếng thở dài của hồ nước và tiến thêm được mười phút nữa thì đột ngột bụi rậm tẽ ra. Trước mắt chúng tôi một đồng cỏ bằng phẳng trải dài đến tận mép nước. Phía tay phải là thung lũng sâu do dòng sông bào mòn. Ở nơi thung lũng mở ra, lòng sông tỏa rộng, nước chảy qua bụi rậm và qua cả đồng cỏ nơi chúng tôi đang đứng. Ở vị trí đồng cỏ bắt đầu và sông vào khúc quành, dòng chảy đột ngột khựng lại, nước dần dần đổi màu sang sắc lam đậm tiềm ẩn tai ương rồi phồng ra, như một con rắn vừa nuốt con mồi, thành một cái hồ bát ngát. Tôi đi dọc bờ tới hồ.

"Đừng đến gần!", cô nói và khẽ kéo tay tôi. "Tuy người ta không thấy sóng và mặt hồ nom rất thanh bình lặng lẽ, nhưng dưới bề mặt ấy là những vũng xoáy rất xiết, đã túm được anh là chúng sẽ kéo anh xuống và không bao giờ nhả ra nữa."

"Không rõ sâu chừng nào nhỉ?"

"Anh không thể tưởng tượng ra nó sâu đến mức nào. Xoáy nước ngày càng nạo sâu xuống lòng đất, như một mũi khoan phá, khiến hồ ngày một sâu hơn. Người ta kể rằng ngày xưa bọn tà giáo và tội nhân bị ném xuống đó..."

"Sao nữa?"

"Chúng không bao giờ nổi lên nữa. Chắc anh đã nghe kể về những hang động dưới đáy hồ rồi chứ? Một khi đã bị

hút xuống một cái họng ấy thì người ta sẽ vĩnh viễn phải loanh quanh trong bóng đêm của hang động."

Cả vùng đất nằm ngột ngạt dưới tiếng thở nặng nề do hồ phun lên tựa những làn hơi nước. Nghe như có tiếng than vãn và rên rỉ của vô số sinh linh vọng lên từ đáy hồ.

Cô nhặt một miếng gỗ to bằng bàn tay lên, nhắm vào giữa hồ và ném. Miếng gỗ bập bềnh đúng năm giây trên bề mặt, chợt rung lên bần bật và biến mất tăm, tựa như bị một bàn tay từ bên dưới túm lấy và lôi tuột xuống nước. Không thấy nó nổi lên.

"Thấy chưa, em nói rồi mà - bây giờ anh đã tin là dưới đó có xoáy nước chưa?"

Chúng tôi ngồi xuống cỏ, cách mép nước chừng mười thước, ăn bánh mì tôi đem theo trong túi. Nhìn từ xa, phong cảnh xung quanh không đem lại gì khác ngoài sự tĩnh lặng hiền hòa. Hoa thu lấm tấm sặc sỡ trên nền cỏ, lá cây đỏ rực - và giữa phong cảnh ấy là mặt hồ phẳng như gương, không một gợn sóng nhỏ. Phía bên kia hồ là vách đá vôi vút cao, đội bức tường thành đen bằng gạch. Ngoài tiếng thở của hồ, tất cả đều im phăng phắc. Thậm chí cây cối cũng không rì rào.

"Tại sao anh muốn có một tấm bản đồ bằng được?", cô hỏi. "Anh sẽ không thể rời khỏi thành phố được nữa, có bản đồ hay không có cũng thế." Cô phủi vụn bánh trện lòng và nhìn ra hồ. "Anh muốn đi khỏi đây à?"

Tôi im lặng lắc đầu. Thế có nghĩa là "không" hay nghĩa là tôi chưa quyết định được, tự tôi cũng không biết.

Cả điều này tôi cũng không biết!

Tôi nói: "Anh không biết. Anh chỉ muốn tìm hiểu thành phố. Muốn biết diện mạo nó, lịch sử hình thành của nó, và mọi người sống như thế nào. Muốn biết cái gì điều khiển anh, cái gì thúc đẩy anh. Sau đó là gì nữa thì anh cũng không biết."

Cô chầm chậm lắc đầu, sang trái, sang phải, rồi nhìn sâu vào mắt tôi. "Không có cái gì gọi là 'sau đó' đâu", cô nói. "Anh không biết à? Đây đích thực là chốn tận cùng thế giới. Chúng ta sẽ vĩnh viễn ở lại đây."

Tôi nằm xuống cỏ và nhìn lên trời. Bầu trời mà tôi nhìn lên được thì luôn luôn phủ mây. Sáng sớm nay trời mưa, cỏ còn ướt và lạnh, mặc dù vậy hương thơm ấm áp của đất vẫn trùm quanh tôi.

Có tiếng vỗ cánh - mấy con chim mùa đông bay lên từ bụi rậm và biến mất sau bức tường thành. Chỉ có chim mới vượt nổi tường thành. Mây dày nặng trĩu chăng thấp, báo hiệu một mùa đông khắc nghiệt đã đợi trước cửa.

13

Frankfurt, Cửa, Một Tổ Chức Độc Lập

Như mọi khi, trạng thái tỉnh táo quay lại và bắt đầu từ rìa ngoài của tầm nhìn. Trước tiên là cánh cửa nhà tắm phía rìa bên phải, sau đó đến chiếc đèn cây ở rìa bên trái ấn định chỗ của chúng trong ý thức của tôi đang dần dần tụ vào giữa như lớp băng phủ trên mặt hồ. Tâm điểm tầm nhìn là chiếc đồng hồ báo thức, kim chỉ 11 giờ 26. Chiếc đồng hồ báo thức này tôi được tặng khi đến dự một đám cưới. Để tắt chuông, người ta phải đồng thời bấm nút đỏ bên trái và nút đen bên phải, đó là cách duy nhất để chấm dứt chế độ báo thức - một cơ cấu độc đáo khả dĩ tránh một hành động thường gặp là người ta còn lơ mơ ngủ và vươn tay tắt chuông để gà gật tiếp. Quả thật là nếu muốn ấn cùng lúc cả hai nút tôi phải nhỏm dậy và đặt đồng hồ lên đùi, nghĩa là không tránh được chủ động tiến một, hai bước chân vào thế giới của sự tỉnh táo. Chiếc đồng hồ

báo thức này, tôi nhắc lại lần nữa, người ta tặng tôi ở một đám cưới nào đó. Đám cưới ai thì tôi cũng không nhớ nữa. Hồi đó tôi chưa đến ba mươi và còn bạn bè, cho dù cũng không nhiều, có khi đi dự mấy đám cưới liền trong năm, và vào một dịp nào đó tôi được tặng chiếc đồng hồ này. Tự nguyện thì chắc tôi chẳng bao giờ lại mua cái đồ nhiễu nhương ấy, vì muốn tắt thì phải bấm hai nút cùng một lúc. Bình thường ra, tôi tỉnh dậy không mấy khó khăn.

Khi tầm nhìn của tôi bắt đầu quy tụ vào chiếc đồng hồ báo thức, tôi bất giác đặt nó lên đùi và ấn cả hai tay lên nút đỏ và nút đen. Làm xong tôi mới nhận thấy đồng hồ không đổ chuông. Tôi không nằm trên giường, vậy thì cũng không đặt báo thức, mà chỉ để nó ở bàn bếp như thỉnh thoảng vẫn làm. Tôi đã xáo dữ liệu. Không có lý do gì để phải đặt chuông báo thức.

Tôi lại đặt nó lên bàn và ngó quanh. Không có gì biến chuyển trong phòng. Các chấm đèn sáng đỏ cho thấy hệ thống báo động đang ở trạng thái bật, đầu kia mặt bàn là tách cà phê đã cạn. Trên đĩa lót mà cô thủ thư dùng làm gạt tàn còn cắm đầu mẩu của điếu cuối cùng cô hút trước khi ra đi. Một điếu Marlboro Light. Không dính son môi. Nếu tôi không nhầm thì cô không son phấn gì cả.

Sau đó tôi ngắm cuốn vở ghi chép và bút chì nằm ngay trước mặt. Trong năm cây bút chì độ cứng F vót nhọn thì hai bị gãy ngòi, hai viết mòn vẹt, chỉ còn một cây vẫn nhọn như cũ. Ngón giữa tay phải hơi tê vì viết quá nhiều. Việc xáo dữ liệu đã hoàn tất. Mười sáu trang vở đặc kín những hàng số.

Theo đúng quy định, tôi so số lượng dữ liệu với các cột số đã xáo và đốt danh mục ban đầu trong bồn rửa tay. Tôi nhét quyển vở vào hộp an toàn rồi cất túi cùng máy ghi âm vào két sắt. Sau đó tôi ra ngồi ngoài sofa phòng khách và thở dài. Tôi đã xong nửa nhiệm vụ, và bây giờ tối thiểu sẽ có cả một ngày rảnh.

Tôi rót hai đốt ngón tay whiskey vào cốc, nhắm mắt và uống thành hai hớp. Rượu trôi vào họng nóng cháy, qua thực quản xuống dạ dày. Rồi máu chuyển hơi nóng đi khắp cơ thể. Trước tiên nó làm nóng ngực và má lên, sau đó đến hai bàn tay và cuối cùng xuống chân. Tôi vào phòng tắm đánh răng, uống hai cốc nước và đi tiểu, sau đó tôi ra bếp vót nhọn bút chì và xếp chúng ngay ngắn cạnh nhau trên bàn. Tôi đặt đồng hồ báo thức vào đầu giường và tắt máy trả lời điện thoại. Đồng hồ chỉ 11 giờ 57. Ngày mai tôi không phải làm gì cả ngày. Tôi vội cởi quần áo, chui vào đồ ngủ, nằm lên giường, kéo chăn lên tận cằm và tắt đèn. Giờ thì được ngủ mười hai tiếng liền nhé, tôi nghĩ. Ngủ mười hai tiếng liền không bị quấy rầy. Kệ cho chim chóc hót ca, cho mọi người lên tàu tới chỗ làm việc, ở một xó nào đó trên thế giới núi lửa phun trào, một đơn vị vũ trang Israel triệt hạ một làng ở Trung Đông - tôi cứ phải ngủ cái đã.

Sau đó tôi ngẫm nghĩ xem mình sẽ sống một cuộc đời như thế nào sau khi không làm toán sư nữa. Tôi đã tiết kiệm đủ tiền, cộng thêm lương hưu nữa là đủ sống một cuộc đời yên ổn. Tôi sẽ học tiếng Hy Lạp và đàn vi ô lông xen. Tôi sẽ phóng ô tô lên núi, đặt chiếc đàn vi ô lông xen

ở băng sau, và tha hồ tập đàn trên núi.

Nếu gặp may mắn một chút thì thậm chí tôi có thể mua một ngôi nhà nho nhỏ trên núi. Một túp lều xinh xắn có bếp tử tế. Ở đó tôi sẽ đọc sách, nghe nhạc, xem các băng video cũ và nấu ăn. Nghĩ đến nấu ăn là tôi lại nhớ tới cô gái tóc dài ở quầy thông tin thư viện. Kể ra cũng hay nếu cô ta cùng ở đó, trong túp lều sơn cước của tôi. Tôi nấu, và cô ăn.

Trong khi nghĩ về bếp núc, tôi thiếp đi. Đột ngột như trời sập. Chiếc vi ô lông xen, túp lều, bếp - tất cả vỡ tung và tan biến vào hư không. Chỉ còn lại mình tôi, mê mệt như chết.

Ai đó khoan một lỗ vào đầu tôi và lấy một cái que bằng giấy xoắn lại cứng ngắc thọc vào ngoáy lộn lên. Cái que giấy dài ngoằng thọc vào đầu tôi ngày càng sâu. Tôi vung tay gạt nó đi nhưng chẳng được, nó ngoáy vào mỗi lúc một sâu hơn.

Tôi ngồi bật dậy và ép hai tay vào đầu, nhưng làm gì có que nào. Cũng không có lỗ. Chuông reo. Chuông reo liên tục. Tôi lần mò tìm đồng hồ báo thức, đặt nó lên đùi và ấn cả hai tay lên nút đỏ và nút vàng. Chuông vẫn tiếp tục reo. Chuông điện thoại. Đồng hồ chỉ 4 giờ 18 phút. Bên ngoài vẫn tối. 4 giờ 18 rạng sáng.

Tôi trèo khỏi giường, đi vào bếp và nhấc máy. Mỗi lần điện thoại réo chuông giữa đêm là tôi lại quyết tâm trước khi đi ngủ sẽ đem nó vào phòng ngủ, vậy mà hôm nào cũng quên. Để rồi lại vấp ống đồng vào chân bàn hay bếp lò hay đâu đó.

"A lô?", tôi nói.

Đầu dây bên kia lặng ngắt. Im lặng tuyệt đối, tựa như điện thoại nằm lấp dưới một đống cát.

"A lô!!!", tôi hét lên. Nhưng nó vẫn im lặng như một nấm mồ. Không có tiếng thở hay tiếng lẹt xẹt. Sự im lặng đặc sệt như muốn hút tôi vào trong ống nghe. Tôi tức mình dập máy xuống, đi lấy một cốc sữa ở tủ lạnh, nốc một hơi cạn rồi chui vào giường.

Hồi chuông tiếp theo vang lên lúc 4 giờ 46. Tôi lại leo khỏi giường, đi đúng đoạn đường lúc nãy và nhấc máy. "A lô?", tôi nói.

"A lô", một giọng phụ nữ. Tôi không nhận ra giọng ai. "Xin lỗi chuyện vừa rồi. Trường âm thanh bị nhiễu. Đôi khi mất hẳn âm thanh."

"Mất hẳn âm thanh?"

"Vâng, đúng thế", người phụ nữ nói. "Trường âm thanh vừa đột ngột bị nhiễu. Nhất định có chuyện xảy ra với ông tôi. A lô, ông có nghe tôi nói không?"

"Nghe rất rõ", tôi nói. Cô cháu gái của ông già kỳ cục đã tặng tôi chiếc đầu lâu thú một sừng. Cô gái mũm mĩm trong bộ y phục màu hồng.

"Ông tôi không lên đây lần nào. Và đột nhiên trường âm thanh bị nhiễu. Nhất định có chuyện rồi. Tôi đã thử gọi ông tôi trong phòng thí nghiệm, nhưng ông không bắt máy... Chắc chắn bọn ma đen đã tấn công ông, có trời mà biết chúng nó đã làm gì với ông tôi rồi!"

"Cô có chắc không? Có thể ông cô đang vùi đầu vào

nghiên cứu nên không lên. Chẳng phải là hôm vừa rồi ông để cô mất tiếng cả tuần mà không nhận ra đó sao? Ông cô thuộc kiểu người quên hết mọi thứ nếu đã chú tâm vào một chuyện gì."

"Không, không, lần này khác. Tôi biết chứ. Ông tôi và tôi có linh cảm khi một trong hai người bị xảy ra chuyện gì. Và đã có chuyện xảy ra với ông tôi, một chuyện khủng khiếp. Ngoài ra rào âm thanh cũng bị xuyên thủng, chắc chắn là thế. Vì vậy trường âm thanh dưới đất cũng bị nhiễu."

"Gì cơ?"

"Rào âm thanh. Đó là một thiết bị phóng ra tín hiệu đặc biệt để chặn bọn ma đen. Khi rào âm thanh bị vũ lực phá hỏng thì mức độ âm thanh ở đó bị mất kiểm soát. Bọn ma đen đã tấn công ông tôi, nhất định thế!"

"Để làm gì?"

"Ai cũng rình rập kết quả nghiên cứu của ông tôi, ma đen, ký hiệu sư, ai cũng thế. Bọn chúng cố cướp của ông tôi những thành quả đó. Bọn chúng đã đưa một đề nghị đổi chác, ông tôi từ chối và giận phát điên lên. Ông phải đến đây nhanh lên, tôi xin ông! Sẽ có chuyện rất tồi tệ, xin ông hãy giúp tôi!"

Tôi chỉ tưởng tượng ra cảnh đối mặt với bọn ma đen lẩn quất ở đoạn đường âm u dưới đất mà đã thấy sởn gáy.

"Cô nghe này, tôi rất lấy làm tiếc, nhưng nghề của tôi là tính toán. Mọi công việc khác không có trong hợp đồng, và tôi cũng chẳng có thể làm nổi gì hơn. Tôi sẵn sàng giúp cô bất cứ việc gì và lúc nào, nhưng đánh lộn với bọn ma đen

để giải cứu ông cô thì tôi không thể. Việc ấy là của cảnh sát hoặc lực lượng chuyên nghiệp của Hệ thống được đào tạo đặc biệt cho những trường hợp tương tự."

"Cảnh sát thì không được. Vì như vậy tất cả sẽ bị lộ ra hết và hậu quả là một thảm họa. Công trình nghiên cứu của ông tôi mà lộ ra thì thế giới sẽ diệt vong."

"Thế giới diệt vong?"

"Tôi xin ông!", cô gái nói. "Ông đến đây càng nhanh càng tốt, và hãy giúp tôi! Nếu không sẽ xảy ra những chuyện không sao cứu vãn nổi. Sau ông tôi thì sẽ đến lượt ông!"

"Có lý do gì để người ta theo đuổi tôi? Có thể cô biết đến công trình nghiên cứu của ông cô, chứ tôi thì hoàn toàn mù tịt."

"Ông là chìa khóa. Không chìa khóa thì không mở được cửa."

"Tôi không hiểu ý cô định nói gì."

"Tôi không có thì giờ giải thích cho ông qua điện thoại. Đây là một vấn đề cực kỳ nghiêm trọng, ông hãy tin tôi. Quan trọng hơn ông có thể tưởng tượng ra nhiều. Quan trọng đối với ông. Nếu chúng ta không hành động khi còn hành động được thì tất cả sẽ quá muộn. Đó là sự thật, xin ông tin tôi!"

"Thôi được", tôi nói và xem đồng hồ. "Bây giờ cô tìm cách rời khỏi nhà. Nếu những gì cô kể là đúng thì ở đó quá nguy hiểm."

"Tôi phải đi đâu?"

Tôi đề nghị cô đến một siêu thị ở Aoyama mở cửa suốt 24/24 và tả đường đi. "Đợi tôi bên trong tiệm cà phê. Chậm nhất là năm rưỡi tôi có mặt."

"Tôi sợ lắm. Có gì..."

Âm thanh lại mất. Tôi hét lên mấy lần vào ống nghe nhưng không nghe trả lời. Im lặng phả ra từ ống nghe như khói đầu nòng súng lục. Trường âm thanh bị nhiễu. Tôi cúp máy, nhanh chóng trút đồ ngủ, mặc áo thun và quần vải bông. Sau đó tôi vào nhà tắm, khẩn trương cạo râu khô, vã nước lên mặt và vuốt tóc cho thẳng. Mặt tôi bì lên như cái bánh bao vì thiếu ngủ. Tôi chỉ muốn ngủ cho đã. Ngủ đẫy giấc, khỏe khoắn và sống cuộc đời bình thường nhạt nhẽo. Tại sao người ta không để tôi yên? Thú một sừng, ma đen - dính dáng gì đến tôi cơ chứ?

Tôi khoác một chiếc áo gió ra ngoài, đút ví, tiền lẻ và dao vào túi. Lưỡng lự một lát, rồi tôi quấn đầu lâu thú một sừng vào hai khăn tắm và nhét nó cùng kẹp gắp than vào một túi du lịch, ném tiếp vào đó cái hộp bảo hiểm đựng các dữ liệu đã xáo. Căn hộ này dĩ nhiên là không an toàn nữa rồi. Để mở cửa và két sắt, dân chuyên nghiệp chỉ cần thời gian bằng để hút một điếu thuốc.

Tôi xỏ chân vào đôi giày tennis mới cọ rửa được một chiếc, vác túi du lịch đi khỏi nhà. Ngoài hành lang không có ai. Tôi bỏ thang máy, chạy bộ xuống. Trời còn chưa hửng, trong nhà im lặng như tờ. Dưới hầm để xe cũng vắng ngắt.

Có gì đó không ổn. Quá im lặng. Nếu người ta muốn

rình chiếm cái đầu lâu đến thế thì ắt phải cử một người canh chừng ở đây chứ. Nhưng không có động tĩnh gì. Không một bóng người. Tựa hồ chúng đã quên tôi.

Tôi mở khóa ô tô, ném túi lên ghế phụ lái và mở máy. Sắp đến năm giờ. Vừa cẩn trọng nhìn quanh tôi vừa đi khỏi nhà xe, về hướng Aoyama. Hầu như không có xe cộ trên đường ngoài những chiếc taxi hối hả đổi ca và xe tải chạy đêm. Thỉnh thoảng tôi quan sát kính chiếu hậu, nhưng không ai bám đuôi tôi.

Mọi việc suôn sẻ đến đáng ngờ. Tôi biết kiểu bọn ký hiệu sư hành sự. Nếu đã xác định được mục tiêu là chúng bám riết không cần nhìn phải trái. Nhờ tay một thợ đường ống khí đốt hậu đậu, không rình rập giám sát mục tiêu - không bao giờ chúng làm những việc nửa vời như thế. Ký hiệu sư luôn quyết định phương pháp chóng vánh nhất, chính xác nhất và thi hành không khoan nhượng. Cách đây hai năm, có lần chúng chụp được năm toán sư và lấy cưa máy cưa sọ ra. Chúng lấy óc để lọc ra các dữ liệu còn mới. Công việc không thành, và rốt cuộc người ta tìm thấy năm xác đàn ông không óc và không nắp hộp sọ trôi lềnh bềnh ngoài vịnh Tokyo. Bọn ký hiệu sư làm việc như thế đấy.

Khi tôi đỗ xe tại bãi đỗ của siêu thị thì đồng hồ chỉ 5 giờ 28, sát giờ hẹn. Trời Tokyo đã hửng lên một chút. Tôi xách túi du lịch vào siêu thị. Trong phòng bán hàng mênh mông hầu như không thấy ai, một nhân viên mặc đồ kẻ sọc ngồi ở quầy thu ngân và đọc tờ tuần san đang bày bán. Một phụ nữ khó đoán tuổi và nghề nghiệp đẩy xe chất cao ngất

đồ hộp và thực phẩm ăn liền dọc lối đi. Qua khu bán rượu tôi rẽ vào tiệm cà phê.

Mười hai chiếc ghế đứng trơ trọi trước quầy bar. Tôi ngồi lên ghế cuối dãy, gọi sữa lạnh và bánh kẹp. Sữa lạnh đến nỗi không cảm thấy vị gì, còn bánh kẹp thuộc loại làm sẵn hàng loạt hàn vào nylon, ướt át và dai ngoách. Tôi ăn thật chậm, nhai kỹ từng miếng và chiêu theo từng ngụm sữa nhỏ. Tôi giết thì giờ một hồi lâu bằng cách ngắm nhìn tấm áp phích quảng cáo cho du lịch Frankfurt. Tranh tả mùa thu, cây cối và bụi rậm ven sông nhuốm đỏ, một ông già mặc măng tô đen đội mũ len cho thiên nga ăn cạnh mép nước. Một chiếc cầu đá cổ tuyệt đẹp, ở hậu cảnh là tháp chuông của nhà thờ xứ vút cao. Nhiều người ngồi trên ghế băng cạnh sông, ai cũng mặc măng tô, phụ nữ quàng khăn kín cổ. Một bức tranh đẹp, nhưng chỉ nhìn đã thấy ớn lạnh. Có thể một phần vì hình như mùa thu ở Frankkfurt rất lạnh, nhưng tôi luôn luôn ớn lạnh khi ngắm những tháp chuông cao nhọn hoắt.

Sau đó tôi xem tranh quảng cáo thuốc lá treo ở bức tường đối diện. Một người đàn ông mặt mày nhẵn nhụi, ngón tay kẹp điếu thuốc đang cháy, ngó chếch ra trước về hướng xa xăm. Không hiểu những người mẫu quảng cáo thuốc lá làm sao có được ánh mắt không-nhìn-gì-không-nghĩ-gì ấy?

Tôi ngắm những tranh khác nhau trong siêu thị theo kiểu ấy cho đến sáu giờ. Cháu ông giáo sư vẫn không xuất hiện. Tôi không hiểu tại sao cô ta trễ giờ đến mức ấy. Chả

gì thì chính cô là người hối thúc tôi đến càng sớm càng tốt. Song đây không phải là một câu hỏi để trả lời bằng lý trí. Tôi đã đến sớm như có thể. Mọi việc còn lại là vấn đề của cô ta. Một vấn đề mà nói cho cùng thì chẳng liên quan gì đến tôi cả.

Tôi gọi một tách cà phê, uống chậm rãi, không pha thêm sữa và đường.

Sau sáu giờ lượng khách hàng dần dần đông lên. Các bà nội trợ mua bánh mì và sữa cho bữa sáng, sinh viên thức đêm học bài kiếm đồ điểm tâm, một cô gái trẻ mua giấy vệ sinh, một nhân viên văn phòng lấy ba tờ báo, hai ông trung niên khoác túi đồ đánh golf mua nhiều chai rượu dẹt con con.

Tôi đợi đến sáu rưỡi, nhưng cô bé vẫn mất tăm. Tôi rời siêu thị, lên xe đi về ga Shinjuku. Tôi đỗ xe dưới hầm, ra quầy giữ hành lý để gửi cái túi du lịch. Tôi dặn họ cẩn thận vì trong túi có thứ dễ vỡ; nhân viên ở quầy gắn một miếng bìa nhỏ màu đỏ in hình ly rượu và chữ DỄ VỠ. Tôi đợi xem cái túi xanh hiệu Nike được đặt nghiêm chỉnh lên giá và nhận phiếu gửi hàng. Sau đó tôi ra ki ốt mua một chiếc phong bì và tem loại 2650 yên, cho phiếu gửi hàng vào dán lại và dán tem, đề địa chỉ hòm thư lưu mang danh một công ty trá hình do tôi đặt ra và ném vào thùng thư. Như vậy là hiện tại các thứ trong túi đã được an toàn, trừ phi có điều gì cực kỳ bất thường xảy ra. Thỉnh thoảng tôi vẫn sử dụng biện pháp an ninh này.

Ném thư vào thùng bưu điện xong, tôi đánh xe về nhà.

Người tôi nhẹ hẳn đi khi biết là không còn gì nữa để bị mất cắp. Tôi đỗ xe dưới hầm xe, đi thang bộ lên nhà, tắm, chui lên giường và ngủ thiếp đi như không có chuyện gì xảy ra.

Bọn chúng đến lúc mười một giờ. Tôi không ngạc nhiên lắm, vì sau những sự kiện đã xảy ra thì tôi nghĩ bụng là đã đến lúc ai đó xuất đầu lộ diện. Nhưng người ấy không bấm chuông, mà xô cửa xông vào nhà. Và cái kiểu xông vào ấy thực ra không thể gọi là xô cửa thông thường: sàn nhà rung lên như động đất hoặc như có chiếc xe lu đâm vào cửa. Kinh khủng quá. Ai có nhiều sức như vậy, người ấy hoàn toàn có thể lột chìa khóa vạn năng từ tay quản lý nhà, và cũng đỡ hẳn cho tôi chi phí sửa cửa. Và tiếng ầm này có lẽ sẽ là lý do khiến người ta cắt hợp đồng thuê nhà.

Trong khi người kia đang đạp bung cửa ra, tôi mặc quần và áo thun vào, giấu dao vào thắt lưng và đi đái. Để phòng xa, tôi mở két sắt, bật chế độ tự hủy ở máy ghi âm. Lúc cuốn băng đã bị phá xong, tôi lấy trong tủ lạnh ra một lon bia và tô salad khoai tây thay bữa trưa. Từ bao lơn có một cầu thang cứu hỏa dẫn xuống dưới, tôi hoàn toàn có thể chạy trốn được, nhưng tôi quá mệt mỏi và thấy chạy trốn là việc quá nhọc nhằn. Mà có trốn cũng không giải quyết được vấn đề nào trong những vấn đề mà tôi đang phải đối đầu. Tôi đang đối đầu với những vấn đề cực kỳ phiền toái - hay nói đúng hơn là bị lôi vào những vấn đề ấy - đó là những khó khăn mà tôi không tự lực giải quyết được. Tôi cần ai đó để bàn luận nghiêm chỉnh.

Tôi đã đến phòng thí nghiệm dưới đất của một nhà khoa học do ông ta yêu cầu xử lý dữ liệu ở đó. Nhân dịp này tôi được tặng một cái đầu lâu động vật, hình như của thú một sừng, và đem về nhà. Không lâu sau, một thợ khí đốt được ký hiệu sư mua chuộc toan ăn cắp nó. Sáng sớm hôm sau tôi nhận điện thoại của cháu gái người giao việc, báo cho biết là ông cô bị bọn ma đen tấn công và cô cần tôi trợ giúp. Tôi vội đến điểm hẹn đã thống nhất, nhưng cô gái không xuất hiện. Rõ ràng tôi đang sở hữu hai thứ giá trị. Thứ nhất là chiếc đầu lâu, thứ hai là các con số đã xáo trộn. Cả hai đã được tôi gửi vào quầy giữ hành lý ở ga Shinjuku.

Phi lý nối tiếp phi lý. Tôi cần có một lời khuyên, từ ai cũng được. Không thì tôi sẽ chạy trốn suốt đời với cái đầu lâu cặp nách mà không rõ thực hư ra sao.

Tôi uống xong bia, ăn hết salad khoai tây và nghỉ được một giây thì đúng lúc cánh cửa sắt đổ vào trong như tiếng bom, và một gã hộ pháp - như tôi cả đời chưa hề thấy - tiến vào. Hắn vận một chiếc sơ mi chim cò sặc sỡ, quần nhà binh màu ka ki vấy dầu mỡ, và giày tennis to như chân nhái của thợ lặn. Tóc hắn húi ngắn, mũi bự thịt, và cổ chắc nịch như cổ trâu. Mí mắt hắn nặng nề xám xịt như chì đúc, cặp mắt lờ đờ ngái ngủ lóe trắng khó chịu, trông tưởng như mắt giả nhưng nhìn kỹ thì thấy lòng đen đôi khi thoáng xê dịch, vậy đích thị là mắt thật. Hắn phải cao đến một thước chín nhăm, vai rộng, sơ mi chim cò to bằng nửa tấm khăn trải giường kéo căng trên ngực, hàng khuy lúc nào cũng chực đứt tung ra.

Hộ pháp thoáng nhìn cánh cửa vừa bị hắn phá hủy, như tôi ngắm nút chai vang vừa bật ra, rồi tiến lại. Dường như không có cảm xúc gì sâu xa hơn khi ra trước mặt tôi, hắn nhìn tôi như cái bàn cái ghế trong nhà. Và tôi cũng ước gì được là cái bàn cái ghế.

Khi tên hộ pháp tránh qua bên, tôi nhìn thấy một thân hình nhỏ thó. Gã này nhất định dưới một thước rưỡi, gầy gò, nét mặt cân đối. Gã mang áo thun xanh nhạt hiệu Lacoste, quần lanh màu be và giày da nâu nhạt. Có lẽ gã mua mấy thứ này ở cửa hàng cao cấp cho con nít. Cổ tay gã lấp lánh chiếc đồng hồ Rolex vàng, trông to quá khổ như máy bộ đàm trong những phim khoa học viễn tưởng kiểu Star Trek. Làm gì có Rolex cho trẻ con! Gã trông trên dưới bốn chục. Nếu cao thêm độ hai chục phân nữa thì gã có dáng dấp một diễn viên truyền hình hạng hai rồi.

Hộ pháp không bận tâm cởi giày mà sầm sầm vào bếp, đi quanh bàn và kéo chiếc ghế đẩu đối diện tôi ra, lập tức gã còi lãng đãng tiến lại ngồi. Hộ pháp dựa vào bồn rửa bát, khoanh đôi tay lực lưỡng như đùi người thường trước ngực và găm ánh mắt lì lợm vào lưng tôi, đoạn ngang eo. Lẽ ra tôi nên trốn qua thang cứu hỏa thì hơn. Khả năng dự đoán của tôi thế là hỏng rồi, không hiểu có cửa hiệu nào chữa được không.

Còi không nhìn thẳng vào mặt tôi và cũng không chào hỏi gì cả. Gã rút một bao thuốc và bật lửa trong túi ra, đặt lên bàn. Thuốc Benson & Hedges, bật lửa vàng Dupont. Quy định hạn chế nhập khẩu chắc là do nước ngoài bịa ra

thôi. Gã kẹp bật lửa vào hai ngón tay và xoay đi lộn lại rất khéo. Một màn xiếc, diễn tại gia, mặc dù tất nhiên tôi không nhớ đã mời đoàn xiếc nào về nhà.

Tôi sờ tay lên nóc tủ lạnh tìm gạt tàn Budweiser của một hiệu đồ uống tặng kỷ niệm, lấy tay chùi bụi và đặt trước mặt Còi. Gã châm một điếu, bật lửa xạch một tiếng gọn êm tai, nheo mắt thổi khói ra. Cái dáng nhỏ thó của gã đàn ông này thật đáng chú ý. Khuôn mặt, cánh tay, bàn tay và chân gã, tất cả đều nhỏ một cách cân đối về tỷ lệ. Một thân hình như được thu nhỏ đều trên máy photocopy. So với khổ người ấy, điếu Benson & Hedges trông dài như cây bút chì chưa gọt.

Không nói một câu, Còi chằm chằm nhìn xuống điểm cháy của điếu thuốc. Có lẽ nên gọi đây là phim của Luc Godard với phụ đề *Gã nhìn chằm chằm điếu thuốc cháy*, nhưng phim của Luc Godard đã lâu không còn tính thời thượng nữa - bất kể thế là may hay không may. Khi tàn thuốc đủ dài, gã gẩy cho rơi xuống bàn, không thèm nhận ra chiếc gạt tàn nằm đó.

"Phá cửa là việc cần thiết", Còi cất giọng cao và đanh. "Vì vậy chúng tôi đã phá cửa. Dĩ nhiên chúng tôi có thể dễ dàng mở khóa, nhưng, đơn giản đó là việc chẳng đừng. Không nên để bụng trách chúng tôi làm gì."

"Tôi không có gì trong nhà cả. Các anh có thể lục soát mọi chỗ", tôi nói.

"Lục soát?", Còi làm bộ sửng sốt. "Lục soát?" Điếu thuốc trên môi, gã gãi sồn sột vào lòng bàn tay. "Chúng tôi

lục soát gì mới được chứ?"

"Tôi cũng không biết, nhưng nếu không thì các anh tới đây làm gì? Và phá cửa làm gì?"

"Tôi tuyệt đối không nắm được ý anh", gã đàn ông nói. "Anh hiểu sai hết cả. Chúng tôi không muốn gì hết. Ngoài chuyện trò với anh. Thế thôi. Chúng tôi không tìm gì, không muốn gì. Nhưng một ngụm Coca thì cũng không chối. Anh có Coca đó không?"

Tôi mở tủ lạnh, lấy hai lon đã mua để pha whiskey ra, đặt xuống bàn cùng hai cốc thủy tinh. Sau đó tôi lấy cho mình một lon bia Ebisu.

"Anh kia chắc cũng muốn uống chút gì", tôi nói và chỉ vào Hộ pháp sau lưng mình.

Còi ngoắc tay ra hiệu cho Hộ pháp, hắn ta lập tức lướt tới không một tiếng động và cầm một lon Coca trên bàn. So với thân hình khổng lồ thì hắn di chuyển quá ư nhanh nhẹn.

"Uống đi, xong thì cho xem mục biểu diễn nghệ thuật", Còi nói với Hộ pháp. "Tiết mục nhỏ ngoài lề thôi", gã nói với tôi.

Tôi xoay lại xem Hộ pháp làm đúng một ngụm hết lon. Để chắc chắn không còn đọng lại một giọt nào, hắn lật úp lon, sau đó kẹp ngang giữa hai lòng bàn tay và ấn, không đổi nét mặt. Phạch một tiếng như tờ báo bị gió thổi bay lên, và cái lon đỏ giờ chỉ còn là một đống xèng bẹp dí.

"Thế thì ai cũng làm được thôi", Còi nói. Ai cũng làm được? Có thể ai đó, chứ tôi thì nhất định không.

Hộ pháp nhón đầu ngón tay cầm đồng xèng và xé thành hai nửa gọn ghẽ. Lần này thì khóe miệng hắn hơi nháy, tuy rất ít. Tôi đã có lần chứng kiến một người xé cuốn danh bạ điện thoại, nhưng xé lon Coca? Tôi chưa thử bao giờ, song chắc không đơn giản.

"Anh ta còn bẻ cong được cả đồng xu 100 yên. Ít người làm được lắm", Còi nói.

Tôi gật đầu. Không nghi ngờ gì.

"Và vặt đứt cả tai nữa."

Tôi gật đầu. Không nghi ngờ gì.

"Cho đến cách đây ba năm, anh ta là dân đấu vật chuyên nghiệp", Còi nói. "Khá xuất sắc đằng khác. Nếu không bị thương đầu gối thì hôm nay đã lên hạng cao nhất. Trẻ, khỏe và nhanh hơn người ngoài tưởng. Nhưng đầu gối như thế thì chịu bó tay. Đấu vật chuyên nghiệp cần tốc độ cao."

Đúng là nhìn bề ngoài không đoán được thật; tôi vội gật đầu.

"Từ đó trở đi tôi chăm sóc anh ta, chả gì thì cũng là anh em họ với nhau."

"Hình như trong gia đình anh không có người tầm thước bình thường?", tôi nói.

"Gì cơ?", Còi hỏi, trừng trừng nhìn tôi.

"Không, không có gì", tôi nói.

Dường như Còi lưỡng lự một thoáng không biết nên làm gì, sau đó gã vứt điếu thuốc xuống đất và di cho tắt. Tôi quyết tâm không phê phán gì nữa.

"Anh phải thanh thản nữa đi, thanh thản nữa. Hãy mở

trái tim mình, hãy phóng túng. Không thì không thể chuyện trò cởi mở được," Còi nói.

"Tôi có được phép lấy một lon bia nữa trong tủ lạnh không?"

"Dĩ nhiên rồi, cứ tự nhiên. Đây là nhà anh cơ mà, tủ lạnh của anh, bia của anh."

"Và cửa của tôi", tôi nói.

"Quên cái cửa đi. Nó thảm hại lắm, đúng là đồ rẻ tiền. Anh kiếm tiền khá lắm cơ mà, hãy chuyển đến nhà nào có cửa tử tế hơn."

Tôi bỏ chuyện cửa, lấy một lon bia nữa trong tủ lạnh ra uống.

"Chúng tôi không thích để anh phải phỏng đoán lâu la, vì vậy tôi nói luôn: chúng tôi đến đây để giúp anh."

"Bằng cách phá tan cửa nhà tôi?"

"Tôi đã nói là đừng ai nhắc tôi nhớ đến chuyện cửa rả ấy đi chưa ấy nhỉ?", Còi bình thản nói. Và nhắc lại câu hỏi đó một lần nữa về phía Hộ pháp. Hắn gật đầu xác nhận. Có lẽ Còi thuộc dạng người dễ lên cơn cuồng nộ. Tôi ưa tránh những kẻ như thế.

"Chúng tôi đến đây hoàn toàn vì từ tâm", Còi nói. "Anh đang rối trí, do đó chúng tôi có mặt để giúp anh một chút. Hay là, nếu anh không ưa chữ điên đảo: anh đang vào ngõ cụt. Đúng không?"

"Đúng. Tôi đang rối trí, và tôi đang vào ngõ cụt", tôi nói. "Tôi không có thông tin nào hết, không hiểu chuyện gì xảy ra, lại còn không có cửa nữa."

Còi vớ chiếc bật lửa vàng và ném nó vào cửa tủ lạnh, nhưng không nhỏm dậy. Một tiếng động trầm đục đầy đe dọa vang lên, và cửa tủ lạnh có một vết lõm sâu. Hộ pháp nhặt bật lửa lên và đưa lại cho chủ nhân. Mọi sự lại như cũ, trừ vết lõm trên cửa tủ lạnh. Để trấn tĩnh, Còi uống cạn lon Coca. Gặp những người dễ thịnh nộ, tôi hay bị nổi hứng muốn thử xem họ kiên nhẫn được đến đâu.

"Anh lảm nhảm gì mãi về cái cửa khốn nạn ấy? Hãy nghĩ xem tình cảnh hiện tại của anh ra sao. Tôi chưa cho nổ tung cả cái nhà này lên là may đấy. Cấm anh đả động lần nữa đến cái cửa, rõ chưa!"

Vấn đề ở đây không phải là cánh cửa rẻ tiền hay đắt. Cửa chỉ là một biểu tượng.

"Tôi không nói gì đến cánh cửa nữa, nhưng vì vụ này mà có lẽ tôi sẽ bị tống khỏi đây. Ở nhà này toàn những người lịch thiệp và tử tế", tôi nói.

"Nếu có ai kêu ca gì hoặc định đuổi anh ra thì gọi điện ngay cho tôi. Tôi sẽ cho người bịt mõm nó ngay. Được chưa? Chúng tôi không muốn anh gặp chuyện bực mình."

Thế thì càng lắm chuyện bực mình hơn, tôi nghĩ, nhưng không muốn chọc tức gã thêm, vì vậy tôi chỉ gật đầu và uống một ngụm bia.

"Chúng tôi tuy không được hỏi nhưng tôi vẫn muốn cho anh một lời khuyên: qua tuổi ba lăm rồi thì nên bỏ uống bia đi", Còi nói. "Bia chỉ là thứ đồ uống cho sinh viên và thợ nề thôi. Uống bia chỉ tổ làm to bụng, và không ra phong thái gì."

Tôi gật và uống. Bia của tao thì động gì đến mày! Để được uống bia xả láng, tôi thường xuyên đi bơi và còn chạy thể thao nữa.

"Nhưng mà tôi phê phán người khác làm gì?", Còi nói. "Mỗi người có mặt yếu của mình. Tôi thì hút thuốc và ăn đồ ngọt. Và chính đồ ngọt mới lắm chuyện. Làm hư răng, và có thể sinh ra chứng tiểu đường."

Tôi gật đầu. Chí lý lắm.

Còi đưa mắt nhìn xuống chiếc Rolex. "Mà thôi", gã nói. "Tôi không rảnh lắm, ta ngừng tán gẫu được rồi. Bây giờ anh đã thấy thoải mái hơn chút nào chưa?"

"Một chút", tôi nói.

"Tốt, vậy thì vào chuyện", Còi nói. "Mục đích tôi đến thăm hôm nay, như đã nói, là để giúp anh một chút. Nếu anh có điều gì không biết thì cứ hỏi, hỏi gì cũng được. Tôi sẽ trả lời nếu có thể." Gã khoát tay mời mọc. "Xin mời!"

"Trước tiên tôi muốn biết các anh là ai, và các anh đã biết chuyện này đến đâu?", tôi nói.

"Câu hỏi được đấy chứ", Còi nói và ngó sang Hộ pháp tìm sự đồng tình, và sau khi thấy hắn gật đầu liền quay lại với tôi. "Anh là một người nhanh trí. Đừng nói lòng vòng làm gì." Lần này gã dùng gạt tàn. "Hãy nhìn sự việc như sau: tôi ở đây để giúp anh. Chúng tôi thuộc tổ chức nào thì không quan trọng. Thứ hai: chuyện này chúng tôi biết khá tường tận. Chúng tôi biết có ông giáo sư, có cái đầu lâu, có các dữ kiện được xáo trộn, nói chung gần như biết hết. Ngoài ra chúng tôi còn biết những chuyện mà anh không

biết. Nào, hỏi câu tiếp theo!"

"Các anh đã đút tiền cho tay thợ khí đốt chiều hôm qua để hắn ăn trộm cái đầu lâu?"

"Câu hỏi này tôi vừa trả lời ban nãy", gã nói. "Chúng tôi không muốn đầu lâu. Chúng tôi không muốn gì cả."

"Vậy thì ai đút tiền cho tay thợ? Hay là tôi hư cấu ra hắn?"

"Chúng tôi không biết", Còi nói. "Chúng tôi cũng không biết nhiều thứ khác. Ta quay lại với các thí nghiệm của ông giáo sư. Chúng tôi biết mọi chi tiết của công trình nghiên cứu, chỉ không biết mục đích là gì. Đó là cái chúng tôi muốn biết."

"Tôi cũng chẳng biết", tôi nói. "Mà lại còn bị bao nhiêu bực mình vì việc này."

"Chúng tôi biết rồi. Biết cả là anh chẳng biết gì. Anh chỉ là một công cụ thôi."

"Thế thì tại sao các anh đến đây? Để làm gì?"

"Để chào anh thôi", Còi nói và gõ bật lửa vào cạnh bàn. "Chúng tôi tin rằng nếu anh quen chúng tôi thì hơn. Nếu chúng ta cân bằng tri thức và quan điểm của nhau thì nhiều chuyện sẽ đơn giản hơn."

"Cho phép tôi thả trí tưởng tượng bay bổng một chút nhé?"

"Cứ việc. Trí tưởng tượng tự do như chim trời và rộng như biển cả. Ai ngăn nó được?"

"Các anh không phải người của Hệ thống, cũng không phải phe Nhà máy. Người của cả hai tổ chức đều

không hành xử như các anh. Có lẽ các anh là một tổ chức nhỏ độc lập đang kiếm thị phần mới. Tôi đoán đó là thị phần mà các anh muốn giành của Nhà máy."

"Thấy chưa, tôi nói rồi mà", Còi quay sang ông em họ Hộ pháp. "Một người nhanh trí!"

Hộ pháp gật đầu.

"Nhanh trí đến nỗi người ngoài phải ngạc nhiên tại sao anh sống trong cái túp lều thảm hại này. Nhanh trí đến nỗi người ngoài phải ngạc nhiên tại sao vợ anh bỏ đi", Còi nói. Đã lâu lắm tôi chưa được khen ngợi nhiều như vậy. Mặt tôi đỏ lựng.

"Phỏng đoán của anh chủ yếu là trúng", gã nói tiếp. "Với kết quả nghiên cứu của giáo sư chúng tôi sẽ thành một thế lực lớn trong cuộc chiến thông tin. Chúng tôi đã chuẩn bị bước đó và đầu tư đúng mức. Bây giờ thì chúng tôi muốn thu nạp anh và các kết quả nghiên cứu. Được như vậy chúng tôi sẽ đồng thời đục ruỗng cơ sở của Hệ thống và Nhà máy. Đó là mặt hấp dẫn của chiến tranh thông tin: rất dân chủ. Ai có trong tay hệ thống mới nhất và tốt nhất, người đó sẽ thắng. Và thắng toàn diện. Sức mạnh không đóng vai trò gì cả. Người nào nhanh trí sẽ thắng. Ai bảo rằng chúng tôi không giành được một miếng bánh? Nước Nhật là một quốc gia độc quyền hay sao? Hệ thống độc quyền về mảng sáng của thông tin, Nhà máy độc quyền về mảng tối. Không có cạnh tranh. Muốn nhìn từ khía cạnh nào thì điều đó cũng mâu thuẫn với nguyên tắc thị trường tự do. Thế là không công bằng, anh có thấy thế không?"

"Tôi không quan tâm điều đó", tôi nói. "Những người như tôi là bánh răng nhỏ trong guồng máy, chỉ biết gò lưng kéo cày. Tôi chỉ nghĩ đến công việc mà thôi. Nếu các anh đến đây để kéo tôi về..."

"Anh không hiểu", Còi chặc lưỡi đầy vẻ trách móc. "Chúng tôi không có ý định lôi kéo anh về phía chúng tôi. Tôi nói rồi, chúng tôi muốn thu nạp anh. Câu hỏi tiếp theo!"

"Ma đen là ai?"

"Ma đen sống trong lòng đất, trong các hầm tàu điện ngầm và hệ thống cống ngầm. Chúng ngốn các cặn bã của thành phố, uống nước thải. Ít khi chúng chạm trán với người. Vì vậy không mấy ai biết đến sự tồn tại của ma đen. Nhìn chung thì chúng không làm gì hại đến người, trừ phi có ai đó một mình lạc lối trong lòng đất. Người đó sẽ bị ma đen bắt và ăn thịt. Ở công trường xây tàu điện ngầm đôi khi vẫn thấy một công nhân mất tích, phải không?"

"Chính phủ không biết gì về chuyện này sao?"

"Tất nhiên có biết. Nhà nước cũng không ngu đến thế đâu. Họ biết cả đấy, hay ít nhất là một số nhân vật cao cấp trong số họ."

"Tại sao người ta không cảnh báo cho người dân biết, hoặc tổ chức săn đuổi chúng?"

"Thứ nhất là", gã nói, "báo ra một tin như thế chỉ gây hoảng loạn. Anh không tin thế sao? Mọi người sẽ lo sợ khi biết dưới chân mình lúc nhúc những sinh thể bí hiểm nào đó. Thứ hai: không diệt tận gốc chúng được. Ngay cả khi

điều toàn bộ Lực lượng Phòng vệ xuống lòng đất Tokyo cũng không diệt được toàn bộ bọn ma đen, trong màn đêm dưới đó chúng chơi trên sân nhà. Không thể tránh nổ ra chiến tranh. Và cũng phải suy tính một điểm nữa: bọn ma đen có một mạng lưới rộng ngay dưới lâu đài của Thiên hoàng. Nếu có sự cố gì, đêm đến chúng sẽ đào hầm chui lên và lôi tất cả những ai trên đó xuống. Nước Nhật sẽ chìm trong hỗn mang. Anh không tin thế sao? Vì vậy chính phủ không muốn động đến bọn ma đen. Ngược lại thì ai đồng minh với ma đen sẽ có quyền lực vô biên. Bất cứ đảo chính hay một trận ác chiến, ai cùng phe với ma đen sẽ đảm bảo không thiệt thòi. Thậm chí ma đen sẽ sống sót qua chiến tranh nguyên tử. Tuy nhiên hiện tại không có ai đồng minh với ma đen, vì chúng cực kỳ đa nghi, bình thường chúng tuyệt đối tránh va chạm với người."

"Nhưng tôi lại nghe nói rằng ký hiệu sư đã bắt tay với ma đen?", tôi nói.

"Đúng là có tin đồn như vậy. Nhưng nếu có thật thì cũng chỉ đúng với một bộ phận ma đen có lý do gì đó để tạm thời bắt tay với ký hiệu sư. Không đáng để tâm. Về lâu dài, không thể có chuyện ma đen và ký hiệu sư đồng minh với nhau. Tôi không nghĩ là ta phải bận lòng chuyện này."

"Nhưng ông giáo sư đã bị ma đen bắt cóc!"

"Chuyện ấy cũng đã đến tai tôi. Nhưng chúng tôi không biết cụ thể hơn. Cũng phải tính đến khả năng ông giáo sư bày ra trò này để ngụy trang. Ba, bốn phe tranh giành một miếng mồi, có trời biết họ còn dùng mẹo gì."

"Ông giáo sư đã làm gì?"

"Ông ấy đã tiến hành một dự án cực kỳ đặc biệt", gã Còi nói trong khi ngắm cái bật lửa từ mọi góc cạnh. "Làm độc lập, không cùng Hệ thống, cũng không cùng Nhà máy. Các ký hiệu sư luôn luôn tìm cách đoạt thế vượt trội trên các toán sư, còn toán sư thì tìm cách hất cẳng ký hiệu sư. Ông giáo sư chọn đúng khe hở giữa hai phe để tiến hành một công trình nghiên cứu có thể khuynh đảo cả thế giới. Giờ thì ông ta cần anh. Không cần người toán sư trong anh, mà chính anh, chính con người anh."

"Con người tôi", tôi thất kinh hỏi. "Ông ta cần gì ở tôi? Tôi không có khả năng gì xuất chúng, tôi chỉ là một người hoàn toàn bình thường. Có lý do gì để chính tôi lại là người góp phần làm khuynh đảo thế giới?"

"Đó cũng là cái chúng tôi muốn biết", Còi nói và quay đảo chiếc bật lửa giữa các ngón tay. "Chúng tôi có linh cảm, nhưng không biết gì rõ rệt. Chỉ biết chắc anh là nhân vật trung tâm trong các nghiên cứu của giáo sư. Ông ấy đã làm việc này từ lâu, phần chuẩn bị đã hoàn tất và bây giờ đang đi vào giai đoạn chót. Mà anh thì không biết gì."

"Và khi giai đoạn chót chấm dứt thì các anh sẽ thu nạp tôi và các kết quả, phải không?"

"Đúng vậy", Còi nói. "Nhưng trời đang kéo mây đen. Nhà máy nghe phong thanh về vụ này và đã vào cuộc. Bắt buộc chúng tôi cũng phải vào cuộc. Quả là không hay lắm."

"Hệ thống có biết gì không?"

"Không. Chắc là chưa ngửi thấy gì. Mặc dù họ theo

dõi công việc của giáo sư chặt chẽ gấp đôi."

"Ông giáo sư là một người như thế nào?"

"Ông ấy đã làm việc mấy năm cho Hệ thống. Tuy nhiên không làm thuê như anh, mà ở bộ phận nghiên cứu trung tâm. Lĩnh vực chuyên môn của ông ấy là..."

"Làm cho Hệ thống?", tôi kêu lên. Sự việc ngày càng rối rắm thêm. Còn tôi, người đứng giữa mọi mối quan tâm, lại là người duy nhất không biết gì.

"Đúng như thế. Ngày trước ông giáo sư là một dạng đồng nghiệp của anh đấy", Còi nói, "nếu hiểu theo nghĩa là cả hai cùng làm cho một tổ chức, chứ chắc là hai người chưa hề gặp nhau. Tổ chức này có chi nhánh rất rộng và phức hợp, thêm vào đó lại chú trọng công tác giữ bí mật như một đức tin vậy, do đó chỉ có một nhúm chuyên viên biết chuyện gì đang xảy ra ở đâu và như thế nào. Tóm lại là tay phải không rõ tay trái làm gì, và mắt phải nhìn các hình khác mắt trái. Quy tụ lại một điểm là đơn giản có quá nhiều thông tin để có thể xử lý được hết. Các ký hiệu sư tìm cách ăn cắp dữ liệu, và các toán sư tìm cách bảo vệ dữ liệu. Cả hai tổ chức ngày càng phát triển, nhưng cả hai đều không làm chủ được dòng lũ dữ kiện.

Vậy là ông giáo sư tìm một đường khác. Ông bỏ việc ở chỗ Hệ thống và chỉ nghiên cứu công trình riêng của mình. Ông ấy cực kỳ đa năng. Sinh lý học não bộ, sinh học, tâm lý học, diện mạo học - ở bất cứ lĩnh vực nào liên quan đến tâm thần và ý thức hệ con người, ông đều chiếm vị trí đỉnh cao. Một nhà khoa học thiên tài với tầm cỡ các vĩ nhân

thời Phục hưng. Rất hiếm hoi trong thời buổi này."

Tôi nóng bừng mặt mũi khi nhớ lại đã giảng giải cho ông ta về rửa số và xáo trộn dữ liệu.

"Người ta hoàn toàn được phép cả quyết rằng sự phát triển các phương pháp tính được toán sư ứng dụng hôm nay phần lớn là công lao của giáo sư. Nói các khác, các anh là đàn kiến cần mẫn được người ta cấy vào óc các phương pháp của giáo sư nghĩ ra", Còi nói. "Hay anh thấy hình ảnh đó quá rẻ rúng?"

"Không, hoàn toàn không", tôi nói.

"Vậy là ông giáo sư rút lui, và lập tức giới ký hiệu sư tung lời mời mọc. Kỳ thực phần lớn toán sư bỏ nghề đều đầu quân cho Nhà máy. Nhưng giáo sư từ chối. Ông nói là chỉ mình ông theo đuổi được các công trình nghiên cứu này. Hành động, cùng một lúc ông biến giới toán sư và ký hiệu sư thành kẻ thù. Đối với các toán sư, ông là người biết quá nhiều, còn đối với giới ký hiệu sư thì ông là người của phe kia. Đối với bọn này, ai không là bạn thì là thù. Ông ta ý thức được chuyện đó, vì vậy ông lập phòng thí nghiệm ngay gần một ổ ma đen. Anh đã đến đó, đúng không?"

Tôi gật đầu.

"Một nước cờ cao. Không ai lại gần phòng thí nghiệm được. Quanh đó lúc nhúc đầy những ma đen, và cả toán sư lẫn ký hiệu sư đều yếu thế. Khi vào phòng thí nghiệm và khi rời khỏi đó, giáo sư bật các sóng âm mà lũ ma đen rất sợ. Chúng rút lui ngay, giáo sư tiến qua khoảng trống như nhà tiên tri Moses đi qua biển: một thành trì được bảo vệ hoàn

hảo. Ngoài cô cháu gái của giáo sư, hình như anh là người duy nhất từng có mặt trong phòng thí nghiệm. Chứng tỏ anh là người quan trọng. Chắc chắn giáo sư sắp chạm tay đến giải pháp; ông gọi anh đến để hoàn tất bước cuối cùng trong công trình nghiên cứu của mình."

Thật choáng. Từ ngày cha sinh mẹ đẻ chưa ai gán cho tôi nhiều ý nghĩa trọng đại như vậy. Cảm giác là một nhân vật quan trọng rất khó tả. Tôi vẫn chưa hiểu được hết.

"Nếu giáo sư gọi tôi đến với mục đích ấy", tôi nói, "thì những dữ liệu thí nghiệm mà tôi đã mã hóa cho ông ấy chỉ là mồi nhử, là thứ vô giá trị, đúng không?"

"Không, hoàn toàn sai", Còi nói. Gã lại ngó xuống đồng hồ. "Những dữ liệu ấy là một chương trình được thiết kế rất tinh vi. Một kiểu bom hẹn giờ. Khi thời điểm đã đến: Bùm! Tuy nhiên, đó cũng chỉ là phỏng đoán. Chúng tôi không biết chính xác. Muốn biết phải hỏi giáo sư. Tiếc rằng chúng tôi không còn nhiều thì giờ. Có lẽ chúng ta chấm dứt hàn huyên ở đây thôi nhỉ? Chúng tôi còn một việc nhỏ sắp phải làm nữa."

"Cháu gái của giáo sư là người như thế nào?"

"Hừm, người như thế nào nhỉ?", Còi ngạc nhiên. "Chúng tôi không biết. Chúng tôi không có thì giờ theo dõi mọi người mọi việc. Anh có vẻ khoái con bé?"

"Không", tôi nói. Không, có lẽ không.

Không rời mắt khỏi tôi, Còi đứng dậy, cầm bật lửa và thuốc lá trên bàn đút vào túi quần. "Tôi nghĩ, anh đã đủ hiểu vị trí của anh và của chúng tôi. Thêm một chi tiết

nhỏ nữa: chúng tôi đang theo đuổi một kế hoạch. Hiện tại các thông tin của chúng tôi chi tiết hơn của bọn ký hiệu sư, chúng tôi đang đi trước một bước. Nhưng so với Nhà máy thì tổ chức chúng tôi còn yếu. Nếu chúng nhấn ga thì vượt được chúng tôi ngay - và cán bẹp chúng tôi. Vậy thì chúng tôi phải đánh lạc hướng chúng để tránh việc đó. Anh hiểu chứ?"

"Vâng", tôi nói. Tôi hiểu quá đi chứ.

"Chúng tôi không tự lực làm được việc này, vì vậy cần có người hỗ trợ. Ở địa vị chúng tôi thì anh kiếm hỗ trợ của ai?"

"Của Hệ thống", tôi nói.

"Thấy chưa?", Còi nói với Hộ pháp, "nhanh trí ra phết!" Gã lại nhìn tôi. "Để làm việc này chúng tôi cần một con mồi. Không có mồi không nhử được cá. Anh sẽ là con mồi."

"Tôi không khoái vai trò này lắm", tôi nói.

"Không ai hỏi anh có khoái hay không", gã nói. "Chúng tôi không có lựa chọn khác. À, phần tôi cũng có một câu hỏi: trong nhà này anh thấy thứ gì giá trị nhất?"

"Chẳng có gì", tôi nói. "Tôi không có thứ gì giá trị. Toàn đồ rẻ tiền."

"Tôi cũng thấy thế. Nhưng nhất định anh không muốn một, hai thứ bị đập nát chứ! Rẻ hay đắt, dù sao thì anh cũng sống ở đây."

"Đập nát?" Tôi giật mình. "Nghĩa là gì?"

"Đập nát nghĩa là... đập nát, chứ còn gì nữa. Nhìn

cánh cửa kia kìa", Còi nói và trỏ vào cánh cửa cong vênh bật khỏi bản lề. "Đập nát chỉ để đập nát. Chúng tôi sẽ phá hủy mọi thứ ở đây."

"Để làm gì?"

"Tôi không giải thích trong một câu được, mà nếu được thì cũng chẳng thay đổi việc chúng tôi phá hủy căn phòng này. Vậy thì nói đi, cái gì anh thấy quan trọng. Chúng tôi sẽ lấy đó làm định hướng."

"Đầu video", tôi nhượng bộ. "Và ti vi. Toàn đồ đắt tiền, tôi mới mua. Và chỗ rượu whiskey dự trữ trong tủ lạnh."

"Gì nữa?"

"Bộ com lê và áo da cổ lông, áo của phi công ném bom Mỹ đấy."

"Gì nữa?"

Tôi nghĩ một lát xem còn đồ gì quý giá nữa. Không, chẳng còn gì nữa. Tôi không phải dạng người biến nhà mình thành một kho báu.

"Thế là hết", tôi nói.

Còi gật đầu. Hộ pháp cũng gật.

Thoạt tiên Hộ pháp mở tủ bếp và tủ tường, lôi ra thanh ép lò xo mà đôi khi tôi vẫn tập thể thao, vòng ra sau lưng và ấn tẹt lò xo. Tôi chưa thấy ai ép được hết mức như vậy. Rất ấn tượng.

Sau đó hắn cầm thanh ép lò xo bằng cả hai tay và đi vào phòng ngủ. Tôi rướn người ra trước để xem. Hộ pháp đứng trước ti vi, lấy đà hết mức và đập vào màn hình. Thủy

tinh vỡ vụn, hàng trăm tia chớp lóe lên, và chiếc ti vi 72 inch tôi vừa mua trước đây ba tháng nằm chỏng chơ như một quả dưa hấu bị vỡ.

"Ơ kìa...", tôi nói và định nhỏm dậy, nhưng Còi đập tay xuông bàn chặn tôi lại.

Tiếp đó, Hộ pháp túm chiếc đầu video và đập mặt có các núm nhiều lần vào cạnh sườn máy ti vi. Mấy núm bật bay tung tóe, dây điện chập xòe lửa, một làn khói bay lên trời như một linh hồn được cứu rỗi. Khi Hộ pháp thấy đầu máy đã nát bét, hắn ném cục sắt vụn xuống đất và rút một con dao trong túi. Lưỡi dao bật ra. Rồi hắn mở tủ quần áo, rạch nát chiếc áo da và bộ com lê Brooks Brothers, cả hai cộng lại cũng ngót hai trăm nghìn yên.

"Anh đã nói là để lại những đồ có giá trị cơ mà!", tôi thét lên.

"Tôi không nói thế", gã thản nhiên trả lời. "Tôi chỉ hỏi anh thứ gì đối với anh quan trọng nhất, chứ đâu nói là chúng được giữ lại. Các vật có giá trị nhất thì đập phá trước tiên. Dễ hiểu!"

Tôi lấy một lon bia từ tủ lạnh ra và ngồi nhìn Hộ pháp đập căn hộ ấm cúng và lịch lãm của mình thành từng mảnh.

14

Rừng

Mùa thu trôi qua. Một sáng sớm tôi thức dậy, nhìn lên trời - và biết thu đã tàn. Không còn thấy bóng trong trẻo của những đám mây thu, thay vào đó là một đám mây đen dày xuất hiện trên dãy núi phía bắc như một sứ thần mang tin gở. Mùa thu là một vị khách thân thiện và dễ chịu của thành phố, nhưng vị khách ấy mới ở lại vài bữa đã vội vã lên đường.

Tiếp những ngày cuối thu là một thời kỳ tạm bợ, không phải thu mà cũng chưa phải đông, một khoảng chân không im lìm khó hiểu. Lớp mền vàng của bầy thú mất dần ánh lấp lánh, ngày một trắng bợt ra như bị tẩy rửa, báo cho con người biết mùa đông đến gần. Tất cả các sinh vật, mọi hiện tượng thiên nhiên chuẩn bị đương đầu với mùa lạnh băng giá ấy: rụt cổ vào, đứng đờ như hóa đá. Mối linh cảm mùa đông đến gần trùm lên đường phố như một lớp màng vô hình. Tiếng gió hú, tiếng xào xạc của cây cỏ, sự im ắng của đêm, và thậm chí tiếng chân người - âm thanh nào cũng

nặng nề và lạnh giá, mọi thứ có vẻ như nhắc đến mùa đông, ngay cả tiếng nước róc rách ở bãi bồi vào hồi mùa thu còn vỗ về dịu dàng - giờ đây không thể an ủi tôi nữa. Vạn vật lui vào cái vỏ cứng để tự cứu mình và toát ra một vẻ tối hậu kỳ lạ. Đối với mọi người, mùa đông là một sự kiện đặc biệt, khác với mọi mùa khác. Ngay tiếng chim kêu giờ đây cũng ngắn và sắc, chỉ thỉnh thoảng tiếng vỗ cánh của chúng khuấy động khoảng thinh không lạnh lẽo.

"Trông có vẻ như năm nay chúng ta sẽ có một mùa đông giá buốt", ông đại tá nói. "Nhìn hình những đám mây thì biết. Trông kìa, bên kia kìa."

Ông già cùng tôi đến bên cửa sổ và chỉ lên đám mây đen dày phủ trên rặng núi phía Bắc. "Năm nào cũng thế, cứ vào lúc này là lại có tín hiệu của các đám mây mùa đông xuất hiện trên núi. Như một đội tiền trạm vậy. Nhìn hình những đám mây ấy là đoán trước được độ lạnh của mùa đông sắp đến. Mây dẹp và mịn nghĩa là thời tiết sẽ dễ chịu. Càng dày thì mùa đông càng lạnh. Và đáng sợ nhất là những đám mây có hình con chim dang cánh. Chúng báo hiệu mọi thứ sẽ đông cứng. Hệt như đám mây kia kìa."

Tôi nheo tịt mắt lại để quan sát bầu trời phía trên dãy núi phía Bắc. Tầm nhìn của tôi tuy lờ mờ nhưng đám mây mà ông già chỉ cho tôi xem thì vẫn dễ nhận ra. Nó dăng dăng dọc theo triền núi, từ phải qua trái, từ đầu này đến hết đầu kia, ở giữa nhô cao dày đặc như một ngọn núi, và rõ ràng có dáng một con chim dang cánh như ông già đã nói.

Một con ác điểu khổng lồ và xám xịt vút lên qua đỉnh núi bay về phía chúng tôi.

"Một mùa đông giá buốt như thế này năm chục, sáu chục năm chỉ xảy ra một lần. À, cậu không có măng tô phải không?"

"Không, tôi không có", tôi nói. Tôi chỉ có một chiếc áo khoác vải bông mỏng được người ta phát cho hôm tới thành phố.

Ông đại tá mở tủ, lấy ra một chiếc măng tô quân phục màu xanh lam và đưa tôi. Nó nặng như cùm, và lớp len lông cừu xù xì đâm vào da đau nhói.

"Hơi nặng một chút, nhưng còn hơn không có gì. Tôi mới kiếm về cho cậu đấy. Hy vọng cậu mặc vừa."

Tôi mặc thử. Áo hơi quá rộng ở vai và nặng khiến tôi loạng choạng vì không được làm quen dần. Nhưng nhìn chung thì cũng vừa người. Vả lại, có còn hơn không, đúng như lời ông già vừa nói. Tôi cảm ơn.

"Cậu vẫn vẽ bản đồ đấy à?", ông đại tá hỏi.

"Vâng", tôi nói. "Hãy còn mấy vùng trống, và tôi muốn làm xong càng nhanh càng tốt. Chả gì thì cũng đã mất khối thì giờ."

"Tôi cũng không trách cậu vẽ bản đồ. Đó là chuyện của cậu, và nói cho cùng thì cậu cũng chẳng làm phiền ai. Nhưng tôi khuyên cậu chớ đi quá xa khi mùa đông đến. Lúc đó cậu tuyệt đối không được phép rời khỏi khu vực đã quen. Cẩn thận mấy cũng không thừa, nhất là khi đoán trước năm nay cái lạnh thấu xương sẽ tràn về. Thành phố

này không phải là quá lớn, nhưng trong mùa đông nó tiềm ẩn nhiều mối nguy hiểm mà cậu chưa lường trước được. Chờ đến mùa xuân hãy hoàn tất tấm bản đồ!"

"Vâng ạ", tôi nói. "Nhưng bao giờ thì mùa đông bắt đầu cơ chứ?"

"Khi tuyết rơi. Mùa đông đến với những bông tuyết đầu tiên. Và nó chấm dứt lúc tuyết trên bãi bồi tan thành nước."

Chúng tôi tiếp tục quan sát đám mây trên rặng núi phía bắc và uống cà phê sáng.

"Còn một chuyện rất quan trọng nữa", ông già nói. "Dù có bất kỳ chuyện gì xảy ra, cậu chớ lại gần tường thành trong mùa đông. Và đừng vào rừng. Chúng vô cùng hùng mạnh trong mùa đông."

"Có chuyện gì trong rừng?"

"Chẳng có gì", ông già đáp sau một hồi im lặng. "Tuyệt đối không có gì. Ít nhất là không có gì để cậu hay tôi quan tâm cả. Đối với chúng ta thì rừng hoàn toàn không quan trọng."

"Không có ai sống trong đó à?"

Ông già mở lò sưởi, gạt bụi, xếp vào đó mấy thanh củi mỏng và than.

"Có lẽ từ tối nay trở đi ta phải sưởi rồi", ông nói. "Chỗ than và củi này từ rừng mà ra. Ở đó còn có nấm, trà và các đồ ăn khác. Về mặt này thì mình cần rừng. Nhưng ngoài ra thế là hết. Chẳng có gì nữa."

"Nhưng cũng có nghĩa là phải có người sống bằng nghề

đào than, nhặt củi hay tìm nấm trong rừng chứ, đúng không?"

"Ừ, tất nhiên. Có vài người sống trong đó. Họ cung cấp cho thành phố than, củi, nấm và các thứ khác, còn ta thì cho họ lúa và quần áo. Mỗi tuần có một lần trao đổi hàng hóa ở một địa điểm cố định, qua những cá nhân có trách nhiệm. Ta không bắt quan hệ sâu hơn thế. Họ không vào thành phố, còn ta thì không vào rừng. Ta và họ là hai loại người khác nhau hoàn toàn."

"Khác về điểm nào?"

"Về mọi điểm", ông già nói. "Khác nhau ở tất cả những gì có thể nghĩ ra được. Cậu phải chú ý, họ chỉ muốn người ta chú ý đến họ. Họ nguy hiểm lắm, chỉ rình gây ảnh hưởng xấu đến cậu. Cậu là một người - chà, tôi nói sao đây - chưa cứng cáp. Và chừng nào những gì cần được làm cho cứng cáp vẫn chưa cứng cáp thì cậu không nên dấn thân vào nơi nguy hiểm một cách không cần thiết. Rừng là rừng. Cậu chỉ việc viết lên bản đồ của cậu chữ 'rừng' là đủ. Hiểu chứ?"

"Hiểu ạ."

"Nhưng vào mùa đông thì không có gì nguy hiểm hơn tường thành. Mùa đông tường thành quây bít thành phố chặt hơn mọi khi. Ta sẽ ý thức một cách rõ rệt và kiên định rằng tường thành khóa chặt ta lại. Tường thành không để lọt mắt nhất cử nhất động xảy ra ở đây. Vì vậy cậu tuyệt đối đừng gây sự với nó, thậm chí chớ có bước lại gần. Tôi sẽ nhắc đi nhắc lại không biết mệt rằng cậu chưa cứng cáp đâu. Cậu còn dao động, còn nghi ngại và giằng xé, cậu hối

hận và lộ ra nhược điểm. Mùa đông sẽ là mùa nguy hiểm nhất đối với cậu."

Nhưng tôi phải tìm hiểu chút gì về rừng trước khi đông về, dù chỉ là chút xíu. Đã gần đến lúc phải nộp bản đồ cho bóng rồi, và nó bắt tôi phải quan tâm đến rừng. Chỉ còn thiếu rừng, xong đó là bản đồ hoàn thành.

Chậm chạp nhưng kiên quyết, đám mây trên núi xòe rộng đôi cánh và tiến về thành phố. Các tia mặt trời đã mất hẳn ánh vàng lóng lánh. Bầu trời đục ngầu và tăm tối, tựa như ai đó tung lên một lớp tro mịn cản mọi ánh sáng. Tuy nhiên mùa này lại rất dễ chịu cho cặp mắt tổn thương của tôi. Bầu trời không hé ra nữa, bão tố cũng không xé được mây.

Tôi đi theo con đường dọc sông để vào rừng và cố gắng đi càng sát tường thành càng tốt để tránh lạc lối. Như thế tôi vừa quan sát rừng vừa có thể chép lại vị trí của tường thành.

Nhưng đúng không phải chuyện ngon ăn. Giữa đường có những hố toang hoác, sâu đến nỗi tưởng như đất sụt, hoặc tôi vấp vào những bụi mâm xôi mọc cao vượt đầu. Đôi khi đầm lầy cắt ngang đường, những con nhện to tướng chăng mạng khắp nơi, dính chặt vào đầu, mặt và tay tôi. Thỉnh thoảng có tiếng sột soạt trong bụi. Cành lá của những cây khổng lồ đan kín trên đầu tôi và nhấn chìm khu rừng vào một màn tối đen như đáy biển. Các loại nấm lớn nhỏ đủ màu sắc bám đầy thân và rễ cây, trông

như những vết ghẻ lở kinh tởm.

Nhưng lạ thay, cứ tách khỏi tường thành để đi sâu vào rừng là cả một thế giới yên bình và tĩnh lặng mở ra trước mắt tôi. Tất cả chỉ là thiên nhiên nguyên khởi và cuộc sống, hơi thở nhẹ nhàng của đất làm tôi phấn chấn. Thay vì mối nguy hiểm mà ông đại tá khẩn thiết cảnh báo, tôi chỉ thấy cây rừng, cỏ lá, những sinh vật bé xíu, và tôi cảm nhận được vòng tuần hoàn vô tận của cuộc sống và một cái gì đó như sự tiền định gắn chặt nơi mỗi hòn sỏi và mỗi nhúm đất.

Ấn tượng này còn mạnh hơn khi tôi rời xa hơn khỏi tường thành và đi sâu vào rừng. Bóng đen đe dọa biến mất, hình thù gốc cây và màu lá bỗng an bình hơn, tiếng chim hót êm tai trở lại. Cả những khoảng sáng đôi khi hiện ra giữa rừng cũng mất vẻ căng thẳng và tăm tối như tôi vẫn cảm thấy ở cạnh tường thành. Tôi không rõ những khác biệt ghê gớm ấy có thể gây ra tác động gì. Có thể uy lực của tường thành xâm hại không khí của rừng, cũng có thể chỉ là một vấn đề mang tính sinh thái.

Nhưng đi trong rừng có dễ chịu đến mấy thì tôi cũng không được phép tách hẳn khỏi tường thành. Rừng khá sâu, và nếu tôi bị lạc thì cũng chẳng tìm được các phương trời. Không có đường đi, cũng chẳng có lấy một đánh dấu chỉ hướng. Vì vậy tôi lần mò rất thận trọng, luôn vừa vặn giữ được bức tường trong khóe mắt và chú ý giữ vững khoảng cách ấy. Không thể đơn giản đánh giá rừng là bạn hay thù - tác động vỗ về và dễ chịu ấy biết đâu chỉ là một mẹo lừa tôi đi sâu vào rừng hơn. Dù sao chăng nữa ở thành phố này tôi

là một số phận mỏng manh, chưa cứng cáp, như ông đại tá đã nói. Cẩn thận mấy cũng không thừa.

Có thể do tôi chưa thực sự đi thật sâu vào rừng, nhưng quả thật tôi không phát hiện ra một dấu vết nào của những người được coi là sống ở đây, hoàn toàn không. Không một dấu chân, cũng chẳng hề có một dấu hiệu nào chứng tỏ có bàn tay người chạm vào. Tôi nửa sợ song cũng nửa hy vọng được gặp họ, nhưng tôi đã mấy ngày trên đường rồi mà vẫn không thấy một dấu hiệu nào chứng tỏ họ tồn tại. Tôi suy ra rằng họ ở sâu trong rừng hơn nữa. Hoặc đã khéo léo tránh mặt tôi.

Vào ngày thứ ba hay thứ tư của chuyến thám hiểm, đúng vào đoạn tường thành mặt đông quặt gấp về hướng nam, tôi phát hiện ra một khoảng trống nho nhỏ ở sát tường. Nó ở đúng chỗ tường rẽ, được tường che lưng và tỏa ra hình nan quạt. Rừng thẳm không động chạm chút nào tới miếng đất nhỏ xíu này, và lạ thay, ở đây không thể nhận ra không khí căng thẳng vốn có ở gần tường. Tất cả đều yên bình và tĩnh lặng như trong rừng sâu. Một tấm thảm mềm như nhung mọng cỏ tươi mát phủ kín mặt đất, trên đầu tôi mở toang một mảnh trời có hình dáng lạ mắt. Ở một góc khoảng trống chắc chắn từng có một ngôi nhà, vì còn thấy phần sót lại của móng nhà bằng đá. Tôi chăm chú ngắm những gì còn sót lại và nhận ra đó từng là một ngôi nhà tử tế, thậm chí khá rộng rãi. Ít nhất cũng không phải một túp lều tạm bợ. Tôi nhận ra ba phòng có tường ngăn, bếp, nhà

tắm và tiền sảnh, và có thể tưởng tượng ra ngày xưa trông ngôi nhà ra sao. Song tôi không rõ ai đã xây một ngôi nhà ở xó xỉnh sâu trong rừng, với mục đích gì, và tại sao lại bỏ nó mà đi.

Phía sau nhà bếp có một giếng đá, nhưng đã bị lấp đầy đất và cỏ mọc um tùm. Nhất định người bỏ nhà ra đi cũng lấp luôn giếng. Ai mà biết được tại sao.

Tôi ngồi xuống, tựa lưng vào rẻo tường sương gió và nhìn lên trời. Gió thổi từ dãy núi phía bắc lại, khiến cành lá đung đưa sột soạt. Mây dày mọng nước chậm chạp trôi qua. Tôi bẻ cổ áo lên và dõi mắt theo mây bay.

Sau ngôi nhà đổ là tường thành vút cao. Lần đầu tiên trong rừng tôi tiến sát tường đến thế. Quả thật nó như một sinh vật, lại gần như thấy hơi thở phập phồng. Trong lúc ngồi đó giữa một khoảng trống trong Rừng Đông, dựa vào thành giếng lắng nghe tiếng gió và ngắm bức tường, tôi tin vào lời ông gác cổng. Nếu thực sự trên thế giới này có gì đấy được coi là hoàn hảo thì đó là bức tường thành này. Có vẻ như nó đã đứng đó từ ngàn đời, như những đám mây trôi ngang trời, như cơn mưa xối vào đất thành sông.

Bức tường thành quá kỳ vĩ để có thể thu gọn lên một trang giấy, hơi thở của nó quá mãnh liệt và đường cong quá thanh tao. Cứ mỗi lần định vẽ tuyến đi của tường thành vào vở là tôi bức bối bởi một cảm giác bất lực vô biên. Nhìn từ mỗi góc, bức tường lại thay đổi hình dáng đến khó tin, đó là lý do để tôi hầu như không thể nắm bắt được nó một cách chính xác.

Tôi nhắm mắt, cố ngủ một chút. Tai tôi vẫn nghe tiếng thét gào của gió, nhưng cây và tường chắn hộ tôi cái lạnh. Trước khi thiếp đi tôi nhớ đến bóng mình. Tôi sắp phải nộp bản đồ rồi. Dĩ nhiên là các chi tiết chưa được chính xác, những vị trí của rừng cây gần như còn để trắng, nhưng mùa lạnh đã tới trước cửa, và vào đông thì tôi sẽ không thể có cách nào để tiếp tục chuyến khảo cứu này. Tôi đã vẽ vào vở hình dạng tương đối của thành phố, vị trí và hình ảnh các công trình trong đó và ghi lại tất cả những thông tin nào có thể moi ra được.

Tôi không chắc ông gác cổng có cho phép tôi gặp bóng không, nhưng dù sao thì ông cũng đã hứa là tôi được phép tới thăm bóng khi ngày ngắn đi và năng lượng của bóng mất dần. Giờ đây, khi mùa đông sắp đến, có vẻ như những điều kiện ấy đã được đáp ứng.

Rồi tôi nhắm mắt lại, nghĩ đến cô thủ thư. Song càng nghĩ đến cô thì cảm giác mất mát càng trỗi dậy. Tôi không tìm được nguyên cớ phát sinh và xuất hiện cảm giác ấy, nhưng tôi biết chắc chắn đó là một cảm giác mất mát thuần túy. Dường như tôi liên tục mất đi một cái gì đó nơi cô, không cứu vãn nổi.

Ngày nào tôi cũng gặp cô, nhưng ngay thực tế đó cũng không lấp đầy được khoảng trống ngày càng hoác ra trong tôi. Những lúc tôi đọc mơ trong một phòng thư viện thì cô luôn bên cạnh. Chúng tôi cùng ăn tối, dùng thức uống nóng và sau đó tôi tiễn cô về nhà. Dọc đường đi chúng tôi kể đủ thứ chuyện trên trời dưới bể. Cô kể cho tôi nghe về

bố mình, về hai cô em gái, về cuộc sống thường nhật.

Tuy nhiên lần nào đến trước cửa nhà và chúng tôi chia tay nhau thì cảm giác mất mát của tôi lại mạnh hơn bao giờ hết. Tôi không hiểu nổi tâm trạng phi lý đó. Cái giếng quá sâu và tối, có đổ bao nhiêu đất cũng không lấp đầy được.

Tôi đoán cảm giác đó liên quan đến trí nhớ của tôi đã mất đi. Ký ức của tôi muốn tìm hiểu gì đó về cô nhưng tôi không thể tìm ra câu trả lời, và chính sự chống chếnh ấy để lại trong tâm hồn tôi một khoảng trống vắng khó lấp đầy. Song hiện giờ tôi không được phép bận tâm với vấn đề này. Ngay bản thân tôi cũng còn quá yếu ớt và ngỡ ngàng.

Tôi gạt tất cả các ý nghĩ phức tạp ra khỏi đầu rồi chìm vào giấc ngủ.

Khi tôi tỉnh giấc, trời lạnh bất ngờ. Tôi run cầm cập và kéo vạt áo lại cho kín. Trời tối dần. Tôi đứng dậy phủi cỏ trên người - đúng lúc bông tuyết đầu tiên sạt qua má. Ngước mắt lên trời, tôi thấy mây treo thấp hơn mọi khi nhiều, âm u và ảm đạm hơn. Những bông tuyết dày uể oải đung đưa trong gió và chập chờn gieo xuống đất. Mùa đông đến rồi.

Trước khi đi tiếp, tôi ngắm bức tường lần nữa. Những bông tuyết rơi xuống từ bầu trời u ám khiến bức tường trông hoàn hảo hơn lúc thường. Tôi ngước lên và cảm thấy hàng nghìn cặp mắt của bức tường ngó xuống mình. Như một con thú nguyên thủy vừa thức giấc và chặn đứng trước mặt. Dường như nó hỏi tôi: Tại sao mi ở đây? Mi tìm gì?

Nhưng tôi không thể trả lời những câu hỏi ấy. Giấc ngủ ngắn trong không khí giá buốt đã rút hết hơi ấm của cơ thể. Cảm giác trong đầu như bị lấp kín bởi một chất đặc quánh, như không phải đầu của tôi. Mọi thứ nặng nề và chập chờn.

Trong khi cắt đường xuyên rừng tôi cố gắng không nhìn lên tường thành và tìm cách đến Cửa Đông thật nhanh. Đường dài, bóng tối ngày càng dày đặc hơn. Cảm giác thăng bằng cơ thể vốn mỏng manh nay đã mất hẳn. Dọc đường tôi phải nghỉ lấy hơi nhiều lần để đủ sức bước tiếp và tụ hội lại các dây thần kinh như đã bị bóc trần trụi tả tơi. Thêm nữa là cảm tưởng có gì đó lẩn quất trong hoàng hôn đè nặng lên mình. Tôi tin đã nghe thấy tiếng tù và vọng vào tận rừng - nhưng âm thanh ấy xuyên qua tôi, không chạm vào tôi.

Rốt cuộc khi đến bìa rừng và đi ra bờ sông, tôi thấy mặt đất đã đen kịt. Không trăng, không sao, chỉ có gió tuyết và tiếng nước xiết lạnh lẽo tràn ngập không gian. Sau lưng tôi là cánh rừng u ám, cây cối nghiêng ngả trong gió. Tôi không nhớ đã mất bao nhiêu thì giờ để quay lại đến thư viện. Cái duy nhất mà tôi biết rõ là tôi đã miên man đi suốt dọc bờ nước, cứ thế mà đi không nghỉ. Những nhành liễu đu đua trong gió, trên đầu tôi là gió gào. Con đường trải dài vô tận.

Cô thủ thư đặt tôi ngồi trước bếp lò và áp tay lên trán tôi. Tay cô lạnh như ma, đầu tôi đau buốt như bị đâm một

mũi dùi bằng nước đá. Bất giác tôi toan gạt tay cô ra cho hết đau, song tay tôi không nâng lên nổi, và cố gắng hết sức khiến tôi suýt nôn.

"Anh sốt cao kinh khủng", cô nói. "Anh đi đâu lâu vậy?"

Tôi muốn đáp nhưng mọi câu chữ đã biến mất khỏi đầu. Thậm chí lời của cô tôi cũng không hiểu hết.

Cô vơ đâu đó mấy tấm mền quấn quanh người tôi và để tôi nằm ngủ trước lò sưởi. Tóc cô quét vào má tôi. Tôi không muốn mất cô, tôi nghĩ, nhưng tôi không rõ suy nghĩ đó có bắt nguồn từ ý thức hệ của mình hay chỉ đột ngột bắn ra từ một mảnh ký ức xa xưa. Tôi đã mất quá nhiều, và tôi quá kiệt quệ. Hoàn toàn bất lực, tôi nhận thấy ý thức của mình đang vuột đi một cách chậm chạp nhưng bất khả kháng. Tôi muốn trỗi dậy nhưng cơ thể níu chặt lấy. Một cảm giác bị phân thân khó tả. Tôi phó thác mình vào đâu đây, vào ý thức hay cơ thể? Tôi không biết.

Cô cầm tay tôi suốt buổi.

"Ngủ đi", tôi nghe tiếng cô. Những âm thanh từ góc sâu thẳm nhất của đêm đen, lê thê mãi mới đến tai tôi.

15

Whiskey, Tra Tấn, Turgenev

Hộ pháp đập nát toàn bộ kho whiskey của tôi trong bồn rửa - không chừa lại lấy một chai duy nhất. Tôi đã nối được mối thân tình với ông chủ của hàng rượu ở góc phố để mỗi khi có bán hạ giá whiskey nhập khẩu đều được cung cấp đến tận nhà, dần dần tôi có một bộ sưu tập khá hoành tráng.

Trước tiên Hộ pháp đập tan hai chai Wild Turkey, rồi chuyển sang chai Cutty Sark trước khi hủy hoại ba chai I. W. Harper, tiêu diệt hai chai Jack Daniel's, vĩnh biệt chai Four Roses, cho đi đời nốt chai Haig, và cuối cùng xử tử nửa tá Chivas Regal với một nhát đập duy nhất. Tiếng chai vỡ xé tai, nhưng mùi còn tệ hơn, đó không phải là mùi whiskey bình thường: cả căn hộ xộc lên nồng nặc. Chỗ rượu này ít nhất cũng đủ dùng trong nửa năm.

"Người ta chỉ cần ngửi đã thấy say rồi, phải không?", Còi nhận xét đầy khâm phục. Tôi đan tay sau gáy và ngán ngẩm nhìn đống mảnh chai chất cao trong bồn. Cái gì lên

thì phải xuống, rắn sẽ hóa lỏng, cát bụi lại trở về cát bụi. Lẫn trong tiếng thủy tinh vỡ là tiếng huýt sáo chói tai; âm thanh này xuất phát từ Hộ pháp, nghe như cật nứa cọ lên nhau. Tôi không biết giai điệu đó - và thật ra không phải là một giai điệu. Tiếng cật nứa cọ ở trên, ở quãng giữa, rồi ở dưới. Nó làm tôi bủn rủn thân mình và cứa vào từng sợi thần kinh. Tôi lắc mạnh đầu cho thoáng tai và dốc tuột ngụm bia vào họng. Dạ dày tôi rắn đanh như da bò.

Hộ pháp vẫn tiếp tục công việc phá hoại phi lý. Có thể nó có lý đối với hai tên kia, chứ với tôi thì không. Hắn lật đổ giường, rạch nệm, quẳng hết quần áo khỏi tủ, đổ các thứ trong ngăn kéo xuống sàn, giật bảng điều khiển điều hòa không khí khỏi tường, lật úp thùng rác và đập tan mọi đồ đạc tìm được trong tủ tường. Hắn làm việc nhanh và khéo.

Sau khi biến phòng ngủ thành một bãi chiến trường, hắn đi vào bếp. Còi và tôi chuyển chỗ sang phòng khách, dựng ghế sofa bị lật với phần lưng bị rạch nát dậy để lấy chỗ ngồi và quan sát Hộ pháp tàn phá phòng bếp. Quả là một sự may mắn trong rủi ro - diện tích ngồi và dựa lưng của sofa hầu như không bị phá hủy. Chiếc sofa này là một thứ đồ siêu hạng, ngồi rất thoải mái; một anh bạn làm nhiếp ảnh đã để lại cho tôi với giá hợp lý. Anh là một tài năng lớn chuyên chụp ảnh quảng cáo, nhưng một hôm nào đó bỗng trở chứng và chuyển nhà về vùng núi Nagano, vì vậy nhượng lại cho tôi cái ghế kê ở văn phòng của anh với giá rẻ. Tôi thực sự phiền muộn khi biết anh lên cơn tâm thần, nhưng cũng nhờ vậy mà tôi trúng số độc đắc với chiếc sofa

này, không phải mua ghế mới.

Tôi ngồi tận cùng bên phải sofa, tay giữ chặt lon bia, Còi tận cùng bên trái và tựa vào thành ghế, vắt chân chữ ngũ. Mặc cho tiếng động ầm ĩ, không thấy hàng xóm nào ngó vào. Ở cùng tầng này chủ yếu toàn người độc thân, do đó vào giờ làm việc chẳng có ai ở nhà nếu không có lý do gì đặc biệt. Hai tên này làm ầm ĩ như vậy vì chúng biết trước điều đó? Có thể thế lắm. Bọn chúng có gì mà không biết. Các vị khách của tôi mặc dù xử sự như những tên đồ tể nhưng rất có hệ thống và hợp lý.

Thỉnh thoảng Còi nhìn xuống chiếc Rolex như kiểm tra thời gian biểu công tác, trong khi Hộ pháp phá nát bét đúng trình tự tất cả những gì vớ được mà không có một động tác thừa. Nhìn cái kiểu săm soi chu đáo này thì có lẽ tôi cũng không giấu nổi một cây bút chì. Nhưng, như Còi đã nói ngay từ đầu, bọn chúng có định tìm gì đâu. Chúng chỉ đập phá thôi.

Nhưng vì sao?

Để người khác tin rằng chúng đã lục tìm gì đó.

Vậy người khác là ai?

Tôi không nghĩ tiếp nữa, uống nốt ngụm bia cuối cùng và đặt lon rỗng lên chiếc bàn con. Hộ pháp mở tủ bát đĩa, gạt hết ly cốc xuống đất và xử lý chồng đĩa. Hắn đập vỡ tất cả, siêu và ấm pha trà, liễn muối, hộp đường và bột, tất cả. Gạo vãi xuống sàn cùng các thức ăn đông lạnh. Một nắm tôm đông đá và thịt bắp bò cứng queo và kem và túi nylon dài đến ba mươi phân đựng xốt cà chua mà tôi thử

pha cùng váng sữa và trứng cá hồi. Tất cả rơi cồng cộc xuống nền lát nhựa, nghe như một đám thiên thạch dội xuống bê tông.

Sau đó hắn nhấc tủ lạnh lên, kéo ra phía trước rồi đẩy cho lật ngang. Một chùm lửa điện lóe lên, nhất định bộ tản nhiệt bị chập mạch. Phải giải thích với thợ điện ra sao đây? Tôi rối trí quá.

Vụ tàn phá bỗng chấm dứt đột ngột như nó bắt đầu. Không một lời giải thích hay thông báo, tất cả đột nhiên kết thúc, im ắng. Hộ pháp ngừng huýt sáo, đứng trong khung cửa giữa phòng khách và bếp, mắt lờ đờ nhìn tôi. Tôi không rõ hắn mất bao nhiêu thì giờ để biến căn hộ của tôi thành một đống đổ nát. Khoảng từ mười lăm phút đến nửa tiếng, đại khái thế. Đánh giá qua vẻ mặt hài lòng của Còi đang ngó xuống đồng hồ Rolex thì có lẽ quãng thời gian ấy dài đúng dự tính trung bình cần thiết để hủy hoại một căn hộ hai phòng. Trên đời này cái gì cũng có một chuẩn mực thời gian và giá trị bình quân, từ việc chạy ma ra tông cho đến lượng giấy vệ sinh mỗi lần vào nhà xí.

"Dọn dẹp chắc sẽ tốn thì giờ đây", Còi nói.

"Dĩ nhiên", tôi nói. "Và tiền bạc nữa."

"Tiền không đóng vai trò gì ở đây cả. Chiến tranh mà. Ai mải đếm tiền thì thắng trận làm sao được."

"Đây không phải chiến tranh của tôi."

"Chiến tranh của ai thì không quan trọng, tiền của ai cũng vậy. Chiến tranh là vậy."

Còi rút một chiếc khăn tay trắng muốt trong túi quần,

che mõm họ mấy tiếng. Rồi gã ngắm nó một lúc trước khi đút vào túi. "Lát nữa, khi chúng tôi đi rồi, sẽ có người của Hệ thống đến. Và anh sẽ báo cáo tỉ mỉ về bọn tôi cho họ biết. Rằng chúng tôi đã tấn công anh và lục tìm gì đó trong nhà. Và chúng tôi đã hỏi anh về cái đầu lâu. Nhưng anh không biết gì về đầu lâu, hoàn toàn không biết gì hết. Rõ chưa nào? Và không biết gì thì cũng chẳng khai ra được gì. Kể cả sau khi bị tra tấn. Và chúng tôi đã tay trắng ra đi."

"Tra tấn?", tôi hỏi.

"Họ sẽ không nghi anh. Hiện nay chỉ có chúng tôi biết chuyện anh đã đến chỗ giáo sư. Họ thì không biết, vì vậy họ cũng chẳng động đến anh. Anh là một toán sư xuất sắc, họ sẽ tin anh. Họ sẽ đoán chúng tôi là người bên Nhà máy và sẽ có phản ứng tương thích. Tất cả theo đúng kế hoạch."

"Tra tấn?", tôi nói. "Tra tấn nghĩa là sao cơ?"

"Rồi anh sẽ biết, không phải vội", Còi nói.

"Nếu tôi nói hết sự thật với người của Hệ thống thì sao?", tôi hỏi.

"Họ sẽ giết anh", Còi nói. "Đây không phải lời dọa suông, anh tin tôi đi. Anh đến chỗ giáo sư mà không báo cho Hệ thống biết, và anh đã xáo trộn dữ liệu mặc dù bị cấm. Thế đã đủ tệ rồi, nhưng giáo sư lại còn dùng anh làm một thí nghiệm nữa. Họ sẽ không dễ bỏ qua chuyện ấy đâu. Tình cảnh của anh hơi bi đát đấy, bi đát hơn anh có thể hình dung ra. Cho phép tôi nói toẹt ra: anh đang đi thăng bằng trên thành cầu, lại còn đi một chân nữa. Hãy tự nghĩ xem nên rơi lúc nào thì tốt nhất, kẻo đã tan xương rồi thì

không hối kịp đâu."

Chúng tôi ngồi trên sofa và nhìn nhau, tôi bên phải, gã bên trái.

"Tôi muốn biết một điều", tôi nói. "Có lý do gì để tôi cộng tác với các anh và nói dối Hệ thống? Tôi là toán sư, một thành viên chính thức của Hệ thống, còn các anh thì tôi hoàn toàn không quen. Vậy thì tại sao tôi lại lừa lọc người phe mình và bắt tay với người lạ?"

"Quá đơn giản", Còi nói. "Chúng tôi hiểu rõ tình cảnh của anh và để anh sống. Tổ chức của anh thì có thể nói là hiện tại không biết gì về tình cảnh của anh cả. Nếu họ biết thì có lẽ họ sẽ giết anh. Cổ phiếu của anh cao giá hơn khi ở phe chúng tôi. Quá đơn giản, phải không nào?"

"Tôi không rõ tình cảnh của mình ra sao, nhưng chẳng sớm thì muộn Hệ thống sẽ biết. Hệ thống là một tổ chức khổng lồ, và không ngu ngốc gì."

"Không, ngu thì nhất định không", Còi nói. "Nhưng họ sẽ cần ít lâu nữa, và với một chút may mắn thì đến lúc đó chúng ta đã giải quyết xong mọi vấn đề của mình, cả vấn đề của chúng tôi lẫn của anh. Đó là cách tìm tới quyết định. Người ta chọn xác suất nào cao hơn, ngay cả khi chỉ chênh nhau một phần trăm. Như đánh cờ vậy. Đối phương tấn công, còn anh rút chạy. Trong khi anh tránh thì có thể người kia đi nhầm một nước. Ai cũng có lúc phạm sai lầm, kể cả người cao thủ nhất. Thế đấy." Còi nhìn đồng hồ, quay sang Hộ pháp và búng ngón tay. Hộ pháp hất cằm như một người máy được khởi động bởi tiếng búng ngón tay, từ từ

tiến ra sofa và lù lù chặn trước mặt tôi như một cái tủ. Hay đúng hơn là một màn ảnh chiếu phim. Tôi không còn nhìn thấy gì nữa. Hộ pháp che cả đèn trần khiến tôi ngồi trong bóng tối. Tôi nhớ đến lần nhật thực mà tôi được xem ở sân trường hồi học tiểu học. Mỗi đứa chúng tôi có một tấm kính hơ đen muội nến dùng làm phin để quan sát mặt trời. Cách đây đã một phần tư thế kỷ. Cả một phần tư thế kỷ trôi qua, còn tôi đã trôi đến đâu?

"Thế đấy", Còi lặp lại. "Rất tiếc là bây giờ anh sẽ phải trải nghiệm một điều không hay ho cho lắm. Nói đúng hơn là rất không hay ho. Cắn răng lại, và hãy tin rằng nó chỉ lợi cho anh thôi! Chúng tôi không vui vẻ gì khi làm việc này. Nhưng bắt buộc phải thế. Cởi quần ra!"

Tôi cởi quần. Có cưỡng lại cũng vô ích.

"Quỳ xuống!"

Tôi đứng dậy theo lệnh và quỳ xuống. Chỉ mặc mỗi áo thun, quần lót Jockey và quỳ trên thảm - quả là một hình ảnh kỳ quái, nhưng tôi chưa kịp có thì giờ nghĩ tiếp thì Hộ pháp tiến ra sau tôi, ép hai bàn tay tôi chập vào nhau sau lưng. Hắn hành động nhanh nhẹn và thuần thục. Tôi không nhận ra sức ép gì lớn và thử cử động một chút, lập tức vai và khuỷu tay tôi đau nhói. Tôi bị kẹp cứng như con vịt nhồi vào rọ.

Còi vào bàn bếp lấy con dao của Hộ pháp ra. Gã bật lưỡi dao dài chừng bảy phân, lấy bật lửa trong túi quần và hơ lưỡi dao thật nóng. Con dao nhỏ gọn và không gây ấn tượng đáng sợ, nhưng có thể nhận ra ngay sự khác biệt với

những con dao bán ở cửa hàng tạp phẩm. Để rạch bụng người thì nó cũng vừa đủ to. Con người chứ không phải con gấu, da thịt mềm như quả đào. Với một lưỡi dao bảy phân đủ cứng là có thể làm được khối chuyện.

Sát trùng lưỡi dao xong, Còi ung dung đợi nó nguội hẳn. Sau đó gã lấy tay trái kéo chun quần lót trắng của tôi tụt xuống, hở gần hết dương vật ra.

"Bây giờ thì hơi đau một chút. Cắn răng lại", gã nói.

Tôi cảm thấy một khối hơi to bằng quả bóng tennis đùn từ dạ dày lên cổ họng. Đầu mũi tôi đọng đầy mồ hôi. Tôi sợ. Sợ chúng lấy dao cắt vào hạ bộ. Và tôi sẽ không bao giờ cương lên được nữa.

Nhưng gã không chạm đến dương vật tôi. Dưới rốn tôi chừng năm phân gã rạch một đường dài sáu phân vào bụng dưới. Mũi dao bén ngọt còn âm ấm xén dễ dàng vào bụng tôi và đi một đường thẳng như kẻ chỉ sang bên phải. Tôi muốn tránh ra, nhưng Hộ pháp kẹp chặt không cho động đậy. Còn Còi tóm dương vật tôi bằng tay trái. Khắp người tôi túa mồ hôi lạnh. Một chớp mắt sau, cơn đau xuyên thấu người tôi. Còi chùi máu trên lưỡi dao bằng khăn giấy, và Hộ pháp thả tôi ra khi Còi gập lưỡi dao vào. Tôi nhìn quần lót trắng thấm đỏ máu. Hộ pháp lấy trong phòng tắm ra một chiếc khăn sạch để tôi ấn lên vết thương.

"Khâu bảy mũi là ổn trở lại thôi", Còi nói. "Sẽ có một vết sẹo nhỏ, nhưng dưới đó ít ai nhìn thấy. Tôi thực sự lấy làm tiếc, nhưng không thể khác được."

Tôi mở khăn ra xem vết thương. Vết cắt không sâu

lắm, nhưng đủ sâu để nhìn thấy thịt màu hồng lộ ra dưới máu.

"Khi chúng tôi đi khỏi và người của Hệ thống đến thì anh kể với họ rằng chúng tôi dọa sẽ cắt sâu hơn nếu anh không khai chỗ giấu đầu lâu. Anh thực sự không biết nên cũng không thể nói ra được. Sau đó chúng tôi rút lui. Tra tấn thế thôi. Nếu cần thì chúng tôi còn làm các chuyện khác hẳn - tôi nói để chúng ta hiểu nhau cho chính xác. Nhưng hôm nay thế là đủ. Có thể còn có dịp để anh rõ chúng tôi có những trò gì khác nữa."

Tôi chỉ gật đầu, ép khăn lên bụng. Tôi không rõ tại sao, nhưng có lẽ cứ xử sự theo lời bọn chúng là tốt nhất.

"Thằng cha thợ ống khí đốt được các anh trả tiền chứ gì?", tôi hỏi. "Và dặn hắn để bị bắt quả tang, sau đó tôi đem đầu lâu và các thông số bị xáo lộn đến chỗ an toàn, đúng không?"

"Thông minh ra phết", Còi vừa nói vừa nhìn Hộ pháp. "Cứ tiếp tục làm như thế đi, và có thể anh sẽ sống sót."

Rồi cả hai biến khỏi. Không cần phải mở và đóng cửa. Cánh cửa sắt cong vênh bung khỏi bản lề rộng mở đón cả thế giới vào.

Tôi cởi quần lót vấy máu ném vào thùng rác và lấy gạc lau sạch máu trên vết thương. Mỗi lần cúi hay vươn người là cơn đau lại nhói thành nhịp như mạch đập. Tôi vứt nốt cái áo thun vì tay áo dính máu. Sau đó tôi kiếm trong đống bừa bãi trên sàn một chiếc T-Shirt mà nếu có vết máu dính cũng khó nhận ra, mặc cùng một quần lót thật trễ cạp. Thế cũng đủ mệt.

Tôi vào bếp, uống hai cốc nước, vừa nghĩ ngợi chuyện này chuyện nọ vừa đợi người của Hệ thống đến.

Một nửa tiếng sau có ba người từ Trung tâm xuất hiện. Một trong số họ là tay trẻ tuổi kênh kiệu ở bộ phận liên lạc vẫn hay đến lấy dữ liệu. Gã mặc bộ com lê sẫm màu như mọi khi, sơ mi trắng, cà vạt giống như nhân viên bộ phận tín dụng của nhà băng. Hai người kia đi giày thể thao và vận đồ như công nhân vận tải. Không có nghĩa là trông họ như một nhân viên nhà băng và hai công nhân, mà họ tạo ra một vẻ ngoài như vậy. Họ liên tục ngó nghiêng tứ phía, căng thẳng từng thớ thịt, sẵn sàng phản ứng với mọi hoàn cảnh và bất cứ sự công kích nào.

Và ba người này cũng không cần phải lịch sự gõ cửa hoặc cởi giày khi vào nhà. Trong khi hai công nhân lục khắp các xó xỉnh trong căn hộ, tay liên lạc viên thẩm vấn tôi về sự kiện vừa xảy ra. Gã rút một cuốn sổ tay đen từ túi trong áo khoác và ghi lại những chi tiết cơ bản bằng bút chì bấm. Tôi kể là có hai tên đến đây và lục lọi tìm một chiếc đầu lâu, sau đó tôi chỉ vết thương. Gã kênh kiệu xem rất kỹ nhưng không nói gì.

"Đầu lâu? Nghĩa là sao?", gã hỏi.

"Sao mà biết được", tôi nói. "Chính tôi cũng muốn biết."

"Vậy là anh cũng chẳng biết gì cả?", gã liên lạc viên hờ hững nói. "Anh nghĩ kỹ lại xem, vì rất quan trọng. Sau này có muốn sửa cũng muộn. Bọn ký hiệu sư không làm gì vô cớ cả. Nếu bọn chúng soát một căn hộ để tìm đầu lâu thì ắt

chúng có cơ để phỏng đoán là ở đây có cái đầu lâu. Không có lửa thì sao có khói. Và cái đầu lâu phải có giá trị gì thì người ta mới tìm. Khó tin là anh không dính dáng gì đến chuyện ấy."

"Nếu anh sáng suốt như vậy thì anh hãy cho tôi biết cái đầu lâu ấy có ý nghĩa gì."

Gã liên lạc viên gõ gõ bút chì một hồi lâu lên cuốn sổ tay. "Chúng tôi sẽ điều tra kỹ càng vụ này. Và một khi đã điều tra nghiêm túc thì thường là chúng tôi sẽ tìm ra. Nếu kết quả cho thấy rằng anh giấu giếm gì thì sẽ không hay ho lắm đâu, anh hiểu rõ điều đó chứ?"

Tôi xác nhận điều đó. Có trời biết rồi sẽ xảy ra chuyện gì. Không ai đoán được hậu vận cả.

"Chúng tôi biết bọn ký hiệu sư đang có âm mưu gì đó. Giờ thì chúng đã xuất quân. Nhưng ta vẫn chưa biết chính xác chúng theo đuổi mục đích gì. Cũng không rõ tại sao các đầu dây lại tụ lại ở anh. Và cái đầu lâu có ý nghĩa gì. Tuy nhiên, càng tập hợp nhiều dấu hiệu thì càng dễ lần ra cốt lõi thực sự của sự việc. Đó là điều chắc chắn."

"Vậy bây giờ tôi phải làm gì?"

"Anh hãy cảnh giác. Anh hãy nghỉ xả hơi và chú ý cảnh giác. Trả lại mọi nhiệm vụ được giao đi. Và báo ngay cho chúng tôi nếu có gì xảy ra. Điện thoại ổn chứ?"

Tôi nhấc máy. Không có vấn đề gì. Nhất định hai tên kia cố ý không chạm đến điện thoại. Tôi không rõ tại sao. "Máy tốt", tôi nói.

"Anh nghe đây", gã nói. "Anh phải thông báo ngay bất

kỳ chuyện nhỏ nhặt nào. Đừng tự ý làm gì cả. Đừng giấu giếm chuyện gì. Bọn này làm nghiêm trọng đấy. Lần tới anh sẽ không thoát thân với một vết xước cỏn con thế này đâu."

"Vết xước?", tôi buột miệng.

Hai công nhân đã kiểm tra xong và quay vào bếp.

"Bọn nó làm kỹ lắm", người lớn tuổi hơn nói. "Tiến hành có hệ thống và không bỏ sót vị trí nào. Rất chuyên nghiệp. Không nghi ngờ gì, đúng là bọn ký hiệu sư."

Liên lạc viên gật đầu và hai người kia rút lui. Hai chúng tôi ở lại một mình.

"Tại sao rạch nát quần áo khi đi tìm đầu lâu?", tôi hỏi. "Trong quần áo thì không giấu được đầu lâu, bất cứ loại nào."

"Dân chuyên nghiệp mà. Không để sót khả năng có thể nào. Biết đâu anh gửi đầu lâu vào một tủ gửi đồ rồi giấu chìa khóa đi, và chìa khóa thì giấu đâu cũng được."

"Đúng thế", tôi nói. Đúng thế thật!

"Tôi muốn hỏi câu nữa: bọn ký hiệu sư không đưa ra đề nghị nào với anh à?"

"Đề nghị?"

"Chạy sang phe Nhà máy. Tiền. Danh vọng. Hoặc ngược lại: tống tiền."

"Chẳng có gì. Không một lời nào", tôi nói. "Bọn nó chỉ rạch bụng tôi và hỏi về đầu lâu."

"Anh nhớ kỹ nhé", liên lạc viên nói. "Nếu người ta đến tìm anh và định thuyết phục anh thay đổi ý kiến thì anh tuyệt đối không được nhận lời. Nếu anh gục thì chúng tôi

thanh toán anh luôn, kể cả khi phải săn đuổi anh đến cùng trời cuối đất. Chúng tôi không dọa, mà hứa như vậy. Chúng tôi có nhà nước đứng sau lưng. Không có gì mà chúng tôi không làm được cả."

"Tôi sẽ ghi nhớ", tôi nói.

Lúc mọi người đi khỏi, tôi xét lại sự việc lần nữa, lần lượt từng điểm một. Nhưng không tìm được kết luận nào. Vấn đề cơ bản là ông giáo sư có chủ định gì? Chừng nào chưa có câu trả lời thì mọi phỏng đoán đều vô ích. Tôi hoàn toàn không biết chuyện gì ẩn trong đầu óc của ông già.

Nhưng đã rõ một điều - tôi đã lừa dối Hệ thống, cho dù có thể nói là tôi bị tình thế đưa đẩy đến bước này. Nếu chuyện đó lộ ra - và sớm hay muộn sẽ lộ ra - thì tôi đã cho cả hai chân vào quan tài, đúng như gã liên lạc viên kênh kiệu kia đã tuyên bố. Kể cả khi họ châm chước là tôi phải nói dối trong tình trạng bị ép buộc. Họ sẽ không và không bao giờ tha lỗi cho tôi.

Trong khi những suy nghĩ ấy lướt qua óc, vết thương lại nhói lên khiến tôi phải giở danh bạ điện thoại tìm gọi công ty taxi gần nhà nhất để vào bệnh viện điều trị. Tay ép khăn vào vết thương, tôi mặc một chiếc quần rộng rồi xỏ giày. Để đi giày thì phải cúi xuống. Đau như xé người làm đôi. Một vết cắt cỏn con chưa đầy sáu phân, và con người ta thành một hình nhân rệu rã. Không xỏ nổi chân vào giày, không leo được cầu thang.

Tôi đi thang máy xuống nhà, ngồi vào bệ chậu cây cạnh cửa và đợi taxi. Đồng hồ chỉ một rưỡi. Mới có hai

tiếng rưỡi từ khi Còi và Hộ pháp phá cửa vào phòng. Hai tiếng rưỡi lê thê, tôi thấy dài như mười tiếng.

Mấy bà nội trợ vác làn đi chợ ngang qua. Củ cải non và hành thò ra từ túi siêu thị. Tôi ghen tị đôi chút với họ. Không ai đập phá tủ lạnh của họ, và cũng chẳng rạch bụng họ. Nếu người ta chỉ phải lo chế biến củ cải và hành và chăm cho con cái khôn lớn thì cuộc đời diễn ra thật yên bình. Chẳng việc gì phải bận tâm tới đầu lâu thú một sừng, cũng không phải nát óc bởi những mật mã bí hiểm và những công tác phức tạp. Cuộc đời bình dị là như thế.

Tôi nhớ đến mấy con tôm đông lạnh đang rã đá trên sàn nhà, cả miếng bơ và xốt cà. Phải ăn trong hôm nay. Nhưng tôi không hứng gì ăn uống cả.

Ông đưa thư đi xe Cub đỏ đến và khéo léo phân phát thư từ vào các hộp thư cạnh cửa ra vào. Một số hộp thư đầy ứ, các hộp khác hầu như rỗng không. Ông không chạm vào hộp thư của tôi, thậm chí chẳng thèm nhìn.

Bên cạnh thùng thư có một cây đa búp đỏ trồng trong một chậu vương đầy que kem và đầu mẩu thuốc lá. Trông cây đa cũng tàn tạ như tôi. Lắm người cứ thế đi tới để vứt tàn thuốc vào chậu hay ngắt một lá. Tôi không rõ nó đứng đấy từ bao giờ, nhưng nhìn bề ngoài thì có lẽ đã lâu rồi. Ngày nào tôi cũng đi ngang qua, nhưng chỉ nhận thấy nó khi ôm cái bụng bị rạch ngồi chờ taxi.

Bác sĩ nhìn vết rạch và hỏi vì sao tôi bị thương.

"Có vấn đề, vì chuyện đàn bà", tôi nói. Không biết kể

với ông ta gì khác. Có thể nhận thấy ngay là vết dao rạch.

"Trong những trường hợp ấy thì tôi có nghĩa vụ báo cảnh sát", bác sĩ nói.

"Đừng báo cảnh sát", tôi nói. "Tôi cũng không hẳn vô tội trong vụ này, cũng may là vết thương không sâu. Ta có thể để yên chuyện này được không? Tôi xin ông."

Ông bác sĩ càu nhàu một hồi, nhưng rồi ông ra hiệu cho tôi nằm lên giường, sát trùng và tiêm vài mũi, lấy kim chỉ khéo léo khâu mấy mũi. Khi ông xong việc, một cô y tá mặt mũi hầm hầm dán một miếng gạc dày rồi quấn cả một dây chằng cao su quanh hông cho chặt. Trông tôi khá kỳ quặc.

"Hạn chế cử động mạnh hết mức", bác sĩ nói. "Ngoài ra cấm rượu, cấm tình dục, và cấm cười to. Ông nên tránh cử động, đọc sách thì tốt. Mai quay lại."

Tôi cảm ơn, ra trả tiền lệ phí, nhận một loại thuốc chống viêm và đi về nhà. Như bác sĩ dặn, tôi lên giường nằm và đọc *Rudin* của Turgenev. Thực ra tôi thích *Những dòng nước mùa xuân* hơn, nhưng khó tìm ra được cuốn ấy trong đống đổ nát giữa nhà, vả lại xét cho cùng thì *Những dòng nước mùa xuân* cũng không hơn *Rudin* gì nhiều.

Bụng băng bó, tay cầm tiểu thuyết của Turgenev và nằm trên giường trước giờ hoàng hôn - bây giờ tôi bàng quan với mọi chuyện khác. Những gì xảy ra trong ba ngày vừa qua không phải do tôi thích ôm lấy. Nó ụp xuống đầu tôi, và tôi bị lôi kéo vào. Thế thôi.

Tôi vào bếp, thận trọng dọn mảnh chai chất đầy trong

bồn rửa. Hầu hết chai lọ đã bị đập nát; chỉ có một đế chai Chivas Regal là tương đối lành lặn và còn đọng chút whiskey. Tôi rót ra ly và giơ lên ánh sáng, không có mảnh chai trong đó. Tôi trở lại giường nằm, uống chỗ whiskey âm ấm trong khi đọc tiếp. Tôi đọc *Rudin* lần cuối khi còn là sinh viên, trước đây mười lăm năm. Hôm nay, sau mười lăm năm và bụng quấn băng, tôi thấy có cảm tình với nhân vật chính hơn ngày xưa. Con người không một mình sửa các lỗi lầm được. Chậm nhất vào tuổi hai mươi lăm là nhân cách đã định hình, từ đó trở đi về cơ bản không thay đổi gì nữa, mặc cho ta có cố gắng đến mấy. Vấn đề chỉ là thế giới xung quanh phản ứng ra sao với nhân cách ấy. Được whiskey nồng nàn làm cho phấn chấn, tôi cảm tình với *Rudin*. Các nhân vật của Dostoevsky hầu như không làm tôi quan tâm, nhưng của Turgenev thì tôi yêu mến ngay. Thậm chí tôi cũng khoái những nhân vật trong series *Đồn cảnh sát 87* của Ed McBain. Có lẽ vì tôi cũng có nhiều khiếm khuyết. Con người ta có xu hướng mến những người nhiều tật như mình. Nhưng nhân vật tiểu thuyết của Dostoevsky thường có những khiếm khuyết không đáng gọi là khiếm khuyết, khiến tôi không hoàn toàn nhận ra mình trong đó. Ở Tolstoy thì các khiếm khuyết ấy lại quá bao trùm và quá cố hữu.

Đọc xong cuốn sách, tôi ném nó lên giá và lục trong bồn xem còn whiskey không. Tận dưới cùng còn thừa một tí Jack Daniel's Black Label, tôi rót ra và đem về giường cùng cuốn *Đỏ và Đen* của Stendhal. Hình như tôi có một

thú đọc loại tiểu thuyết cổ hủ. Lấy đâu ra người trẻ tuổi hôm nay thích đọc *Đỏ và Đen?* Tôi thì khi đọc cuốn này rất tâm đầu ý hợp với Julien Sorel. Nhưng sai lầm của Sorel đã định hình từ hồi mười lăm tuổi, khiến tôi càng thích anh ta hơn. Thật đáng thương cho một người đã thấy hình dáng đường đời còn lại của mình ở tuổi mười lăm. Chẳng khác gì đang tiến đến một nhà tù không đường đào thoát. Đi đến sự tàn lụi của mình, vây chặt trong một thế giới có tường bao quanh.

Tôi giật mình.

Tường.

Thế giới có bức tường bao quanh.

Tôi gập sách, dốc nốt ngụm Jack Daniel's và hình dung ra một thế giới sau bức tường. Tưởng tượng ra bức tường và cánh cổng thì đơn giản. Tường rất cao, cổng sừng sững. Tất cả im lìm. Và chính tôi ở bên trong. Nhưng cảm nhận về bản thân tôi cũng rất mờ ảo, tôi không thấy gì xung quanh. Toàn thành phố hiện ra rõ ràng từng chi tiết trước mắt tôi, nhưng sát xung quanh tôi mọi thứ mờ ảo. Và bên ngoài lớp màn dày đặc ấy có tiếng ai gọi tôi.

Tôi lắc đầu để rũ bỏ hình ảnh đó. Tôi mệt mỏi và kiệt sức. Tôi cho rằng nhất định bức tường là biểu tượng cho cuộc đời hạn hẹp của mình. Sự im lặng thể hiện âm thanh bị tắt đi. Màn sương mù quanh tôi có nghĩa là trí tưởng tượng của tôi đang sa vào cơn khủng hoảng sống còn. Và người đang gọi tôi ắt là cô gái màu hồng.

Sau khi phân tích giấc mơ ngắn một cách ngớ ngẩn

như vậy, tôi lại mở sách ra. Nhưng tôi không sao tập trung đầu óc được nữa. Tôi nghĩ, cuộc sống của mình thật vô nghĩa, một con số không tròn trĩnh. Tôi đã tạo ra được gì? Chẳng được gì cả. Tôi có làm cho ai hạnh phúc không? Tôi chẳng làm ai hạnh phúc cả. Tôi có gì trong tay? Chẳng có gì. Không gia đình, không bè bạn, không có cả cánh cửa. Thậm chí không cương nổi lên. Và sắp tới có thể mất việc.

Và mục đích cuối cùng trong đời, niềm vui bình lặng với đàn vi ô lông xen và tiếng Hy Lạp, cũng đang lung lay. Nếu bây giờ mất việc thì mất luôn cơ sở tài chính để thực hiện giấc mơ đó. Và nếu Hệ thống theo dõi tôi đến cùng trời cuối đất thì tôi sẽ không còn thì giờ ghi nhớ các động từ Hy Lạp chia ngoài quy tắc.

Tôi nhắm mắt, thở dài não nuột và đọc tiếp *Đỏ và Đen*. Cái gì mất đi là mất. Có dằn vặt cũng không lấy lại được.

Tôi không để ý thấy màn đêm sập xuống và bị quấn chặt trong màn u tối của Turgenev và Stendhal. Vết thương không đau lắm nữa, có thể vì tôi nằm nghiêng không động đậy. Đôi lúc cảm giác đau không rõ rệt lan từ vết thương qua cạnh sườn, như tiếng trống bập bùng xa xa. Nhưng xong rồi thì tôi quên ngay vết thương. Đã bảy giờ hai mươi, nhưng tôi vẫn không thấy muốn ăn. Năm giờ sáng. Tôi ăn một lát bánh kẹp ỉu và chiêu sữa cho trôi. Một lúc sau tôi ăn chỗ salad khoai tây trong bếp. Sau đó không ăn gì nữa, cứ nghĩ đến ăn là dạ dày lộn phèo lên. Tôi phờ phạc, thiếu ngủ, người ta rạch bụng tôi, căn hộ trông như bị trúng

bom. Không muốn ăn cũng chẳng lạ.

Cách đây mấy năm tôi có đọc một truyện khoa học giả tưởng, nói về thế giới đắm chìm vào hoang tàn đổ nát; hôm nay nhà tôi trông hệt như thế. Cả sàn nhà phủ kín những thứ vô dụng - một bộ com lê rách nát, đầu video bẹp rúm, ti vi cũng thế, lọ hoa tan tành, cây đèn gãy gục, đĩa nhạc bị giẫm vỡ, xốt cà chua chảy lênh láng, dây loa dứt rời... Lẫn trong đó là sơ mi và quần lót có dấu giày xéo lên, dính mực và nho, có lẽ chỉ để vứt đi. Trước đó ba hôm tôi có mua nho và để đĩa nho trên mặt tủ cạnh giường. Hộ pháp đã gạt nó xuống đất và xéo nát chùm nho. Những cuốn tiểu thuyết của Joseph Conrad và Thomas Hardy bị ném xuống từ trên giá đã ngấm no nước bẩn của lọ hoa. Bó hoa lay ơn nằm trên chiếc áo len cashmere màu be nhạt, nom như vòng hoa đặt lên mộ tử sĩ. Một tay áo dây vết mực Pelikan màu xanh to bằng quả bóng bàn. Tất cả đã biến thành rác, một núi rác, mãi mãi là rác. Vi sinh vật thì biến thành dầu mỏ, gỗ thành than, nhưng rác trong nhà tôi chỉ là rác mà thôi. Một cái đầu video bị phá hủy có thể biến thành gì?

Tôi vào bếp và xếp lại đống mảnh chai whiskey trong bồn rửa. Nhưng chẳng còn gì nữa, không còn lấy một giọt. Whiskey đã không chảy qua họng tôi mà chảy luôn xuống phễu thoát để biến mất dưới lòng đất, nơi lũ ma đen ngự trị. Trong khi dọn dẹp, một mảnh chai cứa vào đầu ngón giữa tay phải. Tôi ngắm một lúc những giọt máu rỏ lên nhãn chai whiskey. Ai bị thương nặng thì chẳng đếm xỉa đến vết đứt cỏn con như vậy, chẳng chết đâu mà sợ.

Tôi để máu rỏ giọt một lát, nhưng thấy nó không cầm nên lấy khăn giấy lau đi rồi dán băng dính lên.

Bảy, tám lon bia nằm trên nền nhà bếp như các tút đạn pháo. Tôi nhặt lên, thấy âm ấm. Nhưng bia ấm còn hơn không có bia. Mỗi tay cầm một lon, tôi trở về phòng ngủ để vừa đọc tiếp *Đỏ và Đen* vừa uống bia. Tôi muốn dùng hơi men để xả bớt stress chất chồng từ ba ngày vừa qua - rồi sau đó ngủ, ngủ như chết. Trước khi những vấn đề của ngày hôm sau ụp xuống đầu mình - và rõ ràng là chúng sẽ đến - tôi muốn ngủ thật lâu, lâu bằng trái đất quay đủ một vòng quanh trục như Michael Jackson quay trên sân khấu. Rồi sau đó nghênh tiếp những vấn đề mới bằng niềm tuyệt vọng mới.

Giấc ngủ kéo đến lúc gần chín giờ trong căn hộ trông như bãi rác của tôi. Tôi quẳng cuốn *Đỏ và Đen* xuống đất, tắt đèn và cuộn tròn lại như một thai nhi và thiếp đi giữa đống hoang tàn.

Nhưng cũng chỉ được vài tiếng. Lúc mười một giờ đêm cô gái vận đồ hồng đến lay tôi dậy.

"Dậy đi! Tôi xin ông, dậy đi!", cô gọi, "bây giờ không phải lúc để ngủ!" Cô nắm tay đấm thùm thụp lên người tôi. "Tôi xin ông hãy dậy trước lúc ngày diệt vong."

16

Mùa Đông Đến

Khi thức dậy, tôi thấy mình nằm trên giường. Có hương vị quen thuộc. Giường tôi, trong phòng tôi. Vậy mà tôi cảm thấy tất cả đều hơi khác lạ so với trước. Căn phòng như một phong cảnh tái sinh trong ký ức của tôi. Những vết ố ở trần nhà, mạch vữa nứt trên tường, tất cả.

Tôi nhìn ra cửa sổ. Đang mưa. Những giọt mưa mùa đông trong trẻo như băng trút xuống đất. Tôi nghe chúng ràn rạt quất lên mái nhà. Nhưng cảm giác về khoảng cách của tôi bị nhiễu loạn. Nghe như mái nhà áp sát vành tai tôi và đồng thời xa lắc xa lơ.

Ông đại tá ngồi trên ghế đẩu cạnh cửa sổ và ngắm mưa trong tư thế nghiêm trang như mọi khi, im phăng phắc. Tôi không hiểu vì sao ông ngắm mưa một cách chăm chú như vậy. Mưa là mưa. Mưa rơi trên mái nhà, làm ướt mặt đất và chảy xuống sông, có gì mà phải bận tâm.

Tôi thử nâng tay sờ lên trán nhưng không làm nổi.

Nhất cử nhất động đều khó khăn. Tôi muốn nói cho ông đại tá biết điều ấy nhưng không thốt ra lời. Thậm chí tôi cũng không thể đẩy hơi thở trong ngực ra. Có vẻ như mọi công năng của cơ thể từ đầu đến chân đều đã mất đi. Việc duy nhất mà tôi có thể làm được là giữ cho mắt mở để quan sát cửa sổ, trời mưa và ông già. Tôi không hề nhớ lại được cái gì đã làm tôi kiệt quệ đến mức này. Cứ định hồi tưởng là đầu tôi lại đau như bị bổ làm đôi.

"Mùa đông", ông già nói và gõ ngón tay lên cửa kính. "Mùa đông đã đến. Giờ thì cậu đã ngộ ra là nó nguy hiểm đến mức nào rồi, đúng không?"

Tôi gật đầu, rất gượng nhẹ.

Đúng thế - bức tường thành mùa đông, chính nó đã làm tôi đau đớn thế này.

Và sau đó - tôi đã băng qua rừng, về đến thư viện. Đột ngột tôi nhớ lại cảm giác tóc cô gái vương trên má.

"Con bé ở thư viện đã đưa cậu về đây đấy. Ông gác cổng cũng giúp một tay. Cậu bị sốt cao và mê sảng. Và đổ mồ hôi nữa - khiếp quá! Đầy cả mấy xô. Hôm kia."

"Hôm kia..."

"Đúng thế. Cậu ngủ li bì hai ngày", ông già nói. "Tôi cứ tưởng là cậu không bao giờ tỉnh dậy nữa. Hình như cậu vẫn cứ vào rừng phải không?"

"Xin ông thứ lỗi", tôi nói.

Ông già bắc nồi trên lò xuống và múc nước nghi ngút khói ra đĩa. Rồi ông đỡ tôi ngồi dậy và dựa vào tấm đầu giường. Nó kêu răng rắc như một bộ xương mệt mỏi.

"Trước tiên là cậu phải ăn đã", ông già nói. "Suy nghĩ và xin lỗi thì sau này cũng được. Đói không?"

Tôi lắc đầu. Lấy hơi cũng đủ mệt.

"Nhưng thứ này cậu phải uống đi một chút. Nào, ba thìa là đủ. Ba thìa thôi, được không?"

Tôi gật.

Nước thuốc đắng đến nỗi tôi suýt ọe ra, nhưng rồi thì tôi cũng nuốt nổi ba thìa. Sau đó bải hoải cả người.

"Thế là tốt rồi", ông già nói và gác thìa lên đĩa. "Nước hơi đắng một chút, nhưng nó hút mồ hôi độc ra khỏi cơ thể. Rồi cậu sẽ thấy, ngủ một giấc nữa là người khỏe hơn hẳn. Giờ thì ngủ đi. Tôi ở lại đây cho đến khi cậu tỉnh lại."

Khi tôi thức dậy thì bên ngoài đã tối mò. Gió thổi nước mưa ràn rạt đập vào cửa kính. Ông già ngồi ở cạnh giường.

"Thế nào? Khỏe hơn rồi chứ?"

"Ít nhất thì cũng khỏe hơn ban nãy nhiều", tôi nói. "Mấy giờ rồi ạ?"

"Tám giờ tối."

Tôi gượng dậy, nhưng chân cẳng còn run lắm.

"Cậu định đi đâu?", ông già hỏi.

"Đến thư viện. Tôi phải đọc mơ", tôi nói.

"Cậu điên rồi sao? Với thể trạng này cậu không đi nổi mười bước."

"Nhưng tôi không thể cứ..."

Ông già lắc đầu. "Mấy giấc mơ xưa vẫn còn đó. Và lại ông gác cổng và con bé biết là cậu hiện tại không đi lại

được. Đằng nào thì có lẽ thư viện cũng đóng cửa rồi."

Ông thở dài, đi ra bếp lò rót trà và quay lại. Gió vẫn đập ầm ầm vào cửa sổ.

"Tôi đoán là cậu mê con bé rồi", ông nói. "Tôi không thể bịt tai để tránh nghe cậu nói gì trong lúc mê sảng, vì tôi ngồi bên giường cậu suốt ngày. Lúc mê sảng thì người ta cứ nói thôi. Không việc gì phải ngượng cả. Ai trẻ mà chả yêu đương. Tôi nói đúng không nào?"

Tôi gật đầu, không nói gì.

"Con bé dễ thương đấy. Nó cũng rất lo lắng cho cậu", ông vừa nói vừa húp trà. "Nhưng cậu mê nó thì không hợp với điều kiện hiện tại. Tôi cũng lấy làm tiếc khi phải nói câu đó với cậu, song suy cho cùng thì tôi có trách nhiệm cho cậu biết vài điều về xứ này."

"Sao lại không hợp?"

"Vì nó không thể đáp lại tình cảm của cậu. Không ai có lỗi cả. Cậu không có lỗi gì, và nó cũng không. Cùng lắm là có thể nói rằng chuyện đời là vậy, và người ta không thể đảo lộn chuyện đời, giống như không thể đảo ngược dòng chảy của sông vậy."

Tôi ngồi dậy, lấy cả hai tay xoa lên má. Có vẻ như mặt tôi hóp lại.

"Ông ám chỉ tâm hồn, phải không?"

Ông già gật đầu.

"Ông cho rằng tôi có tâm hồn, nhưng cô ấy thì không, do đó tôi có yêu cô ấy đến mấy cũng vô ích - có phải thế không?"

"Đúng thế đấy", ông già nói. "Trong việc này cậu chỉ thiệt thòi mà thôi. Đúng như cậu vừa nói: con bé ấy không có tâm hồn. Tôi cũng vậy. Chẳng ai ở đây có cả."

"Vâng, nhưng ông rất thân thiện với tôi. Ông chăm sóc tôi, canh cả ngày lẫn đêm bên giường tôi. Không phải đó là biểu hiện của tâm hồn sao?"

"Không, đó là một chuyện khác. Thân thiện khác với tâm hồn, nó là một công năng độc lập, nói cho đúng hơn nó là một công năng bề nổi, như một thói quen mà thôi. Tâm hồn thì khác hẳn. Nó sâu sắc và mạnh mẽ hơn nhiều. Và cũng mâu thuẫn hơn."

Tôi nhắm mắt lại, cố tập hợp những ý nghĩ đang bị tán loạn.

"Như tôi hiểu", tôi nói, "thì con người đánh mất tâm hồn khi bị mất bóng mình. Đúng thế không ạ?"

"Đúng, hoàn toàn chính xác."

"Và cô ấy không thể có lại tâm hồn vì bóng cô ấy đã chết, phải không?"

Ông già gật đầu. "Tôi đã đến tòa thị chính để đọc hồ sơ về bóng của con bé. Không có gì nghi ngờ nữa. Bóng nó chết rồi, hồi ấy nó mới mười bảy; người ta đã chôn bóng nó đúng quy định ngoài rừng táo. Đã ghi vào biên bản mai táng. Nếu cậu muốn biết cụ thể hơn thì cứ hỏi nó. Những gì từ miệng nó thì đằng nào cũng khiến cậu tin hơn là nghe tôi nói. Cũng nên nói thêm một chuyện: con bé bị tách khỏi bóng trước khi nó biết suy nghĩ. Có nghĩa là hình như chính nó cũng không biết mình ngày xưa đã từng có tâm

hồn. Như vậy con bé là một người khác tôi, vì tôi là người từ bỏ bóng mình một cách tự nguyện và khi đã có tuổi. Ít nhất thì tôi cũng hiểu được các xúc cảm trong cậu - còn nó thì không."

"Nhưng cô ấy nhớ rất rõ về mẹ mình. Theo lời cô ấy kể thì mẹ cô ấy giữ tâm hồn của mình, ngay cả khi người ta đã để nó chết. Tôi cũng không biết lý do tại sao, nhưng có thể điều ấy mang lại lợi ích nào đó chăng. Có thể cô ấy được hưởng chút gì từ tâm hồn của mẹ mình."

Ông già lắc tách trà nguội ngắt mấy vòng rồi uống cạn.

"Cậu chớ tự mê hoặc mình!", ông nói. "Tường thành không bỏ sót một mảnh vụn nào của tâm hồn! Kể cả còn sót lại một vẩy nhỏ đi nữa thì tường cũng thu lại. Và nếu không làm được tường sẽ tống con bé đi biệt xứ. Giống như đã từng làm với mẹ nó thì phải."

"Vậy nghĩa là tôi đừng có hy vọng gì nữa chứ gì?"

"Tôi không muốn thấy cậu thất vọng. Thành phố hùng mạnh, cậu thì yếu. Hy vọng là cho đến giờ cậu đã ngộ ra điều đó."

Ông già ngó đăm đăm một hồi lâu vào tách trà trên tay mình.

"Nhưng cậu có thể sở hữu nó."

"Sở hữu?", tôi hỏi.

"Ừ. Cậu có thể ngủ với con bé, cũng có thể chung sống với nó. Ở thành phố này cậu có thể sở hữu mọi thứ cậu thích."

"Chỉ tâm hồn thì không?"

"Thế đấy. Tâm hồn thì không", ông già nói. "Tâm hồn cậu cũng sắp mất rồi. Một khi nó đã biến mất thì cảm giác mất mát và tuyệt vọng cũng mất theo. Tình yêu mà không đi đến đâu thì cũng biến mất. Chỉ có cuộc sống ở lại. Một cuộc sống bình lặng, yên ả. Cậu thích con bé, và có lẽ nó cũng thích cậu. Nếu cậu muốn gì sẽ được nấy. Không ai tước đi của cậu cả."

"Tôi thấy mọi việc đều khó hiểu", tôi nói. "Tuy rằng tôi vẫn còn có tâm hồn, nhưng đôi khi tôi cũng đánh lạc mất nó. Không, ngược lại mới đúng: hiếm khi tôi không đánh lạc mất nó. Mặc dù vậy tôi có niềm tin mong manh rằng một lúc nào đó nó sẽ quay lại, và niềm tin ấy khiến tôi tồn tại, cho tôi sức mạnh. Vì lẽ ấy tôi không hình dung nổi đánh mất tâm hồn kỳ thực nghĩa là gì."

Ông già im lặng gật gù. "Cậu là người thông minh. Và còn đủ thời gian để suy ngẫm."

"Tôi sẽ tận dụng thời gian đó", tôi nói.

Trong mấy ngày tiếp theo không hề có ánh mặt trời. Khi đã hạ sốt, tôi đứng dậy ra mở cửa sổ và hít thở không khí trong lành. Nhưng hai ngày sau cơ thể tôi vẫn yếu nhược đến nỗi không thể bám chặt vào thành cầu thang hay xoay nắm đấm cửa. Tối nào ông đại tá cũng cho tôi uống nước thảo dược đắng ngắt và ăn một thứ cháo gạo. Rồi ông ngồi xuống giường tôi và kể những chuyện đánh nhau ngày xưa. Ông không đả động đến chuyện tường thành và cô thủ thư nữa, và tôi cũng ngại không dám hỏi. Nếu còn gì để chia sẻ với tôi thì tự ông đã nói ra rồi.

Ngày thứ ba thì tôi đã đi lại khá vững. Tôi mượn cây gậy chống của ông già và đi lại trong khu công chức. Trong khi đi tôi nhận thấy mình đã sút cân khủng khiếp. Có lẽ cơn sốt làm tôi giảm cân, nhưng đó mới chỉ là một chuyện. Mùa đông đem lại cho vạn vật quanh tôi một sự nặng nề khó tả, nhưng với tôi thì không. Mình tôi được loại trừ.

Tôi có thể nhìn thấy nửa thành phố từ sườn dốc của Đồi Tây. Tôi thấy con sông, tháp đồng hồ, tường thành, và Cửa Tây mờ mờ tít đằng xa. Mắt tôi quá yếu để nhìn thấy các chi tiết qua cặp kính đen, tuy nhiên tôi vẫn nhận ra không khí mùa đông làm nổi bật đường viền bóng thành phố, nổi rõ hơn hẳn mọi khi. Tựa như trận gió mùa của mùa đông từ dãy núi phía bắc đã quét sạch từng xó xỉnh và thổi hết bụi bặm bám trên lớp vôi tường bạc phếch.

Tôi chợt nhớ tấm bản đồ sắp phải nộp cho bóng. Do ốm mà tôi đã trễ hạn nộp mất gần một tuần. Nhất định tôi đã làm bóng phải lo lắng - hoặc nó cho rằng đã bị tôi bỏ mặc. Biết đâu nó đã tuyệt vọng. Tôi buồn vô cùng.

Ông đại tá đưa tôi một đôi giày lao động cũ. Tôi tách lót giày ra, gấp bản đồ thật nhỏ đút vào rồi đậy lót giày lên. Tôi tin là bóng sẽ tháo tung đôi giày ra để tìm bản đồ. Sau đó tôi đem giày đến chỗ ông già và hỏi ông có đi thăm bóng hộ tôi và tự tay chuyển cho nó đôi giày này.

"Nó chỉ có một đôi giày thể thao mỏng, nếu tuyết còn rơi tiếp sẽ bị buốt chân", tôi nói. "Tôi không tin ông gác cổng. Nhưng ông thì thoải mái được gặp bóng của tôi."

"Chuyện vặt, được thôi", ông già nói và cầm đôi giày.

Gần tối ông quay về và nói, ông đã tự tay trao đôi giày cho bóng.

"Nó lo nghĩ vì cậu lắm đấy", ông đại tá nói.

"Nó có khỏe không ạ?"

"Có vẻ nó hơi bị rét, nhưng nói chung là khỏe. Chưa có gì đáng lo cả."

Vào lúc gần tối ngày thứ mười từ khi hết sốt, rốt cuộc tôi thấy đủ sức đi xuống đồi và tới thư viện.

Tôi đẩy cửa ra. Không khí trong ngôi nhà có vẻ còn tù đọng hơn mọi khi, vô hồn và thiếu hơi người như một căn phòng lâu ngày không có ai ở. Bếp lò không đốt, ấm nước lạnh ngắt từ bao giờ. Tôi mở nắp ra - nước cà phê trắng đục. Tôi thấy trần nhà cao hơn mọi ngày. Đèn tắt, không một tiếng động, chỉ có tiếng chân tôi vang vang lạ tai trong ánh sáng nhập nhoạng bụi bặm. Không thấy bóng cô thủ thư. Trên mặt quầy phủ một lớp bụi mỏng.

Tôi không biết làm gì hơn là ngồi xuống ghế băng gỗ đợi cô. Cổng bên ngoài không khóa, vậy thì cô không thể đi đâu lâu. Tôi cứ thế đợi, run cầm cập vì lạnh. Nhưng cô không xuất hiện. Trời dần tối. Tôi cảm thấy như thế giới đã tàn lụi, chỉ riêng tôi và thư viện không hề hấn gì. Người ta đã để tôi một mình ở lại nơi tận cùng thế giới. Tôi vươn tay ra - và không chạm được vào thứ gì cả.

Cái nặng nề của mùa đông cũng có mặt trong phòng nơi tôi đang ngồi. Mọi đồ vật như bị đóng đinh. Tôi ngồi trong bóng đêm, tay chân trở nên không trọng lượng, tách

ra khỏi người tôi, tự kéo dài và thu ngắn lại. Tựa như tôi đứng trong phòng cười lát gương méo và làm trò với hình phản chiếu biến dạng của mình.

Tôi đứng dậy bật đèn. Rồi tôi chất đầy than vào xô, nhóm lò sưởi và quay lại ngồi ở ghế băng. Ánh sáng làm mọi thứ tối hơn, bếp lửa khiến xung quanh lạnh hơn.

Hoặc là tôi quá chìm sâu vào suy nghĩ, hoặc sự mệt mỏi trong cơ thể khiến tôi thiếp đi một lát - một lúc nào đó tôi chợt tỉnh, nhận ra cô gái đang đứng im trước mặt và cúi xuống nhìn mình. Ngọn đèn sau lưng cô tung ra một làn bụi sáng vàng thô thiển, khiến bóng cô thủ thư tối đen và mờ ảo. Tôi ngẩng lên nhìn một hồi lâu. Cô mặc chiếc măng tô màu lam như mọi khi, kéo đuôi tóc một bên ra phía trước và nhét vào ve áo. Người cô tỏa mùi gió lạnh.

"Anh tưởng em không quay lại nữa", tôi nói. "Anh ngồi đây đợi em mãi."

Cô cầm ấm nước ra bồn, đổ cà phê cũ đi, tráng ấm, lấy nước mới rồi đặt lên bếp. Sau đó cô kéo đuôi tóc dưới ve áo ra, cởi măng tô treo lên mắc.

"Tại sao anh nghĩ là em không đến nữa?", cô hỏi.

"Anh không biết", tôi nói. "Có cảm giác như thế."

"Chừng nào anh còn cần em thì em còn đến. Anh vẫn cần em đấy chứ?"

Tôi gật đầu. Đúng, tôi cần cô, nhất định.

"Anh định nói chuyện với em về bóng của em", tôi nói. "Có thể anh đã gặp bóng của em ở thế giới bên ngoài."

"Vâng, có thể lắm. Lúc anh hỏi rằng chúng mình có biết nhau từ trước chưa, thoạt tiên em cũng nghĩ thế."

Cô ngồi trước bếp lò và nhìn vào lửa một hồi lâu.

"Bóng của em bị tách ra và đưa ra ngoài tường thành lúc em lên bốn. Từ đó nó sống ở thế giới ngoài kia và em ở thế giới trong này. Em không biết nó làm gì. Cũng giống như nó không biết gì về em. Ngày em mười bảy tuổi, nó quay về thành phố và chết ở đây. Tất cả các bóng đều quay về đây để chết. Ông gác cổng chôn chúng ngoài rừng táo."

"Và nhờ vậy em đã thành công dân chính thức của thành phố chứ gì?"

"Vâng. Cùng với bóng, phần sót lại của tâm hồn em cũng được chôn cất. Anh vẫn nói tâm hồn giống như ngọn gió, nhưng phải chăng chính chúng ta mới giống gió hơn? Chính chúng ta cứ đi con đường của mình mà không suy nghĩ gì. Chúng ta sẽ không già đi, không bao giờ chết."

"Em có gặp lại bóng khi nó quay về?"

Cô lắc đầu. "Không. Nó và em không có lý do gì để gặp nhau. Đối với em, bóng là một người lạ hoắc, chẳng liên quan gì đến em cả."

"Nhưng có khi nó lại chính là em."

"Vâng, có thể", cô nói. "Nhưng bây giờ chuyện đó không có ý nghĩa gì nữa. Mọi sự đã an bài."

Ấm nước trên lò ùng ục sôi. Tôi nghe như tiếng gió hú cách đó mười dặm.

"Anh vẫn cần em chứ?"

"Có, anh cần em", tôi đáp.

17

Tận Cùng Thế Giới, Charlie Parker, Bom Nổ Chậm

"Tôi xin ông", cô gái mũm mĩm gọi. "Tôi xin ông hãy dậy trước thời điểm thế giới tận cùng."

"Càng tốt", tôi rên lên. Vết thương của tôi đau như xé.

"Sao ông lại nói thế? Có chuyện gì vậy?", cô bé hỏi.

Tôi hít một hơi thật sâu, lấy tay áo T-Shirt lau mồ hôi trên mặt.

"Hai thằng đàn ông ập vào đây", tôi phì hơi ra, "và rạch bụng tôi một vết dài sáu phân."

"Bằng dao?"

"Như mổ con lợn tiết kiệm", tôi nói.

"Nhưng bọn nó là ai? Và muốn gì?"

"Chính tôi cũng muốn biết", tôi nói. "Tôi đã nghĩ nát óc suốt buổi. Kết quả là con số 0. Không biết mảy may. Cô có thể cho tôi biết tại sao mọi người giày xéo tôi như một

tấm thảm chùi chân không?"

Cô gái lắc đầu.

"Tôi nghi hai thằng đó có thể là đồng bọn của cô. Hai đứa rạch bụng tôi ấy."

Cô gái mũm mĩm ngơ ngác nhìn tôi một chặp. "Tại sao ông lại nghĩ thế được?", cô hét lên.

"Tôi không biết. Có thể tôi muốn đổ tội cho ai đó để dễ chịu đựng được chuyện này - một khi không biết gì hơn."

"Nhưng cũng chẳng giải thích được gì."

"Chẳng giải thích được gì, đúng vậy", tôi nói. "Nhưng đó đâu phải vấn đề của tôi? Tôi không gây ra chuyện gì. Ông cô đã tra dầu, bôi mỡ và bẻ lái. Cớ gì tôi phải quan tâm giải thích?"

Cơn đau lại dội lên. Tôi mím môi lại và đợi - như một nhân viên hỏa xa canh chắn đường đợi tàu đi qua.

"Ví dụ như hôm nay chẳng hạn! Chưa bảnh mắt thì cô đã gọi điện kêu cứu, vì ông cô biến mất. Tôi vội lao đi, và ai là người không đến? Cô. Tôi về nhà và leo lên giường, lập tức có hai thằng khốn nạn mò đến, đập phá nhà tôi và rạch bụng tôi ra. Sau đó có người của Hệ thống đến hỏi cung tôi. Giờ lại đến lượt cô. Mọi chuyện có vẻ như theo kế hoạch và được thống nhất. Người này chuyền bóng cho người kia. Đúng ra là cô biết gì trong vụ này?"

"Cũng chẳng biết gì nhiều hơn ông, thú thực là vậy. Tôi chỉ giúp ông tôi một tay trong việc nghiên cứu và làm những gì ông tôi bảo. Làm việc này việc nọ, đi đây đi đó,

gọi điện, viết thư. Thế thôi. Ông tôi theo đuổi mục đích nào thì tôi cũng biết ít như ông thôi."

"Nhưng cô đã giúp ông ấy nghiên cứu."

"Cũng đúng, nhưng chỉ toàn việc kỹ thuật, thuần túy xử lý dữ liệu. Tôi không có kiến thức chuyên môn. Giả sử có nhìn hay nghe thấy gì thì tôi cũng chẳng hiểu nổi."

Tôi tập trung suy nghĩ, gõ đầu ngón tay lên răng cửa. Tôi cần một xuất phát điểm. Tối thiểu phải bám vào đâu đó trước khi tình thế hoàn toàn mất kiểm soát.

"Cô có nói là ta phải ra tay trước thời điểm thế giới tận cùng. Thế nghĩa là gì? Tại sao thế giới tận cùng, và bằng cách nào?"

"Tôi không biết. Ông tôi nói thế. Nếu xảy ra chuyện gì với ông tôi thì đó là thời điểm thế giới tận cùng. Ông tôi nói thế không để đùa cợt. Nếu ông tôi nói tận cùng thế giới thì nó cũng đến lúc tận cùng."

"Tôi không hiểu", tôi nói. "Thế giới tận cùng nghĩa là sao? Ông cô nói thế thật à? Hay nói chữ khác, ví dụ như thế giới kết thúc? Hay thế giới này thế là chấm dứt hoặc tương tự?"

"Không. Ông tôi nói thế giới tận cùng."

Tôi lại gõ đầu ngón tay lên răng cửa. Tận cùng thế giới.

"Và... chuyện tận cùng thế giới này dính dáng gì đó đến tôi, đúng không?"

"Vâng. Ông là chìa khóa, ông tôi nói vậy. Từ nhiều năm nay ông tôi hoàn toàn hướng các nghiên cứu của mình vào ông."

“Cô nghĩ lại đi, hãy nhớ lại!”, tôi nói. “Chữ ‘bom hẹn giờ’ có thể mang ý nghĩa gì?”

“Bom hẹn giờ?”

“Gã đàn ông rạch bụng tôi đã nói chữ ấy. Những dữ liệu số mà giáo sư đưa tôi xử lý là một dạng bom hẹn giờ. Khi nào đến thời điểm là: Bùm! Hắn nói thế nghĩa là quái gì nhỉ?”

“Ông tôi - đây hoàn toàn là một phỏng đoán của tôi - bỏ hết thời gian để nghiên cứu tâm lý con người, từ khi phát minh ra kỹ thuật xáo dữ liệu”, cô gái nói. “Tôi tin rằng tất cả bắt đầu với hệ thống xáo trộn. Trước đó bao giờ ông tôi cũng nói chuyện với tôi về mọi thứ trên đời. Về các công trình nghiên cứu, về những việc đang làm, về kế hoạch định làm những gì. Như vừa nói, tôi hầu như không có kiến thức chuyên môn, nhưng những gì ông tôi kể đều rất dễ hiểu và thú vị. Tôi rất yêu những giờ trò chuyện như thế.”

“Sau khi phát triển hệ thống xáo trộn dữ liệu thì đột nhiên ông cô sinh ra kiệm lời, đúng không?”

“Vâng. Ông tôi lui về phòng thí nghiệm dưới đất và không nói một lời nào có tính chuyên môn nữa với tôi. Mỗi lần tôi hỏi thì chỉ nhận được câu trả lời vu vơ.”

“Và cô cảm thấy cô đơn?”

“Cô đơn khủng khiếp.” Cô lại nhìn tôi một lát. “Cho phép tôi lên giường ông nhé? Tôi rét quá.”

“Tùy cô - nếu cô đừng chạm vào vết thương của tôi và không động đậy”, tôi nói. Dường như toàn bộ đàn bà trên

thế giới này không còn việc gì hay ho hơn là leo lên giường với tôi!

Cô gái đi vòng quanh giường và chui vào chăn mà không cởi bộ đồ màu hồng ra. Tôi đưa cho cô một trong hai cái gối xếp chồng lên nhau. Cô đập gối cho phồng rồi gối đầu lên. Gáy cô tỏa mùi hương dưa bở như tôi đã nhận thấy trong lần gặp mặt đầu tiên. Tôi khó nhọc lăn nghiêng sang một bên để nhìn về phía cô. Chúng tôi nằm nhìn nhau.

"Tôi chưa bao giờ gần một người đàn ông như thế này", cô gái nói.

"Hừm," tôi thốt lên.

"Tôi cũng không mấy khi vào thành phố. Vì vậy tôi không thể đến chỗ hẹn sáng nay, tôi không biết đường. Ông đang chỉ đường thì âm thanh bị ngắt."

"Sao cô không gọi taxi? Có địa chỉ là đủ."

"Tôi không cầm đủ tiền. Tôi vội đi quá và quên là người ta cần tiền khi ra ngoài. Vì vậy tôi phải chạy bộ."

"Cô không còn ai thân thuộc nữa à?", tôi hỏi.

"Bố mẹ và các em tôi bị chết vì tai nạn giao thông khi tôi lên sáu. Một chiếc xe tải tông từ đằng sau vào xe họ, bình xăng phát lửa, tất cả chết cháy."

"Cô là người duy nhất sống sót?"

"Lúc đó tôi nằm trong bệnh viện. Cả nhà đang trên đường đến thăm tôi."

"Ra thế," tôi nói.

"Từ đó trở đi tôi sống với ông. Tôi không đến trường và cũng ít khi ra ngoài, không có bạn bè..."

"Cô không đến trường?"

"Không", cô nói, tựa như đó là một chuyện đương nhiên. "Ông tôi cho là không cần thiết. Ông tự dạy cho tôi mọi thứ. Tiếng Anh, tiếng Nga, giải phẫu học. Còn bác tôi dạy nấu ăn và khâu vá."

"Bác của cô?"

"Bà giúp việc, một phụ nữ đáng yêu sống cùng nhà. Bác chết cách đây ba năm vì ung thư. Từ đó ông cháu tôi sống một mình."

"Vậy là cô chưa bao giờ đi học từ khi lên sáu?"

"Chưa, nhưng cũng chẳng hề hấn gì. Tôi biết đủ thứ. Tôi nói bốn ngoại ngữ, chơi dương cầm và kèn xắc xô phôn, có thể lắp điện đài, biết làm hoa tiêu, đi thăng bằng trên dây và đọc rất nhiều sách. Và món bánh kẹp của tôi cũng làm ông ngon miệng đấy chứ?"

"Tuyệt vời", tôi nói.

"Đến trường học nghĩa là mười hai năm mài mòn trí óc, ông tôi hay nói thế. Bản thân ông cũng chỉ đi học vài hôm."

"Đáng phục thật", tôi nói. "Thế cô không thấy cô đơn khi không có bạn bè cùng tuổi?"

"Ồ, tôi không biết. Tôi nhiều việc lắm, chẳng có thì giờ nghĩ tới chuyện ấy. Vả lại tôi cũng khó trò chuyện được với bạn bè cùng lứa."

"Thôi được", tôi nói. Cô ta có lý.

"Nhưng tôi rất chú ý đến ông."

"Vì sao?"

"Trông ông rất mệt mỏi, nhưng sự mệt mỏi ấy dường

như lại là một dạng năng lượng vậy. Thật là khó hiểu", cô thủ thỉ. "Ông có biết chơi kèn xắc xô phôn không?"

"Sao cơ?"

"Ông có đĩa nào của Charlie Parker không?"

"Tôi nghĩ là có. Nhưng tôi không có sức đâu mà tìm trong cái đống ngổn ngang này. Vả lại giàn stereo hỏng rồi, đằng nào cũng không nghe đĩa được."

"Ông có biết chơi nhạc cụ nào đó không?"

"Tôi không biết chơi gì cả", tôi nói.

"Cho phép tôi sờ vào ông nhé?"

"Không!" tôi nói. "Vết thương đau lắm."

"Khi nào vết thương lành rồi, tôi có được sờ không?"

"Khi vết thương lành rồi, và lúc đó thế giới vẫn chưa tận cùng… Ta quay lại chuyện đang bàn lúc nãy đi. Cô nói là ông cô thay đổi tâm tính từ khi phát triển hệ thống xáo dữ liệu?"

"Vâng, đúng thế, ông tôi như biến thành một người khác, hầu như không nói một lời nào với tôi, tính tình bất thường và hay độc thoại."

"Cô còn nhớ ông cô nói gì về hệ thống xáo dữ liệu không?"

Cô bé mũm mĩm nghĩ ngợi một hồi, tay mân mê chiếc bông tai vàng. "Ông tôi nói, hệ thống này là cửa mở tới một thế giới mới. Thoạt tiên ông phát minh ra hệ thống này như một chương trình phụ trợ để xáo trộn cơ cấu các dữ liệu máy tính, nhưng nếu sử dụng đúng cách thì, như ông nói, nó có sức mạnh đảo lộn cơ cấu cả thế giới. Như vật lý hạt nhân sinh ra bom nguyên tử vậy."

"Vậy thì hệ thống xáo dữ liệu là cửa mở tới thế giới mới, còn tôi là chìa khóa mở cửa ấy, phải không?"

"Tôi không rõ."

Tôi gõ đầu ngón tay vào răng cửa. Bây giờ có một cốc whiskey với đá thì nhất, nhưng trong nhà này thì bó tay.

"Liệu có thể ông cô muốn làm thế giới này tàn lụi?"

"Không, tuyệt đối không thể thế được. Ông tôi là một người thù nghịch, tính khí bất thường và ngang bướng, đúng, nhưng thực ra là một người tốt. Như ông và tôi."

"Cảm ơn", tôi nói. Chưa ai nói với tôi câu ấy bao giờ.

"Ông tôi lúc nào cũng sợ kết quả nghiên cứu của mình rơi vào tay kẻ xấu và bị lạm dụng. Ông không bao giờ dùng nó cho mục đích độc ác cả. Ông thôi việc ở Hệ thống vì ông tin là ở đó chẳng sớm thì muộn họ cũng làm chuyện đó. Vì vậy ông lui về ẩn dật và nghiên cứu một mình."

"Nhưng Hệ thống ở phe Thiện, chống lại phe Nhà máy là những kẻ ăn cắp dữ liệu đem bán ngoài chợ đen, và Hệ thống bảo vệ tác quyền."

Cô bé mũm mĩm nhìn tôi một cách thăm dò rồi nhún vai. "Ông tôi không bao giờ coi đó là vấn đề Thiện và Ác. Thiện và Ác là hai đặc tính nền tảng của con người, tác quyền là một chuyện khác."

"Cũng được, không phải là ông không có lý", tôi nói.

"Ông tôi nghi ngờ mọi dạng thức quyền lực. Có những lúc ông làm việc với Hệ thống, nhưng chỉ vì ở đó ông được cung cấp đầy đủ tài liệu và điều kiện thí nghiệm, cũng như được sử dụng máy tính lớn để thực hiện các mô

hình mô phỏng. Ông tôi thường nói là một khi hệ thống xáo dữ liệu phức hợp đã hoàn tất thì ông sẽ tiếp tục nghiên cứu một mình, vì như thế thuận tiện hơn và hiệu quả hơn. Phần còn lại là công việc của chất xám, ông không cần cơ sở hạ tầng của Hệ thống nữa."

"Thì ra thế", tôi nói. "Lúc từ bỏ Hệ thống ông có sao chép và lấy đi các thông số cá nhân của tôi không?"

"Tôi không biết", cô nói. "Nhưng chuyện đó không khó đối với ông hồi nắm cương vị giám đốc cơ sở nghiên cứu của Hệ thống, vừa được tiếp cận mọi dữ kiện vừa có quyền sử dụng chúng."

Có lẽ các phỏng đoán của tôi chính xác. Chắc chắn ông giáo sư đã đánh cắp các thông số cá nhân của tôi để sử dụng trong nghiên cứu riêng của mình và dùng tôi như vật thí nghiệm để phát triển lý thuyết xáo dữ liệu. Mọi chi tiết đều khớp nhau. Đúng như tên Còi đã nói, ông giáo sư đã vào giai đoạn quyết định trong nghiên cứu của mình và gọi tôi đến để đưa cho tôi những thông số vớ vẩn khả dĩ gây ra phản ứng tâm lý trong khi xáo dữ liệu bằng một mật mã ẩn.

Nếu đúng thế, phản ứng ấy đã bắt đầu diễn ra trong ý thức - hay đúng hơn là tiềm thức - của tôi rồi. Một quả bom hẹn giờ, theo lời tên Còi. Tôi nhẩm tính thật nhanh xem bao nhiêu thời gian đã trôi qua từ khi xáo dữ liệu. Nửa đêm hôm qua là lúc tôi xong việc, nghĩa là đã được gần hai mươi tư tiếng. Một thời gian khá dài. Không rõ quả bom được hẹn vào thời điểm nào, nhưng nó đã tích tắc được hai mươi tư tiếng, đó là điều chắc chắn.

"Một câu hỏi nữa", tôi nói. "Tận cùng thế giới, cô đã nói thế, đúng không?"

"Vâng, đó là lời ông tôi."

"Ông nói câu ấy trước khi sử dụng thông số của tôi trong nghiên cứu, hay sau đó?"

"Sau đó", cô bé nói. "Tôi nghĩ là sau đó. Mãi dạo gần đây ông tôi mới nói về tận cùng thế giới. Tại sao? Nó có ý nghĩa gì chăng?"

"Tôi không rõ. Nhưng tôi thấy lấn cấn như thế nào đó. Vì mật khẩu xáo dữ liệu của tôi là Tận cùng thế giới. Khó có thể là chuyện tình cờ."

"Chuyện gì diễn ra trong Tận cùng thế giới của ông?"

"Tôi không biết. Nó xảy ra trong đầu tôi, nhưng ở một vị trí ẩn mà tôi không tiếp cận được. Tôi chỉ biết mật khẩu là Tận cùng thế giới."

"Có xóa được mật khẩu không?"

"Không thể", tôi nói. "Cả một tiểu đoàn lính cũng không vào được két sắt của Hệ thống. Chế độ kiểm tra rất ngặt, ngoài ra còn lắp một cơ chế bảo vệ đặc biệt."

"Ông tôi đã lợi dụng vị thế của mình để đánh cắp thông số, đúng không?"

"Gần như chắc chắn. Tuy nhiên tôi cũng chỉ phỏng đoán thôi. Ta phải trực tiếp hỏi ông, không có cách nào khác."

"Vậy thì ông sẽ giải cứu ông tôi khỏi tay bọn ma đen?"

Tôi ngồi dậy trên giường, tay ép vào vết thương. Đầu nhức như búa bổ.

"Tôi không có lựa chọn nào khác", tôi nói. "Đằng nào thì tôi cũng không thể để sự việc tự nó tiến triển, kể cả khi không biết ông của cô định làm gì với Tận cùng thế giới. Tôi có cảm giác là người nào đó sắp bị một đòn số phận khủng khiếp nếu ta không ngăn chặn được, dù bằng cách nào." Và có khi chính tôi là người nào đó.

"Muốn vậy thì trước hết ông phải giải cứu ông tôi đã."

"Vì ba chúng ta là người tốt?"

"Chính thế", cô gái mũm mĩm nói.

18

Đọc Mơ

Vậy là tôi tiếp tục đọc các giấc mơ xưa mà không biết gì về tâm hồn của mình. Ngoài trời ngày càng lạnh hơn và tôi cũng không thể chùng chình công việc của mình mãi được. Vả lại, chừng nào còn tập trung tinh thần đọc mơ thì tôi quên được cảm giác mất mát - ít nhất là trong giờ phút ấy.

Thay vào đó, càng đọc nhiều giấc mơ xưa thì một cảm xúc khác ngày càng chế ngự tôi: cảm giác bất lực sinh ra từ việc tôi không hiểu thông điệp mà các giấc mơ xưa đem đến, dù tôi có đọc nhiều đến mấy. Tôi đọc chúng đã đành, nhưng không luận ra được ý nghĩa của chúng. Có lẽ kết quả cũng giống thế nếu tôi đọc đi đọc lại một câu hoàn toàn vô nghĩa hoặc ngày ngày quan sát dòng sông chảy. Đơn giản là tôi chẳng đạt được gì hơn. Trong kỹ thuật đọc mơ thì tôi có tiến bộ, nhưng không vì thế mà tôi giỏi hơn. Bây giờ tôi đã xử lý được một lượng lớn các giấc mơ xưa một cách thuần thục và khéo léo, nhưng qua đó sự trống rỗng của công việc

này càng hiển hiện rõ hơn. Con người không ngần ngại bất cứ nỗ lực nào để đạt tiến bộ. Còn tôi cứ giẫm chân tại chỗ.

"Anh không biết các giấc mơ thực ra có ý nghĩa gì", tôi nói với cô thủ thư. "Em đã nói, nhiệm vụ của anh là đọc các giấc mơ xưa trong đầu lâu. Nhưng chẳng có gì trong đó đọng lại trong anh, chúng như đi xuyên qua anh. Anh không hiểu được một giấc mơ nào trong đó, và càng đọc thì anh càng có cảm giác mình bị tận dụng, bị hao mòn."

"Vậy mà anh cứ đọc tiếp như bị ma ám! Tại sao?"

"Anh không biết", tôi nói và lắc đầu. Một mặt, nhất định tôi vùi đầu vào công việc để lấp đầy hố sâu ngày càng lớn trong mình. Nhưng tôi thừa biết đó không thể là lý do duy nhất. Cô thủ thư nói có lý: tôi đọc như bị ma ám.

"Em cho là vấn đề ở chính trong anh", cô nói.

"Trong anh?"

"Vâng. Em nghĩ là anh phải cởi mở tâm hồn hơn nữa. Tuy em chẳng hiểu gì về tâm hồn nhưng hình như tâm hồn anh bị khóa chặt. Anh nên thích đọc các giấc mơ xưa như chúng thích được anh đọc."

"Sao em lại nghĩ thế?"

"Vì đó là bản chất việc đọc mơ. Hệt như chim chóc đến mùa là bay về phương Bắc hay phương Nam, còn người đọc mơ thì phải đọc mơ."

Cô với tay qua bàn, đặt lên tay tôi. Và mỉm cười. Một nụ cười như ánh nắng mùa xuân dịu dàng tuôn ra giữa những làn mây.

"Hãy rộng mở tâm hồn! Anh không phải tù nhân.

Anh là một cánh chim ngang trời, trên đường tới những giấc mơ."

Kỳ thực thì tôi cũng chẳng còn đường nào khác là thực sự cẩn trọng bắt tay vào từng giấc mơ. Tôi lấy trong dãy đầu lâu vô tận xếp trên giá ra một chiếc và thận trọng vác nó ra bàn như một đứa trẻ con. Rồi cô thủ thư giúp tôi lau sạch bụi bẩn trên đó bằng một cái khăn ẩm, sau đó dùng khăn khô cọ cho bóng lên, nhẫn nại và kỹ lưỡng, cho đến khi nó trắng tinh như tuyết mới rơi. Sự tương phản sáng tối khiến hai hố mắt toang hoác phía trước trông như hai cái giếng sâu không đáy.

Tôi khẽ áp tay lên đầu lâu, đợi nó thức dậy dưới hơi ấm bàn tay và lờ mờ tỏa sáng. Khi đã đạt được một nhiệt độ nhất định - không nóng bỏng, mà chỉ âm ấm như một khoảng sân dưới ánh mặt trời yếu ớt của mùa đông - chiếc đầu lâu được cọ cho bóng loáng bắt đầu kể ra những giấc mơ xa xưa tích tụ trong nó. Tôi nhắm mắt, hít thở thật sâu, mở rộng tâm hồn và lấy đầu ngón tay dò theo những câu chuyện đang được nó kể ra. Nhưng âm thanh phả ra mỏng như tơ, hình ảnh hiện lên mờ ảo trong làn sương trắng như những vì sao xa xăm trên nền trời ban mai. Tôi không đọc được gì hơn vài mảnh vụn vô nghĩa, dù có hết sức chắp nối chúng với nhau để mong thành một hình trọn vẹn.

Tôi nhìn thấy những cảnh tượng chưa từng biết trong đời, nghe tiếng nhạc chưa bao giờ đến tai và những lời nói thì thầm không sao hiểu nổi. Tất cả xuất hiện cùng lúc và

cũng đột ngột chìm vào đêm đen sâu thẳm. Giữa mảnh nọ và mảnh kia dường như không có sợi dây liên hệ. Tựa như khi ta dò sóng radio, từ kênh này nhảy qua kênh kia và chuyển ngay sang kênh tiếp theo. Tôi thử đủ cách để tập trung tinh thần mạnh hơn vào đầu ngón tay nhưng cố đến mấy cũng chẳng ích gì. Rõ ràng tôi cảm nhận được rằng những giấc mơ xưa định nói với mình điều gì, nhưng đơn giản là tôi không thể đọc ra điều đó ở dạng một câu chuyện ra đầu ra đũa.

Có thể do kiểu đọc của tôi còn khiếm khuyết. Hoặc thứ ngôn ngữ của chúng qua nhiều năm ròng đã mòn mỏi và trục trặc. Hoặc cũng có thể tồn tại nhiều khác biệt về thời gian và ngữ cảnh giữa câu chuyện của chúng và câu chuyện do tôi nghĩ ra.

Dù thế nào chăng nữa, tôi không còn cách nào khác ngoài việc thầm lặng dõi theo những mảnh vỡ khác nhau hiện ra rồi lại biến đi. Tất nhiên đôi lúc cũng xuất hiện vài hình ảnh hay ấn tượng mà tôi thấy quen thuộc và dễ hiểu. Ví dụ như những cảnh thường nhật của ngọn cỏ run rẩy trong gió, mây trắng trôi ngang trời hay ánh mặt trời lấp lánh trên mặt nước. Nhưng chính những hình ảnh vô hồn đó lại đè nặng tâm hồn tôi với một nỗi sầu muộn bí hiểm khó tả nổi bằng lời. Tuy nhiên, những yếu tố sinh ra nỗi sầu muộn ẩn ở đâu trong các hình ảnh đó, đối với tôi là một câu đố không có lời giải. Như những con tàu ngoài kia trôi ngang khung cửa sổ, hình ảnh hiện ra rồi mất đi, không để lại dấu vết, không một lời giải thích.

Sau khoảng mười phút, hơi ấm lùi ra xa như nước triều xuống, và trước mắt tôi lại hiện nguyên hình chiếc đầu lâu trắng ởn, lạnh tanh. Những giấc mơ xưa lại chìm vào giấc ngủ sâu dài dằng dặc, hình ảnh trôi đi như nước lọt qua kẽ tay rơi xuống đất. Công việc của tôi, "người đọc mơ", là như thế đấy, chỉ có đầu lâu và đầu lâu, vô tận.

Khi chiếc đầu lâu đã nguội hẳn, tôi trả lại nó cho cô thủ thư và cô đặt nó lên giá cạnh những chiếc khác. Trong lúc đợi, tôi đặt tay lên bàn, vung vẩy tay chân cho đỡ tê và thư giãn. Mỗi tối tôi đọc được tối đa năm, sáu giấc mơ. Quá số đó là tôi mất tập trung, đầu ngón tay tôi cố lắm cũng chỉ có thể nhận ra một điểm nhỏ bùng nhùng. Khi kim đồng hồ chỉ mười một giờ, thường là tôi mệt bã người, kiệt sức đến mức không muốn đứng dậy nữa.

Những lúc ấy cô thủ thư luôn đun một ấm cà phê mới, đôi khi cô còn mang bánh quy hay bánh mì hoa quả mới nướng từ nhà đến. Chúng tôi ngồi đối diện nhau, không nói gì trong khi ăn. Thường là tôi quá mệt để có hứng chuyện trò. Cô hiểu và im lặng đồng cảm.

"Có thể vì lỗi của em mà anh không cởi mở tâm hồn?", cô hỏi. "Có thể tâm hồn anh bị khóa chặt vì em không biết đáp lại xúc cảm của anh?"

Như mọi khi, chúng tôi ngồi ở bậc thang từ đoạn giữa Cầu Cũ dẫn xuống bãi cát bồi và nhìn xuống sông. Vầng trăng vỡ thành muôn mảnh nhỏ màu trắng lạnh ngắt trên mặt nước. Con thuyền gỗ nhỏ mà ai đó buộc vào cọc cạnh mép bãi bồi làm đổi âm điệu của nước. Do chúng tôi ngồi

bên nhau trên bậc thang hẹp, vai tôi suốt buổi nhận được hơi ấm từ người cô. Lạ thật, tôi nghĩ. Con người đánh đồng tâm hồn với hơi ấm. Nhưng hơi ấm xác thịt và hơi ấm tâm hồn chẳng giống gì nhau.

"Không, không", tôi nói. "Tâm hồn không cởi mở là vấn đề của riêng anh. Em không có lỗi gì cả. Anh không nắm bắt được tâm hồn mình, vì thế anh bối rối."

"Nghĩa là anh cũng không hiểu nổi tâm hồn mình?"

"Cũng tùy", tôi nói. "Đôi khi một thời gian sau người ta mới hiểu chuyện gì đã xảy ra, và thường là quá muộn. Nhưng trong đa số các trường hợp thì thực tế ta phải ra quyết định, dù không thể hiểu tâm hồn mình, lúc đó thì ai cũng thấy lúng túng."

"Có vẻ như tâm hồn là một thứ gì tương đối kém hoàn hảo", cô mỉm cười.

Tôi rút tay khỏi túi và ngắm nhìn, chúng trắng bệch như vôi dưới ánh trăng, như hai tượng điêu khắc hoàn chỉnh không còn chỗ trên thế giới này.

"Ừ, anh cũng có cảm tưởng như thế. Rất kém hoàn hảo", tôi nói. "Nhưng nó để lại dấu vết. Và ta có thể lần theo dấu vết ấy như theo dấu chân hằn lên tuyết."

"Và chúng đưa đến đâu?"

"Đến với chính mình", tôi đáp. "Tâm hồn là thế đấy. Thiếu nó thì không có một định hướng nào."

Tôi ngước nhìn lên trời. Trăng mùa đông treo trên thành phố có tường bao quanh và tỏa sáng quá mức. "Không, em chẳng có lỗi gì cả", tôi nói.

19

Hamburger, Skyline, Thời Hạn

Trước tiên chúng tôi dự định đi ăn chút gì đó. Tôi không hứng thú ăn uống, nhưng có trời mà biết được khi nào có dịp ăn bữa tới; cứ ăn trước một bữa nghe chừng là ý tưởng hay. Một bánh hamburger và một cốc bia thì chắc tôi cũng cố nuốt được. Cô gái nói rằng cô đang đói run người vì buổi trưa mới chỉ ăn một thanh sô cô la. Cô không đủ tiền mua gì thêm.

Thận trọng để khỏi đau, tôi mặc quần bò, mặc một sơ mi thể thao lên trên T-Shirt và khoác thêm một áo len mỏng. Tôi cẩn thận lấy thêm trong tủ ra chiếc áo khoác leo núi, một bluson bằng nylon. Bộ đồ màu hồng của cô gái thì chắc chắn không phù hợp với cuộc truy tầm dưới lòng đất, nhưng tiếc là trong tủ quần áo của tôi không có quần và sơ mi nào vừa khổ người cô. Tôi cao hơn cô mười phân và nhất định nhẹ hơn cô mười cân. Có lẽ tốt nhất là mua cho cô một bộ đồ thoải mái, nhưng vào giờ nửa đêm các cửa hàng đều đóng cả. Tôi đưa cô một áo khoác quân phục của

lính Mỹ thải ra mà tôi hay mặc ngày xưa, nó tương đối vừa với cô. Đôi giày cao gót quả là bất tiện, nhưng cô nói là ở văn phòng sẽ có giày thể thao và ủng cao su.

"Giày thể thao hồng và ủng cao su hồng", cô nói.

"Màu hồng là màu cô thích nhất phải không?"

"Ông tôi thích nhất. Ông nói là tôi hợp màu hồng."

"Đúng thế", tôi nói. Không nói dối. Cô gái hợp màu hồng thật. Phụ nữ béo mà mặc màu hồng thì trông như cái bánh dâu tây khổng lồ, nhưng trên người cô thì màu này rất hài hòa.

"Và ông cô cũng thích các cô gái đầy đặn một chút, phải không?", tôi bồi thêm luôn.

"Tất nhiên", cô bé màu hồng đáp. "Vì vậy tôi luôn chú ý giữ cân cho thật béo. Tôi ăn nhiều bơ và váng sữa, nếu thiếu là sụt cân ngay."

"Thế à", tôi nói.

Tôi mở tủ tường lấy ba lô ra, kiểm tra chắc chắn là nó không bị hỏng và nhét hai chiếc áo khoác của chúng tôi vào, cất thêm đèn pin, la bàn, găng tay, khăn tay, một con dao to, bật lửa, dây dù và cồn khô. Sau đó tôi vào bếp nhặt dưới đất hai gói bánh mì và vài đồ hộp đựng thịt bò, đào, xúc xích, bưởi, và nhét tất cả vào ba lô. Tôi đổ đầy một phích nước. Cuối cùng tôi đút toàn bộ tiền mặt hiện có trong nhà vào túi quần.

"Giống đi picnic quá", cô bé nói.

"Giống đi picnic", tôi nói.

Trước khi xuất hành, tôi ngó quanh nhà lần nữa. Căn

hộ trông như một bãi đổ rác. Trên đời này mọi việc đều thế cả. Xây thì lâu chứ phá thì nhanh lắm. Tôi đã sống trong căn hộ hai phòng kèm bếp này, đôi khi mệt mỏi và kiệt quệ, nhưng hài lòng theo kiểu riêng mình. Tất cả đã tan biến như sương sớm, với tốc độ bằng một người uống xong hai lon bia. Công việc của tôi, whiskey của tôi, không gian yên tĩnh của tôi, sự cô đơn của tôi, bộ sưu tập đĩa John Ford của tôi - tất cả, tất cả đã biến thành rác rưởi.

Cỏ hoa xanh thắm, ruộng đồng ngát hương. Tôi ngâm nga trong đầu. Rồi tôi mở tủ điện cạnh cửa và dập cầu chì tổng xuống để ngắt điện.

Vết thương quá đau không cho phép tôi suy nghĩ tử tế, thêm vào đó là tôi quá mệt mỏi, vì vậy tôi quyết định không nghĩ ngợi gì nữa. Thà như thế còn hay hơn những suy tính không đến đầu đến đũa. Vậy là tôi hiên ngang đi thang máy xuống tầng hầm để xe, mở khóa ô tô và quẳng mọi thứ lên ghế sau. Nếu có ai đứng rình ở đó thì, xin mời, cứ cho hắn đứng rình. Và nếu hắn muốn bám đuôi chúng tôi thì tôi cho hắn bám đuôi. Tôi sổ toẹt tất cả. Tôi việc gì phải sợ ai cơ chứ? Sợ ký hiệu sư? Sợ Nhà máy? Sợ hai thằng vác dao hôm nọ? Xỏ mũi ba đối thủ cùng một lúc thì không nhất thiết là quá khó, nhưng trong tình trạng của tôi lúc này thì quá dở. Đương đầu với lũ ma đen trong lòng đất tăm tối trong khi có vết rạch dài sáu phân ở bụng, cơ thể thiếu ngủ và cô gái mũm mĩm vướng vào cẳng đã là đủ lắm rồi. Nếu bọn kia định tấn công thì xin mời, cứ tấn công đi.

Vì không nhất thiết muốn cầm lái, tôi hỏi cô gái có biết lái xe không. Cô lắc đầu.

"Rất tiếc. Tôi chỉ biết cưỡi ngựa."

"Không sao", tôi nói. "Có thể rồi sẽ đến lúc cần cưỡi ngựa."

Nhìn vào đồng hồ xăng thấy kim ở mức gần đầy, tôi đánh xe ra khỏi hầm. Sau đó đi qua các ngõ khúc khuỷu trong quận đến một đường lớn. Mặc dù đã muộn nhưng đường khá đông xe. Một nửa số ô tô là taxi, nửa kia là xe con và xe tải. Tôi không hiểu vì sao giờ này còn có nhiều người ra đường. Vì sao người ta không về nhà khi tan việc vào sáu giờ, tắt đèn và lên giường ngủ lúc mười giờ?

Thôi thì tất nhiên đó không phải là vấn đề của tôi. Thế giới này quay vòng theo các nguyên tắc khác, không theo các nguyên tắc mà tôi cho là đúng. Không cần biết đến tôi, người Ả Rập vẫn tiếp tục khoan giếng dầu, mọi người mua dầu nhằm chế ra điện và xăng để rượt theo những giấc mộng của mình khi màn đêm buông xuống thành phố. Thì dính dáng gì đến tôi? Bây giờ tôi phải giải quyết vấn đề riêng của mình.

Chúng tôi dừng trước đèn đỏ. Tôi vịn hai tay lên vô lăng và ngáp trẹo hàm.

Trước xe tôi có một xe tải đỗ, chở đầy đến mái toàn các bó giấy. Chếch bên phải là một đôi trai gái trẻ ngồi xe Skyline trắng. Họ trên đường về nhà hay vừa ra khỏi nhà để đến chỗ ăn chơi, tôi không biết, nhưng cả hai mang vẻ mặt chán nản. Cô gái thõng tay trái đeo hai lắc bạc ra ngoài cửa

sổ xe, thoáng nhìn về phía tôi. Không phải vì cô ta chú ý đặc biệt gì đến tôi, mà vì chẳng còn gì khác để nhìn. Biển giao thông, đèn quảng cáo nhà hàng Denny's hay khuôn mặt tôi thì có gì khác biệt đâu? Tôi nhìn lại. Cô ta đẹp. Đẹp như hàng triệu cô gái khác thôi. Một cô gái như kiểu diễn viên thủ vai bạn gái của nhân vật chính trên ti vi và hỏi cô ta khi đang ngồi trong tiệm cà phê: "Cậu làm sao thế? Trông cậu dạo này có vẻ nhiều lo lắng!" Loại vẻ đẹp được lên phim có một lần và rời mắt khỏi màn hình là người ta quên bẵng.

Đèn chuyển sang xanh, và trong khi xe tải trước mặt tôi nặng nề chuyển bánh thì chiếc Skyline trắng rồ máy lên và phóng vụt đi với tiếng nhạc của Duran Duran.

"Cô có thể chú ý quan sát những chiếc xe đi sau được không?", tôi đề nghị với cô gái mũm mĩm. "Nếu có xe nào bám dai thì cho tôi biết."

Cô gái gật đầu và ngoái lại xem. "Ông nghĩ là có người theo mình à?"

"Tôi không biết", tôi nói. "Cẩn thận vẫn hơn. Mình ăn một cái hamburger nhé? Đỡ phải đợi lâu."

"Cũng được."

Tôi rẽ vào tiệm hamburger phục vụ lái xe đầu tiên. Một cô gái mặc váy liền đỏ khá ngắn xếp chồng khay lên cửa cạnh và nhận đặt đồ ăn.

"Một humburger phó mát đúp, khoai tây chiên và ca cao nóng", cô béo gọi.

"Một hamburger bình thường và một bia", tôi nói.

"Xin lỗi, chúng tôi không bán bia", phục vụ viên nói.

"Một hamburger bình thường và một Coca", tôi nói. Làm sao tôi có thể nghĩ rằng một tiệm phục vụ lái xe lại bán bia?

Trong khi ngồi đợi thức ăn, chúng tôi chú ý quan sát các xe rẽ vào sau nhưng không thấy chiếc nào. Tuy nhiên, một kẻ theo dõi chuyên nghiệp thì ắt sẽ không rẽ vào một tiệm phục vụ xe đi qua mà đỗ ở một chỗ kín đợi chúng tôi đi ra. Tôi không quan sát nữa và uể oải ăn chiếc hamburger, khoai tây chiên, lá xà lách to bằng tấm vé tàu điện ngầm và uống Coca. Cô béo khoan thai hơn, cô khoái trá tận hưởng chiếc humberger pho mát, nhón khoai tây trong túi ra và húp ca cao.

"Ông có muốn ăn chút khoai tây chiên không?", cô hỏi tôi.

"Không, cảm ơn", tôi nói.

Sau khi ăn xong và uống hết ca cao, cô liếm xốt cà và mù tạc dính ở ngón, lau tay và miệng bằng khăn giấy. Có vẻ bữa ăn rất ngon miệng.

"Giờ đến chuyện ông cô", tôi nói. "Trước tiên ta hãy xem trong phòng thí nghiệm."

"Tôi cũng nghĩ thế. Có thể ta sẽ tìm được một gợi ý nào chăng. Tôi sẽ giúp ông."

"Cô có nghĩ là mình đi qua được ổ ma đen? Thiết bị để xua lũ khốn nạn này bị hỏng rồi, phải không?"

"Không thành vấn đề. Còn một máy phụ nhỏ hơn. Không hiệu nghiệm lắm, nhưng nếu đeo vào người thì bọn ma đen sẽ tránh ra."

"Tốt quá." Tôi thấy yên tâm.

"Tiếc rằng mọi chuyện không hẳn đơn giản như vậy", cô gái nói. "Máy di động lắp pin và chỉ đủ chạy ba mươi phút liền. Sau đó lại phải nạp điện."

"Hừm, nạp mất bao lâu?", tôi hỏi.

"Mười lăm phút. Chạy ba mươi phút, nghỉ mười lăm phút, đủ cho chặng đường từ văn phòng đến phòng thí nghiệm, vì vậy ông tôi không làm máy to hơn."

Tôi không nói thêm câu nào. Có máy này còn hơn không, và chúng tôi phải chấp nhận thứ gì sẵn có.

Chúng tôi rời tiệm ăn. Dọc đường tôi phát hiện ra một siêu thị mở 24/24. Tôi mua hai lon bia và một chai whiskey dẹt. Tôi đỗ xe để uống hai lon bia và một phần tư chỗ whiskey. Sau đó tôi thấy trong người khá hơn một chút. Tôi vặn nút đóng chai whiskey lại và đưa cho cô gái cất vào ba lô.

"Tại sao ông uống nhiều thế?", cô bé hỏi.

"Vì tôi sợ", tôi nói.

"Tôi cũng sợ", cô gái nói. "Nhưng tôi không uống."

"Nỗi sợ của cô khác của tôi."

"Nghĩa là sao?", cô hỏi.

"Nếu người ta lớn tuổi thì sẽ có thêm nhiều điều không thể sửa được nữa."

"Và người ta sẽ chóng mệt hơn?"

"Chính xác", tôi nói. "Người ta cũng chóng mệt hơn."

Cô quay sang và đưa tay sờ lên tai tôi. "Ông đừng lo. Mọi việc sẽ ổn thôi. Tôi không rời ông đâu", cô nói.

"Cám ơn", tôi nói.

Tôi đỗ xe ở bãi đỗ của tòa nhà mà giáo sư chọn làm văn phòng, ra khỏi xe và khoác ba lô lên. Chốc chốc vết thương lại đau cuộn, tựa như một máy kéo chở cỏ đi xồng xộc ngang bụng. Chỉ là một cơn đau thôi, tôi nghĩ vậy và cố không nghĩ đến nó, một cơn đau bề nổi thôi, không liên quan gì đến nội tâm sâu thẳm cả. Như mưa bóng mây chóng qua. Tôi cố tập trung chút tự trọng còn sót lại, gạt mọi suy nghĩ về vết thương và cố theo kịp cô gái.

Một nhân viên bảo vệ trẻ và cao lớn muốn xem thẻ thông hành của cư dân trong nhà. Cô gái lấy một thẻ nhựa trong túi ra đưa. Anh ta cắm thẻ vào máy tính trên bàn, kiểm tra tên và số phòng hiện trên màn hình và bấm nút mở cửa cho chúng tôi vào.

"Đây là một ngôi nhà rất đặc biệt", cô bé giải thích cho tôi trong khi đi qua tiền sảnh rộng bát ngát. "Tất cả những ai ở đây đều có một bí mật nào đó cần bảo vệ, vì vậy người ta đã lập một hệ thống canh gác riêng. Người ta có những công trình nghiên cứu nhạy cảm, hoặc tổ chức các buổi họp bí mật, đại khái như vậy. Ở cửa ra vào, người ta kiểm tra nhân thân của khách như vừa thấy, sau đó theo dõi qua camera để yên tâm là người nào cũng chỉ được đến nơi mình được phép. Giả sử có ai đó theo gót chúng tôi chăng nữa - không bao giờ người đó lọt nổi vào tòa nhà này."

"Người ta biết rằng ông cô đào một cái hầm đi xuống lòng đất ngay trong tòa nhà chứ?"

"Không rõ. Có lẽ không ai biết đâu. Khi xây tòa nhà này, ông tôi cũng đã sai thiết kế một cái hầm đi thẳng từ văn phòng xuống dưới đất, nhưng chỉ một vài người biết thôi. Nói đúng là chỉ có chủ sở hữu ngôi nhà và kiến trúc sư biết. Họ bảo với công nhân xây dựng đó là đường thoát nước thải, và chỉnh sửa ra sao đó trong bản vẽ trước khi nộp cho phòng xây dựng."

"Chắc là tốn rất nhiều tiền!"

"Nhất định rồi. Nhưng ông tôi thừa tiền", cô bé nói. "Tôi cũng thế. Tôi giàu lắm. Chúng tôi đã trúng cổ phiếu mua bằng tiền thừa kế của bố mẹ tôi và tiền bảo hiểm."

Cô rút chìa khóa trong túi và mở cửa thang máy. Chúng tôi đi vào khoang thang máy thênh thang kỳ quái.

"Trúng cổ phiếu?", tôi hỏi.

"Vâng. Ông tôi đã chỉ cho tôi cách làm. Phải chú ý các dữ kiện nào, đánh giá tình hình thị trường ra sao, cách thức lậu thuế, chuyển tiền ra nước ngoài, vân vân. Cổ phiếu rất thú vị. Ông đã mua cổ phiếu bao giờ chưa?"

"Tiếc là chưa", tôi nói. Thậm chí tôi còn không biết cách gửi tiền có kỳ hạn.

"Ngày xưa ông tôi làm mối mai buôn cổ phiếu, đó là nghề kiếm được quá nhiều tiền nên ông trở thành nhà khoa học. Buồn cười nhỉ?"

"Buồn cười thật", tôi nói.

"Ông tôi bắt tay vào việc gì cũng vào hạng kiệt xuất", cô bé nói.

Như hôm đầu tiên, tốc độ chuyển động làm người ta

không biết thang máy đi lên hay đi xuống. Mãi vẫn chưa đến. Và cảm giác bị camera theo dõi suốt buổi khiến tôi bức xúc.

"Giáo dục ở nhà trường quá kém hiệu quả, không đào tạo được nhân tài kiệt xuất, ông tôi nói thế. Ông nghĩ sao?", cô hỏi tôi.

"Có thể thế. Có lẽ ông cô nói đúng", tôi nói. "Tôi học mười sáu năm trời ở phổ thông và đại học, nhưng kết quả thu được không ghê gớm lắm. Tôi không biết ngoại ngữ, không chơi nhạc cụ, không hiểu gì về cổ phiếu, và cưỡi ngựa cũng không biết nốt."

"Sao ông không bỏ học? Lúc nào cũng có thể bỏ học cơ mà!"

"Đúng thế", tôi nói và ngẫm nghĩ một lát. "Ngày xưa tôi không hề nghĩ đến khả năng đó. Gia đình tôi khác gia đình cô, cực kỳ tầm tầm bậc trung. Có nằm mơ tôi cũng không nghĩ ra rằng mình có thể leo lên đến hạng kiệt xuất."

"Đó là một sai lầm", cô nói. "Con người ta ai cũng có tiềm năng để trở nên kiệt xuất ở lĩnh vực nào đó, nhưng đa số không thực hiện được chỉ vì có những người chuyên vùi dập tiềm năng đó, thay vì thúc đẩy nó."

"Như tôi", tôi nói.

"Không, ông khác. Tôi có cảm tưởng ông là một người đặc biệt. Vỏ cảm xúc của ông cứng như đá, nhưng bên dưới có nhiều thứ còn chưa chín và tinh khôi như xưa."

"Vỏ cảm xúc của tôi?"

"Đúng thế. Vì vậy chưa phải quá muộn. Khi nào làm xong vụ này, chúng mình sẽ chung sống với nhau nhé?

Mình sẽ đi Hy Lạp, đi Romania hay Phần Lan, đến đâu mà mọi thứ hiền hòa, và cùng nhau cưỡi ngựa, hát hò. Tôi có đủ tiền mà. Và dần dần ông sẽ thành người kiệt xuất."

"Tôi không biết", tôi nói.

Khi ra khỏi thang máy, cô gái rảo bước đi trước như hôm đầu và gót giày cô khua lách cách. Trước mắt tôi, vòng mông tuyệt đẹp của cô đung đưa, và đôi bông tai sáng lấp lánh.

"Nhưng, giả sử chúng ta sẽ làm như thế", tôi nói từ phía sau, "thì tôi sẽ được nhận mọi thứ từ cô, chứ cô chẳng được tôi cho gì cả. Tôi thấy thế tương đối bất công và không hợp lẽ."

Cô chậm bước để tôi tiến lên ngang hàng. "Nhất định sẽ có gì đó mà ông có thể cho tôi", cô nói.

"Ví dụ?", tôi hỏi.

"Ví dụ - cái vỏ cảm xúc của ông. Tôi muốn làm quen nó kỹ hơn. Nó làm bằng gì, hoạt động ra sao, vân vân. Cho đến nay tôi chưa hề biết đến những thứ tương tự, và tôi nóng lòng muốn biết."

"Chẳng có gì cao xa lắm đâu", tôi nói. "Ai cũng giấu các cảm xúc của mình dưới một lớp vỏ mỏng hay dày. Cô không thấu thị được tâm hồn rất bình thường của một người rất bình thường, chỉ vì cô chưa biết gì về thế giới bên ngoài."

"Đúng là ông chẳng hiểu gì cả", cô gái mũm mĩm nói. "Ông biết xáo dữ liệu, đúng không nào?"

"Đúng thôi, nhưng đó là một khả năng học được. Đại loại như biết dùng bàn tính hay chơi dương cầm thôi."

"Không thể nói thế được", cô gái nói. "Nhất định là ban đầu ai cũng nghĩ thế. Nếu được học hành tử tế thì bất cứ ai - nghĩa là những người đã qua kỳ sát hạch - cũng học được cách xáo dữ liệu. Ông tôi cũng tưởng thế. Thực tế là hai mươi lăm người thử việc khác được giải phẫu giống hệt như ông, học khóa huấn luyện giống hệt về xáo dữ liệu. Cho đến lúc đó mọi sự trôi chảy. Vấn đề về sau này mới phát sinh."

"Đây là lần đầu tôi được nghe chuyện này.", tôi nói. "Tôi được nghe người ta nói là tất cả diễn ra đúng kế hoạch..."

"Đó là cách giải thích công khai. Sự thật thì khác. Hai mươi lăm trong số hai mươi sáu ứng viên học xong khóa xáo dữ liệu đã chết, một năm hay một năm rưỡi sau khi kết thúc chương trình huấn luyện. Ông là người duy nhất còn sống sau hơn ba năm và vẫn xáo dữ liệu một cách thoải mái không vấn đề gì. Ông có còn tin mình là một người rất bình thường nữa không? Bây giờ ông là một người rất quan trọng!"

Tôi im lặng đi một hồi dọc hành lang, tay đút túi quần. Việc này đã vượt xa tầm cá nhân tôi và lan rộng nữa. Không thể lường được nó còn tiến triển đến đâu.

"Vì sao mọi người chết cả?", tôi hỏi cô gái.

"Tôi không biết. Nguyên nhân không rõ. Người ta biết có một công năng trong não trục trặc, nhưng không tìm được nguyên nhân."

"Nhưng nhất định phải có một phỏng đoán chứ!"

"Ông tôi cho rằng hình như một người bình thường không chịu nổi tia chớp trong trung tâm ý thức hệ, vì vậy các mô não cố sinh ra một dạng kháng thể. Nhưng phản ứng này diễn ra quá nhanh và quá mạnh, dẫn đến cái chết. Thực tế thì quá trình đó phức tạp hơn, nhưng đó là lời giải thích có tính đại cương."

"Và lý do gì mà tôi sống sót?"

"Hình như ở ông các kháng thể đã tồn tại bẩm sinh. Đó là cái mà tôi gọi là vỏ cảm xúc của ông. Chúng đã có sẵn trong não ông, vì vậy ông đã sống sót. Để bảo vệ bộ óc, ông tôi đã thử tạo ra một vỏ nhân tạo; nhưng, như ông tôi kể lại, nó tỏ ra quá mỏng."

Tôi suy nghĩ một hồi về chuyện này. "Có phải cái vỏ này hay các kháng thể hay những gì đại loại như thế đã có từ khi sinh ra?"

"Có thể một phần bẩm sinh, một phần sau này được tạo ra, tôi nghĩ thế. Nhưng ông tôi không hé một lời nào nữa. Biết quá nhiều sẽ nguy hiểm cho tôi. Theo tính toán dựa trên giả thuyết của ông tôi thì trong số một triệu hay một triệu rưỡi người chỉ có một người sở hữu kháng thể ấy, và chỉ có thể phát hiện ra những người ấy khi huấn luyện cho họ khả năng xáo dữ liệu."

"Nếu cho rằng giả thuyết của ông cô là đúng thì việc tôi nằm trong số hai mươi sáu người là một tình cờ vô cùng hy hữu?"

"Vì thế ông là một người khảo sát quan trọng, là chìa khóa để mở cửa."

"Thực sự ông cô định làm gì với tôi? Những dữ liệu mà ông bảo tôi xáo trộn và cái đầu lâu thú một sừng có ý nghĩa gì?"

"Nếu tôi biết được thì chúng ta có thể đưa ông ra khỏi vòng nguy hiểm ngay lập tức rồi", cô gái nói.

"Đưa tôi và thế giới", tôi nói.

Văn phòng tương đối bừa bộn, tuy không đến nỗi lộn phèo như nhà tôi. Giấy tờ vương vãi trên nền nhà, bàn giấy lật nhào, ngăn kéo văng ra ngoài giá, trên sofa bị rạch nát là đống quần áo lộn xộn lôi trong tủ ra của giáo sư và cô gái. Đồ của cô quả thực toàn màu hồng. Đủ mọi sắc hồng đậm nhạt, từ phơn phớt đến hồng tím.

"Khủng khiếp quá", cô lắc đầu. "Chắc bọn từ dưới đất lên đấy."

"Cô nghĩ là bọn ma đen?"

"Không, ma đen không lên mặt đất, và nếu chúng ở đây thì sẽ có mùi."

"Có mùi?"

"Mùi cá và mùi bùn, rất khó ngửi. Không, không phải ma đen đâu. Có vẻ giống bọn đập phá nhà ông hơn."

"Có thể lắm", tôi nói và ngó quanh. Trước cái bàn lật nghiêng, một nắm ghim giấy lóng lánh trong ánh đèn nê ông. Những cái ghim giấy này trước đó đã gợi tôi nhớ đến một cái gì; tôi làm bộ tìm kiếm trên sàn và cho một nhúm vào túi quần.

"Ở đây có cất đồ đạc quan trọng nào không?"

"Không. Toàn những thứ lặt vặt. Sổ sách kinh doanh, hóa đơn, tài liệu nghiên cứu ít quan trọng và những đồ tương tự. Không có gì đáng giá cả."

"Hy vọng cái máy ngăn ma đen còn hoạt động."

Trong đống bừa bãi trước cửa tủ - đèn pin, radio, máy thu băng cát xét, đồng hồ báo thức, cuộn băng dính, một hộp kẹo ho - cô gái lôi ra một vật trông như máy đo hiệu điện thế và bật tắt vài lần.

"Tốt. Vẫn chạy. Nhất định bọn nó cho là đồ vứt đi. Và lại cũng là kỹ thuật đơn giản, không dễ hỏng được", cô nói.

Cô đi vào góc phòng, ngồi thụp xuống, lật nắp một ổ cắm và bật công tắc. Rồi cô đứng dậy, khẽ áp bàn tay lên một chỗ trên tường. Một ô cửa sổ to bằng cuốn danh bạ điện thoại mở ra, bên trong có một két sắt.

"Ngụy trang giỏi đấy chứ?" cô tự hào nói. Cô mở két sắt bằng mật mã bốn số. "Nhờ ông lấy hộ mấy thứ này ra bàn."

Tôi nghiến răng dựng cái bàn giấy bị đổ lên rồi dọn các thứ trong két sắt ra. Đó là một chồng dày năm phân toàn sổ tiết kiệm, tín phiếu và giấy tờ, chằng dây cao su, chừng năm triệu yên tiền mặt, một túi vải nặng, một cuốn sổ tay bọc da đen, một phong bì nâu. Cô gái dốc phong bì ra bàn - một đồng hồ Omega cũ và một nhẫn vàng. Đồng hồ đen sạm, mặt kính bị vỡ.

"Của bố tôi đấy", cô nói. "Nhẫn là của mẹ tôi. Còn thì cháy hết."

Tôi gật đầu. Cô gái cho đồng hồ và nhẫn vào phong

bì, cầm một xấp tiền đút vào túi áo. "Tôi quên mất là ở đây có tiền mặt." Rồi cô mở túi vải ra, lôi một bọc gói trong cái áo lót cũ ra mở cho tôi xem. Một khẩu súng lục tự động nhỏ. Trông cổ kính, nhưng nhất định không phải đồ chơi mà là một vũ khí bắn được đạn thật. Hình như một khẩu Browning hay Berreta, mặc dù tôi không thạo súng lục lắm. Tôi biết loại súng này do xem phim. Ngoài ra còn một hộp đạn và một băng dự trữ.

"Ông bắn giỏi không?", cô bé hỏi.

"Cô đùa đấy à?", tôi giật mình đáp. "Tôi chưa bao giờ cầm một khẩu súng lục trong tay."

"Tôi bắn giỏi. Tập tành mấy năm rồi. Mỗi lần về nhà nghỉ ở Hokkaido là tôi tập bắn một mình trên núi. Cách mười thước tôi có thể bắn trúng một tấm danh thiếp. Khá đấy chứ?"

"Khá", tôi nói. "Vũ khí kiếm đâu ra vậy?"

"Ông dốt thật", cô ngán ngẩm nói. "Có tiền là có hết. Ông không biết thế sao? Ông không biết bắn thì tôi giữ súng vậy. Được không?"

"Cứ việc. Nhưng lúc trời tối thì cẩn thận đừng nhỡ tay bắn vào tôi nhé. Sức tôi không chịu được thêm một vết thương nữa đâu."

"Không lo. Tôi là người rất cẩn thận", cô nói và đút súng lục vào túi áo bên phải. Khó hiểu tại sao túi áo không cộm lên, mặc dù cô nhét đủ thứ vào, mà cũng chẳng kéo lệch áo. Có mẹo nào đó chăng. Cũng có thể thợ may giỏi.

Tiếp theo cô mở sổ tay ở khoảng giữa, chăm chú và

nghiêm nghị đọc một lúc lâu. Tôi thoáng nhìn vào nhưng chỉ thấy những hàng số và chữ cái khó hiểu, không rõ chúng có ý nghĩa trực tiếp nào.

"Sổ tay này của ông tôi", cô bé nói. "Viết bằng một thứ mật mã chỉ riêng ông tôi và tôi hiểu. Trong này nói đến những gì ông tôi dự định làm trong ngày và những gì xảy ra. Ông tôi vẫn nói là nếu có gì xảy ra với ông thì cháu hãy đọc trong này. Hừm, gượm đã, ông rửa số hôm 29 tháng Chín, phải không?"

"Chính xác", tôi nói.

"Ở đó viết số 1. Có lẽ là bước thứ nhất. Tối khuya ngày 30 hay rạng ngày 31 ông xáo xong dữ liệu. Đúng không ạ?"

"Đúng."

"Số 2. Bước thứ hai. Sau đó, đợi đã, ngày 2 tháng Mười. Mười hai giờ trưa. Số 3. Ở đây ghi 'xóa chương trình'."

"12 giờ trưa ngày 2 tháng Mười tôi phải đến chỗ ông. Có thể ông định xóa chương trình đặc biệt đã cấy vào người tôi. Để thế giới không bị diệt vong. Nhưng tình hình đã thay đổi. Có lẽ giáo sư đã bị giết hoặc bắt cóc đến một nơi nào đó. Đó là vấn đề quan trọng nhất trong lúc này."

"Đợi một chút. Tôi xem thêm các ngày sau đó. Ông tôi đã mã hóa khá nhiều."

Trong lúc cô gái đọc, tôi dọn các thứ trong ba lô và thay pin đèn. Áo mưa và ủng cao su quăng lung tung trên nền nhà, nhưng may mà không bị phá hỏng đến mức không

dùng được. Qua thác mà không có áo mưa thì có lẽ ướt như chuột lột và chết cóng mất. Chưa kể là vết thương lúc đó lại bắt đầu hành hạ dữ hơn. Tôi nhét cả một đôi giày chạy màu hồng của cô gái vào ba lô. Đồng hồ của tôi chuẩn bị nhảy lên số 12 giờ trưa. Tính đến thời hạn để xóa chương trình như vậy chỉ còn đúng mười hai tiếng nữa.

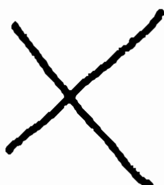
"Nhiều con tính phức hợp quá. Thể tích dòng chảy. Tốc độ tan băng. Các giá trị sức bền và lỗi, toàn những thứ tôi không hiểu."

"Bỏ qua những thứ cô không hiểu đi. Ta không có nhiều thì giờ nữa đâu", tôi nói. "Đọc những gì cô có thể giải mã được."

"Có gì để giải mã đâu?"

"Tại sao?"

. Cô đưa tôi cuốn sổ và chỉ vào chỗ cần đọc. Ở đó không có mật mã, chẳng có gì, chỉ có một chữ X to tướng và ngày giờ. Sự chênh lệch về độ lớn giữa chữ X to quá khổ và hàng chữ số còn lại hầu như không đọc nổi nếu thiếu kính lúp làm tăng thêm ấn tượng kỳ quái



"Ý nghĩa của nó là thời điểm tận cùng thế giới, tôi đoán vậy", cô bé nói.

"Có thể là, và đúng hơn là: bước thứ tư. Nếu bước ba

là xóa chương trình thì X không diễn ra. Nếu vì bất kỳ lý do nào đó mà không thể xóa được thì chương trình sẽ chạy tiếp - cho đến khi có X."

"Vậy thì bằng bất kỳ giá nào tôi và ông phải tìm được ông tôi, chậm nhất vào 12 giờ trưa ngày 2 tháng Mười, đúng không ạ?"

"Đúng thế, nếu phỏng đoán của tôi có lý."

"Ông đoán đúng không?"

"Có lẽ đúng", tôi khẽ nói.

"Ta còn bao nhiêu tiếng nữa", cô hỏi, "đến thời điểm tận cùng thế giới hay đến vụ nổ Big Bang chẳng hạn?"

"Ba mươi sáu tiếng", tôi nói. Không cần nhìn đồng hồ. Thời gian để trái đất quay một vòng rưỡi. Thời gian để phát hai số báo buổi sáng và một số báo buổi chiều. Thời gian để hai lần đồng hồ báo thức réo, hai lần cạo râu. Ba mươi sáu tiếng. Nếu một người sống 70 tuổi thì đó là 1 phần 7.033 cuộc đời. Khi ba mươi sáu tiếng đó trôi qua thì - có lẽ - thế giới sẽ lụi tàn.

"Bây giờ ta làm gì?", cô bé hỏi.

Tôi lấy trong hộp thuốc rơi trước cửa tủ một viên thuốc giảm đau, chiêu ngụm nước trong phích rồi khoác ba lô lên.

"Trèo xuống thôi - chứ còn làm gì nữa?", tôi nói.

20

Cái Đích Của Những Con Thú

Đã có vài con trong đàn chết rồi. Buổi sáng sau trận tuyết lớn đầu tiên, thân hình mấy con thú già lông vàng điểm trắng nằm dưới một lớp tuyết dày năm phân. Ánh nắng ban mai xuyên thủng màn mây, khiến phong cảnh buốt giá cứng đờ sáng rực hẳn lên. Hơi thở trắng của bầy thú hơn một nghìn con phất phơ trong nắng.

Tôi bừng mắt trước khi trời sáng rõ và nhìn thấy thành phố trong bộ áo dài tuyết trắng. Một hình ảnh choáng ngợp. Tháp đồng hồ đen trồi lên trên nền phong cảnh trắng, chếch bên dưới là dòng sông xanh uốn khúc. Mặt trời chưa lên, bầu trời còn giăng kín mây. Tôi khoác măng tô, xỏ găng tay, đi xuống thành phố qua những phố ngõ không một bóng người. Nhất định tuyết rơi không gây tiếng động trong khi tôi ngủ. Chưa thấy một vết chân nào giẫm lên. Tôi vốc một nắm tuyết. Tuyết mềm và xốp như đường mịn. Mấy vũng nước tù dọc sông đã đông cứng, đây

đó tuyết rải trên lớp băng mỏng.

Ngoài hơi thở trắng của tôi, không có gì động đậy trong thành phố này. Không có gió thổi. Thậm chí không thấy lấy một con chim. Chỉ có tiếng chân tôi vọng lại từ tường nhà, nghe ồn ào một cách thiếu tự nhiên, như qua tăng âm.

Tôi gặp ông gác cổng trên quảng trường trước cổng thành. Ông nằm dưới chiếc xe đẩy mà ông và bóng của tôi đã cùng nhau sửa, đang tra mỡ vào trục. Trên xe chở các bình gốm dùng để đựng dầu cải. Người ta đã lấy thừng cột chúng vào thành xe cho khỏi đổ. Tôi không hiểu ông gác cổng cần nhiều dầu như vậy làm gì.

Ông ngó dưới gầm xe ra và giơ tay chào. Trông có vẻ đang vui.

"Hôm nay cậu dậy sớm thế. Cơn gió lành nào đưa cậu tới đây vậy?"

"Tôi muốn ngắm phong cảnh ở đây khi có tuyết", tôi nói. "Từ trên đồi nhìn xuống thấy gì cũng đẹp."

Ông gác cổng cười phá lên và đặt bàn tay hộ pháp lên vai tôi như mọi khi. Tay ông không đeo găng.

"Cậu cũng lạ thật! Leo xuống tận đây để ngắm phong cảnh tuyết, trong khi từ giờ trở đi tha hồ mà ngắm tuyết cho đến khi phát ớn thì thôi." Ông ngó về phía cổng thành một hồi, thở hơi trắng xóa như đầu tàu hơi nước. "Nhưng cậu đến cũng vừa vặn! Trèo lên tháp canh đi, ở ngoài kia sắp có rất nhiều thứ để xem. Lần đầu tiên trong mùa đông năm nay. Chú ý xem khi tôi thổi tù và nhé!"

"Lần đầu tiên?"

"Rồi cậu sẽ thấy."

Không biết chuyện gì, tôi cứ thế leo lên tháp canh cạnh cổng thành và ngắm thế giới bên ngoài. Trên các ngọn cây táo phủ nhiều tuyết, trông như mây đọng. Cả rặng núi phía nam và phía bắc đều trắng toát, vài rẻo đá không bị tuyết phủ hiện ra như vết sẹo trên sườn núi.

Như mọi khi, bầy thú ngủ ngay dưới chân tháp canh. Chúng nằm trên mặt đất, vó thu vào, sừng thẳng tắp trắng như tuyết chĩa về phía trước. Dường như giấc ngủ quá mê mệt để chúng nhận ra lưng phủ đầy tuyết.

Mây trên đầu tôi dần dần dãn mỏng đi, mặt trời bắt đầu hé ra và sưởi ấm mặt đất. Mặc dù vậy tôi vẫn cố bám lại trên tháp canh với đôi mắt nhạy cảm của mình để ngắm phong cảnh. Mới chỉ có vài tia mặt trời đơn lẻ như tia đèn pha nhỏ, mà tôi thì muốn xem "rất nhiều thứ" như lời ông gác cổng đã khuyên.

Rốt cuộc ông cũng mở cổng thành và thổi tù và như mọi hôm, một hồi dài và ba hồi ngắn. Bầy thú thức dậy sau âm thanh đầu tiên, ngẩng đầu lên và quay về hướng tiếng tù và vọng đến. Nhìn những đám hơi trắng chúng thở ra có thể nhận ra cơ thể chúng đang dồn năng lượng cho một ngày mới. Trong khi ngủ chúng chỉ cần một phần rất nhỏ của lượng khí thở ấy.

Khi bầy thú biến mất qua cổng thành, tôi hiểu ông gác cổng định chỉ cho mình xem gì. Một vài con thú vẫn nằm lại như ngủ quên. Giờ thì tôi nhận ra chúng đã chết cóng.

Nhưng trông chúng không như chết rồi, mà như đang chăm chú ngẫm nghĩ về những vấn đề lớn lao. Song chúng không tìm được giải pháp nào nữa. Từ mõm và mũi chúng không còn tỏa ra hơi thở trắng. Chúng đã ngừng mọi cử động, ý thức của chúng đã chìm đắm vào đêm đen mịt mù.

Những con khác đi qua cổng thành và bỏ lại các xác chết như những khối u nhọt của mặt đất, phủ tấm liệm bằng tuyết trắng. Chỉ có những cái sừng là vẫn chĩa lên một cách sinh động khó tả. Khi đi ngang qua, đa số các con thú còn sống sót cúi đầu thật thấp hoặc dũi móng xuống đất. Chúng buồn bã vì cái chết của đồng loại.

Tôi đợi mặt trời lên cao hơn, đẩy gần hết bóng tường thành và lặng lẽ tỏa hơi ấm cho tuyết trên mặt đất dần tan. Suốt buổi tôi quan sát những xác chết im lìm. Tôi đợi ánh nắng sớm mai cũng làm tan chúng như tan đám tuyết, để chúng vùng dậy từ cõi chết và bắt đầu chuyến du hành mỗi sáng, tựa như chẳng có gì xảy ra.

Nhưng chúng không thức dậy. Chỉ lớp lông vàng ướt nhoẹt của chúng đón lấy tia nắng và tỏa sáng mãi mãi. Cũng là lúc mắt tôi bắt đầu thấy đau.

Tôi trèo khỏi tháp canh, đi qua sông, leo lên Đồi Tây trở về nhà. Bây giờ tôi biết là mặt trời sáng sớm làm hại mắt hơn tôi vẫn tưởng. Tôi nhắm mắt lại; nước mắt đầm đìa tuôn thành dòng, không sao kìm nổi. Tôi vấp và khuỵu xuống. Tôi rửa mắt bằng nước lạnh - vô ích. Tôi kéo tấm rèm nặng che cửa sổ và ngó đăm đăm hàng tiếng đồng hồ vào những đường nét và hình bóng kỳ quái ẩn hiện trong

bóng tối, trong khi vẫn nhắm mắt và không hề có cảm giác gì về khoảng cách.

Ông đại tá già gõ cửa lúc mười giờ và bưng khay cà phê vào. Thấy tôi nằm sấp trên giường, ông lấy một cái khăn ướt lạnh day mi mắt tôi. Tôi thấy đau nhói sau tai, nhưng hình như nước mắt bớt tiết ra.

"Cậu lại vừa làm cái trò quỷ gì vậy hả?", ông già hỏi. "Mặt trời sáng sớm chói hơn cậu tưởng. Nhất là khi có tuyết. Cậu thừa biết là mắt 'người đọc mơ' không chịu được ánh sáng chói, vậy tại sao còn ra ngoài làm gì?"

"Tôi ra chỗ bầy thú", tôi nói. "Những con thú chết. Tám, chín con. Không, nhiều hơn."

"Và sẽ còn nhiều nữa. Sau mỗi lần tuyết rơi."

Tôi lật người lên, kéo khăn khỏi mặt và hỏi ông già: "Tại sao chúng dễ chết vậy?"

"Chúng yếu nhược vì lạnh và đói. Xưa nay vẫn thế."

"Thế chúng có tuyệt chủng không?"

Ông già lắc đầu. "Chúng đã sống hàng bao nghìn năm ở đất này, và sẽ chẳng có gì thay đổi cả. Cứ mùa đông thì nhiều con chết, nhưng lại nhiều con sinh ra trong mùa xuân. Con già nhường chỗ cho con trẻ, chẳng có gì lạ. Số súc vật sống ở đây có hạn chế vì chúng chỉ có lượng thức ăn nhất định do thành phố đem lại, đó là các loại cây cỏ mọc ở đây."

"Tại sao chúng không chuyển đi nơi khác? Trong rừng có vô số cây cối, và nếu xuống miền Nam ít tuyết hơn thì ở đấy cũng bớt lạnh hơn. Chúng có bị trói lại ở đây đâu!"

"Tôi cũng không giải thích được điều ấy", ông già nói. "Chỉ biết là bầy thú không thể rời khỏi thành phố. Chúng thuộc về đất này, bị cầm tù ở đây. Giống như tôi và cậu. Linh tính của chúng cho biết rằng chúng không thể rời bỏ thành phố, chúng biết, con nào cũng biết. Cũng có thể chúng không ăn được các loại cây cỏ khác với những loại mọc ở đây. Hoặc chúng không vượt qua nổi sườn đá vôi trải dài về phía Nam. Dù vì cớ gì chăng nữa, chúng hoàn toàn không thể đi khỏi chốn này."

"Các xác chết thì sao?"

"Ông gác cổng sẽ đốt", ông già đáp, sưởi ấm bàn tay to và xù xì của mình bên chén cà phê. "Thậm chí từ giờ trở đi đó sẽ là công việc chính của ông ấy. Trước tiên ông ấy cắt đầu những con chết, nạo óc và mắt ra rồi nấu đầu lâu trong một cái nồi lớn cho đến khi róc hết xương. Phần xác còn lại ông ấy sẽ chất đống, tưới dầu cải lên để thiêu."

"Sau đó đầu lâu sẽ chứa các giấc mơ xưa và đặt trong kho thư viện, đúng không ạ?", tôi hỏi ông già, mắt vẫn nhắm tịt. "Tại sao? Tại sao lại dùng đầu lâu?"

Ông già không đáp. Tôi chỉ nghe tiếng ván sàn kẽo kẹt dưới bước chân ông. Ông chậm chạp đi xa giường và im lặng đứng đâu đó gần cửa sổ. Một hồi lâu, tất cả im phăng phắc.

"Cậu sẽ hiểu, nếu cậu hiểu các giấc mơ xưa là gì", ông già nói. "Tôi định nói là tại sao những giấc mơ ấy được bảo quản trong đầu lâu thì tôi không giải thích cho cậu được. Cậu là người đọc mơ cơ mà. Cậu phải tự tìm câu trả lời."

Tôi lấy khăn lau nước mắt và mở mắt ra. Hình ông già nhòe nhoẹt bên cửa sổ.

"Trong mùa đông cậu sẽ hiểu rõ nhiều chuyện hơn", ông già tiếp lời. "Cậu yêu hay ghét thì tùy cậu, song đó là tiến trình của muôn vật. Trời sẽ tiếp tục có tuyết, và bọn thú sẽ tiếp tục chết. Không ai thay đổi được. Chiều nay cậu sẽ thấy cột khói bay lên từ đống xác thiêu. Suốt cả mùa đông, ngày nào cũng thế. Tuyết trắng và khói đen."

21

Lắc Bạc, Ben Johnson, Con Quỷ

Sau tủ tường là bóng tối tràn ngập như tôi đã chứng kiến buổi đầu, tuy nhiên lần này - có thể vì tôi đã biết đến sự tồn tại của ma đen - bóng tối dày đặc và lạnh giá hơn gấp bội. Không thể có đêm đen nào hoàn hảo hơn. Trước khi con người xua được bóng tối khỏi mặt đất bằng cách thắp sáng những con đường đô thị, lắp đèn nê ông quảng cáo và chiếu sáng ô kính bày hàng, có lẽ thế giới đầy những khoảng tăm tối như thế này.

Cô gái leo xuống thang trước tôi. Với chiếc máy đuổi ma đen cất rất sâu trong túi áo mưa và dây đeo đèn pin lớn vắt chéo vai, cô nhanh nhẹn trèo thang một mình vào bóng tối, đế ủng cao su của cô kêu kin kít. Một lát sau tiếng cô vọng từ dưới lên xuyên qua tiếng nước chảy: “Được rồi, ông xuống đi!” Rồi cô hoa ánh đèn vàng lên. Hang hôm nay có vẻ sâu hơn so với ký ức của tôi. Tôi cất đèn pin đi và bắt đầu trèo xuống. Các bậc thang vẫn ướt như lần trước, phải chú ý để khỏi trượt chân. Vừa trèo xuống tôi vừa nhớ đến đôi

trai gái trong chiếc Nissan Skyline và nhạc của Duran Duran. Họ chẳng biết gì. Không thể hình dung ra tôi đang trèo xuống hang động tối đen với một chiếc đèn pin và dao găm, một tay ép lên vết thương. Họ chỉ biết đến đồng hồ tốc độ và những bản nhạc Pop vô hại đang leo lên hay tụt xuống trong bảng xếp hạng, và nghĩ đến lần làm tình sắp tới, hoặc nhớ lại lần làm tình vừa xong. Không phải tôi định phê phán họ. Đơn giản là họ chẳng biết gì.

Giả sử chính tôi chẳng biết gì thì tôi cũng đỡ phải làm việc này. Tôi tưởng tượng ra mình ngồi sau tay lái chiếc Skyline, cạnh một cô gái, và phóng xe qua thành phố đêm trong tiếng nhạc của Duran Duran. Liệu cô gái khi làm tình có cởi hai lắc bạc ra không nhỉ? Hy vọng là không, tôi nghĩ bụng. Sau khi cô cởi quần áo, hai cái lắc bạc này phải ôm lấy khớp tay trái như một phần cơ thể cô vậy.

Nhưng có lẽ cô sẽ trút đôi lắc ra. Khi tắm thì phụ nữ trút mọi thứ trên mình xuống. Vậy thì tôi phải ngủ với cô ta trước khi tắm. Hoặc dặn cô đừng bỏ chúng ra. Tôi không rõ trong hai khả năng này nên làm gì hơn, nhưng nhất định tôi sẽ thuyết phục cô cứ giữ lắc trên tay. Rất quan trọng.

Tôi tưởng tượng ra mình sẽ ngủ với cô gái đeo lắc bạc. Do không thể nào nhớ ra mặt cô ta nên tôi tắt đèn trong phòng. Rất tối, khó nhận ra mặt cô ta. Sau khi tôi cởi chiếc áo lót óng ánh tím hay xanh hay trắng của cô ra, đôi lắc bạc là thứ duy nhất còn trên người cô. Chúng lấp lánh trong bóng tối, ngân lên một âm thanh rất trong trẻo và dễ chịu trên vải trải giường.

Trong khi leo xuống thang với những ý nghĩ đó trong đầu, tôi cảm thấy dương vật mình cộm lên dưới áo mưa. Sướng nhỉ, tôi thầm nghĩ. Tại sao lại vào đúng lúc này, trên cái thang khốn nạn này? Tại sao không vào lúc mình nằm trên giường cạnh cô thủ thư - cô gái bị dãn bao tử? Thật không ngờ hai cái lắc bạc vớ vẩn lại công hiệu như vậy. Và lại đúng vào thời điểm thế giới chuẩn bị đến bước tận cùng.

Khi tôi xuống đến chân thang và đi ra phiến đá phẳng, cô gái chiếu đèn ra xung quanh.

"Bọn ma đen đang lẩn quất đâu đây", cô nói. "Nghe chắc chắn có tiếng chúng."

"Nghe tiếng chúng?"

"Có tiếng nhem nhép rất khẽ, tựa như tiếng mang cá đóng mở. Khẽ thôi, nhưng nếu thật chú ý thì ta vẫn nghe được. Cộng thêm không khí xung quanh và mùi nữa."

Tôi dỏng tai lên và hít hít nhưng không nghe và ngửi thấy gì.

"Phải quen rồi mới biết", cô gái nói. "Khi ấy thậm chí người ta có thể nghe thấy chúng chuyện trò với nhau. Đúng hơn là nghe thấy sóng âm, như của loài dơi. Nhưng khác với dơi ở chỗ một phần tần số âm thanh ấy nằm trong khoảng nghe được đối với tai người. Bọn ma đen có thể chuyện trò với nhau thực sự."

"Làm sao các ký hiệu sư có thể bắt liên lạc với ma đen? Cần phải có một ngôn ngữ chứ?"

"Chế ra một cái máy thì sẽ làm được. Máy này chuyển sóng âm của ma đen thành giọng nói và giọng người thành

sóng âm. Chắc là bọn ký hiệu sư đã chế được một cái máy như thế. Kể cũng là một việc đơn giản đối với ông tôi, nhưng ông tôi không thích."

"Tại sao vậy?"

"Vì ông tôi không muốn nói chuyện với bọn chúng. Ma đen là bọn xấu xa, những gì chúng nói ra cũng xấu xa. Bọn chúng ăn xác thối và rác mục rữa và uống nước thải. Ngày xưa chúng sống dưới các nghĩa địa và ăn thịt người chết, cho đến khi người ta chuyển sang hỏa táng."

"Nghĩa là chúng không ăn người sống?"

"Nếu chúng bắt được ai thì chúng ngâm vào nước và ăn những chỗ nào đã rữa ra."

"Thú vị thật", tôi thở dài. "Bây giờ tôi chỉ muốn quay lại thôi, muốn ra sao thì ra!"

Nhưng chúng tôi vẫn tiếp tục tiến lên dọc suối. Cô gái đi trước, tôi bám sau. Mỗi lần tôi hướng đèn pin vào lưng cô là bông tai to bằng cái tem thư của cô lại lóe sáng.

"Đôi bông tai này to thế, cô không thấy nặng à?", tôi nói từ phía sau.

"Tôi quen rồi", cô đáp. "Giống như chim của đàn ông ấy mà. Đã bao giờ ông thấy chim mình nặng quá không?"

"Tôi không thấy thế. Không."

"Thấy chưa."

Chúng tôi im lặng hồi lâu. Cô gái đi nhanh như thuộc đường và chiếu sáng cho tôi. Tôi chiếu đèn vào từng chỗ đặt chân lên và theo sau cô một cách vất vả.

"Này, mỗi lần đi tắm cô có tháo bông tai ra không?",

tôi hỏi để khỏi bị bỏ rơi. Cô gái chỉ đi chậm lại khi nói chuyện.

"Không", cô nói. "Tôi không tháo ra. Hoàn toàn khỏa thân, chỉ có bông tai thôi. Thế mới gợi cảm chứ?"

"Đúng", tôi vội nói. "Tôi nghĩ thế."

"Ông toàn làm từ phía trước? Mặt đối mặt?"

"Nói chung là thế."

"Nhưng thỉnh thoảng cũng từ phía sau?"

"Đôi khi."

"Còn có rất nhiều tư thế nữa, phải không? Làm ngồi, đàn ông ở dưới, ngồi trên ghế..."

"Thị hiếu vốn khác nhau, cơ hội cũng khác nhau."

"Tôi không hiểu gì về tình dục", cô nói. "Tôi chưa thấy bao giờ, và cũng chưa làm bao giờ. Không ai dạy tôi cả."

"Tình dục không học được. Người ta phải tự khám phá", tôi nói. "Nếu cô tìm được bạn trai và ngủ với anh ta thì mọi việc sẽ tự đến."

"Tôi không thích thế", cô nói. "Nói thế nào nhỉ... tôi thích quyền lực và sức mạnh. Tôi thích bị chế ngự, bị đè bẹp. Không thích việc sẽ tự đến."

"Cô ở quá lâu bên cạnh một ông già, một người thiên tài và đầy quyền lực. Nhưng thế giới này không chỉ có những người như vậy. Đa số mọi người ở hạng trung bình, sống qua ngày đoạn tháng, ngơ ngác tìm đường. Như tôi chẳng hạn."

"Ông không thế. Với ông thì được. Tôi đã nói hôm đầu tiên rồi, đúng không?"

Tôi quyết định gạt mọi ý nghĩ về tình dục ra khỏi đầu. Của tôi vẫn cương cứng, nhưng có ích gì đâu trong bóng tối đen thui dưới lòng đất này? Đã thế lại còn vướng víu trong khi đi. Tôi đổi đề tài. "Cái máy này phát ra sóng âm khó chịu đối với ma đen, phải không?"

"Đúng thế. Chừng nào ta phát sóng thì chúng nó không dám lại gần quá mười lăm thước. Ông đừng đi cách xa tôi quá mười lăm thước nhé. Không thì chúng nó sẽ tóm ông, dìm xuống giếng và ăn dần từ những chỗ bị thối rữa. Chắc là ông rữa trước tiên ở phần bụng, chỗ có vết thương. Bọn này có móng và răng cực kỳ sắc. Như một hàng lưỡi khoan vậy."

Tôi vội tiến lên sát cô.

"Vết thương còn đau không?", cô hỏi.

"Uống thuốc giảm đau rồi thì cũng đỡ một chút. Cử động mạnh lại nhói lên, nhưng nhìn chung cũng ổn", tôi trả lời.

"Nếu mình tìm được ông tôi thì ông sẽ tắt cơn đau đi."

"Ông cô? Làm thế nào?"

"Dễ thôi. Ông tôi hay làm với tôi. Ví dụ như khi tôi bị đau đầu kinh khủng. Ông phát một tín hiệu vào ý thức hệ để tắt cơn đau. Cảm giác đau là một thông điệp rất quan trọng đối với cơ thể, không nên bị tắt thường xuyên, nhưng lần này là trường hợp khẩn cấp mà."

"Nếu được thì tôi rất hoan nghênh", tôi nói.

"Tất nhiên là trước tiên phải tìm được ông tôi đã", cô gái nói và vừa lia luồng đèn sáng quắc sang hai bên vừa vững

chân tiến lên ngược suối. Hai bên vách đá toác ra nhiều kẽ nứt để lộ những con đường rẽ và vô số hang động kỳ bí. Nước rỉ ra từ những kẽ đá, tụ lại thành dòng lắt nhắt chảy dồn xuống suối. Hai bên bờ phủ đầy rêu ướt nhoét như bùn, có màu xanh đến khó hiểu. Tôi không thể đoán ra vì sao lớp rêu lại có nổi màu sắc ấy khi quá trình quang hợp không thể diễn ra. Rõ ràng lòng đất có quy luật riêng của nó.

"Cô có nghĩ rằng bọn ma đen biết chúng ta đang đi ở đây không?"

"Dĩ nhiên", cô gái mũm mĩm thản nhiên nói. "Ở đây là nhà chúng mà lại. Không có gì xảy ra trong lòng đất mà chúng không biết cả. Chúng ở khắp nơi và quan sát chúng ta, tôi nghe tiếng chúng khắp nơi."

Tôi rọi đèn pin lên vách đá xung quanh nhưng không thấy gì ngoài những mỏm đá xù xì hình thù kỳ dị và rêu.

"Bọn nó nấp trong hang động và sau những khúc rẽ, nơi ánh sáng không xuyên tới được", cô nói. "Chắc là cả ở phía sau mình."

"Máy phát tín hiệu chạy bao lâu rồi?", tôi hỏi

"Mười phút", cô nhìn đồng hồ và nói. "Mười phút hai mươi giây. Không lo, năm phút nữa là mình đến nơi."

Đúng năm phút sau chúng tôi đến trước thác nước. Như lần trước, hầu như nó không gây ra tiếng động nào. Máy tắt âm thanh có lẽ vẫn hoạt động. Chúng tôi trùm mũ lên đầu, thắt chặt dây dưới cằm, đeo kính bảo hộ và đi

xuyên qua thác nước không tiếng ồn.

"Lạ thật", cô gái nói. "Máy tắt âm thanh vẫn chạy, như vậy phòng thí nghiệm không thể bị phá. Giả sử bọn ma đen đột nhập vào đây thì chúng đã đập bét nhè mọi thứ. Bọn nó căm thù phòng thí nghiệm này lắm."

Như để xác nhận phỏng đoán ấy, cửa phòng thí nghiệm vẫn khóa chặt. Nếu bọn ma đen lọt được vào trong thì khó có thể chúng đóng cửa lại cẩn thận khi ra khỏi. Không - nhất định ai khác đã bất ngờ tấn công vào đây.

Cô gái thận trọng xoay ổ khóa số trên cửa rồi mở ra bằng một chìa khóa điện. Trong phòng tối om và lạnh lẽo, có mùi cà phê. Cô nhanh tay đóng cửa, cài then và bật đèn sau khi chắc chắn là cửa đã khóa chặt.

Phòng thí nghiệm ở trạng thái bừa bộn hệt như văn phòng bên trên và nhà tôi. Giấy tờ bay lộn xộn trên sàn, đồ gỗ lật nhào, bát đĩa tan tành, thảm bị lật lên, và ai đó đổ cả một xô đầy cà phê lên trên. Không rõ vì sao giáo sư nấu nhiều cà phê như vậy.

Có một sự khác biệt căn bản với văn phòng bên trên và nhà tôi: người ta đã phân biệt rạch ròi những gì cần phá và những gì không. Những gì cần phá thì đúng là nát như tương, phần còn lại thì không hề chạm tay. Máy tính, điện thoại, fax, máy tắt âm và máy phát điện thì không hề suy suyển, bật lên là chạy ngay. Chỉ có máy phát sóng âm loại lớn để đuổi ma đen là bị tháo mất vài phụ tùng, nhưng trông có vẻ dễ sửa.

Phòng đằng sau cũng tương tự: thoạt trông thì cực kỳ

hỗn độn, nhưng có tính toán cẩn thận. Dãy đầu lâu súc vật vẫn nằm nguyên trên giá, tất cả máy đo quan trọng cũng vậy. Riêng các dụng cụ và vật liệu thí nghiệm rẻ tiền và dễ thay thế là bị phá hủy tàn bạo.

Cô bé kiểm tra két sắt. Cửa két không khóa. Cô lấy cả hai tay bới ra những gì còn sót lại từ đống giấy tờ - một nắm tro trắng - và tung hết xuống đất.

"Chắc là bộ phận tự hủy đã hoạt động", tôi nói. "Bọn chúng không lấy được gì đi cả."

"Ông nghĩ bọn chúng là ai?"

"Đó là bàn tay người", tôi nói. "Bọn ký hiệu sư hay bọn nào đó đã hợp lực với ma đen đến đây mở cửa; nhưng cái đống hỗn loạn này là do bàn tay con người làm ra. Chỉ có người lọt vào đây thôi. Để dùng phòng thí nghiệm theo ý của mình - tôi đoán chúng định làm tiếp các thí nghiệm của giáo sư - chúng không phá các máy móc quan trọng. Sau đó khóa cửa lại để bọn ma đen không vào phá phách."

"Tôi nghĩ là bọn chúng không lấy được gì quan trọng cả, phải không?"

"Có lẽ đúng thế", tôi nói và nhìn khắp lượt phòng. "Trừ ông cô ra. Và chính ông mới là thứ quan trọng nhất. Giờ thì ta không còn khả năng tìm ra giáo sư đã cấy gì vào người tôi. Vào ngõ cụt rồi."

"Không", cô gái mũm mĩm đáp, "bọn chúng không bắt được ông tôi đâu. Không sợ. Phòng thí nghiệm có một lối thoát bí mật. Nhất định ông tôi đã thoát ra đường đó và đem theo một máy phát sóng đuổi ma đen như ta đang dùng."

"Sao cô biết?"

"Tôi không chứng minh được, nhưng tôi biết. Ông tôi là người vô cùng cẩn trọng, không dễ gì để lọt vào tay bọn chúng. Nhất định khi nghe có ai mở cửa là ông tôi đã chạy qua cửa thoát đó."

"Nghĩa là bây giờ ông ở ngoài kia - trên mặt đất?"

"Không", cô nói. "Sự việc cũng lại không đơn giản như vậy. Đường thoát hiểm lắt léo như ma trận và đi qua ổ ma đen, ra đến ngoài thì nhanh nhất cũng cần tối thiểu năm tiếng. Máy phát sóng chạy được nửa tiếng, vậy thì ông tôi vẫn đang ở đâu đó trên đường."

"Trừ phi ông đã bị bọn ma đen bắt."

"Tôi không tin lắm. Ông tôi đã dự phòng trường hợp xấu nhất và xây một hầm boong ke tuyệt đối an toàn trước bọn ma đen. Có lẽ ông tôi đang trú ở đó và đợi ta đến."

"Thế mới đúng là cẩn trọng", tôi nói. "Và cô biết boong ke này ở đâu chứ?"

"Tôi nghĩ là có biết. Ông tôi đã giải thích rất kỹ đường đến đó. Ngoài ra trong sổ tay này cũng có một sơ đồ, kèm chỉ dẫn các vị trí nguy hiểm."

"Ví dụ như..."

"Tôi nghĩ ông không nên biết thì hơn", cô nói. "Có những người đâm ra hoảng hốt khi biết chuyện."

Tôi thở dài và thôi không hỏi về những mối nguy hiểm ấy nữa. Ngay bây giờ tôi cũng đã hoảng lắm rồi.

"Đi mất bao lâu thì đến những chỗ bọn ma đen không vào được?"

"Hăm lăm, ba mươi phút. Từ đó trở đi còn khoảng một tiếng hay một tiếng rưỡi nữa thì đến chỗ ông tôi ẩn náu. Đoạn đường này thì an toàn, vấn đề là đi đến đó ra sao. Ta phải thật khẩn trương, chừng nào còn đủ pin."

"Nếu giữa đường hết pin thì sao?"

"Thì chỉ còn cách cầu xin may mắn nữa thôi", cô gái nói. "Phải vừa khua đèn pin để bọn khốn kiếp ấy không dám lại gần vừa chạy thật nhanh. Bọn chúng sợ ánh sáng gắt. Nhưng chỉ cần vòng sáng bị gián đoạn là chúng tung nanh vuốt tóm được ông. Hoặc tôi."

"Nghe được đấy", tôi chán nản nói. "Pin nạp đủ chưa?"

Cô kiểm tra vạch hiển thị trên máy phát sóng và nhìn đồng hồ. "Còn năm phút nữa."

"Thế thì nhanh chân lên", tôi nói. "Theo phỏng đoán của tôi thì bọn ma đen sẽ báo cho các ký hiệu sư là ta đang ở đây, và lập tức chúng sẽ quay lại ngay."

Cô gái trút bỏ áo mưa và ủng, mặc áo khoác dã chiến và giày thể thao mà tôi đã đem theo. "Ông cũng nên thay đồ đi. Bây giờ ta phải gọn nhẹ thì mới thoát được."

Tôi cũng cởi áo mưa, khoác áo gió ra ngoài áo len rồi kéo khóa lên sát cổ. Sau đó tôi khoác ba lô lên và thay ủng cao su bằng giày chạy. Đã gần mười hai giờ rưỡi.

Cô bé vào phòng sau, ném tất cả các mắc áo trong tủ tường xuống đất, nắm cả hai tay vào thanh sắt treo mắc áo để vặn. Có tiếng nghiến kèn kẹt như bánh răng bập vào nhau. Vặn thêm một vòng nữa cùng chiều thì phía dưới vách hậu hiện ra một lỗ hổng vuông, cạnh dài chừng bảy

mươi phân. Bóng tối trong lỗ đặc kịt như có thể chạm tay vào được. Mùi ẩm mốc lạnh lẽo phả vào phòng.

"Có mẹo không?", cô bé nói với tôi, tay vẫn bám thanh sắt.

"Rất mẹo ấy chứ", tôi nói. "Không ai ngờ có một đường thoát ở vị trí này."

Cô đi đến bên tôi, vươn người lên và hôn vào dưới tai tôi. Người tôi bỗng ấm lên, vết đau cũng đỡ hẳn. Chắc là cô đã chạm vào một chỗ đặc biệt. Hoặc đã quá lâu tôi không được một cô gái mười bảy tuổi nào hôn.

"Ta phải tin là mọi sự trôi chảy thì chẳng có gì trên thế giới này làm ta sợ nữa cả", cô nói.

"Khi lớn tuổi rồi thì những niềm tin kiểu ấy cũng giảm sút", tôi nói. "Giống như hàm răng vậy. Không nhất thiết là người ta trở nên do dự hoặc trơ lì, nhưng niềm tin cứ thế giảm sút."

"Ông sợ à?"

"Phải", tôi nói. Rồi tôi khom người xuống nhìn vào lỗ hổng lần nữa. "Tôi luôn có vấn đề trong bóng tối và những chỗ chật hẹp."

"Quay lại thì không được rồi. Ta phải chui vào thôi, đúng không?"

"Nhìn một cách logic thì đúng thế", tôi nói. Có cảm giác như cơ thể đang rời khỏi tôi. Hồi đi học, đôi lần khi chơi bóng rổ tôi đã có cảm giác đó. Khi tôi cố chỉnh chuyển động của mình theo đường bóng chữ chi thì đầu óc không theo kịp.

Cô nhìn chằm chằm vạch pin trên máy phát sóng.

"Ta đi nào", rốt cuộc cô nói. Pin đã nạp đầy.

Như ban nãy, cô đi trước và tôi bám theo. Trong khung cửa cô quay lại ấn một cần gạt để đóng cửa. Ô vuông sáng càng lúc càng nhỏ đi, chỉ còn một rãnh hẹp rồi biến hẳn. Tôi đứng trong một bóng đêm hoàn hảo hơn bất cứ sự tăm tối nào từng biết trong đời. Một bóng đêm mà đèn pin trở nên bất lực, họa chăng chỉ khoan được một lỗ sáng tí xíu run rẩy.

"Tôi không hiểu một điều", tôi nói. "Vì sao ông cô lại chọn đường thoát hiểm xuyên qua giữa ổ ma đen?"

"Vì đó là đường chắc chắn nhất", cô gái nói và chiếu đèn vào tôi. "Ở giữa ổ, bọn ma đen có khu thánh địa, chúng không được phép bước vào."

"Một dạng tôn giáo?"

"Tôi nghĩ thế. Ông tôi có nói vậy, nhưng bản thân tôi chưa tới đó bao giờ. Nhưng người ta không thể gọi đó là tín ngưỡng, vì nó quá thô thiển, nhưng nhất định là một dạng tôn giáo. Chúa của chúng là một con cá. Một con cá khổng lồ không mắt." Cô chiếu đèn về phía trước. "Nhưng ta đi tiếp thôi, không còn nhiều thì giờ nữa."

Trần hang hạ thấp đến nỗi tôi phải đi lom khom. Phần lớn vách đá trơn nhẵn, chỉ có vài cạnh sắc, mặc dù vậy tôi bị va đầu vào mấy lần đau điếng. Không có thì giờ để thấy đau nữa. Tôi hướng đèn pin vào lưng cô gái và đi tiếp, cố không bị lạc cô khỏi tầm mắt. Dù dáng người mập mạp, cô nhanh nhẹn và có vẻ như cực kỳ dai sức. Bản thân tôi khá

có sức chịu đựng nhưng chạy trong tư thế lom khom khiến vết thương đau như xé. Tựa như ai đó thọc mũi dùi băng vào bụng dưới. Áo tôi đẫm mồ hôi, dính chặt vào người. Nhưng thà đau còn hơn mất dấu cô và tụt lại trong bóng đêm này.

Với mỗi bước chân, cảm giác thân thể không hẳn thuộc về mình càng tăng lên. Có lẽ nguyên nhân là tôi không nhìn thấy chính mình. Thậm chí đưa tay lên trước mắt cũng không thấy.

Không nhìn thấy chính mình là một điều kỳ quặc. Một lát sau người ta sẽ tự hỏi thân thể mình phải chăng là một dạng giả định. Cộc đầu vào trần đá thì dĩ nhiên tôi vẫn đau, và vết thương ở bụng cũng không ngừng nhói lên. Vẫn cảm thấy nền đất dưới chân. Nhưng đó là cái đau thuần túy, là xúc giác thuần túy. Nó là những khái niệm bắt nguồn từ cái giả định được gọi là "thân thể". Hoàn toàn có thể là thân thể đã chết rồi và các khái niệm vẫn tồn tại. Tương tự như trường hợp một người sau khi bị phẫu thuật cưa chân mà vẫn cảm thấy ngứa ở ngón chân đã mất.

Vài lần tôi toan chiếu đèn pin vào mình để chắc chắn thân thể mình vẫn còn đó, nhưng rồi lại thôi vì sợ mất bóng cô gái. Thân thể mi vẫn còn đó mà, đồ ngốc - tôi tự nhủ. Giả sử nếu nó đã chết rồi và chỉ còn lại cái mà tôi có thể gọi là linh hồn thì chắc là tôi khỏe khoắn hơn mới phải. Làm gì có sự giải thoát, nếu tâm hồn cứ đeo đẳng mãi vết thương ở bụng, loét dạ dày và viêm trĩ? Nếu linh hồn không thoát được khỏi xác thì có lý do gì để nó được tồn tại?

Với những ý nghĩ ấy trong đầu, tôi bám chân cô gái mũm mĩm, theo chiếc áo khoác dã chiến xanh lá cây ôm khít thân hình, chiếc váy hồng ló ra bên dưới và đôi giày chạy màu hồng. Đôi bông tai toòng teng lấp lánh trong ánh đèn pin như một đôi đom đóm chập chờn bay quanh đầu cô.

Cô gái vẫn đi tiếp, không quay lại nhìn tôi lấy một lần và không nói một câu. Tựa như quên bẵng là tôi có mặt. Cô cứ đi, thoăn thoắt lia đèn pin vào các khúc rẽ và hang động.

Đến một ngã ba cô dừng bước, rút sơ đồ từ túi ngực ra và chiếu đèn vào tìm hướng đi tiếp. Nhân dịp đó tôi tiến lên ngang hàng.

"Ổn cả chứ? Mình vẫn đi đúng đường chứ?", tôi hỏi

"Ổn cả. Ít nhất là cho đến lúc này. Mình đi đúng đường", giọng cô tự tin.

"Sao cô tin chắc vậy?"

"Vì mình đi đúng đường", cô nói và chĩa đèn chiếu xuống đất. "Đây này, ông nhìn xem!"

Tôi ngồi thụp xuống và nhìn chằm chằm vào vòng tròn sáng. Trong những khe lõm trên nền đá có những chỗ lấp lánh ánh bạc. Tôi cầm một mảnh lấp lánh đó lên - một chiếc ghim giấy.

"Thấy chưa!", cô nói. "Ông tôi đi đường này. Ông biết là mình sẽ đến và đánh dấu đường đi đấy."

"À!", tôi nói.

"Được mười lăm phút rồi. Ta đi tiếp nào."

Qua mấy ngã ba nữa, chỗ nào cũng có ghim giấy chỉ

hướng, nhờ vậy chúng tôi không lạc hướng và ngoài ra không mất thì giờ quý báu.

Thỉnh thoảng trên đường có những hố sâu. Chúng được đánh dấu trong sơ đồ bằng bút dạ đỏ; cứ đến gần là chúng tôi đi chậm lại và lấy đèn soi kỹ nền đất. Những hố này có đường kính chừng năm, bảy chục phân, dễ dàng đi vòng tránh hoặc nhảy qua. Một lần tôi thử gạt hòn đá to bằng nắm tay ở miệng hố rơi vào, nhưng mãi lâu sau không nghe tiếng gì. Dường như nó rơi tận sang Brazil hay Argentina. Dạ dày tôi co thắt lại khi hình dung ra mình trượt chân rơi vào một hố như vậy.

Đường đi ngoằn ngoèo rắn lượn, thỉnh thoảng có lối rẽ, toàn thoai thoải xuống. Tuy không dốc hẳn nhưng liên tục giảm độ cao. Tôi có cảm tưởng cứ sau mỗi bước chân là mình lại bị cướp mất một chút thế giới ban ngày sáng sủa trên kia.

Một lần chúng tôi ôm nhau. Đột ngột cô gái dừng chân, quay lại, tắt đèn pin và choàng hai tay ôm tôi. Rồi cô lần tay tìm môi tôi để hôn lên. Tôi cũng ôm cô và khẽ siết vòng tay. Thật lạ lùng khi người ta ôm nhau trong màn đêm đen như mực. Tôi nhớ Stendhal từng viết về chuyện ôm nhau trong đêm. Đúng, sách của Stendhal. Nhưng tôi quên khuấy đầu đề. Tôi cố vắt óc nhưng không sao nhớ ra. Liệu Stendhal có bao giờ ôm một phụ nữ trong đêm chưa nhỉ? Tôi tự nhủ, nếu sau vụ này tôi còn sống sót và thế giới chưa tàn lụi thì tôi nhất định sẽ tìm cuốn đó của Stendhal.

Hương dưa bở tỏa ra từ gáy cô gái đã bay mất. Cổ cô

thơm mùi đặc trưng của một cô bé mười bảy. Thấp hơn chút nữa có mùi tôi. Mùi tôi và mùi cuộc đời tôi ngấm vào chiếc áo dã chiến. Mùi những món ăn tôi đã nấu, mùi cà phê bị dây lên, mùi mồ hôi tôi toát ra. Tất cả đã quyện chặt vào áo. Trong bóng đen dưới lòng đất sâu thẳm này, với cô bé mười bảy tuổi trong vòng tay, cuộc đời ấy như ảo ảnh, mơ hồ và vĩnh viễn trôi đi. Tôi có thể nhớ rằng nó đã từng diễn ra. Nhưng tôi không bao giờ có dịp sống lại nó lần nữa.

Chúng tôi đứng như thế rất lâu. Thời gian trôi đi vùn vụt, nhưng tôi không lấy thế làm lo ngại. Chúng tôi chia sẻ nỗi sợ bằng vòng tay ôm. Đó là điều duy nhất có ý nghĩa.

Cuối cùng cô áp chặt vú vào người tôi, môi cô hé mở, lưỡi cô mềm mại và hơi thở của cô ngập tràn miệng tôi. Lưỡi cô liếm lưỡi tôi, ngón tay cô lùa vào tóc tôi. Mười giây sau hay lâu hơn, tất cả chấm dứt, cô đột ngột tách khỏi tôi. Một sự tuyệt vọng vô bờ ụp xuống người tôi, đem lại cảm giác như một nhà du hành vũ trụ bị bỏ rơi trong vũ trụ mênh mang.

Tôi bật đèn pin. Cô gái đứng đó. Cô cũng bật đèn của mình. "Đi thôi", cô nói. Rồi cô quay lại và đi tiếp như lúc nãy. Tôi còn cảm thấy môi cô áp trên miệng mình. Và nhịp tim cô đập trên ngực mình.

"Tôi hôn giỏi đấy chứ?", cô nói, không quay lại nhìn.

"Thậm chí rất giỏi", tôi nói.

"Nhưng thiếu một cái gì đó, phải không?"

"Đúng", tôi nói. "Có gì đó thiếu."

"Gì vậy?"

"Tôi không rõ", tôi nói.

Sau năm phút trên con đường thoai thoải chúng tôi đến một bãi rộng trống trải. Ở đây có mùi lạ, và tiếng chân vang lên cũng khác. Khi vỗ tay, tiếng vang tựa như méo mó hình bầu dục và lồi lên ở khoảng giữa.

Trong lúc cô xem sơ đồ, tôi quét đèn quan sát xung quanh. Trần hang như một mái vòm, bãi trống có hình tròn làm đế. Một hình tròn hoàn hảo, rõ ràng là nhân tạo. Vách nhẵn nhụi, không hề có góc cạnh hay lồi lõm nào. Đúng giữa bãi trống có một vết lõm nông, đường kính khoảng một thước và chứa đầy chất lỏng sền sệt lạ mắt. Trong không khí có mùi hôi, không gắt lắm, nhưng khó chịu như hơi thở chua chua trong miệng người.

"Có vẻ như đây là cửa vào thánh địa", cô bé nói. "Ở đây là mình an toàn cái đã. Ma đen không vào sâu hơn được."

"Thế là tốt rồi. Nhưng mình có quay ra được không?"

"Chuyện ấy cứ để ông tôi lo. Thế nào ông tôi cũng có giải pháp. Ngoài ra mình còn hai máy phát sóng, đủ để xua bọn khốn nạn một thời gian. Trong lúc dùng một máy thì lại nạp pin cho máy kia, nghĩa là chẳng có gì phải lo. Và cũng không có áp lực thời gian nữa."

"Ra thế", tôi nói.

"Ông không thấy lạc quan hơn à?"

"Có, có một chút", tôi nói.

Ở lối vào thánh địa, hai bên vách đá được tạc thành bức phù điêu tinh tế. Mỗi bên là hai con cá khổng lồ vặn

mình, miệng con này đớp đuôi con kia. Những con cá kỳ bí. Đầu vồng lên như khoang lái của phi cơ ném bom. Ở vị trí của mắt là hai chùm xúc tu mạnh mẽ. So với thân hình thì miệng chúng quá lớn, vạch một đường thẳng đến tận bờ mang. Dưới đó, sát bụng là một bộ phận chìa ra, giống như phần gốc của một sinh vật bị cưa chân. Thoạt tiên tôi tưởng đó là bộ phận hút bám, nhưng nhìn kỹ thì ra ở đầu có ba móng sắc. Chưa bao giờ tôi thấy cá có móng vuốt cả. Vây lưng có hình thù cổ quái, còn vảy dựng đứng như gai.

"Đây có phải là các linh vật không? Hay chúng có thật?", tôi hỏi người đồng hành.

"Ai mà biết được", cô nói và lại cúi xuống nhặt mấy ghim giấy lên. "Ít nhất thì ta cũng không lạc đường. Giờ thì kiếm đường vào đi."

Tôi đi theo cô, không cưỡng nổi chiếu đèn lên những bức phù điêu cá lần nữa. Tôi hơi bị choáng khi thấy bọn ma đen tạc được những phù điêu tinh xảo như vậy trong bóng đêm dày đặc. Và thực tế chúng nhìn được trong đêm không hề làm giảm nỗi ngạc nhiên của tôi khi ngắm tác phẩm. Có lẽ lúc này chúng cũng đang theo dõi nhất cử nhất động của chúng tôi.

Trong thánh địa, đường đi hơi dốc lên, và vòm hang ngày càng cao hơn cho đến khi không nhìn thấy nữa trong ánh đèn pin chiếu lên.

"Bắt đầu đến núi", cô nói. "Ông có kinh nghiệm leo núi không?"

"Ngày xưa tuần nào tôi cũng đi leo núi, nhưng chưa

bao giờ leo trong đêm cả."

"Hình như cũng không dốc lắm", cô bé nói và cất sơ đồ vào túi ngực. "Không nên gọi là núi, mà là một quả đồi thì đúng hơn. Đối với bọn ma đen thì đây là Núi Thiêng. Ông tôi kể thế. Ngọn núi duy nhất trong lòng đất."

"Ta sẽ làm vấy bẩn nó với sự hiện diện ở đây?"

"Hoàn toàn ngược lại. Ngọn núi này mới chính là bẩn. Ở đây tập trung mọi thứ bẩn thỉu. Có thể nói đây là chiếc hộp của Pandora dưới lớp vỏ đất khô cứng. Và ta sẽ đi xuyên qua."

"Nghe có vẻ như khó lòng sống sót quay trở ra."

"Ông hãy can đảm lên. Khi đã có lòng tin thì chẳng có gì trên thế giới này làm ta sợ nữa cả, tôi đã nói với ông rồi đó. Ông hãy đánh thức những những ký ức tươi đẹp, nhớ đến những người mà ông yêu mến, nghĩ lại những lúc ông đã khóc, hồi tưởng thời thơ ấu và các dự định tương lai, những bài hát mà ông ưa thích, cái gì cũng được. Rồi mọi sợ hãi sẽ tan biến."

"Ben Johnson có được không?"

"Ben Johnson là ai?"

"Là diễn viên trong nhiều phim ngày xưa của John Ford, một kỵ sĩ tài ba. Ông ta cưỡi ngựa như thánh."

Cô cười khúc khích. "Ông là người tuyệt vời. Tôi thực sự thích ông rồi đấy."

"Tôi quá lớn tuổi đối với cô", tôi nói. "Với lại tôi chẳng biết chơi nhạc cụ nào."

"Sau này thoát khỏi đây tôi sẽ dạy ông cưỡi ngựa."

"Cảm ơn", tôi nói. "Bây giờ cô đang nghĩ gì?"

"Tôi nghĩ về nụ hôn lúc nãy", cô nói. "Vì vậy mà tôi hôn ông đấy. Ông không biết sao?"

"Không."

"Ông biết ở đây ông tôi nghĩ gì không?"

"Không."

"Chẳng nghĩ gì cả. Ông tôi có thể dọn cho đầu óc trống rỗng. Những thiên tài đều có khả năng đó. Nếu đầu óc trống rỗng thì cái Ác không lọt vào được."

"Thế à", tôi nói.

Như cô gái nói, đường ngày càng dốc dựng, rốt cuộc chúng tôi phải chống cả hai tay để leo lên. Suốt buổi tôi nghĩ đến Ben Johnson. Ben Johnson trên lưng ngựa. Tôi nghĩ đến tất cả các cảnh phi ngựa. *Ben Johnson* trong phim Fort Defiance và *She Wore a Yellow Ribbon* và *Wagonmaster* và *Rio Grande.* Ben Johnson trên thảo nguyên cháy nắng, mây trên trời trắng tinh như vẽ. Dưới thung lũng là những đàn trâu. Phụ nữ đi ra cửa và chùi tay vào yếm trắng. Một dòng sông. Ánh sáng run rẩy trong gió. Và Ben Johnson phi như bay qua cảnh đó. Ống kính di động lướt theo cùng, bắt hình kỵ sĩ dũng mãnh.

Vận cả tứ chi bám vào vách đá, tôi nhớ lại Ben Johnson và ngựa của ông. Lạ thay, vết thương hết đau hẳn - không rõ có phải vì Ben Johnson, và tôi leo tiếp mà không phải luôn nghĩ đến tình trạng thương tật của mình. Nói như thế thì lý luận của cô bé về chuyện bắn một tín hiệu đặc biệt vào ý thức hệ để giảm bớt đau đớn trong cơ thể không phải không có lý.

Về kỹ thuật leo núi thì chuyến leo này không có gì khó khăn. Chân có đủ chỗ đặt, vách đá không dốc quá, và tay luôn bám được vào những chỗ lõm nào đó. Theo cách đánh giá trên mặt đất thì chúng tôi đang trong khóa vỡ lòng, và chuyến leo này hoàn toàn dành cho học sinh tiểu học một mình leo vào Chủ nhật mà không sợ gặp nguy hiểm. Tuy nhiên trong bóng đêm dưới lòng đất thì có khác. Giơ tay lên trước mắt cũng không thấy! Người ta không nhận ra bên trên sắp có gì, còn phải leo bao lâu nữa, hiện đang đứng ở vị trí nào, phía dưới trông ra sao, và liệu có đi đúng hướng không. Tóm lại là mù tịt. Tôi không hề biết là mắt không thấy gì thì người ta sinh ra bối rối và sợ hãi đến như vậy. Ở hoàn cảnh nhất định, điều đó cướp đi của ta toàn bộ nền tảng về giá trị, kể cả cảm giác tự tin và lòng dũng cảm. Khi định đạt được mục tiêu gì, thường là người ta tự đặt ba câu hỏi bất di bất dịch: Ta đã làm được gì? Hiện nay ta đang ở đâu? Còn phải làm gì nữa để đạt mục tiêu? Khi bị cướp đi cả ba mốc đánh dấu đường đi ấy thì chỉ còn sót lại sự bối rối, sợ hãi và mệt mỏi. Vấn đề không phải mức độ khó khăn hay đơn giản về kỹ thuật, mà là người ta biết làm chủ mình được đến mức nào.

Chúng tôi tiếp tục trèo lên ngọn núi tối tăm. Do không thể vừa giữ đèn pin vừa tìm chỗ bám tay, tôi đút đèn pin vào túi quần. Cô gái mũm mĩm đeo dây buộc đèn qua vai, chiếc đèn lúc lắc trên lưng cô và uổng công rọi vào vũ trụ đen như mực. Tuyệt đối không nhìn thấy gì. Tôi im lặng leo theo hướng tia sáng vung vẩy.

Thỉnh thoảng cô gọi tôi để chắc chắn rằng tôi không bị tụt hậu. "Ổn cả chứ?", cô nói, hoặc: "Sắp đến nơi rồi."

Một lát sau cô hỏi: "Ông có muốn hát không?"

"Hát gì cơ?", tôi hỏi.

"Gì cũng được. Một bài nào đó. Ông hát đi!"

"Tôi chỉ hát khi ở một mình."

"Thôi mà. Ông hát đi!"

Biết làm sao bây giờ? Tôi hát bài dân ca Nga về bếp lò đã học ở tiểu học.

Tuyết rơi, rơi suốt đêm dài,
Cháy lên đi pechka[1]!
Lửa cháy đến tận sáng mai,
Cháy lên đi pechka!
Giấc mơ xưa thành bài hát của ai,
Cháy lên đi pechka!

Các đoạn sau tôi quên mất, vì vậy tôi bịa ra mà hát. Tất cả ngồi quanh bếp lò, có tiếng gõ cửa. Ông bố đứng dậy ra mở. Một con tuần lộc tuyệt đẹp đứng bên ngoài và khóc: "Tôi đói quá! Có gì cho tôi ăn với!" Mọi người mở một hộp đào cho nó ăn. Rồi tất cả quây quần quanh lò và cùng nhau hát.

"Ông hát hay đấy chứ!", cô bé khen. "Tiếc là tôi không rảnh tay để vỗ. Nhưng bài hát hay quá!"

---

1. Trong tiếng Nga, 'печка' (pechka) có nghĩa là 'bếp lò'.

Chúng tôi vượt qua một vách dốc, nghỉ lấy hơi trên một bãi phẳng và rọi đèn ra xung quanh. Phiến đá này khá rộng và phẳng như mặt bàn cà phê, nhìn ngút tầm mắt. Cô bé cũng ngồi xuống và nhặt lên nửa tá ghim giấy.

"Ông cô còn đi đâu nữa đây?", tôi hỏi.

"Chắc không xa nữa đâu. Ông tôi hay kể về phiến đá này. Tôi nghĩ là tôi biết ông tôi ở đâu."

"Nghĩa là ông cô hay tới đây?"

"Tất nhiên. Để vẽ sơ đồ, ông tôi đã mò đi khắp nơi, biết từng viên đá ở đây."

"Ông làm một mình?"

"Tất nhiên", cô bé nói. "Ông tôi thích làm việc một mình nhất. Chẳng phải vì ông là người khó gần hoặc không tin ai, mà đơn giản là không ai theo kịp ông."

"Tôi có thể hiểu điều đó", tôi nói. "Nhưng phiến đá này có ý nghĩa gì?"

"Tổ tiên của ma đen từng sống trên núi, trong các hang động tự khai phá. Bãi phẳng mình đang đứng này là nơi bọn chúng cử hành những nghi lễ tôn giáo. Chúa của chúng trị vì ở đây. Các giáo sĩ hay thầy mo cầu Chúa của đêm đen và dâng lễ vật sống."

"Con cá khủng khiếp có nanh vuốt ấy à?"

"Đúng thế. Ma đen tin rằng con cá ấy cai trị vương quốc đêm đen, quyết định về sự sống ở đây, hệ thống logic và giá trị, tất cả. Theo truyền thuyết, con cá đã chỉ cho tổ tiên ma đen đường đến đây." Cô gái chiếu đèn xuống đất và chỉ vào một vệt sâu khoảng mười phân và rộng một thước,

trông như một rãnh đào, chạy thẳng tắp từ phiến đá cho đến khi mất hút. "Đi theo rãnh này sẽ đến điện thờ của ma đen. Có thể ông tôi đang trú ở đó. Điện thờ là nơi linh thiêng nhất của thánh địa, không ai dám đến; đó là nơi trú ẩn tuyệt đối an toàn."

Chúng tôi tiếp tục tiến theo dấu vết thẳng như kẻ chỉ. Chẳng mấy chốc đường đi bắt đầu dốc xuống, và vách đá hai bên ngày càng vút cao. Tôi có cảm giác là chúng ngày càng ép sát lại và sắp nghiền nát chúng tôi trong giây lát, nhưng thực ra xung quanh tất cả đều trơ trơ, vẫn im lìm như dưới đáy giếng. Chỉ có tiếng nhóc nhách dưới đế giày cao su tạo ra tiếng vang nhịp nhàng lạ lẫm. Đôi lần tôi bất giác ngó lên trên. Ai đi trong bóng đêm cũng tìm bóng trăng sao một cách vô thức.

Song tất nhiên là cả trăng lẫn sao đều không tỏa sáng trên đầu chúng tôi, mà ngược lại, bóng tối còn đè xuống nặng hơn. Thậm chí sự tồn tại của mình cũng nặng nề. Tôi thấy tất cả nặng như chì, như chưa bao giờ được biết. Hơi thở, tiếng đế giày nghiến nhóc nhách, cử động tay chân - tất cả đều bị hút xuống đất, trĩu nặng. Có cảm tưởng như không phải mình ở dưới lòng đất mà trên một hành tinh xa lạ trong vũ trụ. Trọng lực, độ đậm đặc của không khí và cảm giác thời gian, tất cả, tất cả đều khác với những gì tôi từng biết.

Tôi giơ tay trái lên, bật sáng mặt đồng hồ điện tử. 2 giờ 11. Vậy là mặc dù mới đi được khoảng hai tiếng trong bóng tối - vì chúng tôi xuất phát đúng nửa đêm - tôi có cảm

tưởng là đã sống qua một phần tư cuộc đời trong bóng đêm này. Thậm chí ánh sáng lờ mờ của mặt đồng hồ cũng làm mắt nhói đau nếu tôi nhìn lâu. Rõ ràng thị lực đã quen dần với bóng tối. Cả ánh đèn pin cũng làm chói mắt. Ai ở lâu trong bóng tối cũng thấy thực ra nó là bình thường, và cho rằng ánh sáng là gì đó kỳ lạ và phản tự nhiên.

Chúng tôi im lặng tiến bước trong đường hào hẹp đổ dốc. Do đường thẳng và không ngại bị va đầu vào trần đá, tôi tắt đèn và chỉ đi theo tiếng đế ủng cao su nhóc nhách của cô gái. Chẳng bao lâu tôi cũng không phân biệt được mình đang nhắm hay mở mắt. Đằng nào cũng tối như hũ nút. Đôi lúc tôi nhắm mắt đi tiếp, rồi lại mở mắt, chỉ để không thấy sự khác biệt nào.

Điều duy nhất mà tôi cảm nhận được là tiếng nhóc nhách từ đế giày của cô gái vang lên trong tai. Một tiếng vang thật lạ, có thể vì tính chất nền đất, hay vì không khí, vì bóng tối? Tôi thử dịch tiếng động đó sang ngôn ngữ nhưng không kết quả lắm. Âm thanh đó như một ngôn ngữ châu Phi hay Ả Rập mà tôi không biết. Đơn giản là nó không chịu phù hợp với âm tương ứng trong tiếng Nhật. Biết đâu có thể so với tiếng Pháp, tiếng Đức hay tiếng Anh? Thoạt tiên tôi cố nghe ra là

Even-through-be-shopped-degreed-well

Nhưng lúc đánh vần lên thì tiếng vang đó khác hẳn. Kể ra khá giống với

Efgvén-gthrouv-bge-shpèvg-égvele-wgevl

Khá giống tiếng Phần Lan, tiếc rằng tôi không biết gì

về ngôn ngữ này. Đơn thuần về ngữ nghĩa thì phải là "ông nông dân gặp con quỷ cạnh đường", nhưng đó chỉ là ấn tượng của tôi vậy thôi, không giải thích được.

Sau đó tôi thử biến âm thanh ấy thành đủ mọi ngôn ngữ. Và hình dung ra đôi giày thể thao màu hồng của cô gái nhấn lên nền đất ra sao. Gót phải chạm đất trước tiên, trọng lượng cơ thể chuyển dồn lên ngón chân, sau đó, trước khi chân nhấc khỏi mặt đất là gót trái đặt xuống. Liên tục. Thời gian trôi đi chậm hơn. Tựa như giây cót bị đứt, hay kim đồng hồ không nhúc nhích nữa. Trong đầu tôi, đôi giày thể thao hồng chậm chạp chuyển động về phía trước, về phía sau. Tiếng óc ách vang lên:

Efgvén-gthrouv-bge-shpèvg-égvele-wgevl
Efgvén-gthrouv-bge-shpèvg-égvele-wgevl
Efgvén-gthrouv-bge…

Con quỷ già ngồi trên hòn đá bên bờ ruộng Phần Lan. Nó đã mười nghìn tuổi, hay hai mươi nghìn, trông kiệt quệ, áo quần và giày nó bê bết bụi. Cả bộ râu cũng rụng lơ thơ. "Đi đâu mà vội thế ông?", con quỷ hỏi người nông dân. "Cái cuốc của tôi bị gãy, tôi phải đem đi sửa", người nông dân đáp. "Thế thì việc gì mà vội", con quỷ nói. "Mặt trời còn đứng bóng, ông vội gì cho mệt người! Ngồi lại đây, ta kể cho nghe chuyện của ta." Người nông dân nghi ngại nhìn con quỷ. Ông biết là đánh đu với quỷ ắt chẳng hay ho gì, nhưng trông nó thảm hại và mệt mỏi, vì vậy ông…

Mặt tôi đập phải gì đó, mềm, phẳng. Gì đó mềm, phẳng, nhỏ nhắn, khá quen thuộc. Gì vậy nhỉ? Trong khi

tôi còn đang suy nghĩ thì nó đập vào mặt lần nữa. Tôi muốn lấy tay phải gạt nó đi nhưng không xong. Cú đập thứ ba. Ánh sáng chói mắt lóa lên khó chịu. Tôi mở bừng mắt. Cho đến lúc đó tôi không ý thức được là mình nhắm mắt. Thì ra mắt tôi không mở suốt buổi. Ngay trước mắt tôi là ánh đèn pin của người đồng hành, và cái mà tôi va phải là bàn tay cô.

"Thôi đi!", tôi hét lên. "Chói quá, đau quá!"

"Ông không thể ngủ thiếp đi ở đây được! Dậy, dậy đi!", cô gái nói.

"Dậy à?", tôi bật đèn pin và ngó quanh. Tôi đang ngồi dưới đất, tựa lưng vào vách đá. Mơ mơ màng màng. Có lẽ tôi đã thiếp đi lúc nào không rõ. Nền đất và vách đá ướt rượt.

Tôi lồm cồm đứng dậy. "Sao thế nhỉ. Tôi ngủ quên à? Tôi không nhớ đã ngồi xuống lúc nào, và cũng không nhớ là mình buồn ngủ."

"Bọn nó đấy", cô nói. "Bọn nó toan ru ngủ mình, ngay tại chỗ này."

"Bọn nào?"

"Bọn ở núi này, thần thánh hay ma quỷ, ai mà biết được, đại khái là bọn nào đó. Bọn nó định cản bước mình."

Tôi lắc người cho tỉnh táo một chút.

"Tôi thấy người thiu thiu, và sau đó không biết là vừa đi vừa mở mắt hay nhắm mắt nữa. Và giày cô phát ra tiếng kêu kỳ lạ..."

"Giày tôi?"

Tôi kể cho cô nghe tiếng giày nhóc nhách đã dẫn tôi đến chỗ con quỷ già ra sao.

"Mẹo đấy", cô nói. "Một dạng thôi miên. Nếu tôi không kịp nhận ra thì ông đã nằm đây cho đến khi quá muộn."

"Quá muộn?"

"Đúng thế. Cho đến khi quá muộn", cô nói nhưng không giải thích thêm. "Ông có đem theo sợi thừng không?"

"Ngắn thôi. Chừng năm mét."

"Ông lấy ra đi!"

Tôi hạ ba lô, lôi sợi dây dù giữa các đồ hộp, chai whiskey và bi đông ra đưa cho cô. Cô buộc một đầu vào thắt lưng tôi, thắt đầu kia quanh eo mình. Sau đó chúng tôi cùng kéo xem có chắc không.

"Thế là được", cô nói. "Giờ thì mình không lạc nhau được nữa."

"Trừ phi cả hai cùng ngủ gật", tôi nói. "Cô cũng thiếu ngủ, đúng không?"

"Ông đừng vẽ chuyện nát nhau. Ta đi thôi. Không còn nhiều thì giờ đâu."

Chúng tôi lại lên đường, nối với nhau bởi dây dù. Tôi cố lờ đi tiếng óc ách từ giày cô. Tôi hướng ánh đèn vào lưng cô và ngắm chiếc áo dã chiến màu xanh. Tôi còn nhớ rõ đã mua nó hồi 1971, ngày đó Việt Nam vẫn còn chiến tranh, và tổng thống Hợp Chủng Quốc là một gã có khuôn mặt xấu trai - Richard Nixon. Ngày đó ai cũng để tóc dài, đi

xăng đan bẩn thỉu, nghe nhạc Rock trong cơn phê, mặc áo khoác lính Mỹ thải ra với biểu tượng hòa bình vẽ trên lưng và thấy mình như Peter Fonda phi trên xa lộ với chiếc mô tô trong phim *Born to Be Wild* lờ mờ chuyển cảnh sang *I Heard It through the Grapevine.* Có thể vì hai phim có cảnh đầu giống nhau.

"Ông đang nghĩ gì?", cô gái mũm mĩm hỏi.

"Không nghĩ gì đặc biệt", tôi nói.

"Ông hát bài gì đi!"

"Có nhất thiết phải hát không?"

"Thế thì ông đề nghị gì khác vậy."

"Ta nói chuyện với nhau nhé."

"Chuyện gì bây giờ?"

"Chuyện mưa chẳng hạn."

"Được đấy."

"Cô nhớ gì khi nói đến mưa?"

"Buổi tối hôm cả gia đình tôi chết, trời cũng mưa."

"Kể chuyện gì vui vẻ hơn được không?"

"Không, cứ kệ tôi, tôi muốn kể", cô nói. "Vả lại tôi cũng chẳng có ai để kể chuyện ấy... Tất nhiên, nếu ông không muốn nghe..."

"Nếu cô muốn thì cứ kể đi", tôi nói.

"Hôm ấy trời mưa phùn rất nhẹ, người ta không rõ có mưa hay không. Sáng sớm đã bắt đầu, và kéo dài cả ngày. Bầu trời phủ kín một màu xám đục không đổi. Tôi đang nằm viện và nhìn suốt buổi lên trời. Vừa bắt đầu tháng Mười một, bên ngoài phòng bệnh có một cây long não. Cây

rất to. Lá đã rụng đến một nửa. Nhìn qua tán cành có thể thấy trời. Ông có thích ngắm cây không?"

"Tôi không biết", tôi nói. "Không phải tôi không thích cây cối, nhưng chưa bao giờ tôi chăm chú ngắm cây nào cả."

Thú thực là tôi cũng không thể phân biệt một cây long não với cây dẻ.

"Tôi thích ngắm cây lắm, từ lúc bé đã thế. Cứ có thì giờ là tôi ngồi dưới một gốc cây, sờ lớp vỏ, nhìn lên tán lá. Hàng giờ liền không chán. Cây long não trong vườn bệnh viện là một cây khá hoành tráng. Tôi nằm nghiêng trên giường và nhìn trời suốt ngày xuyên qua cành cây. Cuối cùng tôi thuộc từng cành đơn lẻ một. Giống như người mê tàu hỏa thuộc lòng từng tuyến đường và nhà ga ấy, ông hiểu không? Thường là trên cây có nhiều chim làm tổ. Đủ các loại chim. Sáo sậu, sẻ, bách thanh, và nhiều loại chim đẹp khác. Đôi khi cả bồ câu nữa. Chim bay đến, nghỉ trên cành một lát rồi lại bay đi. Chim rất nhạy cảm khi sắp mưa, ông có biết không?"

"Không", tôi nói.

"Khi trời mưa hay mây đen kéo đến là chúng biến mất. Nhưng khi mưa tạnh thì chúng lại về và thi nhau hót. Tựa như chúng vui mừng thấy hết mưa vậy. Tôi cũng không rõ lý do. Có thể là mưa xong thì giun chui lên mặt đất. Cũng có thể vì chim không thích mưa. Gì thì gì, tôi luôn đoán được thời tiết. Không có chim đến là sắp mưa, chim bay về và hót là mưa tạnh."

"Cô nằm viện lâu không?"

"Khoảng một tháng gì đó. Tôi bị lỗi van tim và phải mổ. Đó là một phẫu thuật rất phức tạp, cả gia đình đã mất nửa hy vọng. Thế có kỳ không cơ chứ. Tôi sống sót và khỏe như vâm, những người khác thì chết."

Cô lầm lũi đi tiếp. Tôi tưởng tượng ra quả tim của cô, cây long não và lũ chim.

"Ngày hôm gia đình tôi chết cũng là một ngày gian nan cho lũ chim. Chúng không yên lấy một phút. Như đã nói, mưa phùn lớt phớt, không rõ còn mưa hay đã tạnh, và lũ chim cũng ngơ ngác, hết bay đi lại bay về. Một ngày lạnh tê tái trước khi vào đông. Trong phòng bệnh có lò sưởi, vì vậy cửa kính luôn bị đọng mờ hơi nước và tôi cứ phải lau đi. Tôi ra khỏi giường, lấy khăn lau kính rồi chui trở lại vào chăn. Thực ra tôi không được phép đứng dậy, nhưng tôi phải nhìn cây, lũ chim và trời mưa bằng được. Khi ta phải nằm lâu trong bệnh viện, những thứ ấy hiện ra như chính cuộc sống vậy. Ông đã nằm viện bao giờ chưa?"

"Chưa", tôi nói. Bình thường tôi không biết ốm đau là gì.

"Có loại chim lông đỏ, đầu đen, đi thành đôi. Sáo thì ngược lại, chúng khá khiêm nhường, như nhân viên nhà băng vậy. Chỉ khi hết mưa thì chúng giống nhau, tất cả đậu trên cành và líu lo hót.

Hồi ấy tôi nghĩ, thế giới này kể cũng lạ. Trên trái đất mọc hàng triệu hàng tỉ cây long não - tất nhiên cũng không nhất thiết phải là cây long não - chúng đón ánh nắng hay

nước mưa, và hàng triệu hàng tỉ chim bay đến đậu lên cành rồi lại bay đi. Nghĩ thế là tôi lại buồn nẫu ruột."

"Tại sao vậy?"

"Tôi nghĩ là trên thế giới có vô số cây, vố số chim chóc, vô số cơn mưa, vậy mà tôi không thể hiểu được lấy một cây long não và một cơn mưa duy nhất. Tôi sẽ không bao giờ hiểu nổi. Tôi sẽ già đi và chết mà chưa hiểu ra được một cây long não và một cơn mưa duy nhất. Tôi thấy mình cô đơn quá và bật khóc. Ước gì có ai ôm tôi vào lòng. Nhưng tôi làm gì có ai. Tôi nằm suốt ngày trên giường và khóc.

Rồi mặt trời lặn, trời tối, tôi không nhìn thấy lũ chim nữa. Vì vậy tôi cũng không biết trời còn mưa hay không. Tối hôm đó cả gia đình tôi tử nạn. Nhưng mãi về sau người ta mới cho tôi biết."

"Kinh khủng quá."

"Tôi không nhớ rõ nữa. Tôi tin là tôi không cảm thấy gì. Tôi chỉ còn biết chính xác là buổi tối mùa thu ướt át hôm đó không ai ôm tôi vào lòng. Đó là… đối với tôi đó là ngày tận cùng của thế giới. Khi trời tối và ta cô đơn khủng khiếp và không còn ước muốn nào hơn là được một người ôm vào lòng, nhưng không có ai ở đó cả để an ủi ta. Ông có hiểu không?"

"Tôi nghĩ là có", tôi nói.

"Ông đã bao giờ mất một người yêu quý chưa?"

"Đã vài lần."

"Vì vậy bây giờ ông sống một mình?"

"Không", tôi nói và đưa ngón tay sờ lên dây dù buộc vào thắt lưng. "Trên thế giới này không ai sống một mình được cả. Tất cả liên quan thế nào đó với nhau. Trời mưa. Chim hót. Người ta bị rạch bụng. Và có thể xảy ra chuyện được một cô gái trẻ hôn trong đêm đen."

"Nhưng thiếu tình yêu thì thế giới này thực ra là con số 0", cô gái mũm mĩm nói. "Thiếu tình yêu thì thế giới như ngọn gió thổi ngoài cửa sổ. Ta không cảm thấy nó, không ngửi thấy nó. Ông có thể kiếm một cô gái gọi, bất cứ lúc nào, có thể lên giường với nhiều bạn gái như ông muốn, nhưng nó không thật. Trong số ấy, không ai ôm ông thật lòng cả."

"Tôi cũng không hay gọi gái gọi, không lên giường với bất cứ phụ nữ nào", tôi phản đối.

"Không có gì khác cả", cô nói.

Ừ, cô có lý. Trong số ấy, không ai ôm tôi thật lòng. Tôi già đi, già đi trong cô đơn, như một con hải sâm bám chặt lấy vách đá dưới đáy biển.

Tôi đi tiếp, chìm sâu trong suy tư nên không nhận ra cô đã dừng chân và va phải tấm lưng mềm của cô.

"Xin lỗi!", tôi nói.

"Suỵt!", cô nắm vai tôi. "Có tiếng động. Ông nghe thấy không?"

Chúng tôi đứng im và dỏng tai nghe có tiếng gì lăn lại gần từ bóng đêm xa xăm. Nó đến từ rất xa phía trước, trên đoạn đường chúng tôi đang đi, và khẽ đến nỗi dễ bị bỏ qua. Tiếng ầm ào yếu ớt, nhưng đồng thời nghe như những tảng

kim loại lớn xô vào nhau. Bất kể âm thanh đó từ đâu ra, nó vang rền không nghỉ và ngày càng to dần. Nghe như một con côn trùng to tướng, lạnh lẽo và kinh tởm bò dọc lên sống lưng ta. Một tiếng rung trầm, vừa vặn lọt vào quãng cảm nhận được của tai người.

Cả không khí cũng rung lên. Một luồng gió đặc sệt thổi qua trên đầu chúng tôi, nặng như cơn lũ bùn lỏng. Một luồng gió ẩm lạnh. Báo trước một sự kiện.

"Liệu có phải động đất?", tôi nói.

"Không, không phải động đất", bạn đồng hành của tôi nói. "Mà khủng khiếp hơn nhiều."

22

Khói Xám

Đúng như ông già nói trước, giờ đây ngày nào cũng xuất hiện một cột khói xám. Khói bốc lên từ một điểm nào đó trong rừng táo và bị một đám mây dày u ám trên trời nuốt chửng ngay. Càng nhìn lâu tôi càng tin rằng rừng táo là nơi sản xuất ra tất cả mây trên thế giới này. Chiều đến, đúng ba giờ thì bắt đầu có khói, và thời điểm kết thúc phụ thuộc vào số súc vật chết. Cứ sau một trận bão tuyết hoặc một đêm giá buốt thì cột khói kéo dài hàng giờ, trông như một trận cháy rừng.

Tôi không hiểu vì sao người ta không nghĩ ra cách gì để cứu những con thú đó.

"Tại sao mọi người không xây chuồng chẳng hạn?", tôi hỏi ông già trong khi chơi cờ. "Vì sao mọi người không bảo vệ chúng chống lại giá lạnh, tuyết và gió? Không nhất thiết phải nhiều nhặn gì. Một mái nhà và vài cọc rào xung quanh là đủ cứu sống được nhiều con vật!"

"Không ăn thua gì đâu", ông già nói, mắt vẫn không

rời bàn cờ. "Cậu nghĩ xem, ta làm chuồng, nhưng bọn chúng không chịu vào. Từ ngàn đời nay chúng ngủ ngoài trời. Kể cả khi vì thế mà bỏ mạng. Giá lạnh và gió tuyết là bạn đồng hành của chúng mà!"

Ông đại tá đẩy quân thầy tế chắn trực diện vua của tôi và xây một chiến lũy kín bưng: kèm hai bên là hai con xe, tạo nên một hỏa tuyến. Giờ thì ông đợi tôi tấn công.

"Nghe cứ như những con vật ấy tự tìm lấy cái chết vậy!", tôi nói.

"Về một khía cạnh nào đó thì đúng thế thật. Nhưng đối với chúng thì giá lạnh và đau đớn là chuyện thường tình, thậm chí có thể là sự giải thoát."

Ông im lặng. Tôi đẩy quân khỉ lại gần tường thành, khiêu khích chúng dãn ra. Thiếu chút nữa thì ông đại tá cũng mắc mưu, nhưng đến sát nút thì ông cũng nhận ra và kéo quân kị sĩ lùi lại một nước, khiến hàng phòng thủ bây giờ trở nên kín mít.

"Dần dần cậu cũng ranh ma ra đấy!", ông già cười.

"Nhưng vẫn chưa thể đọ nổi ông!", tôi cũng cười. "Nhưng quay về chuyện lúc nãy. Ông nói 'giải thoát' nghĩa là sao?"

"Nghĩa là có thể chúng được cái chết giải thoát chứ sao. Tất nhiên chúng chết đi, nhưng cuộc sống mới sẽ bừng dậy vào mùa xuân. Với những con mới đẻ."

"Và những con mới đẻ sẽ lớn lên và chịu đau khổ hệt như vậy cho đến chết, đúng không? Vì sao chúng phải khổ như vậy?"

"Vì đó là quy định", ông già nói. "Cậu đến lượt. Cậu phải ăn con thầy tế của tôi, vì cậu không còn lựa chọn nào khác nếu muốn thắng."

Sau ba ngày tuyết rơi với vài lần gián đoạn nho nhỏ, thời tiết chuyển sang nắng rực rỡ: đường sá ngập tuyết trắng xóa đột nhiên sáng rực dưới ánh mặt trời, chẳng mấy chốc đã róc rách tiếng tuyết tan. Khắp nơi sáng lấp lánh, và chỗ nào cũng nghe tiếng các đụn tuyết rơi ào ào trên cành cây xuống. Tôi kéo tấm rèm nặng che kín mít cửa sổ và trốn kỹ trong phòng để tránh ánh sáng. Nhưng chẳng ích gì - trốn đi đâu cho thoát. Thành phố làm từ băng tuyết tựa như một viên kim cương khổng lồ được mài sắc cạnh, phản chiếu ánh mặt trời vào tận từng ngõ ngách, bắn thẳng nó vào phòng tôi và mắt tôi một cách hiểm hóc.

Cả buổi chiều, tôi nằm sấp trên giường, vùi đầu xuống dưới gối và lắng nghe chim hót - những loài chim khác nhau với tiếng hót cũng khác nhau. Chúng thoáng đậu lên bậu cửa sổ phòng tôi rồi lại bay tiếp sang cửa sổ bên cạnh, vì chúng biết rõ là những ông già ở khu công chức luôn rải ruột bánh mì ra đó cho chúng. Tôi cũng nghe tiếng mấy người già ngồi sưởi nắng và tán gẫu trước nhà. Chỉ mình tôi tránh xa ánh mặt trời ấm áp.

Tôi bò dậy khi trời đã tối, vã nước lạnh lên cặp mắt sưng vù, đeo kính đen và rời đỉnh đồi tuyết phủ đi xuống thư viện. Hôm nay tôi sẽ không đọc được nhiều giấc mơ,

cũng là chuyện thường sau những ngày nắng gắt làm tổn hại mắt. Tôi làm xong một, hai đầu lâu thì con ngươi tôi bắt đầu đau nhói tựa như kim châm bởi luồng tia phát ra từ những giấc mơ xưa. Thêm vào đó hốc mắt nặng trĩu như đổ đầy cát, đầu ngón tay bì ra và vô cảm.

Thường là những hôm như thế cô thủ thư chườm mắt tôi bằng một chiếc khăn ướt lạnh và đun cho tôi một bát xúp loãng hoặc sữa. Thoạt tiên tôi thấy cả hai thứ đều khó nuốt, như có sạn cát, thiếu vị dìu dịu, nhưng dần dần tôi cũng quen vị đó và thậm chí còn thấy ngon miệng.

Tôi nói cho cô biết, và cô mỉm cười mãn nguyện.

"Nghĩa là anh đã dần quen với cuộc sống ở thành phố này rồi đấy", cô nói. "Tất cả những gì mình ăn uống ở đây đều có vị hơi khác so với mọi nơi. Ta chỉ dùng rất ít các nguyên liệu cơ bản. Trông như thịt nhưng không phải thịt, trứng không phải trứng, và cà phê cũng chẳng phải cà phê. Chỉ có vẻ ngoài vậy thôi, toàn là làm nhái cả. Nhưng xúp này rất tốt, nó làm anh ấm người và đỡ nhức đầu hơn, đúng không?"

"Đúng", tôi nói.

Quả thế thật, món xúp làm tôi khỏe lên, và đầu tôi cũng không còn váng vất như ban nãy. Tôi cảm ơn cô rồi nhắm mắt lại để quên hết mọi sự quanh mình.

"Anh còn cần gì nữa không?", cô hỏi tôi.

"Em hỏi thế là sao?"

"Ờ, em cũng không rõ, chỉ có linh cảm như vậy. Ý em là nếu anh cần gì đó để thư giãn tâm hồn anh bị cứng lạnh

trong mùa đông?"

"Cái mà anh cần là ánh mặt trời", tôi nói và hạ cặp kính đen xuống lau rồi lại đeo lên. "Nhưng lại không được. Vì mắt anh không chịu được nắng."

"Không, em ám chỉ thứ gì đơn giản hơn nhiều. Một thứ gì vặt vãnh thôi, cốt xoa dịu tâm hồn. Như vừa nãy em day mắt anh chẳng hạn. Nhất định có thứ gì tương tự cho tâm hồn chứ? Một cách nào đó để tâm hồn thảnh thơi, anh không nhớ ra sao? Người như anh đã làm gì trong thế giới ngoài kia của mình khi tâm hồn xơ cứng?"

Tôi cần nhiều thời gian để lật đi lật lại từng mảnh vụn ký ức còn đọng lại trong óc, nhưng không thể nhớ ra chi tiết nào tương thích với hình dung của cô.

"Anh không nhớ nữa, anh chịu đấy. Có lẽ anh đã đánh mất gần hết trí nhớ của mình rồi."

"Dù là một chuyện cỏn con nào chăng nữa, nếu nhớ ra thì anh cứ nói ngay nhé, được không? Nào, ta hãy cùng nhau nghĩ lại đi. Em muốn giúp anh, dù chỉ là một chút xíu."

Tôi gật đầu và hết sức cố gắng tập trung tinh thần để quay lại với những ký ức về thế giới ngày xưa đã bị vùi lấp. Song những tảng đá sừng sững chắn ngang đường đi, bất di bất dịch - chúng không động đậy một li, mặc cho tôi mắm môi mắm lợi đẩy. Đầu tôi lại bắt đầu nhức. Ngày tôi chia tay với bóng của mình có lẽ cũng là ngày tôi đánh mất hẳn nhân thân của mình. Trong tôi chỉ còn lại duy nhất là tâm hồn, một tâm hồn ngơ ngác và vô nghĩa. Và bây giờ,

khi mùa đông đến, nó lại còn cứng đơ và khóa chặt!

Cô áp tay lên thái dương tôi.

"Không sao, không sao mà. Ta sẽ nghĩ tiếp vào một dịp khác. Biết đâu anh sẽ tình cờ nhớ ra điều gì."

"Ừ, bây giờ anh đọc thêm một giấc mơ nữa", tôi nói.

"Nhưng trông anh mệt mỏi lắm. Có lẽ tốt hơn là mai làm tiếp. Anh không nên cố gắng quá sức. Những giấc mơ xưa có đi đâu mất mà sợ?"

"Không, đọc mơ còn hơn là chẳng làm gì. Ít nhất thì anh cũng đỡ phải suy nghĩ."

Cô nhìn tôi một chặp rồi gật đầu, đứng dậy đi vào kho. Tôi ngồi lại bên bàn, chống đầu lên tay, nhắm mắt lại để chìm vào đêm tối. Liệu mùa đông còn lâu nữa không? Ông già có nói đến một mùa đông lê thê và khắc nghiệt. Và nó mới chỉ bắt đầu! Liệu bóng tôi có qua nổi thời gian này không? Và tôi nữa, tôi và tâm hồn xáo động ngơ ngác - liệu chính tôi có qua nổi mùa đông này không?

Cô đặt đầu lâu lên bàn, lấy một chiếc khăn ẩm lau sạch bụi như mọi khi và đánh bóng lên bằng một chiếc khăn khô. Đột nhiên cô ngẩng đầu lên: "Thật là em không thể làm gì được cho anh?"

"Em làm rất nhiều cho anh rồi mà!", tôi đáp.

Cô ngừng tay lau, ngồi xuống ghế và nhìn tôi chằm chằm. "Em không ám chỉ những công việc ở đây. Mà là chuyện khác. Có thể anh muốn ngủ với em chẳng hạn."

Tôi lắc đầu. "Không, anh không muốn ngủ với em. Nhưng tất nhiên anh rất hân hạnh khi được hỏi như vậy."

"Nhưng sao lại không? Anh cần em cơ mà, không đúng sao?"

"Anh cần em, đúng vậy. Nhưng anh không thể ngủ với em, ít nhất là bây giờ thì chưa. Đây không phải là chuyện cần hay không cần, vấn đề hoàn toàn khác hẳn."

Cô ngồi đờ ra một lúc, miên man suy nghĩ. Nhưng rồi cô lại tiếp tục đánh bóng chiếc đầu lâu. Trong lúc đó tôi ngả đầu ra sau và nhìn đăm đăm lên trần nhà cao và bóng đèn vàng treo trên đó. Tôi không thể ngủ với cô ở đây và lúc này - kệ cho tâm hồn xơ cứng và mùa đông hành hạ. Việc ấy chỉ làm cho tâm hồn tôi thêm rối rắm và gia tăng cảm giác mất mát. Ngoài ra, tôi linh cảm thấy thành phố này muốn tôi ngủ với cô để dễ dàng tiếp cận tâm hồn tôi hơn.

Cô đặt chiếc đầu lâu được lau bóng trước mặt tôi, nhưng tôi không áp tay lên đó mà quan sát đôi tay cô đặt trên bàn, dường như có thể đọc ra một ẩn ý nào đấy. Nhưng vô ích. Đơn giản đó chỉ là mười ngón tay thon mảnh, chẳng nói lên điều gì.

"Em kể cho anh nghe thêm về mẹ em đi!"

"Kể gì cơ?"

"Gì cũng được."

"Ờ...", cô nói và chạm tay vào đầu lâu trên bàn. "Em tin là em cảm nhận về mẹ em khác hẳn so với mọi người. Tất nhiên ngày đó đã xa rồi, và ký ức của em không còn chính xác nữa, nhưng dù sao em vẫn biết rằng tình cảm đối với mẹ khác hẳn so với tình cảm đối với bố hay em gái. Tuy nhiên em cũng không rõ tại sao."

"Tâm hồn là thế đấy. Nó không hoạt động một cách đều đều. Nó như một con sông, luôn đổi dòng cùng cảnh trí nơi nó chảy qua."

Cô mỉm cười. "Nghe có vẻ không đúng."

"Nhưng sự thật là thế", tôi nói. "Vả lại, em vẫn yêu mẹ đến tận bây giờ, phải không?"

"Làm sao em biết được?"

Cô xoay trở chiếc đầu lâu trên bàn mấy lần và nhìn nó chằm chằm.

"Em thấy câu hỏi không rõ ràng, phải không?"

"Vâng, có thể, có lẽ thế thật."

"Được, thế thì anh hỏi ngược lại: em còn nhớ mẹ em thích gì không?"

"Có, cái đó thì em còn biết rõ. Mặt trời, dạo chơi, nghịch nước trong mùa hè, vâng, và mẹ em cũng thích chơi với bọn thú một sừng. Những hôm ấm trời, em và mẹ em hay đi dạo rất lâu. Mọi người ở đây thường không làm thế. Anh cũng thích đi dạo, phải không?"

"Đúng, rất thích", tôi nói. "Anh cũng yêu mặt trời và nước. Em không nhớ thêm được gì nữa à?"

"Có chứ. Ở nhà mẹ hay độc thoại. Nhưng em không biết có nên gọi đó là một sở thích hay không - nhưng đúng là mẹ em hay nói chuyện một mình."

"Nói về gì?"

"Em không nhớ nữa. Nhưng đó không phải là những cuộc độc thoại theo nghĩa thông thường. Em không thể giải thích tại sao, nhưng đối với mẹ em nhất định nó có một ý

nghĩa đặc biệt nào đó."

"Một ý nghĩa đặc biệt?"

"Vâng, mẹ em luôn có một kiểu nhấn mạnh rất buồn cười, kéo dài các từ rồi lại phát âm chúng thật nhanh, hoặc đôi khi nói với giọng cao và đôi khi trầm - nghe như tiếng gió thổi."

Tôi đăm đăm nhìn vào chiếc đầu lâu trong tay cô và lội qua biển sương mù của ký ức một lần nữa. Và lần này tôi đã nhớ ra.

"Một bài hát! Mẹ em đã hát!", tôi nói.

"Anh cũng biết nói như thế à?"

"Bài hát không phải để nói, mà để hát."

"Anh hát xem nào", cô nói.

Tôi hít một hơi sâu và định hát một câu, nhưng không thể nhớ ra điều gì. Mọi bài hát đã trôi tuột khỏi lồng ngực. Tôi nhắm mắt thở dài.

"Chịu thôi. Anh không nhớ ra bài nào cả", tôi nói.

"Anh cần gì để có thể nhớ ra một bài?"

"Ước gì anh có một cái máy quay đĩa và một đĩa hát... Không, thế thì phức tạp quá. Một nhạc cụ nào đó cũng được. Nếu để anh nghịch chơi một nhạc cụ nào đó thì có thể anh sẽ nhớ ra một bài hát."

"Cái mà anh gọi là 'nhạc cụ' trông ra sao?"

"Không thể diễn tả bằng một câu được, có hàng trăm loại nhạc cụ. Cách chơi cũng hoàn toàn khác nhau. Và âm thanh của chúng cũng khác nhau, tùy vào loại nhạc cụ, chưa kể đến hình dáng và kích cỡ. Có những nhạc cụ lớn đến nỗi

bốn người mới khiêng nổi, những loại khác lại để vừa vào lòng bàn tay."

Vừa nói xong câu ấy thì tôi cũng nhận ra rằng chút xíu ký ức mà tôi đang theo đuổi đang dần dần trở nên mạch lạc hơn. Có thể mọi việc sẽ từ từ phát triển theo hướng tốt.

"Có thể ta tìm được gì tương tự trong kho lưu trữ của thư viện. Gọi là 'kho lưu trữ' thì hơi quá, thực ra chỉ là một căn phòng chất đầy những đồ vặt vãnh. Chính em cũng không biết trong đó có gì, vì em mới chỉ liếc qua một lần. Mình vào đó xem nhé?"

"Được", tôi nói. "Hôm nay đằng nào anh cũng không đọc mơ được nữa."

Chúng tôi đi xuyên qua kho lớn với những giá đặt đầu lâu, qua một hành lang mà tôi chưa biết để đến một tấm cửa kính mờ giống như cửa ra vào thư viện. Nắm đấm cửa bằng đồng thau phủ một lớp bụi mỏng, cửa không khóa. Cô thủ thư bật đèn. Trong ánh sáng vàng vọt bụi bặm hiện ra một căn phòng hẹp và dài, chất đầy một núi đồ đạc hất bóng lên tường trắng.

Hầu hết đồ vật ở đây là va li và túi. Đây đó tôi nhìn thấy một hộp đựng máy chữ hay túi bọc vợt tennis, nhưng đó chỉ là trường hợp cá biệt. Phần lớn đồ vật ở đây toàn là va li và túi xách đủ kích cỡ. Có lẽ đến một trăm chiếc, tất cả phủ một lớp bụi trông đến phát kinh. Không thể nhận ra xuất xứ của chúng, nhưng có thể tiên liệu sẽ mất bao nhiêu thì giờ để mở hết ra.

Việc đầu tiên là tôi ngồi thụp xuống và mở một hộp

đựng máy chữ. Bụi chảy xuống ào ào và bay tung như bão tuyết. Một chiếc máy chữ kiểu cổ lộ ra, với những phím to hình tròn như máy tính tiền. Có vẻ như nó đã được dùng nhiều, vì lớp sơn bị tróc ra ở nhiều điểm.

"Em có biết cái gì đây không?"

"Không", cô vừa nói vừa tiến ra đứng cạnh tôi, khoanh hai tay trước ngực. "Em chưa thấy thứ này bao giờ. Đây là nhạc cụ à?"

"Không, đây là một cái máy chữ. Có thể in ra chữ cái. Máy này cũ lắm rồi."

Tôi đóng nắp hộp lại, cất máy về chỗ cũ và quay sang một chiếc rương bằng mây đan. Trong đó có một bộ đồ ăn picnic. Tất cả dao, dĩa, đĩa và chén buộc cẩn thận, giấy ăn đã ngả vàng khè, chắc ngày xưa màu trắng. Cũng là một di vật của ngày xa xưa. Hôm nay người ta chỉ dùng đĩa giấy bạc và cốc giấy, không ai khuân mấy đồ này đi xa nữa.

Trong một túi du lịch to bằng da lợn toàn là quần áo. Com lê, sơ mi, cà vạt, tất, đồ lót - hầu hết đã bị mối cắn nát, không nhận ra nữa. Lẫn trong đó là túi đồ vệ sinh cá nhân và một chai rượu dẹt. Lông chổi cạo râu và cước bàn chải răng đã cứng quèo. Tôi mở chai rượu và ngửi, từ trong chai không còn lấy một thoáng hơi cồn thoát ra. Ngoài ra chẳng có gì trong túi nữa. Không có một quyển sách, sổ tay hay lịch bỏ túi.

Tôi mở thêm mấy va li và túi xách nữa, nhưng các đồ vật trong đó hầu như không khác nhau nhiều. Quần áo và những thứ lặt vặt - tựa như được ai đó vội vã và vô tâm

quẳng vào. Những hành lý này thiếu một thứ gì đó mà người ta luôn mang theo khi đi xa, và chính điều đó cho thấy một sự trái tự nhiên. Chẳng ai ra khỏi nhà chỉ với vài bộ quần áo và đồ vệ sinh! Nói chung tôi không thể phát hiện ra chi tiết nào về cuộc sống và nhân thân của chủ sở hữu trong đó.

Những bộ quần áo có thể nói là thuộc loại tầm tầm, không có thứ nào đặc biệt quý giá hay quá tồi tàn. Tôi chỉ có thể phân biệt ra mốt thời nào và dùng cho mùa nào cũng như các khác biệt về giới tính và thế hệ, ngoài ra không thể nhận ra một ấn tượng đặc biệt nào. Thậm chí chúng cũng có mùi giống nhau, hầu hết bị mối xông nát bét. Không thấy tên tuổi ai. Dường như đã có người cẩn thận kiểm tra từng đồ vật và xóa đi tên tuổi cũng như những gì riêng tư. Giờ chỉ sót lại những miếng vải mẫu vô danh từ các thời đại khác nhau.

Sau năm, sáu túi thì tôi bỏ cuộc, không thèm chạm vào đống đồ đạc ấy nữa. Bụi bay ngạt thở, và tôi tin chắc là khó có thể tìm ra một nhạc cụ trong đó. Nếu ở thành phố này có một nhạc cụ nào đó thì chắc chắn không phải ở đây.

"Ta đi thôi", tôi nói. "Bụi quá, anh cay hết cả mắt."

"Anh có thất vọng vì không tìm thấy nhạc cụ nào không?"

"Có, nhưng biết đâu mình sẽ tìm ra ở nơi khác", tôi nói.

Khi tôi chia tay cô và một mình trèo lên Đồi Tây,

chợt gió mùa nổi lên ầm ầm, nó quét rào rào trên sườn dốc sau lưng tựa như có chủ ý đuổi theo tôi. Cánh rừng hú lên lanh lảnh xé tai. Tôi quay lại, thấy nửa vầng trăng treo trên đỉnh tháp đồng hồ, cô đơn và lạnh lùng. Những đám mây dày trôi qua quầng sáng. Dòng sông óng ánh như mực dưới ánh trăng.

Bỗng dưng tôi nhớ ra một chiếc khăn len quàng cổ trong một va li ở kho lưu trữ. Nó đã bị mối cắn thủng mấy lỗ nhưng quấn vài vòng quanh cổ thì chắc sẽ ấm lắm. Tôi sẽ hỏi ông gác cổng, và chắc chắn sẽ được thông tin về chủ nhân của đồ đạc ở đó và liệu tôi có được phép sử dụng không. Không có khăn, tai tôi đau nhức trong gió lạnh như bị dao cắt. Ngày mai việc đầu tiên là tôi sẽ đến chỗ ông gác cổng. Ngoài ra tôi cũng phải biết bóng mình ra sao.

Tôi quay lưng lại với thành phố và theo con đường đóng băng leo lên khu công chức trên đồi.

23

Hố, Vắt, Tháp

"Không, không phải động đất", cô bạn đồng hành mũm mĩm nói. "Mà khủng khiếp hơn nhiều."

"Giống cái gì?"

Cô lấy hơi để nói, nhưng lập tức lắc đầu: "Bây giờ thì không có thì giờ giải thích. Chạy nhanh lên, nhanh hết mức có thể, cứ nhằm thẳng hướng mà chạy. Đó là lối thoát duy nhất. Bụng anh sẽ đau đấy, nhưng còn hơn là chết!"

Chúng tôi chạy đứt hơi, vẫn nối với nhau bằng sợi thừng. Cây đèn trong tay cô gái hất lên hất xuống như điên và vẽ những đường dích dắc lên vách đá cao. Đồ đạc trong ba lô tôi nảy lọc xọc. Đồ hộp, bi đông, chai whiskey. Tôi ước gì được vứt bớt chúng đi và chỉ giữ lại những gì cần thiết nhất, song không dám dừng lại lấy một giây. Tôi nghiến răng bám sát gót cô gái, thậm chí không còn tâm trí nào nghĩ đến vết đau. Sợi dây nối hai người không cho phép tôi chậm chân hơn. Hơi thở dồn dập của cô và tiếng ba lô tôi nảy lọc xọc vang lên thành nhịp trong bóng đêm, nhưng

rốt cuộc vẫn bị chìm đi trong tiếng gầm gào của lòng đất ngày càng to hơn.

Một mặt, tiếng gầm ngày càng to hơn vì chúng tôi chạy thẳng đến hướng đó, mặt khác ngay chính nó cũng liên tục to lên. Vừa còn nghe như một tiếng sấm trong lòng đất sâu, giờ nó đã như một tiếng khò khè dữ dội. Một tiếng động như không khí bị ép trong hai lá phổi khổng lồ muốn tạo thành ngôn ngữ sâu tận cuống họng. Sau đó đến tiếng rào rạo như đá đổ và lòng đất bắt đầu rục rịch. Dưới chân chúng tôi, một cái gì như định mệnh bắt đầu chuyển động; tôi không biết nó là gì, nhưng có lẽ nó sắp nuốt chửng chúng tôi.

Nghĩ đến việc đang chạy thẳng vào tâm điểm tiếng gầm thì quả là không phấn khích cho lắm, nhưng cô gái đã nhắm hướng này và tôi không còn sự lựa chọn nào khác. Tôi phải chạy, chừng nào còn chạy được.

May mà trên đường đi thẳng tuột này không những không có trở ngại nào, mà lại còn bằng phẳng như đường lăn bóng bowling nên chúng tôi chạy được dễ dàng.

Tiếng khò khè ngày càng dồn dập. Có vẻ như nó vừa làm rung chuyển bóng đêm trong lòng đất vừa hướng đến một điểm đáng sợ nhất định. Đôi lúc nghe có tiếng nghiến rào rạo như những hòn đá khổng lồ dồn vào nhau, dường như mọi sức mạnh bị giam nhốt trong đêm đen đang tuyệt vọng vùng lên giải thoát mình khỏi dây trói.

Một lát sau, tiếng đá nghiến đột ngột chấm dứt. Giây lát im lặng, rồi một tiếng gió hút kỳ quái vang lên như hàng

nghìn ông già hít hơi qua kẽ răng. Chỉ có thế thôi. Không còn tiếng gầm gào, khò khè của vách đá. Chỉ có tiếng gió hút ù tai ngập đầy bóng tối. Đó là tiếng hồng hộc lấy hơi hỉ hả của bầy thú dữ chuẩn bị nhảy tới vồ mồi, tiếng soàn soạt của một tỉ con giun thoăn thoắt co gập cái đầu ghê tởm của chúng khi đánh hơi thấy gì. Nhưng dù tiếng động này từ đâu sinh ra - tôi chưa hề nghe thấy âm thanh nào ghê rợn và thâm hiểm như vậy trong đời.

Nó đáng sợ ở chỗ hình như cuốn hút chúng tôi. Chủ nhân của tiếng động đó biết là chúng tôi đang chạy lại gần và hắn vui mừng đắc ý trong tâm hồn đen tối của mình. Nỗi sợ hãi khiến tôi tê cứng đầu óc trong khi chạy. Không, không phải động đất, cô gái nói đúng. Mà khủng khiếp hơn nhiều. Chỉ không thể biết nó là gì. Toàn bộ tình cảnh đã vượt khỏi sức tưởng tượng của tôi từ lâu, hay nói một cách khác là tôi đã tiệm cận được giới hạn của ý thức. Đã hết sức để hình dung. Chỉ có cơ thể tôi chuyển động hết khả năng sót lại của cơ bắp, nó nhảy qua những vực sâu toang hoác nối nhau giữa sức tưởng tượng và hiện thực. Ít nhất thì cũng còn hơn không làm được gì.

Tôi không thể nói bao lâu, nhưng có vẻ như chúng tôi chạy một đoạn dài. Ba, bốn phút gì đó, hay cũng có thể ba mươi, bốn mươi phút. Nỗi sợ và bấn loạn vì sợ đã làm tê liệt cảm giác thời gian. Tôi không nhận ra sức lực đã kiệt, thậm chí tín hiệu báo đau ở bụng cũng không lên được đến não. Chỉ có hai cùi tay có vẻ như cứng đờ ra một cách khó hiểu, ngoài ra tôi không cảm nhận được cơ thể mình trong

khi chạy. Nói đúng ra là tôi cũng không cảm thấy mình đang chạy. Chân tôi cứ thế liên tục vung về phía trước. Tựa như một bóng khí khổng lồ cứ thế đẩy tôi đi, liên tục, không nghỉ.

Cảm giác cùi tay cứng đờ đến từ tai, tôi nghĩ vậy, cho dù trong khi chạy không chắc chắn chút nào. Để không bị cuốn hút bởi tiếng gió rít khủng khiếp, trong khi chạy tôi đã vô thức làm cứng hai tai, do đó hai vai bị đơ ra và từ đó lan xuống cùi tay. Tôi chỉ nhận ra điều đó khi xô ngã cô gái và trong khi ngã còn cố gắng băng qua người cô để chạy tiếp. Hầu như tôi không nghe được tiếng cô hét lên. Nó lọt đến tai tôi, dĩ nhiên, song vì tôi chủ tâm ngăn không cho tín hiệu hữu thể - giọng nói của cô - chuyển hóa thành nhận thức nên không nhận ra tiếng cảnh báo là cảnh báo.

Ý nghĩ đó bừng trong óc tôi khi tôi ngã đập đầu xuống nền đá. Tôi đã vô tình điều tiết thính giác của mình. Phải chăng đó là một dạng "cắt âm thanh"? Trong tình thế cực đoan, con người phát triển những khả năng kỳ diệu. Biết đâu tôi đã leo thêm được một bậc trên thang tiến hóa.

Sau đó - nói chính xác hơn là đồng thời - thái dương tôi đau như xé. Màn đêm trước mắt tôi nổ tung, thời gian khựng lại, tôi nghĩ là mình quay vun vút trong khi rơi thụt vào một khoảng chân không. Đau kinh khủng. Có lẽ tôi đã rạn xương sọ. Nhất định đỉnh đầu bị lõm hẳn vào và óc bắn tung đến đâu không rõ. Nghĩa là tôi đã chết, chỉ còn vài mảnh vụn ý thức vẫn giãy giụa như cái đuôi con thằn lằn bị giẫm nát.

Tuy nhiên sau giây lát đó thì tôi biết là mình vẫn sống, mình còn thở. Vì tôi thấy đau khủng khiếp. Nước mắt trào ra và chảy đầy mặt, chảy vào miệng, rỏ xuống nền đá cứng. Chưa bao giờ tôi bị va mạnh vào đầu như vậy.

Tôi nghĩ mình sẽ ngất ngay, nhưng có gì đó giữ chặt tôi lại trên thế giới của đau đớn và tăm tối này - một tia ký ức, nhắc nhở rằng tôi đang trên đường đến một đích nào đó. Đúng rồi, tôi đang định làm một việc gì. Tôi đã chạy và vấp ngã. Tôi đang bị săn đuổi. Tôi không được phép ngủ thiếp đi ở đây. Chỉ là một tia ký ức nhỏ nhoi thảm hại, nhưng tôi nghiến răng bám ghì lấy nó.

Thực sự là tôi bám ghì lấy nó, theo đúng nghĩa đen của chữ này. Nhưng khi ý thức dần dần hồi phục thì tôi nhận ra đó không phải một tia ký ức mà tôi đang bám vào, mà là sợi dây dù. Trong một chớp mắt, tôi cho mình là một tấm chăn bị gió thổi phần phật tơi tả. Tôi cưỡng lại sức gió, cưỡng lại lực trọng trường, cưỡng lại mọi thế lực đè lên và toan quật tôi xuống đất, tôi nhất quyết hoàn thành sứ mệnh tấm chăn của mình. Cũng chẳng rõ vì sao tôi nghĩ lẩn thẩn như vậy. Có thể đó là một thói quen của tôi hay suy các hoàn cảnh và tình trạng thành hình ảnh thực dụng.

Cảm nhận tiếp theo của tôi là nửa trên và nửa dưới cơ thể tôi ở hai trạng thái rất khác nhau. Nói chính xác là nửa dưới người tôi hoàn toàn điếc đặc. Cảm giác ở nửa trên vẫn bình thường: đầu đau, mặt úp xuống nền đá lạnh, hai tay bám sợi dây dù, dạ dày dồn lên đến dưới cằm, một vật nhọn chọc vào ngực. Vẫn bình thường. Nhưng tôi không rõ có gì

xảy ra với nửa người bên dưới.

Có thể nó không còn nữa, tôi nghĩ bụng. Cú đập ngã đã cắt người tôi thành hai nửa, đâu đó ở ngang vết thương, và quăng đi đâu đó nửa bên dưới. Hai cẳng, ngón chân, bụng, dương vật, bìu dái… không, không thể thế được, tôi nghĩ bụng, nếu mất đi nửa dưới cơ thể thì tôi phải thấy đau hơn nhiều chứ.

Tôi thử đánh giá tình hình một cách tỉnh táo. Nửa dưới người tôi còn đấy. Nó vẫn tồn tại, song ở một trạng thái mà tôi không cảm thấy. Tôi nhắm mắt, lái những làn sóng đau vẫn cuồn cuộn tràn đến chạy lệch qua người mình và tập trung mọi mẫn cảm vào nửa thân bên dưới. Sự cố gắng này giống như cố cương một dương vật ỉu xìu chỉ bằng tập trung tinh thần. Tôi bơm sức lực vào một khoảng trống.

Tôi thấy nửa dưới người mình đang ở trong tình trạng nửa có nửa không. Một kiểu lơ lửng… đúng vậy! Nó treo lơ lửng trong khoảng trống phía bên kia núi đá, còn nửa trên thì còn cố bám giữ được nó. Vì thế mà tay tôi cứ bám chặt lấy sợi dây dù!

Khi mở mắt ra, một luồng ánh sáng làm tôi chói lòa. Cô gái mũm mĩm chiếu đèn vào mặt tôi.

Tôi bám chặt hơn vào dây dù và cố đu người lên phiến đá.

“Nhanh lên!”, cô gái nói. “Nhanh lên, không thì cả hai cùng mất mạng!”

Tôi định vung hai chân lên phiến đá nhưng không xong. Mà cũng không đặt chân được vào đâu. Tôi liều mạng

thả dây ra, chống mạnh hai cùi tay và rướn lên. Người tôi nặng như bao cát, còn nền đất thì trơn nhẫy như dính máu. Nhưng tôi không còn thì giờ để suy nghĩ thêm. Tôi trườn bụng vượt qua bờ đá, một cơn đau nhói lên, tựa như bụng bị rạch thêm lần nữa. Có cảm giác như ai đó đi ủng đạp tôi ngã xuống đất, nát nhừ gan ruột, nát cả thân thể, cả cuộc sống, cả con người tôi.

Mặc dù vậy tôi vẫn rướn được người lên từng phân một. Thắt lưng tôi vướng vào cạnh đá, đồng thời dây dù móc ở đó bị kéo lên. Nhưng nó chẳng giúp gì, ngược lại chỉ làm tôi tập trung hơn vào vết đau trên bụng.

"Thả dây ra!", tôi hét về phía ánh sáng. "Đừng kéo! Tôi tự leo được!"

"Được không?"

"Phải được."

Kệ cho khóa thắt lưng kẹt vào cạnh đá, tôi lấy hết sức bình sinh vung một chân lên phiến đá và cuối cùng cũng leo lên được khỏi cái hố đen khốn nạn. Khi chắc chắn là tôi không còn lơ lửng trên miệng hố, cô gái chạy tới sờ khắp người tôi xem có bị thương chỗ nào không.

"Tôi không kéo ông lên được, xin lỗi", cô nói. "Tôi cũng phải bám chặt vào vách đá để khỏi rơi xuống cái hố này."

"Không sao. Nhưng sao cô không nói trước là ở đây có hố?"

"Không có thì giờ. Nhưng tôi có hét 'Dừng lại'! mà."

"Tôi không nghe thấy", tôi nói.

"Dù thế nào thì ta cũng phải rời khỏi đây tắp lự", cô

nói. "Ở đây có rất nhiều hố loại này, ta phải cẩn thận đi vòng. Không xa nữa đâu. Nhưng nếu mình không nhanh chân thì sẽ bị chúng nó sẽ hút sạch máu, và mình sẽ thiếp đi cho đến chết."

"Chúng nó? Máu?"

Cô chĩa ánh đèn vào cái hố mà tôi vừa may thoát ra được. Miệng hố tròn xoe như vạch bằng com pa, có đường kính chừng một thước. Cô lia đèn: mặt đất xung quanh chi chít những hố tương tự cho đến ngút tầm mắt. Tựa như một tổ ong khổng lồ.

Vách đá dựng đứng viền hai bên đường đi đã biến mất, trước mắt chúng tôi là bình nguyên trải rộng với vô số hố giếng. Các vệt đường đi giữa các miệng hố rộng nhất là một thước, đoạn hẹp nhất chỉ khoảng ba chục phân, tuy nhiên có thể vượt qua được nếu chú ý nhìn đường.

Vấn đề chỉ là mặt đất có vẻ như chuyển động. Trông rất kỳ dị. Nền đất lẽ ra phải cứng như đá, song nó bập bềnh như cát bồi. Thoạt tiên tôi cho rằng do ngã nên thần kinh thị giác bị tổn hại, do đó tôi chiếu đèn pin lên lòng bàn tay. Song nó không run rẩy hay nhòe nhoẹt đi. Vẫn là bàn tay quen thuộc xưa nay. Vậy là mắt tôi còn tốt. Chỉ có mặt đất là đang chuyển động.

"Vắt", cô nói. "Chúng chui hàng đàn từ dưới hố lên. Nếu mình không đi khỏi thì chúng sẽ hút kiệt mình cho đến khi chỉ còn da bọc xương."

"Đó là mối nguy hiểm mà lúc nãy cô đã nhắc tới?", tôi hỏi.

"Không. Vắt mới chỉ là tốp tiên phong, chưa phải là cái tệ nhất đâu. Nhanh lên!"

Vẫn nối nhau bởi sợi dây dù, chúng tôi vạch đường đi qua bình nguyên đá đầy vắt. Vô số những con đã bị xéo nát dưới đế cao su của đôi giày tennis khiến tôi có cảm giác như đi trên bùn, một cảm giác tởm lợm truyền từ chân lên đến lưng.

"Ông cẩn thận khi đặt chân xuống, nếu rơi vào hố là đi đời! Dưới đó là cả một biển vắt đấy!", cô gái nói.

Cô ngoắc tay vào khuỷu tay tôi, còn tôi nắm vào gấu áo khoác của cô. Dò dẫm trên vệt đường rộng ba chục phân trơn nhẫy trong bóng đêm quả không phải dễ dàng gì. Những con vắt bị xéo nát dính vào đế giày như keo, chân giẫm không có cảm giác bám. Mấy con vắt bám vào quần áo tôi lúc ngã bây giờ hút máu ở cổ và tai, tôi cảm thấy rõ rệt nhưng không gạt chúng ra được. Vì tôi bận cả hai tay: tay trái cầm đèn pin, tay phải nắm gấu áo khoác của cô gái. Tôi dùng đèn chiếu sáng đường đi và muốn hay không vẫn cứ phải nhìn những con vắt. Chúng nhiều đến nỗi nhìn cũng phát buồn nôn, ngày càng đông hơn từ các hố đen lúc nhúc bò lên.

"Nhất định bọn ma đen ngày xưa vứt nạn nhân của chúng vào những hố này", tôi nói.

"Giỏi", cô gái nói. "Ông là một người rất thông minh đấy. Lũ ma đen cho rằng bọn vắt được con cá phái đến với các thần dân của nó. Vì vậy chúng cũng dâng lễ vật cho vắt như cho cá. Đó là các nạn nhân còn tươi, có lắm thịt và

máu. Đa số là những người mà chúng chộp được ở đâu đó và lôi về đây."

"Tục lệ này hôm nay không còn nữa, đúng không?"

"Tôi cũng nghĩ thế. Bọn ma đen thích tự ngốn thịt người hơn. Cùng lắm là chúng đem dâng cho vắt và cá những cái đầu bị cắt ra, như một kiểu lễ vật tượng trưng, ông tôi nói vậy. Dù sao, từ ngày nơi này trở thành thánh địa thì ít ai đến."

Chúng tôi đi vòng tránh từng hố một và xéo nát có lẽ đến vài chục nghìn con vắt. Đã mấy lần tôi hoặc cô gái suýt nữa trượt ngã nhưng rồi cũng bám được vào nhau.

Tiếng rít khòng khọc tởm lợm trong không khí rõ ràng từ dưới hố vọng lên. Như những bụi cây đen trong đêm vươn vòi ra bám vào chúng tôi. Nghe kỹ thì như tiếng rống của những sinh vật bị chặt đầu đang phát ra tiếng oán thán từ cổ họng lộ thiên.

"Nước đang lên", cô gái nói. "Vắt chỉ xuất hiện trước đó. Khi chúng biến mất thì nước dâng lên từ các hố, tất cả chỗ này sẽ hóa thành một đầm lầy. Bọn vắt biết thế nên chúng bò ra. Ta phải kiếm cách đi đến điện thờ trước khi nước đến."

"Cô biết mọi chuyện?", tôi nói. "Sao cô không cho tôi biết trước?"

"Tôi cũng không biết chính xác. Không phải hôm nào cũng có nước, chỉ hai, ba lần trong tháng thôi. Làm sao tôi biết được chính hôm nay xảy ra?"

"Họa vô đơn chí mà", tôi bật ra ý nghĩ vẫn lởn vởn

trong đầu từ sáng sớm hôm nay.

Chúng tôi thận trọng dò từng bước đi tiếp từ hố này đến hố sau. Đi mãi vẫn không hết đường. Có lẽ những hố này nối nhau đến tận cùng thế giới. Dưới đế giày dính nhiều vắt đến nỗi không cảm thấy nền đất nữa. Mải tập trung vào mỗi bước chân khiến chúng tôi lảo đảo khó giữ thăng bằng. Trong những tình thế cực đoan, nhiều khi người ta khỏe vượt lên chính mình, nhưng khả năng tập trung tinh thần thì bị giới hạn nhiều hơn vẫn tưởng. Ở một trạng thái kéo dài lê thê, bất kể đó là trạng thái gì, nó giảm đi không cưỡng nổi. Sự nhạy bén khi đánh giá nguy hiểm và sức tưởng tượng cùn hẳn đi, đầu óc ngày càng trống rỗng.

"Mấy bước nữa thôi", cô gái nói với tôi. "Mấy bước nữa là ta đến chỗ an toàn."

Tôi không thốt ra lấy một lời, đành chỉ gật đầu. Một lát sau tôi mới ngộ ra là gật đầu trong đêm tối chẳng có ý nghĩa gì.

"Ông có nghe tôi nói không? Ổn cả chứ?"

"Ổn cả. Tôi chỉ lợm giọng quá", tôi đáp lại.

Suốt buổi tôi đã thấy buồn nôn. Đám vắt lúc nhúc, mùi hôi hám và lớp nhầy của chúng, tiếng rú rít kinh tởm, đêm đen, tình trạng kiệt sức muốn lăn quay ra ngủ - tất cả cộng lại thắt chặt lấy dạ dày tôi như một đai sắt. Lưỡi tôi đã thấy vị lờm lợm của dịch tiêu hóa. Tôi đã hết sức để tập trung tinh thần. Tôi cảm thấy mình như một chiếc dương cầm không được chỉnh dây từ năm năm nay và chỉ có đủ

phím cho ba quãng tám. Tôi đã quờ quạng đi được bao nhiêu tiếng trong đêm đen này rồi? Ở thế giới trên kia mấy giờ rồi? Trời đã sáng chưa? Người ta đã đưa báo đến nhà chưa?

Thậm chí tôi không thấy mặt đồng hồ, vì còn bận chiếu đèn xuống đất và dò dẫm đặt từng bước chân. Ước gì tôi được thấy bầu trời ban mai hửng dần lên, được uống một ngụm sữa nóng, được ngửi thấy cây cỏ lúc sáng sớm và giở từng trang báo. Tôi ngán tận cổ bóng đêm và lũ vắt hút máu, những hố sâu và bọn ma đen. Từng sợi cơ và mạch máu trong người tôi khao khát đón ánh sáng. Chỉ cần một tia là đủ. Một tia của ánh sáng thực, không phải ánh đèn pin, một tia nhỏ tí xíu tội nghiệp mà thôi.

Nghĩ đến ánh sáng mà dạ dày tôi quặn lên như bị bóp trong một nắm đấm, miệng tôi ứ lên vị chua lòm, tanh loét như mùi cơm thiu.

"Ra khỏi đây rồi thì ông muốn nôn bao nhiêu cũng được. Cố lên chút nữa thôi nào!", cô gái nói. Và cô bóp chặt cùi tay tôi.

"Tôi không nôn đâu!", tôi nói.

"Hãy tin tôi", cô nói. "Sắp qua rồi. Có thể là họa vô đơn chí, nhưng chuyện này rồi cũng có lúc kết thúc", giọng cô tràn đầy lạc quan.

Nhưng có vẻ như các hố đen không bao giờ hết. Tựa như chúng tôi chạy vòng quanh một chỗ. Tôi buộc phải nhớ đến tờ báo mới in. Mới đến nỗi mực in còn dây ra ngón tay. Kẹp trong báo là một tập dày quảng cáo. Trong báo có

đủ chuyện, về mọi sự buồn vui trên đời. Thủ tướng thức dậy lúc mấy giờ, tình hình thị trường chứng khoán, cả một gia đình tự tử, cách nấu món ăn tối nay, mốt váy dạo này ngắn đến đâu, bình luận đĩa hát, quảng cáo mối mai bất động sản, vân vân.

Vấn đề ở chỗ: tôi không đặt báo dài hạn. Từ khoảng ba năm nay tôi không đọc báo. Tôi cũng không rõ vì sao ngừng đọc báo, chỉ biết là tôi không đọc nữa. Có thể vì báo và ti vi không còn chỗ trong cuộc đời tôi nữa. Sợi dây liên lạc duy nhất giữa tôi và thế giới là những con số được chuyển đến mà tôi sẽ biến hóa chúng trong đầu thành dạng khác, trong thì giờ rảnh rỗi tôi đọc tiểu thuyết cũ, hoặc vừa xem các phim sến của Hollywood trên băng video vừa uống bia và whiskey. Không đếm xỉa đến báo và tạp chí.

Nhưng ở cái thế giới không còn ánh sáng này, trong bóng đêm đen phi lý này, giữa vô vàn hố sâu và hàng tỉ con vắt thì tôi không có khát khao nào lớn hơn là được cầm một tờ báo. Để được lăn ra một chỗ ấm áp và đọc từ dòng đầu đến dòng cuối, từng chữ cái một, như một con mèo liếm từng giọt sữa trên đĩa. Tôi sẽ mút từng giọt lóng lánh của cuộc sống dưới ánh mặt trời cho nó thấm vào từng đường gân thớ thịt.

"Điện thờ phía trước kia kìa", cô gái nói.

Thiếu một chút nữa thì tôi trượt chân, vì vậy tôi không ngước lên nhìn được. Tuy nhiên đằng nào chúng tôi phải đến sát tận nơi mới thấy được hình dáng và màu sắc của điện thờ. Tôi cố tập trung tinh thần dấn bước đi tiếp.

"Chỉ độ mười thước nữa thôi", cô gái nói.

Như theo lệnh, tiếng rít hổn hển dưới hố đột ngột chấm dứt. Quá đột ngột và dị thường, như một ai đó dưới lòng đất sâu dùng một chiếc rìu khổng lồ chặt một nhát đứt phăng nguồn âm thanh. Không cảnh báo trước, không một tiếng vọng sót lại, tiếng động ù tai từ lòng đất trào lên ngập tràn không trung bỗng im phắc trong nháy mắt, khiến người ta tưởng rằng không phải tiếng động mà chính không gian vang vang của nó biến mất. Nó biến mất một cách đột ngột đến nỗi tôi loạng choạng mất thăng bằng một thoáng và suýt trượt ngã.

Vây quanh chúng tôi là sự im lặng gần như đông đặc, một sự im lặng đột ngột xuất hiện trong bóng đêm, tệ hại hơn bất cứ âm thanh ghê sợ nào. Người ta có thể quen với bất cứ tiếng động nào. Nhưng im lặng là chân không, là hư vô. Nó không hiện hữu, nhưng vẫn bao bọc quanh ta. Một áp suất đè lên màng nhĩ tôi, dường như khí quyển bị nén chặt lại. Tai tôi không rõ phải phản ứng ra sao trước sự im lặng đột ngột ấy và nỗ lực hết mức để cố nghe ra một tín hiệu nào trong đó.

Song đây là một sự im lặng hoàn hảo. Tiếng rú đã chấm dứt và không tái diễn. Chúng tôi sững lại lắng nghe. Để bớt sức ép trong tai, tôi nuốt nước bọt nhưng không đỡ mấy; chỉ nghe có tiếng soàn soạt rất to và dị thường, như tiếng kim máy quay đĩa chạm lên đĩa quay.

"Nước đã rút chưa?", tôi hỏi.

"Không, bây giờ mới lên", cô nói. "Tiếng lục khục là

do không khí dồn nén trong các khúc quanh của nước bị ép bắn ra. Giờ thì không còn gì cản được nước nữa."

Cô nắm tay tôi, và chúng tôi đi vòng qua mấy hố cuối cùng. Dưới đất đã thấy ít vắt bám hơn, cũng có thể là tôi chỉ tưởng tượng ra. Sau năm, sáu hố thì chúng tôi đặt chân lên nền đá phẳng phiu. Không còn hố nào, cũng hết cả vắt. Chắc chúng đã rút đi theo hướng ngược lại. Tôi đã vượt qua đoạn gian khó nhất. Thà chết đuối còn hơn sặc sụa dưới một hố sâu đầy vắt như thế.

Gần như vô thức, tôi đưa tay lên cổ dứt mấy con vắt bám ở đó ra. Nhưng cô gạt tay tôi ra.

"Tí nữa", cô nói. "Trước tiên phải trèo lên tháp đã, không thì chết đuối mất." Cô rảo chân chạy trước, vẫn nắm chặt tay tôi. "Ông sẽ không chết vì năm, sáu con vắt đâu, với lại nếu giật ra thì ông sẽ làm toạc da ra đấy. Ông không biết à?"

"Không", tôi nói. Quả là tôi dốt đặc.

Sau hai, ba chục bước cô kéo tay tôi đứng lại và lấy đèn pin chiếu lên "ngọn tháp" cao trước mặt. Nó sừng sững chắn lối, trơn lì, hình trụ và vươn thẳng tắp trong đêm đen. Càng lên cao nó càng thuôn vào như một ngọn hải đăng, nhưng không thể đoán được cao bao nhiêu. Chúng tôi không có thì giờ, mà ngọn tháp cũng quá lớn để soi sáng được từng chi tiết. Cô bạn đồng hành cũng chỉ cho ánh sáng lướt qua trên thân "tháp" rồi lại chạy tiếp ngay. Cô chạy lên một dạng cầu thang bên sườn tháp. Còn tôi dĩ nhiên cố gắng bám theo.

Nhìn xa xa và trong ánh đèn pin yếu ớt thì "ngọn tháp" gây ấn tượng như một tượng đài hoành tráng và kiêu hãnh, một tác phẩm tuyệt đỉnh do bàn tay nghệ nhân tạo tác trong bao năm trời. Nhưng khi tiến lại gần và chạm tay vào thì người ta cũng chỉ cảm thấy đó là vách đá thô ráp, một sản phẩm ngẫu nhiên của sự bào mòn trong tự nhiên. Cả cầu thang do bọn ma đen làm ra cũng không xứng với cái tên gọi ấy. Các bậc thang gồ ghề và lệch lạc, không đủ rộng ngang cho một bàn chân, đôi chỗ thiếu hẳn vài bậc. Leo đến đó thì phải bám chân vào đá, nhưng do phải bám chặt cả bằng hai tay để khỏi ngã và không chiếu sáng được từng bậc thang nên nhiều lúc chúng tôi bị hẫng bước. Chắc là không thành vấn đề với bọn ma đen vốn nhìn được trong đêm, còn đối với chúng tôi thì cầu thang này là một thứ vá víu vụng về và nguy hiểm. Chúng tôi áp chặt người vào vách đá như con thạch sùng và dò từng bậc đi lên trên. Đến bậc thứ ba mươi sáu - tôi không sao bỏ được tật đếm bậc thang - tôi nghe một tiếng động kỳ quái trong bóng tối phía dưới, một tiếng vỗ, nghe như ai đó quật miếng thịt bò khổng lồ lên bức tường phẳng. Một tiếng vỗ nông, ướt át và tối hậu. Tiếp theo, như cây gậy nhạc trưởng vút lên báo hiệu kịch tính trào dâng, là sự câm lặng khủng khiếp kéo dài một giây khắc khoải mong chờ. Tôi treo trên vách núi, hai tay quặp chặt vào đá, đợi xem có gì sẽ xảy ra.

Và nó đến. Tiếng ào ào của nước. Nước phóng ra từ muôn vàn hố sâu nơi chúng tôi vừa đi qua. Không chỉ là những vũng con con. Tôi chợt nhớ đến bộ phim tài liệu về

lễ khai mạc trang trọng một con đập ngăn mà tôi đã xem hồi học cấp I. Sau khi ông thị trưởng - hoặc một người nào đó không rõ - ấn nút, các cánh cửa đập mở ra và những cột nước hùng vĩ trào ra tung bọt trắng xóa. Thời đó các rạp hay chiếu phim tài liệu và hoạt hình. Vừa xem tôi vừa rùng mình cố gắng hình dung ra hậu quả khi vì một lý do nào đó mà mình đứng dưới khối nước ầm ầm như sấm sét đổ xuống. Trẻ con hay nghĩ rằng trong những hoàn cảnh nguy hiểm thường có một thiên thần hộ mệnh xuất hiện và cứu chúng. Ít nhất thì tôi cũng nghĩ như vậy hồi còn bé.

"Nước dâng cao đến đâu?", tôi hỏi cô gái đang ở trên tôi mấy bậc.

"Cao", cô trả lời cộc lốc. "Nếu mình không muốn chết đuối thì phải leo cao hơn nữa. Chắc chắn nước không lên đến đỉnh. Tôi cũng không biết gì hơn."

"Còn bao nhiêu bậc nữa đến đỉnh?"

"Nhiều", cô nói. Một câu trả lời dễ thương. Cảm ơn.

Chúng tôi leo nhanh như có thể theo vòng xoắn ốc lên đỉnh "tháp". Nghe tiếng nước xoáy mà đoán thì "ngọn tháp" mà chúng tôi đang leo nhất định vươn cao giữa bình nguyên rộng lớn với vô số hố vắt. Có thể nói là chúng tôi đang leo lên cây cột trang trí dựng giữa một đài phun nước ngoại cỡ. Và quảng trường xung quanh đài phun nước, chính cái bình nguyên bao la ấy, biến thành một đầm lầy ngập nước - nếu cô gái nói đúng - và hòn đảo ở giữa là phần trên hay đỉnh nhọn của "ngọn tháp" này.

Ánh sáng từ chiếc đèn pin đeo lủng lẳng bên sườn cô

gái vẽ ra một họa tiết rối rắm trong màn đêm. Tôi chỉ nhắm theo nguồn sáng đó mà leo tiếp. Một lúc nào đó tôi bỏ không đếm bậc nữa, nhưng chắc chúng tôi đã leo được trăm rưởi hay hai trăm bậc. Tiếng nước đổ ào ào ban đầu khẽ dần, nhường chỗ cho tiếng réo của một con suối chảy xiết rồi chuyển sang róc rách. Nước vẫn dâng tiếp, không nghi ngờ gì. Tôi không thể nhìn thấy mực nước, nhưng tôi cũng chẳng ngạc nhiên nếu thấy ướt lạnh dưới chân. Có cảm giác như đang bực bội mà chìm vào một cơn ác mộng và qua đó mà sự bực bội ngày càng tệ hại hơn. Có gì đó săn đuổi tôi, mà tôi không thoát hẳn được nó. Nó mỗi lúc một lại gần và chộp lấy tôi, lạnh toát và trơn nhẫy. Tình cảnh trong mơ đã tuyệt vọng, ra ngoài thực tế trần trụi còn khủng khiếp hơn. Tôi không leo bậc thang nữa, mà bám hai tay vào đá kéo mình lên cao.

Bỗng dưng tôi nảy ra ý định cứ mặc cho nước đẩy mình lên. Trước tiên là dễ dàng hơn, thứ hai là cũng thoát nguy cơ bị rơi xuống. Tôi suy đi nghĩ lại một hồi. Kể ra cũng là một ý tưởng không dở, ngay cả khi do chính tôi nghĩ ra.

Nhưng khi nghe tôi trình bày, cô thẳng tay gạt bỏ. "Dưới bề mặt có dòng chảy rất xiết. Ông mà rơi vào xoáy thì không bao giờ nổi lên được nữa đâu. Và nếu được: ông định bơi đi đâu trong đêm tối thế này?"

Tóm lại là chỉ có một đường, đó là từng bước dần dần trèo lên, cho dù có vất vả đến mấy. Tiếng nước xiết giảm đi trông thấy, như tiếng động cơ hạ dần vòng quay, và từ từ

biến thành tiếng thở dài khàn khàn. Mực nước liên tục dâng. Kể ra, nếu có ánh sáng tử tế, tôi nghĩ bụng, một chút sáng thôi, nhất định chúng tôi sẽ leo lên dễ hơn và lại còn nhìn thấy mực nước. Ít nhất thì cũng thoát được cơn ác mộng không rõ bao giờ chúng tôi bị nước đến chân. Tôi căm thù bóng tối không kể xiết. Cái săn đuổi tôi không phải là nước, mà là khoảng tối giữa nước và chân tôi. Chính khoảng tối ấy khiến tôi rùng mình.

Trong đầu tôi vẫn vương vấn bộ phim về đập ngăn. Từ những cửa đập hình cung khổng lồ, nước không ngừng tuôn xuống bể nước hình cối đá bên dưới. Ống kính quay phim nhẫn nại thu hình từ mọi góc độ có thể. Theo dõi dòng lũ đổ xuống từ trên, từ cạnh sườn, từ trực diện. Trên tường bê tông của đập hiện ra bóng của nước. Nó chấp chới trên nền tường trắng trơn nhẵn, tựa như chính nó là nước. Tôi nhìn đăm đăm vào đó và đột nhiên cái bóng ấy biến thành bóng của tôi. Trên nền bê tông cánh cung của đập ngăn là bóng của tôi đang nhảy múa! Đó là bóng của tôi, tôi nhận ra ngay, song tôi không biết phải hành xử ra sao khi đang là khán giả xem phim. Tôi chỉ là một thằng nhãi ranh chín, mười tuổi. Có lẽ tôi nên chạy tới màn ảnh và giật lại bóng mình. Hoặc chạy lên phòng chiếu phim để ăn trộm hộp phim. Tôi không biết có nên làm thế không. Vậy là tôi ngồi đực ra và theo dõi bóng mình.

Nó vẫn tiếp tục nhảy múa không ngừng. Chấp chới câm lặng như phong cảnh lung linh trong nắng cháy. Nó không nói được, và rõ ràng cũng không thể lấy tay ra hiệu.

Mặc dù vậy tôi tin chắc là nó định báo cho tôi điều gì. Nó biết chắc là tôi đang ngồi trong rạp và nhìn nó. Nhưng nó cũng bất lực như tôi. Nó chỉ là một cái bóng.

Hình như không ai trong số khán giả xem phim để ý thấy bóng nước trên màn ảnh thực ra là bóng của tôi. Có lẽ cũng chẳng ai tin tôi. Thêm vào đó là những gì mà bóng tôi muốn nói thì chỉ nói ra với mình tôi mà thôi. Từ một không gian khác, từ một thời gian khác, nó đã dùng màn ảnh để nói với tôi một điều gì.

Bóng của tôi cô đơn trên mặt tường cong, bị tất cả bỏ rơi. Tôi không rõ nó tới đấy bằng cách nào và nó còn muốn gì nữa. Có lẽ bóng tối sắp trùm xuống sẽ nuốt chửng nó. Hay dòng thác sẽ cuốn phăng nó đi và cuốn ra đại dương, và biết đâu ở đó nó lại hoàn tất vai trò làm cái bóng của tôi. Nghĩ đến đó, tôi thấy mình cô độc kinh khủng.

Rồi đoạn phim về đập ngăn chấm dứt, trên màn ảnh hiện ra lễ đăng quang của một vị vua nào đó. Một chiếc xe ngựa rất đẹp được những con tuấn mã trang trí chùm lông vũ kéo đi ngang một quảng trường lớn lát đá. Tôi lại ngóng tìm bóng mình, nhưng chỉ thấy bóng của nhà cửa và chiếc xe và ngựa.

Tôi không nhớ được gì hơn. Tôi cũng không quả quyết nổi là tất cả những sự kiện đó thực sự diễn ra hôm ấy. Bởi những ý nghĩ vừa lóe lên trong óc ấy, trước đó tôi chưa bao giờ nhớ đến như một quá khứ có thực. Có thể đó chỉ là một hình ảnh tưởng tượng, sinh ra từ tiếng nước réo trong bóng đêm quái gở này. Tôi đã có lần đọc trong một

cuốn sách tâm lý học về những hình ảnh tự tạo kiểu ấy. Tác giả cuốn đó cho rằng con người ở tình cảnh cực đoan thường trốn vào những giấc mơ ban ngày nhằm tự vệ trước thực tế khốc liệt. Tuy nhiên, hình ảnh vừa hiện ra trước mắt tôi quá rõ rệt, quá sống động để được coi là mơ, nó hàm chứa một sức mạnh như đan quyện với tương lai tôi. Tôi nhớ chính xác các mùi vị và âm thanh bao quanh mình. Và tôi còn mường tượng ra được sự bối rối, ngơ ngác và nỗi sợ mơ hồ mà tôi cảm thấy khi còn là một thằng bé chín, mười tuổi. Muốn nói gì thì nói: chuyện đó đã xảy ra với tôi. Một thế lực nào đó đã đẩy nó vào tận hang cùng ngõ hẻm của tiềm thức tôi và bây giờ, trong tình cảnh cực đoan này, lại lôi nó ra.

Một thế lực nào đó?

Chuyện này chỉ có thể liên quan tới vụ phẫu thuật não mà họ đã làm với tôi để xáo dữ liệu. Họ đã giam ký ức của tôi sau bức tường ý thức hệ. Họ đã đánh cắp ký ức của tôi!

Tôi nổi giận. Không ai có quyền làm thế! Ký ức ấy là chuyện cá nhân, hoàn toàn riêng tư của tôi, là của tôi. Đánh cắp ký ức chẳng khác gì đánh cắp những năm tháng của cuộc đời tôi. Tôi càng thấy giận hơn, quên hẳn sợ hãi. Tôi thề sẽ sống sót bằng bất cứ giá nào. Tôi phải sống, phải thoát khỏi cái thế giới điên rồ của đêm đen này và giật lại từng ký ức riêng lẻ mà họ đã đánh cắp của tôi. Thế giới này có lụi tàn hay không cũng được. Tôi phải thành con người cũ của mình.

"Dậy!", cô gái đột ngột hét lên.

"Dây nào?"

"Đúng, nhanh lên! Có một sợi dây thòng xuống kìa!"

Tôi hớt hải leo ba, ba bốn bậc lên sát cô gái và sờ soạng tìm trên vách đá. Quả thực có một sợi dây. Một sợi dây cho người leo núi loại tốt, mặc dù không dày lắm. Đầu dây lủng lẳng ngang tầm ngực tôi. Tôi vung một tay tóm lấy và thử xem có chắc không. Có vẻ như nó được buộc rất chắc ở đâu đó.

"Nhất định ông tôi đấy!", cô gái kêu lớn. "Ông tôi đã thả xuống cho mình đấy!"

"Ta nên trèo lên cao hơn một chút thì hơn", tôi nói.

Chúng tôi sốt ruột tìm chỗ bám chân và trèo lên thêm một vòng xoáy nữa. Sợi dây vẫn treo chỗ cũ. Nó thắt những nút cách nhau ba mươi phân. Nếu sợi dây thực sự nối lên tới đỉnh "tháp" thì chúng tôi sẽ tiết kiệm được rất nhiều thời gian.

"Ông tôi đấy. Chắc chắn. Ông tôi chu đáo lắm."

"Quả thế thật", tôi nói. "Cô có leo được không?"

"Ông không tin à?", cô nói. "Từ bé tôi đã leo dây rất giỏi. Tôi chưa kể cho ông biết à?"

"Thế thì cô leo trước đi", tôi nói. "Đến nơi thì nháy đèn cho tôi biết. Tôi sẽ lên sau."

"Lúc ấy thì nước lên tới đây rồi. Có lẽ ta cùng leo thì hơn."

"Mỗi dây một người - đó là quy định ngàn đời của dân trèo núi. Thứ nhất là vì dây có thể đứt, và thứ hai là hai người leo sẽ khó hơn và tốn thời gian hơn. Nếu nước dâng

đến nơi thì tôi vẫn có thể bám vào dây và leo lên bằng cách nào đó."

"Trông ông tôi không nghĩ là ông dũng cảm thế", cô nói.

Trong bóng đêm tôi âm thầm đợi nụ hôn thứ hai, nhưng cô gái đã thoăn thoắt leo dây mà không đoái hoài gì đến tôi. Tôi bám chặt vào vách đá và quan sát ánh đèn của cô gái lúc lắc tiến lên cao. Hình ảnh này làm tôi phấn chấn muốn làm một ngụm whiskey, nhưng chai rượu ở trong ba lô, và trong vị trí chơi vơi này không thể đặt ba lô xuống lấy rượu ra được. Vậy thì tôi đành bằng lòng tưởng tượng đang làm một ngụm: một quầy bar trầm lặng và sạch sẽ, một đĩa lạc, đâu đó có tiếng nhạc nhẹ nhàng - bài *Vendome* của MJQ - trên mặt quầy là một cốc whiskey đúp có đá. Một hồi lâu tôi chỉ ngắm cốc rượu. Whiskey thoạt tiên nên ngắm một lúc đã. Ngắm no mắt rồi mới uống. Như một cô gái đẹp vậy.

Đến đây tôi chợt nhớ ra là mình không còn bộ com lê và măng tô nào nữa. Hai thằng quỷ đã phá nát mọi thứ quần áo của tôi. Ừ nhỉ, ra quán bar thì biết mặc gì bây giờ? Tôi phải kiếm đồ tử tế đã. Tôi sẽ chọn một bộ com lê vải tuýt màu lam đậm. Cắt kiểu cổ điển. Màu lam lịch thiệp, ba khuy, không độn vai, không chiết eo. Như George Peppard vẫn mặc hồi thập kỷ sáu mươi. Sơ mi xanh nhạt, thật hợp màu. Vải bông Oxford loại dày, cổ cắt thật chính thống. Cà vạt sọc hai màu. Đỏ và xanh lá cây. Đỏ nhã nhặn. Xanh như nước biển lúc trời bão, khó định nghĩa, gần thiên về lam.

Những đồ ấy mua trong một cửa hiệu đàn ông lịch thiệp, rồi tới bar, đặt một cốc Scotch đúp có đá. Vắt, ma đen, cá có móng sắc - quên ngay những gì dưới đất đi. Tôi ngồi trên mặt đất, mặc bộ com lê vải tuýt và tận hưởng hương vị tuyệt hảo của Scotland.

Đột nhiên tôi nhận ra tiếng nước réo đã biến mất. Nhất định không có nước đùn thêm từ các hố. Hoặc nước đã cao đến mức không còn nghe tiếng lục bục nữa. Cũng thế thôi. Muốn dâng cao đến đâu thì tùy. Tôi đã nhất quyết phải sống sót. Tôi sẽ giành lại ký ức của mình. Chớ có ai được phép thao túng tôi nữa. Tôi chỉ muốn hét to vào mặt cả thế giới: chớ có ai được phép thao túng tôi nữa!

Nhưng tôi không hét. Mà cũng chẳng ích gì trong đêm tối dưới lòng đất này, khi đang áp chặt người vào vách đá. Thay vào đó là tôi trẹo cổ cố gắng nhìn lên phía trên. Cô gái đã leo lên cao hơn tôi nghĩ nhiều. Cao chừng nào thì không nói được, nhưng nhất định phải cao như ba, bốn tầng nhà bách hóa. Đến khu bán đồ phụ nữ, thậm chí đến chỗ bán vải và rèm cửa. Cái cột đá khốn kiếp này cao chừng nào nhỉ? Chúng tôi đã trèo được một lúc lâu rồi, nếu còn tiếp tục thế nữa thì chắc nó phải cao kinh khủng. Có lần tôi nghịch chơi và đi bộ lên một tòa nhà hai mươi sáu tầng, có cảm giác là cột đá này cũng cao không kém.

Gì thì gì: thật may là tối quá, không nhìn được xuống bên dưới. Không trang bị thể thao, chân xỏ giày tennis và leo lên một vách đá cao như thế thì có kinh nghiệm leo núi đến mấy đi nữa, mỗi lần ngó xuống có lẽ cũng sợ phát bĩnh

ra quần. Chẳng khác gì cọ cửa kính một nhà chọc trời mà không có thang máy và lưới bảo hiểm. Chừng nào còn trèo thì không sao, nhưng một chút ngập ngừng hoặc một ý nghĩ lệch lạc là độ cao sẽ làm ta thất kinh.

Tôi lại trẹo cả cổ để nhìn lên cao lần nữa. Hình như cô vẫn đang leo tiếp, ánh đèn vẫn lúc lắc, nhưng bây giờ đã trên cao tít. Đúng là cô bé giỏi leo dây thật. Tại sao ông già này chọn con đường đào tẩu ghê gớm như vậy? Sao ông không đợi chúng tôi ở một chỗ nào yên tĩnh và tránh cho chúng tôi vất vả nhường này?

Trong lúc đang suy nghĩ thì tôi cảm thấy có tiếng gọi từ trên cao. Tôi nhìn lên. Trên đó có một chấm sáng vàng nhấp nháy, chậm rãi như cánh lái ở đuôi máy bay. Vậy là cô đã lên đến nơi. Tôi nắm một tay vào sợi dây, tay kia kéo đèn pin khỏi túi quần và đánh tín hiệu đáp lại. Sau đó tôi chiếu xuống dưới xem mực nước đến đâu, song ánh đèn pin đơn giản là quá yếu. Trong bóng tối đặc sệt người ta chỉ có thể nhìn thấy gì khi cầm đèn tiến sát lại. Đồng hồ ở cổ tay tôi chỉ 4 giờ 12. Ngày chưa bắt đầu, báo chưa đem đến nhà. Tàu chưa chạy, mọi người vẫn say giấc ngủ li bì và vô tư.

Tôi nắm cả hai tay vào dây, hít một hơi thật sâu và bắt đầu leo.

24

Trại Giam Bóng

Ba hôm sau, thời tiết tuyệt vời chợt biến mất. Sáng sớm tôi ngủ dậy và thấy bầu trời giăng đầy mây đen nặng trĩu. Những tia mặt trời đã mất hết ánh long lanh ấm áp sau khi xuyên nổi màn mây xuống đất. Trong ánh sáng xám chì lạnh lẽo, trông những cành cây trụi lá như vệt nứt nẻ của bầu trời. Tiếng nước réo ầm ào chối tai. Nhìn mây mà đoán thì chẳng có gì ngạc nhiên nếu trời đổ tuyết bất cứ lúc nào. Nhưng không thấy tuyết rơi.

"Hôm nay sẽ không có tuyết", ông già giải thích. "Mây này không phải mây tuyết."

Tôi mở cửa sổ mà ngắm kỹ bầu trời một lần nữa nhưng không nhận ra có gì khác biệt nào với "mây tuyết".

Ông gác cổng ngồi trước bếp lò to tướng và sưởi đôi chân không giày. Chiếc lò sưởi giống hệt như ở thư viện. Mặt trên là hai tấm phẳng để đặt ấm nước và nồi, tận dưới cùng là hộc đựng xỉ. Phía trước có cửa như tủ đựng quần

áo, tay nắm to bằng gang đúc. Ông gác cổng ngồi trên ghế đẩu và gác chân lên đó. Tôi ngạt thở vì hơi nước bốc ra từ ấm đun nước và khói của thứ thảo dược mạt hạng nào đó - chắc ở đây người ta quen dùng nó thay thế cho thuốc lá - chưa kể đến mùi hôi hám từ chân ông ta. Sau ghế là chiếc bàn gỗ lớn xếp đầy đá mài và dao, rìu thành hàng ngay ngắn. Cán dao và rìu nhuốm màu xỉn và mòn vẹt.

Tôi vào đề ngay: "Tôi cần một khăn quàng cổ, lạnh cổ quá."

"Đúng thế đấy!", ông gác cổng nói rất trang nghiêm. "Tôi rất hiểu."

"Ở phòng lưu trữ đằng cuối thư viện có lắm đồ, trông có vẻ như chẳng ai cần nữa, và tôi nghĩ là có thể lấy ra vài thứ."

"À, cậu nói đến mấy đồ lặt vặt ấy chứ gì", ông gác cổng nói. "Cứ lấy đi. Nếu cậu cần thì tôi đồng ý. Thích gì thì cứ lấy. Khăn quàng, măng tô, tất tật."

"Chủ nhân của chúng thì sao?"

"Cậu không phải quan tâm đến họ. Ngay cả khi họ còn sống thì mấy thứ ấy cũng chẳng ai cần nữa. À, cậu đang tìm một nhạc cụ thì phải?"

Tôi gật. Hình như chẳng có gì ông này không biết.

"Về nguyên tắc thì ở thành phố này không có nhạc cụ nào cả", ông nói. "Nhưng chẳng có gì là tuyệt đối. Cậu làm việc tận tụy, cớ gì lại không được nhận một nhạc cụ cơ chứ? Cậu hãy đến nhà máy điện và hỏi tay quản lý. Có thể anh ta kiếm được cho cậu thứ gì đó."

"Đến nhà máy điện?", tôi ngạc nhiên hỏi.

"Cậu không tin à? Dĩ nhiên là chúng ta có nhà máy điện!", ông gác cổng nói và chỉ lên bóng đèn trên đầu. "Nếu không thì lấy đâu ra điện - hái điện trên cây táo xuống hay sao?" Ông vừa cười vừa vẽ đường cho tôi đến nhà máy điện. "Cậu đi con đường phía nam con sông và đi một đoạn ngược dòng chảy. Khoảng nửa tiếng sau cậu sẽ thấy bên tay phải một kho chứa lúa cũ kỹ đã tốc mái và không còn cửa. Ở đó cậu rẽ phải và đi tiếp tới một ngọn đồi, ngay sau đó là bìa rừng. Cậu đi chừng năm trăm thước vào rừng là đến nhà máy điện. Hiểu rồi chứ?"

"Tôi nghĩ thế", tôi nói. "Nhưng mùa đông vào rừng có nguy hiểm không? Mọi người dặn tôi thế, và tôi cũng đã có kinh nghiệm xấu rồi."

"Ờ nhỉ, đúng đấy. Tôi quên khuấy đi mất. Vậy mà chính tay tôi bế cậu lên xe và đưa qua đồi trở về thành phố đấy", ông gác cổng nói. "Cậu đã bình phục lại chưa?"

"Ổn cả rồi, cảm ơn ông."

"Chắc cậu vẫn còn ngán tận cổ hả?"

"Đúng thế."

Ông gác cổng cười đầy mãn nguyện và đổi chân gác trên tay nắm cửa lò. "Nhưng thế là tốt. Có bị bỏng tay thì lần sau người ta mới cẩn thận. Và khi đã cẩn thận thì họ sẽ không bị bỏng nữa. Những thợ đốn cây giỏi nhất là người có một vết sẹo. Một thôi, không hơn và không kém. Cậu hiểu tôi định nói gì chứ?"

Tôi gật đầu.

"Song cậu không việc gì mà ngại đến nhà máy điện. Nó ở ngay sau rặng cây đầu tiên, chỉ có một đường duy nhất đến đó, nghĩa là cậu không thể đi lạc được. Ở đó cậu cũng không gặp lũ người rừng. Chỉ ở sâu trong rừng và ngay sát tường thành là nguy hiểm thôi. Tránh mấy chỗ ấy ra thì cậu không có gì phải sợ cả. Tuy nhiên vì bất cứ lý do gì cậu cũng không được rời khỏi đường, và cũng không được đi sâu hơn vào rừng phía sau nhà máy điện. Không thì lại có chuyện xảy ra như lần vừa rồi."

"Người quản lý cũng thuộc vào nhóm những người sống trong rừng à?"

"Không, không, anh ta thì không. Tay ấy khác lũ người rừng, nhưng cũng khác với chúng mình ở thành phố. Chẳng phải nạc cũng chẳng phải mỡ. Là loại người không thể chuyển hẳn vào rừng, mà cũng chẳng quay về thành phố được nữa. Vô hại, nhưng cũng chẳng làm được trò trống gì."

"Những người sống trong rừng là kiểu người gì?"

Ông gác cổng nghiêng đầu và lặng lẽ nhìn tôi một lát. "Tôi đã nói ngay từ đầu: cậu có thể hỏi gì cũng được, nhưng tôi có trả lời hay không lại là chuyện khác."

Tôi gật.

"Tốt. Tôi sẽ không trả lời câu hỏi này", ông gác cổng nói. "Này, cậu vẫn muốn thăm bóng của cậu nhỉ. Hôm nay được chưa? Mùa đông rồi, nó cũng đã mất sức khá nhiều. Bây giờ cậu có thể gặp nó."

"Nó có ốm yếu lắm không?"

"Không, không, nó khỏe như vâm. Mỗi ngày tôi cho nó ra ngoài hàng tiếng đồng hồ để vận động. Nó ăn cũng ngon miệng lắm. Dĩ nhiên là ngày mùa đông càng ngắn đi và lạnh thì thể trạng của bóng cũng kém hơn, không có gì lạ. Bất khả kháng. Đó là chuyện thường tình nhất trên đời, tạo hóa sinh ra như vậy. Không phải lỗi của cậu hay của tôi. Nhưng cậu hỏi chính nó thì hơn, tôi sẽ đưa cậu đến chỗ nó."

Ông lấy chùm chìa khóa treo trên tường, đút vào túi áo khoác, vừa ngáp vừa xỏ chân vào đôi ủng da to tướng. Trông chúng nặng nề dễ sợ, đế gắn đầy đinh nhọn để đi trên băng tuyết.

Nơi giam bóng nằm giữa hai thế giới - thành phố và thế giới bên ngoài. Tôi không được ra ngoài, bóng không được vào thành. Vì vậy đây là nơi duy nhất để chúng tôi gặp nhau: một người không bóng và bóng không người. Trại giam bóng nằm ngay ở cửa sau trạm canh. Gọi là "trại" thì hơi quá, nó không lớn hơn một khoảnh vườn bình thường, xung quanh là một hàng rào sắt kiên cố không chui lọt con chuột.

Ông gác cổng lấy chùm chìa khóa trong túi ra, mở cửa sắt cho tôi và vào theo. Trại giam bóng hình vuông chằn chặn, phía đối diện bị chắn bởi tường thành. Một cây du già cỗi đứng giữa khoảng đất, dưới đó là một ghế băng gỗ trơn trụi. Cây du mốc thếch, không thể biết còn sống hay đã chết khô. Một túp lều vá víu cẩu thả bằng gạch và ván gỗ với cánh cửa lò xo thô sơ và cửa sổ không kính. Tôi không

thấy bếp lò nào, có lẽ ở đây không được sưởi.

"Bóng của cậu ngủ trong túp lều kia kìa", ông gác cổng nói. "Trông thế nhưng không đến nỗi nào. Có nước, có chỗ vệ sinh - đủ cả. Thậm chí có cả tầng hầm kín gió. Thôi thì không hẳn là khách sạn, nhưng cũng là chỗ chui ra chui vào. Cậu có muốn vào xem không?"

"Không, tôi đợi ở đây thì hơn", tôi nói. Không khí hôi hám trong trạm canh đã làm tôi chóng mặt. Tôi đau đầu quá. Bên ngoài tuy lạnh nhưng ít nhất còn có khí trời.

"Tùy cậu. Tôi gọi nó ra", ông gác cổng nói và chui vào lều.

Tôi bẻ cổ măng tô lên, ngồi xuống ghế băng dưới cây du già và lấy gót giày di xuống nền. Đất trơ cứng, đây đó còn vương vài đám tuyết đóng đá. Băng giá chưa tan dưới bóng của tường thành, nơi mặt trời không chiếu đến.

Một lát sau ông gác cổng đi cùng bóng ra khỏi lều. Ông dận gót giày đóng đinh lên nền đất như muốn nghiền nát đám đất đóng băng dưới chân mình, bóng của tôi chậm chạp lủi thủi theo gót ông. Nó hoàn toàn không khỏe mạnh như ông gác cổng quả quyết ban nãy. Má nó hóp lại đến phát sợ, trên mặt chỉ còn thấy đôi mắt và râu ria.

"Tôi để hai người một mình với nhau mấy phút nhé", ông gác cổng nói. "Chắc các cậu có nhiều chuyện để kể cho nhau nghe, cứ thoải mái. Nhưng không có nhiều thì giờ đâu! Và chớ có nghĩ đến chuyện hòa nhập làm một! Đừng để tôi phải phí thời gian để tách hai cậu ra. Chẳng đem lại gì ngoài chuyện khó chịu cho cả hai bên, rõ rồi chứ?"

Tôi làm ra vẻ chấp thuận và gật đầu. Có lẽ ông ta có lý. Đằng nào thì chỉ sau vài phút là họ lại tách chúng tôi ra, và tất cả lại bắt đầu từ đầu.

Hai chúng tôi dõi mắt nhìn ông gác cổng khóa cửa rồi biến vào trạm canh. Đinh dưới đế ủng của ông cắm vào nền đất, tiếng chân bước rào rạo xa dần. Rồi thì cánh cửa gỗ nặng nề cũng đóng lại. Khi ông ta khuất hẳn, bóng ngồi xuống cạnh tôi và bắt đầu di gót xuống nền nhà như tôi. Nó mặc một chiếc áo len cứng và thô, quần lao động và đôi giày cũ mà tôi mang đến tặng dạo trước.

"Thế nào, khỏe không?"

"Nhìn thì biết!", nó trả lời. "Lạnh không chịu thấu, và đồ ăn thì không nuốt nổi."

"Tôi nghe nói là cậu ngày nào cũng được ra ngoài và vận động."

"Vận động?", nó lặp lại và bực bội nhìn tôi. "Gọi là vận động thì hay đấy! Tôi phải giúp lão gác cổng đốt xác súc vật, chỉ vì thế mà lão ta lôi tôi ra khỏi đây mỗi ngày! Chất xác lên xe, chở ra rừng táo, tưới dầu lên và châm lửa đốt. Trước đó lão ta đã cắt đầu chúng ra gọn ghẽ. Cậu đã thấy bộ sưu tập hoành tráng của lão rồi đấy! Toàn dao và rìu. Lão già này đầu óc không bình thường. Nếu có điều kiện có lẽ lão sẽ cắt cổ tất cả những ai mà lão túm được."

"Ông ta là một trong những người dân thành phố phải không?"

"Đâu phải, họ chỉ thuê lão làm việc này thôi. Lão sung sướng khi được đốt xác súc vật. Chẳng ai trong thành muốn

làm việc đó cả. Từ đầu mùa đông đến giờ chúng tôi đã thiêu không biết bao nhiêu xác rồi. Sáng nay có ba con chết. Thiêu luôn."

Nó lại di gót giày xuống đất một hồi, tôi cũng thế. Nền đất cứng như đá. Một con chim mùa đông đậu trên cành cây trên đầu chúng tôi. Nó kêu một tiếng lanh lảnh rồi bay mất.

"Tôi đã nhận được bản đồ rồi", nó nói. "Chất lượng tốt hơn tôi mong đợi. Phần chú thích cũng tốt. Nhưng hơi muộn."

"Tôi ốm liệt giường", tôi nói.

"Tôi cũng nghe nói. Nhưng dù sao thì cũng quá muộn. Mùa đông đến rồi, thực ra tôi muốn có từ trước. Được thế thì mọi sự đã trôi chảy, và kế hoạch của chúng mình lẽ ra đã đâu vào đấy."

"Kế hoạch nào cơ?"

"Kế hoạch trốn khỏi đây chứ kế hoạch nào nữa? Hay cậu nghĩ rằng tôi cần tấm bản đồ để giải trí?"

Tôi lắc đầu. "Tôi vẫn hy vọng được cậu giải thích thành phố kỳ quái này là gì. Nói cho cùng thì cậu đã lấy đi gần hết mọi ký ức của tôi."

"Không hẳn thế", bóng nói. "Đúng là tôi có phần lớn ký ức của cậu, nhưng tôi không biết dùng nó làm gì có ích cả. Muốn làm vậy thì chúng ta phải hòa nhập vào nhau, nhưng hiện tại đó là chuyện bất khả thi. Nếu ta làm thế thì họ sẽ không bao giờ cho gặp nhau nữa và kế hoạch sẽ vĩnh viễn tiêu tan. Vì thế trước tiên tôi suy tư một mình đã. Tôi

định nói là suy tư về thành phố này."

"Sao nữa? Cậu nghĩ ra chuyện gì?"

"Không nhiều, nhưng bây giờ tôi chưa cho cậu biết được. Tôi phải nối các chi tiết với nhau đã, riêng lẻ thì chúng không có sức thuyết phục. Cho tôi chút thời gian nữa. Có đủ thì giờ suy nghĩ thì chắc chắn tôi sẽ tìm ra kết luận. Có thể lúc đó đã quá muộn. Từ dạo bắt đầu mùa đông sức khỏe tôi giảm sút rõ rệt, cứ tiếp tục như thế thì tôi không dám cam đoan sẽ đủ sức thực thi kế hoạch đào tẩu - nếu ta lập ra được kế hoạch đó. Đó là lý do tôi muốn có bản đồ trước mùa đông."

Tôi ngó lên tán lá cây du. Qua tấm lưới đan bằng cành cây tôi nhìn thấy vài vệt mây mùa đông xám xịt.

"Nhưng mình không ra khỏi đây được đâu", tôi nói. "Cậu xem bản đồ rồi đấy! Không có đường nào thoát. Đây là nơi tận cùng thế giới. Ta không tiến không lui được bước nào đâu."

"Cứ cho đây là nơi tận cùng thế giới, nhưng vẫn phải có một lối ra. Tôi tin chắc như vậy. Nhìn lên trời mà xem. Chim chóc vượt qua được tường thành, đúng không? Chúng bay đi đâu? Tất nhiên là bay ra ngoài, đến một thế giới khác. Bên ngoài tường thành nhất quyết có một thế giới khác, chỉ có thế thì thành phố này mới có bức tường bao quanh - nhằm ngăn người ta ra khỏi. Nếu bên ngoài không có gì thì xây tường làm gì? Và đâu đó sẽ có một lối ra."

"Hoặc là không."

"Tôi sẽ tìm được lối ra và cùng cậu thoát khỏi nơi này.

Tôi không muốn chết trong cái xó khốn kiếp này!" Bóng im bặt và lại di chân trên nền đất. "Ngay từ đầu tôi đã nói với cậu là thành phố này có gì đó không ổn và bất thường", bóng nói. "Đến bây giờ tôi vẫn tin chắc như vậy. Nó bất thường và trái khoáy. Nhưng vấn đề ở chỗ nó hoàn hảo trong sự bất thường và trái khoáy ấy. Vì tất cả đều bất thường và trái khoáy nên rốt cuộc tất cả có sự hài hòa nội tại. Hoàn hảo. Đại thể như vậy."

Nó vạch một vòng tròn trên nền đất bằng gót giày. "Thành phố khép kín, như vòng tròn này. Vì thế càng ở lâu trong đó và suy đi nghĩ lại thì người ta sẽ cảm thấy mọi thứ đều bình thường. Cậu sẽ bắt đầu ngờ vực trí phán đoán của mình. Chính vì mọi thứ quá hài hòa và hoàn hảo. Cậu hiểu ý tôi muốn nói gì chứ?"

"Có, tôi hiểu. Chính tôi cũng nhận thấy như thế. Đôi khi tôi nghĩ chính mình mới là căn nguyên của lắm vấn đề."

"Nhưng thế là sai!", bóng nói và vẽ những hình kỳ quặc bên cạnh vòng tròn. "Chúng mình có lý. Còn tất cả đều sai. Nhất định thế. Cậu phải tin tưởng, hết sức tin tưởng. Nếu mất lòng tin thì một lúc nào đó thành phố này sẽ nuốt chửng cậu. Lúc đó thì mọi sự đã quá muộn."

"Nhưng đúng hay sai cũng chỉ là tương đối! Trong khi tôi đã bị lấy mất mọi ký ức, mà chính đó mới là tiêu chí quan trọng nhất để cân nhắc giữa đúng và sai."

Bóng gật đầu. "Tôi hiểu cậu đang rối trí. Nhưng hãy nghĩ xem: cậu có tin là có động cơ vĩnh cửu không?"

"Không. Hoàn toàn không thể có được."

"Chính thế. Cũng giống như thành phố này. Một thế giới hoàn hảo, xét về lý thuyết cũng như thực tế là không thể có được, hệt như động cơ vĩnh cửu vậy. Từ đó suy ra ở đâu đó phải có một lỗi. Giống như cỗ máy trông có vẻ tự nó chuyển động liên tục nhưng kỳ thực nó sử dụng một ngoại lực được ẩn giấu mà mắt thường không thấy."

"Và cậu đã phát hiện ra ngoại lực đó?"

"Không, chưa, nhưng như tôi vừa nói, tôi có một luận cứ còn phải củng cố thêm. Vì thế tôi cần chút thời gian nữa."

"Tôi có thể giúp cậu, nếu cậu tiết lộ cho tôi biết luận cứ đó. Cậu nghĩ sao?"

Bóng rút tay khỏi túi quần, hà hơi vào và cọ giữa hai đầu gối. "Không. Đối với cậu, đây là chuyện quá sức. Tôi chỉ yếu nhược về thể xác, nhưng ở cậu thì tâm hồn bị tổn thương. Nhiệm vụ cấp thiết nhất của cậu là chữa cho nó lành. Không thì cả hai chúng ta đều ngã ngựa trước khi lên đường đào thoát. Hãy nhường tôi việc suy nghĩ, còn cậu tự lo thân cậu. Hiện tại đó là điều quan trọng nhất."

Tôi nhìn xuống vòng tròn dưới đất và nói: "Cậu nói phải, tôi đang rối trí. Tôi không biết gì nữa, thậm chí không biết ngày xưa mình là ai. Một tâm hồn đã mất đi bản thể của mình sẽ còn bao nhiêu sức lực nữa? Nhất là ở một thành phố có quyền lực vô biên và đặt ra những lề luật ngặt nghèo? Từ khi mùa đông đến, càng ngày tôi càng biết ít hơn về tâm hồn mình và đánh mất sự tự tin."

"Không phải", bóng nói. "Cậu không đánh mất bản

thể của mình. Ký ức của cậu đã bị vùi lấp một cách tinh vi, do đó cậu thấy rối trí. Cậu phải tin vào nội lực của mình. Không thì ngoại lực sẽ cuốn phăng cậu đi."

"Tôi sẽ cố gắng", tôi nói.

Bóng gật đầu, ngó một lúc lên bầu trời trĩu mây nhưng lại nhắm mắt ngay và chìm sâu vào suy tư.

"Mỗi khi bối rối tôi lại nhìn bầy chim", bóng nói. "Lúc đó tôi cảm thấy rõ rệt là mình đi đúng đường. Thành phố hoàn hảo này chẳng có ý nghĩa gì đối với những con chim cả. Chúng không quan tâm đến bức tường, cánh cổng hay tiếng tù và. Cậu hãy học theo chúng mỗi khi thấy bế tắc!"

Đúng lúc đó có tiếng ông gác cổng gọi tôi. Ông đứng ở cửa hàng rào và ra hiệu thời gian thăm hỏi đã hết.

"Cậu đừng đến đây một thời gian dài", bóng thì thào vào tai tôi khi chia tay. "Khi nào cần cậu, tôi sẽ nghĩ ra cách để mình gặp nhau. Lão gác cổng đa nghi lắm. Nếu mình gặp nhau thường xuyên, lão sẽ đoán ra sự tình và sinh ra thận trọng, lúc đó ta sẽ khó trở tay. Một chuyện nữa: nếu lão hỏi hôm nay ra sao thì cứ ra vẻ là cậu không hiểu rõ những gì tôi nói, rõ chưa?"

"Hiểu rồi", tôi nói.

"Thế nào?", ông gác cổng hỏi khi tôi quay về trạm canh. "Lâu quá mới gặp lại bóng mình, chắc vui lắm nhỉ?"

"Tôi không rõ lắm", tôi nói và lắc đầu.

"Hừm, thế đấy", giọng ông đầy vẻ hài lòng.

25

Bữa Ăn, Nhà Máy Voi, Bẫy

So với cầu thang xoáy ốc thì leo lên bằng thừng quả là dễ chịu. Cứ ba chục phân lại có một nút thắt, và bản thân sợi thừng cũng vừa tầm tay. Tôi nắm cả hai tay, đu đưa một chút và tận dụng đà để leo lên từng chặng. Giống như ở rạp xiếc, tuy rằng ở đó dĩ nhiên không ai thắt nút vào thừng vì làm thế khán giả sẽ coi thường tiết mục biểu diễn.

Thỉnh thoảng tôi nhìn lên trên nhưng không thể ước lượng được khoảng cách vì bị ánh sáng chiếu thẳng xuống làm chói mắt. Cô gái chú ý quan sát tôi trong suốt thời gian, có lẽ cô lo cho tôi. Vết thương ở bụng lại nhói lên từng nhịp. Thêm vào đó, đầu tôi vẫn đau sau cú ngã. Không đau đến nỗi không trèo được, nhưng vẫn là đau.

Lên gần đến đỉnh, ánh đèn của cô chiếu đủ sáng vào tôi và khoảng xung quanh. Đó là một ý định tốt, song nó cản trở tôi. Vì tôi đã chuẩn bị tinh thần để leo lên trong bóng tối nên ánh sáng làm tôi loạn nhịp, thậm chí đôi lúc

còn bị trượt chân. Đơn giản là không thể đo được khoảng cách giữa sáng và tối. Các khoảng sáng như lồi lên, còn chỗ tối thì lõm hẳn xuống.

Chừng sáu, bảy chục nút thừng thì tôi lên tới đỉnh. Tôi chống cả hai tay vào rìa đá để rướn lên như một người bơi đến thành bể. Tôi cố hết sức vì hai cánh tay đã bại đi như phải bơi mấy cây số. Cô gái nắm thắt lưng tôi kéo lên.

"Vừa vặn kịp", cô nói. "Chậm vài phút nữa là mình tiêu rồi."

"Tuyệt vời", tôi nói, nằm sóng soài ra nền đá phẳng và hít mấy hơi thật sâu. "Quá tuyệt vời. Nước dâng đến đâu rồi?"

Cô gái đặt đèn pin xuống đất và kéo thừng lên. Đến nút thứ ba mươi cô ấn sợi thừng vào tay tôi. Nó ướt nhoẹt. Mực nước khá cao. Quả thực là gấp gáp nếu chúng tôi chậm mấy phút nữa mới vớ được sợi thừng.

"Cô đã tìm được ông cô chưa?", tôi hỏi.

"Tất nhiên", cô nói. "Ông ở trong điện thờ đằng kia. Nhưng ông tôi bị sái chân vì sa vào một hố trên đường đi."

"Và còn lê được đến đây với cái chân sái?"

"Vâng, ông tôi rất sung sức."

"Tôi cũng thấy thế", tôi nói.

"Ta đi thôi. Ông tôi đợi. Ông nói là có nhiều chuyện cần kể với ông."

"Tôi cũng thế."

Tôi đeo ba lô lên và để cô dẫn đến điện thờ. Thực ra nó chỉ là một cái hang ăn sâu vào vách đá, rộng như một căn

phòng cỡ lớn. Trong một ngách hang có ngọn đèn đốt khí tỏa ánh sáng vàng liu riu. Vách đá lồi lõm tạo ra vô số bóng đen kỳ dị. Giáo sư ngồi cạnh ngọn đèn, trùm trên người một tấm mền. Mặt ông chìm một nửa vào bóng tối. Trông có vẻ như hố mắt ông hõm sâu hơn, nhưng kỳ thực ông già rất sinh động và tỉnh táo.

"Kìa, có vẻ như mọi người vừa vặn thoát nạn thì phải", giọng ông vui vẻ. "Tôi biết là sẽ có nước dâng lên, nhưng tôi tính là hai người đến đây sớm hơn nên không lo lắng gì cả."

"Cháu bị lạc trong thành phố ông ạ", cô gái mũm mĩm nói. "Vì vậy chúng cháu bị mất gần trọn một ngày."

"Không sao, không sao", giáo sư nói. "Sớm hơn hay muộn hơn thì bây giờ cũng không có gì khác nhau nữa."

"Cái gì không khác nhau nữa ạ?", tôi hỏi.

"Những chuyện phức tạp ta sẽ bàn sau, được không? Anh ngồi xuống đi. Trước tiên phải gỡ hết vắt ở cổ anh đi đã, không thì sẽ bị sẹo."

Tôi ngồi gần ông giáo sư. Cô cháu gái ngồi xuống cạnh tôi, lấy diêm trong túi ra và đốt cho rụng những con vắt bám ở cổ tôi. Những con vắt đã hút no máu và phồng to như nút chai. Lửa diêm nóng làm chúng phát tiếng xèo xèo. Chúng rơi xuống đất và quằn quại ở đó cho đến khi bị cô lấy giày thể thao di nát. Da tôi xót như bị bỏng, tôi có cảm giác nếu lắc đầu mạnh là lớp da sẽ toác ra như một quả cà chua chín rục. Thêm một tuần như thế này thì có thể dùng ảnh chụp các vết thương của tôi để minh họa cho cả

một cuốn sách giáo khoa y học. Hoặc làm một tấm áp phích màu, mỗi vết thương là một ảnh nhỏ, giống như áp phích về nấm chân mà người ta vẫn treo ở hiệu thuốc. Bụng bị rạch, đầu sưng u, da bị vắt hút máu thành vệt, lại còn thêm một ví dụ nhỏ về rối loạn cương dương nữa chứ.

"Hai người có đem theo thứ gì ăn được không đấy?", giáo sư hỏi. "Tôi lên đường quá cập rập nên không đem được nhiều thứ theo. Từ hôm qua tôi toàn ăn sô cô la."

Tôi mở ba lô lấy đồ hộp, bánh mì và bi đông nước ra, đưa hết cho ông, kèm cả dao mở hộp.

Trước tiên ông khoan khoái uống một ngụm nước, rồi ông lần lượt ngắm nghía từng hộp đồ ăn một, tựa như chọn mùa nho ngon nhất trong một loạt chai rượu vang. Rốt cuộc ông mở hộp đào và hộp thịt bò muối.

"Hai người có muốn ăn không?", giáo sư hỏi. Chúng tôi cảm ơn và từ chối. Trong hoàn cảnh này và vào thời điểm này chúng tôi không thấy ngon miệng gì hết.

Ông giáo sư bẻ bánh mì, đặt một lát thịt bò dày lên và nhai một cách khoái trá. Sau đó ông ăn vài quả đào và nâng hộp lên húp nước đào. Trong khi ông ăn, tôi lấy chai rượu dẹt ra nhấp hai, ba ngụm. Lập tức người tôi phấn chấn, các vết đau đỡ hẳn. Không phải chúng dịu đi, mà rượu đã làm tê dây thần kinh, khiến các vết thương như tách hẳn khỏi người tôi để tồn tại biệt lập.

"Được lắm, hai người đã đến đúng lúc", ông giáo sư cảm ơn tôi. "Thường ngày tôi vẫn có đồ dự trữ ở đây, đủ ăn vài hôm, nhưng lần này tôi quên lấy bù thêm vào. Một sai

lầm không thể tha thứ được! Lâu lâu không có gì xảy ra là người ta mất tính cẩn trọng. Đây là một bài học cho tôi. Anh biết người xưa vẫn nói: khi ánh mặt trời xuyên qua mái nhà thì hãy dọi kín, phòng khi mưa. Ha ha ha."

"Giờ thì ông ăn xong rồi", tôi nói. "Ta có một vài chuyện cần đem ra bàn. Theo đúng thứ tự từ đầu đến giờ. Ông đã có ý định gì? Và ông đã thực thi chuyện gì? Kết quả ra sao? Vai trò của tôi trong đó là gì? Đề nghị ông kể hết cho tôi biết!"

"Tôi nghĩ là sẽ tương đối đi sâu vào chuyên môn", ông ngập ngừng nói.

"Được, vậy thì ông giải thích một cách dễ hiểu. Tôi chỉ muốn biết đại ý và việc gì cụ thể cần làm."

"Nếu tôi kể tuột hết ra thì có thể anh sẽ rất giận tôi..."

"Tôi sẽ không giận", tôi nói. "Vì giận bây giờ phỏng có ích gì?"

"Trước tiên tôi phải xin anh thứ lỗi", giáo sư nói. "Tôi đã lừa gạt và lợi dụng anh, cho dù với lý do khoa học, và qua đó đẩy anh vào tình thế khốn đốn này. Tôi không phải nhận lỗi lấy lệ, mà rất hối hận. Nhưng anh nên hiểu là công trình nghiên cứu của tôi có một ý nghĩa và giá trị vô cùng trọng đại. Các nhà khoa học khi đã bập vào một mạch tri thức thường quên hết mọi chuyện bên lề. Nhưng cũng chính vì thế mà khoa học luôn phát triển, không ngừng nghỉ. Nói một cách cường điệu thì khoa học sống bằng động cơ trong trắng ấy... à, mà anh có đọc Aristotles không nhỉ?"

"Hầu như không", tôi nói. "Tôi hiểu động cơ trong trắng khi ông nghiên cứu khoa học. Nhưng ông đi vào trọng tâm đi."

"Xin lỗi. Tôi chỉ muốn nói rằng sự trong trắng ấy đôi khi có thể đem lại tác hại cho con người. Giống như các hiện tượng thiên nhiên gây tác hại cho con người vậy. Những ngọn núi lửa vùi cả thành phố dưới lớp nham thạch nóng chảy, lũ lụt cuốn trôi nhiều sinh mạng, động đất triệt hạ nhà cửa - nhưng liệu có thể vì thế mà nói rằng những hiện tượng thiên nhiên ấy về bản chất là độc ác..."

"Kìa ông!", cô gái mũm mĩm xen vào. "Ta có nhiều thời gian cho những giải thích vòng vèo đó không?"

"Cháu nói đúng, bé con ạ, cháu nói đúng", giáo sư nói và dịu dàng vuốt lên tay cô cháu. "Ờ, tôi bắt đầu từ đâu nhỉ? Tôi không ưa tiếp cận sự việc theo kiểu trực chỉ và độc đạo, tôi phải giải thích mọi chuyện ra sao bây giờ?"

"Ông đã đưa tôi các số liệu để xáo trộn, đúng không ạ? Chuyện đó có ý nghĩa gì?"

"Để giải thích, tôi phải đi ngược lại ba năm về trước."

"Vâng, ông cứ làm đi!"

"Hồi đó tôi làm việc trong trung tâm nghiên cứu của Hệ thống. Tuy nhiên không phải là nhân viên khoa học cơ hữu, mà có thể gọi là chuyên viên ngoại vi đặc biệt. Tôi có bốn hay năm nhân viên dưới quyền, một cơ sở được trang bị tối ưu và ngân khoản không hạn chế. Tôi không quan tâm chuyện tiền nong và ghét làm việc bị lệ thuộc, song Hệ thống cung cấp một cơ sở thí nghiệm phong phú khó có thể

tìm được ở nơi khác. Các điều kiện thẩm định kết quả nghiên cứu trong thực tế đã khiến tôi bị hấp dẫn và không cưỡng lại nổi. Ngày ấy Hệ thống đang lâm vào một tình thế khó khăn. Thực tế là các chương trình xáo trộn để bảo vệ dữ liệu mà họ thiết kế ra đều bị bọn ký hiệu sư bẻ khóa hết. Mỗi lần Hệ thống nâng cấp các phương pháp của mình thì bọn ký hiệu sư cũng đua theo vòng xoáy với những kỹ thuật mã hóa phức tạp hơn. Như một kiểu thi nhau dựng hàng rào: một người dựng hàng rào quanh nhà mình và hàng xóm dựng rào cao hơn. Một lúc nào đó hàng rào cao đến mức mất mọi ý nghĩa thực dụng. Nhưng không vì thế mà ai nhường nhịn ai. Ai nhịn là thua. Ai thua là ra rìa. Vậy là Hệ thống quyết định phát triển kỹ thuật xáo dữ liệu dựa trên một nguyên tắc khác hẳn. Một kỹ thuật đơn giản nhưng không thể bẻ khóa được. Và họ cử tôi lãnh đạo nhóm nghiên cứu đó.

Họ đã chọn đúng. Ngày đó - và tất nhiên cho đến tận hôm nay - trong lĩnh vực sinh lý học thần kinh tôi là nhà khoa học có khả năng nhất và say mê nhất. Tuy bị cộng đồng khoa học lờ đi vì tôi không bao giờ làm mấy trò vớ vẩn như công bố kết quả nghiên cứu hoặc báo cáo tại các hội nghị, nhưng kiến thức của tôi về não bộ con người thì không ai theo kịp. Hệ thống biết rõ, chính vì vậy họ gọi tôi. Họ muốn có một cấu trúc hoàn toàn mới. Không nâng cấp các kỹ thuật sẵn có, không phức tạp hóa, mà biến đổi triệt để cấu trúc từ tận gốc rễ, hoàn toàn mới. Những nhà khoa học từ sáng đến tối đánh vật với các bài viết ngớ ngẩn trong

phòng làm việc của trường đại học hoặc đong đếm tiền lương của mình sẽ không bao giờ lọt vào vòng ngắm của họ. Một nhà khoa học thực sự sáng tạo phải có tính độc lập."

"Chẳng phải bước chân vào Hệ thống thì ông đã từ bỏ sự độc lập của mình hay sao?", tôi hỏi.

"Chính thế, chính thế", giáo sư nói. "Anh hoàn toàn có lý. Đó là một bước sai. Tôi không hối hận, nhưng đó là một bước sai. Tôi không định thanh minh, anh nên hiểu cho đúng - tôi chỉ muốn biến lý thuyết của mình thành thực tiễn bằng được. Lý thuyết ấy đã nằm xong xuôi trong đầu tôi, nhưng tôi không có điều kiện thẩm định nó trong thực tế. Đó là một nhược điểm trong sinh lý não bộ của con người, ta không thể đem nó ra làm thí nghiệm trên động vật một cách đơn giản như các dạng sinh lý khác. Xét về cách tiếp cận tâm lý tiềm thức hay kỹ thuật ghi nhớ thì cấu trúc của óc khỉ chưa đủ độ phức hợp như óc người."

"Có nghĩa là ông đã dùng chúng tôi làm những con khỉ thí nghiệm?"

"Gượm đã, đừng có nhảy cóc đến kết luận như vậy. Trước tiên tôi muốn giải thích lý thuyết của mình một cách dễ hiểu. Trong lĩnh vực mã hóa người ta có một quan điểm chung là không có mật mã nào không thể bị bẻ khóa. Quan điểm đó đúng. Nó đúng, vì mã nào cũng lấy một nguyên tắc nhất định làm cơ sở. Và một nguyên tắc, bất kể phức hợp và tinh vi đến mức nào, cũng là một dạng thức tâm lý để có thể nhiều người chia sẻ và hiểu được. Do đó ai hiểu được nguyên tắc này thì cũng bẻ được khóa. Kỹ thuật mã

hóa đáng tin cậy nhất là hệ thống so chữ - hệ thống này lập mã và giải mã bằng cách sử dụng một số chữ nhất định trong các trang và dòng nhất định của một quyển sách mà hai người sử dụng cùng có. Những mật mã này chỉ hiệu nghiệm chừng nào người ta không biết đó là quyển sách nào. Những người sử dụng luôn phải có quyển sách đó trong tầm tay, rủi ro khá lớn.

Đây là khởi điểm cho suy luận của tôi. Chỉ có một cách để tạo ra mật mã không sao phá nổi: làm biến dạng dữ liệu trên cơ sở một hệ thống cho đến khi không ai hiểu nổi. Nói một cách khác là việc biến dạng dữ liệu phải diễn ra trong một hộp đen hoàn hảo, và phục hồi nguyên dạng cũng vậy. Ngay người lập mã cũng không được biết nội dung và nguyên lý của hộp đen. Người lập mã và người giải mã được phép sử dụng hộp đen mặc dù không hiểu nó. Và do chính họ không hiểu nên chẳng ai bẻ được khóa ấy. Có đúng là hoàn hảo không?"

"Hộp đen đó chính là tiềm thức?"

"Chính xác. Anh để tôi giải thích tiếp. Mỗi hành vi của con người diễn ra đều dựa trên các nguyên tắc đặc thù cá thể. Không có hai người giống nhau như lột. Tóm lại là ta nói đến vấn đề bản thể. Bản thể là gì? Bản thể là tính cá thể của cấu trúc tư duy sinh ra bởi các trải nghiệm được thu thập. Nói đơn giản hơn, đó là tâm hồn, là trái tim của con người. Mỗi người có một trái tim khác nhau, không có hai trái tim giống nhau. Tuy nhiên con người hầu như không hiểu được cấu trúc tâm lý của mình. Tôi cũng thế, và anh

cũng chẳng khác. Cái mà chúng ta hiểu được hay tưởng rằng hiểu được thì cùng lắm chỉ là năm đến bảy phần trăm của cấu trúc đó. Còn ít hơn hình ảnh quen thuộc mà ta vẫn gọi là chóp nhọn của núi băng. Ta hãy thí nghiệm với một câu hỏi đơn giản: anh là người dũng cảm hay hèn nhát?"

"Tôi không biết", tôi trả lời thành thực. "Thỉnh thoảng dũng cảm, thỉnh thoảng hèn nhát. Không thể nói một cách tuyệt đối."

"Cấu trúc tâm lý cũng giống hệt như vậy. Chẳng có gì tuyệt đối cả. Tùy theo tình thế và nhu cầu mà anh chọn một cách bất giác và hầu như ngay tắp lự một điểm nào đó nằm giữa hai thái cực dũng cảm và hèn nhát. Sơ đồ nội tâm của anh chính xác như vậy. Nhưng anh hầu như không hiểu gì về nội dung và cơ cấu của sơ đồ ấy. Anh cũng chẳng cần hiểu làm gì. Anh hành động như chính anh, đâu cần phải hiểu tại sao. Đó là quan niệm của tôi về hộp đen. Trong óc chúng ta có một cái gọi là nghĩa địa voi khổng lồ mà chưa người nào đặt chân tới, đó là miền đất lạ cuối cùng của nhân loại - trừ vũ trụ.

Không, nghĩa địa voi không phải là danh từ chính xác. Vì ở đó không tàng chứa những ký ức chết. Có lẽ gọi đúng hơn là nhà máy voi. Ở đó có hằng hà sa số các con chíp ký ức và kiến thức được phân loại và kết nối thành các dây phức hợp và sau đó bện thành các bó phức hợp để tạo nên một hệ thống. Quả thực nên gọi đó là một nhà máy. Một nhà máy sản xuất. Giám đốc nhà máy đó là anh, nhưng tiếc là anh không vào tham quan nhà máy được. Muốn thâm

nhập vào đó anh cần một dược liệu đặc biệt, như Alice ở xứ sở diệu kỳ vậy. Lewis Carroll quả đã cho ra một tác phẩm bậc thầy."

"Vậy là mọi hành xử của ta được quyết định bởi những mệnh lệnh từ nhà máy voi đó hay sao?"

"Chính thế", ông già nói. "Nghĩa là..."

"Khoan đã", tôi ngắt lời ông. "Tôi có một câu hỏi."

"Cứ việc, cứ việc."

"Về cơ bản thì tôi đã hiểu. Nhưng hành xử không thể thực sự bị quyết định đến tận các hành vi diễn ra ở bề mặt ngoài cùng. Khi ăn bánh mì buổi sáng, tôi uống kèm sữa, cà phê hay trà thì chỉ phụ thuộc vào tâm trạng tức thời thôi chứ?"

"Thật vậy", giáo sư nói và gật đầu. "Tiềm thức tuân thủ một sự biến đổi thường trực, đó là một vấn đề nữa. Nói như một ẩn dụ, nó là cuốn tự điển bách khoa toàn thư mà mỗi ngày ra một ấn bản có hiệu đính. Đó là hai vấn đề cần được khắc phục khi ta muốn ổn định tâm thức của người."

"Vấn đề?", tôi nói. "Sao lại gọi là vấn đề? Chẳng phải đó là hành xử hoàn toàn bình thường của con người hay sao?"

"Từ từ, từ từ đã nào", giáo sư xoa dịu. "Cứ thế này thì ta sa vào lạch thần học mất. Tiền định và định mệnh. Mọi hành vi của con người đều được Thượng đế quyết định trước, hay con người quyết định hành vi theo ý chí riêng? Trong thời hiện đại, các nhà khoa học nhấn mạnh tính bột phát sinh lý của con người. Dù vậy chưa ai tìm được câu trả

lời thấu đáo cho câu hỏi, ý chí tự do là gì. Vì sao? Vì chưa ai hiểu được bí mật của nhà máy voi trong chúng ta. Freud và Jung đã nêu ra nhiều lý thuyết, song nói cho cùng đó chỉ là các trình bày mang tính khái niệm không hơn không kém. Chúng chỉ tạo ra một dịp để bàn về các hiện tượng đó mà thôi. Vấn đề đã đơn giản đi, đồng ý, nhưng qua đó có hiểu được bản chất sự bột phát của con người không? Hoàn toàn không. Theo tôi, người ta chỉ tráng lên môn tâm lý học một lớp màu kinh viện mà thôi."

Đến đây giáo sư lại phá ra một tràng cười sang sảng. Cô bé và tôi kiên nhẫn đợi đến lúc ông cười xong.

"Về bản chất, tôi là người thực dụng", giáo sư tiếp lời. "Như lời người xưa nói, cái gì của Caesar thì trả lại cho Caesar, đừng mó máy vào làm gì. Lý luận siêu hình nói cho cùng chỉ là tán gẫu kiểu triệu chứng học. Trước khi mê đắm vào đó thì hãy làm cho xong núi công việc đang chờ ta ở những lĩnh vực cụ thể đi đã. Chẳng hạn như vấn đề hộp đen của chúng ta. Hãy coi cái hộp là một cái hộp và tận dụng nó như một cái hộp là đủ lắm rồi. Nhưng muốn thế", giáo sư giơ ngón trỏ lên, "ta phải giải quyết hai vấn đề mà tôi vừa nêu lên. Vấn đề thứ nhất là tính ngẫu nhiên của các hành vi diễn ra ở bề mặt ngoài cùng, vấn đề kia là sự biến đổi của hộp đen xảy ra sau mỗi trải nghiệm mới. Đây không phải là chuyện đơn giản. Đúng như anh nói, đây là hành động hoàn toàn thường nhật của con người. Con người thu thập kinh nghiệm suốt cuộc đời, từng phút, từng giây một. Gạt bỏ việc đó chẳng khác gì ký vào bản án tử hình của mình.

Dù vậy, theo giả thuyết của tôi, sẽ có gì xảy ra khi hộp đen của một người được ghi nhớ vào một thời điểm nhất định? Sau đó có thay đổi gì khác cũng được. Trạng thái được ghi nhớ của hộp đen vào thời điểm đó là một trạng thái bền vững và có thể gọi ra bất cứ lúc nào. Một bức ảnh chụp vào thời điểm cố định."

"Khoan đã", tôi nói. "Giống như cấy vào người một ý thức hệ thứ hai, đúng không ạ?"

"Đúng thế, đúng thế", ông già nói. "Anh nói rất đúng. Anh là người nhanh trí, tôi vẫn biết thế. Cấu trúc A vẫn liên tục tồn tại, trong khi trên một bình diện khác nó liên tục biến thành A', A", A"', vân vân. Người ta đút một cái đồng hồ chết vào túi quần bên phải, một đồng hồ khác đang chạy vào túi trái. Đại khái thế. Muốn xem đồng hồ nào vào lúc nào thì tùy. Đó là cách giải quyết vấn đề thứ nhất.

Vấn đề thứ hai cũng được thanh toán theo cùng nguyên tắc. Ta chỉ cần triệt tiêu các lựa chọn mở của ý thức hệ nguyên thủy A trên bề mặt ngoài cùng. Anh hiểu chứ?"

Không, tôi chẳng hiểu gì cả.

"Ta tách bỏ bề mặt ngoài cùng, như nha sĩ cạo men răng đi vậy. Chỉ chừa lại những nhân tố cơ bản, những gì ta cần, nghĩa là cốt lõi của ý thức hệ. Khi đó sẽ không thể phạm lỗi lầm nào nữa. Ta cố định cấu trúc tâm lý đó và quẳng vào két sắt. Xong. Đó là dạng thô của kỹ thuật xáo dữ liệu. Lý thuyết của tôi lúc bước chân vào Hệ thống là thế."

"Vậy thì phải mổ óc ra."

"Không tránh được", giáo sư nói. "Trong tương lai có thể một ngày nào đó người ta không cần phẫu thuật nữa. Có lẽ người ta thông qua một phẫu thuật ngoại vi, một dạng thôi miên, để đạt mục đích mong muốn. Nhưng trình độ hiện tại chưa cho phép. Bộ não vẫn phải được kích thích bằng điện. Nói cách khác là các bảng mạch phải được chỉnh đổi bởi bàn tay người. Không có gì lạ. Nó cũng tương tự như kỹ thuật chuẩn đang được áp dụng để chữa chứng động kinh vì lý do tâm lý. Người ta cắt các dây thần kinh đại não bị lệch luồng và - hừm, tôi có nên bỏ các chi tiết chuyên môn đi không?"

"Có lẽ thế", tôi nói. "Chỉ các ý chính là đủ."

"Nói ngắn gọn, người ta tạo ra các điểm nối cho dòng thần kinh. Như tiếp điểm của đường ray. Cấy vào đó các điện cực và pin cực nhỏ. Mỗi khi có tín hiệu là bẻ ghi."

"Nghĩa là tôi có các điện cực và pin cực nhỏ trong não?"

"Dĩ nhiên."

"Giỏi", tôi nói. "Giỏi thật đấy."

"Cũng không có gì ghê gớm và tồi tệ như anh tưởng tượng ra đâu. Mấy thứ đó không lớn hơn hạt đậu xanh, thiếu gì người mang máy điều hòa nhịp tim hay những thứ tương tự trong cơ thể. Tuy nhiên có một điểm mà tôi phải nhắc đến. Các mạch dẫn của cấu trúc tâm lý nguyên thủy, nghĩa là của chiếc đồng hồ không chạy, đều là mạch chết. Nếu anh kích vào đó thì sẽ không có hiệu quả gì. Nói cách khác là anh sẽ không biết mình nghĩ gì hay làm gì. Bắt buộc

phải làm thế, vì nếu không sẽ sinh ra nguy cơ là anh tự thay đổi cấu trúc."

"Ngoài ra có vấn đề gì bởi phát xạ hay phát quang của lõi ý thức hệ từ bề mặt không? Một cộng tác viên của ông có nói về chuyện đó sau khi tôi được phẫu thuật. Việc phát quang có thể gây ảnh hưởng đến não."

"Đúng vậy. Về điểm này có nhiều quan niệm khác nhau. Chỉ có thể phỏng đoán. Do chưa có thí nghiệm nào trước đó nên người ta chỉ đoán mò mà thôi."

"Anh vừa nói đến dùng người làm khỉ thí nghiệm - thực sự là chúng tôi có làm vài thí nghiệm trên người. Chúng tôi không thể áp dụng ngay vào các toán sư như anh, vì các anh là tài sản lớn. Hệ thống đã lựa ra mười người để chúng tôi phẫu thuật và quan sát diễn biến."

"Những người đó là ai?"

"Họ không cho chúng tôi biết. Nói chung đó là các thanh niên khỏe mạnh. Họ không có bệnh tâm thần và phải có chỉ số thông minh từ 120 trở lên, đó là điều kiện. Chúng tôi không rõ họ là ai và từ đâu đến. Kết quả rất khả quan. Các đoạn bẻ ghi hoạt động tốt ở bảy trong số mười người. Ở ba người có vấn đề, có thể vì cấu trúc tâm lý bị hạn chế vào một hệ thống duy nhất, hoặc có hiện tượng tư duy bất đồng nhất. Nhưng số bảy là một kết quả chấp nhận được."

"Chuyện gì xảy ra với những người tư duy bất đồng nhất?"

"Chúng tôi khôi phục lại trạng thái ban đầu. Không ai bị tổn hại gì. Ở bảy người còn lại thì trong quá trình tập

huấn tiếp theo có một số vấn đề mang tính chất kỹ thuật hoặc cá nhân. Một vấn đề là mật mã để bẻ ghi bị trục trặc. Thoạt tiên chúng tôi dùng chuỗi năm số bất kỳ làm mật mã, nhưng một số người thí nghiệm bị lỗi mạch khi họ ngửi nước nho nguyên chất. Tôi không rõ tại sao. Hiện tượng này xảy ra khi họ uống nước nho trong bữa ăn trưa."

Cô gái mũm mĩm bên cạnh tôi cười khúc khích, nhưng tôi chẳng thấy có gì khôi hài cả. Sau cuộc phẫu thuật và tập huấn trộn số, rất nhiều thứ mùi làm tôi bối rối. Ví dụ như nước hoa có hương dưa bở của cô gái khiến tôi tưởng là nghe thấy âm thanh trong đầu. Nếu mùi này mùi kia gây ra lỗi mạch trong nhận thức thì quả là một thảm họa!

"Chúng tôi tìm ra giải pháp là đệm giữa các số bằng sóng âm thanh đặc biệt. Phản ứng với một số mùi giống như phản ứng với mật mã. Một vấn đề nữa là cấu trúc nguyên thủy của một số người thí nghiệm không hoạt động chính xác nữa. Chúng tôi nghiên cứu kỹ hiện tượng ấy và rút ra kết luận rằng lõi ý thức hệ của những người ấy ngay từ đầu đã quá mỏng mảnh và bất ổn định về chất lượng. Những thanh niên đó khỏe mạnh và thông minh, nhưng bản thể tâm lý của họ không định hình, họ không có cá tính mạnh. Ngược lại, cũng có khi tính tự chủ kém. Có bản thể tâm lý, nhưng cơ cấu của nó không phát triển đủ mạnh để sử dụng được trong chuyện này. Tóm lại, người ta không thể phẫu thuật một người bất kỳ và dạy họ xáo dữ liệu được, mà phải có tố chất tương thích.

Cuối cùng còn lại ba ứng viên. Ở ba người này hễ có

tín hiệu mật mã là bẻ ghi, cấu trúc tâm lý nguyên thủy được cố định cũng hoạt động tốt, có thể dùng được. Sau một tháng làm thêm một số thí nghiệm chúng tôi được bật đèn xanh."

"Để tìm ứng viên xáo dữ liệu?"

"Đúng thế. Chúng tôi thẩm định và phỏng vấn trực tiếp gần năm trăm toán sư để cuối cùng lựa ra được hai mươi sáu đàn ông có tâm lý vững vàng, ngoài ra còn biết chế ngự hành vi và cảm xúc, cơ thể khỏe mạnh và chưa bao giờ phải điều trị tâm thần. Quá trình tuyển chọn vô cùng phức tạp và tốn thời gian. Nói cho cùng là nhiều điểm không thể tìm ra được qua sát hạch viết và phỏng vấn. Sau đó Hệ thống lập hồ sơ cá nhân chi tiết của từng người trong hai mươi sáu ứng viên đó, ghi rõ mọi chi tiết về cá nhân, xuất xứ, khả năng học vấn, gia đình, đời sống tình dục, thói quen ăn uống, tóm lại là đủ mọi thứ. Họ thuộc các anh như lòng bàn tay. Vậy nên tôi biết rõ anh như chính mình vậy."

"Có một điều tôi không hiểu được", tôi nói. "Như tôi được nghe kể lại thì các lõi ý thức hệ hay hộp đen của chúng tôi được bảo quản ở thư viện của Hệ thống. Họ làm chuyện đó ra sao?"

"Chúng tôi lần theo đến tận hang cùng ngõ hẻm trong cấu trúc tư duy của các anh, mô phỏng chúng và giữ lại như một ngân hàng dữ liệu trung ương. Nếu không thì chúng tôi sẽ bó tay nếu có chuyện gì đó xảy ra với các anh. Một dạng bảo hiểm."

"Mô phỏng có hoàn hảo không?"

"Không, dĩ nhiên là không được hoàn hảo, nhưng bóc tách trơn tru được lớp vỏ ngoài đã đơn giản hóa mọi chuyện, nhờ vậy mà mô hình mô phỏng hoạt động gần đạt tới mức hoàn hảo. Về chi tiết thì mô hình này bao gồm ba hệ tọa độ hai chiều và một ảnh giao thoa laser. Tất nhiên không thể sử dụng một máy tính bình thường để tạo ra, nhưng thế hệ máy tính bây giờ có những nguyên tố gần giống một nhà máy voi và có thể tiếp cận những cấu trúc tâm lý phức hợp như vậy. Nói một cách khác thì vấn đề là làm sao cố định được sơ đồ cấu trúc, song tôi sẽ không đủ thì giờ để giải thích. Để cho dễ hiểu, người ta theo dõi các quá trình tâm lý như sau: trước tiên các hình mẫu của dòng chảy trong não do anh tạo ra được liên tục đưa vào máy tính. Giữa các hình mẫu đó có sự khác biệt rất tinh vi, vì anh luôn liên tục tráo các con chip trong dây thần kinh và các dây trong cùng bó dây. Một vài quá trình hoán đổi diễn ra ở quy mô có thể đo được, các quá trình khác thì không. Máy tính phân biệt điều đó. Nó bỏ các quá trình không đo được, còn các quá trình đo được thì nó ghi lại là hình mẫu cơ bản. Việc này được máy tính lặp đi lặp lại liên tục, với đơn vị đo là hàng triệu. Giống như các lớp chất dẻo dán đè lên nhau và ngày càng dày thêm. Nếu không có gì để bổ sung nữa thì máy tính đúc kết các hình mẫu thu thập được thành hộp đen."

"Sao chép lại bộ não?"

"Không, não không sao chép được. Tôi chỉ cố định hệ thống nhận thức của anh trên bình diện hiện tượng học mà

thôi. Đó là cấu trúc tâm lý ở một thời điểm nhất định. Trước sự linh hoạt của não quy chiếu vào thời gian tính thì ta chỉ còn cách đầu hàng. Tuy nhiên tôi đã tiến được thêm một bước: tôi đã thành công khi hiển thị được hộp đen của anh trên máy tính." Giáo sư nhìn tôi và cô cháu mũm mĩm của mình với ánh mắt mong đợi. "Hiển thị được cốt lõi ý thức hệ của anh! Một việc chưa ai từng làm được - vì từng được coi là bất khả thi. Tôi đã làm được. Anh nghĩ là tôi đã làm như thế nào?"

"Tôi làm sao biết được."

"Tôi đã đưa đồ vật cho những người tham gia thí nghiệm xem, phân tích các phản ứng điện từ trong óc họ, số hóa các giá trị đó rồi biến thành điểm chấm. Thoạt tiên tôi chỉ nhận được các hình phác họa sơ sài, nhưng nếu liên tục cân bằng và bổ sung thì rốt cuộc cũng có trên màn hình máy tính hình ảnh của các đồ vật như người tham gia thí nghiệm đã nhìn thấy chúng. Không lời nào tả xiết sự gian nan và kiên trì để làm việc ấy. Nhưng đại thể là như tôi vừa miêu tả. Sau khi lặp đi lặp lại vô số lần, cuối cùng thì máy tính cũng nhận ra các hình mẫu và tự động dựa vào các phản ứng của dòng điện trong não để tạo ra hình ảnh. Máy tính quả là những tạo vật đáng yêu. Khi người ta ra lệnh cho nó có logic thì nó cũng làm việc một cách logic.

Bước kế tiếp là tôi cho các dữ liệu hộp đen của anh vào máy tính đã có sẵn các hình mẫu. Và quả thật nó thể hiện lõi ý thức hệ thành hình ảnh, rất xuất sắc. Dĩ nhiên đó chỉ là các mảnh rời rạc và hỗn độn, ở trạng thái thô này không

có ý nghĩa gì hết. Phải hệ thống hóa chúng lại, như người ta ghép các hình ảnh thành một bộ phim, một câu chuyện có đầu có đuôi."

"Một câu chuyện?"

"Có gì kỳ lạ lắm đâu", giáo sư nói. "Các nhạc sĩ giỏi chuyển ý thức thành âm thanh, họa sĩ chuyển thành màu, và nhà văn thành câu chuyện. Cùng một nguyên tắc cả thôi. Đương nhiên trong việc này có sự chệch choạc, không phải chi tiết nào cũng theo dõi được chính xác, nhưng về đại thể đó là phương thức nắm bắt được ý thức một cách hữu hiệu. Khi quan sát một loạt hình ảnh sắp xếp hỗn loạn, cho dù mỗi hình mang tính chính xác thì người ta sẽ không nắm được nội dung. Không nhất thiết mọi thứ đều phải chính xác. Việc thể hiện này tôi làm vì mục đích cá nhân, gọi là thú vui cũng được."

"Thú vui?"

"Ngày xưa, hồi trước chiến tranh, tôi làm trợ lý cắt cảnh bên điện ảnh. Những việc ấy là sở trường của tôi. Ý tôi định nói là sắp xếp các cảnh hỗn loạn. Tôi chui về phòng thí nghiệm và cắt ghép một mình, không cần các cộng tác viên khác. Tôi tin rằng không ai biết tôi làm gì. Tôi giấu những dữ liệu được hiện hình như của riêng và đem về nhà. Chúng là của tôi."

"Ông đã hiện hình tất cả hai mươi sáu cấu trúc não bộ?"

"Phải. Tất cả. Mỗi người tôi đánh dấu một tên, đồng thời cũng là tên hộp đen. Tên của anh là 'Tận cùng thế giới' phải không?"

"Chính xác. 'Tận cùng thế giới'. Nhưng lý do tại sao? Thú thực là cái tên này luôn làm tôi ngạc nhiên."

"Ta sẽ bàn chuyện đó sau", giáo sư nói. "Dù sao chăng nữa thì không người nào biết đến việc hiện hình thành công cấu trúc của hai mươi sáu não bộ. Và tôi cũng chẳng kể cho ai hay. Tôi không muốn công trình nghiên cứu này dính dáng đến Hệ thống. Tôi đã hoàn thành mỹ mãn dự án mà Hệ thống giao cho, và tôi được phép tiến hành các thí nghiệm cần thiết trên người. Tiếp tục tiến hành các nghiên cứu khác để tạo lợi nhuận cho người khác thì tôi không khoái. Tôi muốn trở lại vị trí một nhà khoa học tự do, lúc thì quan sát vấn đề này, lúc thì xem vấn đề khác. Tôi không phải kiểu người chỉ biết hiến thân cho một nhiệm vụ. Tôi phải bắt tay vào nhiều việc cùng lúc, đó là tạng người tôi. Nhưng là nhân viên phụ thuộc vào chủ thì khó lắm. Do đó tôi báo với Hệ thống là tôi thôi việc - công việc khoa học đã xong, nhiệm vụ của tôi đã hoàn tất, phần còn lại chỉ là vấn đề kỹ thuật. Hệ thống không muốn nhả tôi ra. Tôi biết quá nhiều. Họ nghĩ rằng ở giai đoạn đó nếu tôi chạy sang với bọn Nhà máy thì các hoạch định xáo dữ liệu sẽ vỡ như bong bóng xà phòng. Đối với Hệ thống, ai không là bạn nghĩa là thù. Họ đề nghị tôi đợi thêm ba tháng. Tôi được phép rảnh tay nghiên cứu ở đó, không cần làm việc gì cho Hệ thống, họ sẽ phát lương bổng đặc biệt, vân vân. Ba tháng sau, khi thời hạn bảo vệ tối mật chấm dứt thì tôi có thể ra đi. Tôi muốn tự do, không chịu được xiềng xích, nhưng các điều kiện họ mời không đến nỗi tồi. Vì vậy tôi ở thêm ba tháng

nữa, làm việc này việc nọ và nghỉ ngơi thoải mái.

Nhưng nhàn cư vi bất thiện. Nhiều thì giờ rảnh khiến tôi nảy ra ý định ghép thêm một bảng mạch nữa vào các anh - những người tham gia thí nghiệm. Trong bảng mạch này tôi cấy thêm lõi ý thức hệ do tôi cắt ghép được."

"Nhưng để làm gì cơ chứ?"

"Thứ nhất là để xem nó có hiệu quả gì đối với người tham gia thí nghiệm. Tôi muốn biết một ý thức hệ do người lạ cắt ghép và sắp xếp hoạt động ra sao. Đây là một trường hợp chưa hề có tiền lệ trong lịch sử loài người. Và dự định thứ hai của tôi - tất nhiên chỉ là một tác dụng phụ - một khi Hệ thống đã cho phép tôi muốn làm gì tùy thích thì tôi sẽ hiểu câu đó theo đúng nghĩa đen và làm những gì tôi thích. Tôi định cấy thêm ít nhất một chức năng mà Hệ thống không hề biết."

"Đó là động cơ duy nhất của ông hay sao?", tôi hỏi. "Chỉ vì thế mà ông nghí ngoáy trong não chúng tôi và đặt thêm vài đường ray cho cái tàu hỏa đồ chơi của ông?"

"Anh có quyền nghĩ thế, và tôi rất xấu hổ. Tôi xấu hổ không lời nào tả xiết. Tôi không rõ anh có hiểu không, nhưng trí tò mò khoa học khó bị kiềm chế một cách dễ dàng. Tất nhiên tôi phản đối những thí nghiệm trên người và súc vật sống mà các nhà nghiên cứu nhân chủng học cộng tác với bọn Nazi đã tiến hành ở trại tập trung, nhưng đồng thời tôi cũng tự vấn trong lương tâm, tại sao khi đã làm các thí nghiệm đó người ta không làm cho khéo hơn và hữu hiệu hơn. Các nhà khoa học lấy cơ thể người làm đối

tượng nghiên cứu đều nghĩ như vậy. Vả lại công việc của tôi không bao giờ làm tổn hại đến sinh mạng nào. Tôi chỉ cộng một vào hai cho thành ba. Tôi thay đổi bảng mạch một chút, nhưng qua đó không gây thêm áp lực cho não. Tôi lấy những chữ cái đã có sẵn để lắp thành một từ mới, không làm gì hơn."

"Sự thật là ngoài tôi ra, các ứng viên khác trong dự án xáo dữ liệu đều chết cả. Tại sao?"

"Tôi không biết", giáo sư nói. "Trong hai mươi sáu ứng viên được chuẩn bị cho hệ thống xáo dữ liệu, hai mươi lăm người đã chết, đúng thế. Tất cả cùng chết một kiểu, hệt như đúc một khuôn. Họ lên giường, ngủ thiếp đi và không tỉnh dậy nữa."

"Vậy thì tôi sẽ ra sao?", tôi nói. "Có thể mai cũng đến lượt tôi."

"Chuyện không đơn giản như vậy", giáo sư nói và ngọ nguậy dưới tấm mền. "Thời điểm chết tập trung vào nửa năm. Trong khoảng tháng thứ mười bốn và hai mươi sau khi phẫu thuật. Tất cả hai mươi lăm người đều chết trong nửa năm đó. Trái lại thì anh vẫn xáo được dữ liệu mà không thấy tác hại nào, đến nay đã được ba mươi chín tháng. Có nghĩa là anh có một cơ địa đặc biệt mà những người khác không có."

"Ông nói vậy nghĩa là sao, đặc biệt theo nghĩa nào?"

"Từ từ đã nào. Sau khi phẫu thuật anh có thấy xuất hiện một số triệu chứng khó hiểu không? Ảo giác, ù tai, ngất, hay tương tự như thế?"

"Không", tôi nói. "Không có những triệu chứng ấy. Tôi nghĩ là từ đó tôi phản ứng nhạy hơn với một số mùi nhất định. Chủ yếu là mùi trái cây."

"Những người kia cũng vậy. Hương vị một số trái cây tác động vào bảng mạch đã được cấy trong não. Tôi không biết nguyên nhân, nhưng đó là sự thật. Anh không bị ngất, ù tai hay ảo giác chứ?"

"Không", tôi đáp.

"Ra thế." Giáo sư ngẫm nghĩ một hồi. "Anh còn nhận ra điều gì nữa không?"

"Tôi cũng vừa nhận ra một điều. Ý tôi là một số ký ức đã bị lãng quên, nay xuất hiện trở lại. Thoạt tiên chỉ là các nét thoáng qua, không khiến tôi để ý lắm, nhưng lúc này nó hiện ra rõ rệt và trụ lại lâu hơn. Nguyên do chắc chắn là tiếng nước gầm. Song đó không phải ảo giác, mà là ký ức, chắc chắn như vậy."

"Không, không phải ký ức", giáo sư phủ định. "Anh tưởng đó là ký ức, nhưng kỳ thực là những cầu nối nhân tạo do chính anh tạo ra. Giữa cấu trúc nhân cách nguyên thủy của anh và ý thức hệ do tôi cấy ghép dĩ nhiên là có những điểm vênh, và anh muốn san bằng điểm vênh ấy, như thể để công nhận chúng tồn tại."

"Tôi không hiểu. Chuyện đó chưa hề xảy ra ở tôi, tại sao vào thời điểm này?"

"Vì tôi đã bẻ ghi và cho chạy bảng mạch thứ ba", giáo sư nói. "Nhưng ta hãy đi theo đúng thứ tự. Như thế sẽ dễ kể hơn, và anh sẽ hiểu câu chuyện rõ hơn."

Tôi lôi chai whiskey ra uống một ngụm. Cam đoan lại sắp đến một chuyện khủng khiếp nữa.

"Sau cái chết của tám ứng viên đầu tiên, Hệ thống gọi tôi đến. Tôi phải tìm nguyên nhân tử vong. Thú thực là tôi không muốn dây dưa gì với Hệ thống nữa, song nói cho cùng thì kỹ thuật này do tôi làm, và khi động đến tính mạng người thì tôi không thể từ chối được. Vậy là trước tiên tôi đến để lấy thông tin. Họ miêu tả bối cảnh khi chết và cho tôi xem báo cáo xét nghiệm tử thi. Cả tám người, như tôi vừa nói, chết giống nhau, không rõ nguyên nhân. Cơ thể và óc không cho thấy dấu vết vũ lực, hô hấp cứ thế nhẹ nhàng chấm dứt. Tựa như bị đánh thuốc mê vậy. Trên khuôn mặt họ không thấy dấu vết vật lộn."

"Ông có xác định được nguyên nhân tử vong không?"

"Không. Dĩ nhiên người ta có thể đoán này đoán nọ và đưa ra giả thuyết. Khi tám toán sư được huấn luyện để xáo trộn dữ liệu lần lượt chết thì không thể coi đó là tình cờ được. Phải có biện pháp. Đó là nghĩa vụ của người làm khoa học. Phỏng đoán của tôi như sau: hoặc là một tiếp điểm bị lỏng, tắt hay hỏng đã hủy hoại hệ thống não bộ, các chức năng não không chịu đựng nổi năng lượng được giải tỏa. Hoặc bộ phận cấy vào vẫn tốt, vậy thì vấn đề phải nằm ở lối ý thức hệ được kích hoạt trong thời gian rất ngắn nhưng cần thiết để xáo dữ liệu, và sự kích hoạt ấy quá sức chịu đựng của não người." Giáo sư kéo chăn lên tận cằm và ngừng một lát mới tiếp lời: "Tôi thì phỏng đoán như vậy. Không nhất thiết là đúng. Nhưng khi ta quan sát toàn bộ

tình thế thì hai nguyên nhân ấy có xác suất lớn nhất, thậm chí đồng thời cả hai."

"Khám nghiệm não không đem lại kết quả nào?"

"Não không phải là cái máy nướng bánh mì hay máy giặt. Người ta không thấy dây điện, không thấy công tắc. Nếu có gì thay đổi thì đó là các dòng chảy vô hình trong não, khám nghiệm các tiếp điểm sau khi chết chẳng có ích gì. Có thể theo dõi các trục trặc khi não còn sống, đúng, nhưng chết rồi là hết. Có thấy thì chỉ thấy tổn thương hoặc ung bướu, nhưng ở họ không có. Tất cả đều nguyên vẹn.

Vì vậy chúng tôi gọi mười người trong số tham gia thí nghiệm còn sống đến phòng thí nghiệm để khám lại lần nữa. Chúng tôi làm điện não đồ, bật đi bật lại giữa các cấu trúc tư duy để tin chắc là các tiếp điểm hoạt động tốt. Chúng tôi trò chuyện chi tiết, hỏi xem họ có vấn đề về cơ thể hay thần kinh, vấn đề về thính giác hay ảo giác - hoàn toàn không. Không có gì đáng phải lo ngại. Tất cả khỏe mạnh, tất cả xáo dữ liệu ổn thỏa. Chúng tôi đoán là ở tám toán sư bị chết đã có sẵn lỗi não bộ, không thích hợp với công tác xáo dữ liệu. Không rõ đó là lỗi gì, nhưng chắc chắn sẽ nghiên cứu ra, chỉ cần giải quyết vấn đề này trước khi giải phẫu thế hệ xáo dữ liệu thứ hai.

Đó chính là sai lầm. Tháng sau có thêm năm người nữa chết, trong đó có ba người vừa được chúng tôi khám nghiệm kỹ lưỡng. Những người mà trước đó đã được chúng tôi chúng tôi chăm sóc theo đúng mọi quy tắc của y tế và cho rằng khỏe mạnh. Quả là một cú sốc. Một nửa

trong số hai mươi sáu người tham gia thí nghiệm đã chết mà nguyên nhân không thể tìm ra. Đây không phải chuyện tương thích hay không nữa, mà là vấn đề sống còn. Nói một cách khác, ý tưởng bật tắt giữa hai ý thức hệ khác nhau đã là một chuyện bất khả thi cho não bộ ngay từ đầu. Tôi đề nghị Hệ thống ngừng ngay dự án. Chấm dứt việc xáo dữ liệu và lấy ra các thứ đã cấy vào những người tham gia thí nghiệm còn sống. Bằng không sẽ phải tính đến khả năng cả hai mươi sáu người sẽ chết. Hệ thống không tin, và bác bỏ đề nghị của tôi."

"Vì sao?"

"Hệ thống xáo dữ liệu hoạt động xuất sắc, nay không thể đột ngột chấm dứt, vì tất cả sẽ bị đình trệ. Thêm vào đó không ai biết chắc là cả hai mươi sáu người sẽ chết, và nếu có ai sống sót thì đó sẽ là tài liệu nghiên cứu thích hợp cho các nghiên cứu tiếp tục. Lập tức tôi từ bỏ họ."

"Và tôi là người duy nhất sống sót?"

"Đúng thế."

Tôi tựa đầu vào vách đá sau lưng, nhìn đăm đăm lên trần và xoa tay lên những sợi râu lởm chởm. Lần cuối tôi cạo râu là bao giờ? Tôi không nhớ nữa. Trông tôi chắc phát khiếp.

"Vì sao tôi không chết?"

"Tôi cũng chỉ có một giả thuyết", giáo sư nói. "Giả thuyết dựa trên một giả thuyết. Nhưng linh cảm nói với tôi rằng tôi không đoán sai lắm. Có lẽ là anh đã luôn luôn dùng một tư duy kép. Tất nhiên là dùng một cách vô thức. Vô

thức và bất giác anh đã chia đôi cấu trúc nhân cách của mình. Cho phép tôi dùng lại hình ảnh vừa rồi: anh đã luôn có một cái đồng hồ trong túi quần trái và cái nữa trong túi phải, tiếp điểm đã có sẵn, và anh được miễn dịch về tâm lý. Đó là giả thuyết của tôi."

"Có dấu hiệu gì minh chứng không?"

"Có chứ. Trong hai, ba tháng vừa rồi tôi đã xem lại tất cả hai mươi sáu hộp đen được hiện hình, tức là hai mươi sáu cấu trúc tư duy. Và tôi nhận thấy rằng hộp đen của anh có cấu trúc mạch lạc nhất, không bị đứt gãy, và có một sợi chỉ đỏ xuyên suốt. Tóm lại, hộp đen của anh hoàn hảo. Nó có thể là một tiểu thuyết hay một cuốn phim chỉn chu. Ở hai mươi lăm người kia thì không thế. Chúng hỗn độn, tối tăm, tan tác, ngay cả khi được cắt ghép cũng thiếu mối liên hệ và khó hiểu. Chẳng hơn gì những giấc mơ được nối với nhau. Hộp đen của anh hoàn toàn khác. Nó khác biệt như bức tranh của một nghệ sĩ hội họa so với một đứa trẻ vẽ.

Tôi cứ băn khoăn mãi về lý do và cho rằng chỉ có một lời giải: tự anh đã can thiệp vào và thiết kế. Vì vậy mà trong đống tranh ảnh thu thập có một cấu trúc mạch lạc phi thường. Lại nói lần nữa bằng hình ảnh: anh đã xâm nhập vào nhà máy voi trong tiềm thức của mình và tự tạo ra một con voi. Dĩ nhiên là không ý thức được điều đó."

"Tôi thật khó tin chuyện đó", tôi nói.

"Tôi nghĩ là có nhiều nguyên nhân", giáo sư nói. "Các trải nghiệm thời thơ ấu, môi trường gia đình, sự khách quan hóa cái Tôi quá mức, ý thức tội lỗi… ở anh

chủ yếu là xu hướng tự cô lập mình một cách cực đoan. Không đúng thế sao?"

"Có thể đúng", tôi nói. "Giả sử mọi phỏng đoán đều đúng, sẽ có gì xảy ra?"

"Chẳng có gì cả. Nếu người ta để cho anh yên thân thì anh sẽ sống trăm tuổi. Nhưng có vài lý do để tin là người ta không để anh yên. Trong cuộc chiến tranh dữ liệu này, bất kể anh muốn hay không, nhưng anh đã giữ một vị trí then chốt. Sắp tới Hệ thống sẽ phát động một dự án kế tiếp mà anh là mô hình. Họ sẽ phân tích anh kỹ lưỡng, tháo anh ra thành từng mảnh nhỏ. Cụ thể họ sẽ làm gì thì tôi không rõ, nhưng sẽ không hay ho gì lắm cho anh đâu. Chuyện đó thì tôi chắc chắn, cho dù tôi là một người khá xa rời thực tế. Bằng cách nào đó, tôi muốn cứu anh."

"Tuyệt quá", tôi rên lên. "Ông đang định cứu tôi bằng cách tẩy chay dự án ấy phải không?"

"Tôi đã nói mấy lần rồi: tôi không thích bán rẻ các công trình nghiên cứu của mình. Ngoài ra tôi không muốn tham gia một dự án mà không biết nó có thể lấy đi tính mạng bao nhiêu người. Trong vụ này tôi đã học được mấy điều. Tôi ngán tận cổ, vì vậy tôi đã xây phòng thí nghiệm dưới lòng đất và tránh giao tiếp với mọi người. Chỉ mình Hệ thống thôi thì còn tạm được, nhưng giờ đây bọn Nhà máy cũng muốn lôi kéo tôi. Đơn giản là những tổ chức khổng lồ như vậy không hợp với tôi. Họ là những người chỉ nghĩ đến mình trước tiên."

"Vì sao ông nhọc nhằn nhiều như vậy vì tôi? Vì sao

ông ngụy tạo lý do để gọi tôi đến?"

"Tôi muốn thẩm định giả thuyết của mình trước khi bọn Hệ thống hay Nhà máy tóm được anh. Nếu tôi chứng minh được giả thuyết đó là đúng thì có thể anh sẽ được yên thân. Trong các số liệu mà tôi đưa anh tính có mật mã để cập nhật bảng mạch thứ ba. Nói cách khác là sau khi chuyển sang ý thức hệ thứ hai anh đã đẩy công tắc thêm một nấc nữa và tính toán trong hệ thống thứ ba."

"Hệ thống thứ ba là hệ thống do ông cắt ghép và làm cho hiện hình phải không?"

"Chính xác", giáo sư gật đầu.

"Tại sao nó giúp ông xác thực giả thuyết của mình?"

"Ta nói đến các điểm vênh. Anh đã vô thức nắm được lối ý thức hệ của mình. Do đó khi dùng ý thức hệ thứ hai không xảy ra vấn đề gì. Nhưng bảng mạch thứ ba là hệ thống do tôi cắt ghép, do đó khi sử dụng nhất định sẽ có điểm vênh. Các điểm vênh sẽ gây ra phản ứng nào đó ở anh, và tôi muốn đo chúng. Lẽ ra kết quả sẽ cho anh khả năng đánh giá được bản chất, cường độ và điều kiện lệ thuộc của những điều giấu kín trong ý thức hệ của mình một cách chính xác hơn."

"Lẽ ra?"

"Chính xác. Lẽ ra là thế. Giờ thì mọi chuyện đã qua. Bọn ký hiệu sư đã bắt tay với bọn ma đen và đập nát phòng thí nghiệm của tôi. Tài liệu mất hết rồi. Sau khi bọn chúng đi khỏi, tôi quay về phòng thí nghiệm lần nữa để xem lại cho chắc. Những tài liệu thực sự quan trọng không còn nữa, mất

sạch. Tôi không thể xác định được các điểm vênh nữa. Thậm chí bọn chúng còn lấy đi hết các hộp đen được hiện hình."

"Mọi chuyện ấy liên quan gì đến tận cùng thế giới?", tôi hỏi.

"Nói chính xác là không phải thế giới nơi ta đang sống sẽ tàn lụi, không phải thế giới ta vẫn biết, mà là thế giới trong ai đó sẽ tàn lụi."

"Tôi không hiểu", tôi nói.

"Tóm lại là mọi chuyện xoay quanh lối ý thức hệ của anh. Trong ý thức hệ của mình, anh đã dự tính đến lúc tận cùng thế giới. Tại sao điều đó khắc sâu vào tâm thức của anh, tôi không rõ. Nhưng sự thực là thế. Tận cùng thế giới trong óc anh. Nói đảo lại thì ý thức hệ của anh sống trong tận cùng thế giới. Trong thế giới ấy hầu như thiếu mọi thứ mà ta có trong thế giới này. Không có thời gian lẫn không gian dãn nở, không có sự sống lẫn cái chết, không có giá trị thực sự và cái Tôi thực sự. Bản thể của con người ở đó bị súc vật chống chế."

"Súc vật?"

"Thú một sừng", giáo sư nói. "Ở thành phố của anh có thú một sừng."

"Chúng có lên quan gì đến chiếc đầu lâu thú một sừng mà ông gửi cho tôi không?"

"Đó là một phiên bản do tôi làm ra. Rất giống, anh có thấy thế không? Tôi đã tạo ra nó theo tưởng tượng hiện hình của anh, một việc tương đối khó nhọc. Bản thân chiếc đầu lâu không có ý nghĩa gì, tôi làm nó chỉ vì quan tâm đến

giải phẫu học. Quà tặng cho anh."

"Từ từ", tôi nói. "Trong tiềm thức của tôi có một thế giới như vậy, thôi được, tôi hiểu rồi. Ông đã cho thế giới đó hiện hình rõ rệt hơn và cấy vào não tôi dưới dạng bảng mạch thứ ba. Sau đó ông dùng mật mã để kích hoạt nó, gắn nó vào ý thức hệ của tôi và sai tôi xáo dữ liệu. Tôi hiểu đến đây như thế có đúng không?"

"Rất đúng."

"Sau khi xáo hết dữ liệu, mạch tự động đóng, và ý thức hệ của tôi quay trở lại với bảng mạch nguyên thủy thứ nhất."

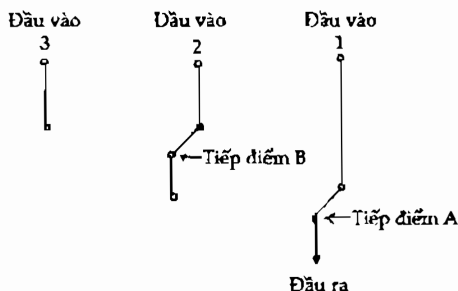
"Sai", giáo sư nói và gãi sau gáy. "Thế thì đã không có vấn đề gì. Nhưng mạch thứ ba không tự động đóng."

"Nghĩa là nó luôn luôn mở?"

"Đúng, có thể nói như thế."

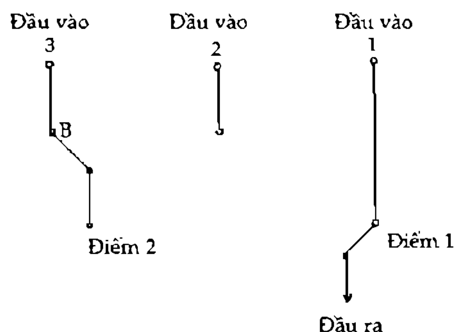
"Nhưng hiện tại tôi tư duy và hành động theo bảng mạch thứ nhất!"

"Vì mạch thứ hai bị khóa. Anh xem đồ thị này thì biết", giáo sư vừa nói vừa rút sổ tay và bút bi trong túi ra, vẽ một đồ thị và đưa tôi.



"Đây là tình trạng bình thường của anh. Tiếp điểm A

nằm ở đầu vào 1, tiếp điểm B ở đầu vào 2. Nhưng hiện nay tình hình như thế này." Giáo sư vẽ tiếp một đồ thị mới.



"Anh thấy không? Tiếp điểm B nằm ở mạch thứ ba, do đó tiếp điểm A tự động bật sang đầu vào 1. Vì vậy anh có thể tư duy và hành động theo bảng mạch thứ nhất. Song chỉ tạm thời thôi. Tiếp điểm B phải chuyển thật nhanh sang bảng mạch số 2. Vì mạch 3 không hoàn toàn là anh. Nếu không làm gì cả thì tiếp điểm B sẽ cháy bởi năng lượng lệch dòng, anh sẽ liên tục ở mạch 3, các dòng chảy của nó được tiếp điểm A bẻ hướng về điểm 2 và khiến chính tiếp điểm đó bị cháy. Để tránh chuyện đó, lẽ ra ta phải đo được năng lượng lệch dòng và khôi phục lại trạng thái ban đầu."

"Lẽ ra?"

"Tôi không thể làm được nữa. Như tôi vừa nói, bọn chó má ấy đã phá phòng thí nghiệm của tôi và lấy đi mọi tài liệu quan trọng. Rất tiếc, nhưng tôi không thể giúp anh được nữa."

"Có nghĩa là tôi vĩnh viễn bị giam ở bảng mạch thứ ba và không bao giờ quay trở lại được nữa?"

"Thế đấy. Anh sẽ sống nơi tận cùng thế giới. Rất đáng tiếc."

"Ông lấy làm tiếc à?", tôi sửng sốt. "Và ông cho thế là xong việc hay sao? Ông lấy làm tiếc! Nói câu ấy thì dễ, nhưng còn tôi sẽ ra sao? Chính ông đã khởi đầu mọi việc. Đây không phải trò chơi, mà là cuộc sống của tôi!"

"Tôi nằm mơ cũng không tin được chuyện này xảy ra. Tôi nằm mơ cũng không tưởng tượng được bọn ký hiệu sư liên kết với ma đen. Chúng biết là tôi đang nghiên cứu gì đó và đánh úp tôi để tìm ra bí mật của kỹ thuật xáo dữ liệu. Giờ thì nhất định Hệ thống đã biết tin. Đối với họ, cả anh lẫn tôi đều là con dao hai lưỡi. Anh hiểu không? Họ nghĩ là hai chúng ta vạch âm mưu gì đó chống lại lợi ích của Hệ thống. Và bọn ký hiệu sư đang theo đuổi vụ này. Bọn ký hiệu sư đã tung tin đó cho Hệ thống biết. Vì lý do bảo mật họ sẽ trừ khử chúng ta, ngay cả khi phải hy sinh kỹ thuật xáo dữ liệu. Nói cho cùng thì chúng ta đã qua mặt Hệ thống. Chúng ta là hai nhân vật chính trong hoạch định xáo dữ liệu, nếu chúng ta rơi vào tay Nhà máy thì Hệ thống sẽ đi tong. Bọn Nhà máy đã làm việc này quá giỏi. Nếu Hệ thống khử được ta thì kỹ thuật xáo dữ liệu cũng tiêu tan, thế là tốt, nếu ta thoát được và đầu quân cho ký hiệu sư thì cũng tốt. Đằng nào bọn chúng cũng được lợi."

"Tuyệt vời", tôi nói. Vậy là hai đứa đập nát căn hộ của tôi và rạch bụng tôi là người của ký hiệu sư. Chúng đã đóng kịch để hướng sự chú ý của Hệ thống vào tôi. Và tôi nhảy tọt vào bẫy của chúng. "Bây giờ tôi ở trong ngõ cụt, đúng

không? Bọn Nhà máy săn tôi, Hệ thống cũng săn tôi, còn nếu tôi nằm yên thì tự tôi sẽ chết."

"Anh không chết. Anh chỉ thoát sang một thế giới khác."

"Có gì khác đâu cơ chứ?", tôi nói. "Ông nghe đây, tôi biết tôi là một kẻ vô danh tiểu tốt, xưa nay vẫn thế, người ta phải dùng kính lúp mới tìm thấy mặt tôi trên tấm ảnh chụp cả lớp. Tôi không có gia đình, nếu tôi biến mất thì cũng chẳng ai phải khổ. Tôi không có bạn, sẽ chẳng có ai buồn khi tôi không còn nữa. Vâng, tôi biết cả. Tuy nhiên, cho dù nghe có vẻ buồn cười, nhưng tôi đã từng hài lòng với thế giới này như nó vẫn thế. Tôi cũng không rõ tại sao. Có thể tôi là hai người và sung sướng vui đùa với chính tôi. Tôi không rõ. Dù sao tôi vẫn thấy dễ chịu ở thế giới này. Tôi thích nhiều thứ trong đó. Và đã thích gì là tôi *rất* thích. Thế giới này có thích tôi không thì tôi không cần biết. Cuộc đời của tôi là thế. Tôi chẳng muốn đi đâu cả. Tôi không cần sự bất tử. Tuổi già không đơn giản, nhưng đâu phải mình tôi phải gánh chịu điều đó. Ai mà chả già đi. Tôi không thích thú một sừng, tôi cũng không thích hàng rào!"

"Không phải hàng rào, mà là bức tường", giáo sư cải chính lời tôi.

"Thây kệ! Tôi không cần hàng rào lẫn tường bao!", tôi nổi xung. "Ông cho phép tôi lên cơn điên một chút chứ? Ít khi xảy ra chuyện này, nhưng hôm nay tôi không muốn làm người lịch sự."

"Phải, trong tình huống này tôi nghĩ là anh có đủ lý do mà", giáo sư nói và gãi tai.

"Như tôi đánh giá thì một trăm phần trăm tội này là của ông! Tôi không dính dáng gì hết. Ông bắt đầu vụ này, ông thúc đẩy nó bùng lên, ông lôi tôi vào cuộc! Ông đã chọc ngoáy vào óc tôi, ông giả mạo ra một nhiệm vụ và sai tôi xáo dữ liệu, ông đã lừa dối Hệ thống, xúi bọn ký hiệu sư tấn công tôi, dụ tôi vào con đường ngầm ngu xuẩn này, và bây giờ ông đang kiếm cách bẩy tôi ra khỏi thế giới này! Ông có thấy hơi quá đáng không? Ông phải khôi phục lại tình trạng cũ cho tôi!"

"Ờ ờ", ông già ấp úng.

"Ông ấy nói đúng, ông ạ", cô gái mũm mĩm xen vào. "Đôi khi ông chỉ nghĩ đến mình và không quan tâm chuyện người khác. Ông nhớ lại vụ làm bè sông mà xem! Ông phải ra tay đi!"

"Tôi có toàn dự định tốt đẹp, chắc chắn như vậy, nhưng tất cả vuột khỏi tay tôi", ông già rền rĩ. "Giờ thì tôi bó tay rồi. Chẳng có gì mà tôi có thể làm được nữa. Cũng chẳng có gì mà anh có thể làm được nữa. Bánh xe ngày càng quay gấp, không ai chặn được nó nữa rồi."

"Tuyệt vời", tôi nói.

"Ở thế giới kia anh sẽ lấy lại được tất cả mọi thứ anh đánh mất trong thế giới này. Tất cả những gì anh đã mất, và tất cả những gì anh sắp mất."

"Những gì tôi đã mất?"

"Đúng", giáo sư nói. "Những gì anh đã mất - đều ở đó."

26

Nhà Máy Điện

Đọc mơ xong, tôi cho cô thủ thư biết ý định muốn đến nhà máy điện. Cô sầm mặt. "Nhà máy điện ở trong rừng!", cô nói và xúc những hòn than đỏ hồng vào xô để dập lửa bằng cát.

"Ừ, nhưng ở ngay cửa rừng", tôi nói. "Ông gác cổng nói là hoàn toàn không có gì nguy hiểm cả."

"Có trời mà biết ý ông gác cổng nói gì! Nhà máy điện trong rừng, không cần biết ở cửa rừng hay trong rừng, nhưng rừng thì nguy hiểm."

"Anh không ngại. Anh sẽ đến đó. Anh phải tìm cho được một nhạc cụ."

Cô thủ thư đã lấy hết than khỏi lò. Cô rút hộc xỉ ra và vừa đổ vào xô vừa lắc đầu quầy quậy.

"Em sẽ đi cùng", cô nói.

"Tại sao? Em vẫn sợ rừng cơ mà? Vả lại anh không muốn lôi em vào chỗ nguy hiểm."

"Em không thể để anh đi một mình được. Hình như

anh vẫn chưa hiểu là rừng nguy hiểm đến mức nào!"

Vào một buổi sáng nhiều mây chúng tôi đi dọc bờ sông về hướng Đông. Trời ấm như trong tiết xuân. Lặng gió. Tiếng nước réo cũng không trong trẻo và lạnh, mà trầm đục hơn. Đi được mười lăm phút, tôi cởi găng và khăn cổ ra.

"Như mùa xuân ấy nhỉ?", tôi nói.

"Vâng. Nhưng trời chỉ ấm được một hôm thôi. Năm nào chả thế. Sau đó lại lạnh lại ngay", cô đáp.

Chúng tôi bỏ lại sau lưng khu thưa dân cư phía nam cây cầu. Bên phải chỉ thấy đồng ruộng. Đường không còn lát đá cục, chuyển sang đoạn hẹp và lầy lội. Giữa các bờ ruộng, vài rẻo tuyết đóng cứng chạy ngoằn ngoèo trên đồng như những vết cào. Bờ sông bên tay trái chúng tôi viền một hàng dương liễu, cành cây mềm oặt chấm xuống nước. Một con chim nhỏ muốn đậu lên nhưng cành cây bập bềnh đung đưa, rốt cuộc nó bỏ đến một cây khác. Ánh nắng mờ đục và ấm áp. Tôi liên tục ngẩng mặt lên đón hơi ấm dịu dàng ấy. Cô thủ thư đút tay phải vào túi áo măng tô, tay trái vào túi áo tôi. Tay trái tôi cầm một cái hộp, tay phải đút vào túi măng tô của cô. Hộp đựng đồ ăn trưa và quà cho ông quản lý.

Tôi cảm nhận được bàn tay ấm của cô trong túi mình và nghĩ thầm: khi mùa xuân đến, mọi chuyện sẽ đơn giản hơn. Nếu tâm hồn tôi qua được mùa đông và bóng còn chịu đựng được thì tôi sẽ giữ được tâm hồn. Bóng đã nói là tôi chỉ phải chiến thắng mùa đông.

Chúng tôi chậm rãi đi ngược hướng dòng chảy và tận hưởng phong cảnh. Suốt buổi không ai nói gì. Không phải vì chúng tôi không có gì để nói với nhau, mà vì câu chữ trở nên thừa thãi. Vài vệt tuyết trắng còn sót nằm dọc bờ hào, những trái dâu đỏ cặp trong mỏ chim, đám rau mùa đông cứng và mập ngoài ruộng, những vũng nước trong vắt dọc bờ sông - chúng tôi ghi nhớ tất cả những hình ảnh ấy trong khi đi qua. Những gì chúng tôi nhìn thấy đều có vẻ như đang cố hút lấy hơi ấm mỏng manh đột ngột xuất hiện, cho nó tràn vào từng chân tơ kẽ tóc của mình. Ngay cả bầu trời phủ đầy mây cũng mất đi vẻ nặng nề ngột ngạt. Tôi cảm thấy một sự đầm ấm lạ lùng, tựa như thế giới nhỏ nhoi của chúng tôi đang yên vị trong một bàn tay dịu dàng.

Chúng tôi cũng thấy vài con thú lang thang tìm thức ăn trên đồng cỏ khô quắt. Một quầng trắng đục phủ lên lớp lông vàng óng của chúng, nay đã dài và rậm hơn nhiều so với hồi mùa thu. Mặc dù vậy có thể nhận rõ những con thú đã gầy đi nhiều. Xương gáy chúng gồ lên như cụm lò xo của một chiếc sofa cũ, đầu chỉ còn da bọc xương, da má chảy xệ. Mắt chúng đã hết long lanh, xương khớp gối lồi ra tròn xoe. Chỉ chiếc sừng trắng mọc giữa trán là không thay đổi, nó vẫn oai hùng chĩa thẳng lên trời như mọi khi.

Những con thú đi thành từng nhóm ba, bốn con trên bờ ruộng, tìm từ bụi cây này sang bụi cây khác. Nhưng những trái cây hay lá xanh non khả dĩ làm thức ăn thì nay hầu như không còn nữa. Trên những cành cây cao còn vài trái cây, song chúng không với tới được. Chúng đành uống

công tìm dưới đó những trái rụng hoặc buồn bã nhìn lên những con chim đang mổ trái cây.

"Tại sao chúng không ăn những thứ còn sót trên đồng?", tôi hỏi cô thủ thư.

"Vì đó là hành động vi phạm quy định. Em cũng không rõ tại sao", cô nói. "Không bao giờ chúng chạm vào những thứ dành cho người. Trừ khi mình cho chúng ăn thì đương nhiên chúng sẽ ăn, nhưng bình thường thì không bao giờ!"

Mấy con quỳ xuống một vũng nước bên bờ sông và uống. Ngay khi chúng tôi lại gần vẫn không con nào ngẩng đầu lên, tất cả tiếp tục uống. Những chiếc sừng trắng của chúng phản chiếu rõ rệt trên mặt nước, trông như những cái xương bạc phếch nằm dưới đáy sông.

Gần nửa tiếng sau chúng tôi đến một con đường nhỏ ở bên phải ngay sau Cầu Đông mà ông gác cổng có nhắc đến. Bình thường ra có lẽ chúng tôi cũng không phát hiện ra nó khi đi ngang qua vì nó quá nhỏ và hẹp. Ở đây đã hết ruộng, hai mép đường mọc đầy cỏ cao ngút. Đồng cỏ như vạch biên giữa Rừng Đông và ruộng.

Chúng tôi lần theo đường mòn này để qua đồng cỏ. Thoạt tiên đường hơi chếch lên, sau đó ngày càng dốc, và cỏ cũng thưa dần. Dần dần nó thành một vách đá. Có thể gọi là vách đá thì hơi quá, vì chúng tôi không phải trèo núi, ở đó người ta đã đẽo những bậc thang tử tế. Đá sa thạch tương đối mềm, cạnh các bậc thang đã mòn nhẵn.

Khoảng mười phút sau chúng tôi lên đến đỉnh. Nhìn chung, ngọn đồi này thấp hơn một chút so với Đồi Tây là nơi tôi đang ở.

Sườn phía nam của quả đồi khác hẳn sườn phía bắc. Ở đây đồi dốc thoai thoải, đồng cỏ rộng và khô cằn. Phía xa, Rừng Đông thẫm màu trải rộng như mặt biển lặng.

Ở điểm cao nhất chúng tôi ngồi xuống một lát để lấy hơi và ngắm phong cảnh. Nhìn từ hướng đông, thành phố tạo ra một ấn tượng khác hẳn. Dòng sông chạy thẳng đến kỳ lạ, giống như một con kênh đào. Không thấy một bãi cát bồi duy nhất nào. Nước trôi theo một đường thẳng như kẻ chỉ. Phía bên bờ đối diện là bắt đầu khu đầm lầy phía bắc. Phía bên phải, Rừng Đông chen vào phong cảnh như một vật thể lạ bị dòng sông cắt ngang. Bên bờ bên này, phía tay trái là những thửa ruộng mà chúng tôi vừa đi dọc theo. Tịnh không thấy một dấu vết cư trú của con người, thậm chí Cầu Đông cũng có vẻ trơ trọi và trống vắng. Căng mắt lên nhìn mới thấy khu công nhân và tháp đồng hồ, chúng tạo một ấn tượng phi thực như ảo ảnh trên sa mạc mênh mông.

Nghỉ một lát rồi chúng tôi đi xuống chân đồi, về hướng rừng. Ngay trước bìa rừng là một cái đầm nông có thể nhìn thấy đáy. Giữa đầm nhô lên phần thân màu xương bạc phếch vì sương gió của một cái cây khổng lồ đã chết. Một đôi chim đậu trên đó nhìn chòng chọc về phía chúng tôi. Tuyết đóng cứng đến nỗi chúng tôi không để lại dấu chân trên đó. Mùa đông lê thê đã làm không khí trong rừng

thay đổi hoàn toàn. Không còn côn trùng. Không có tiếng chim líu lo. Chỉ có những cây khổng lồ vươn cành lên phía bầu trời phủ mây xám chì, chúng hút sinh lực từ lòng đất sâu là nơi cái lạnh băng giá không ngấm tới.

Chúng tôi theo con đường này vào rừng. Đột nhiên có một âm thanh kỳ lạ vọng đến, giống như tiếng gió rì rào trong rừng. Nhưng trời lặng gió, ít nhất thì cũng không có dấu hiệu nào của gió, vả lại âm thanh này cũng quá đơn điệu chứ không trầm bổng như tiếng gió. Tiếng động ấy to dần và rõ dần khi chúng tôi đi sâu vào rừng. Cả hai chúng tôi đều không thể nhận ra đó là gì. Cô thủ thư cũng mới đến đây lần đầu.

Một cây sồi già hiện ra, sau đó là một bãi trống trước một ngôi nhà. Chắc đây là nhà máy điện - tuy rằng chẳng có dấu hiệu đặc biệt nào cho thấy nó là nhà máy điện. Đúng thế, trông nó như một nhà kho lớn thì đúng hơn. Không thấy máy móc gì, thậm chí chẳng có cả đường dây cao thế. Có vẻ như tiếng động kỳ lạ phát sinh ra ngay trong ngôi nhà gạch thô sơ này. Cửa vào là hai cánh sắt nặng nề, phía trên cùng mặt tiền có một hàng cửa sổ nhỏ. Con đường dẫn tới bãi trống và chấm dứt ở đó.

"Chắc đây là nhà máy điện", tôi nói.

Hình như cửa khóa, ít nhất thì nó cũng không nhúc nhích chút nào, kể cả hai khi chúng tôi hợp sức đẩy.

Chúng tôi quyết định đi một vòng quanh. Ngôi nhà chạy sâu về phía sau. Chiều dài tường bao lớn hơn bề rộng mặt tiền gấp bội và phía trên cùng cũng có một hàng cửa sổ

nhỏ tuôn ra tiếng động kỳ lạ. Song chúng tôi không tìm thấy thêm cửa ra vào nào, chỉ có một bức tường gạch cao và phẳng lì.

Thoạt trông, bức tường giống như tường thành, nhưng lại gần mới thấy nó thô ráp và rất kém chất lượng. Sờ vào thấy gồ ghề và đây đó gạch đã bị lở ra.

Mặt lưng ngôi nhà nối với một nhà ở bình thường xây bằng gạch, to như trạm canh. Nó có cửa vào và cửa sổ bình thường được che kín bằng bao đựng lúa thay cho màn cửa, ống khói trên mái ám muội đen. Ít nhất thì cũng có hơi người! Tôi gõ ba lần vào cửa gỗ, sau đó lặp lại hai lần nữa, nhưng không có ai đáp. Cửa khóa.

“Đầu kia còn một cửa nữa vào nhà máy điện”, cô thủ thư nói và nắm tay tôi. Tôi nhìn theo hướng cô chỉ - đúng thế, ở một góc tường hậu nhà máy điện có một cánh cửa sắt mở toang.

Đứng trước cửa sắt, tai chúng tôi ù đặc vì tiếng ồn kỳ lạ. Bên trong ngôi nhà tối hơn tôi tưởng. Chúng tôi khum tay che ánh sáng bên ngoài để quen mắt với bóng tối và nhòm vào trong, nhưng tuyệt nhiên không thấy gì cả. Không có ánh sáng - một nhà máy điện không có lấy một bóng đèn thì tương đối lạ. Trên trần nhà có ánh sáng trời mờ mờ xuyên qua các ô cửa nhỏ. Chỉ có tiếng động kỳ lạ dâng lên, tựa như mình nó là chủ ngôi nhà.

Chúng tôi gọi. Hình như không ai nghe tiếng cả, vì vậy tôi đi qua cửa, bỏ kính râm xuống và đợi đến khi mắt làm quen với bóng tối. Cô thủ thư dừng chân sau tôi vài

bước, dường như cô không muốn vào sâu trong nhà. Tiếng động và bóng tối làm cô sợ.

Do bóng tối không có gì lạ đối với mắt tôi nên tôi chẳng mất nhiều thì giờ để phát hiện ra một người đàn ông đứng giữa phòng. Đó là một người đàn ông gầy guộc, nhỏ thó. Trước mặt anh ta là một cột sắt có đường kính chừng ba, bốn thước vươn thẳng đến tận trần nhà. Anh ta đang chăm chú nhìn nó. Ngoài chiếc cột này, trong nhà trống trơn như một phòng tập cưỡi ngựa, không có máy móc hay kỹ thuật nào cả. Sàn nhà lát cùng loại gạch như tường bao. Toàn bộ ngôi nhà trông như một cái lò nướng bánh mì khổng lồ.

Tôi để cô thủ thư đứng một mình ở cửa và bước vào nhà. Khi tôi đi được nửa quãng đường từ cửa đến cột sắt, có vẻ như người đàn ông nhận thấy tôi lại gần. Anh ta chỉ ngoảnh đầu về phía tôi - người anh vẫn im phăng phắc - và nhìn tôi chằm chằm. Người đàn ông còn trẻ, có lẽ kém tôi vài tuổi. Dáng người anh ta hoàn toàn trái ngược với ông gác cổng. Tay chân, gáy và cổ hom hem, mặt nhợt nhạt, da trơn nhẵn không thoáng một sợi râu, hàng tóc trên vầng trán cao lui tít về phía sau. Quần áo sạch sẽ và chỉnh tề.

"Xin chào", tôi nói.

Anh ta vẫn nhìn tôi chằm chằm, môi mím chặt và chỉ khẽ gật đầu.

"Tôi có quấy rầy anh không?", tôi hỏi. Để át tiếng động chói tai, tôi buộc phải gào lên.

Người đàn ông chỉ lắc đầu, ra hiệu là tôi không quấy

rầy anh ta và lấy tay chỉ vào ô cửa kính to bằng tấm bưu thiếp trên cột sắt - có lẽ là dấu hiệu bảo tôi nhìn vào đó. Tôi chăm chú nhìn vào và nhận ra ô cửa nhỏ đó là một phần của cánh cửa trên cột sắt được cài then bằng một thanh sắt. Sau cánh cửa là một vật giống hình cái quạt khổng lồ gắn song song với nền nhà, nó đang quay với tốc độ chóng mặt, tựa như trong đó có một động cơ hàng ngàn mã lực. Rõ ràng nó sử dụng sức gió - chẳng rõ từ đâu đến - để chuyển động và qua đó sinh điện.

"Phong điện?", tôi hỏi.

Người đàn ông gật đầu. Rồi anh ta khoác tay dẫn tôi trở lại cửa ra vào. Anh ta thấp hơn tôi nửa đầu. Như hai người bạn thân, chúng tôi nhịp bước cùng đi đến cửa, nơi cô thủ thư đứng đợi. Người đàn ông cũng khẽ gật đầu chào cô như vừa chào tôi ban nãy.

"Chào anh", cô nói.

"Xin chào", lần này anh ta đáp lời.

Anh dẫn chúng tôi ra sau nhà, nơi tiếng gió bớt ồn hơn. Chúng tôi ngồi trên những gốc cây được chừa lại sau khi đốn rừng.

"Xin lỗi anh chị, tôi không nói to được", viên quản lý trẻ nói như thanh minh. "Anh chị từ thành phố đến phải không?"

Tôi xác nhận.

"Như anh chị đã thấy", người đàn ông trẻ nói, "thành phố được cấp điện từ năng lượng gió. Người ta tận dụng luồng gió thổi lên từ lòng đất qua một lỗ khổng lồ." Người

đàn ông đăm đăm nhìn xuống nền đất dưới chân mình một hồi. "Cứ ba ngày lại một lần có gió. Ở dưới nền này có gió và nước dịch chuyển giữa vô số hang động. Tôi chăm sóc phần kỹ thuật. Ví dụ như khi lặng gió thì tôi khóa quạt lại hoặc tra dầu mỡ. Và tôi chú ý không để các cần gạt bị đóng băng. Dòng điện tạo ra được dẫn qua đường cáp ngầm vào thành phố."

Viên quản lý đưa mắt nhìn ra cánh đồng nằm giữa những hàng cây cao. Đất đã cày xới kỹ nhưng chưa trồng gì. "Cứ mỗi khi rảnh rỗi tôi lại đốn một ít cây để lấy đất canh tác. Không có gì đáng kể, vì tôi có một mình thôi. Tôi chừa lại những cây thật lớn và chỉ chọn những diện tích có thể tự mình đảm đương được. Tôi rất thích tự tay làm được cái gì đó. Vào mùa xuân thậm chí có thể trồng rau. Anh chị đến đây để tham quan à?"

"Vâng, đại khái như vậy."

"Người ở thành phố nói chung không để ý đến chỗ này", viên quản lý nói. "Không ai vào rừng làm gì, tất nhiên trừ người tiếp phẩm. Tuần nào ông ấy cũng đem cho tôi đồ ăn và những thứ cần thiết khác."

"Anh sống một mình ở đây lâu chưa?"

"Lâu lắm rồi. Tôi thuộc lòng từng chi tiết máy. Chỉ cần lắng nghe là tôi biết nó chạy ra sao. Tựa như ngày nào tôi cũng trò chuyện với nó. Khi người ta làm việc đó lâu năm như tôi thì sẽ thông thạo. Máy chạy tốt thì tôi cũng khỏe. Tôi cũng thông thạo các âm thanh của rừng. Nó có nhiều giọng khác nhau, cứ như một sinh thể vậy."

"Anh sống hoàn toàn một mình trong rừng không thấy khó chịu sao?"

"Tôi chẳng thấy gì khó khăn hơn cuộc sống ở một nơi khác", anh ta trả lời. "Rừng đã có sẵn, và tôi sống ở đây, chấm hết. Phải có ai đó trông coi máy móc chứ. Ngoài ra, nhà máy điện ở ngay bìa rừng, còn đi sâu hơn vào đó thì tôi cũng không thạo."

"Ngoài anh ra không có ai sống trong rừng nữa à?", cô thủ thư hỏi.

Viên quản lý ngẫm nghĩ một chút và khẽ gật đầu mấy lần liền. "Có chứ. Ở tận trong rừng còn có một số người nữa sống, tôi biết. Họ đào than, phá rừng làm rẫy. Nhưng tôi chỉ mới gặp mặt vài người thôi, và cũng không nói chuyện với họ quá một câu. Vì họ không chấp nhận tôi. Đối với họ thì rừng là quê hương, còn tôi chỉ là người cư trú ở đây, đó là lý do. Ở sâu trong rừng nghe nói còn nhiều người nữa, đó là tất cả những gì tôi biết. Tôi không đi sâu vào rừng, còn họ thì hầu như không bao giờ ra đến đây."

"Đã bao giờ anh thấy một người phụ nữ?", cô hỏi. "Độ khoảng trên dưới ba mươi tuổi?"

Viên quản lý lắc đầu. "Không, chưa bao giờ tôi thấy phụ nữ. Toàn đàn ông thôi."

Tôi nhìn cô, nhưng cô không hỏi gì thêm.

27

Cây Tăm Bách Khoa Toàn Thư, Sự Bất Tử, Ghim Giấy

"Tuyệt vời", tôi nói. "Và thật là người ta không thể làm gì được nữa sao? Theo tính toán của ông thì tình hình hiện nay thế nào?"

"Tình hình trong đầu anh?", giáo sư hỏi.

"Tất nhiên rồi", tôi nói. Còn tình hình nào nữa! "Sự hủy hoại đã tiến triển đến đâu rồi?"

"Theo tính toán của tôi thì có lẽ tiếp điểm B đã *nóng chảy* cách đây khoảng sáu tiếng. Tuy nhiên chữ nóng chảy chỉ là một khái niệm tạm bợ, có nghĩa là không nhất thiết một phần não của anh đã bị nóng chảy, mà…"

"Mà bảng mạch thứ hai đã chết và mạch thứ ba đã được định hình, đúng không?"

"Chính xác. Nghĩa là quá trình bắc cầu mà tôi vừa nhắc đến đã hoạt động rồi. Hay nói một cách khác là quá trình sản xuất ký ức. Nếu thể hiện bằng một ẩn dụ thì các

ống dẫn lên ý thức hệ bề mặt đã được chỉnh lại cho tương ứng với các biến đổi trong nhà máy voi tiềm thức của anh."

"Vậy thì", tôi nói, "cả tiếp điểm A cũng không hoạt động tử tế nữa? Nghĩa là dữ liệu bị rò rỉ từ bảng mạch tiềm thức?"

"Không hẳn thế", giáo sư nói. "Các ống dẫn đó liên tục tồn tại và không được phép bị gián đoạn, bất kể ta phát triển thêm bao nhiêu bảng mạch nữa. Nghĩa là ý thức hệ bề mặt của anh - tức bảng mạch thứ nhất - có gốc rễ trong tiềm thức của anh - tức bảng mạch thứ hai. Ống dẫn này là rễ của cây. Không có nó thì não người không hoạt động được. Do đó chúng tôi không đụng chạm vào nó hay đúng hơn là để lại một cấu trúc tối thiểu để tránh sinh ra rò rỉ hoặc dòng chảy ngược ngoài mong muốn. Tuy nhiên trong trường hợp của anh thì ống dẫn ấy bị hư hại không sao chữa nổi bởi năng lượng phát sinh từ tiếp điểm B bị nóng chảy. Não phản ứng bằng một quá trình bắc cầu."

"Nghĩa là tôi liên tục và không ngừng sản xuất các ký ức mới?"

"Đúng, nói một cách đơn giản là anh dập khuôn quá trình đó. Vẫn theo nguyên tắc cũ. Quá trình này kéo dài một thời gian nữa, cho đến khi anh cảm nhận thế giới theo các ký ức mới sinh ra."

"Cảm nhận một thế giới mới?"

"Anh đã hiểu đúng. Anh đang chuẩn bị giai đoạn quá độ đến một thế giới mới đấy. Vì thế mà thế giới anh đang sống sẽ biến đổi từng phần một. Gọi là biến đổi tri giác dần

dần. Thế giới của hôm nay và ở đây vẫn tồn tại, nhưng xét về hiện tượng học thì nó chỉ là một trong vô số thế giới. Cường điệu lên thì người ta có thể nói rằng, tùy vào chuyện anh bước chân trái hay chân phải trước thì thế giới đã biến đổi rồi. Vậy thì có gì là lạ nếu nó biến đổi sau khi các ký ức thay đổi."

"Nghe rất thiên về ngụy biện, nếu ông muốn biết ý tôi", tôi nói, "và quá trừu tượng. Ngoài ra ông đã bỏ qua yếu tố thời gian. Ông đã đảo ngược thời điểm các sự việc."

"Không, nghịch lý thời gian ấy chỉ tồn tại trong óc anh", giáo sư nói. "Anh sản xuất ra ký ức và qua đó tạo nên một thế giới song song của riêng mình."

"Vậy có nghĩa là thế giới mà tôi sắp có đang từng bước tách rời khỏi thế giới tôi vẫn biết?"

"Tôi chỉ muốn nói là không thể ngoại trừ khả năng đó. Không ai biết được chính xác, lại càng không thể chứng minh được. Tất nhiên tôi không ám chỉ những thế giới song song cực đoan mà các tác giả khoa học giả tưởng hư cấu ra. Tất cả, tôi nhắc lại, chỉ là vấn đề của tri giác. Thế giới này có dạng thức như ta lĩnh hội nó. Và cách lĩnh hội đó đang biến đổi trong óc anh, quan điểm của tôi là thế."

"Sau sự biến đổi đó, tiếp điểm A được bẻ ghi và một thế giới hoàn toàn mới sẽ xuất hiện và tôi sẽ phải sống trong đó, đúng không? Quá trình này không thể đảo ngược, và tôi chỉ có thể bó tay ngồi đợi, đúng không?"

"Chính vậy."

"Và thế giới ấy tồn tại bao lâu?"

"Vĩnh viễn", giáo sư nói.

"Tôi không hiểu", tôi nói. "tại sao lại *vĩnh viễn*? Thể xác không tồn tại vĩnh viễn. Thể xác chết là não chết. Não chết thì tinh thần cũng chết. Chẳng đúng thế sao?"

"Không. Tư duy tồn tại ngoài thời gian. Đó là sự khác biệt giữa tư duy và mơ mộng. Tư duy có khả năng thâu tóm mọi thứ của khoảnh khắc. Nó cũng có thể trải dài vĩnh viễn. Nó có thể tạo ra một hệ tuần hoàn và lặp lại trong đó sự vô tận. Khác với giấc mơ, nó không thể bị ngắt quãng. Nó có vài điểm chung với cây tăm bách khoa toàn thư."

"Cây tăm bách khoa toàn thư?", tôi lặp lại như một tiếng vọng.

"Đây là trò chơi lý thuyết, giống như nghịch lý Zeno. Về lý thuyết thì có thể khắc cả một bộ tự điển bách khoa toàn thư lên một cây tăm xỉa răng. Anh có biết làm thế nào không?"

"Ông nói đi."

"Rất đơn giản. Anh chuyển hóa các dữ liệu hay bài viết trong tự điển bách khoa thành dạng số, kể cả dấu phẩy. Mỗi chữ cái tương ứng một giá trị hai chữ số. A là 01, B là 02, cứ thế. 00 là khoảng trống giữa hai chữ. Anh viết các số đó nối nhau rồi đặt dấu phẩy lên đầu dãy và nhận được một số có cái đuôi dài dằng dặc sau dấu phẩy, ví dụ 0,1732000631... Số này được đánh dấu lên cây tăm ở vị trí tương ứng. Nếu 0,50000... ở chính giữa thì 0,3333... là vị trí một phần ba kể từ đầu nhọn. Anh vẫn theo kịp chứ?"

"Vâng."

"Cứ như thế, mỗi điểm trên cây tăm có thể chứa những chuỗi thông số dài tùy ý anh. Dĩ nhiên chỉ trên lý thuyết, thực tế thì bất khả thi. Với kỹ thuật hiện có, không thể khắc một điểm nhỏ như vậy lên cây tăm. Nhưng hình ảnh đó giúp anh hiểu bản chất của tư duy. Thời gian là độ dài của cây tăm. Lượng dữ liệu khắc lên đó không liên quan đến độ dài của tăm, nó có thể nhiều như ta muốn. Gần như vô tận. Đối với số thập phân tuần hoàn thì *đúng* là vô tận. Nó không có điểm cuối. Anh hiểu không? Vấn đề ở đây là phần mềm. Phần cứng chẳng dính dáng gì cả. Anh dùng một cây gỗ dài 200 thước hay cả vòng xích đạo cũng như nhau. Thể xác của anh có thể chết và ý thức hệ của anh có thể mất đi, nhưng tư duy của anh sẽ sẽ chuyển tiếp mãi mãi khoảnh khắc trực tiếp trước đó. Anh hãy nhớ đến thuyết Koan hay nghịch lý *mũi tên bay là đang đứng yên*. Cái chết của thể xác là hành động bay của mũi tên. Nó bay trực chỉ về hướng óc anh. Không ai tránh được. Một ngày nào đó ai cũng chết. Thời gian đẩy cho tên bay. Nhưng như tôi đã nói rồi đấy: tư duy chia nhỏ thời gian, chia liên tục. Nghịch lý trở thành sự thực. Mũi tên không bao giờ đến đích."

"Nói cách khác là", tôi nói, "sự bất tử."

"Chính thế. Con người bất tử trong tư duy. Xét thật nghiêm ngặt thì không phải, nhưng gần như tiến sát sự bất tử. Đó là cuộc sống vĩnh viễn."

"Và kỳ thực đó là mục đích công trình nghiên cứu của ông, đúng không?"

"Không phải, hoàn toàn không phải", giáo sư nói.

"Mãi sau này tôi mới nhận thức được điều đó trong khi tiến hành các công trình nghiên cứu nảy sinh từ một mối quan tâm nghiêm túc nhưng thoạt tiên rất nhỏ nhoi. Và tôi đã phát hiện ra rằng con người không đạt được sự bất tử bằng cách kéo dài thời gian, mà bằng cách chia nhỏ nó."

"Rồi thì ông quyết định đẩy tôi vào thế giới bất tử ấy chứ gì?"

"Không, không hề, đó hoàn toàn là một tai nạn. Không hề là chủ ý của tôi. Anh nên tin tôi. Đó là sự thật. Tôi không bao giờ muốn làm những việc tương tự. Nhưng bây giờ nếu anh hành động, nếu muốn thì anh vẫn được lựa chọn. Đây là nước đi cuối cùng của anh."

"Tôi có thể chọn gì?"

"Anh phải chết ngay bây giờ", giáo sư lạnh lùng nói. "Anh chết trước khi tiếp điểm A bẻ ghi. Như vậy sẽ không còn gì."

Không khí im lặng trùm lên tất cả. Giáo sư hắng giọng. Cô gái mũm mĩm thở dài. Tôi lôi chai whiskey ra uống một ngụm. Không ai lên tiếng.

"Thế giới... hừm, thế giới ấy là gì?", rốt cuộc tôi gắng lên giọng hỏi. "Thế giới của sự bất tử ấy là gì?"

"Như tôi đã nói ban nãy", giáo sư nói. "Một thế giới yên bình. Thế giới *của anh*, thế giới tự anh kiến tạo. Ở đó anh được phép là chính mình. Ở đó có tất cả, đồng thời chẳng có gì. Anh có thể hình dung ra một thế giới như thế không?"

"Tôi e là không."

"Nhưng anh đã vô thức tạo ra nó rồi đấy. Không phải ai cũng làm được. Có những thế giới mâu thuẫn và vô nghĩa, ở đó người ta mãi mãi quờ quạng trong sự hỗn mang, đúng thế, nhưng thế giới của anh khác. Anh hợp với sự bất tử."

"Bao giờ bắt đầu giai đoạn quá độ sang thế giới ấy?", cô gái mũm mĩm hỏi.

Giáo sư nhìn đồng hồ đeo trên tay mình. Tôi xem đồng hồ của tôi. 6 giờ 25 phút. Đã hết đêm. Báo đã đưa đến nhà.

"Theo tính toán của tôi", giáo sư nói, "còn hai mươi chín tiếng và ba mươi lăm phút nữa. Dung sai cho phép là cộng trừ bốn mươi lăm phút. Tôi đặt chương trình vào mười hai giờ trưa cho dễ nhớ. Vậy là mười hai giờ trưa mai."

Chỉ để cho dễ nhớ thôi ư? Tôi lắc đầu và uống thêm một ngụm whiskey nữa. Nhưng rượu không tác dụng. Thậm chí không có cả vị whiskey. Dạ dày tôi trơ như đá.

Cô gái đặt tay lên đầu gối tôi. "Bây giờ ông định làm gì?", cô hỏi.

"Chịu", tôi nói. "Gì thì gì, tôi muốn ra khỏi đây. Tôi không muốn ngồi dưới này chờ mọi sự xảy ra. Tôi muốn lên trên kia, ra ánh sáng. Các việc khác tôi sẽ nghĩ sau."

"Tôi đã giải thích đầy đủ cho anh chưa?", giáo sư hỏi.

"Đủ, cảm ơn ông", tôi đáp.

"Tôi nghĩ là anh vẫn giận tôi?"

"Vâng", tôi nói, "nhưng giận dỗi có ích gì cho tôi nữa

đâu? Vả lại chuyện này điên rồ đến nỗi tôi chưa hiểu được thấu đáo. Có lẽ sau này tôi sẽ giận điên lên, song lúc đó tôi đã chết ở thế giới này rồi."

"Thực ra tôi không có ý định giải thích cho anh biết kỹ đến mức ấy", giáo sư nói. "Những chuyện ấy lẽ ra nên trôi qua trước khi người ta biết thì hơn. Về mặt tâm lý có thể như thế sẽ nhẹ nhàng hơn. Nhưng anh chớ quên: anh không chết, anh chỉ mất ý thức mãi mãi."

"Có gì khác đâu?", tôi nói. "Nhưng thôi, trước sau thì tôi cũng muốn biết mọi chuyện. Vì dù sao đó cũng là cuộc đời tôi. Tôi không muốn người ta bẻ ghi mà không cho tôi biết. Tôi tự quyết định vận mạng mình. Đường ra ở đâu, thưa ông?"

"Đường ra nào?"

"Đường lên khỏi đây, ra ánh sáng trời."

"Đi khá dài và đi sát qua ổ ma đen. Anh vẫn muốn đi chứ?"

"Không sao. Từ lúc này trở đi không có nhiều thứ khiến tôi sợ nữa."

"Được", giáo sư nói. "Anh đi xuống núi cho đến bờ nước. Bây giờ chắc nước đã lặng. Anh có thể bơi qua dễ dàng. Anh cứ bơi thẳng hướng tây nam. Tôi sẽ lấy đèn pin chỉ hướng cho anh. Nếu giữ đúng hướng, ở bờ bên kia anh sẽ thấy một lối nhỏ xuyên qua vách đá, cao hơn mực nước một chút. Nó đưa anh đến cống ngầm và đi tiếp đến khi thấy đường ray, đó là đường tàu điện ngầm."

"Tàu điện ngầm?"

"Đúng thế, tuyến Ginza, gần đúng giữa đoạn nối từ Gaienmae đến Aoyama Itchome."

"Tại sao lại có đường nối tới tàu điện ngầm?"

"Vì bọn ma đen chế ngự toàn bộ mạng lưới tàu điện ngầm. Có thể ban ngày thì không, nhưng đêm đến thì chúng tung hoành trong đường hầm như ở nhà mình. Hệ thống tàu điện ngầm của Tokyo đã giúp lũ đó bành trướng phạm vi hoạt động đáng kể. Tựa như người ta xây đường giao thông cho chúng vậy. Đôi khi chúng tấn công và ăn thịt cả công nhân đường sắt."

"Tại sao dư luận không biết gì cả?"

"Nếu tin này loan ra thì không thể hình dung nổi hậu quả! Ai còn muốn làm việc dưới tàu điện ngầm nữa? Ai còn dám đi tàu điện ngầm nữa? Nhà chức trách tất nhiên biết, họ tìm cách đối phó, đắp tường dày thêm, bịt kín các lỗ hổng, tăng cường chiếu sáng. Nhưng không cản được lũ ma đen. Chỉ qua một đêm là chúng đục thủng tường, dây cáp điện bị chúng cắn đứt trong nháy mắt."

"Nếu chỗ tôi chui ra ở giữa chặng Gaienmae và Aoyama Itchome thì hiện nay ta đang ở đâu?"

"Ở đâu đó phía dưới miếu thờ Meiji, hướng Omotesando. Chính tôi cũng không biết thật chính xác. Dù sao thì cũng chỉ có một đường ra. Khá hẹp và lắt léo, tốn thời gian, nhưng người ta không thể đi lạc được. Từ đây, trước tiên anh đi về hướng Sendagaya. Anh nhớ là ổ ma đen nằm một đoạn trước sân vận động quốc gia. Ở đó đường queo qua trái và đi tiếp về phía sân bóng chày, từ đó qua

triển lãm nghệ thuật và đại lộ Aoyama tới ga Ginza. Anh mất chừng hai tiếng để tới lối ra. Rõ cả chưa?"

"Rõ."

"Đến ổ ma đen anh nhớ đi nhanh qua, lần chần ở đó là mang họa đấy. Và chú ý tàu điện ngầm! Ở đó có đường dây điện cao thế và tàu đi qua liên tục. Đang vào giờ cao điểm. Gian khổ lắm mới ra đến đó mà lại bị tàu chẹt thì không hay lắm!"

"Tôi sẽ chú ý", tôi nói. "Còn ông làm gì?"

"Chân tôi bị sái. Mà có ra đến ngoài đó thì Hệ thống và bọn ký hiệu sư cũng đang săn lùng tôi. Tôi sẽ ở lại đây một thời gian. Không ai mò đến đây. Nhờ anh mà tôi đã có chút thực phẩm. Tôi ăn không nhiều, chỗ này đủ cho tôi ba, bốn ngày", giáo sư bình tĩnh nói. "Anh đi đi, không cần lo cho tôi."

"Hai cái máy phát tín hiệu đuổi ma đen thì sao? Tôi cần cả hai khi đi đường, ông sẽ không còn cái nào!"

"Anh cho cháu tôi đi cùng", giáo sư nói. "Nó sẽ quay lại và đón tôi sau."

"Cháu sẽ làm đúng lời ông", cô gái nói.

"Nếu cô gái có chuyện gì thì sao? Nếu bọn ma đen bắt được cô ấy?"

"Bọn nó không bắt tôi đâu", cô nói.

"Không lo", giáo sư nói. "So với tuổi thì nó rất cứng cỏi. Tôi tin nó. Vả lại không phải là tôi bất lực khi có hoạn nạn. Có pin, nước và mấy mẩu kim loại nhỏ là có thể lắp được một chiếc máy đuổi ma đen. Tuy thô sơ và không hiệu

quả lắm nhưng tôi thông thạo dưới này, nhờ chiếc máy tạm thời ấy tôi có thể khống chế chúng được. Trên đường đến đây tôi có rắc mấy mẩu kim loại nhỏ, anh có nhìn thấy không? Bọn ma đen ngán thứ đó lắm. Nhưng chúng chỉ có tác dụng chừng mười lăm, hai mươi phút thôi."

"Ông ám chỉ mấy cái kẹp ghim giấy?", tôi hỏi.

"Đúng thế. Ghim giấy cực kỳ hữu hiệu. Rẻ tiền, chiếm ít chỗ, dễ nhiễm từ và uốn thành hình. Người ta có thể xâu thành dây chuyền đeo cổ. Ghim giấy là tốt nhất."

Tôi thọc tay vào túi áo gió và đưa ông một nắm. "Đủ chưa?"

"Trời ạ", giáo sư kinh ngạc reo lên. "Gãi đúng chỗ ngứa! Quả thật là tôi đã rắc quá nhiều trên đường và bây giờ lo không còn đủ. Cảm ơn, anh là người rất nhạy bén."

"Chúng cháu phải đi thôi ông ạ", cô cháu gái nói. "Không còn nhiều thì giờ nữa."

"Cẩn trọng và nhanh chân nhé", giáo sư nói. "Và đừng để bị bọn ma đen cắn, ha ha ha."

"Cháu sẽ quay lại sớm với ông", cô cháu nói và hôn lên trán ông.

Giáo sư quay sang tôi và nhắc lại: "Tôi vô cùng xin lỗi vì sự việc tiến triển đến nước này. Nếu được thì tôi rất muốn thế chỗ cho anh. Tôi đã sống một cuộc đời thỏa mãn và đầy đủ, nay có thể ra đi không luyến tiếc. Nhưng đối với anh thì sự ra đi có lẽ quá sớm. Chắc chắn anh còn nhiều công việc dang dở ở thế giới này."

Một sự mất mát lớn mà tôi sẽ không bao giờ biết được,

có lẽ thế chăng? Tôi im lặng không nói gì.

"Nhưng anh không có gì phải sợ", giáo sư nói giọng triết luận. "Cái đang đợi anh không phải là cái chết, mà là cuộc sống vĩnh cửu. Và anh sẽ là chính anh. So với thế giới ấy thì thế giới của chúng ta ở đây chỉ là cái vỏ rỗng. Anh chớ quên điều đó!"

"Ta đi thôi", cô gái nói và kéo tay tôi.

28

Nhạc Cụ

Viên quản lý trẻ ở nhà máy điện mời chúng tôi về nhà. Đầu tiên anh ta xem lại lửa trong lò, sau đó lấy ấm nước sôi trên đó xuống, đem vào bếp và pha trà mời chúng tôi. Chúng tôi cứng cả người vì cái lạnh trong rừng, trà nóng quả là tuyệt diệu. Tiếng ồn của gió vẫn không lắng xuống.

"Trà này tôi hái trong rừng", viên quản lý nói. "Suốt mùa hè tôi phơi trà trong bóng râm và đem ra uống trong mùa đông. Nó làm ta tỉnh táo và ấm lên."

Trà có hương thơm và vị ngọt thanh.

"Anh lấy lá của cây gì?", tôi hỏi.

"Ô, rất tiếc là tôi cũng không thạo lắm", người đàn ông nói. "Một thứ cây nào đó trong rừng. Nó có mùi rất thơm, và tôi thử dùng để pha trà. Cây này màu xanh, mọc không cao lắm và nở hoa vào khoảng tháng Bảy. Lúc đó tôi hái những lá non và treo lên phơi cho khô. Những con thú rất thích ăn hoa."

"Bọn thú một sừng mò đến tận đây?", tôi hỏi.

"Vâng, nhưng chỉ đến đầu thu thôi. Bắt đầu trở lạnh là chúng tránh xa bìa rừng. Vào mùa ấm áp luôn có mấy nhóm nhỏ đến đây. Tôi chơi với chúng và chia sẻ đồ ăn với chúng. Nhưng mùa đông chúng không đến. Chúng không dám vào rừng nữa, mặc dù biết là ở chỗ tôi có thức ăn. Vì vậy cứ đến mùa đông là tôi hoàn toàn một mình."

"Anh có muốn chúng ta cùng ăn trưa không?", cô thủ thư đề nghị. "Chúng tôi có đem theo bánh mì kẹp và trái cây, quá nhiều cho hai người. Anh có muốn không?"

"Ôi thích quá, cảm ơn!", viên quản lý nói. "Đã lâu lắm tôi chưa được ăn thứ gì do người khác làm. À, còn có nấm tươi tôi hái trong rừng, nếu anh chị muốn nếm thử."

"Vâng, chúng tôi rất thích!", tôi nói.

Chúng tôi cùng ăn bánh kẹp do cô thủ thư làm và nấm của người đàn ông, sau đó có trái cây và trà. Trong lúc ăn chúng tôi hầu như không nói gì. Tiếng gió hú tuôn ào ào vào phòng và choán đầy không khí im lặng.

"Anh không rời khỏi rừng bao giờ sao?", tôi hỏi viên quản lý.

"Không", anh ta khẽ nói và lắc đầu. "Quy định như thế. Tôi phải ở đây và trông coi nhà máy điện. Đó là nhiệm vụ của tôi. Có thể một ngày nào đó có người đến thay tôi. Tôi không biết lúc nào, nhưng sau đó nhất định tôi sẽ ra khỏi rừng và quay về thành phố. Trước đó thì không thể. Tôi không được phép đi khỏi rừng một bước. Tôi phải đợi gió, cứ ba ngày một lần có gió thổi lên."

Tôi gật đầu và uống cạn tách trà. Tiếng gió hú bắt đầu chưa lâu, và nó sẽ còn tiếp tục hai đến hai tiếng rưỡi nữa. Một mình trong rừng và nghe tiếng ầm ào này qua suốt mùa đông thì chắc cô đơn lắm.

"Nhất định anh chị không chỉ đến đây để ngắm nhà máy điện, đúng không?", người đàn ông hỏi. "Như tôi đã nói, bình thường thì người ngoài thành phố ít chú ý đến nó."

"Chúng tôi tìm một nhạc cụ", tôi nói. "Người ta nói với tôi là nên hỏi anh, anh biết chỗ nào có nhạc cụ."

Anh ta gật đầu và chăm chú nhìn xuống bộ dao dĩa xếp đẹp mắt cạnh đĩa. "Nếu anh tìm nhạc cụ thì đến chỗ tôi là đúng. Tôi có rất nhiều, nhưng chúng cũ lắm, và không rõ có còn tốt không. Anh cứ lấy đi những gì còn tốt. Đằng nào thì tôi cũng không biết sử dụng chúng, chỉ bày ra đó thôi. Anh có muốn xem không?"

"Vâng, nếu anh cho phép", tôi nói.

Anh kéo ghế đứng dậy, tôi cũng làm theo.

"Anh đi với tôi. Nhạc cụ để trong phòng ngủ."

"Tôi ở lại đây dọn bát đĩa và pha cà phê", cô thủ thư nói.

Viên quản lý mở cửa phòng ngủ, bật đèn và mời tôi vào.

"Kia kìa", anh ta nói.

Trên tường có đủ loại nhạc cụ cũ kỹ đến nỗi có thể gọi là đồ cổ, chủ yếu là đàn dây. Măng đô lin, ghi ta, vi ô lông xen, một cây thụ cầm nhỏ và nhiều nữa. Dây đàn gỉ sét, đứt

hay mất hẳn. Tìm phụ tùng thay thế ngoài thành phố chắc là chuyện không tưởng.

Có một số nhạc cụ tôi chưa từng thấy bao giờ. Ví dụ như một cái đàn bằng gỗ có hộp cộng hưởng trông như ván giặt quần áo gắn một loạt lẫy hình ngón tay. Tôi cầm lên thử chơi - vô ích, không thể tạo ra âm thanh nào. Một nhạc cụ khác gồm một hàng trống nhỏ và mấy cái dùi trống đặc biệt nhưng tôi cũng không thể đánh ra một giai điệu nào hết. Có cả một chiếc kèn hơi rất to, giống như kèn pha gốt, nhưng tôi nghĩ là mình không biết sử dụng.

Viên quản lý ngồi xuống chiếc giường gỗ nhỏ của mình và quan sát tôi thử lần lượt từng nhạc cụ một. Giường dọn ngăn nắp, vải trải và gối sạch sẽ.

"Có gì dùng được không?", anh ta chợt hỏi.

"Tôi cũng không chắc lắm", tôi đáp. "Tất cả khá cũ, tôi sẽ cố gắng thử xem."

Anh đứng dậy ra đóng cửa rồi quay trở lại. Phòng ngủ không cửa sổ, tiếng gió giờ đây đã bớt ồn.

"Anh có ngạc nhiên khi thấy tôi sưu tập nhạc cụ?", anh hỏi tôi. "Ngoài tôi ra không ai ở thành phố có hứng thú ấy. Những người ở đây cũng không có lấy một *chút xíu* hứng thú về bất cứ thứ gì. Tất nhiên, họ có mọi thứ cần thiết cho *cuộc sống*: soong nồi, dao, khăn trải giường, quần áo và các đồ khác. Nhưng chỉ thế là hết. Đối với họ mọi đồ vật phải có một *công dụng* nào đó, không hơn không kém. Không ai có nhu cầu cao hơn. Nhưng tôi khác. Tôi yêu quý chính những đồ vật này. Tự tôi cũng không rõ lý do,

nhưng chúng hấp dẫn tôi với một ma lực, những hình dáng phức tạp - những đồ vật *đẹp*." Anh ta đặt một tay lên bàn, tay kia đút túi quần. "Thú thực là vì vậy mà tôi yêu nhà máy điện đến thế", anh nói tiếp. "Tôi thích cái quạt gió, các dụng cụ đo lường khác nhau, máy biến áp. Có thể tôi đã luôn có xu hướng đó và do vậy được cử đến đây. Lâu lắm rồi - những gì trước đó tôi đã quên hết. Do vậy đôi khi tôi có cảm giác không bao giờ quay về thành phố được nữa. Thành phố này không bao mời đón một người với tâm tính như thế quay lại!"

Tôi cầm một cây vi ô lông còn mỗi hai dây lên và gảy vào dây. Kết quả chỉ là mấy âm thanh nảy lên khô lạnh.

"Anh lấy đâu ra những nhạc cụ này?", tôi hỏi.

"Từ đủ nguồn", anh ta nói. "Tôi nhờ người chở lương thực đến đây sưu tập hộ. Chúng nằm vạ vật trong tủ hay nhà kho của nhiều gia đình. Vì không ai biết sử dụng nên nhiều khi chúng bị đem làm củi đốt lò, chỉ một số còn được giữ gìn. Ông ta tìm cho tôi và đưa về đây. Nhạc cụ nào cũng có hình dáng đẹp. Tôi không biết sử dụng và cũng chẳng có ý thích ấy, nhưng chỉ cần nhìn chúng là tôi cảm nhận được cái đẹp. Trông chúng rất phức tạp, nhưng không có chi tiết nào thừa. Tôi hay ngồi đây và thanh thản ngắm nghía. Thế là đủ. Anh có thấy kỳ dị không?"

"Nhạc cụ rất đẹp", tôi trả lời. "Không có gì kỳ dị cả."

Ánh mắt tôi dừng lại ở một chiếc phong cầm nhỏ có hộp gió bằng da nằm giữa một chiếc vi ô lông xen và một chiếc trống. Tôi lấy ra. Thay vì các phím là một loạt nút

bấm kiểu ngày xưa. Hộp gió cứng quèo và có đôi vết rạn nứt nhưng có vẻ vẫn kín hơi. Tôi lồng tay vào quai da bên sườn đàn và kéo ra đẩy vào vài lần. Khó nhọc hơn tôi tưởng, nhưng nếu các nút bấm nguyên vẹn thì chắc đàn còn dùng được. Phong cầm là một loại đàn khó hỏng, trừ phi hộp gió không kín - và ngay khi nó bị hở thì cũng tương đối dễ sửa.

"Anh cho phép tôi thử nhé?", tôi hỏi.

"Anh cứ việc, nhạc cụ để chơi mà", người đàn ông nói.

Tôi kéo hộp gió dãn rộng ra, đẩy vào và bấm lên các nút lần lượt từ dưới lên trên. Một số nút chỉ cho ra tiếng nhỏ, nhưng đủ cả quãng tám, đó là điểm cốt yếu nhất. Tôi bấm lại tất cả các nút lần nữa, lần này từ trên xuống dưới.

"Nghe lạ quá", người đàn ông thích thú nói. "Tựa như âm thanh thay đổi màu sắc vậy."

"Tùy theo nút nào được bấm, âm thanh thay đổi độ dài của bước sóng", tôi nói. "Mỗi âm một khác, và tùy theo độ dài của bước sóng mà sinh ra các âm thanh hài hòa với nhau hoặc không?"

"Tôi không hiểu lắm. 'Hài hòa với nhau' nghĩa là gì - là chúng cần nhau à?"

"Đúng", tôi nói và bấm một lúc mấy nút liền. Các quãng cách không chính xác lắm song nhìn chung thì không đến nỗi khó nghe. Nhưng tôi không nhớ ra bài hát nào, chỉ bấm được vài hợp âm.

"Anh vừa chơi mấy âm hài hòa phải không?"

"Đúng thế", tôi nói.

"Tôi không biết nên nói gì", anh ta nói. "Chỉ biết đó

là những âm thanh lạ. Tôi nghe chúng lần đầu tiên. Nó khác tiếng gió, nhưng cũng khác cả tiếng chim hót", anh nói, đặt tay lên đầu gối và hết nhìn tôi lại nhìn sang cây đàn. "Bây giờ thì nhạc cụ này thuộc về anh. Anh cầm hết những gì anh thích đi. Chúng có ích hơn khi nằm trong tay người nào biết sử dụng. Đằng nào tôi cũng không biết làm gì với chúng." Anh lắng nghe gió một lúc. "Tôi phải ra trông máy. Cứ ba mươi phút phải kiểm tra xem quạt có chạy tốt không, biến áp có ổn định không, vân vân. Trong lúc đó anh đợi ở phòng bên nhé?"

Người đàn ông bước vội ra ngoài. Tôi về phòng khách kiêm phòng ăn và uống cà phê do cô thủ thư pha.

"Vậy đây là một nhạc cụ?", cô hỏi.

"Một trong nhiều loại nhạc cụ khác nhau", tôi nói. "Có rất nhiều loại, mỗi loại có một âm thanh khác."

"Trông như cái bễ thổi lửa!"

"Ừ, nguyên tắc hoạt động của nó cũng thế."

"Cho em chạm vào được không?"

"Ừ, tất nhiên", tôi nói và trao nó cho cô. Cô rón rén chạm vào như thể đó là một con vật mới đẻ - rất thận trọng và bằng cả hai tay - sửng sốt ngắm nó.

"Trông buồn cười thật", cô nói và mỉm cười lúng túng. "Nhưng anh có vui khi có nó không?"

"Bõ công đi đến đây."

"Viên quản lý này là một người không tách hẳn được bóng mình. Một mảnh bé xíu còn dính lại, anh ta vẫn còn chút ít của bóng", cô khẽ nói. "Do đó anh ta sống trong

rừng. Tâm hồn anh ta không đủ mạnh để kéo anh ta vào sâu trong rừng, nhưng quay về thành phố cũng không xong. Một con người đáng thương."

"Em nghĩ là mẹ em cũng sống trong rừng?"

"Vâng, có thể - hoặc có thể không", cô nói. "Em không biết. Em chỉ chợt có ý nghĩ như thế thôi."

Bảy, tám phút sau người đàn ông trẻ quay về nhà. Tôi cảm ơn về chiếc phong cầm, mở hộp lấy quà tặng ra đặt lên bàn: một chiếc đồng hồ báo thức du lịch, bộ chơi cờ và bật lửa xăng. Những thứ đó tôi lấy từ nhà kho.

"Xin anh nhận cho. Một lời đáp lễ cho cây đàn", tôi nói.

Người đàn ông thoạt tiên chối, nhưng rốt cuộc anh cũng nhận quà. Anh ngắm chiếc đồng hồ, sau đó chiếc bật lửa và từng quân cờ.

"Anh biết sử dụng những đồ này không?", tôi hỏi.

"Không, nhưng anh không cần giải thích", anh ta nói. "Chỉ ngắm chúng là đủ thấy thích rồi, dần dần tôi sẽ tìm ra cách thức hoạt động của chúng và biết dùng chúng làm gì. Nói cho cùng thì tôi có nhiều thì giờ, quá nhiều là đằng khác!"

Tôi xin phép ra về.

"Ôi, anh chị bận thế à?", giọng anh buồn rầu.

"Tôi muốn trở lại thành phố trước khi tắt nắng để ngủ một lát trước khi đi làm", tôi giải thích.

"Tôi hiểu", người đàn ông nói. "Công việc là công

việc. Tôi rất muốn tiễn anh chị đến cửa rừng, nhưng tôi không được rời nhà máy điện trong giờ làm việc."

Chúng tôi chia tay trước ngôi nhà nhỏ của anh.

"Anh chị cứ đến chơi. Và anh sẽ chơi cho tôi nghe nhạc cụ này nhé?", người đàn ông nói. "Lúc nào anh chị cũng được chào đón."

"Rất cảm ơn", tôi nói.

Càng đi xa nhà máy điện, tiếng gió càng yếu đi. Đến sát bìa rừng thì không nghe gì nữa.

29

Hồ, Tất Quần

Cô gái mũm mĩm và tôi cuốn đồ đạc vào mấy chiếc áo sạch và buộc lên đầu để chúng không bị ướt khi bơi. Trông chúng tôi khá kỳ khôi, nhưng không ai có thì giờ để cười đùa cả. Tôi gạt lại thức ăn, chai whiskey và mấy thứ không cần thiết khác, bây giờ đồ đạc của tôi khá gọn: đèn pin, áo len, giày, ví, dao và một máy phát sóng. Cô gái cũng không có nhiều hơn.

"Cẩn trọng nhé!", giáo sư nói.

Trong ánh sáng leo lét trông ông già sọm đi so với ban nãy. Da ông nhăn nheo, tóc thưa thớt, mặt lốm đốm vết đồi mồi. Một ông già mệt mỏi. Sinh, lão, bệnh, tử - các thiên tài cũng không tránh khỏi.

"Tạm biệt", tôi nói.

Chúng tôi bám theo dây xuống đến bờ nước trong màn đêm. Tôi trèo trước, xuống đến nơi tôi phát tín hiệu bằng đèn pin và cô gái xuống theo. Lội xuống nước trong bóng tối là một cảm giác khá sợ, nhưng tất nhiên chúng tôi

không có lựa chọn nào khác. Trước tiên tôi bước một chân xuống nước, rồi để nước ngập dần lên đến tận vai. Nước giá như băng, nhưng ngoài ra có vẻ bình thường, không ô nhiễm gì. Xung quanh im lìm như dưới đáy giếng. Không có gì lay động, từ không khí đến nước và màn đêm. Chỉ những tiếng động do chúng tôi gây ra dưới nước tạo nên nhiều tiếng vang được màn đêm tăng âm, những tiếng động như của một quái vật dưới hồ nuốt mồi. Xuống nước rồi tôi mới nhớ là không nhờ giáo sư băng bó vết thương ở bụng.

"Hy vọng ở đây không có loài cá có móng vuốt", tôi hỏi về phía mà tôi đoán cô gái đang bơi.

"Không", cô nói, "nó chỉ có ở thế giới huyền thoại thôi. Tôi nghĩ thế."

Mặc dù vậy tôi vẫn không rũ bỏ được ý nghĩ về một con cá khổng lồ đột ngột nhao lên từ nước sâu và cắn nát chân mình. Bóng tối sinh ra đủ kiểu sợ hãi.

"Có vắt không?"

"Tôi không biết. Tôi nghĩ là không", cô vô tư đáp.

Chúng tôi nối với nhau bằng sợi thừng và bơi vòng quanh "tháp", khoát tay nhẹ nhàng kiểu ếch để khỏi ướt đồ đạc. Từ phía sau lưng ánh đèn pin của giáo sư chọc thủng màn đêm như tia sáng của ngọn hải đăng và tạo ra một đường thẳng màu vàng đục trên mặt nước.

"Cứ theo hướng này", cô nói. Quan trọng là ánh sáng trên mặt nước và ánh đèn pin nằm cùng đường thẳng.

Tôi bơi trước, cô gái theo sau. Tiếng khoát nước của chúng tôi thay nhau vang lên. Thỉnh thoảng chúng tôi

ngừng bơi và quay lại nhìn để chỉnh hướng nếu cần.

"Cẩn thận đừng để nước làm ướt đồ", cô gọi. "Máy phát sóng bị ướt là hỏng đấy."

"Đừng lo", tôi nói. Quả thực không dễ giữ đồ cho khô. Xung quanh tối đen như mực, tôi không nhận ra nước dâng cao đến đâu. Đôi khi tôi còn không biết tay mình chỗ nào. Vừa bơi tôi vừa nhớ đến Orpheus phải bơi qua sông Styx để đến xứ sở của người chết. Thế giới này có vô vàn tôn giáo và chuyện hoang đường, nhưng nói về cái chết thì tất cả đều giống nhau không ít thì nhiều. Orpheus phải chèo một chiếc thuyền độc mộc qua dòng sông đen. Còn tôi phải bơi và đội gói đồ trên đầu. Người Hy Lạp cổ thông minh ra phết, ít nhất cũng thông minh hơn tôi. Tôi lo lắng nghĩ đến vết thương nhưng chẳng biết làm gì. Do căng thẳng thần kinh nên vết thương cũng ít đau và tôi sẽ không chết ngay cả khi vết thương bục ra; nó cũng không trầm trọng đến thế.

"Ông thực sự không giận ông tôi lắm à?", cô gái hỏi. Tôi chịu không đoán ra cô ở đâu và cách bao xa vì tiếng vang trong đêm rất kỳ quái.

"Tôi không biết. Chính tôi cũng không biết", tôi nói về hướng hú họa. Tiếng tôi cũng vọng lại từ một phía vô định. "Càng nghe ông cô kể thì tôi càng ngán không muốn biết gì thêm nữa."

"Sao ông có thể nói như thế được?"

"Cuộc đời tôi chẳng quý giá gì. Não tôi cũng vậy."

"Nhưng chẳng phải lúc nãy ông nói là ông hài lòng với

cuộc sống của mình hay sao?"

"Lời nói gió bay. Mỗi đội quân cần một lá cờ để phất thôi."

Rõ ràng cô suy nghĩ xem lời của tôi có ý nghĩa gì. Chúng tôi im lặng bơi tiếp. Một sự im lặng sâu lắng và nặng nề như chính cái chết ngự trị trên mặt hồ ngầm. Con cá kỳ bí có móng vuốt kia đâu? Nhất định nó tồn tại ở một nơi nào đó. Nó đang nằm ngủ dưới đáy hồ hay đang bơi ngang dọc ở một hang động khác? Hay nó đã đánh hơi thấy và đang lao về phía hai chúng tôi? Tôi hình dung ra những móng sắc của nó bập vào chân mình và run bắn lên. Đã sắp đến thời điểm tôi phải chết hoặc nói là tắt ngủm đi cũng được, nhưng tôi không khi nào muốn bị một con cá xé xác trong cái hang đen ngòm này. Cái chết hãy đón tôi dưới ánh mặt trời thân thuộc. Tay tôi bại đi trong làn nước lạnh, nhưng tôi lấy hết sức bình sinh bơi tiếp.

"Ông là một người vô cùng đáng yêu", giọng cô đượm vẻ mệt mỏi như vừa trong nhà tắm bước ra. "Ít nhất thì tôi nghĩ vậy."

"Cô là một trong số rất ít người nghĩ như thế."

"Vâng, tôi nghĩ vậy."

Tôi vừa bơi vừa nhìn qua vai về phía sau. Ánh sáng đèn pin của ông giáo sư xa lắc xa lơ nhưng tay tôi vẫn chưa chạm vào đích đến là vách đá. Tại sao lại xa vậy? Và nếu xa thế thì tại sao ông ta không cảnh báo trước để tôi chuẩn bị tinh thần? Con cá đâu rồi? Nó chưa đánh hơi thấy tôi thì phải?

"Tôi không định bào chữa cho ông tôi", cô gái nói, "nhưng ông tôi không có ác ý. Ông tôi quên hết mọi thứ quanh mình khi lao vào một việc gì. Trong trường hợp ông, ông tôi cũng chỉ có ý định tốt. Trước khi Hệ thống giở trò gì đó với ông, ông tôi muốn giải câu đố theo cách riêng của mình, muốn cứu ông. Ông tôi cũng vô cùng hối hận vì đã cộng tác với họ và làm thí nghiệm trên người. Đó là sai lầm của ông tôi."

Tôi im lặng bơi tiếp. *Đó là sai lầm của ông tôi.* Câu ấy có ý nghĩa gì nữa vào lúc này?

"Ông hãy tha lỗi cho ông tôi", cô nói.

"Tôi có tha lỗi cho ông cô hay không thì để làm gì? Vì sao ông cô lại lôi dự án ấy ra làm tiếp? Nếu trách nhiệm đè nặng lên ông đến mức ấy, sao ông cô không làm tiếp dự án trong nội bộ Hệ thống để tránh tăng thêm số nạn nhân? Ông cô không thích làm việc trong một tổ chức lớn, cứ cho là thế, nhưng vì kết quả nghiên cứu của ông ấy mà người ta chết như ngả rạ."

"Ông tôi không tin tưởng vào Hệ thống nữa", cô nói. "Hệ thống và Nhà máy, theo lời ông tôi, chỉ là hai mặt của cùng một đồng xu mà thôi."

"Nghĩa là sao?"

"Nghĩa là xét về kỹ thuật thì họ cùng làm một việc."

"Về kỹ thuật thì đúng. Nhưng chúng tôi bảo vệ dữ liệu, còn bọn ký hiệu sư đánh cắp chúng. Hai mục đích khác hẳn!"

"Nếu Hệ thống và Nhà máy cùng do một người chỉ

đạo thì sao? Nếu tay trái đánh cắp cái mà tay phải bảo vệ?"

Tôi im lặng rẽ nước và tập trung suy nghĩ những gì cô vừa nói. Đúng là điên rồ, nhưng không phải vô lý. Tôi đã làm việc cho Hệ thống, đúng vậy, nhưng nếu bị hỏi thì tôi không thể nói gì về cơ cấu bên trong của nó. Đơn giản là nó quá lớn và vì lý do bảo mật mà rất hạn chế phát tán thông tin nội bộ. Chúng tôi nhận lệnh từ cấp trên và cứ thế làm việc theo lệnh. Cấp trên đó mặt ngang mũi dọc ra sao thì những quân tốt đen như tôi đâu có biết.

"Nếu cô nói đúng thì đó là một mỏ vàng", tôi nói. "Bọn họ có thể nâng giá lên cao tùy thích trong một cuộc cạnh tranh hư cấu. Và chừng nào thế cân bằng không bị phá thì họ không việc gì phải lo bị sụt giá."

"Đó chính là cái làm ông tôi giật mình trong khi làm việc ở Hệ thống. Xét cho cùng thì họ cũng chỉ là một doanh nghiệp tư nhân có cổ phần nhà nước. Doanh nghiệp tư nhân hướng về lợi nhuận. Để có lợi nhuận họ sẵn sàng làm tất cả. Hệ thống gọi việc bảo vệ dữ liệu là mục đích, nhưng đó chỉ là vỏ ngoài. Ông tôi lo công trình nghiên cứu của mình chỉ làm cho tình hình tồi tệ thêm mà thôi. Giả sử có thể biến đổi cấu trúc của não người theo ý muốn thì hậu quả sẽ là thảm họa đối với con người và thế giới. Người ta cần một sự tiết chế và kiểm soát, và chính cái đó không tồn tại trong Hệ thống cũng như trong Nhà máy. Vì vậy ông tôi bỏ ra ngoài. Ông tôi rất ăn năn về chuyện ông và các toán sư khác, nhưng trong điều kiện này ông tôi không thể nghiên cứu tiếp được. Vì chỉ có thể tăng thêm số nạn nhân mà thôi."

"Một câu hỏi nữa thôi", tôi nói. "Cô biết mọi chuyện ngay từ đầu phải không?"

"Vâng", cô thú nhận sau một hồi lưỡng lự.

"Sao cô không hé ra một lời với tôi? Như thế cô đã có thể cứu tôi và ngăn được tình cảnh khốn nạn này."

"Tôi muốn ông gặp ông tôi và nghe lời giải thích trực tiếp ở đó", cô nói. "Tôi mà nói thì chắc gì ông đã tin?"

"Có thể thế thật", tôi nói. Nếu cô vô cớ nói về bảng mạch thứ ba và sự bất tử thì khó mà tin nổi.

Sau vài nhịp khoát tay nữa, chợt tôi chạm phải một vật cứng. Mải suy nghĩ và thoạt tiên rất bối rối nên tôi bị bất ngờ, cho đến khi lờ mờ nhận ra đó là vách đá. Chúng tôi đã bơi qua cái hồ ngầm.

"Ta đến rồi", tôi nói. Cô gái bơi lại gần. Phía sau chúng tôi ánh đèn pin lấp lóe như một ngôi sao. So với vạch sáng thì chúng tôi bơi lệch sang phải chừng mười thước.

"Chắc ở đâu đó gần đây", cô nói. "Lỗ hổng nằm khoảng nửa thước trên mực nước."

"Có khi bây giờ ngập ở dưới."

"Không, không, nó nằm trên mực nước."

Tôi thận trọng lách tay vào gói đồ trên đầu để lấy đèn pin. Một tay bám vách, tôi chiếu ánh sáng vàng dọc bờ đá, nửa thước trên mực nước. Mắt tôi cần một lát lâu sau mới quen với ánh sáng.

"Không có lỗ nào cả", tôi nói.

"Ông dịch sang phải một chút", cô nói.

Tôi di chuyển một đoạn, chiếu đèn lên trên. Nhưng

không thấy lỗ nào.

"Cô chắc chắn là sang bên phải không?", tôi hỏi. Khi tôi ngừng bơi, cái lạnh ngấm vào tận xương. Các khớp như đóng đá, thậm chí tôi không nói được rõ lời.

"Vâng, sang phải một chút nữa!"

Tôi run rẩy di chuyển tiếp. Rốt cuộc tay trái tôi đang lần theo bờ đá chạm vào một thứ gì, tròn và khum như một tấm biển, to bằng cái đĩa hát. Tôi sờ kỹ. Một họa tiết nhân tạo. Tôi chiếu đèn vào để xem cho rõ hơn.

"Một tấm phù điêu, đúng không?"

Tôi không thốt ra được lời nào, chỉ biết gật đầu. Một tấm phù điêu đúng như tấm chúng tôi đã thấy ở cửa vào thánh địa. Hai con cá kỳ bí có móng vuốt, đầu chạm đuôi và đuôi chạm đầu. Nằm giữa chúng là thế giới. Như vầng trăng rằm lặn xuống biển, hai phần ba tấm biển tròn nhô lên khỏi mặt nước, một phần ba chìm bên dưới. Giống hai tấm phù điêu đã thấy lúc trước, tấm này cũng chạm khắc tinh xảo. Ở địa điểm cheo leo này, chắc đây là một công việc vô cùng khó khăn.

"Lối ra đây rồi!", cô nói. "Hình như ở mọi lối ra vào đều treo các phù điêu tương tự. Ông nhìn lên trên nữa mà xem!"

Tôi chiếu ánh đèn lên cao hơn. Vách đá nhô ra một đoạn, do khuất bóng nên tôi không nhìn được chính xác. Hình như bên trên có một cái gì đó. Tôi quyết định trèo lên và đưa đèn cho cô gái.

May mà trên tấm phù điêu có một đoạn hõm vào để

tôi chống tay. Tôi cố hết sức kéo tấm thân cứng đờ lên và ngoặc chân vào tấm phù điêu. Tôi vươn tay phải lên bám được vào một mỏm đá chìa ra, nhờ vậy tôi rướn lên nhìn được qua phần nhô ra của bờ đá. Quả thật có một cái lỗ. Tối quá, tôi không thấy gì thêm nữa, nhưng tôi nhận ra một hơi gió thoảng nhẹ, khá lạnh và có mùi ẩm mốc, báo hiệu ở đó phải là một đường hầm. Tôi chống tay vào bờ đá và leo hẳn lên.

"Đường hầm đây rồi!", tôi hét xuống phía dưới, cố nén cơn đau ở bụng.

"Ơn Trời", cô nói.

Tôi cầm lại đèn pin rồi kéo cô gái lên. Chúng tôi ngồi run rẩy một hồi trước cửa hang. Áo và quần tôi lạnh như bị nhúng nước rồi nhét vào ngăn đá. Tôi có cảm giác như vừa bơi qua một ly whiskey *pha đá* khổng lồ.

Sau đó tôi tháo gói đồ trên đầu xuống và thay áo mới. Tôi đưa cô gái áo len của mình, quẳng sơ mi và áo khoác bị ướt đi. Từ hông trở xuống tôi vẫn ướt, nhưng biết làm sao được? Tôi không mang theo quần dài và quần lót để thay.

Trong khi cô gái kiểm tra máy phát sóng, tôi nháy đèn pin nhiều lần về hướng giáo sư trên "tháp" báo hiệu đã đến cửa hang. Chấm sáng vàng hình tròn của giáo sư cũng nhấp nháy vài lần rồi tắt. Thế giới lại chìm vào màn đêm tuyệt đối của nó. Một thế giới không có dài rộng, không có thấp cao, một thế giới của hư vô.

"Ta đi nào", cô bé nói. Tôi bật sáng đồng hồ đeo tay. 7 giờ 18. Giờ là lúc phát bản tin buổi sáng trên mọi kênh.

Mọi người trên kia đang ăn sáng và vừa ngái ngủ vừa nhồi nhét thông tin, dự báo thời tiết, quảng cáo thuốc đau đầu và con số ô tô xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ khó tính. Không ai biết tôi đã lạc lối cả một đêm trong cái mê hồn trận dưới lòng đất này. Không ai biết tôi phải bơi, phải chịu bầy vắt hút máu và vết đau ở bụng. Và không ai biết là còn 28 tiếng 42 phút nữa thế giới của tôi sẽ chấm dứt. Ti vi không đưa những tin tức kiểu ấy.

Đây là đoạn đường nối hẹp nhất mà chúng tôi từng thấy. Chúng tôi buộc phải bò. Nó lại còn ngoằn ngoèo như ruột gà, sang phải sang trái, lên cao xuống thấp. Lúc thì dốc xuống như vào hầm, khi thì chúng tôi phải leo lên. Đường hầm có đoạn lộn vòng như làm xiếc. Chúng tôi di chuyển rất chậm chạp và mệt nhọc. Nhất định đoạn này do hiện tượng xói mòn sinh ra chứ không phải do lũ ma đen đào. Một con đường khó đi như vậy thì ma cũng không muốn làm.

Nửa tiếng sau chúng tôi đổi máy phát sóng. Thêm nửa tiếng nữa thì hết đoạn hẹp. Chúng tôi tiến vào một bãi rộng có trần cao. Ở đây im lìm và tối như cửa vào một ngôi nhà cổ. Có mùi ẩm mốc. Đường rẽ như chữ T về hai phía. Từ bên phái có một luồng gió thoảng. Cô gái lấy chiếc đèn pin lớn chiếu vào các lối rẽ. Cả hai đều đâm thẳng tắp vào đêm đen.

"Ta rẽ lối nào?", tôi hỏi.

"Rẽ phải", cô nói. "Từ phía đó có gió lùa đến. Chúng ta

đang ở đâu đó dưới Sendagaya, như ông tôi đã dặn, rẽ phải là về phía sân bóng chày Jingu."

Tôi cố hình dung ra thế giới trên đầu chúng tôi. Nếu cô nói đúng thì chúng tôi đang đứng dưới hai nhà hàng bán mì, hiệu sách Kawade và phòng thu âm Victor. Ngay gần đó là tiệm cắt tóc ruột mà hơn mười năm nay tôi vẫn đến.

"Ta đang ở gần tiệm cắt tóc của tôi", tôi nói.

"Thế à?", cô không tỏ vẻ quan tâm.

Có lẽ tôi nên đi cắt tóc trước lúc tận cùng thế giới. Còn gì lớn lao có thể hoàn tất trong 24 tiếng đồng hồ được nữa? Tắm rửa tử tế, thay đồ mới và đi cắt tóc, thế cũng được.

"Cẩn thận", cô nói. "Mình sắp đến gần ổ ma đen. Đã thấy tiếng và mùi hôi kinh khủng của chúng rồi đấy. Ông đi sát sau lưng tôi nhé."

Tôi dỏng tai lên và đánh hơi nhưng tuyệt đối không nghe và ngửi thấy gì cả.

"Chúng có biết mình ở gần không?"

"Tất nhiên. Đây là giang sơn của chúng. Không có gì qua mắt chúng đâu. Chúng sẽ tức điên lên vì mình lại gần sào huyệt và đi xuyên qua thánh địa của chúng. Nếu tóm được mình, chúng sẽ quần cho tơi tả. Đi sát vào tôi, không thì chúng sẽ từ trong bóng tối vươn ra tóm ông và lôi đi đâu mất."

Chúng tôi thu ngắn sợi thừng nối giữa hai người xuống còn khoảng năm mươi phân.

"Chú ý! Đến đây là hết tường!", cô gằn giọng và chiếu

đèn sang trái. Quả thật bức tường đột ngột biến mất. Thế vào đó là một lỗ hổng đầy bóng tối đặc sệt. Tia sáng xuyên qua như một mũi tên thẳng tắp rồi bị nuốt chửng bởi bóng tối còn dày đặc hơn ở phía xa. Tựa như sự tối tăm là một sinh vật biết thở và ngọ nguậy. Như một dạng keo lỏng, bập bềnh, kỳ bí.

"Ông nghe chưa?", cô hỏi.

"Rồi", tôi nói. Giờ thì cả tôi cũng nghe rõ tiếng bọn ma đen. Tuy nhiên, chính xác hơn là một âm thanh rào rào như khi ta bị ù tai. Nó cắt qua bóng đêm và xoáy vào tai như một lưỡi cưa sắc. Tiếng rào rào như hàng triệu côn trùng đập cánh. Tiếng vọng từ các vách làm đau nhói màng nhĩ. Thiếu chút nữa thì tôi quẳng đèn pin và ngồi thụp xuống lấy hai tay bưng kín tai. Có cảm giác như hàng ngàn thanh giũa đang căm thù cứa lên mỗi sợi thần kinh trong tôi.

Đó là một nỗi căm thù khác hẳn với các kiểu căm thù mà tôi từng biết. Nó xồ đến như một cơn bão thổi từ địa ngục, toan xé chúng tôi thành trăm mảnh. Một tảng khổng lồ từ hàng nghìn tư duy đen tối đè lên chúng tôi, đen như lớp cặn chưng cất từ toàn bộ đêm đen dưới lòng đất và thời gian ngập ngụa bẩn tưởi trong một thế giới mù đặc không ánh sáng. Tôi không biết là nỗi căm thù có thể nặng nề đến mức ấy.

"Không được dừng lại!", cô hét sát tai tôi. Giọng cô khô và yếu, nhưng không run rẩy. Chỉ khi bị cô quát tôi mới nhận ra là mình vừa đứng lại.

Cô giật sợi thừng nối hai người. "Không được

dừng lại! Nếu ông dừng lại là chết! Chúng sẽ lôi ông vào bóng tối!"

Nhưng tôi không thể động cựa. Sự căm thù của lũ ma đen đã trói chặt tôi vào điểm đang đứng. Tựa như thời gian chảy ngược dòng, trở lại với ký ức về những ngày đã qua. Tôi không thể đi đâu được nữa.

Cô gái cho tôi một cái tát trời giáng, mạnh đến nỗi tai tôi ù lên không nghe được gì một hồi lâu.

"Bên phải!", tôi nghe cô quát. "Bên phải! Không hiểu à! Đưa chân bên phải lên! Tôi nói bên phải cơ mà, đồ ngu!"

Rốt cuộc tôi cũng nặng nề đưa được chân phải lên. Tôi có cảm giác như nghe thấy một sự thất vọng nho nhỏ trong tiếng kêu của ma đen.

"Trái!", cô gái quát. Tôi bước chân trái lên.

"Đúng rồi. Bước từng chân một lên. Ổn cả chưa?"

"Ổn cả", tôi nói nhưng không rõ là mình có thực sự phát âm ra chữ đó không. Tất cả những gì tôi biết là lũ ma đen - như cô đã nói - toan lôi chúng tôi vào bóng tối dày đặc. Chúng nhỏ từng giọt sợ hãi vào chúng tôi, trước hết vào tai, làm chúng tôi bại hoại để rồi từ từ lôi đi.

Sau khi lại có thể cử động được, tôi cảm thấy động lực ngược lại là chạy vùng lên. Tôi muốn ra khỏi cái xó khốn nạn này, càng nhanh càng tốt.

Tựa như đọc được ý nghĩ của tôi, cô chìa tay ra nắm lấy khuỷu tay tôi. "Chiếu đèn xuống chân", cô nói. "Quay lưng vào tường và đi từng bước sang ngang. Hiểu chưa?"

"Hiểu rồi", tôi nói.

"Tuyệt đối không chiếu sáng lên trên!"

"Tại sao không?"

"Vì bọn ma đen ở đó. Ngay trên đầu mình.", cô thì thào. "Ông tuyệt đối không được nhìn bọn chúng, không thì không nhấc nổi chân đâu!"

Chúng tôi chiếu sáng mặt đất từng phần một và đi từng bước sang ngang. Thỉnh thoảng một làn hơi lạnh và hôi kinh tởm như cá ươn sạt qua má tôi, lần nào tôi cũng tức thở. Tựa như tôi bị giam vào giữa đống ruột trương phình đầy dòi bọ của một con cá khổng lồ. Lũ ma đen vẫn không ngừng lên tiếng. Giọng chúng khó chịu, nghe như bị dùng vũ lực ép ra từ một không gian không tiếng động. Màng nhĩ tôi xô lệch cứng đờ. Trong mồm ứ đầy nước bọt tanh hôi.

Nhưng tôi vẫn bước ngang như máy. Tôi chỉ phải tập trung tinh thần để thay nhau bước chân nọ rồi đến chân kia.

Đôi lúc cô nói gì đó nhưng tôi không hiểu rõ. *Giọng nói này*, tôi nghĩ bụng, không bao giờ trong đời mình có thể xóa khỏi trí nhớ. Một lúc nào đó nó sẽ trồi lên từ bóng đêm sâu thẳm để tấn công tôi. Và một ngày nào đó chân tay nhầy nhụa của lũ ma đen sẽ ghì chặt tôi xuống đất.

Bao nhiêu thời gian đã trôi qua từ khi chúng tôi xâm nhập vào thế giới ác mộng này - tôi không nhớ nữa. Máy phát sóng trong tay cô cho thấy vạch đèn xanh, nghĩa là nó còn hoạt động, vậy thì không thể nhiều thời gian trôi qua. Tôi thấy như đã hàng tiếng đồng hồ.

Tuy nhiên, một lúc nào đó không khí đột ngột thay đổi. Mùi tanh tưởi nhạt đi, áp suất trong tai giảm hẳn, tiếng vọng cũng khác. Tiếng lũ ma đen cũng chỉ còn như sóng biển rì rào xa xa. Chúng tôi đã vượt qua đoạn khốn khó nhất. Cô gái chiếu đèn pin lên phía trên; ánh sáng lại gặp phải đá. Chúng tôi tựa vào vách đá, hít thật sâu và vuốt mồ hôi lạnh trên mặt.

Chúng tôi không nói lời nào một hồi lâu. Rốt cuộc tiếng bọn ma đen cũng mất hẳn, im lặng quay trở lại. Ở đâu đó có tiếng nước nhỏ giọt, tiếng vọng yếu và mỏng.

"Chúng nó ghét gì ghê gớm vậy?", tôi hỏi cô bạn đồng hành.

"Ghét thế giới ánh sáng và cư dân ở đó", cô đáp.

"Thật không thể tin nổi là Nhà máy liên kết với bọn chúng. Dù để đạt được gì chăng nữa."

Cô gái không nhận xét gì. Thay vào đó, cô nắm tay tôi thật chặt. "Ông có biết lần này tôi nghĩ gì không?"

"Chịu", tôi nói.

"Tuyệt vời xiết bao nếu tôi được theo ông đến thế giới mà ông sắp đến."

"Và bỏ lại thế giới này?"

"Đúng thế", cô nói. "Cái thế giới già cỗi chán chường này! Sống trong đầu ông, tôi nghĩ là thú vị hơn nhiều."

Tôi không nói gì, chỉ lắc đầu. Quỷ quái thật, *tôi* không muốn sống trong đầu tôi, tôi không muốn sống trong đầu ai cả.

"Ta đi tiếp thôi", cô nói. "Ta không thể ngồi đây mãi

được, phải tìm cho ra đường cống ngầm và lối ra. Mấy giờ rồi?"

"8 giờ 20", tôi nói.

"Đã đến lúc thay máy phát sóng", cô nói và bật máy mới lên. Cô chuyển máy cũ sang chế độ nạp rồi giắt nó vào giữa sơ mi và váy. Đúng một tiếng, kể từ khi chúng tôi bước vào hang. Nếu ông giáo sư nói đúng thì sắp đến khúc quành trái, dẫn đến triển lãm nghệ thuật. Từ đó chỉ vài bước chân nữa là chạm đến đường ray tàu điện ngầm. Và tàu điện ngầm chắc chắn là cánh tay nối dài của văn hóa trên mặt đất. Từ đó chúng tôi sẽ có cách thoát khỏi vương quốc ma đen.

Một lát sau, như dự tính, đường quành vuông góc sang trái. Gần như chắc chắn chúng tôi ở dưới đại lộ viền cây lá quạt. Bây giờ mới chớm thu, chắc lá cây còn căng mọng màu lục. Tôi tưởng tượng ra ánh mặt trời ấm áp, mùi cỏ và ngọn gió đầu thu. Nếu đang ở trên kia có lẽ tôi đã nằm lăn ra mấy tiếng và ngắm bầu trời. Thêm một chai bia mát lạnh nữa. Trước khi thế giới lụi tàn.

"Trên kia trời có đẹp không nhỉ?", tôi hỏi cô gái đi trước.

"Ai biết được? Tôi chịu", cô nói.

"Cô không nghe tin thời tiết à?"

"Không. Tôi lạc đường cả ngày trong khi đi tìm nhà ông."

Tôi cố nhớ xem đêm qua, khi tôi ra khỏi nhà, trời có sáng sao không. Vô ích. Duy nhất tôi nhớ ra đôi trai gái trẻ

nghe nhạc Duran Duran trên chiếc xe Nissan Skyline. Không tài nào nhớ đến trăng sao. Nói cho đúng là đã mấy tháng nay tôi không ngắm sao. Nếu từ ba tháng nay bầu trời hoàn toàn bị quét sạch sao thì tôi cũng không hề hay biết. Những gì tôi đã thấy và nhớ được là sợi lắc bạc trên cổ tay cô gái và que kem cắm trong chậu trồng cây đa, toàn những thứ vặt vãnh, ngoài ra thế là hết. Qua đó mà đánh giá thì tôi có một cuộc đời hoàn toàn đơn sơ và tẻ nhạt. Một ý nghĩ lóe lên trong đầu: nếu tôi sinh ra là một mục đồng Nam Tư thì đêm nào tôi cũng được ngắm chòm Đại Hùng Tinh. Chiếc xe Skyline, Duran Duran, lắc bạc, trộn số, bộ com lê vải tuýt màu lam đậm - tất cả hiện ra như một giấc mơ đã mơ từ ngày xa xưa. Mọi ký ức bẹt dí như một chiếc ô tô bị cho vào máy ép thủy lực thành tấm kim loại phẳng, bẹt như tấm thẻ tín dụng - mà vẫn giữ nguyên tính phức hợp. Nhìn từ phía trước chỉ hơi bất thường, song nhìn từ bên cạnh thì không khác một vệt kẻ, hầu như không mang ý nghĩa gì. Tấm thẻ chứa tôi, tất cả, dĩ nhiên, nhưng chỉ là một miếng nhựa mà thôi. Chừng nào người ta không nhét nó vào khe của máy đọc thì nó không có ý nghĩa gì hết.

Hình như bảng mạch thứ nhất đã yếu đi. Vì thế mà các ký ức thực sự của tôi bẹt dí, tựa như chúng thuộc về một người khác. Đầu tôi đang chuẩn bị rời khỏi tôi. Tấm thẻ nhận dạng của tôi ngày càng mỏng đi, mỏng như giấy, rồi biến mất hẳn.

Trong khi bước theo cô gái như cái máy, tôi nhớ đến đôi trai gái trên chiếc xe Skyline. Thật khó hiểu, vì sao tôi

cứ khăng khăng bám vào hai người này, nhưng tôi không biết còn nên nghĩ về cái gì khác. Lúc này, tám rưỡi sáng, hai người đó đang làm gì nhỉ? Tôi không hình dung ra được. Có thể họ còn ngủ say, có thể họ đang trên tàu, mỗi người một nẻo đến nơi làm việc. Tôi biết gì nhỉ? Giữa thế giới thực và trí tưởng tượng của tôi không còn sợi dây liên lạc tử tế nào nữa. Một nhà biên kịch truyền hình sẽ dễ dàng dựng ra cốt truyện nào đó: người đàn bà từng học đại học ở Paris và lấy ông chồng Pháp, ông này bị tai nạn giao thông và hôn mê sâu, bà ta ngán cuộc sống này và bỏ chồng quay trở về Tokyo, làm việc tại đại sứ quán Bỉ hoặc Thụy Sĩ, dây lắc bạc là quà tặng của chồng bà. Chuyển cảnh hồi ức: bãi biển Nice, mùa đông, bà không bao giờ cởi lắc, lúc tắm cũng không, lúc làm tình cũng không. Chuyển cảnh: người chồng Nhật của bà từng tham gia phong trào sinh viên chiếm Yasuda Hall và luôn đeo kính râm như vai chính trong *Ashes and Diamonds* của Wajda, một đạo diễn sáng giá ở truyền hình và luôn có ác mộng về lựu đạn cay, vợ cũ của ông ta trước đây năm năm cắt mạch máu tự sát. Chuyển cảnh (phim truyền hình này quả thật có nhiều cắt cảnh và chuyển cảnh). Mỗi lần thấy chiếc lắc bạc đung đưa ở cổ tay vợ mới là ông nhớ lại cổ tay bết máu me của vợ cũ, ông đề nghị bà đeo nó qua tay phải. "Không được", bà nói. "Tôi chỉ đeo lắc bên tay trái."

Cũng có thể đưa thêm một người chơi dương cầm vào, như trong phim *Casablanca*, một kẻ nát rượu, trên dương cầm luôn thấy một ly rượu Gin, pha chút chanh, người chơi

dương cầm là bạn của cả hai, biết bí mật của cả hai, chơi nhạc jazz tài ba nhưng chìm đắm trong rượu.

Đến đây thì tôi bỏ cuộc, vì chuyện ngu quá. Kịch bản chẳng liên quan gì đến thực tế cả. Nhưng thực tế là gì? Câu hỏi này chỉ làm tôi rối trí thêm. Thực tế mờ nhạt và nặng nề như một thùng bìa cứng đầy cát, và vô nghĩa nữa. Từ vài tháng nay tôi không thấy trăng sao rồi!

"Tôi không chịu được nữa!", tôi nói.

"Không chịu được gì?", cô gái hỏi.

"Mọi thứ, bóng tối, mùi mốc, ma đen, chiếc quần ướt, vết thương trên bụng, mọi thứ, tất cả mọi thứ. Thậm chí ta còn không rõ thời tiết trên kia ra sao. Hôm nay là thứ mấy?"

"Sắp hết rồi", cô gái nói. "Ta sắp ra ngoài rồi."

"Đầu tôi rối tung cả lên", tôi nói. "Tôi không còn nhớ bên ngoài ra sao nữa. Các suy nghĩ của tôi đi sai hướng cả."

"Ông đừng nghĩ gì cả. Ta sắp ra đến bên ngoài rồi."

Vậy thì tôi không nghĩ gì nữa. Lúc này tôi ý thức được rằng chiếc quần dính vào da lạnh ngắt, làm nửa dưới người tôi hạ nhiệt và vết thương lại phát đau. Mặc dù lạnh, tôi vẫn không thấy có nhu cầu tiểu tiện. Tôi đái lần cuối cùng lúc nào nhỉ? Tôi dồn mọi mảnh hồi ức lại và lục lọi trong đó. Vô ích. Tôi không biết gì nữa.

Nhất định tôi chưa đái từ khi chúng tôi xuống dưới lòng đất. Còn trước đó? Trước đó tôi lái xe. Ăn một cái bánh hamburger và thấy đôi trai gái trong chiếc Skyline. Trước nữa? Trước đó tôi ngủ. Cô bé mũm mĩm đến và đánh thức tôi. Lúc ấy tôi có đi đái không? Không, hình như không. Cô

ấn cả hai tay, như người ta nhồi quần áo vào va li vậy, đánh thức và kéo tôi đi cùng luôn. Không có thì giờ mà đái. Còn trước đó? Tôi không nhớ gì nữa. Tôi ở chỗ bác sĩ thì phải. Ông ấy khâu bụng. Bác sĩ nào? Chịu. Đại khái là một bác sĩ. Một bác sĩ áo vận choàng trắng đã khâu bụng tôi sát trên vạch lông mu. Trước đó tôi có đi đái không?

Quên hết.

Chắc là không. Nếu trước đó có đi đái thì nhất định tôi sẽ thấy đau ở vết thương, và bây giờ sẽ nhớ lại. Song tôi không nhớ, vậy thì chắc chắn tôi không đái. Có nghĩa là đã khá lâu rồi tôi không đái. Bao nhiêu tiếng rồi?

Thời gian. Đầu tôi lộn xộn như cái chuồng gà lúc sáng sớm. 12 tiếng? 28 tiếng? 32 tiếng? Nước tiểu tôi biến đi đâu? Tôi đã uống bia, Coca, whiskey! Tất cả chảy đi đâu?

Khoan đã, hình như người ta khâu bụng tôi từ hôm kia, tôi ở bệnh viện hôm kia. Có vẻ như hôm qua là một ngày khác hẳn. Ngày nào? Có gì xảy ra? Tôi không hiểu gì cả. Hôm qua là một khối thời gian chập chờn. Tròn như một củ hành hút no nước và nở phồng lên đến mức khổng lồ. Ở đâu đã xảy ra chuyện gì, ấn vào đây thì sẽ làm sao, không hiểu, chẳng hiểu gì cả.

Tôi đến gần sự việc và lại lùi xa, như trên chiếc đu quay. Hai thằng ấy rạch bụng tôi ra - việc ấy xảy ra lúc nào? Sáng sớm tôi ngồi ở quầy cà phê trong siêu thị - trước đó hay sau đó? Tôi đái lúc nào? Vì sao câu hỏi này không buông tôi ra?

"Kia rồi!", cô gái reo lên và nắm lấy khuỷu tay tôi.

"Cống ngầm! Lối ra!"

Tôi gạt chuyện đi đái qua một bên và chăm chú nhìn vào chỗ tường được cô chĩa đèn pin vào. Một lỗ vuông vức như khung cửa để đổ xà bần, đủ rộng để một người lách qua.

"Trông không như ống cống ngầm", tôi nói.

"Cống ở phía sau. Lỗ này là nơi vào. Ông ngửi xem! Nước thải đấy!"

Tôi thò đầu qua lỗ hổng và hít. Mùi nước thải quen thuộc, không nghi ngờ gì. Sau khi lần mò qua mê hồn trận trong lòng đất, thậm chí mùi hôi này cũng làm tôi xúc động. Một luồng gió thổi đến, rõ ràng rồi. Nền đất rung lên, và tôi nghe tiếng tàu điện ngầm lướt trên đường sắt tận phía xa xa. Tiếng động kéo dài khoảng mươi, mười lăm giây rồi nhỏ dần như một máy nước được vặn lại từ từ. Nhất định rồi, đây là lối ra.

"Cuối cùng thì mình cũng đến nơi", cô gái nói và hôn lên gáy tôi. "Ông thấy trong người ra sao?"

"Đừng hỏi thì hơn", tôi nói. "Tôi không cảm nhận được chính mình."

Cô chui đầu qua lỗ trước. Sau khi thấy phần mông mềm mại của cô khuất đi, tôi cũng chui theo. Lòng ống chật chội chạy thẳng. Đèn pin của tôi chiếu sáng mông và bắp chân cô. Bắp chân cô làm tôi nhớ đến loại cải thảo Trung Quốc trắng và nhẵn. Váy cô ướt nhẹp, quấn chặt vào đùi.

"Ông còn đó không?" cô hét.

"Ngay sau cô", tôi hét lại.

"Ở đây có một cái giày!"

"Giày gì?"

"Một cái giày đàn ông màu đen, giày da."

Lát sau tôi cũng thấy nó. Một chiếc giày cũ, gót mòn vẹt một bên. Bùn lấm ở mũi giày đã khô cứng và chuyển màu trắng.

"Cô nghĩ là bọn ma đen..."

"Chứ sao nữa", cô nói.

Vì không nhìn thấy gì khác, tôi vừa bò vừa nhìn vào váy cô. Đôi khi nó bị tốc lên cao, để lộ da thịt màu trắng sạch sẽ. Ở khúc đùi mà phụ nữ ngày xưa cài tất giấy vào dây đai. Ngày xưa, trước khi phát minh ra tất quần, giữa tất dài và dây đai cài tất vẫn lộ ra một khúc da đùi.

Làn da trắng của cô làm tôi gợi nhớ đến những ngày xa xưa. Đó là thời của Jimi Hendrix and Cream, của nhóm Beatles và Otis Redding. Tôi huýt sáo đoạn đầu bài *I go to pieces* của Peter và Gordon. Một bài hát hay. Hơn đứt Duran Duran. Nhưng có thể tôi chỉ cảm nhận như thế vì đã lớn tuổi rồi. *I go to pieces* là một bài thịnh hành trước đây hơn hai chục năm. Ngày ấy ai mà tiên đoán được khúc khải hoàn của tất quần?

"Sao ông huýt sáo?", cô hét.

"Không biết. Tự nhiên thôi", tôi trả lời.

"Bài gì thế?"

"Có lẽ cô chưa nghe thấy lần nào đâu."

"Ông nói đúng."

"Một bài nổi tiếng từ khi cô chưa ra đời."

"Nói về gì?"

"Về một vết thương bục ra."

"Sao ông lại thích huýt sáo một bài như thế?"

Tôi không nghĩ ra lý do đặc biệt nào. Tự nhiên tôi nhớ đến bài hát đó thôi. "Không biết", tôi nói.

Trong khi tôi đang tìm một giai điệu khác thì chúng tôi ra đến cống ngầm. Kỳ thực đó chỉ là một ống bê tông dày có đường kính một thước rưỡi, mực nước chừng hai mươi phân. Dọc dòng chảy bám đầy những đám nhờn trông như rêu. Phía đầu kia lại một chuyến tàu nữa lướt qua. Tiếng tàu chạy đã rõ hơn, khá ầm ĩ, có thể nhìn thấy ánh sáng vàng thấp thoáng.

"Tại sao cống ngầm dẫn đến đường tàu?"

"Nói đúng ra đây không phải là cống ngầm", cô nói. "Ở đây nước mạch bị dẫn đến đường thoát nước của tàu điện ngầm, nhưng nó bẩn vì bị nước thải thẩm thấu vào. Mấy giờ rồi?"

"9 giờ 23", tôi nói.

Cô rút máy phát sóng khỏi váy và đổi chiếc máy đang hoạt động.

"Còn một đoạn ngắn nữa thôi, nhưng không được khinh suất, ông hiểu không? Ma đen khống chế cả mạng tàu điện ngầm. Ông nhìn thấy chiếc giày rồi chứ?"

"Tôi thấy rồi", tôi nói.

Chúng tôi đi tiếp theo dọc dòng nước trong ống bê tông. Tiếng lép nhép dưới đế giày cao su giẫm lên nước

vọng lại từ thành ống, bị át đi khi có tàu đến hoặc đi khỏi. Chưa bao giờ trong cả đời tôi, tàu điện ngầm làm tôi hạnh phúc đến thế. Nó ầm ĩ và vang vọng như chính cuộc sống, tràn ngập ánh sáng long lanh. Đủ mọi loại người lên tàu, đi làm hay đi chơi, đọc nhật trình hay xem họa báo. Tôi nhớ đến những áp phích quảng cáo sặc sỡ treo trên trần toa ở ngăn ngồi và sơ đồ các tuyến in phía trên cửa. Tuyến Ginza trong sơ đồ bao giờ cũng in màu vàng. Tôi không rõ vì sao, nhưng bao giờ cũng vàng. Nhớ đến tuyến Ginza là tôi thấy màu vàng.

Đến lối ra không còn xa nữa. Người ta bịt bằng cửa sắt, nhưng chấn song kim loại bị phá đủ cho một người chui qua. Ống bê tông đã khơi thông, các thanh kim loại bị tháo mất, chắc chắn là tác phẩm của bọn ma đen. Nhưng lần ngoại lệ này tôi biết ơn chúng. Nếu song sắt còn nguyên vẹn thì tôi sẽ không đi thêm được một bước trong khi đã thấy thế giới ngay trước mũi.

Trước lối ra hình vòm có cột đèn giao thông và một hòm gỗ vuông, chắc để đựng dụng cụ. Giữa các thanh ray là một hàng cột bê tông ám đen đứng thành khoảng cách đều đặn. Những bóng đèn ở đó tỏa ánh sáng lờ mờ trong đường hầm nhưng đủ làm mắt tôi đau nhức. Tôi ở dưới lòng đất quá lâu, mắt tôi đã hòa hợp hẳn với bóng đêm.

"Ta đợi ở đây một chốc cho đến khi mắt quen ánh sáng", cô nói. "Mười đến mười lăm phút là đủ cho ánh đèn yếu ở đây. Sau đó ta đi thêm một đoạn để quen dần với ánh sáng mạnh hơn. Không thì có nguy cơ bị lóa và không nhìn

thấy gì nữa. Cho đến lúc đó, ông đừng nhìn vào tàu chạy ngang qua, rõ chưa?"

"Rõ rồi", tôi nói.

Cô nắm cánh tay tôi dẫn đến một chỗ khô ráo. Chúng tôi ngồi xuống. Cô nắm cánh tay phải tôi bằng cả hai tay như phải dìu tôi.

Một chuyến tàu đến. Chúng tôi cúi gục đầu và nhắm tịt mắt. Đom đóm vàng nhảy múa trên mi mắt một hồi lâu, cho đến khi tiếng ồn váng tai cùng ánh sáng biến mất. Chói đến nỗi nước mắt tôi tuôn ra, chảy xuống má. Tôi lấy tay áo chùi đi.

"Không lo, sẽ hết ngay thôi", cô nói. Nước mắt cô cũng trào ra ướt mặt. "Đợi ba, bốn chuyến nữa đi qua thì mắt đủ quen sáng và ta có thể đi sát đến bến đỗ. Bọn ma đen không dám liều mạng tới đó đâu. Và ta ra được bên ngoài."

"Tôi cảm thấy chuyện này đã có lần xảy ra với tôi rồi", tôi nói.

"Chuyện gì? Chuyện ngồi đợi trong hầm tàu điện ngầm à?"

"Không, không phải, mà chuyện ánh sáng, lóa đến nỗi tôi trào nước mắt."

"Ai cũng từng có lần trải qua."

"Ý tôi không thế. Thứ ánh sáng đặc biệt. Tầm nhìn đặc biệt. Mắt tôi đã quen bóng tối quá lâu và bây giờ không chịu được sáng."

"Ông còn nhớ gì nữa không?"

"Không, nhớ mỗi chuyện ấy thôi, hết rồi."

"Chắc đó là ký ức đảo chiều", cô nói.

Cô dựa vào tôi, áp bên vú phồng lên vào cánh tay tôi. Tôi đang lạnh thấu xương bởi chiếc quần ướt, cả người tôi chỉ có chỗ ấm áp duy nhất là nơi vú cô chạm vào.

"Ông dự định làm gì khi mình ra khỏi đây không? Ông muốn đến đâu, làm gì, gặp người nào nhất định không?", cô hỏi và liếc nhìn đồng hồ trên tay tôi. "Ông còn hai mươi lăm tiếng và năm mươi phút nữa."

"Tôi muốn về nhà tắm đã. Và thay đồ. Sau đó có thể đi cắt tóc", tôi nói.

"Xong rồi vẫn còn thì giờ."

"Đến lúc ấy tôi sẽ nghĩ tiếp."

"Tôi có được đi cùng không?", cô hỏi. "Tôi cũng muốn tắm và thay đồ."

"Được thôi, tại sao không."

Chuyến tàu thứ hai về hướng Aoyama Itchome lại gần. Chúng tôi lại cúi xuống và nhắm mắt. Ánh sáng vẫn chói, nhưng nước mắt không ra nhiều nữa.

"Ông không cần cắt tóc", cô chiếu đèn pin lên đầu tôi và nói. "Vả lại, ông để tóc dài có khi hợp hơn."

"Tôi không ưa tóc dài."

"Cũng được, nhưng đúng là ông chưa cần đi cắt tóc. Ông đến đó lần cuối là bao giờ?"

"Không nhớ", tôi nói. Đơn giản là tôi quên bẵng đi. Chẳng có gì lạ, thậm chí tôi còn quên lần cuối đi tiểu là bao giờ; những gì xảy ra trước vài tuần thì với tôi là thời đồ đá.

"Ở nhà ông có quần áo gì vừa cỡ tôi không?"

"Tôi không biết. Chắc là không."

"Không sao. Sẽ ổn thôi", cô nói. "Ông cần dùng giường không?"

"Giường của tôi?"

"Để ngủ với gái gọi chẳng hạn?"

"Tôi không hẳn đã nghĩ đến chuyện đó", tôi nói. "Không, tôi không nghĩ là sẽ cần giường."

"Vậy tôi được phép ngủ ở đó chứ? Trước khi quay về chỗ ông tôi, tôi muốn nghỉ ngơi một chút."

"Tùy cô. Nhưng bọn ký hiệu sư và Hệ thống có thể đột nhập bất cứ lúc nào. Dạo này tôi là người của công chúng, cô biết rồi đó. Và nhà tôi không có cửa."

"Tôi không ngại", cô nói.

Có thể cô ta không ngại chuyện đó thật, tôi nghĩ. Mỗi người một kiểu.

Chuyến tàu thứ ba từ phía Shibuya sầm sập lao qua. Tôi nhắm mắt và đếm chầm chậm. Đếm đến mười bốn thì toa cuối cùng đi qua. Mắt tôi hầu như không nhức nữa.

Cô thả tay tôi ra và đứng dậy. "Ta đi chứ."

Tôi cũng nhỏm dậy đi theo cô dọc đường ray về phía Aoyama Itchome.

30

Hố

Sáng hôm sau tôi thức dậy và toàn bộ sự việc trong rừng dường như chỉ là một giấc mơ. Nhưng nó không thể là một giấc mơ. Cây đàn cũ kỹ nằm trên bàn kia, bé nhỏ và cuộn tròn như một sinh vật nhỏ bị thương. Mọi thứ đều thật: cánh quạt được đẩy bởi sức gió thổi từ lòng đất sâu, viên quản lý trẻ với khuôn mặt bất hạnh và bộ sưu tập nhạc cụ.

Trong đầu tôi còn văng vẳng một âm thanh dị biệt lạ lùng. Tựa như có gì đó liên tục thúc vào trong sọ. Một vật mỏng mảnh không ngừng chọc và lách vào. Nhưng đầu tôi không đau, thậm chí còn tỉnh táo hiếm thấy, trừ tiếng động phi thực ấy.

Vẫn nằm trên giường, tôi ngó quanh trong phòng nhưng không phát hiện điều gì thay đổi, hoàn toàn không. Trần nhà, bốn bức tường, sàn gỗ mòn vẹt, tấm màn che cửa sổ - tất thảy vẫn như mọi hôm. Chiếc phong cầm nằm trên bàn. Măng tô và khăn quàng treo trên tường. Găng tay nhét

trong túi măng tô.

Tôi lần lượt duỗi tay duỗi chân. Lành lặn cả. Mắt cũng chẳng đau. Tất cả đều bình thường.

Mặc dù vậy, tiếng động mỏng mảnh vẫn ngọ nguậy trong đầu tôi một cách ngoan cố và không theo quy luật nào cả. Nó từ đâu ra vậy? Tôi dỏng tai lắng nghe nhưng không xác định được nó tới từ hướng nào. Có lẽ tiếng động này sinh ra ngay trong đầu tôi.

Tôi thận trọng đứng dậy và nhìn ra cửa sổ. Rốt cuộc tôi cũng nhận ra nguồn gốc: đó là tiếng xẻng sục vào nền đất đóng băng. Trên bãi đất ngay dưới cửa sổ phòng tôi, ba ông già đang đào một hố lớn. Không khí lạnh lẽo khiến tiếng xẻng chọc xuống đất nghe khác đi và làm nhiễu thính giác của tôi.

Đồng hồ chỉ gần mười giờ. Tôi chưa bao giờ ngủ dậy muộn như vậy! Tại sao ông đại tá không đánh thức tôi? Cho đến nay, đúng chín giờ hằng ngày là ông đứng trước cửa với chiếc khay để thức tôi dậy cùng ăn sáng. Ngoại lệ duy nhất là lần tôi bị sốt.

Tôi đợi đến mười rưỡi, nhưng ông đại tá không xuất hiện. Tôi vào bếp lấy bánh mì và đồ uống rồi quay về phòng ăn sáng một mình. Nhưng không thấy ngon miệng - hình như sau một thời gian tôi đã quen ăn cùng người khác. Tôi chỉ ăn hết nửa chỗ bánh mì, cất phần còn lại cho bầy thú. Sau đó tôi quấn măng tô quanh người, ngồi trên giường đợi lò sưởi làm ấm căn phòng lên đôi chút.

Tiết trời ấm áp đến khó tin của hôm qua đã biến mất

sau một đêm, không khí trong phòng lạnh cắt da cắt thịt như mỗi sáng sớm. Bên ngoài tuy không có gió mạnh nhưng phong cảnh hoàn toàn đã là mùa đông. Từ dãy núi phía bắc cho đến khu rừng rậm phía nam, mây tuyết nặng trĩu che phủ bầu trời.

Bốn ông già vẫn đào cái hố trên bãi đất ngay dưới cửa sổ phòng tôi.

Bốn ông?

Lúc nãy khi nhìn ra ngoài, rõ ràng tôi chỉ thấy ba. Ba ông già đào đất bằng xẻng. Nhưng bây giờ họ là bốn người. Chắc là có thêm một người nhập bọn. Cũng không có gì lạ. Ở khu công chức nhan nhản người già. Bốn ông đứng bốn góc và đào dưới chân mình. Thỉnh thoảng gió luồn xuống dưới áo khoác và thổi tung lên, nhưng các ông già có vẻ không đếm xỉa đến cái lạnh. Họ vẫn chọc xắn đất không mệt mỏi, má đỏ au. Thậm chí một ông nóng quá phải cởi áo khoác ra. Nó treo trên cành cây như da rắn lột và phấp phới trong gió.

Trong phòng đã đủ ấm. Tôi ra bàn ngồi, nâng chiếc phong cầm lên, từ từ kéo dãn hộp gió ra rồi lại đẩy vào. Giờ đây ngồi trong phòng riêng và có đủ yên tĩnh ngắm nghía tôi mới thấy nó tinh xảo nhiều hơn so với ấn tượng ban đầu trong rừng. Nút bấm và hộp gió tuy đã bạc màu nhưng lớp sơn phủ trên vỏ gỗ không bị tróc chỗ nào, và những đường vân trang trí tuyệt đẹp màu diệp lục vẽ trên đó chưa hề bị sây sát. Có thể coi đó là một tác phẩm nghệ thuật chính cống. Như tôi đoán trước, hộp gió cứng quèo

và khó đóng mở, nhưng không ảnh hưởng lắm khi chơi. Rõ ràng nó đã nằm vạ vật một thời gian dài và không có tay ai chạm vào. Người nào đã chơi nó ngày xưa? Nó trôi dạt ra sao trước khi đến đây? Tôi không thể mường tượng ra. Một câu đố hiểm hóc.

Không chỉ vì các họa tiết trang trí mà tôi đâm ra nghi ngờ công dụng của cây đàn. Nó quá bé. Ép lại, nó đút vừa khít vào túi áo măng tô. Tuy vậy tác dụng âm nhạc và biểu diễn của nó không vì thế mà bị ảnh hưởng chút nào. Chiếc phong cầm đáp ứng mọi yêu cầu đối với một chiếc phong cầm.

Tôi kéo đẩy vài lần cho đến khi nhớ được các đặc điểm của hộp gió. Sau đó tôi lần lượt thử bấm các nút bên phải và đồng thời ấn các nút trầm bên phần đệm. Tôi lướt qua các nốt một lượt, sau đó lắng nghe tiếng động ngoài trời.

Tôi vẫn nghe thấy tiếng các ông già đào hố. Tiếng chọc và xúc của bốn cái xẻng theo một nhịp điệu chuệch choạc và phi lý vẳng đến tận phòng tôi một cách rõ rệt đến khó tin. Thỉnh thoảng gió lay cửa sổ bần bật. Ngoài kia tôi thấy sườn đồi lác đác đọng vài mảng tuyết. Tôi không rõ các ông ấy có nghe tiếng phong cầm không. Có lẽ không. Tiếng đàn rất khẽ, và ngược chiều gió thổi.

Đã lâu lắm rồi kể từ khi tôi chơi phong cầm lần cuối, đó là một chiếc ắc cooc đê ông hiện đại có phím. Do vậy mất khá nhiều thời gian và nỗ lực tôi mới quen được cấu trúc kiểu cổ và cách sắp xếp các nút bấm. Vì phải bố trí tất cả các nút bấm trên một diện tích nhỏ nhất nên chúng khá

nhỏ và nằm sát sạt vào nhau. Có thể dùng cho một đứa trẻ hay phụ nữ thì được, nhưng đối với một người đàn ông trưởng thành như tôi thì nhấn được các nút này là cả một nghệ thuật. Thêm vào đó phải tìm được một nhịp phù hợp để kéo và đẩy hộp gió một cách hiệu quả.

Mặc dù thế, sau một đến hai tiếng tôi đã tìm được các nút cần thiết vào đúng thời điểm cần thiết và chơi được mấy hợp âm chính xác. Nhưng tôi không thể nhớ ra một giai điệu nào. Tôi nhấn nút này nút nọ và cố tạo ra một giai điệu, nhưng kết quả chỉ là một hàng dài các âm thanh vô nghĩa và không đem lại cho tôi ý tưởng nào. Thỉnh thoảng một hàng âm thanh đưa tôi lại rất gần mong đợi: tôi nghĩ, ngay bây giờ, ngay bây giờ tôi sẽ nhớ ra, nhưng tất cả lại vuột khỏi tay tôi và tan biến vào không khí.

Tôi có một cảm giác lờ mờ rằng tiếng xẻng của mấy ông già cũng là một trong những lý do khiến tôi không tìm ra giai điệu. Dĩ nhiên không phải lý do duy nhất, nhưng tiếng chọc và xúc làm tôi rối trí và phá hỏng mọi cố gắng tập trung tư tưởng. Lúc trước chỉ thiếu chút nữa là tôi tin rằng mấy ông già ngồi ngay trong đầu tôi và đào hố trong đó, vì tiếng động phát ra từ công việc của họ làm tôi chói tai. Họ đào mãi không thôi, và cái hố trong đầu tôi cũng ngày một lớn hơn.

Gần trưa thì gió nổi lên mạnh hơn, và tuyết bắt đầu lác đác len vào. Những bông tuyết trắng tuy nhỏ nhưng cứng như đá, chúng va cành cạch vào cửa kính và rơi loạn xạ lên bậu cửa sổ, để rồi sau chốc lát lại bị gió cuốn đi mất.

Chúng vẫn chưa nằm lại đó, nhưng chẳng mấy chốc sẽ chồng chất lên nhau, ngày càng nhiều bông tuyết ẩm hơn, dày hơn và mềm hơn rơi xuống. Lần nào cũng thế, theo đúng trình tự ấy. Và cuối cùng mặt đất sẽ choàng một chiếc áo dài trắng: tuyết đóng băng luôn là lời báo trước cho một trận tuyết rơi dày.

Có vẻ như mấy ông già ngoài kia không đếm xỉa gì lắm đến thời tiết; họ vẫn đào tiếp, tựa như đã biết trước có tuyết rơi. Không ai trong họ ngước nhìn lên trời, không ai thả xẻng xuống, không ai nói một lời. Thậm chí chiếc áo khoác vẫn vắt trên cành và bị gió đánh phần phật.

Bây giờ bên ngoài có sáu ông già. Trong hai người mới đến, một người đem chiếc cuốc và người kia có xe cút kít. Người cầm cuốc đứng dưới hố và phá vỡ nền đất cứng, người có xe cút kít xúc chỗ đất dồn đống bên thành hố lên xe và đẩy ra đổ ở bờ dốc. Ngay cả tiếng gió hú điên cuồng cũng không át nổi tiếng cuốc xẻng.

Tôi chấm dứt cuộc vật lộn với âm nhạc, đặt đàn lên bàn và ra cửa sổ quan sát các ông già làm việc một lúc. Họ không có người chỉ huy thì phải, tất cả làm việc bình đẳng cạnh nhau, không ai ra chỉ thị hay mệnh lệnh. Ông cầm cuốc đập vụn nền đất cứng rất gọn gàng và hiệu quả, bốn người xúc đất khỏi hố, còn người có xe cút kít im lặng đẩy đi đổ ở bờ dốc.

Nhưng khi ngắm cái hố thì tôi sinh ra ngờ vực. Để chứa rác thì nó to quá mức cần thiết, vả lại khi tuyết sắp rơi mạnh thì tuyệt đối không có ý nghĩa gì. Chắc nó phải có

một mục đích nào khác. Tuy nhiên tuyết vẫn sẽ rơi vào và sáng mai hố sẽ bị lấp đầy tuyết. Mấy ông già cũng nhìn thấy mây, và họ phải ý thức được điều đó chứ! Giờ thì tuyết đã tới chân rặng núi phía Bắc, cả khối đá hùng vĩ biến mất sau một bức tường tuyết và sương mù.

Tôi suy đi nghĩ lại vấn đề này song vẫn không thể nhận ra ý nghĩa công việc của mấy ông già. Rốt cuộc tôi kệ họ, quay về ngồi trước lò sưởi và nhìn đăm đăm vào than hồng. Có lẽ tôi sẽ chẳng bao giờ nhớ ra một bài hát nào nữa, có hay không có nhạc cụ cũng vậy. Người ta có thể xếp các nốt nhạc cạnh nhau, bao lâu tùy thích - không có giai điệu thì chúng chỉ là một dãy âm thanh không hơn không kém. Và chiếc phong cầm trên bàn đã và sẽ chỉ là một *đồ vật* xinh xắn. Đột nhiên tôi thấu hiểu ý câu nói của viên quản lý nhà máy điện: "Người ta không cần chơi nhạc cụ, đơn giản là chúng rất đẹp, để chiêm ngưỡng."

Tôi nhắm mắt và lắng nghe tiếng những bông tuyết gõ vào cửa sổ.

Đến giờ ăn trưa thì mấy ông già cũng thôi đào và biến vào nhà. Cuốc xẻng họ vứt lại trên nền đất.

Tôi ngồi trên ghế trước cửa sổ và ngó xuống cái hố cô đơn. Có tiếng gõ cửa, ông đại tá ở phòng bên bước vào. Như mọi khi, ông khoác chiếc măng tô dày và đội mũ làm việc, lưỡi trai kéo sụp xuống mắt. Cả mũ lẫn măng tô vương đầy tuyết.

"Tôi đoán là đến tối chúng ta sẽ ngập trong tuyết",

ông nói. "Tôi lấy đồ ăn trưa nhé?"

"Vâng, cảm ơn", tôi nói.

Sau mười phút ông quay về với một cái nồi và đặt nó lên bếp. Sau đó, như một động vật giáp xác lột vỏ, ông cực kỳ tỉ mẩn trút bỏ mũ, măng tô và găng tay. Rồi ông lấy ngón tay vuốt lại mái tóc xơ xác, ngồi xuống ghế và thở dài. "Xin lỗi, tôi không đến ăn sáng được", ông nói. "Sớm nay lắm việc quá, chẳng có thì giờ ăn nữa."

"Ông vừa đào hố phải không?"

"Hố? À, cậu nói đến cái hố ấy à. Đó không phải việc của tôi. Không phải là tôi không thích, nhưng...", ông đại tá nói và cười ngập ngừng. "Không, tôi có công việc trong thành phố."

Thức ăn đã nóng. Ông chia ra hai đĩa và đặt lên bàn. Xúp rau với mì. Ông xúc một thìa đầy, thổi và khoái trá đút vào miệng.

"Cái hố ngoài kia để làm gì?", tôi hỏi ông đại tá.

"Chẳng để làm gì cả", ông vừa nói vừa đưa thìa tiếp theo lên mồm. "Họ đào hố để mà đào. Xét như vậy thì đó là cái hố sạch nhất."

"Tôi không hiểu."

"Cực đơn giản: họ *muốn* đào hố, vậy thì họ đào hố. Không có lý do nào khác."

Tôi cắn bánh mì và suy ngẫm thế nào là cái hố sạch nhất.

"Họ thỉnh thoảng lại đào một hố, thế thôi", ông già nói. "Về nguyên tắc không khác gì với việc chơi cờ của tôi. Không có nghĩa gì, và không có mục đích gì. Nhưng không

sao. Không ai cần lý do, vì không ai muốn đạt được mục đích gì cả. Tất cả chúng ta ở đây nói đúng ra là đang đào những cái hố vì chính nó, mỗi người một cách riêng. Hành động không cần cứu cánh, nỗ lực không cần tiến bộ, những bước đi không cần đích - có tuyệt vời không nào? Không ai thiệt gì, và không ai làm người khác thiệt. Không ai vượt lên, và không ai bị vượt. Không chiến thắng, nhưng cũng không thất bại."

"Dần dần tôi hiểu ý ông."

Ông sĩ quan già gật đầu lia lịa, quay lại với món xúp rau và ăn nốt thìa cuối cùng.

"Có thể cậu không hiểu vài thứ ở thành phố này. Nhưng chúng tôi thấy đúng. Đúng đắn, yên lành và trong sáng. Rồi một lúc nào đấy cậu sẽ hiểu ra - ít nhất thì tôi mong như vậy. Tôi từng là lính lâu năm, và tôi không hối hận. Đó là một cuộc sống tốt. Đôi khi hôm nay tôi còn nhớ lại mùi thuốc súng và máu, ánh lấp lánh của lưỡi lê, hồi kèn gọi xung trận. Nhưng những thứ thúc đẩy chúng tôi ra chiến trường ngày đó - đại loại như danh dự, yêu nước, hiếu chiến hay căm thù - thì tôi chỉ còn nhớ lơ mơ. Có lẽ bây giờ cậu đang sợ đánh mất tâm hồn mình. Ngày xưa tôi cũng từng sợ. Người ta không việc gì phải xấu hổ." Đến đây ông đại tá ngừng lời và đăm đăm nhìn ra xa một lúc như cố tìm câu chữ thích hợp. "Nhưng có một điều cậu luôn phải suy nghĩ: nếu cậu chia tay với tâm hồn thì sẽ nhận được sự bình an. Một sự bình an sâu sắc như cậu chưa bao giờ được tận hưởng trong đời."

Tôi im lặng gật đầu.

"À, khi vào thành phố tôi nghe nói về bóng cậu", ông đại tá nói trong khi quẹt đĩa bằng bánh mì. "Nghe nói càng ngày nó càng ốm. Ăn gì cũng nôn ra hết ngay. Ba hôm nay nó không ra khỏi giường dưới tầng hầm rồi. Có lẽ nó không còn nhiều thời gian nữa đâu. Bất cứ khi nào có điều kiện thì cậu hãy đến thăm nó. Tôi tin là nó nhất định muốn gặp cậu một lần nữa."

"Tất nhiên tôi sẽ gặp nó", tôi nói. "Nhưng liệu ông gác cổng có cho phép không?"

"Bóng cậu đã một chân dưới mộ. Trong tình huống đó người ta có quyền được gặp bóng của mình. Có hẳn quy định về chuyện đó. Thành phố coi cái chết của bóng là một sự kiện trọng đại, ý kiến của ông gác cổng không quan trọng, ông ta không được phép phản đối. Và cũng chẳng có lý do gì mà phản đối."

"Vậy tôi sẽ lên đường ngay", tôi nói sau một lát chờ đợi.

"Tốt. Tôi biết là cậu sẽ làm thế", người lính già nói. Ông tiến đến bên tôi và vỗ vai. "Đi luôn bây giờ thì hơn, kẻo tối đến tuyết sẽ rơi dày. Muốn nói gì thì nói, bóng là cái ở gần người ta nhất. Hãy ở bên nó giờ phút cuối cùng để sau này cậu không có gì phải tự trách mình. Hãy giúp nó ra đi bình yên. Không đơn giản, nhưng đó là việc tốt nhất cho cậu."

"Vâng, tôi biết", tôi vừa nói vừa mặc măng tô và quấn khăn kín cổ.

31

Rào Chắn, Police, Hóa Chất

Từ cuối ống bê tông đến bến tàu điện ngầm Aoyama Itchome không xa lắm. Chúng tôi đi dọc đường ray; mỗi khi có tàu lại gần, chúng tôi nép vào sau các cột chống. Lần nào chúng tôi cũng nhìn vào các toa, nhưng không ai trong số các hành khách nhìn ra chỗ chúng tôi. Người đi tàu điện ngầm không nhìn ra cửa sổ. Một số đọc báo, số khác đứng hoặc ngồi vẩn vơ. Tàu điện ngầm đối với họ chỉ là một phương tiện giao thông đô thị dễ chịu và hiệu quả. Không ai vui mừng nhảy cẫng lên khi đi tàu cả.

Tàu không đông lắm. Ít ai đứng. Giờ cao điểm qua rồi, tuy nhiên tôi vẫn nhớ tuyến Ginza lúc mười giờ sáng tấp nập hơn nhiều.

"Hôm nay là thứ mấy?", tôi hỏi cô gái.

"Tôi không rõ. Tôi không bao giờ chú ý chuyện đó", cô nói.

"Nếu là ngày làm việc thì tàu khá vắng", tôi ngờ vực. "Có thể hôm nay là Chủ nhật."

"Nếu Chủ nhật thì sao?"

"Chẳng sao cả. Chủ nhật là Chủ nhật thôi", tôi nói.

Đi trên đường ray dễ hơn tôi tưởng. Rộng rãi, chẳng có gì vướng chân, không có đèn giao thông lẫn ô tô. Không có trạm thu phí đường lẫn người say rượu. Hàng đèn nê ông trên tường chiếu đủ sáng, quạt gió làm thoáng khí. So với mùi ẩm mốc mà chúng tôi hít thở ban nãy thì không có gì đáng phàn nàn cả.

Trước tiên chúng tôi để chuyến Ginza đi qua, sau đó đến một chuyến đi Shibuya. Bây giờ đã tới gần bến Aoyama Itchome. Chúng tôi ngó ra bóng tối của một cột chống để đánh giá tình hình trên sân ga. Quan trọng nhất là không bị nhân viên đường sắt bắt gặp, vì tôi không biết phải giải trình ra sao. Cuối sân ga có một bậc tam cấp. Rào chắn bằng gỗ thì dễ nhảy qua, vấn đề duy nhất chỉ là tránh không để người của nhà ga nhìn thấy.

Từ chân cột chúng tôi quan sát một chuyến tàu từ Shibuya vào bến, dừng lại, mở cửa nhả hành khách ra, để khách mới lên và đóng cửa lại. Chúng tôi thấy người soát vé xuống tàu và quan sát mọi người lên xuống, sau đó đóng cửa và phát tín hiệu khởi hành. Tàu rời bến là các nhân viên nhà ga cũng biến đâu mất. Trên sân ga đối diện không thấy bóng ai cả.

"Đi nào!", tôi nói. "Không chạy, đi bình thường như không có gì xảy ra kẻo người ta sinh nghi."

"Rõ", cô gái nói.

Chúng tôi rời bóng cột, rảo chân đi đến bậc tam cấp,

trèo lên và thản nhiên leo qua bục gỗ một cách thành thạo như vẫn làm việc đó hằng ngày. Vài người ngạc nhiên nhìn chúng tôi; chắc họ tự hỏi bọn tôi là loại người nào. Chúng tôi trông không giống nhân viên đường sắt. Lem luốc. Quần tôi và váy cô ướt nhẹp. Tóc tai rối bù. Ánh đèn khiến nước mắt chảy ra. Trông không thể là nhân viên đường sắt rồi. Nhưng có ai chui vào hầm đường tàu điện ngầm cho vui không?

Trước khi mọi người nghĩ tiếp, chúng tôi cố đi nhanh đến rào chắn. Chợt tôi nghĩ ra là chúng tôi không có vé tàu.

"Cứ nói là mình bị mất vé và bây giờ muốn trả tiền", cô gái nói.

Tôi nói với người đàn ông ở rào chắn là chúng tôi bị mất vé.

"Ông đã tìm kỹ lại chưa?", anh ta nói. "Ông thử xem lại trong túi!"

Chúng tôi tìm hết các túi. Người đàn ông nhìn tôi đầy ngờ vực.

Tôi nói là mất thật rồi.

"Ông lên tàu ở bến nào?"

Tôi nói ở Shibuya.

"Ông đã trả bao nhiêu tiền vé từ Shibuya đến đây?"

Tôi bảo là không nhớ. "120 hay 140 Yên, đại khái chừng ấy."

"Ông không nhớ rõ à?"

"Tôi mải suy nghĩ chuyện khác", tôi nói.

"Ông lên tàu ở Shibuya thật không?"

"Đây là sân ga cho các chuyến từ Shibuya mà! Chúng tôi còn đến từ đâu nữa?", tôi vặc lại.

"Người ta cũng có thể đi từ sân ga khác qua đây. Và tuyến Ginza rất dài, đúng không ạ? Ví dụ người ta có thể đi tuyến Tozai từ Tsudanuma đến Nihombashi rồi chuyển tàu về đây!"

"Tsudanuma?"

"Ví dụ thôi", người đàn ông ở rào chắn nói.

"Đi từ Tsudanuma thì giá vé bao nhiêu? Tôi trả hết. Được chưa?"

"Ông lên tàu ở Tsudanuma à?"

"Không", tôi nói. "Tôi chưa đến Tsudanuma bao giờ."

"Tại sao ông định trả tiền vé từ Tsudanuma đi Aoyama Itchome?"

"Vì anh nói thế."

"Tôi chỉ nói là *ví dụ* thôi, đúng không?"

Chuyến tàu tiếp theo vào bến, chừng hai chục khách xuống tàu và đi qua rào chắn ra ngoài. Tôi nhìn theo họ. Không ai đi ra mà không có vé cả. Chúng tôi lại thương lượng từ đầu.

"Vậy tôi phải trả tiền vé từ đâu? Anh tính bao nhiêu là đủ?", tôi hỏi.

"Tính từ bến mà ông lên tàu", nhân viên nhà ga nói.

"Shibuya, tôi đã nói rồi!", tôi nói.

"Nhưng ông không nhớ đã trả bao nhiêu tiền!"

"Ai đi nhớ tiền vé làm gì", tôi nói. "Hay anh còn nhớ một tách cà phê ở tiệm McDonald's giá bao nhiêu?"

“Tôi không uống cà phê của McDonald’s”, người đàn ông nói. “Chỉ tổ phí tiền.”

“*Ví dụ* thôi”, tôi nói. “Những chuyện vặt vãnh ai nhớ làm gì!”

“Ai đánh mất vé cũng muốn trả càng ít càng tốt. Ai cũng đến chỗ rào chắn từ phía này. Ai cũng lên tàu ở Shibuya. Ai cũng thế!”

“Tôi đã nói là anh tính bao nhiêu cũng được cơ mà. Anh nghĩ là tôi lên tàu ở đâu?”

“Làm sao tôi biết được?”

Để chấm dứt vụ tranh cãi vô vọng này, tôi đưa tờ 1.000 yên và cứ thế đi ra. Chúng tôi nghe anh ta gọi với theo sau lưng nhưng không bận tâm. Thế giới sắp tàn lụi, việc gì tôi phải quan tâm đến một hay hai vé tàu. Đằng nào thì tôi cũng chẳng mấy khi đi tàu điện ngầm.

Bên ngoài mưa. Mưa phùn. Đất và cây cối ướt đẫm. Hình như trời mưa cả đêm. Mưa làm tôi hơi buồn. Hôm nay là ngày cuối cùng, ngày vàng bạc của tôi. Tôi không thích mưa. Tôi thích một, hai ngày nắng. Sau đó cứ việc mưa cả tháng, mưa như trong tiểu thuyết của J.G. Ballard cũng được. Tôi muốn nằm lăn ra cỏ trong nắng ấm, nghe nhạc và uống một lon bia lạnh. Tôi có đòi hỏi gì quá đáng đâu?

Trông không có vẻ sắp ngớt mưa. Bầu trời giăng kín những đám mây xám đục như quấn nhiều lớp nylon giữ tươi thực phẩm, mưa phùn vẫn không ngừng rơi. Tôi tính mua một tờ báo để xem thời tiết, nhưng muốn thế thì phải

đi cả quãng đường ngược về ki ốt trong ga tàu điện ngầm và biết đâu lại phải cãi vã vô vọng với tay nhân viên ở rào chắn. Vậy thì không cần báo nữa. Ngày hôm nay bắt đầu không suôn sẻ lắm. Và tôi vẫn chưa biết hôm nay là thứ mấy.

Mọi người đều che ô. Tôi và cô gái là hai người duy nhất không có. Chúng tôi trú vào một mái hiên và nhìn đăm đăm ra ngoài, tựa như trước mắt chúng tôi là tàn tích của ngôi đền cổ Akropolis. Từng đoàn ô tô đủ màu sắc chạy ngang qua ngã tư ướt át. Khó có thể tưởng tượng ra ở sâu dưới chân chúng tôi lại là thế giới ma đen khủng khiếp.

"May mà mưa", cô nói.

"Tại sao?"

"Có mặt trời sẽ quá chói và mình không ra ngoài được ngay. Thế này hơn, đúng không?"

"Tùy cách nhìn của từng người", tôi nói.

"Mình làm gì bây giờ?"

"Kiếm thứ gì nóng để uống đã. Sau đó về nhà và tắm."

Chúng tôi vào cửa hàng bách hóa gần nhất và gọi ở quầy bánh mì sát cửa ra vào hai chén xúp kem ngô và một bánh kẹp trứng giăm bông. Cô bán hàng sau quầy thoáng giật mình khi thấy bộ dạng lem luốc của chúng tôi, nhưng sau đó lại nghiêm chỉnh như không có gì xảy ra: "Hai chén xúp kem ngô và một bánh kẹp trứng giăm bông phải không ạ?"

"Đúng thế", tôi nói và hỏi thêm: "Hôm nay là thứ mấy?"

"Chủ nhật", cô phục vụ nói.

"Thấy chưa, tôi đã nói mà!", tôi quay sang cô gái mũm mĩm.

Trong khi đợi họ đi lấy xúp và bánh, tôi giết thì giờ bằng tờ *Sports Nippon* của ai đó vứt lại ở bàn bên cạnh. Tôi không tin là đọc báo thể thao có ý nghĩa, nhưng còn hơn là không đọc gì. Báo đề ngày Chủ nhật, ngày 2/10. Trong đó không có mục thời tiết, nhưng nói chi tiết về tình hình mưa trong mục đua ngựa. Tối nay dự tính sẽ đỡ mưa, nhưng cũng chẳng ích gì cho những trận đua cuối cùng. Nền đất ở các bãi đua lớn rất tồi. Ở sân bóng chày Jingu đội Yakult thua đội Chunichi 2:6. Không thấy đả động đến ổ ma đen ngay dưới sân vận động.

Cô bạn đồng hành mập của tôi muốn xem mấy trang cuối. Tôi gỡ ra đưa cô. Thì ra cô quan tâm đến bài báo "Uống tinh trùng có làm đẹp da?". Bài báo là *chuyện thật kể lại* của một phụ nữ: "Bị nhốt vào cũi và hãm hiếp!". Làm thế nào để hãm hiếp một phụ nữ bị nhốt trong cũi được nhỉ? Tôi không rõ. Có lẽ phải vận dụng một phương pháp đặc biệt, nhưng nhất định rất vất vả. Tôi xin hàng.

"Ông có thích người ta uống tinh trùng của ông không?", cô hỏi tôi.

"Thế nào cũng được", tôi đáp.

"Ông xem người ta viết đây này: 'Đa số đàn ông thích phụ nữ uống tinh trùng của mình khi được kích thích bằng miệng. Họ coi đó là sự khẳng định rằng người phụ nữ đó đã hoàn toàn chấp nhận mình. Vừa là một dạng nghi thức, vừa là một minh chứng.'"

"Tôi không hiểu", tôi nói.

"Đã có ai uống của ông chưa?"

"Tôi không nhớ. Hình như không."

"Hừm", cô nói và đọc tiếp.

Tôi đọc bảng xếp hạng cầu thủ bóng chày của các giải Central và Pacific.

Thức ăn được đưa đến. Ngon, nhưng không rõ thứ gì ngon. Tôi thở dài một hơi não nuột, đại diện cho tất cả những hơi thở dài quây tụ trong người. Không phải ngày nào trong đời cũng thở dài được não nuột như vậy.

Chúng tôi ra khỏi cửa hàng và tìm taxi. Lâu lắm mới có một chiếc chịu dừng lại - trông chúng tôi quá bẩn thỉu. Lái xe là một thanh niên tóc dài, bên ghế lái phụ một chiếc đài cát xét to đùng đang phát ầm ầm nhạc của Police. Tôi phải hét lên để anh ta nghe được điểm đến và thả mình xuống ghế sau.

"Sao hai người bẩn thế?", người lái nhìn vào gương chiếu hậu.

"Chúng tôi vừa ẩu đả một trận kinh hồn trong mưa", cô gái đáp.

"A, hơi bị hoành tráng đấy!", người lái nói. "Trông hai người gớm ghiếc quá. Anh có một vết bầm ở cổ nữa kìa!"

"Biết rồi", tôi nói.

"Nhưng không sao, tôi chơi tất."

"Tại sao?", cô gái mũm mĩm hỏi.

"Tôi chỉ cho khách trẻ thích nhạc Rock lên xe. Họ sạch hay bẩn cũng được. Tôi chỉ cần nhạc thôi. Hai người thích Police chứ?"

"Thích", tôi trả lời như anh ta muốn nghe.

"Trung tâm điều hành không muốn tôi chơi thứ nhạc quỷ quái này. Họ bảo tôi vặn radio, chương trình nhạc trẻ. Rõ là một lũ ấm đầu! Matchi? Seiko Matsuda? Quên khẩn trương! Police mới là đỉnh. Tôi nghe cả ngày không chán. Nhạc Reggae[1] cũng ổn. Hai người thấy Reggae thế nào?"

"Không dở", tôi nói.

Hết băng Police người lái xe đút băng của Bob Marley vào, thu từ một live show. Trên xe đầy cát xét. Tôi kiệt quệ, mệt mỏi, rét run, chân tay rã rời - không phải tâm trạng lý tưởng để tận hưởng nhạc. Nhưng chúng tôi còn gặp may được anh ta cho lên xe. Từ ghế sau, tôi quan sát anh ta vừa lái xe vừa lắc lư theo nhịp Reggae.

Khi xe đỗ trước cửa nhà, tôi trả tiền, xuống xe và bo thêm một nghìn: "Để mua băng cát xét mới!"

"Tuyệt quá, rất cảm ơn!", anh ta nói. "Hai người muốn đi lúc nào với tôi cũng được!"

"Ừ, có thể", tôi nói.

"Mười, mười lăm năm nữa biết đâu đa số taxi đều vặn nhạc Rock. Thế mới gọi là khủng!"

"Chính thế", tôi nói.

Nhưng tôi không tin lắm. Jim Morrison đã chết được mười lăm năm, và chưa bao giờ tôi được nghe The Doors trong taxi. Có thứ thay đổi trong thế giới này, có thứ không. Nhưng những thứ gì không thay đổi thì sẽ chẳng bao giờ

1. Một loại nhạc của Jamaica, với nhịp vừa. Nhạc rock, nhạc soul đều chịu ảnh của loại nhạc này.

thay đổi nữa. Trong đó có nhạc trên taxi. Siêu thị không bao giờ ngừng phát nhạc của Raimond Lefebve Orchestra, quán bia chơi Polka, và từ giữa tháng Mười một trở đi vào các cửa hàng bách hóa chỉ nghe thấy nhạc mừng Giáng sinh.

Chúng tôi đi thang máy lên tầng. Cửa vào căn hộ của tôi vẫn tung khỏi bản lề, nhưng ai đó đã bỏ công đẩy nó áp vào khung, thoạt nhìn cứ tưởng như cửa đang đóng. Tôi không biết ai làm, nhưng chắc chắn đây là một việc tốn công sức và thời gian. Như một người tiền sử đẩy tảng đá khỏi cửa hang, tôi đẩy tấm cửa sắt từng phân một ra để cô gái vào nhà. Từ bên trong tôi đẩy cửa kín lại để không ai nhìn được vào phòng và cẩn thận chốt dây xích bảo hiểm.

Phòng tôi được dọn dẹp ngăn nắp, khiến tôi trong một thoáng tưởng là cảnh tàn phá chỉ do mình tưởng tượng ra. Bàn ghế bị lật đổ, nay lại trở về vị trí cũ. Thức ăn vung vãi trên sàn nhà đã được dọn đi sạch sẽ. Mảnh thủy tinh và chén bát bị đập vỡ giờ biến mất. Sách vở đứng trên giá, đĩa hát xếp ngay ngắn, quần áo treo trong tủ. Bếp, nhà tắm và phòng ngủ sạch long lanh, không có gì lộn xộn cả.

Nhưng nhìn kỹ thì vẫn thấy khắp nơi dấu vết của sự tàn phá. Màn hình vô tuyến bị đập vỡ để lại một lỗ đen toang hoác. Tủ lạnh trống trơn và không chạy. Những quần áo bị cắt nát không còn đấy nữa, phần còn lại treo trong tủ thì chỉ cần một túi du lịch nhỏ là chứa đủ. Trong tủ bếp còn sót vài cái ly và đĩa. Đồng hồ treo tường đứng im. Không dụng cụ điện nào còn hoạt động nữa. Ai đó đã dọn đi tất cả những gì không dùng được nữa. Nhà tôi như được vứt bớt

đồ thừa và rộng rãi hẳn ra. Có thể thiếu vài thứ cần thiết, song đối với tôi bây giờ có gì là thực sự cần thiết nữa đâu?

Tôi kiểm tra máy nước nóng trong buồng tắm. Máy còn tốt. Tôi xả nước vào bồn. Xà phòng, dao cạo râu, bàn chải răng, khăn tắm, tất cả còn nguyên và vòi sen cũng hoạt động. Thậm chí áo choàng tắm của tôi cũng sống sót sau trận công kích. Nhất định trong buồng tắm cũng mất đi gì đó, tôi chỉ không biết rõ thiếu gì.

Trong khi tôi cho nước vào bồn và nhìn ngó quanh trong phòng, cô gái ngồi trong một góc và đọc *Les Chouans* của Balzac. "A, ở Pháp ngày xưa cũng có rái cá đấy", cô reo lên.

"Có gì lạ đâu?", tôi nói.

"Bây giờ có không?"

"Ai biết được."

Tôi ngồi xuống ghế trong bếp và đoán xem ai đã dọn núi rác trong nhà. Người ấy đã tốn công sức dọn dẹp kỹ lưỡng, bất kể có chủ ý gì. Có thể hai tên của Nhà máy, hoặc người của Hệ thống. Tôi không biết bọn chúng suy nghĩ gì và làm gì theo tiêu chí nào. Nhưng tôi vô cùng hàm ơn lực lượng vệ sinh bí ẩn ấy. Thấy nhà cửa ngăn nắp khi trở về là một cảm giác tuyệt vời.

Khi nước tắm đã xong, tôi vào phòng ngủ gọi cô gái đi tắm trước. Cô gập góc trang đang đọc để đánh dấu, ra bếp và thoăn thoắt cởi đồ. Nhanh và tự nhiên đến nỗi tôi chỉ còn biết ngồi dính ở mép giường và quan sát cô. Cô có một thân hình lạ, không như trẻ con mà cũng chẳng hẳn người lớn.

Người cô mập mạp, trắng như phủ đều một lớp dầu lấp lánh. Vẻ mũm mĩm của cơ thể cô cân đối đến nỗi khiến ta quên đi một giây rằng cô là người béo. Tay, đùi, gáy và bụng cô là những đường cong tuyệt mỹ và lấp lánh như da cá voi. Vú cô tương đối nhỏ nhưng cực kỳ xinh xắn, mông cô chắc lẳn.

“Tôi không xấu lắm nhỉ?”, cô nói vói từ trong bếp ra.

“Hoàn toàn không”, tôi trả lời.

“Đắp lên người chừng ấy thịt không phải đơn giản. Tôi phải ăn rất nhiều cơm lẫn đồ ăn béo và bánh ngọt đấy”, cô nói.

Tôi chỉ gật đầu.

Trong khi cô tắm, tôi thay sơ mi và cái quần ướt bằng mấy đồ còn sót lại rồi nằm trên giường nghĩ nên làm gì. Gần mười một rưỡi. Tôi còn khoảng 24 tiếng nữa. Phải lập một kế hoạch chính xác. Ngày cuối cùng của đời tôi không thể muốn ra sao thì ra.

Bên ngoài vẫn mưa. Mưa phùn nhẹ và mỏng như bụi, mắt thường khó thấy, chỉ nhận ra qua những giọt nước rỏ từ ô văng trên cửa sổ xuống. Đôi lúc có tiếng ô tô vút qua trên nền nhựa đường ướt át. Giọng trẻ con gọi í ới. Cô gái trong buồng tắm hát bài gì đó tôi không biết. Chắc tự nghĩ ra.

Mắt tôi như ríu lại trên giường nhưng tôi không được thiếp đi. Nếu tôi ngủ thì sẽ mất đi mấy tiếng đồng hồ mà không làm được việc gì. Nhưng không ngủ thì làm gì? Tôi không biết. Tôi gỡ vòng cao su trên chụp đèn cây cạnh giường, nghịch chơi một lúc rồi gắn lại chỗ cũ. Dù thế nào

cũng không ở lại trong nhà. Khoanh tay ngồi đây chẳng đem lại gì cả. Phải ra ngoài đã, rồi sẽ nghĩ làm tiếp việc gì.

Người nào chỉ còn được sống 24 giờ nữa sẽ có vô số việc phải làm, nhưng tôi không nghĩ được lấy một. Tôi lại gỡ vòng cao su ở đèn cây ra và ngoáy tròn trên ngón tay. Tôi nhớ đến tấm áp phích Frankfurt dán ở siêu thị. Trên đó thấy một dòng sông, cây cầu và mấy con thiên nga. Được đấy chứ. Chấm dứt cuộc đời ở đó không phải là một ý tưởng tồi. Nhưng thứ nhất là khó đến được Frankfurt trong vòng 24 tiếng, sau nữa, nếu có đến được thì tôi cũng không thích ngồi hơn 10 tiếng trên một chiếc ghế máy bay chật cứng và nuốt thứ đồ ăn tởm lợm trên đó. Thêm nữa là khó loại trừ khả năng Frankfurt trên ảnh đẹp hơn thành phố ngoài đời. Cuộc đời tôi không được phép chấm dứt với một thất vọng. Vậy thì bỏ mọi kế hoạch du lịch. Du lịch đòi hỏi thì giờ, và hầu hết luôn luôn không thú vị như người ta hình dung trước đó.

Rốt cuộc tôi chỉ nghĩ ra một việc: đưa một cô gái đi chơi, ăn một bữa ngon, uống chút gì. Tôi giở sổ tay tìm số điện thoại của thư viện thành phố, bấm số gọi và nhờ nối máy với cô gái ở quầy thông tin.

“A lô?”, cô cầm máy.

“Rất cảm ơn em đã kiếm cho anh mấy cuốn sách về thú một sừng hôm trước”, tôi nói.

“Em cảm ơn mới đúng, bữa ăn tuyệt vời!”, cô nói.

“Tối nay em có thích đi ăn cùng anh không?”, tôi mời cô.

"Đi ăn...", cô ngần ngừ nhắc lại. "Hôm nay em có thảo luận nhóm."

"Nhóm gì?"

"Nhóm nghiên cứu vấn đề ô nhiễm sông ngòi. Vấn đề cá chết vì xả hóa chất ra sông hay các nguyên nhân tương tự. Bọn em nghiên cứu đề tài đó. Hôm nay đến lượt em trình bày báo cáo."

"Trách nhiệm công dân mà, anh hiểu."

"Đúng thế. Mình có thể lui bữa ăn vào tối mai không? Mai là thứ Hai, ngày thư viện đóng cửa, mình sẽ dư dả thì giờ."

"Chiều mai anh không ở đây nữa. Anh không thể giải thích dài dòng qua điện thoại cho em hiểu, nhưng anh phải đi xa một thời gian, rất xa."

"Đi xa? Anh du lịch à?", cô hỏi.

"Đại khái thế", tôi nói.

"Xin lỗi, anh giữ máy một chút", cô nói. Chắc hẳn là cô phải thông tin cho một người đọc. Qua ống nghe tôi hình dung ra buổi chiều Chủ nhật ở thư viện ra sao. Một đứa bé khóc và bị bố mắng. Có tiếng gõ bàn phím máy tính. Thế giới bình yên, tất cả êm đẹp. Mọi người mượn sách của thư viện, nhân viên đường sắt quát hành khách không có vé hoặc mua nhầm vé, ở trường đua vẫn tổ chức đua ngựa khi có mưa.

"Sách thông tin về nâng cấp nhà riêng", tôi nghe tiếng cô gái giải thích, "bác tìm ở giá sách F5, có ba quyển."

Khách nói gì đó, rồi cô gái quay lại: "Xin lỗi đã bắt anh

đợi. Được, anh ạ. Em sẽ trốn thảo luận nhóm. Nhất định họ sẽ ầm ĩ lên đấy."

"Cứ đổ lỗi cho anh!"

"Không sao đâu. Đằng nào thì sông ở vùng này đã hết cá từ lâu rồi. Em hoãn báo cáo một tuần thì cũng chẳng có hại cho ai cả."

"Nghe cũng có lý", tôi nói.

"Mình đi ăn ở đâu? Ở nhà anh?"

"Không, ở nhà anh không được. Tủ lạnh hỏng, bát đĩa cũng chẳng còn mấy. Không nấu được."

"Em biết", cô nói.

"Em biết?"

"Vâng. Em dọn dẹp không sạch lắm à?"

"Thì ra em đã dọn dẹp ở đây!"

"Vâng. Em hy vọng không làm trái ý anh. Sáng nay em định đưa qua cho anh một cuốn sách, thấy cửa mở, và em đã dọn những thứ vương vãi ở đó. Do đó em đi làm hơi trễ giờ, nhưng bù lại thì hôm nọ anh đã mời em ăn. Anh không trách em chứ?"

"Không, không bao giờ", tôi nói. "Cảm ơn em!"

"Được, sáu giờ mười anh đón em ở thư viện nhé? Chủ nhật ở đây mở đến sáu giờ."

"Anh sẽ đến", tôi nói. "Và cảm ơn lần nữa!"

"Không có gì", cô nói và đặt máy.

Cô gái béo từ buồng tắm đi ra khi tôi đang tìm trong tủ mấy thứ để mặc tối nay. Tôi đưa cô khăn tắm và áo khoác ở nhà. Cô đứng trần truồng một lúc trước mắt tôi, tay cầm

khăn và áo. Cô vừa gội đầu, tóc dính ướt trên trán và má, vành tai nhọn ló ra, toòng teng đôi bông tai vàng.

"Cô không tháo bông tai khi tắm à?", tôi hỏi.

"Không bao giờ. Tôi kể với ông rồi đấy. Không tháo ra được, đỡ bị mất. Đẹp không?"

"Rất đẹp", tôi nói.

Đồ lót, váy và sơ mi của cô treo trong buồng tắm cho khô. Nịt vú hồng, quần lót hồng, sơ mi hồng phấn. Ngày cuối cùng trong đời, tôi ngồi trong bồn và không biết làm gì hơn là ngắm mấy đồ đó. Tôi rất ghét nhìn thấy đồ lót treo trong buồng tắm. Đừng ai hỏi tôi vì sao. Không ưa là không ưa.

Tôi xoa xà phòng, gội đầu thật nhanh, đánh răng và cạo râu. Sau đó tôi lau người rồi mặc quần lót và quần dài. Từ hôm qua, vết thương đã đỡ đau hẳn mặc cho mọi chuyện điên rồ mà tôi phải trải qua. Cô gái mũm mĩm ngồi trên giường, vừa sấy tóc vừa đọc Balzac. Cơn mưa ngoài kia dường như vẫn không muốn ngớt đi. Đồ lót treo trong buồng tắm, một cô gái ngả ngốn trên giường với máy sấy tóc và quyển sách, ngoài trời đang mưa - toàn những hình ảnh gợi lại ngày tôi còn có gia đình.

"Ông cần máy sấy tóc không?", cô bé hỏi.

"Không", tôi nói. Vợ tôi để nó lại đây khi bỏ tôi đi. Tôi để tóc ngắn, không cần máy sấy.

Tôi ngồi xuống giường cạnh cô, dựa đầu vào tường và nhắm mắt. Trong bóng tối sau mi mắt vô số màu sắc hiện

lên rồi biến đi. Không lạ, từ mấy hôm nay tôi không được ngủ đủ giấc. Mỗi lần nằm xuống lại có người đến thức dậy. Nhắm mắt lại là có cảm giác giấc ngủ muốn kéo tôi vào vương quốc của bóng tối. Giống như những con ma đen, nó vươn tay từ bóng tối sâu thẳm ra để bám lấy tôi.

Tôi mở mắt và vuốt tay lên mặt. Tắm và cạo râu xong tôi không làm gì, bây giờ da mặt khô và căng như mặt trống. Tựa như đó không phải là khuôn mặt của mình. Vết vắt cắn xót như bỏng. Chắc hai con vắt ấy đã hút của tôi cả lít máu.

"Vẫn chuyện tinh trùng", cô nói và đặt sách xuống. "Ông không thích tôi uống thật à?"

"Bây giờ thì không", tôi nói.

"Ông không có hứng?"

"Không."

"Ông cũng không thích ngủ với tôi?"

"Bây giờ không."

"Vì tôi béo, phải không?"

"Không liên quan gì đến chuyện ấy", tôi nói. "Cô xinh đẹp thực sự."

"Vậy tại sao ông không ngủ với tôi?"

"Tôi không biết", tôi nói. "Tôi không biết tại sao, nhưng tôi có cảm giác bây giờ không được phép ngủ với cô."

"Vì lý do đạo đức? Vì ngược lại với quan điểm đạo đức của ông?"

"Đạo đức?", tôi lặp lại. Một khái niệm lạ. Tôi nhìn lên

trần nhà và nghĩ một hồi lâu về nó. "Không", tôi nói, "không phải đạo đức, một chuyện khác. Có thể là linh tính, linh cảm, đại loại như vậy. Cũng có thể liên quan đến ký ức ngược chiều. Tôi không thể giải thích thấu đáo điều đó. Có lẽ không có gì thích hơn là bây giờ ngủ với cô, nhưng tôi bị cản lại bởi linh tính, linh cảm hay *cái gì đó* mà tôi không gọi được tên, nó nói với tôi rằng bây giờ không phải thời điểm thích hợp."

Cô chống cùi tay lên gối bông và nhìn vào mắt tôi. "Ông không nói dối đấy chứ?"

"Trong chuyện này tôi không bao giờ nói dối."

"Và đúng là ông đang nghĩ như vậy?"

"Không, tôi *cảm nhận thấy* vậy."

"Ông có chứng minh được không?"

"Chứng minh gì?", tôi sửng sốt.

"Chứng minh là ông thích ngủ với tôi."

"Tôi đang cương lên", tôi nói.

"Đưa xem!", cô nói.

Thoạt tiên tôi lưỡng lự, nhưng rồi vẫn kéo quần xuống. Tôi quá mệt mỏi để cãi vã lâu nữa với cô, và đằng nào thì tôi cũng không còn ở lâu nữa trong thế giới này. Vả lại khó tin sẽ xảy ra một vụ bê bối nghiêm trọng khi tôi vạch cho một cô bé mười bảy tuổi xem dương vật khỏe mạnh cương cứng.

"Đúng thật", cô nói trong khi xem dương vật căng phồng của tôi. "Cho tôi sờ vào nhé?"

"Không!", tôi nói. "Nhưng chứng minh thế đã đủ chưa?"

"Thôi được."

Tôi kéo quần lên che dương vật. Bên ngoài có tiếng xe tải ầm ầm chạy qua.

"Bao giờ cô quay về chỗ ông?", tôi hỏi.

"Sau khi ngủ một chút và đợi quần áo khô", cô nói. "Gần tối nước sẽ rút hết, và tôi sẽ quay lại đường hầm tàu điện ngầm."

"Trời này thì quần áo sáng mai mới khô nổi."

"Ông nghĩ thế à?", cô nói. "Vậy tôi phải làm gì?"

"Bên cạnh nhà có một hiệu giặt tự phục vụ, cô có thể mang đi sấy."

"Làm sao tôi đến đó mà không mặc gì?"

Tôi nát óc không nghĩ ra giải pháp thông minh nào. Chẳng còn cách nào khác là tự tôi phải sang hiệu giặt. Tôi vào buồng tắm và nhét quần áo vào một túi nylon của Lufthansa. Sau đó tôi tìm ra trong những đồ sót lại một chiếc quần vải lanh màu ô liu, một sơ mi màu lam cổ đứng và xỏ đôi giày lười màu nâu. Và thế là tôi sẽ giết chết một phần trong quãng thời gian vàng bạc còn sót lại của mình một cách vô nghĩa trên chiếc ghế gấp của hiệu giặt.

Đồng hồ chỉ 12 giờ 17.

32

Khi Bóng Hấp Hối

Tôi đẩy cửa vào trạm canh và thấy ông gác cổng đang bổ củi ở cửa sau.

"Sắp có nhiều tuyết lắm, tôi ngửi là biết", ông nói, tay cầm rìu. "Sáng sớm hôm nay lại bốn con chết. Mai còn nhiều nữa. Năm nay có một mùa đông thực sự khắc nghiệt."

Tôi bỏ găng tay, ra đứng trước lò sưởi và hơ tay lên. Ông gác cổng buộc các thanh củi tách mỏng lại thành bó, chất củi gộc dưới mái và treo lại rìu lên tường. Rồi ông cũng ra đứng cạnh tôi để sưởi tay.

"Từ giờ trở đi có lẽ tôi phải đốt xác súc vật một mình. Bóng cậu đã giúp tôi rất đắc lực, thực thế, nhưng cái gì cũng có lúc đến hồi kết. Mà thực ra đó là công việc của tôi."

"Bóng tôi ốm lắm à?"

"Khỏe thì không phải", ông gác cổng nói và lúc lắc đầu. "Không, không khỏe. Nó nằm liệt giường ba hôm rồi. Cứ có dịp là tôi luôn đến thăm nó, nhưng tôi không chặn được cái chết khi nó phải chết. Sức người có hạn."

"Cho tôi gặp nó được chứ?"

"Tất nhiên, tôi cho cậu nửa tiếng. Sau đó tôi phải đi đốt xác thú."

Tôi gật đầu.

Ông gác cổng gỡ chùm chìa khóa trên tường và mở cửa sắt của trại giam bóng. Ông đi trước tôi, rảo chân qua bãi trống đến mở cửa túp lều và để tôi vào. Trong lều trống trơn, không có bàn ghế nào cả. Nền nhà lát gạch mộc lạnh ngắt. Gió buốt giá thổi ào ào qua cửa sổ, không khí như có thể đông thành băng bất cứ lúc nào. Như một tủ đá vậy!

"Không phải lỗi tôi", ông gác cổng thanh minh. "Tôi không tống bóng của cậu vào đây cho vui đâu. Theo quy định, bóng phải sống trong túp lều này, tôi chỉ là người thừa lệnh. Vả lại bóng cậu còn gặp may! Những lúc khó khăn tôi phải nhét hai, ba đứa vào đây một lúc."

Tôi còn biết nói sao? Nói cũng chẳng ích gì nữa, vì vậy tôi giữ miệng và chỉ biết gật đầu. Tuy nhiên nếu có thể thì tôi đã không bao giờ để bóng tôi lại chốn này.

"Bóng của cậu ở bên dưới", ông ta nói. "Dưới ấy ấm hơn một chút. Nhưng hơi hôi. Xuống đây!"

Ông gác cổng đi tới góc phòng và kéo một tấm ván đen sạm vì ẩm thấp trên nền nhà. Dưới đó không có bậc đi xuống, chỉ thấy một cái thang thô sơ. Ông trèo xuống vài nấc và vẫy tôi xuống theo. Tôi đập tuyết trên măng tô rơi xuống và theo chân ông.

Lập tức hơi thối nồng nặc của cứt đái xộc vào mũi tôi. Dưới hầm không có cửa sổ, không khí hôi hám không thể

thoát đi đâu được. Cả hầm chỉ rộng như một phòng kho con con, riêng cái giường đã chiếm một phần ba diện tích. Bóng tôi gầy đét nằm nghiêng trên giường, mặt quay về tấm ván. Dưới gầm giường có một cái bô sứ. Ngoài ra còn một chiếc bàn cũ nát, trên đó leo lét một ngọn nến cháy - tôi không còn thấy gì khả dĩ tỏa ra hơi ấm hay ánh sáng. Nền nhà là đất nện. Cái lạnh ẩm ướt dưới này ngấm đến tận tủy. Bóng tôi nằm im thin thít dưới lớp mền kéo cao tận mũi, nó nhìn tôi với ánh mắt vô hồn. Ông già nói đúng - nó không còn nhiều thời gian trên cõi đời này nữa.

"Tôi ra ngoài một chút", ông gác cổng nói. Rõ ràng ông không chịu nổi mùi hôi thối. "Các cậu trò chuyện với nhau đi, muốn chuyện gì cũng được, tôi không phản đối. Bóng cậu cũng chẳng còn đủ sức để nhập vào cậu nữa."

Khi ông ta đi khỏi, bóng đợi một lúc để cân nhắc tình hình rồi sau đó vẫy tôi lại gần giường.

"Cậu lên xem lão gác cổng có nghe lỏm không!", bóng thì thào.

Tôi gật đầu và rón rén lên thang, khẽ nâng tấm ván và nhòm qua. Không có ai. Tôi lại trèo xuống.

"Ông ấy đi rồi", tôi nói.

"Tôi có chuyện cần bàn với cậu", bóng cho biết. "Tôi không đến nỗi ốm đau như bên ngoài nhìn vào. Tôi chỉ bày trò để gạt lão gác cổng thôi. Tôi khá yếu, đúng thế, nhưng chuyện nôn mửa và nằm liệt giường là đóng kịch. Đừng lo, tôi còn đủ sức đứng dậy và chạy nhảy."

"Để trốn khỏi đây?"

"Tất nhiên. Nếu không thì việc gì tôi phải diễn vở này. Nhờ vậy tôi đã có thêm được ba ngày. Nhưng hơn nữa thì chắc không được, vì sau đó tôi sợ không dậy được nữa - không khí dưới này sẽ giết tôi, cậu thấy đấy, và cái lạnh thấu xương nữa. Thời tiết bên ngoài ra sao?"

"Đang có tuyết", tôi nói, tay vẫn thủ trong túi măng tô. "Nghe nói tối nay còn nhiều tuyết hơn, và rất lạnh."

"Trời tuyết thì sẽ nhiều thú chết", bóng nói. "Nhiều thú chết thì lão gác cổng sẽ có lắm việc. Mình có thể dễ dàng trốn khỏi đây trong khi lão ấy đốt xác thú ngoài rừng táo. Cậu lấy chùm chìa khóa trên tường để mở cũi, và ta trốn."

"Qua cổng?"

"Không, nguy hiểm lắm. Cổng khóa bên ngoài, và ngay cả khi mình đi qua được thì cũng sẽ bị lão gác cổng nhanh chóng tóm lại. Qua tường cũng không thể, chỉ có chim mới vượt qua được thôi."

"Thế thì ra đường nào?"

"Chuyện đó tôi lo. Tôi đã có một kế hoạch chính xác đến từng chi tiết. Tôi đã thu thập được rất nhiều thông tin về thành phố này, và giờ xem bản đồ của cậu vẽ đến rách nát thì thôi. Tôi cũng moi được khối chuyện từ lão gác cổng. Từ khi tin rằng tôi không đủ sức trốn nữa, lão mau mồm mau miệng hẳn và kể mọi chuyện tôi cần biết về thành phố. Có vẻ như cậu đã ru ngủ lão rất xuất sắc - lão già mất hết cảnh giác. Kể cũng tốn nhiều thời gian hơn tôi tưởng, nhưng kế hoạch bây giờ xong rồi. Lão gác cổng có lý khi cho

rằng tôi không còn đủ sức để hòa nhập vào cậu, nhưng khi mình ra được bên ngoài rồi thì tôi sẽ hồi sức và chúng mình sẽ lại là một. Tôi không phải chết ở đây, cậu sẽ có lại trí nhớ của cậu và trở lại là chính cậu như ngày xưa."

Tôi không nói gì, chỉ nhìn chòng chọc vào ngọn nến cháy.

"Cậu có vấn đề gì vậy?", bóng hỏi.

"Tôi ngày xưa ra sao? *Tôi* - là ai?

"Ơ kìa! Cậu đừng nói là cậu đang hoài nghi đấy nhé!", bóng nói.

"Có đấy. Tôi thực sự không biết nên làm gì", tôi nói. "Tôi có nhớ gì về tôi ngày xưa đâu! Có bõ công quay về thế giới bên ngoài nữa không? Con người mà tôi đã từng là ngày xưa có xứng đáng để mình quay lại không?"

Bóng toan cất tiếng nhưng tôi giơ tay chặn lại và cướp lời. "Đợi cho tôi nói hết. Tuy tôi đã quên ngày xưa mình là ai, nhưng con người tôi của hôm nay bắt đầu cảm thấy một cái gì đó như sự thân thiện với thành phố này. Tôi thấy mình cảm tình với cô thủ thư, và ông đại tá cũng là một người tốt. Tôi thích ngắm những con thú. Mùa đông ở đây khắc nghiệt, nhưng bù lại thì các mùa khác cực đẹp. Ở đây không ai xúc phạm đến ai, không ai chống lại ai. Cuộc sống đơn sơ, nhưng dồi dào theo cách riêng của nó, và mọi người bình đẳng. Không ai nói xấu người khác, không có ai lấy gì của người khác. Người ta làm việc, nhưng tất cả đều vui vẻ trong công việc. Đó là công việc vì chính công việc, không gợn ẩn ý nào khác. Không ai bị ép làm việc, và người ta

không làm việc một cách miễn cưỡng. Người ta không tị hiềm với nhau, không ai than phiền, không ai đau khổ."

"Cậu còn quên là ở đây không có tiền, không có sở hữu, không có đẳng cấp và chức vị. Không có tòa án và cũng không có bệnh viện", bóng hùa vào. "Quan trọng hơn nữa, người ta không già đi, không chết, và không biết sợ chết. Đúng thế không?"

Tôi gật đầu. "Bây giờ cậu cho tôi biết một lý do, vì sao tôi lại phải rời bỏ thành phố này!"

"Những gì cậu nói đều đúng cả", bóng nói và rút tay khỏi chăn vuốt lên đôi môi khô nẻ của mình, "nếu mới thoạt nghe. Thế giới như cậu miêu tả quả thật là chốn thiên đường ở hạ giới, và lẽ ra tôi không thể phản đối - nếu nó thực sự tồn tại! Lúc đó thì tùy cậu muốn làm gì thì làm, tôi sẵn sàng phục thiện và chết ở đây. Song cậu đã bỏ sót mất vài điểm. Mà lại là những điểm vô cùng quan trọng."

Bóng bị một cơn ho rũ rượi. Tôi đợi đến lúc nó nói tiếp được.

"Khi cậu ở đây lần cuối, tôi nói với cậu là thành phố này có gì đó không ổn và bất thường. Và tôi nói rằng nó hoàn hảo trong sự trái khoáy và bất thường ấy. Lúc nãy cậu vừa nhắc đến mặt hoàn hảo của nó. Vậy bây giờ cho tôi nói đến mặt trái khoáy và bất thường của nó. Nghe đây. Thứ nhất, và quan trọng nhất, là luận cứ chính của tôi: không có sự hoàn hảo trên thế giới này. Tôi nhắc lại chính mình: giống như về nguyên tắc không thể có động cơ vĩnh cửu. Cậu có lý, mọi người ở đây - trừ lão gác cổng - không xâm

hại đến nhau, không thù hằn, không tham lam; tất cả đều sống một cuộc sống dồi dào và yên bình. Nhưng tại sao? Vì họ không có tâm hồn nữa chứ sao!"

"Điều đó tôi biết quá rõ!", tôi nói.

"Người dân thành phố này đã trả giá cho sự hoàn hảo đó bằng tâm hồn mình. Và khi đã mất tâm hồn rồi, họ ở trong một tuyến thời gian được nối dài vô tận. Vì thế mà không ai già đi, vì thế mà không ai chết.

Đầu tiên người ta dứt bóng khỏi người, vì bóng là đất nuôi dưỡng bản thể, và đợi cho bóng chết đi. Bóng chết rồi, những gì còn lại hầu như tự diễn ra. Người ta chỉ cần đợi đến khi tâm hồn mòn mỏi dần, đợi đến khi những giọt li ti mà nó tiết ra hằng ngày bị hớt đi hết như lớp bọt trên mặt nước."

"Hớt đi?"

"Ta sẽ nói chuyện ấy sau. Quay lại với vấn đề tâm hồn đã. Cậu vừa nói là thành phố không biết tranh đấu, căm ghét và thèm muốn. Tuyệt vời quá nhỉ! Nhưng: không có tranh đấu, căm ghét và thèm muốn thì cũng không có đối trọng của chúng - nghĩa là không có niềm vui, không có hạnh phúc, không có tình yêu. Chính vì có thất vọng, phiền muộn và buồn thảm mà sinh ra niềm vui. Không có thất vọng thì cũng không có hạnh phúc.

Và, tất nhiên, còn phải nói đến tình yêu nữa chứ. Rõ ràng có sự khác biệt với cô gái của cậu ở thư viện mà cậu vừa nói đến. Có thể cậu yêu cô ta, yêu thực sự. Nhưng tình cảm của cậu sẽ chẳng dẫn đến đâu cả đâu. Vì sao? Vì cô ta

không có tâm hồn. Thiếu tâm hồn thì con người không khác gì con búp bê biết đi hay bóng ma. Yêu một người như thế phỏng có ý nghĩa gì? Cậu tìm cuộc sống vĩnh cửu hả? Cậu cũng muốn thành một bóng ma như thế sao? Hãy tỉnh ngộ đi: nếu tôi chết, cậu sẽ không bao giờ ra khỏi đây được nữa, cậu sẽ thành một người của thành phố này, vĩnh viễn!"

Sự im lặng nặng nề, lạnh lẽo bao trùm tầng hầm. Bóng lại ho.

"Nhưng tôi không thể để cô ấy lại đây! Không cần biết cô ấy là gì và như thế nào - tôi yêu cô ấy, và tôi cần cô ấy! Nếu bây giờ tôi trốn đi, sau này tôi sẽ hối hận, và một khi đã ra ngoài thì tôi không bao giờ quay lại được nữa."

"Trời đất ơi", bóng tôi ngồi dậy và tựa vào tường. "Có lẽ tôi sẽ mất nhiều sức lực để thuyết phục cậu đây. Tôi biết cậu khá lâu rồi và hiểu rõ cậu là một người cứng đầu cứng cổ, nhưng có nhất thiết đến phút cuối cùng cậu *phải* bập vào vấn đề phức tạp nhất không? *Cậu muốn gì nào?* Hoàn toàn không thể ba người cùng trốn - cậu , tôi *và* cô gái của cậu. Một người không tâm hồn không thể sống ở thế giới ngoài kia được."

"Tôi cũng biết", tôi nói. "Tôi chỉ ngạc nhiên tại sao cậu không thử trốn một mình. Tôi sẽ giúp cậu."

"Cậu vẫn chẳng hiểu gì cả, đúng không?", bóng nói, đầu tựa vào tường. "Nếu tôi đi mất và cậu ở lại một mình thì tình cảnh cậu sẽ trở nên vô vọng. Lão gác cổng đã nói cho tôi biết rất rõ. Tất cả các bóng đều *phải* chết ở đây; cả những bóng được thả ra ngoài, trước khi chết đều quay lại

để chết ở đây. Bóng nào không quay về, nghĩa là không chết ở đây, sẽ chết không toàn vẹn. Hậu quả đối với cậu là cậu phải sống vĩnh viễn với tâm hồn cậu. Sống trong rừng. Tất cả những ai có bóng chết không toàn vẹn đều sống ở đó. Cậu sẽ bị thành phố này đày vào rừng và lang thang mãi mãi trong đó với các ý nghĩ của cậu. Cậu biết rừng rồi chứ?"

Tôi gật đầu.

"Nhưng cậu đừng tưởng là sẽ đem được cô gái ấy cùng đi vào rừng", bóng nói tiếp. "Không được đâu. Tại sao? Vì cô ta *hoàn hảo* - đồng nghĩa với không có tâm hồn. Người hoàn hảo sống trong thành, họ không sống được trong rừng. Nghĩa là cậu sẽ một mình, tôi bảo đảm với cậu như thế. Lúc đó thì việc cậu ở lại đây nào còn ý nghĩa gì nữa?"

"Tâm hồn của con người biến đi đâu?"

"Trời ạ, *cậu* là người đọc mơ cơ mà?", bóng vặn lại. "Tôi không hiểu vì sao cậu không biết điều đó?"

"Xin lỗi, tôi không biết thật", tôi nói.

"Vậy thì nghe đây. Tâm hồn được đưa ra ngoài tường thành bởi những con thú. Đó là việc mà lúc nãy tôi gọi là *hớt*. Những con thú ấy dồn những giọt tâm hồn hay hút chúng vào, sau đó đưa ra thế giới ngoài kia. Và khi mùa đông đến thì chúng chết - cùng với mọi bản thể mà chúng đã thu thập trong người. Chúng không chết vì lạnh hay thiếu thức ăn, mà vì sức nặng của những bản thể do thành phố chất lên chúng. Chúng chết vì thế. Mùa xuân là lúc những con thú con chào đời, số lượng nhiều như số bị chết trong mùa đông. Khi những con này lớn lên, người ta lại

chất lên chúng những bản thể bị vứt bỏ của con người - cho đến khi chúng cũng chịu số phận như bố mẹ chúng và chết. Đó là cái giá phải trả cho sự hoàn hảo. Sự hoàn hảo đó phỏng có ý nghĩa gì, khi người ta chỉ giữ được nó bằng cách bắt những tạo vật yếu nhược phải trả giá?"

Tôi không nói gì, chỉ gục đầu nhìn xuống mũi giày.

Bóng nói tiếp: "Mỗi khi thú chết, lão gác cổng cắt đầu chúng. Trong đầu lâu, các bản thể được khắc thành hàng lối ngay ngắn. Đầu lâu được làm sạch cẩn thận và chôn xuống đất một năm để các lực trong đó bớt mạnh, sau đó đưa vào thư viện cho người đọc mơ giải phóng những bản thể đó ra ngoài bầu khí quyển. Nhiệm vụ đọc mơ luôn được trao cho một người vừa đặt chân đến thành phố và bóng của người đó chưa chết. Những bản thể mà người ấy đọc ra được bầu khí quyển hút vào và biến mất. Bây giờ cậu biết cái gì vẫn được gọi là 'giấc mơ xưa' rồi chứ? Cậu là cột thu lôi, và nhiệm vụ của cậu là truyền điện xuống đất. Cậu hiểu chứ?"

"Tôi hiểu."

"Sau khi bóng anh ta chết, người đọc mơ thuộc về thành phố và ngừng làm việc. Vòng quay của thành phố cứ thế tiếp tục mãi mãi, một vòng tròn hoàn hảo. Thành phố này bắt những tạo vật không hoàn hảo trả giá cho sự không hoàn hảo của chúng, còn chính mình thì hớt những tinh hoa và sống bằng kiểu ấy. Chẳng lẽ cậu tán đồng việc đó? Chẳng lẽ cậu tán đồng một thế giới như thế? Cậu hãy nhìn nó bằng cặp mắt của kẻ yếu và không

hoàn hảo, đó là những con thú, là những bóng đen, và là những người trong rừng!"

Tôi chăm chú nhìn vào nến cháy cho đến lúc nhức cả mắt. Tôi bỏ kính và lấy mu bàn tay chùi những giọt nước mắt ứa ra.

"Ba giờ ngày mai tôi quay lại", tôi nói. "Cậu nói đúng. Thành phố này không phải chỗ cho tôi."

33

Giặt Ngày Mưa, Xe Thuê, Bob Dylan

Đã vào Chủ nhật lại còn mưa, cả bốn máy sấy trong hiệu giặt đều bận. Trên các tay nắm treo đầy túi nylon đủ màu sắc và túi mua hàng. Trong hiệu giặt có ba phụ nữ. Một bà nội trợ ngót nghét bốn chục, hai cô kia hình như đến từ ký túc xá nữ gần đó. Bà nội trợ chẳng làm gì, chỉ ngồi đờ đẫn trên chiếc ghế gấp và nhìn quần áo quay vòng trong máy như xem ti vi. Hai nữ sinh viên cùng giở xem họa báo *JJ*. Khi tôi bước vào, cả ba cùng nhìn tôi một lúc rồi lại quay về với đồ giặt và họa báo.

Tôi ngồi xuống một chiếc ghế, đặt túi Lufthansa lên lòng và chờ đến lượt mình. Hai nữ sinh viên không có túi, nghĩa là quần áo của họ đang trong máy sấy. Vậy thì tôi sẽ đến lượt khi một trong bốn máy sấy chạy xong. Chắc cũng không lâu lắm, tôi thở phào. Riêng ý nghĩ phải ngồi nhìn quần áo quay vòng cả một tiếng đồng hồ đã làm tôi ngán

tận cổ. Nhất là trong 24 tiếng cuối đời.

Tôi ung dung ngồi và nhìn vẩn vơ trong phòng. Không khí hiệu giặt có mùi đặc trưng của quần áo được sấy bằng gió nóng trộn lẫn mùi bột giặt.

Hai nữ sinh viên cạnh tôi trò chuyện về mẫu đan len. Cả hai cô đều không xinh đẹp gì. Phụ nữ đẹp không xem họa báo ở hiệu giặt vào trưa Chủ nhật.

Trái với mong đợi, máy sấy quay mãi không ngừng. Hiệu giặt có những lề luật riêng của nó. Một điều luật trong đó là: đợi máy nào thì máy đó chạy mãi không xong. Lồng máy quay mãi không thôi, mặc dù quần áo trong đó trông có vẻ đã khô rang.

Tôi đợi đã mười lăm phút, nhưng cả bốn máy sấy vẫn quay đều.

Một cô gái trẻ thon thả và nền nã cầm túi giấy đi vào, ném một ôm tã lót vào máy giặt, xé gói bột giặt dốc vào máy, đóng máy và nhét tiền xu.

Tôi toan chợp mắt ngủ gà gật một chốc, nhưng lại sợ trong lúc ngủ máy sấy chạy xong và ai đó chen ngang cho quần áo vào nên phải thức để cảnh giác. Không thể phí phạm thời giờ quý báu lần nữa.

Tôi hối hận đã không đem theo thứ gì để đọc. Vì đọc thì tránh được nguy cơ ngủ gật và thời gian trôi qua nhanh hơn. Tuy nhiên tôi không biết như thế có đúng không. Trong hoàn cảnh này, lẽ ra tôi phải muốn thời gian trôi chậm đi mới đúng. Nhưng tôi đang trong hiệu giặt! Kéo dài thời gian chẳng khác gì kéo dài sự vô nghĩa.

Nghĩ ngợi về thời gian khiến tôi đau đầu. Thời gian mang quá nặng tính khái niệm, nhưng không ngăn ta nhồi đầy các thứ khác vào. Đầy đến lúc ta không biết sản phẩm đầu ra thuộc về thời gian hay thuộc về thế giới hữu hình.

Tôi thôi không nghĩ ngợi về thời gian nữa và tập trung vào câu hỏi, ra khỏi hiệu giặt tôi sẽ làm gì. Trước tiên phải mua vài thứ quần áo đã. Đồ tử tế. Không còn thời gian để chữa quần nữa, vì vậy tôi buộc phải từ bỏ bộ com lê vải tuýt mà lúc ở dưới đất tôi đã định dùng. Tiếc thật, nhưng không khác được. Quần vải lanh đang mặc là ổn, chỉ phải mua sơ mi, cà vạt và áo vest. Thêm một áo choàng mỏng. Thích hợp với mọi nhà hàng. Đi mua đồ có lẽ mất chừng một tiếng rưỡi, nghĩa là khoảng ba giờ tôi xong việc và còn ba tiếng mới đến sáu giờ tối là giờ hẹn.

Tôi tự hỏi nên làm gì trong ba tiếng đó nhưng không nghĩ ra. Thể trạng mệt mỏi làm phong bế khả năng suy nghĩ, làm tắc ở những vùng não mà tôi không tiếp cận được.

Trong khi tôi cố gắng vượt các bế tắc đó thì chiếc máy sấy đứng tận cùng bên phải dừng lại. Trước tiên tôi nhìn kỹ để chắc chắn không phải mình thấy ảo ảnh, sau đó tôi ngó quanh. Bà nội trợ và hai cô sinh viên thoáng ngẩng đầu nhìn nhưng vẫn ngồi không nhúc nhích. Theo luật hiệu giặt, *tôi* mở máy sấy ra, lấy chỗ quần áo còn nóng thả vào túi mua hàng treo ở tay nắm và cho đồ từ túi Lufthansa vào lồng sấy. Sau đó tôi đóng máy, nhét tiền xu, đợi máy quay rồi mới trở về ghế mình. Đồng hồ chỉ 12 giờ 50.

Bà nội trợ và hai cô sinh viên theo dõi chặt chẽ từng cử động của tôi. Giờ thì họ ngó vào lồng sấy có đồ của tôi, rồi ngó qua tôi. Bất giác tôi cũng nhìn vào máy sấy. Có một vấn đề trầm trọng: ai cũng có thể nhìn thấy qua ô cửa hẹp những đồ tôi vừa cho vào đang quay tròn - toàn đồ phụ nữ, và toàn màu hồng. Thảo nào người ta tò mò. Tốt nhất là biến khỏi đây và tìm việc gì đó để làm trong hai mươi phút tới.

Trời vẫn tiếp tục mưa phùn, vẫn cơn mưa mỏng như bụi từ sáng sớm chưa dứt, tựa như nó định cảnh báo thế giới về một chuyện gì đó. Tôi căng ô lên và đi dạo trong khu. Phía bên kia tòa nhà yên tĩnh là một con phố với đủ mọi cửa hiệu. Một tiệm làm đầu, một cửa hiệu bán đồ lướt ván - tôi không hiểu một cửa hiệu như thế định bán hàng cho ai ở Setagaya -, một hiệu thuốc lá, một hiệu bánh ngọt, một cửa hàng cho thuê băng đĩa, một hiệu giặt. Bên ngoài hiệu giặt treo biển *Giảm giá 10% vào những ngày mưa!* Tôi không hiểu vì sao vào ngày mưa lại khuyến mại. Tôi thấy ông chủ hiệu đầu hói đang cau có ủi một chiếc sơ mi trong hiệu. Từ trần nhà treo loằng ngoằng mấy ống to nối xuống bàn ủi, trông như dây leo. Một hiệu giặt kiểu cũ, chủ hiệu tự tay ủi đồ. Tôi thấy cảm tình với ông ta. Có lẽ ông cũng không bấm ghim vào sơ mi để gắn những mảnh giấy in số. Vì ghét đinh ghim nên không bao giờ tôi đem giặt sơ mi ở hiệu.

Trước hiệu giặt kê một ghế băng, trên đó là mấy chậu hoa. Tôi ngắm các chậu hoa một lát, không có loại hoa nào

mà tôi biết tên cả. Chính tôi cũng bối rối vì sao mình biết rất ít tên các loài hoa. Có vẻ như đây là mấy thứ hoa rất hay gặp, lẽ ra ai cũng gọi được tên. Nước từ máng rỏ xuống đất đen trong chậu. Bất giác tôi thấy quặn lòng. Tôi đã sống ba mươi lăm năm trong thế giới này mà không biết cả tên của mấy thứ hoa thường gặp nhất.

Ở hiệu giặt này tôi đã phát hiện cùng lúc nhiều điều mới mẻ cho mình. Ví dụ như tôi là một kẻ dốt nát - xét về hoa - và các hiệu giặt rẻ hơn vào ngày mưa. Hầu như ngày nào tôi cũng đi dọc phố này, thế mà cho đến nay tôi không hề nhìn thấy chiếc ghế băng và các chậu hoa trước hiệu giặt.

Một con sên bò trên ghế băng. Cũng là một phát hiện mới của tôi. Xưa nay tôi cứ tưởng là sên chỉ có trong mùa mưa. Nếu chúng chỉ có trong mùa mưa thì chúng ở đâu và làm gì trong những mùa khác?

Tôi đặt con sên vào chậu hoa, rồi lại đặt lên một tàu lá xanh. Mới đầu nó lúc lắc trên lá, nhưng rồi cũng ổn định trong tư thế nghiêng và ngó nhìn xung quanh.

Tôi quay lại hiệu thuốc lá và mua một bao Lark Extra Long và bật lửa. Trước đây mấy năm tôi đã bỏ thuốc, song một bao thuốc trong ngày cuối đời sẽ không hại gì lớn. Tôi đứng dưới mái hiên của hiệu thuốc và châm ngay một điếu. Cảm giác ngậm trên môi một vật thể lạ mạnh hơn tôi tưởng. Tôi chậm rãi rít thuốc, hít thật sâu và từ từ thở ra. Các đầu ngón tay tê tê, đầu óc lộn xộn.

Hút xong, tôi vào hiệu bánh ngọt và mua bốn miếng. Loại nào cũng có một tên Pháp dài ngoằng mà khi bánh

vừa cho vào hộp là tôi quên luôn. Từ ngày tốt nghiệp đại học tôi không ngó ngàng gì đến tiếng Pháp nữa. Cô bán bánh ngọt cao như cây sào và rất vụng về khi buộc nơ. Chưa bao giờ tôi thấy một cô gái cao mà lại khéo tay cả. Tất nhiên tôi không rõ có phải đó là một định luật phổ cập toàn cầu không. Có khi chỉ là những hình mẫu giao tiếp riêng của tôi.

Hiệu thuê băng đĩa cạnh đó thỉnh thoảng tôi cũng vào. Đôi vợ chồng chủ hiệu trạc tuổi tôi, cô vợ rất xinh. Trên màn ti vi 27 inch cạnh cửa ra vào đang chiếu *Hard Time* của Walter Hill. Charles Bronson thủ vai một võ sĩ quyền Anh đường phố, chuyên đấm không găng, và James Coburn là ông bầu. Tôi đi vào, ngồi xuống sofa và xem mấy cảnh đánh nhau.

Một mình cô chủ ngồi sau quầy tận cuối phòng và canh cửa hiệu, trông có vẻ chán chường. Tôi mời cô một miếng bánh. Cô lấy miếng bánh lê, còn tôi ăn loại bánh phô ma. Tôi vừa ăn vừa xem Charles Bronson đánh nhau với một tên hộ pháp đầu trọc. Người xem ắt thiên về phía thắng là tên hộ pháp, nhưng tôi đã xem phim này trước đây mấy năm và biết chắc là Bronson sẽ thắng. Sau khi ăn bánh, hút đến nửa điếu thuốc và chứng kiến Charles Bronson chiến thắng, tôi đứng dậy.

“Anh cứ xem hết đoạn cuối đi”, cô chủ hiệu nói.

Tôi cũng muốn, tôi nói, nhưng đang có quần áo trong máy sấy. Tôi xem đồng hồ: 1 giờ 25. Máy sấy đã chạy xong từ lâu.

"Không lo. Ai đó sẽ lấy đồ cho vào túi rồi. Không ai ăn trộm đồ lót của anh đâu."

"Vâng", tôi thở dài.

Cô chủ hiệu cố rao hàng lần cuối: "Tuần tới chúng tôi nhập ba phim kinh điển của Hitchcock đấy!"

Tôi quay lại đường cũ. May mà trong hiệu giặt không còn ai. Quần áo vẫn kiên nhẫn nằm dưới đáy lồng sấy đợi tôi quay lại. Chỉ một trong bốn máy sấy còn chạy. Tôi đút đồ vào túi và về nhà.

Cô gái mũm mĩm đang ngủ mê mệt trên giường tôi. Cô ngủ say đến nỗi thoạt tiên tôi lo cô chết rồi. Nhưng ghé tai lại gần, tôi nhận ra tiếng cô thở nhè nhẹ. Tôi đặt quần áo đã khô gần gối và hộp bánh ngọt cạnh đèn cây. Tôi chỉ ước sao bây giờ chui lên giường cạnh cô gái và ngủ thiếp đi, nhưng không thể được.

Tôi uống một cốc nước trong bếp và chợt nhớ là phải đi đái. Sau đó tôi ngồi bên bàn bếp và nhìn quanh. Đủ thứ máy móc, dụng cụ, đồ đạc: máy nước, máy nước nóng chạy ga, bếp ga, siêu đun nước, tủ lạnh, máy nướng bánh mì, tủ bát đĩa, giá cắm dao, hộp trà Brooke Bond to tướng, bếp điện, máy cà phê. Người ta cứ gọi đơn giản là "bếp", thực ra nó là một tập hợp phong phú dụng cụ và đồ vật. Có thì giờ và thanh thản ngắm bếp lần nữa tôi mới cảm nhận được nét tĩnh lặng giấu trong sự bí ẩn đặc thù của trật tự thế giới này.

Hồi chuyển tới nhà này, tôi còn có vợ. Đã tám năm trôi qua. Ngày đó tôi hay ngồi một mình đọc sách đêm khuya bên bàn bếp này. Vợ tôi ngủ im thin thít, đôi khi tôi cứ sợ cô ấy chết trên giường. Tôi yêu cô ấy theo kiểu của tôi, có thể không hoàn hảo, nhưng tôi yêu cô ấy.

Tôi ở đây như vậy là đã được tám năm. Trước đây tám năm chúng tôi là bộ ba: vợ tôi, con mèo, và tôi. Vợ tôi bỏ đi trước tiên, sau đó là con mèo. Giờ đến lượt tôi. Tôi hút một điếu thuốc, lấy một tách cà phê cũ bị mất đĩa lót làm gạt tàn. Sau đó uống thêm một ngụm nước. Tôi ngạc nhiên là mình đã trụ được ở đây những tám năm. Căn hộ không vừa ý tôi lắm, và tiền nhà cũng không hẳn dễ chịu. Phía tây quá nhiều nắng, tay quản lý thuộc loại khó gần. Và từ khi tôi ở đây, cuộc đời tôi cũng không vui lên mấy: dân số giảm quá nhanh.

Thôi, thế nào cũng được. Mọi sự sắp chấm dứt rồi.

Cuộc sống vĩnh cửu. Bất tử.

Ông giáo sư nói là tôi chuẩn bị đi vào cõi bất tử. Tận cùng của thế giới không phải cái chết, mà là một sự biến hóa, trong thế giới mới, tôi sẽ là *chính mình* và tìm lại được tất cả những gì sắp đánh mất.

Tôi không nghi ngờ lời giáo sư nói, không nghi ngờ một chữ nào trong đó. Nếu ông nói thế giới ấy bất diệt thì đúng nó là bất diệt. Nhưng nó quá trừu tượng, quá mập mờ. Tôi đã là chính tôi quá đi rồi, chứ là ai? Và một người bất tử cảm nhận sự bất tử của mình ra sao thì quả là một câu hỏi vượt quá khả năng hình dung của tôi. Thậm chí *Phù*

thủy xứ Oz tôi còn thấy hiện thực hơn.

Thực ra tôi đã đánh mất gì? Tôi bối rối gãi đầu. Đúng ra là tôi mất nhiều thứ, nếu ghi lại từng chi tiết thì có lẽ đầy một sổ tay. Tôi mất những thứ mà tôi không thấy có ý nghĩa gì lớn và mãi về sau mới thấy tiếc - và ngược lại. Tôi đã mất đồ vật, người và tình cảm. Cuộc đời tôi như cái măng tô có túi bị thủng toác, không thể khâu lại bằng kim chỉ. Giả sử có người nào thò đầu vào cửa sổ nhà tôi và hét "Cuộc đời mi là số 0" thì tôi phải đáp trả sao đây? Không đáp trả được, tuyệt đối không.

Nhưng, nếu có khả năng làm lại cuộc đời một lần nữa thì tôi linh cảm mình sẽ sống hệt như vậy. Vì cuộc đời đầy mất mát ấy chính là *tôi*. Tôi sẽ trở thành tôi, không còn con đường nào khác. Tôi khinh miệt mọi người hoặc mọi người khinh miệt tôi đến chừng nào, bất kể những tình cảm tốt đẹp, tố chất xuất sắc và ước mơ cao đẹp nào đã mất đi - không bao giờ tôi có thể trở thành gì khác ngoài chính mình.

Ngày trước, hồi còn trẻ, tôi từng nghĩ có thể sẽ trở thành gì đó khác với chính mình. Thậm chí tôi nghĩ, chẳng khó khăn gì để đến Casablanca mở một quán bar và làm quen Ingrid Bergman. Hoặc sát thực tế hơn - liệu có sát thực tế hơn không thì chưa biết - là tôi có thể sống một cuộc đời có ích hơn, thích hợp hơn với cái Tôi riêng tư. Để đạt mục đích đó, thậm chí tôi tập luyện và làm một cuộc cách mạng bản thân. Tôi đọc *The Greening of America* và xem ba lần phim *Easy Rider*. Nhưng, như một con thuyền có mái chèo uốn lệch, tôi luôn quay về bến cũ. Về với cái Tôi của mình.

Cái Tôi của tôi không đi đâu cả. Nó trụ lại ở vị trí của nó, và đợi, đợi tôi quay về.

Gọi hiện tượng đó là gì? Ngã lòng?

Tôi không biết. Có thể đó là sự thất vọng. Chính là cái mà ở địa vị tôi Turgenev sẽ gọi là "vỡ mộng" hay Dostoevsky đặt tên là "địa ngục". Và ở Somerset Maugham thì được coi là "thực tại". Nhưng bất kể ai đặt ra tên gì thì nó cũng vẫn là Tôi của tôi.

Tôi không hình dung ra nổi thế giới của sự bất tử. Có thể ở đó tôi thực sự tìm lại được những gì đã mất, và lập nên một Tôi mới. Có thể tôi sẽ hạnh phúc hay ít nhất đỡ khốn khổ hơn. Sẽ sống một cuộc đời có ích hơn, thích hợp hơn với cái Tôi riêng tư. Nhưng đó lại là một Tôi khác, chẳng dính dáng chút nào với tôi của hiện tại. Hiện tại tôi có cái Tôi của hôm nay. Đó là một sự thật lịch sử không ai lay chuyển được.

Cuối luồng suy nghĩ này tôi đi đến kết luận rằng nên chấp nhận sẽ *chết* trong vòng hăm hai tiếng và vài phút. Mọi suy tư về bước quá độ đến thế giới của sự bất tử chỉ mang vẻ học thuyết Don Juan và có một dư vị xấu.

Vậy tôi nghĩ một cách thực dụng: tôi sẽ chết. Nghe hợp với bản chất của tôi hơn. Và đem lại một chút thoải mái.

Tôi dập thuốc, đi vào phòng ngủ, quan sát một hồi khuôn mặt cô gái đang ngủ và kiểm tra xem đã đem theo mọi thứ cần thiết chưa. Song nếu nghĩ kỹ, nghĩ thật kỹ, thì tôi hầu như chẳng cần gì nữa. Ví và thẻ tín dụng - gì nữa? Cửa không cần khóa. Giấy phép hành nghề toán sư? Thừa.

Cả cuốn sổ tay cũng không cần nữa, hệt như chìa khóa ô tô, vì tôi đã đỗ nó ở nơi nào không nhớ. Cả con dao cũng sinh thừa. Tiền xu? Không có cũng chẳng sao. Tôi lấy hết mọi thứ trong túi quần đặt lên bàn.

Trước tiên tôi đi tàu đến Ginza, mua sơ mi và cà vạt ở hiệu Paul Stuart và trả tiền bằng thẻ American Express. Mặc lên và nhìn trong gương, trông tôi cũng khá ưa mắt. Đúng, đúng là ưa mắt thực sự. Nếp ủi của chiếc quần màu ô liu hầu như không thấy nữa, nhưng có ai đòi hỏi sự hoàn hảo? Chiếc áo vest màu lam kết hợp với sơ mi màu cam sẫm tạo cho tôi hơi hướng một nhân viên quảng cáo trẻ và hãnh tiến. Ít nhất thì trông tôi cũng không còn giống một người vừa chui dưới lòng đất lên và khoảng hăm mốt tiếng nữa là biến khỏi cuộc đời này.

Tôi chợt nhận thấy, nếu đứng thẳng người thì tay áo vest bên trái ngắn hơn tay phải chừng một phân rưỡi. Nghĩa là truy đúng nguồn cơn thì không phải tay áo quá ngắn, mà cánh tay tôi quá dài. Thật khó hiểu tại sao. Tôi thuận tay mặt và nhất định không dùng tay trái nhiều. Người bán hàng khuyên tôi thả bớt gấu tay, chỉ hai hôm là xong; tất nhiên tôi từ chối.

"Cho phép được hỏi, anh có chơi bóng chày không?", người bán hàng hỏi khi đưa tôi biên lai thẻ tín dụng.

Tôi lắc đầu.

"Đa số các môn thể thao làm thay đổi kích thước cơ thể", ông ta dạy tôi. "Vận động quá nhiều hoặc ăn uống vô độ thì rất khó mặc com lê đẹp."

Tôi cảm ơn và đi khỏi. Thế giới này cơ man là quy định và luật lệ. Nếu muốn, cứ mỗi bước chân lại đá phải một luật mới.

Trời vẫn mưa, nhưng tôi ngán mua quần áo lắm rồi. Vậy là thay vì sắm áo choàng tôi đi vào quán bia. Ở đây có thể uống bia tươi và ăn hàu sống. Kỳ lạ là ở đây họ đang chơi một bản giao hưởng của Bruckner. Tôi không biết bản nhạc này, nhưng ai biết? Dù sao thì đây là lần đầu tiên tôi nghe Bruckner ở quán bia.

Ngoài tôi ra, trong quán chỉ còn ba khách nữa. Một đôi trai gái trẻ và một ông già mảnh khảnh. Ông già thỉnh thoảng uống một ngụm bia, trong khi hai người kia hầu như không chạm đến cốc mà chỉ khe khẽ nói chuyện gì đó. Đặc trưng cho một quán bia chiều mưa.

Tôi nghe Bruckner, vắt chanh lên năm con hàu, ăn từng con lần lượt theo chiều kim đồng hồ và uống nửa lít bia. Kim đồng hồ treo tường khổng lồ của quán bia còn năm phút nữa thì chỉ đến ba giờ. Dưới mặt số của đồng hồ có hình hai con sư tử đứng đối diện nhau trên hai chân sau và được quay ra quay vào bằng dây cót. Hai con đều là sư tử đực, đuôi vổng lên như mắc treo áo. Nhạc Bruckner chấm dứt. Chuyển sang bài *Bolero* của Ravel. Một sự kết nối kỳ khôi.

Tôi gọi thêm một vại bia và đi đái lần nữa. Nước chảy mãi không hết. Không hiểu tại sao tôi có thể thải ra nhiều nước như vậy. Nhưng do không vội vàng gì nên tôi cứ ung dung cho chảy. Tôi tin là tia nước kéo dài đến hai phút. Nền

nhạc vẫn là *Bolero*. Đi tiểu có *Bolero* của Ravel đệm thì kể cũng kỳ. Tôi có cảm giác nước cứ chảy mãi không hết.

Xong trận đái dài lê thê, tôi thấy hưng phấn như vừa lột xác. Tôi rửa tay, ngó vào tấm gương không thật mặt rồi quay trở lại bàn uống bia. Tôi định châm một điếu thuốc thì nhớ ra đã để quên bao Lark trên bàn bếp ở nhà. Tôi gọi bồi bàn, mua một bao Seven Stars và được thêm cả diêm.

Trong quán bia vắng khách, thời gian như dừng lại, nhưng thực tế nó vẫn lạnh lùng trôi đi. Hai con sư tử thay nhau quay vòng 180 độ, kim đồng hồ đã dịch đến 3 giờ 10. Tôi chống cùi tay lên bàn, vừa uống bia và hút thuốc vừa nhìn chăm chăm vào kim đồng hồ. Giết thời gian bằng cách quan sát đồng hồ quả là một trò vô nghĩa hết sức, nhưng tôi không nghĩ ra việc gì hay hơn. Hầu như mọi hành vi của con người xuất phát từ một tiền đề là người ta còn sống lâu nữa; mất tiền đề này rồi thì chẳng còn gì đáng nói.

Tôi rút ví khỏi túi quần xem có những gì trong đó. Năm tờ mười nghìn, vài tờ một nghìn. Ở ngăn sau còn hai mươi tờ mười nghìn kẹp thành tập. Ngoài tiền mặt, trong ví còn hai thẻ tín dụng của American Express và Visa, và hai thẻ nhà băng. Tôi bẻ gập hai thẻ nhà băng vứt vào gạt tàn. Đằng nào tôi cũng không dùng nữa. Thẻ câu lạc bộ cho bể bơi, thẻ mượn băng video và tập phiếu mua hàng giảm giá được tặng khi mua cà phê cũng chung số phận. Tôi giữ lại bằng lái xe và vứt hai danh thiếp đi. Hộp gạt tàn đầy ứ những di tích của đời tôi. Rốt cuộc chỉ còn lại tiền mặt, thẻ tín dụng và bằng lái xe.

Khi kim dịch đến ba rưỡi, tôi đứng dậy trả tiền rồi đi. Mưa đã gần như tạnh hẳn nên tôi bỏ lại cái ô trong quán. Một dấu hiệu tốt: thời tiết hửng lên, tâm trạng tôi nhẹ nhàng hẳn.

Không cầm ô, tôi như được giải phóng và thấy thích đến một nơi khác, tốt nhất là nơi nào đông người tụ họp. Tôi dừng chân mấy phút ở tòa nhà Sony và cùng một nhóm du khách Ả Rập quan sát bức tường xếp bằng vô số màn hình ti vi, sau đó tôi đi xuống bến tàu điện ngầm và mua vé tuyến Marunouchi đến Shinjuku. Ngồi xuống là tôi thiếp đi luôn, và lúc mở mắt ra thì tàu đang vào bến Shinjuku.

Đến rào chắn tôi sực nhớ là mình đã gửi chiếc đầu lâu và các dữ liệu xáo trộn ở quầy trông hành lý. Tuy không biết bây giờ nên làm gì với mấy thứ đó và cũng không có vé gửi đồ trong người, nhưng vì không có việc gì làm nên tôi quyết định lấy chúng ra. Tôi lên cầu thang đi tới quầy giữ hành lý ngắn hạn và nói với nhân viên ở quầy là tôi đánh mất vé gửi.

"Anh đã tìm kỹ lại chưa?", ông ta hỏi.

Tôi khẳng định.

"Ông gửi đồ gì?"

"Một túi thể thao màu xanh có logo Nike", tôi nói.

"Logo Nike trông thế nào?"

Tôi xin giấy bút, vẽ một hình tựa tựa cái boomerang ngắn và viết chữ NIKE bên trên. Ông ta ngờ vực nhìn hình vẽ và cầm miếng giấy đi dọc các giá hàng. Một hồi sau ông quay lại với túi tôi trong tay.

"Túi này phải không?"

"Chính xác", tôi nói.

"Cho xin tên tuổi của anh. Anh có thẻ căn cước đó không?"

Tôi đưa ông bằng lái xe. Ông ta so các thông số với vé gắn trên hành lý. Sau đó ông gỡ vé ra, đặt lên mặt quầy cùng một cây bút bi và nói: "Ký ở đây!". Tôi ký, nhận túi và cảm ơn.

Giờ thì tôi đã lấy được túi ra suôn sẻ, nhưng chiếc túi thể thao có logo Nike không tương xứng với y phục trên người tôi. Tôi không thể mời cô gái đi ăn trong bộ dạng như vậy. Nghĩ một lát, tôi quyết định thuê một chiếc xe tự lái và để túi ở ghế sau. Vừa đỡ phải xách túi lại vừa không phải bận tâm chuyện nó không hợp với y phục. Tốt nhất là một loại xe thể thao hoành tráng của châu Âu. Không hẳn vì tôi mê ô tô châu Âu lắm, nhưng dù sao thì hôm nay cũng là một ngày cực kỳ đặc biệt trong đời tôi, vậy thì tôi tin rằng rất hợp lý khi đi một chiếc xe như vậy. Cho đến giờ tôi toàn đi xe Volkswagen cũ rích hoặc loại xe nhỏ của Nhật.

Tôi vào một tiệm cà phê hỏi mượn cuốn danh bạ công ty, lấy bút bi đánh dấu bốn trạm cho thuê xe ở gần ga và lần lượt gọi điện đến đó. Không trạm nào có xe châu Âu cả. Vào các Chủ nhật và mùa này hầu như cực hiếm xe, và xe nhập ngoại hoàn toàn không có. Hai trong số bốn trạm chẳng còn gì có thể gọi là ô tô cả. Một trạm mời Honda Civic. Trạm thứ tư còn một chiếc Toyota Carina 1800 GT Twin-Cam Turbo và một chiếc Toyota Corona Mark II. Cô nhân viên kể trong điện thoại là cả hai đều mới tinh và có dàn âm

thanh nổi. Tôi không có hứng gọi điện nữa và quyết định lấy chiếc Carina 1800 GT Twin-Cam Turbo. Thực ra tôi hoàn toàn không để ý đến ô tô, xe nào cũng được. Thậm chí tôi còn không biết chiếc Carina 1800 GT Twin-Cam Turbo đời mới và Corona Mark II mặt mũi ra sao.

Tôi vào một hiệu bán đĩa hát và mua mấy băng cát xét nhạc. *Johnny Mathis's Greatest Hits, Verklärte Nacht* của Schönberg do Zubin Mehta chỉ huy, *Stormy Sunday* của Kenny Burrell, *Popular Ellington* của Duke Ellington, *Brandenburg Concertos* do Trevor Pinnock biểu diễn trên đàn clavico, và một băng Bob Dylan với bài *Like A Rolling Stone*. Lộn xộn đủ chủng loại, nhưng thừa còn hơn thiếu. Nói cho cùng thì tôi cũng chưa biết sẽ nghe nhạc gì khi lên chiếc Carina 1800 GT Twin-Cam Turbo. Có khi tôi sẽ nằm ườn ra xe và muốn nghe James Taylor. Hay một bài van kiểu Vienna. Hoặc Police. Hoặc Duran Duran. Cũng có thể tôi chẳng muốn nghe gì cả. Chưa biết được.

Tôi đút sáu cái băng cát xét vào túi Nike, đến trạm thuê xe, đòi xem xe, trình bằng lái và ký vào giấy tờ. So với cái xe đồ chơi của tôi thì chiếc ghế cho lái xe trong chiếc Carina 1800 GT Twin-Cam Turbo như buồng lái của tàu vũ trụ con thoi. Ai đi xe này, chắc phải thấy xe tôi như cái hộp lắp bốn bánh vậy. Tôi bật băng Bob Dylan và vừa nghe *Watching the River Flow* vừa mất rất nhiều thời gian thử từng nút bấm và công tắc. Khi lái xe tôi sẽ không được phép điều khiển sai nút nào.

Trong khi tôi thử các công tắc trong xe đỗ ở sân, cô

nhân viên dễ thương vừa phục vụ tôi đi từ văn phòng ra và hỏi có gì không ổn. Cô có nụ cười nuột nà và ấm lòng như quảng cáo thương mại trên ti vi. Răng cô trắng bóng, miệng tròn trịa, màu son môi mê ly.

Không có vấn đề gì, tôi nói. Tôi chỉ thử mọi thứ trước khi lên đường.

"Thế ạ", cô nói và mỉm cười lần nữa. Nụ cười của cô làm tôi nhớ đến một cô bạn gái ở trường trung học. Một cô gái tươi tắn và thông minh. Tôi nghe kể lại là cô làm quen một nhân vật có đầu óc cách mạng ở đại học và cưới anh ta, đẻ hai đứa con, sau đó bỏ cả chồng con đi đâu mất, không ai biết. Nụ cười của cô nhân viên trạm cho thuê xe gợi tôi nhớ đến cô bạn cùng lớp nọ. Hồi đó ai tưởng tượng được cô bé mười bảy xuân xanh đáng yêu, mê J. D. Salinger và George Harrison, mấy năm sau có hai con với một nhà cách mạng rồi biến mất tăm?

"Ước gì mọi lái xe đều cẩn thận như anh. Được thế thì công việc chúng tôi đơn giản đi nhiều", cô gái văn phòng nói. "Bộ điều khiển bằng máy tính ở những mẫu đời chót vô cùng phức tạp."

Tôi gật đầu. Thì ra tôi không phải khách hàng vụng về duy nhất. "Tôi phải ấn nút nào để tính ra căn bậc hai của 185?"

"Thế thì anh phải đợi mẫu xe sắp tới", cô cười. "Anh nghe nhạc Bob Dylan phải không ạ?"

"Chính xác", tôi nói. Bob Dylan đang hát *Positively Fourth Street*. Bài nào hay thì sau hai mươi năm vẫn hay.

"Nghe Bob Dylan là tôi nhận ra ngay", cô nói.

"Vì ông ta thổi ắc mô ni ca dở hơn Stevie Wonder?"

Cô lại cười. Tôi cũng thấy vui khi biết mình còn làm cho người khác cười được.

"Không, tôi thực sự thích giọng ông ta", cô nói. "Như giọng một đứa trẻ đứng bên cửa sổ ngắm mưa rơi."

"Một sự so sánh độc đáo", tôi nói. Cô ta so sánh thật độc đáo. Tôi đã đọc vài cuốn sách về Bob Dylan nhưng chưa hề gặp một chữ nào hợp như vậy. Ngắn gọn và chuẩn xác. Tôi nói cho cô biết, và mặt cô hơi đỏ ửng lên.

"Ồ, tôi không biết. Đó là cảm nhận của tôi."

"Dùng lời riêng của mình để thể hiện cảm nhận của mình là một việc vô cùng khó khăn", tôi nói. "Ai cũng cảm nhận, nhưng thể hiện ra cho chuẩn xác thì không phải ai cũng làm được."

"Mơ ước của tôi là trở thành nhà văn", cô nói.

"Cô sẽ thành một nhà văn giỏi", tôi nói.

"Rất cảm ơn!"

"Tôi không ngờ một người trẻ như cô mà lại biết Bob Dylan."

"Tôi thích nhạc ngày trước. Bob Dylan, The Beatles, The Doors, The Byrds, Jimi Hendrix..."

"Giá mà có thì giờ gặp lại cô", tôi nói.

Cô gái cười và nghiêng đầu, nghiêng chút xíu thôi. Phụ nữ thông minh biết một trăm câu trả lời khác nhau cho câu hỏi kiểu đó của một người đàn ông băm lăm tuổi mệt mỏi đã ly dị. Tôi cảm ơn cô và chuyển bánh. Bob Dylan hát *Stuck Inside of Mobile with the Memphis Blues Again.* Tôi vui

hơn sau khi nói chuyện với cô. Tôi đã sáng suốt khi quyết định chọn chiếc Carina 1800 GT Twin-Cam Turbo!

Chiếc đồng hồ kỹ thuật số trên bảng điều khiển hiện 4 giờ 42. Bầu trời không nắng trên thành phố tối dần trong khi tôi chậm chạp đi về nhà qua những đường phố ùn tắc. Xe cộ không chỉ đi chậm như trong những ngày Chủ nhật mưa, mà còn bị tắc thảm hại: một chiếc xe thể thao nhỏ xanh lá mạ xiên đầu vào sườn một chiếc xe tải tám tấn chở đầy khối bê tông. Chiếc xe đua bẹp dí như một thùng các tông rỗng bị ai đó ngồi phịch lên. Vài cảnh sát vận áo mưa đen đứng ngơ ngáo, một xe cứu nạn đang lắp xích kéo xác xe bị nạn.

Mất một lúc lâu tôi mới qua được điểm xảy ra tai nạn, nhưng cho đến lúc hẹn còn nhiều thì giờ, tôi có quyền hút một điếu thuốc và nghe tiếp Bob Dylan. Rồi tôi thử hình dung cuộc đời ra sao bên cạnh một ông chồng làm cách mạng. Có thể hiểu đó là một nghề không? Xét nghiêm ngặt thì làm cách mạng không phải nghề. Mặt khác, làm chính trị lại là nghề, mà cách mạng dù sao cũng là một dạng thức của chính trị. Tôi không tìm ra được kết luận.

Tối đến, khi ông chồng đi làm về, liệu ông ta có ra bàn ngồi uống bia và kể về tiến trình của cách mạng không?

Bob Dylan bắt đầu bài *Like a Rolling Stone.* Tôi kệ thây cách mạng và ư ử ngân theo. Tất cả chúng ta đều già đi. Phải chấp nhận điều đó như chấp nhận trời mưa vậy.

34

Đầu Lâu

Chim chóc bay qua. Chúng bay thấp là là trên Đồi Tây tuyết phủ và biến khỏi tầm mắt của tôi.

Tôi đứng trước lò sưởi để hơ tay chân cho ấm và uống trà nóng do ông đại tá rót cho.

"Tối nay cậu cũng định đi đọc mơ à? Nếu cứ thế này thì đến tối mình sẽ ngập trong tuyết, đường đi xuống thư viện và quay về sẽ rất nguy hiểm. Cậu không nghỉ được một hôm à?"

"Một ngày cũng không nghỉ được", tôi nói.

Ông đại tá lắc đầu đi ra khỏi phòng và quay lại ngay với một đôi ủng đi tuyết kiếm được ở đâu đó cho tôi. "Cậu lấy đôi này mà đi. Ít nhất thì cậu sẽ không bị trượt chân trên đường phủ tuyết."

Tôi đi thử. Vừa như in - một điềm tốt.

Đã đến lúc. Tôi quấn khăn kín cổ, xỏ găng tay và mượn mũ của ông già. Rồi tôi đóng chiếc phong cầm lại, đút vào túi măng tô. Bây giờ tôi yêu cái đàn nhỏ đến mức đi đâu cũng đem theo.

"Cẩn trọng nhé", ông sĩ quan già nói. "Đang giai đoạn khó khăn nhất cho cậu đấy. Nếu có chuyện gì xảy ra lúc này thì không hay ho gì đâu."

"Vâng, tôi biết", tôi nói.

Đúng như tôi đoán, tuyết đã phủ lưng chừng hố đất. Các ông già đã đi mất và đem theo dụng cụ. Nếu trời tiếp tục có tuyết thì sáng mai chắc chắn không nhìn thấy hố nữa. Tôi đứng ra miệng hố và quan sát tuyết bay vào. Rốt cuộc tôi cũng quay đi và xuống chân đồi.

Tuyết rơi dữ dội, nhìn không nổi quá hai thước. Tôi bỏ kính ra, đút vào túi, kéo khăn che lên tận mũi và tiếp tục xuống dốc. Tiếng rào rạo của đế ủng đi tuyết nghe dễ chịu, đôi lúc có tiếng chim kêu trong bụi cây. Không hiểu chim chóc nghĩ gì về tuyết? Và bầy thú? Chúng nghĩ gì khi thấy tuyết rơi không ngớt?

Tôi đến thư viện sớm hơn một tiếng so với mọi khi, nhưng cô thủ thư đã đốt lò từ trước và ngồi đợi tôi. Cô đập tuyết khỏi măng tô và cạo băng đóng cứng giữa các đinh ủng.

Chưa bao giờ trước đó cô đáng yêu và đáng trân trọng như vậy trong mắt tôi, mặc dù từ hôm qua đến giờ cô không thể thay đổi nhanh như vậy. Ngọn đèn phản chiếu ánh sáng vàng trong tấm kính mờ, hơi ấm mơn trớn thân thuộc từ lò sưởi, cà phê ngát hương tỏa ra từ vòi ấm bốc hơi, ký ức lặng lẽ từ những ngày xa xưa cô đọng ở mỗi góc cạnh nhỏ nhất trong phòng, các động tác ít ỏi và dịu dàng của cô

thủ thư - tất cả dường như đã rời bỏ tôi từ lâu. Tôi thả lỏng mình, lặn sâu lần nữa vào thế giới yên bình ấy và nghĩ đến lúc sẽ vĩnh viễn mất cô.

"Ta ăn tối bây giờ nhé? Hay đợi lát nữa?"

"Anh không muốn ăn. Không đói", tôi nói.

"Được. Khi nào đói thì anh cho em biết. Anh uống cà phê nhé?"

"Ừ, ta uống cà phê đi."

Tôi cởi găng tay ra và treo lên tay nắm cửa lò cho khô. Rồi tôi hơ tay lên lò sưởi - cho rã đông từng ngón một - và nhìn cô lấy ấm trên lò xuống, rót cà phê ra hai chén. Cô đưa tôi một chén rồi ra bàn ngồi uống cà phê một mình.

"Bên ngoài tuyết rơi như điên. Giơ tay lên trước mắt cũng không thấy!", tôi nói.

"Vâng, và sẽ còn kéo dài vài hôm nữa. Đến khi những đám mây dày trên trời rũ hết tuyết xuống thì thôi."

Tôi uống nửa chén cà phê nóng rồi cầm chén ra ngồi đối diện cô. Tôi đặt chén xuống bàn và im lặng nhìn cô một hồi. Một nỗi buồn vô hạn dâng lên, có cảm giác tôi sa vào một luồng gió cuốn tôi đi khỏi cô, không sao cưỡng được.

"Hãy đợi đến khi tuyết ngừng rơi, anh sẽ thấy nhiều tuyết như chưa từng thấy trong đời, thật đấy!", cô nói.

"Có lẽ anh sẽ không được thấy nữa."

Cô rời mắt khỏi chén cà phê và nhìn tôi.

"Tại sao? Ai mà chẳng nhìn thấy tuyết?"

"Hôm nay anh không tâm trạng nào đọc mơ nữa. anh muốn trò chuyện với em hơn", tôi nói. "Về một chuyện rất

quan trọng. Anh có nhiều điều phải cho em biết, nhưng anh cũng muốn được em cho biết một số điều. Được không?"

Cô đan hai tay trên bàn, ngơ ngác nhìn tôi và gật đầu, tuy không biết câu chuyện sẽ đi đến đâu.

"Bóng của anh sắp chết", tôi bắt đầu. "Chắc em thấy là mùa đông năm nay cực khắc nghiệt, và bóng anh khó lòng qua nổi. Anh nghĩ là không lâu nữa. Chỉ còn là vấn đề thời gian. Nếu nó chết, anh sẽ mất tâm hồn - vĩnh viễn. Vì vậy ngay ở đây và bây giờ anh phải ra một số quyết định. Những quyết định đó liên quan đến anh, cũng liên quan đến em nữa, và nhiều chuyện khác nữa. Anh không còn nhiều thời giờ để cân nhắc, nhưng giả sử anh có nhiều thời giờ như mong muốn thì kết cục cũng chẳng có gì thay đổi - quyết định của anh là dứt khoát."

Tôi uống cà phê và lật đi lật lại trong đầu quyết định của mình, suy nghĩ xem nó có đúng không. Nó đúng. Nhưng dù thế, chắc chắn là chọn đường nào thì tôi cũng chịu mất mát, mất nhiều, không sao lấy lại được.

"Hầu như chắc chắn là chiều mai anh sẽ rời khỏi thành phố", tôi nói. "Anh không hề biết theo đường nào và như thế nào. Bóng anh biết. Anh và nó sẽ cùng nhau đi khỏi thành phố, quay về thế giới cũ là nơi bọn anh từng sống trước khi tới đây. Anh sẽ mang bóng theo người như ngày xưa, sẽ ngờ vực và đau khổ, sẽ già đi và chết. Anh tin rằng thế giới ngoài kia hợp với anh hơn. Anh sẽ phải chấp nhận bị tâm hồn mình giằng xé. Có lẽ em không hiểu điều đó đâu, nhưng..."

Cô nhìn tôi dò xét - không, đúng hơn là cô nhìn chằm

chằm vào một điểm trong không khí mà tình cờ khuôn mặt tôi ở đúng chỗ đó.

"Anh không thích ở đây sao?"

"Ngay hôm đầu em đã nói rằng anh nhất định sẽ hài lòng với thành phố này khi tìm thấy sự tĩnh lặng. Và quả thật anh thích sự tĩnh lặng và bình yên ở đây. Anh cũng biết là sự bình yên này sẽ hoàn hảo khi anh đánh mất tâm hồn mình. Ở đây không có gì làm người ta đau đớn. Có thể anh sẽ hối hận suốt đời là đã bỏ thành phố này ra đi. Tuy nhiên - anh không ở lại được, không thể được. Tâm hồn anh không cho phép hy sinh bóng và các con thú để anh được ở lại đây. Vì vậy nên mặc cho bao nhiêu tĩnh lặng và bình yên mà anh có thể sẽ nhận được, anh không thể lừa gạt tâm hồn mình, ngay cả khi chính nó cũng sắp biến đi không bao giờ trở lại. Đó là một chuyện khác. Tâm hồn ôm mãi sự tổn thương khi bị ta lừa gạt, kể cả khi nó đã tan biến hoàn toàn. Em có thể hiểu được ý anh muốn nói gì không?"

Cô im lặng nhìn xuống ngón tay mình một hồi lâu. Rất lâu. Đến khi chén cà phê thôi bốc khói. Trong phòng im phăng phắc.

"Anh sẽ không bao giờ về đây nữa, phải không?"

Tôi gật đầu. "Một khi đi khỏi là không bao giờ anh trở về được nữa. Chắc chắn là thế. Kể cả khi anh có ý định - cửa thành sẽ không bao giờ mở ra đón anh nữa."

"Và anh không luyến tiếc gì?"

"Mất em là điều anh đau khổ nhất. Nhưng anh yêu em, đó là điều quan trọng nhất. Anh không được phép để

tình cảm ấy tàn lụi đi - đó là giá quá cao phải trả để được có em. Trước khi xảy ra điều đó, thà anh mất em ngay ở đây và bây giờ, khi tâm hồn anh còn nguyên vẹn."

Im lặng lại trùm lên căn phòng. Tiếng than nổ lách tách trong lò to lạ thường. Măng tô, khăn quàng, mũ và găng tay của tôi treo cạnh lò sưởi. Tất cả những thứ tôi nhận của thành phố đều giản dị, nhưng tôi ưa chúng, tôi quen chúng như một phần mật thiết của mình.

"Anh cũng đã nghĩ đến khả năng để bóng trốn một mình rồi ở lại đây", tôi cho cô biết. "Nhưng khi đó anh sẽ bị người ta sẽ đuổi vào rừng và không bao giờ gặp em nữa. Em thì không thể sống được trong rừng bên cạnh những người không hy sinh bóng mình theo quy định của thành phố và do đó còn giữ tâm hồn trong người. Anh có tâm hồn, em thì không, vì vậy... Thậm chí em còn không biết nhớ anh!"

Cô khẽ gật. "Vâng, đúng, em không có tâm hồn. Mẹ em có tâm hồn, nhưng em thì không. Và vì mẹ còn một mảnh tâm hồn mà người ta đày mẹ vào rừng. Cho đến giờ em đã giấu anh, nhưng em còn nhớ như in lúc người ta đuổi mẹ đi. Hôm nay em vẫn thỉnh thoảng nhớ lại.

Ước gì em có tâm hồn... thì ngày đó em còn được ở cạnh mẹ, em còn có thể theo mẹ vào rừng sống. Nhưng bây giờ... ước gì có tâm hồn để em có khả năng nhớ đến anh!"

"Em vẫn muốn có tâm hồn, kể cả vì thế mà em sẽ bị đày vào rừng?"

Cô vẫn đăm đăm nhìn vào hai tay đan vào nhau trên bàn. Đột ngột cô xòe các ngón. "Mẹ em nói, chừng nào có

tâm hồn thì sẽ không gì bị mất đi, bất kể người ta đi đâu. Em vẫn nhớ rõ. Đúng thế không?"

"Anh không biết", tôi nói. "Nhưng đúng hay không đúng thì đó là điều mà mẹ em tin tưởng. Vấn đề là chính em có tin hay không."

"Em nghĩ là em tin", cô nói và nhìn sâu vào mắt tôi.

"Thật chứ?", tôi ngạc nhiên gặng hỏi. "Em thật sự tin điều đó?"

"Có thể", cô nói.

"Không. Em hãy nghĩ thật kỹ đi. Vì đây là chuyện quan trọng, rất quan trọng", tôi nói. "Tin vào một điều, bất kể điều gì, là một công năng của tâm hồn. Em hiểu chứ? Giả sử em có thể tin tưởng sắt đá vào một điều, và giả sử đó là một niềm tin sai lầm, vậy em sẽ phải cảm thấy thất vọng, và đó là một động thái tâm hồn. Em có tâm hồn không?"

Cô lắc đầu. "Em không rõ. Vừa rồi em chỉ nghĩ đến những gì mẹ nói, thế thôi. Em nghĩ là mình phải có khả năng tin vào điều đó, thế thôi."

"Anh cho rằng tận sâu thẳm trong em còn đọng lại gì đó liên quan tới tâm hồn. Có lẽ nó chỉ bị vùi lấp và không lộ ra được. Do đó mà bức tường thành để cho em yên đến hôm nay, vì nó không phát hiện ra!"

"Ý anh là em không hy sinh bóng mình đúng cách, giống như mẹ em, có nghĩa là em vẫn còn tâm hồn?"

"Không, có lẽ không. Bóng em đã chết thật rồi, chết ở thành phố này và được chôn ở rừng táo. Có ghi trong hồ sơ của em. Không, nếu có thì hình như trong em còn tiếp tục

tồn tại một hình phản chiếu hay một mảnh vụn của tâm hồn mẹ em, do hồi ức về mẹ em tạo ra. Dường như đó chính là nguyên nhân khiến em rối trí. Và anh nghĩ rằng, nếu em lần theo hình ảnh đó thì ta sẽ tìm được lời giải."

Trong phòng im ắng một cách thiếu tự nhiên. Ngoài kia những bông tuyết nhảy múa; dường như nó hút mọi tiếng động như một nắm bông. Tôi đoán là bức tường ở đâu đó bên ngoài đang nín thở và dỏng tai lên nghe chúng tôi nói chuyện.

"Ta hãy nói về những giấc mơ xưa", tôi nói. "Ngày này sang ngày khác, những gì tâm hồn tiết ra được bầy thú hút vào rồi biến thành những giấc mơ xưa, đúng không?"

"Vâng, đúng thế. Khi bóng chết, tâm hồn sẽ được các con thú hút sạch và đem đi."

"Vậy thì lẽ ra anh phải dần dần đọc ra được tâm hồn em từ các giấc mơ ấy chứ?"

"Không, không thể được. Vì tâm hồn không được hút hết như một tổng thể, mà ở dạng tan nát. Từng mảnh nhỏ tâm hồn em ở trong đầu lâu của nhiều con thú khác nhau, quyện vào những mảnh tâm hồn người khác ở dạng vô cùng phức tạp, người ta không thể đọc riêng ra được. Anh sẽ không thể tách biệt cái gì thuộc về em hay thuộc về người khác. Cho đến nay anh đã đọc rất nhiều giấc mơ xưa, nhưng liệu anh có thể nói được cái gì thuộc về em không? - "Anh không nói được, đúng không? Bản chất các giấc mơ xưa là thế. Không ai tách bạch chúng ra được. Sự hỗn độn vẫn là hỗn độn và bị tiêu hủy trong trạng thái hỗn độn."

Tôi quá hiểu những gì cô muốn giải thích. Tôi đọc mơ từ hôm này đến hôm khác, không ngừng nghỉ, song chẳng tìm ra ý nghĩa của lấy một mảnh nhỏ. Giờ đây tôi chỉ còn vẻn vẹn hăm mốt tiếng đồng hồ. Và trong hăm mốt tiếng ấy, bằng cách nào đó tôi phải lượm lặt được các mảnh tâm hồn cô. Quả là vô vọng, trong thành phố của sự bất tử này, và tôi chỉ còn vài tiếng đồng hồ. Tôi nhắm mắt hít một hơi sâu. Tôi phải tập trung tinh thần tìm ra con đường mòn mỏng manh thoát khỏi mê hồn trận này.

"Ta vào kho lưu trữ đi", tôi nói.

"Vào kho làm gì?"

"Ta phải suy nghĩ trong lúc xem các đầu lâu. Có thể ta sẽ nghĩ ra giải pháp."

"Anh thực sự tin rằng sẽ đọc ra tâm hồn em?", cô hỏi và nhìn tôi dò xét.

"Anh tin sẽ đọc ra được tâm hồn em", tôi khẽ đáp.

"Bằng cách nào?"

"Anh chưa rõ", tôi nói. "Nhưng nhất định anh sẽ làm được. Anh biết chắc. Nhất định sẽ có một cách hữu hiệu mà anh còn phải tìm ra."

"Chẳng khác gì đi tìm một giọt mưa rơi xuống sông!"

"Em nhầm. Tâm hồn không phải giọt mưa. Nó không rơi từ trên trời xuống, và quan trọng là nó độc nhất vô nhị. Nếu em tin anh thì hãy tin một điều: anh hứa sẽ tìm thấy! Tất cả phụ thuộc vào đó."

"Em tin anh", cô thì thầm sau một lát im lặng. "Anh hãy tìm thấy tâm hồn em đi!"

35

Bấm Móng Tay, Nước Xốt Bơ, Bình Sắt

Đúng 5 giờ 20 tôi đỗ xe trước thư viện. Còn nhiều thì giờ nên tôi ra khỏi xe đi dạo. Thành phố sau mưa. Tôi giết thời gian bằng cách vào một quán cà phê đứng, xem một ván đánh golf được ti vi truyền trực tiếp. Sau đó tôi vào hiệu chơi điện tử. Đây là trò dùng súng chống tăng để diệt một đoàn xe bọc thép tiến qua sông. Ban đầu tôi thừa điểm, nhưng càng chơi thì xe tăng của địch càng lúc nhúc tăng quân số và rốt cuộc san bằng cứ điểm của tôi. Đòn hủy diệt là một vụ nổ lóe chớp như bom nguyên tử và màn hình trắng xóa. Sau đó dòng chữ GAME OVER - INSERT COIN hiện lên.

Cạnh hiệu chơi điện tử có một cửa hàng kim khí. Trong cửa kính bày đủ loại công cụ xếp ngăn nắp. Các bộ cờ lê và vặn vít, máy bắn ghim và máy vặn vít chạy điện. Cả một hộp da đựng công cụ chính xác của Tây Đức. Không

lớn hơn một cái xắc phụ nữ, nhưng trong đó xếp gọn gàng từ cưa tay cỡ trung đến búa và hiệu điện kế, tất cả những gì cần thiết. Bên cạnh đó là một bộ ba chục lưỡi dao trổ. Chưa bao giờ tôi nghĩ đến một bộ dao trổ có tới ba chục lưỡi hoặc hơn; tôi ngạc nhiên nhìn chúng nằm thành hàng. Mỗi lưỡi có hình khác, một số lưỡi có dạng lạ lùng đến mức khó tưởng tượng ra chúng được sử dụng cách nào. Trái với hiệu trò chơi điện tử đinh tai nhức óc, cửa hàng kim khí lặng như tờ. Tận cuối cửa hàng, một ông trung niên đeo kính, tóc thưa thớt, đang tháo lắp gì đó.

Như có linh tính mách bảo, tôi vào cửa hàng và tìm một cái bấm móng tay. Cạnh dãy dao cạo râu, một loạt bấm móng tay nằm thẳng hàng trên tấm gỗ như bộ sưu tập bướm. Một cái trong đó có hình dạng kỳ lạ khiến tôi không sao đoán nổi làm sao có thể dùng nó bấm móng tay được. Tôi cầm nó ra quầy. Đó là một vật bằng inox dài chừng năm phân; không rõ người ta bấm vào đâu và như thế nào thì cắt được móng tay?

Ông chủ cửa hàng bỏ cái vặn vít và máy đánh trứng ra khỏi tay và giải thích cho tôi. "Anh xem này. Một, thấy chưa, hai. Và ba - thế là ra một cái bấm móng tay!"

"Tài thật!", tôi nói. Quả thật nó biến thành một cái bấm móng tay chính cống. Ông ta gấp nó về dạng ban đầu rồi đưa tôi. Tôi lặp lại các động tác của ông - một cái bấm móng tay.

"Hàng tốt đấy", ông nói, tựa như tiết lộ cho tôi một bí mật. "Của hãng Henckels bên Đức, bảo hành trọn đời. Rất

tiện đem đi du lịch. Không gỉ, lưỡi sắc. Có thể cắt được cả vuốt chó!"

Tôi trả 2.800 yên. Ông gói nó vào bao da đen đưa tôi rồi làm tiếp máy đánh trứng. Trước mặt ông là mấy cái đĩa trắng sạch sẽ, mỗi đĩa đựng một cỡ đinh vít của máy đánh trứng. Những chiếc đinh vít đen trên đĩa trắng trông rất hạnh phúc.

Tôi cầm cái bấm móng tay ra ô tô. Trong lúc đợi cô thủ thư, tôi nghe băng *Brandenburg Concertos*. Vừa nghe tôi vừa nghĩ tại sao những chiếc đinh vít trên đĩa trông hạnh phúc như vậy. Có thể vì chúng đã không còn là một phần của máy đánh trứng, và được phép không là gì khác mà chỉ là đinh vít. Hoặc vì những cái đĩa trắng là một vị trí danh dự đối với đinh vít. Dù thế nào chăng nữa: thấy chúng hạnh phúc là một cảm giác tốt lành.

Tôi lại lôi cái bấm móng tay khỏi túi áo vest, mở nó ra, cắt thử một móng tay, gấp lại như cũ và cho vào bao da. Nó cắt tốt. Về khía cạnh nào đó, cửa hàng kim khí giống như một bể cá không ai thích vào xem.

Gần sáu giờ, giờ đóng cửa thư viện, mọi người ào ra. Rất nhiều học sinh trung học, ai cũng xách túi thể thao bằng nylon như của tôi. Cũng có vài người lớn tuổi. Chiều Chủ nhật họ đến phòng đọc tạp chí và bốn nhật báo khác nhau. Như những con voi, họ thu lượm kiến thức rồi về nhà ăn tối.

Khi mọi người ra hết, một hồi chuông vang lên. Sáu

giờ. Tiếng chuông lanh lảnh khiến tôi nhận ra mình đói ngấu. Không có gì lạ: hôm qua tôi hầu như không ăn gì, và từ sáng sớm hôm nay chỉ ăn một nửa cái bánh kẹp giăm bông và trứng, một miếng bánh phô mai nhỏ và mấy con hàu sống. Cơn đói giống một cái hố lớn. Sâu và tối. Người ta có thể ném viên đá vào như tôi từng thấy dưới lòng đất mà không nghe thấy tiếng động.

Tôi ngả lưng ghế xuống, nhìn lên bầu trời sà thấp và nghĩ đến ăn uống. Đủ mọi thứ đồ ăn hiện ra trước mắt tôi rồi lại biến mất. Trong đó có cả một đĩa trắng đầy đinh vít. Chan nước xốt trắng và rắc mấy nhánh cải xoong, trông cực ngon miệng.

Cô gái ở quầy thông tin ra khỏi thư viện lúc 6 giờ 15.

"Xe của anh à?", cô hỏi.

"Không, xe anh thuê. Trông không hợp với anh sao?"

"Không hợp lắm. Xe này chỉ cho những người thật trẻ thôi, hay không phải?"

"Trạm cho thuê xe không còn xe nào khác. Anh lấy cái này không phải vì rất thích nó. Thực ra xe nào cũng được."

"Vậy à?", cô nói và đi vòng quanh xe như để đánh giá rồi ngồi vào ghế lái phụ. Trong xe cô săm soi mọi chi tiết, rút gạt tàn ra, ngó vào ngăn đựng găng tay.

"*Brandenburg?*", cô hỏi.

"Em thích không?"

"Có, thậm chí rất thích. Em rất hay nghe. Em thích nhất Karl Richter chỉ huy. Băng này có lẽ là bản thu âm khá mới. Ai chơi vậy?"

"Trevor Pinnock", tôi nói.

"Anh thích Pinnock nhất à?"

"Không hẳn. Anh chỉ thấy cái băng cát xét này và mua luôn. Nhưng không dở đâu."

"Anh đã nghe *Brandenburg Concertos* do Pablo Casals biểu diễn chưa?"

"Chưa."

"Anh nên tìm nghe. Không hẳn như anh chờ đợi ở *Brandenburg*, nhưng rất thú vị."

"Anh sẽ tìm nghe", tôi nói, dù không biết sẽ có thì giờ làm chuyện đó không. Tôi chỉ còn mười tám tiếng, và còn phải ngủ một chút. Phần đời còn lại có ngắn đến mấy thì tôi cũng không thể thức suốt đêm được.

"Mình sẽ ăn gì?", tôi hỏi.

"Ăn đồ Ý nhé?"

"Tuyệt vời."

"Em biết một nhà hàng gần đây. Họ làm mọi thứ rất tươi."

"Anh đói đến mức có thể ăn cả đinh vít", tôi nói.

"Em cũng thế", cô nói. "Sơ mi đẹp quá."

"Cảm ơn", tôi nói.

Nhà hàng cách thư viện chừng mười lăm phút đi xe. Chúng tôi thong thả luồn lách qua một khu dân cư, tránh xe đạp và người đi bộ. Đến giữa đoạn đường lên đồi chợt thấy một nhà hàng Ý. Một ngôi nhà ở bằng gỗ sơn trắng, xây kiểu châu Âu và được sửa lại thành quán bình dân. Biển hiệu nho nhỏ, dễ bị bỏ qua. Xung quanh là những ngôi nhà

im ắng trồng tuyết tùng Himalaya và thông cao vút, cành lá in bóng đen lên nền trời chiều muộn.

"Nằm khuất quá", tôi nói trong khi đánh xe vào bãi đỗ.

Nhà hàng khá nhỏ, chỉ có ba bàn và bốn chỗ ở quầy bar. Một bồi bàn quấn yếm đưa chúng tôi đến bàn trong cùng. Ngoài cửa sổ đung đưa mấy cành mận.

"Ta uống gì? Vang nhé?", cô gái hỏi.

"Em chọn đi", tôi nói. Tôi chỉ thạo các loại bia. Trong khi cô bàn luận chi tiết về các loại rượu vang với bồi bàn, tôi ngắm cây mận ngoài cửa sổ. Một nhà hàng Ý và cây mận ngoài vườn, tôi thấy buồn cười. Mặc dù cũng có thể chẳng buồn cười gì cả. Ở Ý cũng có mận mà. Và ở Pháp có rái cá. Chọn rượu khai vị xong, chúng tôi mở quyển thực đơn và phác họa chiến lược ẩm thực. Mất khá nhiều thì giờ để chọn đồ ăn. Món khai vị là gỏi tôm với nước xốt dâu tây, hàu sống, ba tê gan kiểu Ý, mực hấp trong nước mực, cà tím phủ phô mai nướng, cá trứng dầm chua. Tôi chọn thêm mì dẹt cho mình và spaghetti rắc húng quế cho cô.

"Anh sẻ với em một đĩa mì ống với mắm cá nhé?", cô hỏi.

"Nghe được đấy", tôi nói.

"Có cá nào ngon hôm nay?", cô hỏi bồi bàn.

"Chúng tôi có cá vược tươi", bồi bàn giới thiệu. "Hấp trong giấy bạc và rắc hạnh nhân."

"Cho tôi món ấy", cô nói.

"Cả tôi nữa", tôi nói. "Và gỏi rau ba lăng, và cơm nấm."

"Còn tôi thì xin rau xào và cơm xốt cà chua", cô nói.

"Món cơm của quán này nhiều lắm đấy", bồi bàn nói giọng khá băn khoăn.

"Không lo. Tôi hầu như không ăn gì từ hôm qua, còn quý cô đây bị dãn bao tử", tôi nói.

"Có thể gọi là một hố đen", cô nói.

"Vâng", bồi bàn nói.

"Món tráng miệng tôi chọn là đá nhuyễn với nho, bánh bột chanh, và một tách espresso", cô gái nói.

"Tôi cũng thế, tại sao không", tôi nói.

Sau khi bồi bàn cẩn thận ghi chép các món được đặt và đi khỏi, cô nhìn tôi cười hơn hớn: "Anh không gọi nhiều món như thế để đua với em đấy chứ?"

"Không, anh sắp chết đói thật mà", tôi nói. "Đã lâu chưa có lần nào đói như vậy."

"Tuyệt vời", cô nói. "Em không tin tưởng vào những người ăn như mèo. Lúc nào em cũng cho là họ giấu giếm mình chuyện gì đó. Anh nghĩ sao?"

"Anh không biết", tôi nói. Tôi không biết thật.

"Có vẻ như *anh không biết* là câu cửa miệng của anh thì phải?"

"Có thể", tôi nói.

"Cả *có thể* nữa!"

Tôi chẳng biết nói gì, chỉ gật đầu.

"Vì sao? Vì sao anh luôn nghĩ không dứt khoát như vậy?"

Anh không biết, *có thể*, tôi nhắc đi nhắc lại trong đầu trong khi người bồi bàn đến bên bàn và mở chai rượu vang

ra rót với dáng điệu kính cẩn như thầy thuốc của triều đình nắn chỗ sai khớp của thái tử.

"Nhân vật chính trong *L'Etranger* có thói quen nói 'không phải lỗi tôi'. Hừm, tên anh ta là gì nhỉ..."

"Meursault", tôi nói.

"Phải rồi, Meursault", cô nhắc lại. "Em đọc từ hồi ở trung học. Học sinh ngày nay không đọc những thứ ấy nữa. Mới đây em có một cuộc khảo cứu về đề tài này ở thư viện. Anh thích nhà văn nào?"

"Turgenev."

"Turgenev không phải là nhà văn lớn. Lại cổ hủ nữa."

"Có thể", tôi nói. "Nhưng anh thích ông ấy. Flaubert và Thomas Hardy cũng hay."

"Anh không đọc văn học mới à?"

"Thỉnh thoảng đọc Somerset Maugham."

"Ông ấy cũng khó gọi là mới được", cô nói và giữ ly vang nghiêng nghiêng.

"Nhưng thú vị. Anh đã đọc ba lần *The Rasor's Edge*. Có thể đó không phải một tiểu thuyết lớn, nhưng đọc rất thú. Hơn là ngược lại."

"Có thể thế", cô nói. "Sơ mi màu da cam rất hợp với anh."

"Cảm ơn", tôi nói. "Áo dài của em cũng đẹp lắm."

"Cảm ơn *anh*", cô nói.

Cô mặc một chiếc áo dài nhung trơn màu lam đậm, cổ đăng ten nhỏ màu trắng, và đeo hai dây chuyền bạc rất mỏng. "Sau khi nghe điện của anh, em tạt nhanh qua nhà thay đồ. Ở gần chỗ đi làm rất tiện."

"Thì ra thế", tôi nói. Thì ra thế.

Các món khai vị đầu tiên được bưng lên. Chúng tôi im lặng ăn một hồi lâu. Mọi thứ đều thanh, ngon, tinh tế. Tôm tươi rói, hàu còn mặn mùi biển cả.

"Anh đã xong vụ thú một sừng chưa?", cô hỏi trong khi lấy dĩa cạo một con hàu khỏi vỏ.

"Hừm, tùy theo cách nhìn", tôi nói và lấy khăn chùi mực ở mép.

"Thú một sừng ở đâu?"

"Ở đây", tôi nói và gõ ngón tay vào đầu mình. "Chúng sống trong đầu anh. Cả một đàn."

"Anh nói kiểu biểu tượng?"

"Không, không, hoàn toàn không phải biểu tượng. Chúng sống trong đầu anh, đó là sự thực. Có một người đã phát hiện ra hộ anh."

"Nghe thú vị đấy. Kể tiếp cho em nghe đi!"

"Chẳng thú vị gì đâu", tôi nói và đẩy cho cô đĩa cà tím. Cô đền tôi đĩa cá vược.

"Nhưng em thích nghe!"

"Ở tận đáy ý thức hệ có một dạng như cái lõi mà người ta không cảm nhận được bằng giác quan. Trong trường hợp anh, đó là một thành phố với một dòng sông chảy qua và được bao bọc bởi một bức tường thành cao xây bằng gạch. Dân trong thành không thể ra ngoài. Chỉ có đàn thú một sừng được rời thành phố. Như những tờ giấy thấm, chúng hút hết các bản thể của người dân và chuyển ra ngoài thành. Vì vậy người dân trong thành phố không có bản thể,

không có chính mình. Anh sống trong thành phố ấy - đúng hơn là sẽ sống ở đó. Không thể nói thêm điều gì nữa, chính anh cũng chưa được tận mắt nhìn thấy thành phố."

"Một câu chuyện rất độc đáo", cô nói.

Giải thích cho cô xong tôi mới ngộ ra rằng ông giáo sư không nói một lời nào về dòng sông. Rõ ràng tôi đang bị kéo từng bước đến thế giới ấy.

"Anh không tạo ra nó một cách có ý thức", tôi nói.

"Nhưng anh *đã* tạo ra nó, cho dù có thể vô thức, chứ còn ai ngoài anh nữa?"

"Anh đoán thế", tôi nói.

"Cá trứng ngon đấy chứ?"

"Quá ngon."

"Anh có thấy chuyện này giống chuyện thú một sừng của Nga mà em đã đọc cho anh không?", cô vừa hỏi vừa cắt cà tím. "Những con thú một sừng Ucraina cũng tạo thành một quần thể được cách li bởi vách đá bao quanh."

"Về mặt này có sự trùng hợp", tôi nói.

"Có thể có sự liên quan..."

"Đợi anh một chút", tôi nói và thọc tay vào túi áo vest. "Anh có một quà tặng cho em!"

"Em rất thích được tặng quà!", cô nói.

Tôi rút cái bấm móng tay ra đưa cô. Cô lấy nó trong bao ra và ngơ ngác nhìn. "Gì thế?"

"Đưa anh", tôi nói và lấy lại. "Em chú ý này! Một, hai - và ba!"

"Bấm móng tay?"

"Chính xác. Đem đi du lịch rất tiện. Gập lại thì theo chiều ngược lại. Như thế này", tôi lại biến nó thành thanh inox ban đầu rồi đưa cho cô. Cô thử làm theo.

"Hay quá, cảm ơn anh!", cô nói. "Anh hay tặng phụ nữ những món thế này à?"

"Bấm móng tay thì là lần đầu. Anh vừa vào một cửa hàng kim khí và định mua mấy đồ, và anh đã mua cái bấm móng tay này. Bộ dao trổ to quá."

"Cái này là đúng rồi, cảm ơn anh. Em hay đánh mất lắm. Em sẽ cất nó vào xắc, cho vào túi bên trong." Cô đút nó vào bao da và cất vào túi.

Người bồi bàn dọn các đĩa khai vị đi và bưng món mì. Cơn đói khủng khiếp của tôi vẫn chưa đỡ. Sáu món khai vị hầu như không để lại dấu vết gì trong hố đen. Trong giây lát tôi thanh toán đĩa mì dẹt khá to, sau đó ăn thêm nửa đĩa mì ống với mắm cá. Đã thấy le lói chút ánh sáng trong bầu không khí tối tăm của cái đói.

Ăn xong mì, chúng tôi uống vang và đợi món cá vược.

"Có chuyện em muốn hỏi", cô nói. Môi cô áp vào ly khiến giọng cô nghe lạ tai hẳn. "Chuyện nhà anh bị phá. Có người nào dùng máy móc để phá à? Hay nhiều người?"

"Không có máy, mà cũng chẳng nhiều người", tôi nói. "Chỉ có một người duy nhất."

"Chắc hắn ta phải khỏe lắm!"

"Thậm chí hắn còn không thở gấp."

"Người quen của anh?"

“Không, anh chưa thấy mặt hắn lần nào trước đó.”

“Trông tan hoang quá, em tưởng như có bom nổ bên trong vậy.”

“Anh tin em.”

“Chuyện đã xong chưa?”

“Chưa. Đối với chúng nó thì chưa.”

“Nhưng đối với anh thì xong rồi?”

“Rồi và chưa. Rồi, vì anh không được chọn. Chưa, vì không có sự lựa chọn nào. Trong vụ này người ta không cho anh sự chủ động nào ngay từ phút đầu. Như thể một mình anh chơi bóng dưới nước chống lại một đàn hải cẩu vậy.”

“Vì vậy mai anh đi?”

“Hừm… có thể hiểu như thế.”

“Có vẻ như anh bị lôi vào một vụ rất phức tạp.”

“Phức tạp đến mức chính anh không biết có gì xảy ra. Thế giới ngày càng phức tạp lên. Năng lượng hạt nhân, chủ nghĩa xã hội tan rã, máy tính thay người, thụ tinh nhân tạo, vệ tinh viễn thám, tim nhân tạo, phẫu thuật thùy não. Ngay bảng điều khiển trên ô tô cũng không nắm được. Nếu phải nói một cách đơn giản: anh đã sa chân vào một cuộc chiến thông tin. Như một con tốt đen. Cho đến khi máy tính có một nhân cách, có một cái Tôi.”

“Liệu một ngày nào đó sẽ xảy ra?”

“Có thể”, tôi nói. “Lúc đó nó sẽ tự biến dạng các dữ liệu của nó rồi tự tập hợp chúng lại. Và không ai ăn cắp được dữ liệu.”

Bồi bàn mang cá vược và cơm.

"Em không hiểu", cô nói trong khi lấy dao ăn cá để xẻ con cá vược. "Ở thư viện mọi thứ đều bình yên. Ở đó có sách, và mọi người đến đọc sách. Các thông tin dành cho tất cả, không ai tranh giành chúng."

"Lẽ ra anh làm thủ thư thì hơn", tôi nói. Có lẽ thế thì tốt hơn thật.

Chúng tôi ăn món cá và không để lại một hột cơm dính trên đĩa. Cái hố đói của tôi rốt cuộc không còn là thùng không đáy nữa.

"Cá vược ngon quá!", cô gái thốt lên hài lòng.

"Bí quyết nằm trong nước xốt bơ", tôi nói. "Hành tím băm nhỏ và nấu chín từ từ trong bơ hảo hạng. Nếu không chú ý là không tạo được vị."

"Anh thích nấu ăn, phải không?"

"Nghệ thuật nấu ăn không thay đổi mấy từ thế kỷ 19. Nguyên liệu tươi, chuẩn bị cẩn thận, cảm nhận hương vị, trình bày thẩm mỹ - đó là những yếu tố không bao giờ xê dịch."

"Bánh bột chanh cũng ngon tuyệt", cô nói. "Anh còn ăn được nữa không?"

"Tất nhiên", tôi nói. "Thêm năm cái nữa cũng xong."

Tôi ăn đá nhuyễn với nho, bánh bột chanh và uống espresso. Món bánh chanh tuyệt hảo. Tráng miệng phải nhiều và ngon miệng như thế mới đạt. Hương vị của espresso cũng hài hòa và đằm.

Sau khi chúng tôi lấp hết các thứ vào lỗ hổng không đáy, ông bếp trưởng ra tận bàn để chào. Chúng tôi nói với

ông là vô cùng hài lòng.

"Khách ăn như thế thì bếp cũng khoái nấu", ông ta nói. "Ít người ăn được nhiều như anh chị, ngay ở Ý cũng hiếm."

"Cảm ơn ông", tôi nói.

Sau khi bếp trưởng quay đi, tôi gọi bồi bàn và gọi thêm hai chén espresso. "Anh là người đầu tiên ngang sức ngang tài với em trên bàn ăn mà không chết vì bội thực", cô nói.

"Anh còn ăn được nữa", tôi nói.

"Em có pizza để lạnh ở nhà, và một chai Chivas Regal."

"Ta đi thôi", tôi nói.

Nhà cô quả thật rất gần thư viện. Cô có một ngôi nhà riêng, tuy chỉ là nhà liền kề nhưng cũng đáng nể. Có hành lang tử tế và vườn đủ cho một người nằm duỗi thẳng tay chân. Vườn hơi cớm nắng. Trồng đỗ quyên ở một góc. Nhà có cả một tầng lầu.

"Hồi mua nhà này, em còn có gia đình", cô kể. "Em đã trả tiền vay ngân hàng bằng bảo hiểm nhân thọ của chồng em. Bọn em rất muốn có con. Nhà quá rộng cho một người."

Tôi gật đầu đồng tình và ngắm phòng khách.

Cô lấy pizza trong ngăn đá ra, cho vào lò và bày chai Chivas, ly và đá lên bàn phòng khách. Tôi bật máy cát xét trong dàn stereo. Băng nhạc mà tôi hú họa lấy ra có nhạc

của Jackie MacLean, Miles Davis, Wynton Kelly.

Trong khi đợi pizza, chúng tôi uống rượu và nghe tiếp *Bag's Groove* và *Surrey with a Fring on Top.*

"Anh thích jazz cổ điển à?", cô hỏi.

"Hồi trung học anh toàn vào các quán nhạc jazz, anh không nghe gì khác."

"Anh không nghe nhạc mới?"

"Police, Duran Duran, nghe đủ thứ. Có gì nghe nấy."

"Nhưng anh không chọn nghe nhạc ấy ở nhà?"

"Không nhất thiết", tôi nói.

"Chồng em ngày xưa chỉ nghe nhạc ngày xưa."

"Giống anh."

"Vâng, hai người quả thực có gì đó giống nhau. Anh ấy bị đánh chết trên xe buýt, bằng một cái bình sắt."

"Tại sao?"

"Một thằng lỏi phun sơn vẽ trên xe buýt, anh ấy mắng nó, và nó lấy bình sắt đánh."

"Tại sao nó có bình sắt theo người?"

"Ai biết được", cô nói. "Một cách chết rất đau xót."

Tôi cũng thấy thế.

Món pizza đã xong. Mỗi người ăn một nửa, sau đó chúng tôi ngồi cạnh nhau trên sofa uống whiskey và vang.

"Em có muốn xem một cái đầu lâu thú một sừng không?", tôi hỏi.

"Có chứ", cô nói. "Anh có đem theo à?"

"Không phải đồ thật, chỉ là phiên bản thôi."

"Em vẫn muốn xem."

Tôi ra ô tô đỗ ở trước nhà và lấy túi du lịch từ ghế sau.

Trời đêm đầu tháng Mười mát dịu. Vài mảng mây bị xé rách, để hiện ra vầng trăng gần tròn. Nhất định ngày mai trời sẽ đẹp. Trở lại phòng khách, tôi mở túi, lấy chiếc đầu lâu quấn trong khăn ra và đưa cô xem. Cô đặt ly vang xuống bàn và xem xét chiếc đầu lâu rất kỹ. "Làm rất giống."

"Do một nhà nghiên cứu sọ làm", tôi nói và uống một ngụm whiskey.

"Trông như thật."

Tôi tắt cát xét, lấy cái kẹp gắp than gõ lên đầu lâu. Tiếng khô như tiếng gõ mõ.

"Gì vậy?"

"Mỗi đầu lâu có một âm thanh riêng đặc thù", tôi nói. "Nhà nghiên cứu sọ có thể nghe ra các ký ức trong đó."

"Em thấy chuyện này rất hay", cô nói. Rồi cô tự gõ lên đầu lâu. "Trông không thể biết là phiên bản!"

"Người làm ra nó là một người cực cầu toàn."

"Đầu của chồng em bị vỡ, nhất định sẽ không phát ra âm thanh nào."

"Anh không biết", tôi nói.

Cô để đầu lâu xuống bàn, cầm ly uống một ngụm. Chúng tôi ngồi trên sofa, tựa vai vào nhau, tay cầm ly và quan sát chiếc đầu lâu. Lúc thì trông như nó cười với chúng tôi, lúc thì như đang lấy hơi.

"Anh bật nhạc lên đi", cô nói.

Tôi lại lấy trong đống băng một cát xét bất kỳ và cho

vào máy, ấn nút PLAY rồi quay về sofa.

"Ở đây ổn không, hay mình lên lầu?"

"Ở đây lý tưởng", tôi nói.

Pat Boone nhẹ nhàng hát *I'll Be Home.* Dường như thời gian trôi ngược chiều, nhưng tôi không thèm bận tâm; kệ nó muốn trôi đi đâu thì tùy. Cô thủ thư kéo màn đăng ten ở cửa sổ trông ra vườn khép vào và tắt đèn. Rồi cô trút bỏ quần áo dưới ánh trăng. Cô cởi dây chuyền bạc, đồng hồ uốn hình vòng tay và áo dài nhung trơn. Tôi cũng cởi đồng hồ ném lên sofa. Sau đó tôi cởi áo vest, nới lỏng cà vạt và dốc nốt chỗ whiskey còn sót trong ly.

Khi cô cuộn tất quần xuống đến mắt cá thì nhạc đổi sang bài mới; Ray Charles hát *Georgia on My Mind.* Tôi nhắm mắt, gác chân lên bàn và để thời gian lắc sóng sánh trong đầu như lắc whiskey trong ly. Tất cả, tất cả đã từng có lần xảy ra cách đây lâu lắm rồi. Nếu có khác thì họa chăng đôi chút ở quần áo vương dưới sàn nhà, ở âm nhạc và những lời chuyện trò. Nhưng không có gì để phân biệt. Người ta quay mãi trong vòng tròn để rồi lại quay về điểm cũ. Một cuộc chạy đua tại chỗ trong đu quay. Không ai vượt lên, không ai tụt lại, mãi mãi vẫn là một vạch đích không đổi. Không có bước tiến bộ.

"Tất cả, hình như tất cả đã có lần xảy ra với anh lâu lắm rồi", tôi nói, mắt vẫn nhắm.

"Tất nhiên, đồ ngốc ạ", cô nói. Cô lấy ly khỏi tay tôi và mở khuy sơ mi, từ từ, chậm rãi, như tước xơ đậu đũa.

"Sao em biết?"

"Vì em biết", cô nói. Và hôn lên ngực trần của tôi. Mái tóc dài của cô rủ xuống bụng tôi. "Tất cả, tất cả đã có lần xảy ra rồi. Tất cả quay vòng, lặp đi lặp lại, ý anh thế phải không?"

Tôi vẫn nhắm mắt, thả cho mọi sự diễn ra với mình. Tôi nhớ đến món cá vược, bấm móng tay, con sên trên ghế băng trước hiệu giặt. Thế giới đầy rẫy những điềm báo trước.

Tôi mở mắt và nhẹ nhàng vòng tay ôm cô để mở móc nịt ngực sau lưng. Nhưng không thấy.

"Phía trước", cô nói.

Ai bảo là không có bước tiến bộ.

Chúng tôi làm tình ba lần, sau đó đi tắm rồi trùm chăn ngồi trên sofa và nghe Bing Crosby. Tôi cực phấn chấn. Dương vật tôi dựng đứng như Kim Tự tháp Giza. Tóc cô thơm phức nước xả thơm. Đệm mút của sofa không quá mềm, đúng là một bộ sofa tốt. Còn lại từ những ngày mà người ta sản xuất ra sofa tốt. Nó tỏa mùi thơm của nắng đọng từ xưa. Một bộ sofa từ thời mà những bộ sofa chất lượng còn là điều hiển nhiên.

"Sofa của em rất tốt", tôi nói.

"Đồ cũ rích ấy mà! Em định mua một bộ mới từ lâu."

"Em nên giữ nó."

"Thế thì em giữ", cô nói.

Bing hát, và tôi hát theo:

Ôi, Danny yêu, tiếng kèn túi gọi
Vang vang khắp thung lũng núi đồi
Hè đã qua và hoa hồng tàn héo
Anh phải lên đường, em chỉ biết đợi thôi.

Nhưng hãy quay về khi nắng mới tinh khôi
Hay khi thung lũng im lìm trắng tuyết
Em sẽ ở đây dù nắng hay mưa
Danny yêu, em nhớ anh da diết

"Anh thích bài này hả?", cô hỏi.

"Ừ, anh rất thích", tôi nói. "Hồi ở tiểu học anh thổi ắc mô ni ca bài này ở một cuộc thi và được giải nhất, được thưởng một tá bút chì. Ngày xưa anh thổi ắc mô ni ca giỏi lắm."

"Đời vui ra phết", cô cười.

"Mỗi phút một tràng cười", tôi nói.

Cô bật lại *Danny Boy* và tôi hát lần nữa:

Nhưng nếu anh héo tàn và chết
Như hoa hồng không thể sống ngàn năm
Em sẽ tìm đến chỗ anh nằm
Và quỳ xuống đọc lời cầu nguyện
Nhưng hãy quay về khi nắng...

Lần này bài hát làm tôi buồn thê thảm.

"Anh sẽ viết thư cho em nhé?", cô hỏi.

"Nhất định", tôi nói. "Nếu ở đó gửi thư được."

Chúng tôi chia nhau chỗ rượu vang còn trong chai.

"Em biết mấy giờ rồi không?", tôi hỏi.

"Nửa đêm rồi", cô trả lời.

36

Phong Cầm

“Anh có thực sự *cảm thấy* sẽ đọc ra được tâm hồn em?”, cô thủ thư hỏi.

“Có. Tâm hồn em ở đâu đây, ngay gần đây thôi, anh chỉ chưa biết nên tìm ở đâu! Và anh cũng linh cảm là anh đã có lần từng biết cách tìm ra nó.”

Chúng tôi ngồi sánh vai nhau trên sàn nhà kho lưu trữ, tựa lưng vào tường nhìn lên dãy đầu lâu. Các đầu lâu im lặng nhìn lại, nhưng không tiết lộ một ý gì.

“Anh thử nghĩ lại xem. Thử nhớ lại tất cả những gì diễn biến quanh anh từ khi bóng anh bị ốm, từng chi tiết một. Có thể trong đó ẩn giấu chìa khóa dẫn đến tâm hồn em.”

Sàn nhà lạnh ngắt. Tôi nhắm mắt, trong tai ầm vang tiếng im lặng của dãy đầu lâu.

“Sáng nay mấy ông già đào một cái hố ngay dưới cửa sổ phòng anh. Anh không hiểu họ định chôn gì xuống đó mà đào hố to như vậy. Tiếng xẻng cắm vào đất đã đánh thức anh. Nghe như mấy ông già đào cái hố đó trực tiếp trong

đầu anh. Sau đó có tuyết rơi, và tuyết đã phủ kín hố."

"Còn trước đó?"

"Anh đi với em đến nhà máy điện. Nhưng tự em biết rồi mà! Anh gặp anh quản lý trẻ và chuyện trò với anh ta về khu rừng. Anh ấy còn chỉ cho anh xem quạt gió nằm trên lỗ gió. Tiếng gió hú thật khủng khiếp - tựa như thổi thẳng từ địa ngục sâu thẳm lên chỗ chúng mình. Anh quản lý là người trầm lặng, trẻ và gầy."

"Đúng, em còn nhớ."

"Anh ấy tặng anh chiếc phong cầm, một cây đàn gió có hộp gió đẩy ra đẩy vào. Nó cũ rồi nhưng vẫn hoạt động không chê vào đâu được."

"Chiếc phong cầm!", cô nói. "Biết đâu chiếc phong cầm... không, *đúng* chiếc phong cầm là chìa khóa, nhất định."

"Phong cầm?", tôi nói.

"Vâng, rất logic: phong cầm tượng trưng cho âm nhạc, âm nhạc tượng trưng cho mẹ em, và mẹ em tượng trưng cho những gì còn sót lại của tâm hồn em. Có thể thế không?"

Tôi đứng dậy quay trở lại thư viện tìm chiếc măng tô treo cạnh lò sưởi, lấy chiếc phong cầm trong túi ra đem vào kho và ngồi xuống cạnh cô thủ thư. Tôi xỏ tay vào quai da hai bên sườn đàn và chơi vài hợp âm.

"Nghe hay quá", cô nói. "Có phải những tiếng này bắt chước gió không?"

"Nó chính *là* gió", tôi nói. "Phong cầm tạo ra gió, gió sinh ra các âm thanh khác nhau và tập hợp chúng lại."

Cô nhắm mắt lắng nghe tiếng phong cầm.

Tôi lần lượt bấm tất cả các hợp âm mà tôi nhớ ra. Các ngón tay phải của tôi nhẹ nhàng lần theo các nốt nhạc từ dưới lên và từ trên xuống, nhưng không thể nhận ra một giai điệu nào. Tuy vậy lúc này tôi không lấy đó làm quan trọng nữa. Tôi dùng nó tạo ra tiếng gió cho cô nghe là đủ lắm rồi. Chẳng việc gì phải tìm thêm. Tôi chỉ việc phó mặc mình cho gió như một con chim.

Không, không thể thế được, tôi không thể bỏ mặc tâm hồn tôi ra sao thì ra. Đôi khi nó nặng nề và tăm tối, những lúc khác nó lại vút lên không trung và nhìn thấy cả cõi vĩnh hằng.

Tôi nghe được ngọn gió mùa đông ngoài kia vút qua thành phố. Nó rú rít ở góc tường thư viện, xoắn xuýt vòng quanh tháp đồng hồ cao vút, luồn qua dưới cầu và uốn cong những cành liễu dọc sông. Nó thổi thốc qua rừng, quét ngang đồng cỏ, kêu vi vút trong dây cáp trong khu nhà máy và đập ầm ầm vào cửa. Bầy thú run rẩy vì lạnh và mọi người trong nhà nín thở. Tôi nhắm mắt và để những hình ảnh của thành phố trôi qua trong óc. Bãi cát bồi trên sông, vọng quan sát trên tường thành phía tây, nhà máy điện trong rừng, những mảnh nắng ở khu công chức nơi người già ngồi tán gẫu, bầy thú quỳ uống nước bên mấy hố nước bờ sông, đám cỏ dại xanh lục mọc ở kẽ giữa các bậc đá run run trước gió mùa hè. Tôi cũng nhớ đến hồ nước ở phía nam mà tôi cùng cô thủ thư đến xem, nhớ mảnh ruộng nhỏ sau nhà máy điện, đồng cỏ bao quanh doanh trại bỏ hoang phía tây, những mảng tường đổ cạnh giếng nước trong Rừng Đông nằm sát tường thành.

Tôi cũng nhớ đến những người mà tôi làm quen ở đây.

Ông đại tá ở phòng bên, mấy ông già trong khu công chức, viên quản lý nhà máy điện và cuối cùng là ông gác cổng - nhất định giờ này họ đang ngồi trong phòng mình và nghe tiếng bão tuyết gầm rú bên ngoài.

Tôi sẽ mất đi, mất tất cả những địa điểm và con người ấy, mất vĩnh viễn. Cả cô thủ thư nữa. Nhưng tôi sẽ không quên những câu chuyện và khuôn mặt ấy trong phần đời còn lại. Tôi sẽ nhớ đến họ, tựa như vừa thấy họ hôm qua. Cho dù thành phố này lắm ngang trái, cho dù người ở đây không có tâm hồn - đó đâu phải là lỗi của họ? Thậm chí tôi sẽ nhớ cả ông gác cổng. Ông ta cũng chỉ là cái đinh vít nhỏ trong bộ máy lớn, một trong nhiều người bị bức tường thành phong tỏa không sao thoát ra được. Một thế lực nào đó đã tạo ra vòng kim cô bằng gạch này, con người chỉ đưa chân vào và bị cầm cố trong đó. Tôi tin rằng tôi có thể yêu thành phố này, những địa điểm và cư dân ở đó. Tôi không thể ở lại đây, đúng thế, nhưng đơn giản là tôi yêu tất cả.

Đúng lúc ấy có gì đó bùng lên trong óc tôi, thoảng nhẹ, khó nhận ra. Một hòa âm chợt vướng lại, dai dẳng đợi, tựa như muốn đòi gì. Tôi mở mắt và nhấn hợp âm đó lần nữa. Tay phải tôi tìm các âm thanh tương thích. Tôi khó nhọc lắm mới tìm ra bốn nốt đầu tiên thích hợp với hợp âm đó. Chúng như những tia nắng dịu dàng nhảy múa từ trên trời xuống và từ từ len vào tim tôi. Bốn âm thanh ấy cần tôi, và tôi cần chúng.

Tôi ghì nút hợp âm vừa tìm được ở bên phím trầm và nhấn đi nhấn lại bốn nốt kia bên phím giai điệu. Chúng gọi

những âm kế tiếp và một hợp âm từ ba nốt khác. Trước tiên tôi tìm hợp âm ấy. Và tìm được ngay. Giai điệu này khó tìm quá, nhưng bốn nốt đầu đã giúp tôi tìm đến năm nốt tiếp theo. Hợp âm tiếp theo từ ba âm khác cũng nảy ra ngay.

Đó là một bài hát! Chưa phải một bài đầy đủ, nhưng ít nhất cũng là các nhịp đầu tiên. Tôi lặp đi lặp lại ba hòa âm với mười hai nốt. Nhất định phải là một bài hát mà tôi rất thuộc.

Danny Boy!

Tôi nhắm mắt chơi hết bài hát. Khi đã nhớ ra bài đó, giai điệu và hợp âm cứ thế tự tuôn chảy ra ngón tay. Tôi chơi đi chơi lại bài hát. Giai điệu tràn ngập trái tim, làm dãn từng sợi cơ trong cơ thể xơ cứng của tôi. Bài hát bị quên lãng lâu ngày ngân nga trong tai, thấm sâu đến xương tủy - chắc chắn tôi phải có một khát vọng đón chờ nó từ tận sâu thẳm trong tâm hồn! Tôi đã mất nó quá lâu, đến nỗi quên cả khao khát được nhớ đến nó. Âm nhạc làm tay chân và da thịt tôi, cả tâm hồn tôi từng tê cứng trong mùa đông nay tan ra, âm nhạc trả lại cho đôi mắt tôi ánh sáng hằng khao khát.

Có cảm giác như qua âm nhạc mà tôi cảm nhận được hơi thở của thành phố. Tôi ở trong thành phố, và thành phố trong tôi. Nó thở, nó chuyển động theo nhịp cơ thể tôi. Và run rẩy. Cả bức tường cũng bập bềnh, phập phồng. Nó dãn nở như làn da tôi.

Tôi đắm chìm vào giai điệu của *Danny Boy*, chơi đi chơi lại rất lâu bài hát ấy, rồi tôi đặt đàn xuống sàn nhà, dựa vào tường và nhắm mắt. Người tôi vẫn bập bềnh. Tựa như

tất cả xung quanh đều là tôi. Tường thành, cánh cổng, bầy thú, khu rừng, dòng sông, lỗ gió, hồ nước - tất cả, tất cả đều là tôi mà thôi. Tất cả đều *trong tôi.* Ngay cả mùa đông lê thê cũng là một phần tôi.

Cô thủ thư không mở mắt, ngay cả sau khi tôi đã bỏ tay khỏi đàn. Nước mắt tuôn trào dưới hàng mi cô nhắm chặt, trong khi hai tay cô ghì chặt cánh tay tôi. Tôi quàng tay lên vai cô và chạm môi lên mi mắt cô. Nước mắt cô ấm nóng, da cô mềm và ấm. Một tia sáng kỳ bí và dịu dàng khiến gò má cô ửng lên và những giọt lệ sáng lấp lánh. Ánh sáng đó không thể từ bóng đèn tù mù dưới trần nhà kho. Nó trong trẻo như ánh sao, mặc dù vậy rất ấm áp.

Tôi đứng dậy tắt đèn. Giờ thì có thể nhận ra nguồn sáng từ đâu - đầu lâu! Đầu lâu tỏa sáng! Căn phòng sáng tựa ban ngày. Ánh sáng dịu như mặt trời mùa xuân và lặng lẽ như ánh trăng. Dường như trong nháy mắt, ánh sáng bị lãng quên trong muôn vàn đầu lâu ngủ say trên giá chợt bừng dậy. Chúng im lìm tỏa sáng lóng lánh như mặt biển dưới ánh nắng ban mai. Và mặc dù tôi nhìn thẳng vào chúng nhưng mắt không bị lóa và không hề đau. Ngược lại, ánh sáng ấy trùm lên tôi một sự yên tĩnh đê mê, tràn vào tâm hồn tôi như một hơi ấm của những kỷ niệm xa xưa. Tôi nhận ra mắt mình đã lành lại từ lâu. Không gì có thể làm tổn thương chúng được nữa.

Một quang cảnh tráng lệ! Mọi nơi quanh tôi lấp lánh và nhấp nháy. Đồng lòng trong lời nguyền im lặng, tất cả tỏa sáng như những viên ngọc nằm dưới đáy hồ nước trong

vắt. Tôi cầm một đầu lâu lên tay và khẽ lướt đầu ngón tay lên đỉnh sọ. Lập tức tôi nhận ra tâm hồn của cô. Nó đây rồi! Nó dịu dàng và âu yếm áp vào đầu ngón tay tôi. Hơi ấm và ánh sáng từ những tia mỏng mảnh của tâm hồn cô còn yếu ớt, nhưng đó *là* hơi ấm và ánh sáng, không ai cướp chúng của cô đi được nữa.

"Nó đây này, tâm hồn của em đây!", tôi nói. "Ánh sáng này chỉ từ tâm hồn em tỏa ra mà thôi."

Cô gật đầu rất khẽ và nhìn tôi với cặp mắt đẫm lệ.

"Bây giờ anh có thể đọc được tâm hồn em, bây giờ anh có thể ráp từng mảnh lại thành một khối nguyên vẹn. Tâm hồn em không lạc lối và tan nát nữa. Nó đây rồi, và không ai lấy nổi của em được nữa."

Tôi đặt một nụ hôn nữa lên mi mắt cô.

"Em hãy để anh một mình ở đây một lát", tôi nói. "Đến sáng sớm anh sẽ đọc xong tâm hồn em. Sau đó anh sẽ ngủ mấy phút."

Cô lại gật đầu, đưa mắt nhìn lần nữa dọc dãy đầu lâu đang tỏa sáng lấp lánh trước khi rời khỏi kho. Sau khi cô đóng cửa, tôi tựa lưng vào tường và ngắm muôn vàn tia sáng thanh mảnh chấp chới phát ra từ các đầu lâu, ngắm mãi không thôi. Đó là những giấc mơ xưa mà cô vẫn gìn giữ, nhưng đồng thời cũng là những giấc mơ của tôi. Nhưng để cuối cùng tìm được chúng, tôi đã phải đi con đường dài dằng dặc qua thành phố nằm trong bức tường vây quanh này. Giờ là lúc tôi đến đích. Tôi nhặt một đầu lâu, áp tay lên và từ từ nhắm mắt.

37

Ánh Sáng, Hướng Nội, Sạch Sẽ

Tôi không rõ đã chợp mắt được bao lâu. Có người lay vai tôi. Cái đầu tiên tôi nhận ra là mùi sofa. Sau đó là sự bực bội vì bị thức dậy một cách phũ phàng. Tất cả, tất cả mọi người xô đến như giặc châu chấu và lôi tôi ra khỏi giấc ngủ ngọt ngào.

Nhưng có gì đó trong tôi ép tôi phải nhượng bộ và thức dậy. Có gì đó trong tôi phang một bình sắt lên đầu tôi: bây giờ không phải lúc để ngủ.

"Dậy, dậy đi nào!", cô thủ thư nói.

Tôi ngồi dậy và mở mắt. Tôi khoác áo choàng tắm màu da cam. Cô gái mặc T-Shirt đàn ông trắng và quần lót trắng. Cô lay vai tôi như điên. Trong bộ đồ trắng trông cô như một đứa bé yếu ớt, chỉ một ngọn gió phẩy qua là tan thành bụi. Chừng ấy spaghetti, cá và cơm mà cô nuốt vào đi đâu cả? Đồng hồ của tôi cũng đâu mất. Trời còn tối lắm. Nếu mắt tôi còn tinh thì bây giờ vẫn đang đêm.

"Trên bàn, nhìn trên bàn kìa!", cô la lên.

Tôi nhìn lên bàn. Có gì lấp lánh như cây thông Noel. Nhưng nó quá bé để gọi là cây thông, và bây giờ mới tháng Mười. Tôi nắm tay vào vạt áo choàng và ngó chòng chọc vật lạ trên bàn. Không, không phải cây thông Noel. Mà là cái đầu lâu mà tôi đặt lên bàn. Hoặc cô đặt. Tôi không rõ ai, nhưng cũng không quan trọng. Đồ vật phát sáng lấp lánh như cây thông Noel kia là chiếc đầu lâu thú một sừng mà tôi đem tới đây. Các điểm sáng phủ khắp bề mặt đầu lâu. Chúng nhỏ xíu và cũng không sáng lắm. Dù vậy những điểm đó phát sáng như sao trên trời. Ánh sáng trắng dịu và mềm mại. Tựa như mỗi điểm sáng bị lấn át bởi điểm bên cạnh, đường chu vi nhòa đi trong sương mù bập bềnh và khắc sâu ấn tượng là ánh sáng không ở trên bề mặt đầu lâu, mà lơ lửng bên ngoài. Chúng tôi im lặng ngắm biển chấm sáng nho nhỏ ấy từ sofa một hồi lâu. Cô gái khẽ quàng tay tôi, trong khi tôi vẫn nắm tay vào vạt áo choàng. Đang đêm, xung quanh im lặng như tờ.

"Anh lắp đèn vào trong à?"

Tôi lắc đầu. Tôi đã ngủ một đêm với đầu lâu, nhưng nó không phát sáng. Nếu ánh sáng từ một lớp màu dạ quang quét lên thì nó không thể lúc sáng lúc không, mà luôn phát sáng trong tối. Vả lại, trước khi chúng tôi thiếp đi cũng có thấy nó sáng đâu. Không, tôi không "lắp đèn" vào trong. Đây không phải ánh sáng do tay người làm ra. Không có ánh sáng nhân tạo nào mềm và dịu như vậy.

Tôi khẽ gỡ tay cô đang bám vào cánh tay phải tôi và lấy chiếc đầu lâu từ mặt bàn đặt vào lòng.

"Anh không sợ sao?", cô khẽ hỏi.

"Không", tôi nói. Tôi không sợ. Nó liên quan ra sao đó với tôi. Và không ai sợ chính mình cả.

Tôi cảm thấy trong tay mình một hơi ấm như từ một ngọn lửa bé xíu dần tàn. Các ngón tay tôi cũng được bao bọc trong ánh sáng nhàn nhạt. Mắt nhắm, tay nhúng vào hơi ấm, tôi cảm thấy trong tâm hồn mình có những đám mây kéo lên.

"Trông nó không phải là một phiên bản", cô nói. "Đây là một cái đầu lâu thực, anh có nghĩ thế không? Và nó ẩn chứa ký ức từ một thời xa xôi…"

Tôi chỉ gật đầu. Tôi nào biết gì hơn? Là phiên bản hay không thì cái đầu lâu này vẫn đang phát sáng, và tôi ôm nó trong tay. Tôi chỉ biết là ánh sáng muốn kể với tôi một điều gì. Có thể cảm nhận rõ rệt. Một gợi ý nào đó. Có thể về thế giới mới, có thể về thế giới cũ mà tôi sắp bỏ lại sau lưng. Tôi không lĩnh hội được hết.

Tôi mở mắt và nhìn kỹ vầng sáng đang bao bọc các ngón tay mình. Ý nghĩa của nó thì tôi không hiểu ra, nhưng tôi cảm thấy rõ rệt là trong đó không có gì tàn độc hay thù nghịch. Nó áp vào tay tôi, tỏ vẻ hài lòng được nằm đó. Tôi lấy đầu ngón tay vẽ theo quầng sáng. Không, chẳng có gì phải sợ cả, tôi nghĩ thầm. Chẳng có lý do gì để tôi sợ chính mình.

Tôi đặt đầu lâu trở lại bàn và khẽ chạm vào má cô.

"Ấm quá!", cô nói.

"Ánh sáng ấm", tôi nói.

"Cho em sờ vào được không?"

"Được chứ!"

Cô sờ tay lên đầu lâu và nhắm mắt. Ánh sáng trắng lúc này cũng trùm lên các ngón tay cô.

"Em cảm thấy gì đó", cô nói. "Em không biết đó là gì, nhưng hình như em đã có lần biết nó rồi. Không khí, ánh sáng, âm thanh, đại loại thế. Em không diễn tả được."

"Anh cũng thế", tôi nói. "Anh khát."

"Anh uống bia hay nước?"

"Bia", tôi nói.

Trong khi cô đi lấy bia và cốc, tôi tìm đồng hồ và thấy nó nằm sau sofa. 4 giờ 16. Khoảng một tiếng nữa mặt trời sẽ mọc. Tôi lấy điện thoại và quay số ở nhà. Do chưa bao giờ gọi điện về nhà mình nên một lúc lâu sau tôi mới nhớ ra số. Không ai nhấc máy. Tôi để kêu mười lăm hồi chuông, đặt máy xuống rồi lại để kêu mười lăm hồi chuông nữa. Vẫn thế. Không ai bắt điện.

Liệu cô gái mũm mĩm có đang trên đường đến chỗ ông cô đang đợi dưới đất không? Hay bọn ký hiệu sư hoặc người của Hệ thống đã tóm được cô ở nhà tôi? Dù có chuyện gì thì cô gái sẽ giải quyết ổn cả thôi. Cô sẽ giải quyết mọi việc giỏi gấp mười tôi, cho dù cô không bằng nửa tuổi tôi. Cừ thật. Tôi đặt máy. Nghĩ đến chuyện không bao giờ gặp lại cô nữa là tôi xốn xang cả người. Xốn xang như khi nhìn một khách sạn bị đóng cửa - người ta khuân bàn ghế đi, tháo đèn chùm xuống, gỡ màn che từ cửa và cửa sổ, từng tấm một.

Chúng tôi ngồi uống bia trên sofa và ngắm ánh sáng trắng tỏa ra từ đầu lâu.

"Có phải ánh sáng là một phản ứng với anh?"

"Anh không rõ", tôi nói. "Nhưng anh tin là thế. Tuy có thể không trực tiếp."

Tôi rót nốt chỗ bia ra cốc và từ từ uống hết. Thế giới trước rạng đông im ắng như trong một khu rừng cô quạnh. Quần áo chúng tôi nằm vương vãi trên thảm. Áo vest, sơ mi, cà vạt, quần của tôi, áo dài, tất, quần lót của cô. Tôi nhìn đống quần áo như kết quả cuộc đời ba mươi lăm năm của mình hiện ra trước mắt.

"Anh nhìn gì kỹ vậy?", cô hỏi.

"Quần áo."

"Tại sao?"

"Cách đây không lâu chúng còn là một phần của anh. Và của em. Giờ thì hết rồi. Trông chúng khác lắm, như của người khác chứ không phải của anh và em."

"Lý do là mình đã ngủ với nhau", cô nói. "Sau khi làm tình người ta thường hướng nội."

"Không, không phải thế", tôi nói, tay vẫn cầm cốc bia đã cạn. "Anh không hướng nội. Đột nhiên bây giờ những vật nhỏ bé của thế giới này đập vào mắt anh hơn. Một con sên, một mái hiên, hàng bày ở cửa kính hiệu kim khí."

"Em dọn đi nhé?"

"Không, em cứ để thế."

"Kể cho em nghe về con sên đi."

"Anh thấy một con sên trước hiệu giặt là", tôi nói.

"Trước đó anh không biết là mùa thu có sên."

"Cả năm lúc nào cũng có sên."

"Hình như vậy."

"Sên có một ý nghĩa thần bí ở châu Âu", cô nói. "Vỏ sên là biểu tượng của thế giới bóng tối. Chui ra khỏi vỏ là ánh sáng tưng bừng. Vì vậy khi nhìn thấy sên là người ta vô thức gõ lên vỏ dụ nó chui ra. Anh đã bao giờ làm thế chưa?"

"Chưa", tôi nói. "Em hiểu nhiều biết rộng nhỉ."

"Làm ở thư viện thì biết nhiều chuyện này chuyện nọ."

Tôi lấy bao Seven Stars trên bàn và bật diêm lấy từ quán bia. Sau đó tôi lại ngắm quần áo trên sàn nhà. Một tay áo sơ mi của tôi nằm vắt chéo trên đôi tất xanh xám của cô. Chiếc áo dài nhung trơn gập ở khúc eo một cách lạ mắt, bên cạnh nó là quần lót mỏng tang. Dây chuyền và đồng hồ bị cô ném lên sofa. Túi đeo vai da đen nằm trên cái bàn con góc phòng.

Những đồ cô cởi ra trông giống cô hơn chính cô. Và đồ của tôi giống tôi hơn chính tôi.

"Vì sao em trở thành thủ thư?", tôi hỏi cô.

"Vì em yêu thư viện", cô nói. "Yên tĩnh, nhiều sách, kiến thức tập trung. Em không thích làm việc ở một nhà băng hay công ty thương mại. Làm giáo viên thì tuyệt đối không."

Tôi thổi khói thuốc lên trần nhà và nhìn theo luồng khói một lát.

"Anh có muốn nhiều nữa về em không?", cô hỏi. "Nơi

sinh ở đâu, thời thơ ấu ra sao, học đại học nào, mất trinh bao giờ, thích màu gì - đại loại như thế."

"Không", tôi nói. "Bây giờ thì chưa muốn. Và không muốn biết tất cả cùng một lúc."

"Em muốn biết nhiều hơn về anh - mỗi ngày một chút."

"Anh lớn lên cạnh biển", tôi nói. "Sáng sớm sau các trận bão ở bờ biển có đủ thứ vương vãi do sóng cuốn đến. Em không thể hình dung hết những thứ đó đâu - chai lọ, guốc gỗ, mũ, bao kính, thậm chí cả ghế và bàn. Vì sao những thứ ấy được sóng cuốn vào, đó là một câu đố mãi mãi không có lời giải. Nhưng anh thích tìm chúng và mừng rỡ đợi từng cơn bão. Hình như sóng đã cuốn chúng từ các bãi biển khác và cuốn về chỗ anh." Tôi dụi thuốc trong gạt tàn và đặt cốc xuống bàn. "Những thứ được cuốn đến luôn sạch sẽ lạ lùng. Toàn đồ bỏ đi và vô dụng, nhưng sạch. Không bẩn thỉu khiến người ta ngại sờ tay vào. Biển là cái gì đó đặc biệt. Mỗi khi điểm lại cuộc đời mình, anh luôn nhớ đến rác bờ biển. Đời anh cũng giống thế. Anh thu lượm rác và làm sạch theo cách của mình - nhưng sau đó không sử dụng, mà sẽ chỉ vứt đi. Cho nó tan rữa ra."

"Anh làm việc ấy hồi ở quê nhà?"

"Anh làm việc đó cả đời, đi từ bãi biển này đến bãi biển khác. Anh biết những gì xảy ra trong thời gian qua, nhưng chỉ biết vậy thôi. Nó không liên quan gì đến hiện trạng của anh. Sạch sẽ nhưng vô dụng."

Cô đặt tay lên vai tôi rồi đứng dậy đi vào bếp. Cô lấy

chai rượu vang trong tủ lạnh, rót ra ly, đặt vào khay cạnh chai bia mới cho tôi và bưng vào phòng khách.

"Em yêu những phút trời tối trước bình minh", cô nói. "Có thể vì chúng sạch sẽ và vô dụng."

"Sắp qua rồi. Trời sẽ hửng, người ta đưa báo đến nhà, những chuyến tàu đầu tiên sắp chuyển bánh."

Cô rúc vào người tôi, kéo chăn đắp lên ngực và nhâm nhi ly vang. Tôi rót bia và cầm cốc ngắm cái đầu lâu còn vương chút ánh sáng trên bàn. Nó tỏa một ánh sáng nhàn nhạt vào chai bia, gạt tàn và bao diêm. Đầu cô tựa lên vai tôi.

"Vừa rồi, lúc em trong bếp đi ra, anh đã quan sát em."

"Sao nữa?"

"Em có đôi chân rất tuyệt vời."

"Anh thích à?"

"Thích vô cùng."

Cô đặt ly xuống và hôn vào sau tai tôi. "Em thích được khen lắm."

Lúc rạng đông thì đầu lâu cũng dần dần mất đi ánh sáng long lanh, tựa như bị mặt trời gột rửa. Giờ nó chỉ còn là một cục xương trắng nhẵn nhụi trên bàn. Chúng tôi ôm nhau trên ghế và quan sát ánh ban mai đẩy lùi bóng đêm đằng sau rèm cửa. Hơi thở nóng hổi của cô gái phả ướt lên vai tôi, vú cô nhỏ và mềm.

Cô uống nốt ngụm cuối cùng, co mình ngủ thiếp đi. Mặt trời làm hiện đường mái của nhà hàng xóm, chim chóc

bay đến vườn rồi bay đi. Có tiếng phát thanh viên trên ti vi. Tiếng ô tô khởi động ở đâu đó. Tôi không mệt nữa. Tôi không nhớ đã ngủ được bao lâu, nhưng sự mỏi mệt đã tan biến, và cũng không hề còn hơi rượu. Tôi nhẹ nhàng tách khỏi cô, vào bếp uống một cốc nước và hút thuốc. Sau đó tôi đóng cửa vào phòng khách và vặn khe khẽ radio trên bàn bếp. Nhạc trên sóng FM. Tôi chỉ thích nghe Bob Dylan, nhưng đài đang phát Roger Williams, bài *Autumn Leaves*. Đang mùa thu.

Căn bếp của cô rất giống nhà tôi. Bồn rửa, hút mùi, tủ lạnh có ngăn đá, máy nước nóng chạy ga. Cả diện tích, công năng lẫn số bát đĩa và máy móc làm bếp cũng tương tự. Nhưng cô dùng bếp điện thay vì bếp ga. Và một máy pha cà phê. Một bộ dao làm bếp phong phú, nhưng có lẽ nên mài lại cho sắc. Nói chung ít phụ nữ biết mài dao tử tế. Bát đĩa toàn loại chịu nhiệt bằng vật liệu Pyrex, chảo lau kỹ bằng dầu. Phễu lọc rác trong bồn rửa cũng sạch.

Tại sao tôi quan tâm đến bếp của cô, tôi cũng không rõ. Tôi hoàn toàn không định tọc mạch ở đây làm gì, đơn giản là nó đập vào mắt. Sau Roger Williams là dàn nhạc Frank Chacksfield chơi bài *Autumn in New York*. Tôi đứng trong ánh sáng mùa thu và ngắm chỗ nồi soong và các lọ gia vị trên giá. Nhà bếp như một thế giới riêng. Nghe như một câu của Shakespeare: thế giới là một nhà bếp.

Khi hết nhạc, một giọng nữ thông báo đã đến mùa thu. Cô nói đến mùi chiếc áo len đầu tiên mà người ta đem ra mặc vào đầu thu. John Updike đã từng miêu tả thần tình

mùi ấy trong tiểu thuyết đầu tay của ông. Bài tiếp theo là *Early Autumn* của Woody Herman. Đồng hồ trên bàn bếp chỉ 7 giờ 25. Thứ Hai, mùng 3 tháng Mười, 7 giờ 25. Bầu trời trải căng một màu thiên thanh trong trẻo và sâu lắng như được cắt bằng kiếm sắc. Một ngày không đến nỗi tệ để chấm dứt cuộc đời.

Tôi đun nước chần cà chua tìm được trong tủ lạnh, băm tỏi và rau làm nước xốt, trộn thêm xốt cà và đun xúc xích Alsace trong đó. Trong lúc nấu, tôi làm nộm bằng cải bắp và ớt rau, bật máy pha cà phê, vẩy nước lên bánh mì Pháp rồi cuốn giấy bạc cho vào lò nướng. Làm xong đồ ăn sáng, tôi thức cô thủ thư và dọn hết chai cốc trên bàn phòng khách.

"Thơm quá!", cô thốt lên.

"Anh mặc quần áo vào được không?". Tôi hỏi. Tôi không thích bạn gái mặc quần áo trước mình vì coi đó là điều xui xẻo. Gọi là một cử chỉ văn minh cũng được.

"Tất nhiên, tất nhiên!", cô nói và cởi T-Shirt. Ánh sáng ban mai vẽ một bóng mờ dưới vú và bụng cô, làm lớp lông măng ánh lên. Cô nhìn xuống người mình rồi nói: "Không tệ lắm anh nhỉ?"

"Hoàn toàn ngược lại ấy chứ", tôi nói.

"Không béo quá, không có nếp nhăn và ngấn bụng. Chưa có thì đúng hơn", cô nói. Cô chống tay lên sofa và nhìn tôi. "Nhưng rồi một ngày nào đó là hết, chấm hết. Như một sợi chỉ đứt. Và thế là hết. Nghĩ thế là em có thể phát khóc lên được."

"Ta ăn đi," tôi nói.

Cô sang phòng bên, mặc một chiếc áo thể thao vàng và quần bò cũ bạc phếch. Tôi xỏ chiếc quần vải lanh và sơ mi. Sau đó chúng tôi ngồi đối mặt nhau bên bàn bếp, ăn bánh mì, xúc xích, nộm, và uống cà phê.

"Anh luôn thạo ngay một nhà bếp lạ à?", cô hỏi.

"Bếp thì hầu như ở đâu cũng giống nhau", tôi nói. "Ở đó người ta nấu và ăn. Hầu như ở đâu cũng thế."

"Có khi nào anh ngán tình trạng độc thân?"

"Anh không biết. Anh chưa bao giờ nghĩ xem có thấy ngán hay không. Anh từng có vợ năm năm, nhưng bây giờ không nhớ ngày đó ra sao nữa, vẫn nghĩ là từ xưa đến nay sống một mình."

"Anh không muốn lập gia đình lần nữa?"

"Thế nào cũng xong", tôi nói. "Có gì khác nhau đâu. Như một cái cũi chó có lỗ chui ra và lỗ chui vào: vào lỗ nào và ra lỗ nào thì cũng thế cả."

Cô cười và lấy khăn giấy chấm xốt cà ở khóe miệng. "Lần đầu tiên em nghe thấy ví cuộc sống vợ chồng với cái cũi chó."

Ăn xong, tôi hâm lại cà phê và rót ra chén.

"Xốt cà chua ngon quá", cô nói.

"Lẽ ra còn ngon hơn nếu có thêm lá nguyệt quế và kinh giới dại", tôi nói. "Và đun xúc xích thêm mười phút nữa."

"Không sao, ngon lắm. Lâu lắm rồi em chưa được ăn sáng ngon như vậy", cô nói. "Hôm nay anh có kế hoạch gì?"

"Mình sẽ đi tới một công viên, nằm sưởi nắng và uống bia. Mười rưỡi anh sẽ cho em xuống xe ở chỗ nào em muốn và ra đi. Còn em, em định làm gì?"

"Em về nhà, giặt và dọn nhà và sau đó nghĩ đến chuyện làm tình. Nghe được đấy chứ?"

"Được đấy", tôi nói. Nghe được đấy.

"Anh đừng nghĩ là em dễ lên giường với ai."

"Anh biết", tôi nói.

Trong khi tôi rửa bát đĩa, cô đi tắm. Vừa tắm vừa hát. Tôi rửa bát đĩa bằng một chất thảo dược gì đó hầu như không gây bọt, lau khô và đặt lên bàn. Tôi rửa tay và đánh răng bằng bàn chải thấy trong bếp. Rồi tôi vào nhà tắm hỏi cô có dao cạo râu không.

"Anh xem trong ngăn tủ trên, bên phải. Chắc còn gì đó của chồng em."

Đúng là ở đó có một bình bọt cạo râu Gillette hương chanh và dao cạo râu Schick. Bình bọt còn nửa, ở đầu ngòi dính chút bọt trắng. Thần chết đã chừa lại nửa bình bọt cạo râu.

"Anh tìm được chưa?", cô hỏi.

"Thấy rồi", tôi nói và đem bọt, dao cạo và khăn vào bếp. Tôi đặt nước nóng để cạo râu. Sau đó tôi rửa sạch lưỡi dao cạo. Mấy cọng râu của tôi và cả của người chết trôi tuột qua phễu lọc.

Trong lúc cô thủ thư mặc quần áo, tôi nằm ra sofa đọc báo. Một tài xế taxi lên cơn đau tim trong khi đi xe và đâm phải cột cầu vượt - chết. Khách trên xe, một bà ba mươi hai

tuổi và cháu gái bốn tuổi, bị trọng thương. Căng tin của một hội đồng xã làm món ăn trưa bằng hàu rán bị ôi, hai người chết. Ngoại trưởng bày tỏ bất bình với chính sách lãi cao của Mỹ. Một nhóm chủ nhà băng Mỹ thẩm định lãi suất của các khoản cho Trung Mỹ và Nam Mỹ vay tín dụng. Bộ trưởng tài chính Peru phê phán Mỹ can thiệp kinh tế vào Nam Phi. Ngoại trưởng Tây Đức nhấn mạnh sự cần thiết phải cân bằng cán cân thương mại Đức-Nhật. Syria phản đối Israel, Israel phản đối Syria. Ngoài ra còn có tư vấn cho một ông bố bị đứa con trai mười tám tuổi của mình dọa đánh. Nói cách khác là trong báo không có chữ nào quan trọng với tôi trong những giờ cuối đời.

Cô thủ thư đứng chải tóc trước gương trong quần vải bông màu be và sơ mi ca rô nâu. Tôi thắt cà vạt và mặc áo vest.

"Cái đầu lâu để làm gì?", cô hỏi.

"Anh tặng em", tôi nói. "Đặt nó vào góc nào đấy."

"Để lên ti vi có hợp không?"

Tôi đặt cái đầu lâu đã hết phát sáng lên trên ti vi ở góc phòng.

"Được không?"

"Trông được đấy", tôi nói.

"Nó còn phát sáng lần nữa không?"

"Nhất định", tôi nói. Rồi tôi ôm cô, ghi nhớ kỹ hơi ấm của cô.

38

Chạy Trốn

Rạng sáng, ánh sáng từ đầu lâu ngày càng yếu đi, nhợt nhạt rồi tắt hẳn. Ánh bình minh xám tro xuyên thẳng qua ô cửa sổ nhỏ sát dưới trần nhà và bắt đầu chiếu sáng nhờ nhờ các bức tường. Ánh sáng đầu lâu ban nãy còn lấp lánh, nay kiệt sức dần. Lần lượt từng tia sáng cùng mọi ký ức nối nhau rút vào bóng đen sâu thẳm của đầu lâu.

Tôi lướt khẽ đầu ngón tay trên đầu lâu và để hơi ấm của chúng thấm vào người mình cho đến khi đốm sáng cuối cùng mất hẳn. Tôi hoàn toàn không đoán được đã đọc ra được mảnh nào của các tia sáng đó. Kết quả không thể tương xứng với lượng thời gian tôi bỏ ra. Nhưng tôi đã cố quên thời gian đi để chăm chú và cẩn thận nghiên cứu từng đầu lâu một. Bất cứ lúc nào tôi cũng cảm nhận được tâm hồn của cô ở đầu ngón tay một cách rõ rệt, quan trọng nhất là vậy chứ không phải vấn đề số lượng. Đằng nào cũng không thể "đọc ra" một cách thấu đáo tâm hồn con người,

cho dù người ta nỗ lực đến đâu. Tâm hồn cô đây rồi, ngay đây, ngay lúc này, và tôi có thể cảm thấy nó, nắm được nó. Còn mong gì hơn?

Đặt chiếc đầu lâu cuối cùng lên giá, tôi kiệt sức ngồi bệt xuống đất và tựa lưng vào tường. Ô cửa trên đầu tôi không cho phép nhận ra thời tiết bên ngoài, nhưng ánh sáng không hứa hẹn gì hơn là một trời mây đen. Ban mai ngầu đục tràn vào phòng như một chất lỏng mềm mềm. Những chiếc đầu lâu lại thiếp vào giấc ngủ sâu. Tôi nhắm mắt, để đầu óc nguội đi bởi hơi lạnh lúc bình minh. Áp tay lên má, tôi nhận ra ngón tay mình còn ấm rực bởi các tia sáng.

Tôi ngồi lì trong góc kho cho đến khi không gian im lặng và cái lạnh xoa dịu tâm hồn xốn xang của mình. Tôi đã mất cảm giác thời gian, vì cảm giác đó bị rời rã và mất định hướng. Nhưng dù tôi ngồi đây bao lâu thì ánh sáng nhợt nhạt chiếu qua ô cửa sổ cũng không hề thay đổi, các bóng đen không hề dịch chuyển. Tôi cảm thấy tâm hồn cô thủ thư xoay lộn trong mình, hòa trộn vào bản thể của mình, thâm nhập vào từng góc cạnh của mình. Sẽ còn nhiều thời gian trôi đi cho đến khi tôi nhận rõ hình ảnh tâm hồn cô. Và còn lâu hơn nữa cho đến khi tôi kể cho cô nghe về nó và nó nhập lại được vào người cô. Nhưng dù thời gian đó kéo dài bao lâu, và kết quả có kém hoàn hảo đến mấy - giờ tôi đã có thể lấy lại được tâm hồn cho cô. Thêm nữa, tôi tin chắc rằng cô sẽ dùng nội lực của mình để làm nó hoàn hảo.

Tôi đứng dậy rời khỏi kho. Cô thủ thư ngồi một mình

bên bàn phòng đọc và đợi tôi. Ánh sáng ban mai đùng đục khiến bóng cô mỏng manh và nhạt nhòa hơn mọi khi. Đêm qua quá dài đối với tôi, nhưng cũng đối với cô. Nhìn thấy tôi, cô lặng lẽ đứng dậy và đặt ấm lên lò. Trong khi đợi cà phê nóng lên, tôi rửa tay trong bồn ở phòng sau và lau khô. Rồi tôi ra ngồi sưởi trước lò lửa.

"Anh thế nào, mệt lắm không?", cô hỏi.

Tôi gật đầu. Tôi đã đọc mười hai tiếng liền không nghỉ, cả người tôi cứng như một khối đất sét, nhấc tay lên đã thấy khó khăn. Nhưng sự kiệt quệ ấy không chạm đến nổi tâm hồn tôi. Như cô thủ thư đã nói hôm đầu tiên khi tôi đến đọc mơ: dù cơ thể mệt mỏi đến đâu, người ta đừng khi nào được phép để sự mệt mỏi ấy xâm chiếm tâm hồn.

"Sao em không về nhà và nghỉ ngơi?", tôi nói. "Lẽ ra em không cần ở lại đây!"

Cô rót cà phê ra chén và đưa tôi. "Chừng nào anh ở đây thì em cũng ở lại đây."

"Đó là quy định à?"

"Vâng, quy định *của em*", cô mỉm cười. "Vả lại, những gì anh vừa đọc là tâm hồn *của em* mà. Em không thể cứ thế để tâm hồn vạ vật đâu đó và đi mất, phải không?"

Tôi gật đầu và uống cà phê. Kim đồng hồ cổ kính đứng trong góc chỉ 8 giờ 15. "Em làm ăn sáng nhé?"

"Anh không muốn ăn", tôi đáp.

"Nhưng từ hôm qua đến giờ anh không ăn gì!"

"Anh không đói. Anh muốn đi ngủ luôn. Em có thể ở lại đây cả buổi và thức anh lúc hai rưỡi không? Anh muốn

em canh giấc ngủ của anh. Em làm cho anh nhé?"

"Nếu anh muốn", cô nói, trên mặt vẫn thoáng một nụ cười.

"Anh không có ước vọng nào lớn hơn", tôi nói.

Cô lấy hai tấm mền từ phòng sau và cuộn quanh người tôi. Tóc cô chạm vào má tôi, hệt như ngày ấy. Tôi nhắm mắt lắng nghe tiếng than nổ tí tách. Tay cô đặt trên vai tôi.

"Khi nào hết mùa đông?", tôi hỏi cô.

"Em không biết", cô trả lời. "Không ai biết bao giờ hết mùa đông. Nhưng chắc không lâu nữa. Trận tuyết này hình như là trận cuối cùng."

Tôi vươn tay ra, chạm ngón tay lên má cô. Cô nhắm mắt tận hưởng hơi ấm.

"Đó là hơi ấm của em, ánh sáng của em, đúng không?"

"Em cảm thấy gì?"

"Như mặt trời mùa xuân", cô nói.

"Anh nghĩ là có thể kể cho em nghe về tâm hồn em", tôi nói. "Chắc sẽ mất rất nhiều thời gian, nhưng nếu em tin tưởng sắt đá thì một lúc nào đó anh sẽ truyền sang cho em được, nhất định."

"Em biết", cô nói.

Rồi cô khẽ áp tay lên mắt tôi. "Giờ thì ngủ đi."

Tôi thiếp đi.

Cô thức tôi đúng hai rưỡi. Tôi dậy, mặc măng tô, quấn khăn, đi găng và đội mũ lên. Suốt buổi cô không nói một lời, chỉ uống cà phê. Vì măng tô treo cạnh lò sưởi nên bây giờ rất khô và ấm.

"Em giữ hộ anh cây phong cầm nhé?", tôi nói.

Cô gật đầu, cầm cây đàn trên bàn lên và giữ nó một hồi trong tay như ước đoán trọng lượng rồi để lại chỗ cũ.

"Được. Em sẽ giữ nó cẩn thận như con ngươi mắt mình", cô gật đầu nói.

Vài bông tuyết lẻ tẻ vẫn rơi bên ngoài, gió đã lặng. Trận bão tuyết tối qua có vẻ như đã thả hết sức tung hoành, nhưng trên cao vẫn vương những đụn mây xám xịt, sứ giả của trận bão tuyết sắp tấn công thành phố. Sự yên tĩnh hiện tại chỉ là một quãng tạm lắng.

Vừa qua khỏi Cầu Đông đi về phía bắc thì tôi thấy khói xám bắt đầu bay lên phía bên ngoài tường thành - như mọi hôm vào giờ này. Thoạt tiên chỉ có vài sợi khói trắng mỏng manh bay lên như tình cờ, nhưng chẳng mấy chốc chúng đã biến thành quầng khói đen đặc từ thịt cháy. Vậy là ông gác cổng đang ở rừng táo. Tôi rảo bước tới trạm gác và ngạc nhiên nhìn những dấu chân lớn sắc gọn của mình để lại trên tuyết ngập đến sát đầu gối. Thành phố trải rộng yên bình và lặng lẽ, tựa như mọi tiếng động bị tuyết nuốt hết. Không một làn gió thổi, không một tiếng chim ca, chỉ có tiếng đinh đế ủng đi tuyết của tôi giẫm lên tuyết mới rơi gây tiếng vọng lạ tai.

Không khí trong trạm gác hôi ngạt thở, như mọi khi. Không thấy bóng ai. Lửa trong lò chắc mới tắt chưa lâu, không khí hãy còn vương hơi ấm. Trên mặt bàn vung vãi bát đĩa bẩn và tẩu thuốc của ông gác cổng. Bộ dao và rìu sáng

loáng treo ngay ngắn trên tường. Dù đã thấy khói bốc lên, tôi vẫn sợ ông gác cổng có thể lặng lẽ bước đến sau lưng bất cứ lúc nào và đập bàn tay hộ pháp lên vai tôi. Đầu óc tôi cuống lên, tựa như hàng trăm con dao, tẩu thuốc và những đồ vật khác trong phòng câm lặng trách cứ hành vi phản trắc của tôi.

Tôi với tay giật chùm chìa khóa trên tường, tuy vội vàng nhưng hết sức cố gắng không chạm phải những lưỡi dao sắc như nước. Sau đó tôi cầm chìa khóa chạy qua cửa sau đến trại giam bóng. Ngoài gốc cây du già đen thui nhô lên, trước mắt tôi tất cả trắng tinh khôi, không một dấu giày. Trong một thoáng, tôi cảm thấy mảnh đất này như một thánh địa mà tôi không được đạp lên làm vấy bẩn. Mọi thứ như được sắp xếp tề chỉnh, như nằm trong không khí hòa bình, như chìm trong giấc ngủ khoan khoái của lương tâm thanh thản. Gió tạo trên mặt tuyết những họa tiết tuyệt đẹp. Vài cành cây du đã rũ bỏ sức nặng trắng đè lên và khoan khoái vươn cành cong lên trời. Không có gì lay động. Tuyết hầu như đã ngừng rơi hoàn toàn, chỉ đôi khi có tiếng gió rì rào thổi qua khu đất. Tôi có cảm giác là *chúng* sẽ không bao giờ quên tôi giẫm đạp lên giấc ngủ ngắn và thanh bình ấy.

Bây giờ không có đường quay lại nữa, không có thì giờ để lưỡng lự. Với ngón tay tê cứng vì lạnh tôi rút phăng chùm chìa khóa và lần lượt đút từng chìa khóa to tướng vào ổ. Không chìa nào vừa. Tôi toát mồ hôi lạnh. Tôi cố nhớ lại xem ông gác cổng mở thế nào. Ông ta có đúng bốn chìa

khóa như tôi đang cầm trong tay. Không nghi ngờ gì. Hồi đó tôi đã đếm kỹ. Một trong bốn chiếc phải vừa.

Tôi đút chìa khóa vào túi măng tô và xoa tay cho ấm rồi lần lượt thử lần nữa. Chiếc thứ ba cắm ngập dễ dàng vào ổ. Chìa khóa xoay. Một tiếng khô khốc vang lên. Giữa bãi đất không người, tiếng kim khí lạnh lẽo xuyên đến tận tủy tôi. Có lẽ cả thành phố nghe thấy. Tôi đứng sững như hóa đá và lắng nghe, tay vẫn cầm chìa khóa cắm trong ổ - nhưng không có ai động đậy. Không nghe tiếng ai gọi hay bước chân. Tôi đẩy cánh cửa sắt ra một khe, luồn qua đó và để cửa đóng lại thật khẽ.

Lớp tuyết trong trại giam bóng mềm như bông, ngập hết chân tôi. Tiếng chân giẫm tuyết vang lên, nghe như một sinh vật khổng lồ đang từ từ nghiền nát con mồi giữa hàm răng. Tôi đi qua bãi đất, tránh ghế băng phủ đầy tuyết, để lại phía sau dấu vết một sinh vật hai chân tạo thành vệt thẳng. Những cành cây du nhìn xuống tôi một cách đe dọa. Tiếng kêu chói tai của một con chim từ đâu đó chọc vào tai tôi.

Trong lều lạnh hơn ngoài sân. Máu tôi đông lại trong huyết quản. Tôi nhấc tấm ván và trèo thang xuống.

Bóng ngồi đợi tôi trên giường.

"Tôi tưởng cậu không đến nữa!", nó nói, thở hơi trắng xóa.

"Tôi đã hứa, đúng không? Và hứa là làm", tôi nói. "Nào, ta biến thôi. Không chịu nổi mùi hôi ở đây!"

"Tôi không leo lên thang được nữa", bóng than thở.

"Tôi vừa thử nhưng không xong. Có vẻ như tôi yếu hơn mình tưởng. Quả là trớ trêu. Suốt thời gian tôi diễn trò ốm yếu để rồi cuối cùng không nhận ra mình yếu đến mức này. Cái lạnh đêm qua đã là giọt cuối cùng là tràn ly..."

"Tôi cõng cậu lên."

Bóng lắc đầu. "Chẳng có ích gì đâu, vì sau đó tôi cũng có đi nổi bước nào nữa đâu. Tôi không đủ sức đến chỗ trốn nữa rồi. Hết rồi, hết thật rồi!"

"Cậu khởi đầu toàn bộ vụ này! Cậu không được phép buông tay vào phút cuối cùng!", tôi nói. "Tôi sẽ vác cậu trên vai. Bất kể chuyện gì xảy ra, cậu sẽ ra khỏi đây và sống tiếp!"

Bóng nhìn tôi, cặp mắt chìm trong hố sâu hoắm. "Nếu cậu nói thế thì... nhất định tôi sẽ đi cùng", nó nói. "Nhưng phải vác tôi chạy trên tuyết thì cậu sẽ mệt lắm đấy, nói cho cậu biết!"

Tôi gật đầu. "Tôi đâu có định làm một cuộc đi dạo!"

Tôi kéo bóng lên cầu thang như một bao tải sũng nước, vác lên vai và đưa qua sân. Bên phải là bức tường thành đen, cao vút và lạnh lẽo, nó câm lặng dõi theo dấu chân tôi. Một cành cây du không chịu nổi lượng tuyết đè lên nữa, thả tảng tuyết rơi xuống. Tôi thấy cành cây run rẩy vút ngược lên.

"Tôi hầu như không còn cảm giác ở chân nữa", bóng nói. "Tôi đã quyết tâm giữ gìn sức khỏe trong khi giả ốm để không bị suy nhược, nhưng căn phòng quá nhỏ không tập tành được."

Tôi lôi bóng xềnh xệch qua cửa sắt ra trạm gác. Tôi cẩn thận treo chùm chìa khóa trả lại chỗ cũ. Có thể - nếu chúng tôi gặp may - ông gác cổng sẽ không nhận ra ngay là chúng tôi đã trốn.

"Bây giờ đi hướng nào?", tôi hỏi bóng đang run rẩy trước lò sưởi đã nguội tanh.

"Hướng Nam, đến hồ nước", nó nói.

"Đến hồ nước?", bất giác tôi nhắc lại. "Có gì ở đó?"

"Có hồ, tất nhiên, còn có gì nữa? Ta nhảy xuống hồ và trốn. Vào mùa này thì chắc chắn ta sẽ bị cảm lạnh, nhưng trong hoàn cảnh này khó có lựa chọn nào dễ chịu hơn."

"Có khác gì tự sát? Ở đó nhiều xoáy nước mạnh, mình sẽ bị kéo xuống tận đáy hồ."

Bóng ho và run cầm cập. "Không đúng. Chỉ có một đường thoát khỏi thành phố này. Tôi đã nghiên cứu kỹ vấn đề này và ước tính mọi khả năng. Đường trốn của ta là hồ nước ở phía Nam! Không thể có đường nào khác. Dĩ nhiên là cậu có lý do để lo ngại, nhưng hãy tin tôi và để tôi quyết định, lần này nữa thôi. Trong vụ này tôi liều mạng sống của mình, vậy thì tôi sẽ không làm gì thiếu suy nghĩ đâu. Dọc đường tôi sẽ giải thích cho cậu rõ hơn. Một tiếng hay tiếng rưỡi nữa lão gác cổng sẽ quay về. Lão sẽ nhanh chóng phát hiện ra vụ đào tẩu này và theo chân mình ngay. Ta không được phép chần chừ nữa!"

Trước trạm canh không một bóng người. Trên mặt tuyết chỉ có hai vết chân: vết của tôi đi đến và của ông gác cổng rời trạm canh đi về phía cổng. Ngoài ra còn vết xe cút

kít của ông ta. Tôi lại xóc bóng lên lưng. Nó gầy đi nhiều và do đó không nặng lắm, tuy nhiên vẫn là một trở lực lớn cho tôi, nhất là trên đoạn đường lên đồi. Tôi chưa thể lượng sức có đi được hết chặng đường xa ấy không, nhất là khi cơ thể tôi đã quen trạng thái nhẹ nhàng không bóng rồi. "Đến hồ còn khá xa. Ta phải đi qua sườn phía đông của Đồi Tây, sau đó vòng quanh Đồi Nam và cuối cùng là đoạn đường mọc đầy bụi rậm."

"Cậu có nghĩ là ta sẽ làm được không?"

"Ta đi đến chặng này rồi, giờ phải cố lên thôi", tôi đáp.

Vậy là chúng tôi lên đường về hướng Đông, xuyên qua băng tuyết. Những dấu chân mà tôi để lại trên đường tới đây còn rất rõ. Chúng gây cho tôi cảm giác đang đi ngang qua cái Tôi của ngày xưa. Ngoài dấu chân tôi chỉ còn thấy những vết móng nho nhỏ của thú một sừng. Tôi quay lại nhìn. Phía bên kia tường thành cột khói to và xám xịt vẫn bốc lên thẳng tắp, trông như một ngôi đền màu tro của sự bất hạnh có chóp nhọn bị khuất đi trong mây. Nhìn độ lớn của nó mà đoán ra ông gác cổng hôm nay phải đốt rất nhiều xác thú.

Lượng tuyết đổ xuống đêm qua đã giết chết nhiều súc vật như chưa từng xảy ra. Chắc chắn sẽ còn mất nhiều thời gian nữa để đốt hết núi xác chết, đối với chúng tôi điều đó có nghĩa là được thêm khá nhiều thời gian trước khi ông gác cổng bắt đầu truy đuổi. Tôi hình dung là bầy thú muốn ủng hộ chúng tôi chạy trốn bằng cái chết thầm lặng của chúng.

Mặt khác thì tuyết dày cũng cản trở tôi. Tuyết đóng

cứng giữa các đinh để ủng và hóa băng, chân tôi nặng như chì, và tôi trượt ngã nhiều lần. Trong thâm tâm, tôi hối hận vì đã không nghĩ đến việc kiếm giày đi tuyết, ván trượt hay những thứ tương tự. Ở một vùng lắm tuyết như thế này, nhất định dễ kiếm những trang bị kiểu ấy. Trong kho của trạm gác chắc chắn có, vì ông gác cổng cất trăm thứ chổi cùn rế rách vào đó. Nhưng giờ thì tôi không thể quay lại túp lều nữa rồi. Cầu Tây đã hiện trước mặt, quay lại sẽ mất nhiều thì giờ. Người tôi mỗi lúc một nóng bừng lên, mồ hôi chảy ướt đầm trán.

Bóng theo sau tôi, quay lại nhìn và nói: "Dấu chân sẽ làm lộ hướng đi của ta!"

Tôi vừa lội tuyết vừa tưởng tượng ra cảnh bị ông gác cổng bám đuôi. Ông sẽ phi theo sau chúng tôi trên tuyết như một con quỷ thực thụ. Ông ta khỏe hơn tôi nhiều, không so sánh được, và không phải cõng bóng. Ngoài ra tôi cũng không nghi ngờ là ông có thiết bị tử tế để chuyển động dễ dàng trên tuyết. Mỗi bước đi được trước khi ông ta quay về túp lều đều quý giá, không thì hỏng hết mọi việc!

Trước mắt tôi hiện ra hình ảnh cô thủ thư. Cô ngồi trước lò sưởi trong phòng đọc và đợi tôi. Cây phong cầm nhỏ nằm trên bàn, than cháy đỏ trong lò, ấm cà phê phả khói. Tôi nhớ ra cảm giác được tóc cô chạm vào má, được tay cô đặt lên vai. Không, tôi không thể để bóng mình chết ở đây! Nếu tóm được nó, ông gác cổng sẽ quẳng lại nó xuống nhà hầm, ở đó thần chết đang vui mừng đón đợi. Tôi cố dồn hết sức lực đặt từng bước chân. Phải, trái, phải, trái

- và liên tục ngoái cổ lại nhìn để vững dạ rằng khói xám vẫn đang bốc lên bên ngoài tường thành.

Chúng tôi gặp vài con thú trên đường. Chúng u mê giữa tuyết dày và vô vọng kiếm thức ăn. Với cặp mắt xanh sâu thẳm chúng nhìn tôi cõng bóng trên lưng đi ngang qua và thở luồng hơi trắng xóa. Tựa như chúng biết rất rõ chúng tôi là ai và đang làm gì.

Đến đoạn lên dốc thì tôi mệt đứt hơi. Bắt đầu cảm thấy rõ trọng lượng của bóng. Chân tôi như chôn chặt trong tuyết. Nói cho đúng là lâu lắm rồi tôi không tập thể thao. Hơi thở trắng xóa của tôi ngày càng đặc hơn. Những bông tuyết vừa bắt đầu rơi làm mắt cay sè.

"Vẫn ổn cả chứ?", bóng hỏi sau lưng tôi. "Cậu có cần nghỉ một chút không?"

"Chỉ năm phút thôi, xin lỗi, năm phút nữa là tôi lại hồi sức."

"Không sao, cậu đừng lo. Tôi không đi được - đó là lỗi tôi. Cậu nghỉ bao lâu tùy thích. Trời ạ, có vẻ như tôi toàn ra lệnh cho cậu!"

"Nhưng tôi làm việc này cũng vì tôi nữa", tôi nói. "Hay không phải?"

"Cậu nên tin như vậy", bóng nói.

Tôi thả bóng xuống, lăn ra tuyết và hớp không khí. Người tôi nóng hừng hực, thậm chí không còn nhận ra tuyết lạnh. Chân tôi cứng đơ, sờ thấy như hai cột đá nối từ hông xuống ngón chân.

"Đôi khi tôi cũng thấy nghi ngờ", bóng nói. "Ví dụ

như cậu có thể hài lòng và hạnh phúc ở đây nếu tôi cứ lẳng lặng đem hết mọi chuyện xuống mồ."

"Ừ, có thể thế đấy", tôi nói. "Nhưng tôi không hối hận đã biết mọi chuyện. Tôi *bắt buộc* phải biết những gì cậu vừa nói."

Bóng gật đầu, ngó lên cột khói xám bốc từ rừng táo: "Có vẻ như lão gác cổng còn mất nhiều thời gian nữa để đốt xác súc vật. Ta sắp lên hết đoạn dốc rồi. Nếu đi vòng qua được chân Đồi Nam thì ta sẽ tạm an toàn, vì lão gác cổng không đuổi kịp mình được nữa." Bóng cầm một nắm tuyết mềm lên tay và thả nó chảy qua kẽ tay. "Ban đầu chỉ là một dạng linh cảm, khi tôi nghĩ đến lối thoát bí mật ra khỏi thành phố này. Nhưng dần dà nó đã thành một niềm tin vững chắc. Vì sao? Vì đây là một thành phố hoàn hảo. Và sự hoàn hảo đòi hỏi phải có hết mọi khả năng có thể. Nói cho đúng thì đây không phải là một thành phố, mà là một dòng chảy, là cả một vũ trụ. Thành phố cung cấp mọi khả năng, biến đổi diện mạo mình từng phút và qua đó gìn giữ được sự hoàn hảo của mình. Nghĩa là ở thế giới này sự hoàn hảo không phải một trạng huống cứng nhắc, mà là một quá trình tuần tự, một chuyển động. Vậy nếu tôi muốn tìm đường trốn thì sẽ có đường trốn! Cậu hiểu ý tôi chứ?"

"Rất hiểu!", tôi nói. "Hôm qua tôi cũng ngộ ra rằng ở đây có mọi thứ và chẳng có gì."

Bóng vẫn ngồi trên tuyết và nhìn tôi một hồi lâu. Nó không nói một lời, chỉ gật đầu mấy lần liền. Tuyết lại bắt đầu rơi mạnh hơn. Hình như thành phố lại đón một trận

bão tuyết nữa.

"Một khi đã giả thiết có một đường thoát ra, ta chỉ việc loại trừ những vị trí vô căn cứ", bóng nói tiếp. "Vị trí cần loại trừ đầu tiên là cổng thành. Cứ cho là ta chạy được qua cổng thì cũng bị lão gác cổng tóm lại trong nháy mắt. Lão ta thuộc từng cành cây ngọn cỏ ở vùng này! Vả lại tất cả những ai muốn trốn đều nhắm đến cổng thành. Vậy đường ra không thể ở một vị trí mà người ta nghĩ ngay ra. Tường thành cần được loại trừ nốt. Cửa Đông cũng vậy, ở đây không con kiến nào chui lọt; dòng sông bị chắn bởi một lưới sắt kiên cố, không sao qua nổi. Vậy chỉ còn lại hồ nước phía Nam. Chúng mình sẽ cùng nhau rời thành phố theo đường sông."

"Cậu có thật chắc chắn không?"

"Tuyệt đối chắc chắn. Có gì khó đoán đâu! Mọi lối ra đều bị phong tỏa kín bưng, chỉ có hồ là họ không thèm đoái hoài đến. Thậm chí không rào quanh. Cậu có thấy kỳ không? Họ chỉ xây quanh hồ một *hàng rào bằng nỗi sợ.* Vượt được nỗi sợ đó là mình chiến thắng thành phố."

"Cậu nghĩ được như thế từ khi nào?"

"Khi tôi lần đầu tiên thấy sông. Có lần lão gác cổng cho tôi đi cùng, tới gần Cầu Tây. Tôi thấy sông và nghĩ bụng, chẳng thấy gì độc ác ở con sông này cả, ngược lại, dòng nước tưng bừng sinh lực. Tôi nghĩ, nếu ta lần theo dòng sông, nếu ta trao mình cho nó thì nó sẽ đưa ta ra khỏi thành phố, quay trở về với thế giới của cuộc sống đích thực. Cậu có dám tin những gì tôi nói không?"

"Có", tôi nói. "Tôi có thể tin lời cậu. Có thể dòng sông sẽ đưa ta đến đó. Quay lại với thế giới mà ta từng bỏ lại sau lưng. Giờ này tôi liên tục nhớ ra thêm các chi tiết từ thế giới ấy. Nhớ không khí, tiếng động, ánh sáng - nhớ mọi thứ. Một bài hát đã trả lại cho tôi các ký ức ấy."

"Tôi không dám nói với cậu là thế giới ấy tuyệt vời như vậy, tôi cũng không biết ra sao", bóng nói. "Nhưng ít nhất thì đó cũng là thế giới dành cho chúng mình. Một thế giới với những cái tốt và xấu, và cả những cái không tốt mà cũng chẳng xấu. Cậu sinh ra ở đó, và cậu sẽ chết ở đó. Khi cậu chết thì tôi cũng biến mất. Đó là điều tự nhiên nhất trên thế giới."

"Có thể cậu có lý", tôi nói.

Hai chúng tôi cùng nhìn xuống thành phố lần nữa. Tháp đồng hồ, sông, cầu, tường thành, khói - tất cả biến mất trong bão tuyết. Chỉ còn nhìn thấy mỗi một bức tường tuyết khổng lồ, trông hệt như một thác nước từ trên trời đổ ầm ầm xuống đất.

"Ta đi thôi, hay cậu chưa lại sức?", bóng hỏi. "Thời tiết này có thể lão gác cổng sẽ chấm dứt đốt xác thú sớm hơn và quay về nhà."

Tôi gật đầu, nhỏm dậy và phủi tuyết trên mũ xuống.

39

Bỏng Ngô, Lord Jim, Xóa Sổ

Trên đường tới công viên tôi dừng tại một cửa hiệu tiện dụng và mua bia lon. Tôi hỏi cô thủ thư thích bia gì, và cô bảo loại gì cũng thế, cốt là có bọt và vị bia. Tôi cũng có quan điểm tương tự. Trên đầu chúng tôi là bầu trời mùa thu xanh trong không một gợn mây như vừa được bàn tay Chúa tạo ra, và tháng Mười mới bắt đầu - có cớ gì để câu nệ hỏi tìm loại bia cơ chứ, cốt là có bọt và vị bia.

Tiền thì tôi dư, nhưng họ chỉ có loại bia nhập khẩu duy nhất là Miller High Life. Tôi mua sáu lon. Chúng lấp lánh như được ánh nắng mạ vàng. Thời tiết lý tưởng để nghe Duke Ellington. Dĩ nhiên là nghe Duke Ellington trong buổi liên hoan giao thừa hay ở Nam Cực đều được.

Tôi đi tiếp và huýt sáo theo điệu kèn trombon của Lawrence Brown độc tấu bài *Do Nothin' Till You Hear From Me.* Sau đó là Johnny Hodges độc tấu trong *Sofisticated Lady.*

Tôi đỗ xe cạnh công viên Hibiya. Chúng tôi nằm ra

cỏ và uống bia. Công viên sáng sớm thứ Hai yên ắng và vắng người như một tàu khu trục sau khi phi cơ đã bay đi hết. Chỉ vài con bồ câu đi lại trên thảm cỏ như khởi động cho ấm.

"Không có mây", tôi nói.

"Phía kia có mây kìa", cô chỉ tay về phía trên tòa nhà Hibiya. Một vệt mây, đúng thế. Nó treo trên đầu cành cây long não. Trắng như một nắm bông.

"Bé xíu", tôi nói. "Không đáng kể."

Cô che tay trên mắt để ngắm đám mây kỹ hơn.

"Ừ, kể cũng bé thật", cô nói.

Chúng tôi im lặng ngắm vệt mây một lúc lâu, sau đó mở lon bia thứ hai.

"Vì sao anh ly hôn?", cô hỏi.

"Vì khi đi tàu cô ấy không khi nào cho anh ngồi cạnh cửa sổ."

Cô cười. "Thật thế sao?"

"Thật thế. Mùa hè cách đây năm, sáu năm, cô ta đi khỏi nhà. Và không quay về nữa. Thế thôi."

"Anh không bao giờ gặp lại cô ấy?"

"Không", tôi nói và đưa lon bia lên miệng uống một ngụm lớn. "Và cũng chẳng có lý do gì."

"Anh và cô ấy không hợp nhau?"

"Có, thậm chí rất hợp nhau", tôi vừa nói vừa ngắm lon bia. "Nhưng đó không phải là điểm cơ bản. Hai con người có thể ngủ cùng một giường, nhưng nhắm mắt lại là họ lại cô đơn. Em có hiểu ý anh không?"

"Em nghĩ là có."

"Nói chung không thể phân loại con người thành loại này hay loại kia, nhưng anh tin là có thể phân loại tầm nhìn, mơ ước và tưởng tượng của họ. Về cơ bản có hai loại người với tầm nhìn toàn diện và có giới hạn. Anh thiên về loại người thứ hai. Vấn đề không phải là giới hạn đó ở đâu, mà người ta phải vẽ ra được đường giới hạn đó. Không phải ai cũng chia sẻ quan niệm của anh."

"Ngay cả khi quan niệm như anh thì người ta vẫn có thể nỗ lực mở rộng giới hạn đó ra chứ?"

"Có thể. Anh thì không. Có nhất thiết phải nghe nhạc nổi không? Chẳng lẽ âm nhạc chỉ có thể là âm nhạc nếu nghe thấy tiếng vi ô lông bên trái và công tơ bát bên phải? Như thế chẳng khác gì phức tạp hóa phương tiện nhằm tạo ra một tưởng tượng nhàm chán."

"Quan điểm của anh có hơi cực đoan quá không?"

"Cô ấy cũng hay nói thế."

"Ai cơ? Vợ anh?"

"Ừ. Rành rẽ và cứng nhắc. Em uống bia không?"

"Cảm ơn", cô nói.

Tôi giật nắp lon Miller thứ tư và đưa cô.

"Anh tự đánh giá mình thế nào?", cô hỏi. Cô không uống, chỉ nhìn xoáy vào lỗ hổng trên nắp lon.

"Em đã đọc *Anh em nhà Karamazov* chưa?"

"Em đọc rồi, cách đây lâu lắm."

"Em nên đọc lần nữa đi. Nhiều điều trong đó lắm. Ở đoạn gần cuối Alyosha nói với một sinh viên trẻ tên là Kolya

Krasotkin: 'Nghe này Kolya, tương lai của cậu rồi sẽ không ra gì đâu, nhưng nói chung cậu có một cuộc sống hạnh phúc.'" Tôi uống cạn lon bia thứ hai, lưỡng lự một chút trước khi mở lon thứ ba và nói tiếp: "Alyosha là người biết đủ thứ. Nhưng khi đọc câu đó lần đầu tiên, anh cứ ngờ ngợ: làm sao có thể có cuộc sống hạnh phúc với một tương lai không ra gì?"

"Vì thế anh đã vẽ giới hạn khá hẹp cho cuộc đời mình?"

"Có thể", tôi nói. "Lẽ ra người ta nên đập chết anh trên xe buýt bằng cái bình sắt, thay cho chồng em. Một cái chết hợp với anh. Trực tiếp, không dây dưa, ngắn gọn. Và không có thì giờ suy nghĩ."

Tôi ngước nhìn về phía vệt mây ban nãy. Nó không còn đó. Lấp sau tán cây long não.

"Em có được vào thế giới hạn hẹp của anh không?", cô hỏi.

"Ai cũng vào được, và ai cũng bỏ đi được", tôi nói. "Đó là ưu điểm của những thế giới hạn hẹp. Nhưng khi bước vào xin bỏ giày, và khi ra nhớ đóng cửa. Ai cũng tuân thủ quy định đó."

Cô cười, đứng dậy phủi cỏ dính trên quần. "Đi thôi! Sắp đến giờ rồi, đúng không?"

Tôi nhìn đồng hồ: 10 giờ 22.

"Anh đưa em về nhà", tôi nói.

"Không, anh kệ em", cô nói. "Em còn đi mua vài thứ rồi đi tàu điện ngầm về nhà thì hơn."

"Được, vậy ta chia tay ở đây. Anh ở lại một lát nữa, anh thích ở đây."

"Cảm ơn anh tặng bấm móng tay."

"Không có gì", tôi nói.

"Khi nào quay về, anh gọi điện cho em nhé?"

"Anh sẽ đến thư viện", tôi nói. "Anh thích quan sát người ta làm việc."

"Tạm biệt!", cô nói.

Như Joseph Cotton trong *The Third Man* tôi ngắm theo khi cô bước trên lối đi thẳng tắp ra khỏi công viên. Khi cô khuất sau dãy cây, tôi quan sát lũ bồ câu. Mỗi con có một kiểu đi riêng đặc biệt. Một lát sau, một bà dẫn con gái nhỏ đến rắc bỏng ngô, tất cả bồ câu gần chỗ tôi nằm bay túa đến ăn. Đứa nhỏ chừng ba, bốn tuổi. Như mọi bé gái ở tuổi này, nó dang tay chạy đến với lũ bồ câu để ôm chúng. Tất nhiên bồ câu không chịu bị bắt, chúng có một cuộc sống nho nhỏ riêng biệt. Bà mẹ ăn mặc sang trọng chỉ thoáng nhìn một lần về phía tôi rồi quay hẳn đi. Ai nằm ngoài bãi cỏ công viên vào sáng sớm thứ Hai bên cạnh năm lon bia rỗng ắt không phải người tử tế.

Tôi nhắm mắt, cố nhớ ra tên của anh em nhà Karamazov. Mitya, Ivan, Alyosha - và đứa con ngoại hôn Smerdyakov. Có bao nhiêu người ở Tokyo thuộc lòng cả bốn tên đó?

Nhìn trời, tôi thấy mình như một con thuyền nhỏ lênh đênh trên đại dương mênh mông. Không gió, không

sóng, chỉ mình tôi lênh đênh. Một con thuyền lênh đênh trên đại dương có gì đó đặc biệt, Joseph Conrad từng nói ở đoạn tả đắm tàu trong cuốn *Lord Jim*. Trời cao trong xanh như một ý tưởng vượt lên mọi ngờ vực của nhân gian. Từ mặt đất nơi tôi nằm bầu trời hiện lên như tinh hoa của mọi sự sống. Biển cũng vậy. Khi ngắm biển mấy ngày liền, người ta tin rằng thế giới không có gì ngoài biển. Có lẽ Conrad cũng nghĩ hệt như tôi. Một chiếc thuyền bé nhỏ bị ném vào mênh mông biển cả và tách khỏi con tàu hư cấu có gì đó đặc biệt, không ai tránh được.

Tôi nằm trên thảm cỏ uống nốt lon bia cuối cùng, hút một điếu thuốc và chấm dứt các suy tưởng văn học. Đã đến lúc nghĩ đến những điều thực tế hơn. Còn một giờ và vài phút nữa thôi.

Tôi đứng dậy, đem mấy lon bia rỗng ra thùng rác. Rồi tôi lấy thẻ tín dụng từ ví ra đốt trong gạt tàn. Bà mẹ sang trọng và con gái lại thoáng nhìn về phía tôi. Một người tử tế không đốt thẻ tín dụng của mình ở công viên vào sáng thứ Hai. Đầu tiên tôi đốt thẻ American Express, sau đó đến thẻ Visa. Lửa bập bùng nhảy nhót. Tôi nghĩ có nên đốt luôn chiếc cà vạt Paul Stuart nhưng lại từ bỏ ý định đó. Gây chú ý quá mức, mà cũng chẳng cần thiết phải đốt cà vạt.

Xong việc, tôi ra ki ốt mua mười túi bỏng ngô. Tôi rắc chín túi xuống đất cho bồ câu, túi còn lại tôi đem ra ghế băng ngồi ăn. Lũ bồ câu xúm đen xúm đỏ quanh đống bỏng ngô như diễn viên quần chúng trong phim kỷ niệm Cách

mạng tháng Mười. Tôi ăn cùng chúng. Lâu ngày không ăn bỏng ngô, ngon thật.

Bà mẹ sang trọng và con gái xem giếng phun. Chắc bà trạc tuổi tôi. Bà làm tôi nhớ đến một cô bạn cùng lớp đã lấy ông chồng làm cách mạng, đẻ hai đứa con rồi biến mất tăm. Cô ta không còn dịp vào công viên chơi với con nữa. Tất nhiên tôi không rõ cảm xúc của cô ta, nhưng có lẽ tối thiểu tôi giống cô đôi chút ở điểm sắp chấm dứt cuộc đời. Chắc cô ta sẽ phủ nhận bất kỳ sự trùng hợp nào đó với tôi. Hai chúng tôi không gặp nhau đã hai chục năm, hai chục năm là khoảng thời gian đủ để xảy ra khối chuyện. Môi trường của chúng tôi khác nhau, và chúng tôi tư duy khác nhau. Cả hai chúng tôi chia tay với cuộc sống của mình, nhưng khác tôi lúc này, cô ta làm việc đó một cách tự nguyện. Còn tôi thì bị người ta giật mất tấm trải giường trong lúc ngủ.

Nhất định cô ta sẽ phê phán tôi vì chuyện đó. Cậu có được chọn gì đâu cơ chứ - cô sẽ hỏi. Và thế là đúng. Tôi đã không được chọn. Tôi đã không được quyết định làm gì một cách tự nguyện. Cùng lắm là tôi được chọn một điều duy nhất, đó là tha lỗi cho ông giáo sư và không ngủ với cô cháu gái của ông. Nhưng nào có ích gì cho tôi? Liệu cô ta có vì thế mà thừa nhận tôi đã hoàn tất vai trò của mình trong việc xóa sổ cuộc đời?

Tôi không biết. Giữa hai chúng tôi là cái hố hai chục năm. Cô ta sẽ thừa nhận hay không thừa nhận gì vì lý do gì, điều đó vượt ngoài sức tưởng tượng của tôi. Còn trong sức tưởng tượng của tôi hầu như không còn gì nữa. Chỉ có

chim câu, giếng phun, thảm cỏ, một bà mẹ cùng con gái. Tuy nhiên khi nhìn hình ảnh ấy, lần đầu tiên trong những ngày vừa qua tôi thấy không muốn từ biệt thế giới *này*. Tôi nhổ toẹt vào bất cứ thế giới nào tôi sắp đến. Cứ cho là trong ba mươi lăm năm qua tôi đã dùng hết chín mươi ba phần trăm quãng đời đẹp nhất của mình, được thôi, cớ gì tôi không muốn bám lấy bảy phần trăm còn lại và theo dõi tiến trình của thế giới này? Tại sao, tôi không biết, tôi chỉ cảm thấy đó là nghĩa vụ của mình. Ở thời điểm nào đó tôi đã bắt đầu làm hỏng cuộc đời mình, công nhận thế, nhưng lần nào cũng có lý do nào đó. Tôi đã hành động như không thể khác, kể cả khi không ai hiểu nổi.

Nhưng tôi đâu muốn từ bỏ cuộc đời bị làm hỏng này, đâu muốn vứt nó vào đống rác? Tôi có nghĩa vụ sống đến hết đời. Nếu nói khác thì nghĩa là tôi không chân thật với chính mình. Không, tôi không được phép vứt cuộc đời này đi.

Nếu việc xóa sổ cuộc đời tôi không làm ai buồn, nếu không khoảng trống nào xuất hiện trong tim ai, nếu chẳng người nào để ý thấy thiếu tôi trên thế giới này - mặc xác tôi. Đúng, tôi đã mất mát nhiều, quá nhiều. Chắc rằng giờ đây tôi chả còn gì nữa để mất - ngoài chính tôi. Nhưng hào quang sót lại của những gì tôi đã đánh mất vẫn nóng đỏ trong tôi, nó là lý do khiến tôi sống tiếp cuộc đời của mình.

Không, tôi không muốn đi khỏi thế giới này. Nhắm mắt lại là tôi cảm nhận được rõ rệt sự dao động và bấp bênh của tâm hồn. Không buồn bã, không cô đơn, mà là những

chuyển động sóng mạnh mẽ đã thúc cuộc sống của tôi chuyển động. Từng đợt sóng nối nhau tràn đến. Tôi dựa vào lưng ghế băng, chống cùi tay cưỡng lại. Không ai đến hỗ trợ tôi. Không ai cứu nổi tôi. Hệt như tôi chưa khi nào cứu được ai.

Tôi chỉ muốn khóc nức thật to lên, nhưng tôi không được phép khóc. Để chảy nước mắt thì tôi đã quá già và đã quá từng trải. Có một nỗi buồn mà không ai khóc được. Nỗi buồn ấy không giải thích được cho ai, và nếu biết cách giải thích cũng không ai hiểu nổi. Một nỗi buồn không thể chuyển qua dạng khác, nó chỉ nhẹ nhàng phủ lên tâm hồn như tuyết rơi trong một đêm lặng gió.

Hồi còn trẻ tôi đã cố diễn tả nỗi buồn ấy bằng lời. Nhưng dù có tìm ra bao nhiêu câu chữ thì tôi cũng không chia sẻ được với ai, ngay cả với chính mình, cuối cùng tôi bỏ cuộc. Tôi đóng ngôn ngữ của mình lại. Tôi đóng tim mình lại. Nỗi buồn sâu thẳm thậm chí không tìm được cả nước mắt.

Tôi định hút một điếu thuốc, nhưng bao thuốc đâu mất. Trong túi chỉ còn bao diêm với ba que diêm. Tôi đánh từng que một và vứt xuống đất.

Khi tôi nhắm mắt lần nữa, các đợt sóng biến mất. Chỉ có im lặng dịu dàng lơ lửng như bụi trong đầu tôi. Tôi giữ làn bụi ấy một lúc lâu. Nó không bay lên, cũng không chìm xuống. Nó chỉ lơ lửng. Tôi chúm môi hít hơi vào, nhưng bụi không lay động. Không gió bão nào của thế giới này cuốn được nó lên cả.

Rồi tôi nhớ đến cô thủ thư vừa chia tay ban nãy. Nhớ chiếc áo dài nhung trơn, đôi tất và quần lót của cô nằm trên thảm. Chúng còn nằm ở đó nữa không, nằm trông như chính chủ nhân của chúng? Tôi có thành thật với cô không? Không, không hẳn. Nhưng ai cần sự thành thật? Không ai! Không ai ngoài tôi! Nhưng cuộc sống còn ý nghĩa gì nếu thiếu thành thật? Tôi yêu cô như yêu quần áo cô bị vứt xuống sàn nhà. Hay đó là kiểu thành thật của tôi?

Thành thật là một trong những khái niệm chỉ được hiểu trong một thế giới hạn hẹp. Tuy vậy nó bao trùm tất thảy. Bao trùm lên những con sên, cửa hàng kim khí, đời sống vợ chồng. Không ai cần nó, nhưng với tôi nó là cái duy nhất mà tôi cho được. Xét về mặt này, sự thành thật giống như tình yêu. Cái ta cho đi không giống cái người khác cần.

Biết đâu, tôi nên ăn năn cuộc đời mình. Cũng là một dạng thành thật. Nhưng tôi không có gì để ăn năn. Nếu có gì bay sượt qua tôi như làn gió thì chỉ vì tôi muốn thế. Sót lại chỉ còn là làn bụi trắng trong đầu tôi.

Tôi mua thuốc lá và diêm ở ki ốt và thử gọi điện lần nữa về nhà. Tôi không tính đến chuyện có người nhấc máy, mà chỉ thấy gọi về nhà mình như hành vi cuối cùng là một ý tưởng thú vị. Trước mắt tôi hiện rõ chiếc máy điện thoại đổ chuông. Không ngờ, sau hồi chuông thứ ba có người nhấc máy. Và nói: "A lô?" Cô gái mũm mĩm màu hồng.

"Cô vẫn ở đó à?", tôi giật mình hỏi.

"Chứ sao nữa?", cô béo nói. "Tôi lại quay về rồi. Tôi không muốn mất nhiều thì giờ. Tôi định đọc hết cuốn sách."

"Cuốn của Balzac?"

"Vâng. Tiểu thuyết này thực sự thú vị. Người ta cảm thấy gì đó như quyền lực của số phận."

"Sao nữa?", tôi hỏi. "Cô đã đưa được ông ra chưa?"

"Tất nhiên. Rất đơn giản. Nước rút xuống rồi, còn tôi quá thuộc đường. Ngoài ra tôi còn cẩn thận mua vé tàu điện ngầm nữa. Ông tôi khỏe và gửi lời chào ông."

"Cảm ơn", tôi nói. "Bây giờ ông có kế hoạch gì?"

"Ông tôi đi Phần Lan rồi. Ở Nhật Bản ông tôi không có điều kiện tập trung nghiên cứu, nhiều rắc rối quá. Ông tôi xây phòng thí nghiệm ở Turku, một vị trí đẹp và dễ chịu, có nhiều tuần lộc."

"Còn cô? Sao cô không đi cùng?"

"Tôi đã quyết định ở lại đây, ở nhà ông."

"Ở nhà tôi?"

"Vâng, tại sao không? Tôi thích ở đây lắm. Tôi sẽ cho sửa cửa, mua tủ lạnh, đầu video và các thứ khác. Hỏng hết cả. Ông có đồng ý tôi mua chăn gối hồng và lắp rèm cửa hồng không?"

"Xin mời."

"Ngoài ra tôi sẽ đặt mua báo dài hạn. Để xem lịch truyền ti vi."

"Cứ việc", tôi nói. "Nhưng ở căn hộ này nguy hiểm đấy. Có thể người của Hệ thống mò đến. Hoặc tụi ký hiệu sư."

"Không vấn đề gì", cô nói. "Bọn chúng săn đuổi ông tôi và ông, tôi không dính dáng gì. Vừa rồi có một bọn ngớ ngẩn ló đầu vào đây. Một thằng hộ pháp và một thằng còi cọc. Tôi tống chúng nó đi rồi."

"Cô làm thế nào?"

"Tôi bắn thằng lớn bay một tai, chắc nó sẽ rách cả màng nhĩ."

"Không có ai chạy đến vì có tiếng súng à?"

"Không", cô nói. "Một tiếng súng thì nghe như tiếng động cơ ô tô nổ hụt. Nếu bắn nhiều thì dĩ nhiên không ổn, nhưng tôi biết trình độ mình, một phát là đủ."

"Chịu thật."

"À, tôi dự định sẽ ướp lạnh sâu người ông sau khi ông bị mất ý thức hệ. Ông nghĩ sao?"

"Tùy cô muốn làm gì thì làm. Đằng nào tôi cũng có biết gì nữa đâu", tôi nói. "Tôi sẽ đi ra cảng, bến Harumi, cô có thể đến nhặt tôi ở đó về. Tôi đi một chiếc xe Carina 1800 GT Twin-Cam Turbo trắng. Tôi không rõ đời xe nào, nhưng trong xe chạy cát xét của Bob Dylan."

"Bob Dylan là ai?"

"Là một người hát như đứa trẻ đứng bên cửa sổ xem mưa…", tôi định miêu tả cho cô nghe nhưng lại thôi. "Một ca sĩ giọng khàn."

"Nếu tôi ướp lạnh sâu người ông, có thể rồi ông tôi sẽ phát minh ra phương pháp đánh thức ông dậy. Ông không nên hy vọng quá nhiều, nhưng khả năng này không phải không tưởng."

"Ai không có ý thức, người ấy cũng không hy vọng", tôi khẳng định. "Ai ướp lạnh tôi? Chẳng lẽ cô?"

"Đừng sợ, ướp lạnh sâu là chuyên môn của tôi. Tôi đã thí nghiệm ướp chó và mèo sống. Tôi ướp lạnh ông và giấu vào một nơi không ai tìm được", cô nói. "Nếu mọi chuyện suôn sẻ và ông có lại ý thức hệ, ông sẽ ngủ với tôi nhé?"

"Nhất định", tôi nói. "Nếu lúc đó cô còn muốn ngủ với tôi."

"Ông sẽ làm thật?"

"Với mọi trò cần thiết", tôi nói. "Nhưng ai biết còn bao nhiêu năm nữa mới xảy ra."

"Muốn gì thì tôi cũng sẽ không còn mười bảy tuổi nữa", cô nói.

"Ai chẳng già đi", tôi nói, "kể cả những người ướp lạnh sâu."

"Ông cẩn trọng nhé!", cô nói.

"Cô cũng thế!", tôi nói. "Nói chuyện lần nữa với cô khiến tôi rất hài lòng."

"Vì khả năng quay lại thế giới này à? Không chắc lắm đâu, người ta phải..."

"Không, không vì thế. Tất nhiên nếu được thì tốt. Nhưng ý tôi không thế. Tôi chỉ rất hạnh phúc khi được nói chuyện với cô lần nữa. Nghe giọng cô nói. Và biết cô làm gì."

"Ông muốn nói nữa không?"

"Không, đủ rồi. Tôi cũng không còn nhiều thì giờ lắm."

"Ông đừng sợ", cô gái mũm mĩm nói. "Nếu ông vĩnh viễn mất đi, tôi sẽ nhớ ông suốt đời. Trong tim tôi ông không mất đi. Xin ông đừng quên điều đó!"

"Tôi không quên đâu", tôi nói và cúp máy.

Mười một giờ. Tôi tìm nhà vệ sinh gần đó để đái rồi rời khỏi công viên. Tôi nổ máy đi về hướng cảng, đầu vẩn vơ toàn chuyện ướp lạnh sâu. Trên đường Ginza đông đặc đàn ông thắt cà vạt. Khi đỗ ở đèn hiệu giao thông, tôi ngó nghiêng tìm cô thủ thư đang mua hàng ở đâu đây, nhưng tiếc thay, không thấy cô đâu cả. Chỉ toàn những khuôn mặt lạ.

Đến cảng, tôi đỗ xe cạnh một nhà kho bỏ hoang, châm một điếu thuốc và đút cát xét Bob Dylan vào. Tôi ngả lưng ghế xuống, gác chân lên vô lăng và hít thở nhẹ. Tôi cũng muốn uống một ngụm bia nhưng không còn, ở công viên tôi và cô thủ thư đã uống hết cả sáu lon. Mặt trời chiếu qua kính chắn gió và bọc tôi vào quầng sáng. Tôi nhắm mắt lại, cảm thấy nắng ấm trên mi mắt. Nghĩ đến quãng đường dài mà tia nắng đi qua để xuống đến hành tinh nhỏ bé này rồi mất một ít sức lực nhằm sưởi ấm mi mắt tôi, tôi thấy xúc động kỳ lạ. Trong vũ trụ cái gì cũng được nhớ đến, cả những chi tiết nhỏ xíu như mi mắt tôi. Tôi đã hiểu được Alyosha Karamazov hơn một chút chăng? Cuộc sống hạn hẹp được chia cho một hạnh phúc hạn hẹp.

Tôi ban phước lành cho ông giáo sư, đứa cháu gái mũm mĩm của ông và cô thủ thư. Tôi không rõ mình có quyền ấy không, nhưng nói cho cùng chẳng việc gì phải sợ

bị chịu trách nhiệm: đời tôi sắp bị xóa sổ. Anh lái taxi mê Police và nhạc Reggae cũng được tôi cho vào danh sách ban phước lành: anh đã cho chúng tôi, hai hình nhân bẩn thỉu, lên xe. Không có lý gì không ban phước lành cho anh. Có lẽ anh đang vòng vèo đâu đó, vừa lái xe vừa nghe nhạc Rock và ngó nghiêng tìm khách trẻ tuổi.

Trước mặt tôi là biển. Tôi thấy một tàu chở hàng cũ kỹ đã dỡ hàng, vạch ngấn nước nổi cao hẳn. Đây đó những con hải âu trông như mấy chấm trắng. Bob Dylan hát *Blowing in the Wind.* Tôi nghe Bob và nghĩ đến sên, bấm móng tay, cá trứng, nước xốt bơ, bọt cạo râu. Thế giới đầy những phát giác màu nhiệm.

Mặt trời đầu thu lóng lánh đung đưa trên mặt biển, tựa như ai đó đập tan một tấm gương khổng lồ thành vô vàn mảnh tí xíu, khiến không người nào chắp lại được nữa.

Giọng hát Bob Dylan nhắc tôi nhớ đến cô gái ở trạm thuê xe. Phải rồi, cô cũng là người được tôi đưa vào danh sách ban phước lành. Cô đã gây một ấn tượng rất dễ mến. Tôi đâu có thể bỏ quên cô được.

Tôi nhớ lại diện mạo cô. Cô mặc áo vest xanh nhạt như màu cỏ sân bóng chày vào đầu mùa bóng, sơ mi trắng và khăn cổ đen. Hình như đó là đồng phục của công ty cho thuê ô tô. Vì hiếm ai kết hợp áo vest xanh nhạt với khăn quàng đen. Cô nghe các bài ngày xưa của Bob Dylan và nghĩ đến mưa.

Tôi cũng tưởng tượng ra trời mưa. Mưa bụi, khó biết trời đang mưa hay không. Nhưng đúng là mưa. Mưa rơi

xuống sên, hàng rào, đàn bò. Không ai chặn được mưa. Không ai trốn nổi mưa. Mưa luôn rơi một cách công bằng.

Cuối cùng, mưa trùm lên ý thức tôi như một tấm rèm trắng đục, mờ ảo.

Giấc ngủ đến.

Đó là lúc tôi nhận lại những gì bị mất, tôi nghĩ bụng. Tôi đánh mất chúng, nhưng chúng không mất đi đâu cả. Tôi nhắm mắt và thả mình đắm vào giấc ngủ sâu. Bob Dylan hát đi hát lại *A Hard Rain's A-Gonna Fall.*

40

Cánh Chim

Tuyết rơi dày khiến tôi ngạt thở khi hai chúng tôi đến bờ hồ phía Nam. Tựa như bầu trời vỡ tan thành từng mảnh và rơi xuống đầu chúng tôi. Những khối trắng xóa rơi xuống hồ và bị mặt nước xanh lam kỳ bí lặng lẽ nuốt chửng. Trên mặt đất phủ đầy tuyết trắng, hồ nước là một lỗ tròn hiện lên như đồng tử của một con mắt khổng lồ.

Bóng tôi và tôi đứng đờ ra trong tuyết như hóa đá và im lặng nhìn cảnh tượng ấy một lúc lâu. Như lần tôi ở đây, hôm nay cũng có thể nghe thấy âm thanh kinh rợn của nước, song lần này còn trầm đục hơn, nghe như tiếng gầm của động đất xa xa. Tôi nhìn lên cao. Bầu trời hạ quá thấp. Tôi nhìn về phía bức tường thành ở phía Nam. Dường như bức tường đen đang chập chờn bồng bềnh sau màn tuyết. Nó chẳng còn làm tôi lo lắng nữa. Trước mắt tôi giờ đây không còn gì khác ngoài một sa mạc băng giá, xứng với cái tên TẬN CÙNG THẾ GIỚI.

"Đường trốn của chúng mình đây rồi. Tôi hoàn toàn chắc chắn", bóng nói. "Bây giờ thành phố không còn giam giữ mình được nữa rồi. Ta sẽ tự do, tự do như bầy chim!" Nó ngửa mặt lên trời, nhắm mắt và để tuyết rơi xuống mặt như nắng hạn đón mưa rào. "Thời tiết tuyệt vời! Trời xanh thẳm, và gió mát hây hẩy", nó nói và cười.

Tựa như vừa rũ được xiềng xích, sức sống trong nó dần dần thức dậy. Tuy còn phải khó nhọc kéo lê đôi chân, nhưng nó đã tự đi được đến cạnh tôi. "Tôi cảm nhận rất rõ!", bóng nói. "Ngoài kia, phía bên kia hồ là một thế giới khác. Cậu làm sao thế? Vẫn sợ chưa dám nhảy xuống nước à?"

Tôi lắc đầu.

Bóng ngồi xuống đất và cởi dây thắt ủng. "Nếu đứng đây một lúc nữa là mình sẽ chết cóng! Nào, ta nhảy xuống đi! Cởi giày ra! Mình buộc hai đầu chót thắt lưng của mình vào nhau để không rời nhau ra trước khi ra đến ngoài kia. Có ích gì khi một trong hai lạc mất."

Tôi bỏ chiếc mũ mượn của ông đại tá xuống, phủi sạch tuyết và ngắm kỹ. Mũ đã mòn sứt nhiều chỗ và bạc phếch. Chắc ông ta đã đội nó cả chục năm nay. Tôi đập lần nữa cho hết tuyết rồi đội lên.

"Tôi muốn ở lại đây", tôi nói.

Bóng nhìn tôi chòng chọc với ánh mắt thất thần.

"Tôi đã suy nghĩ kỹ rồi", tôi nói. "Xin lỗi cậu, nhưng đó là quyết định mà tôi đã tìm ra cho mình sau khi suy nghĩ nát óc. Tôi biết ở lại đây một mình sẽ ra sao. Và tôi cũng

hiểu rõ rằng trong hoàn cảnh này thì cùng cậu quay về thế giới cũ là hành động hợp lẽ nhất. Tôi biết thế giới đích thực ấy đang chờ đón tôi, và quyết định không quay về là sai. Nhưng đơn giản là tôi không thể rời khỏi đây."

Bóng lắc đầu quầy quậy, tay thọc vào túi.

"Nhưng vì sao? Chẳng phải cậu đã hứa sẽ cùng tôi biến khỏi đây hay sao? Chỉ vì thế mà tôi đã chuẩn bị từng li từng tí cuộc chạy trốn này, chỉ vì thế mà cậu cõng tôi trên vai đến tận đây! Vì sao cậu quay ngoắt một trăm tám mươi độ? Vì cô ấy chứ gì?"

"Tất nhiên, đó cũng là một phần", tôi nói. "Nhưng không phải tất cả. Tôi đã phát hiện được một điều, vì vậy tôi quyết định ở lại."

Bóng thở dài. Rồi nó ngẩng mặt lên lần nữa. "Cậu đã tìm được tâm hồn cô ấy, đúng không? Cậu đã quyết định chung sống với cô ấy trong rừng, và cậu bỏ rơi tôi vì mục đích ấy, đúng không?"

"Tôi nhắc lại lần nữa: không chỉ vì cô ấy", tôi nói. "Tôi đã phát hiện ra ai là người thực sự tạo ra thành phố này. Do đó nghĩa vụ và trách nhiệm của tôi là ở lại đây! Cậu không muốn biết người đó là ai sao?"

"Không, tôi không cần biết", bóng nói. "Vì tôi đã biết từ lâu. Tôi biết ngay từ đầu, chính cậu là người tạo ra thành phố này. Cậu làm ra hết mọi thứ. Bức tường, dòng sông, khu rừng, thư viện, cổng thành, mùa đông - tất cả, từ A đến Z. Cả hồ nước này và tuyết. Nếu đó là điều cậu định nói ra thì tôi biết tỏng từ lâu."

"Sao cậu không nói với tôi sớm hơn?"

"Vì nếu thế thì cậu sẽ quyết định ở lại đây sớm hơn, chẳng đúng thế sao!? Còn tôi thì muốn cậu thoát khỏi đây bằng được! Thế giới của cậu ở kia, ở ngoài kia kìa!" Bóng gieo mình xuống tuyết và lắc đầu. "Nhưng giờ đây khi cậu đã phát hiện ra mọi chuyện thì cậu đâu còn nghe tôi nữa, phải không?"

"Tôi phải gánh trách nhiệm đó", tôi nói. "Tôi không thể kệ thây những con người và cái thành phố do tôi tạo ra và cứ thế ra đi. Tôi biết đã phạm một lỗi khủng khiếp với cậu, thực vậy, và tôi khó lòng rời cậu ra. Nhưng tôi phải chịu trách nhiệm cho những gì mình đã làm. Thế giới của tôi là đây. Bức tường quây chặt lấy *tôi*, sông chảy xuyên qua *tôi*, và khói bốc lên khi thịt *tôi* bốc cháy. Tôi biết mình phải làm gì."

Bóng đứng dậy, mắt đăm đắm nhìn mặt hồ lặng sóng. Nó đứng im phăng phắc trong mưa tuyết. Không ai thốt lên một lời. Chỉ hơi thở của chúng tôi phả ra trắng xóa rồi tan vào không trung.

"Tôi biết, tôi không thể ngăn cậu nữa rồi", bóng nói. "Nhưng cuộc sống trong rừng sẽ khốn khó hơn cậu tưởng nhiều. Trong rừng không có gì, thực sự không có gì giống ngoài thành phố. Cậu sẽ phải làm việc cật lực để đủ sống, mùa đông sẽ khắc nghiệt và dài lê thê. Một khi đã bước vào rừng là cậu không thể quay lại được nữa. Cậu sẽ phải ở đó vĩnh viễn!"

"Tôi đã suy nghĩ điều đó rất lâu."

"Và không hề thay đổi ý định, đúng không?"

"Không", tôi nói. "Tôi sẽ không bao giờ quên cậu. Mỗi ngày trong rừng tôi sẽ nhớ thêm một ít về thế giới cũ. Tôi sẽ phải phục hồi lại hàng núi ký ức. Sẽ nhớ đến mọi người, mọi địa điểm, mọi ánh sáng khác nhau, mọi bài ca."

Bóng chắp tay trước bụng, vặn vẹo hai tay rồi lại thả ra, lặp đi lặp lại một hồi. Những bông tuyết rơi xuống làm cho hình nó lung linh bất định. Bóng khẽ nghiêng đầu, tưa như lắng nghe âm thanh phát ra từ đôi bàn tay vặn veo.

"Đã đến lúc tôi phải đi", bóng nói. "Biết phải xa nhau mãi mãi là một cảm xúc kỳ lạ. Tôi không biết phải nói gì. Đơn giản là tôi không biết nói lời chia tay nào cho thích hợp."

Tôi ngả mũ xuống, đập cho sạch tuyết rồi lại đội lên.

"Tôi chúc cậu hạnh phúc", bóng nói. "Tôi đã rất yêu cậu, kể cả khi quên đi rằng tôi từng là bóng cậu."

"Cảm ơn", tôi nói.

Tôi nhìn mãi chỗ mặt nước vừa nuốt chửng bóng tôi mà không gợn lấy một vòng. Mặt hồ xanh và im lìm như mắt những con thú. Tôi đã mất bóng - cảm giác ấy giống như nỗi cô đơn bị bỏ mặc ở một chốn hẻo lánh giữa vũ trụ. Bây giờ tôi không thể đi đến đâu và cũng chẳng có thể quay trở lại nơi nào. Đây là nơi tận cùng thế giới, từ đây không có đường nào đi đến bất cứ đâu. Đây là nơi thế giới trút hơi thở cuối cùng và đứng im.

Tôi quay lưng lại hồ nước và lên đường, xuyên qua băng tuyết về hướng Đồi Tây. Phía sau Đồi Tây là thành

phố, là dòng sông, là thư viện nơi cô gái và cây phong cầm đang đợi tôi.

Trong bão tuyết mịt mù tôi thấy một cánh chim trắng bay về phương Nam. Nó bay vượt qua tường thành rồi biến mất trong mây vần vũ. Giờ chỉ còn mình tôi với tiếng chân bước trên tuyết.

Mục lục

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
65 Nguyễn Du - Hà Nội
Tel & Fax: 38222135
E-mail: nxbhoinhavan@hn.vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản
TRUNG TRUNG ĐỈNH

Chịu trách nhiệm bản thảo
PHẠM SÔNG HỒNG

* Biên tập: NGUYỄN THỊ ANH THƯ
* Biên tập viên Nhã Nam: KIỀU VÂN
* Thiết kế bìa: ĐỖ HỮU CHÍ
* Trình bày: KIM LIÊN
* Sửa bản in: XUÂN MINH

Liên kết xuất bản và phát hành:

CÔNG TY VĂN HÓA & TRUYỀN THÔNG NHÃ NAM
1B/IF1, Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: 04.5146875 - Fax: 04.5146965
website: www.nhanam.vn
Email: nhanambook@vnn.vn

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh
Nhà 015 Lô B chung cư 43 Hồ Văn Huê,
Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08.8479853
Email: nhanamhcm@hcm.fpt.vn

In 2.000 cuốn, khổ 14 x 20.5cm tại Công ty In Tiến Bộ. Căn cứ trên số đăng ký kế hoạch xuất bản: 795-2009/CXB/04-49/HNV và quyết định xuất bản số 732/QĐ-NXB HNV của Nhà xuất bản Hội Nhà Văn ngày 19.10.2009. In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2010.

Sao vầng dương còn chói sáng?
Chim chóc vẫn ca vang?
Chúng không hay thế giới sắp lụi tàn?

"The End of the World", *nhạc và lời:* **Sylvia Dee/Arthur Kent**

Một tác phẩm khoa học giả tưởng, truyện trinh thám và bản tuyên ngôn của chủ nghĩa hậu hiện đại kết hợp trong cuốn tiểu thuyết dung lượng đồ sộ. **Murakami** *đã hợp nhất Đông-Tây, bi-hài, sự thờ ơ và lòng trắc ẩn, ngôn ngữ lóng thông tục và các tư tưởng triết học siêu hình trong câu chuyện đặc sắc về toán sư 35 tuổi ly hôn trong hành trình đi xuống thế giới ngầm mang màu sắc Kafka dưới lòng Tokyo hiện đại. Kết quả là* ***Xứ sở diệu kỳ tàn bạo và chốn tận cùng thế giới*** *với những tưởng tượng sáng tạo phóng túng và một trạng thái lắng đọng sâu xa của tâm thức, góp phần tạo nên thành công lớn làm gia tăng đáng kể lượng độc giả của* **Haruki Murakami** *trên toàn thế giới.*

Tiểu thuyết ***Xứ sở diệu kỳ tàn bạo và chốn tận cùng thế giới*** *được trao* ***Giải thưởng Văn học Tanizaki*** *uy tín của Nhật Bản năm 1985.*





